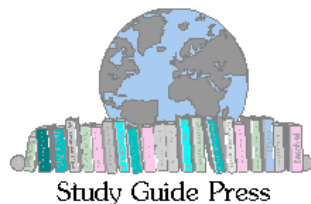


SÁCH GIẢI NGHĨA
SÁCH CÔNG VỤ
CỦA
CÁC SỬ ĐỒ

TẬP 1
CÁC CHƯƠNG 1-14



All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from
Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)
Copyright © 2002 by Arms of Hope
Used by permission. All rights reserved.

First Edition
Explanations of Acts, Volume 1 (of 2)
Chapter 1-14
[Vietnamese]

Copyright © 2002 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác	GT-4
Hướng Dẫn Cách Sử Dụng Bộ Sách Giải Nghĩa	HD-5
Giới thiệu sách Công Vụ của Các Sứ Đồ	1
Dàn bài và tóm tắt của sách Công Vụ của Các Sứ Đồ	3
Các Lời Giải Nghĩa của sách Công Vụ Các Sứ Đồ (các chương 1-14)	7

CÁC CHỮ TẮT VÀ NHỮNG HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

Các bản dịch KT:

BCG	<i>Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo.)</i> 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph
BDM	<i>Kinh Thánh (Bản Dịch Mới.)</i> 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn ý.)</i> 1994. International Bibles Society.
NIV	<i>New International Version.</i> 1973, 1978, 1984. Grand Rapids: Zondervan.
RSV	<i>Revised Standard Version.</i> 2nd edition 1971. New York: American Bible Society.
TEV	<i>Today's English Version (Good News Bible).</i> 2nd edition 1 992. American Bible Society.

Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CƯ	Cựu Ước
TƯ	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCD	Phân Kinh Thánh Cần Dịch
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

- 8a phần đầu của câu 8
- 8b phần thứ hai của câu 8
- 8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

- ... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi ngữ cảnh để thêm chỗ trống.
- Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).
- [] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ một vài hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ nên cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

Mục Lục

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7

Các Phần Của Sách Giải Nghĩa

Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn	HD-17

Sơ Lược

Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none">• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.
----------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Các phần của câu	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <table><tr><td>1:4a</td><td>Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</td></tr><tr><td>1:4b</td><td>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</td></tr></table>	1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em	1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.
1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em				
1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.				

Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ căn chuyển ngữ . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để chuyển ngữ sang trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phần kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa

Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

Phần Giới Thiệu Của Sách Giải Nghĩa

Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phần đoạn chính của sách.

Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

Lời Giải Nghĩa

Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cựu, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

4:2b

Chúa Cứu Thế Giê-su: Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên (BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các đọc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các đọc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng đọc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, đọc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với đọc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo**3:2b**

nhưng phải tỏ sự hòa nhã: Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

-HAY-

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

Phân Đoạn

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

Chủ Đề của Phân Đoạn

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

Tiểu đoạn

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

Các Đoạn Văn

Sách Giải Nghĩa chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

1:38b *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*
Rồi thiên sứ biến đi.

Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

18:10a **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**
(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con
được,

Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

16:6 **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**
Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu
Á.

16:6A-B *(ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)*

16:6b *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*
Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,
nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.

-HAY-

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

16:6a *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [] được dùng trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ, tiếp theo

Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ *-HAY-* xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

1:1b *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm
-HAY-
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.

Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

1:6b *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

Cách sắp đặt Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

1:1a *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dẫn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	HÃY ĐỌC tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc bản dịch đó.
2	HÃY NGHIÊN CỨU ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn. • Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau. • So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có. • Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá. • Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.
3	HÃY SUY NGHĨ về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu. • Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó. • Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.
4	HÃY GHI xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn. • Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống. • Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.
5	HÃY ĐỌC bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không? • Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.

Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là:
*Tìm một từ **diễn đạt đúng ý nghĩa** của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
 - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
-

Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

Điều gì có ích? Điều gì không có ích?

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

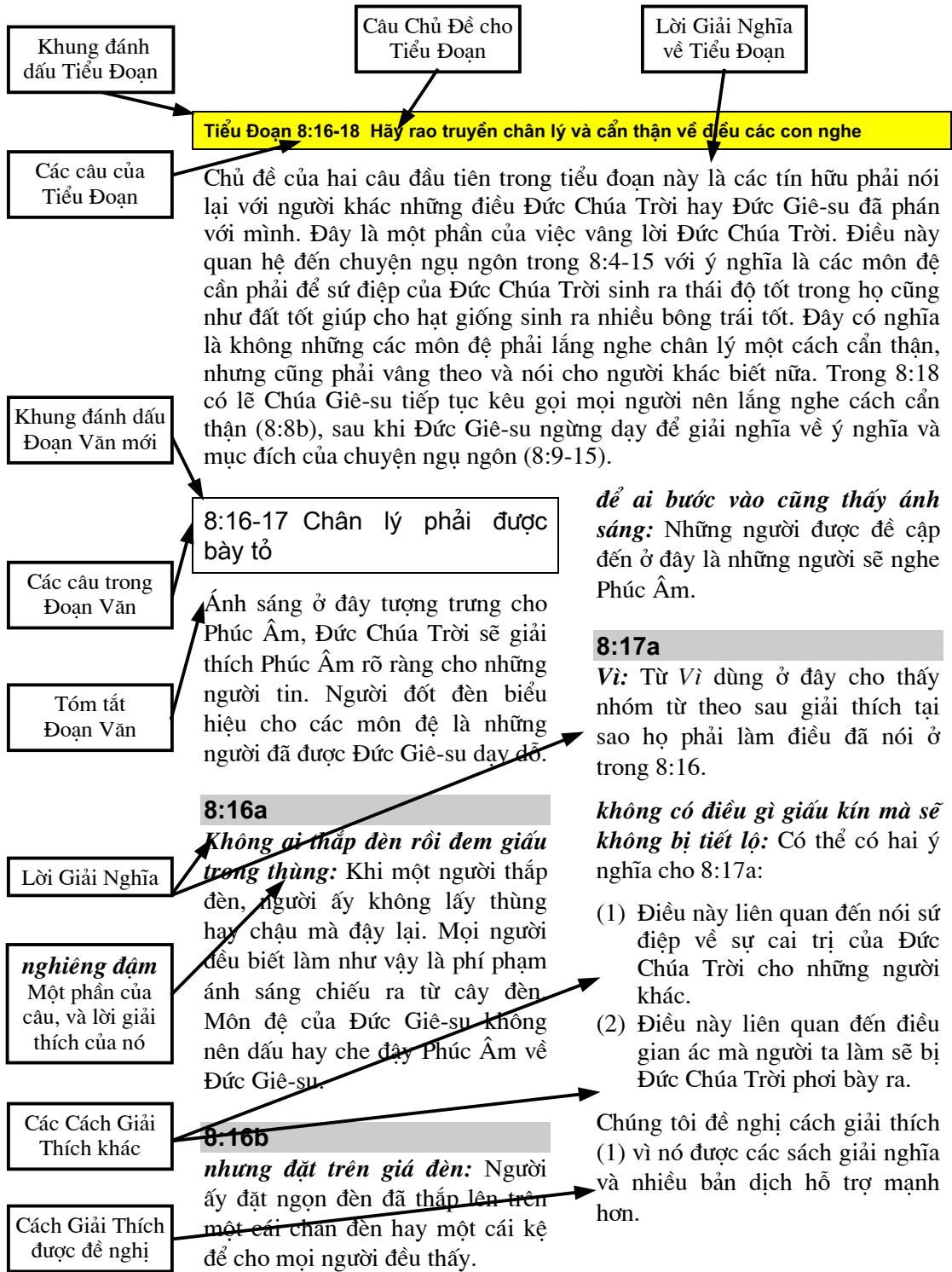
- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
 - (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.
- Chúng tôi cần bạn góp ý!

Người đón nhận ý kiến:

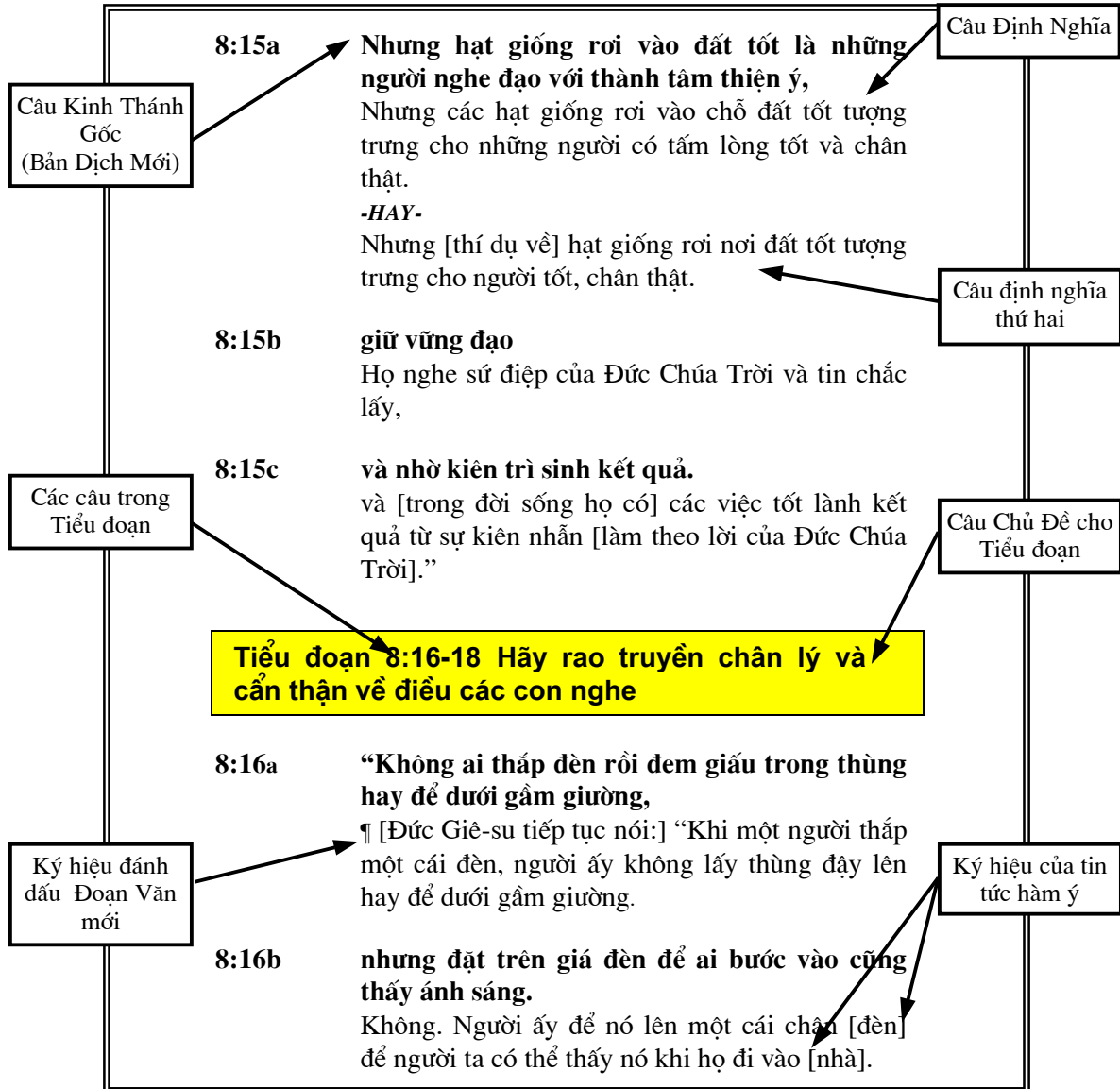
Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

Bộ Sách Giải Nghĩa
Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



GIỚI THIỆU SÁCH CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

Tác Giả

Người viết Phúc Âm Lu-ca, và ngay cả trong sách Công Vụ cũng không có ghi lại tên của tác giả. Nhưng hầu hết các học giả Kinh Thánh đều đồng ý rằng Bác Sĩ Lu-ca chính là tác giả của sách Công Vụ. Bác Sĩ Lu-ca viết cả hai sách Phúc Âm Lu-ca và Sách Công Vụ gởi cho một người có tên là Thê-ô-phi-lơ. Nhiều người trong giới lãnh đạo Cơ Đốc, sống trong khoảng thời gian đầu của những năm 200 hay 300 sau Công nguyên, ghi nhận rằng chính Bác Sĩ Lu-ca là tác giả của hai sách này.

Bác Sĩ Lu-ca có lẽ không phải là người Do Thái. Theo nhà giải kinh Tân Ước, Barclay ông cho rằng Bác Sĩ Lu-ca là tác giả duy nhất không phải người Do Thái viết Kinh Thánh Tân Ước. Ông là một Bác Sĩ y khoa, thông thạo văn hóa và phong tục của người Hy-lạp. Bác Sĩ Lu-ca còn là bạn thân của sứ đồ Phao-lô và đã đi cùng với ông trong một vài chuyến truyền giáo- Công Vụ 16:10-17, 20:5-21:17, 27:1-28:16.

Có lẽ Lu-ca viết cả hai sách này tại thành phố La-mã vào khoảng thời gian từ năm 60 đến 70 sau Công nguyên.

Lý do Bác Sĩ Lu-ca viết sách Công Vụ

Bác Sĩ Lu-ca đã viết Phúc Âm Lu-ca và sách Công Vụ, cả hai đồng gởi cho một người có tên là Thê-ô-phi-lơ. Thê-ô-phi-lơ có lẽ là một nhân vật có chức vụ quan trọng trong giới lãnh đạo người La-mã, và ông ta có thể phân phát sách Công Vụ ra cho nhiều người khác. Bác Sĩ Lu-ca muốn Thê-ô-phi-lơ biết những môn đệ của Chúa Giê-su đã làm gì, sau khi Đức Chúa Cha cất Ngài về trời và ban Đức Thánh Linh đến với họ. Đặc biệt Bác Sĩ Lu-ca còn muốn các môn đệ của Chúa Giê-su biết rằng Đức Thánh Linh là Đấng sẽ giúp đỡ các môn đệ nói về Chúa Giê-su cho những người khác trong bất cứ nơi nào họ đi đến. Bác Sĩ Lu-ca cũng viết cho dân chúng biết rằng Cơ Đốc nhân không phải là những người bất tuân luật pháp, hoặc là những người phá rối an ninh trật tự. Nhưng họ là những người vâng theo sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời và sẵn lòng giúp đỡ những người khác.

Bác Sĩ Lu-ca viết về những gì trong sách Công Vụ

Trong sách Công Vụ Bác Sĩ Lu-ca đã ghi lại về sự thành hình của hội thánh Chúa tại Giê-ru-sa-lem, khi Đức Thánh Linh đã giáng trên các môn đệ của Chúa Giê-su. Bác Sĩ Lu-ca còn trình bày về sự tăng trưởng của hội thánh, và các sứ đồ đã nói về Chúa Giê-su ở khắp mọi nơi khác như thế nào, kể cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, các vùng trong Tiểu Á và cả những vùng cạnh biển A-gen. Cũng có nhiều người không phải gốc Do Thái tin nhận Chúa Giê-su. Người ta thường gọi sách này là “Sách Công Vụ của Sứ Đồ” bởi vì Bác Sĩ Lu-ca đã viết về những công việc mà các sứ đồ của Chúa Giê-su đã thực hiện. Phê-rô và Phao-lô là hai sứ đồ nổi bật nhất. Ngoài ra, Bác Sĩ Lu-ca cũng ghi lại về những môn đệ khác, như Sê-tiên và Phi-líp. Bác Sĩ Lu-ca cũng nhắc đến một số người không tin vào Chúa Giê-su, đó là những người thường hay chống đối và cố gắng gây thiệt hại cho những Cơ Đốc nhân.

Văn thể

Bác Sĩ Lu-ca viết sách Công Vụ (CV) như kể một câu chuyện. Nhưng đây là một câu chuyện thật, về những gì môn-đệ Chúa Giê-su đã nói và đã làm, trong nhiều thời điểm khác nhau. Đức Thánh

Linh chính là Đấng đã giúp đỡ họ, qua những việc họ đã nói và làm. Có những bài giảng thật dài trong sách Công Vụ, chẳng hạn như bài giảng của Phê-rô giải thích Đức Thánh Linh đã giáng xuống trong ngày lễ Ngũ Tuần như thế nào. Bài giảng của Sê-tiên, giảng cho người Do Thái trước khi ông bị giết. Sau đó là bài giảng của sứ đồ Phao-lô về Chúa Giê-su tại An-ti-ốt. Sứ đồ Phao-lô cũng giảng cho người Do Thái tại thành Giê-ru-sa-lem, sau nữa là bài giảng cho vua Ạc-ríp-ba, và một vài người khác tại tỉnh Sê-sa-rê. Bác Sĩ Lu-ca ghi lại rằng Đức Chúa Trời đã giúp các môn-đệ Chúa Giê-su chữa lành các bệnh tật cho dân chúng. Chẳng hạn như sứ đồ Phê-rô cùng với Phao-lô đã khiến cho người què đi lại được. Đức Chúa Trời cũng đã giúp họ khiến kẻ chết sống lại, như việc sứ đồ Phê-rô đã khiến Ta-bi-tha sống lại và Phao-lô đã khiến Ó-tích sống lại. Sách Công Vụ còn có thêm hai lá thư: Thứ nhất là thư của những người trong giới lãnh đạo Cơ Đốc tại Giê-ru-sa-lem gửi cho các tín hữu là những người không phải gốc Do Thái (CV 15:23-29). Thư thứ hai, của một sĩ quan trong quân đội La-mã gửi cho nhà thống đốc La-mã tại thành phố Sê-sa-rê, quan hệ đến vấn đề của sứ đồ Phao-lô (CV.23:26-30).

Câu 1:8 là một trong những câu Kinh Thánh quan trọng nhất của cả sách Công Vụ. Trong câu này chính Chúa Giê-su đã phán bảo môn đệ rằng họ sẽ phải nói về Ngài cho tất cả mọi người ở khắp mọi nơi. Có sáu câu Kinh Thánh quan trọng khác nhấn mạnh đến các môn đệ của Ngài đã đang làm việc tích cực như thế nào: CV 6:7, 9:31, 12:24, 16:5, 19:20 và 28:30-31. Phần thứ nhất từ 1:12 đến 19:20. Bác Sĩ Lu-ca cũng đã dùng năm câu đầu của sáu câu tóm lược này chia phần thứ nhất của sách ra thành năm phân đoạn. Phần thứ nhì của sách từ 19:21 đến 28:31. Phần này chú trọng đến cuộc hành trình của sứ đồ Phao-lô từ Giê-ru-sa-lem đến thành phố La-mã như một tù nhân. Trong các câu 28:30-31, Bác Sĩ Lu-ca đã tóm tắt những gì sứ đồ Phao-lô đã có thể làm trong khi ông ở tại thành phố La-mã.

DÀN BÀI CỦA SÁCH CÔNG VỤ

Trong đoạn 1:1-3, Bác Sĩ Lu-ca giới thiệu sách Công Vụ bằng cách nhắc lại sách thứ nhất của ông, Phúc Âm Lu-ca. Nhưng thực ra trong Công Vụ 1:1-11, Bác Sĩ Lu-ca dùng đoạn Kinh Văn để giới thiệu nguyên cả sách. Phần còn lại của sách gồm có hai phần chính: Trong phần thứ nhất, Công Vụ 1:12-19:20, Đức Thánh Linh đã giảng trên các môn đệ của Chúa Giê-su, ban quyền năng để họ thực hiện nhiều phép lạ, và nói về Chúa Giê-su cho những người khác. Hội thánh đầu tiên được thành hình tại thành phố Giê-ru-sa-lem, sau đó môn đệ của Chúa thiết lập nhiều Hội thánh nữa ở nhiều nơi, mặc dù họ đã luôn gặp những sự ngăn cản của dân chúng.

Phần thứ nhì của sách, Công Vụ 19:21 đến 28:31, chú trọng đến sứ đồ Phao-lô. Ông đã đi lên thành phố Giê-ru-sa-lem, và sau đó đến thành phố La-mã. Nhưng ông đã bị người Do Thái bắt giữ tại Giê-ru-sa-lem, và bị viên chỉ huy của quân đội La-mã bỏ tù. Phao-lô đã trở thành một tù nhân, và ông đã đi đến thành phố La-mã bằng cuộc hành trình mà ông chưa bao giờ nghĩ tới. Mặc dù bị người khác phản đối, nhưng sứ đồ Phao-lô luôn tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho mọi người.

Phần chính thứ nhất của sách Công Vụ (1:12-19:20) Gồm có năm phân đoạn: Trong các câu từ 1:12-6:7, Đức Thánh Linh đã giảng lâm, ban quyền phép cho các sứ đồ để họ có thể đem nhiều người Do Thái trở lại tin Chúa Giê-su. Các câu từ 6:8-9:31, là bài giảng của Sê-tiên và việc Sê-tiên bị giết. Do đó, hầu hết những người tin Chúa phải chạy trốn khỏi thành Giê-ru-sa-lem. Phi-líp đi giảng tại vùng Sa-ma-ri, ông cũng đã nói về Chúa cho một thái giám người Ê-thi-ô-bi, và, cuối cùng là việc Sau-lơ (sau được gọi là Phao-lô) trở lại tin Chúa. Trong các đoạn 9:32-12:24, nói về việc Phê-rô đã chữa lành cho Ê-nê, và cầu nguyện cho một người vừa mới chết được sống lại, tên là Ta-bi-tha, và ông cũng đã giảng cho những người không phải gốc Do Thái tại thành Sê-sa-rê. Kế đến, việc Ba-na-ba và Sau-lơ dạy đạo cho những người tin Chúa không phải gốc Do Thái tại thành An-ti-ốt. Trong đoạn 12:25-16:5, nói đến việc Ba-na-ba và Phao-lô giảng đạo tại các vùng Tiểu-Á. Thêm vào đó, những người lãnh đạo Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem cũng giải thích rõ cho một số người đã hiểu lầm về việc Đức Chúa Trời đã cứu chuộc con người như thế nào. Trong đoạn 16:6-19:20, Phao-lô giảng dạy tại các tỉnh Ma-xê-doan, A-chai, và Tiểu-Á. Kết quả, có rất nhiều người trong các vùng này đã trở thành Cơ Đốc nhân.

Những câu đúc kết sau đây chỉ rõ chỗ chấm dứt của mỗi phân đoạn: 6:7, 9:31, 12:24, 16:5, và 19:20.

Phần chính thứ hai của sách Công Vụ (19:21-28:31) Gồm có ba phân đoạn: Trong 19:21-22, Phao-Lô quyết định đi lên thành Giê-ru-sa-lem, và rồi đến thành La-mã. Trong 19:23-28:16, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại những gì đã thực sự xảy ra cho sứ đồ Phao-lô. Trong 28:17-31, Bác Sĩ Lu-ca tóm lược những việc Phao-lô đã có thể làm tại thành La-mã.

Có bốn phân đoạn phụ trong 19:23-18:26. Sau việc náo loạn tại thành phố Ê-phê-sô, Phao-lô đi sang Hy-lạp, Ma-xê-doan, và cuối cùng đến thành Giê-ru-sa-lem. Trong 21:17-23:11, Phao-lô bị bắt bởi người Do Thái, và bị một sĩ quan La-mã bỏ tù, dẫu vậy ông vẫn có thể tiếp tục nói về Chúa cho những người Do Thái khi có dịp. Trong 23:12-26:32, với một số lính hộ tống, Phao-lô bị giải đến thành Sê-sa-rê, dù vậy ông đã có thể kể lại cho hai thống đốc trong thành phố, và vua Ac-ríp-ba rằng ông đã trở thành một Cơ Đốc nhân trong trường hợp nào. Trong 27:1-28:16, cuối cùng Phao-lô đã đến thành phố La-mã, sau một cơn bão lớn đã làm bể nát thuyền của ông tại hòn đảo Man-ta.

LỜI GIỚI THIỆU: (1:1-11)**PHẦN THỨ NHẤT: HỘI THÁNH THÀNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN (1:12-19:20)**

Đức Thánh Linh giảng lâm và ban quyền phép cho các môn đệ đem nhiều người Do Thái trở lại tin Chúa Giê-su	1:12-6:7
Môn đệ Chúa Giê-su chọn Ma-thia thay thế Giu-đa	1:12-26
Đức Thánh Linh đến ban quyền phép cho các môn đệ nói được nhiều ngôn ngữ khác	2:1-4
Phê-rơ giảng, nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-su và gia nhập với những người tín hữu khác	2:5-47
Phê-rơ chữa lành cho người què, nhưng bị các nhà lãnh đạo Do Thái chống đối	3:1-4:31
Các tín hữu chia xẻ tài vật cho nhau, nhưng A-na-nia và Sa-phi-ra bị chết vì phạm tội	4:32-5:11
Các sứ đồ chữa lành nhiều bệnh tật cho dân chúng, và tiếp tục giảng đạo mặc dù gặp nhiều sự bắt bớ	5:12-42
Các sứ đồ đề cử bảy người để chăm sóc các quả phụ	6:1-6
Số người tin vào Chúa Giê-su gia tăng một cách nhanh chóng	6:7
Người Do Thái giết Sê-tiên, nhưng Tin Lành vẫn được giảng tại Sa-ma-ri, sau đó Sau-lơ (Phao-lô) trở lại tin Chúa Giê-su	6:8-9:31
Người Do Thái giết Sê-tiên và tín hữu chạy tán lác vì sự bắt bớ của Sau-lơ	6:8-8:3
Phi-líp giảng đạo tại Sa-ma-ri, và cũng giảng cho thái giám Ê-thi-ô-bi	8:4-40
Sau-lơ tin Chúa Giê-su và nói về Ngài cho mọi người khác một cách nhiệt thành	9:1-30
Hội thánh tại Y-sơ-ra-ên được bình an và số người tin Chúa tăng lên rất nhiều	9:31
Phê-rơ, và sau đó Ba-na-ba cùng Sau-lơ (Phao-lô) đồng nói về Chúa Giê-su cho đồng bào không phải gốc Do Thái	9:32-12:24
Phê-rơ làm những phép lạ và nói về Chúa Giê-su cho những người không phải gốc Do Thái	9:32-11:18
Ba-na-ba và Sau-lơ dạy Đạo cho những người không phải gốc Do Thái, và họ là những người đã giúp đỡ người Do Thái	11:19-30
Thiên sứ Chúa giải cứu Phê-rơ, vua Hê-rốt, người ban lệnh giam Phê-rơ, bị trùng cắn chết	12:1-23
Có nhiều người nghe sứ điệp về Chúa Giê-su và tin nhận Ngài	12:24
Phao-lô và những cộng tác của ông giảng cho những người không phải gốc Do Thái, các lãnh đạo hội thánh sửa chữa việc hiểu sai Lời Chúa	12:25-16:5
Phao-lô và Ba-na-ba giảng Phúc Âm tại vùng Tiểu Á	12:25-14:28
Các lãnh đạo Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem giải thích vì có sự hiểu sai Kinh Thánh	15:1-35
Phao-lô tiếp tục cuộc hành trình sau khi ông và Ba-na-ba phân rẽ nhau	15:36-16:4
Chúa thêm đức tin cho tín hữu, nhân số gia tăng hàng ngày	16:5

Phao-lô giảng tại nhiều nơi, và nhiều người trở thành Cơ Đốc nhân	16:6-19:20
Phao-lô giảng tại xứ Ma-xê-đoan và có nhiều người tin Chúa Giê-su	16:6-17:15
Phao-lô giúp đỡ nhiều người Hy-lạp tin nhận Chúa	17:16-18:17
Phao-lô dạy Đạo cho nhiều người tại tỉnh Tiểu-Á	18:18-19:19
Sứ điệp về Chúa Giê-su được rao giảng một cách đầy quyền phép bởi các tín hữu	19:20

PHẦN THỨ HAI: PHAO-LÔ TRỞ THÀNH MỘT TÙ NHÂN NHƯNG LÀ CƠ HỘI NÓI VỀ CHÚA GIÊ-SU CHO NHIỀU NGƯỜI (19:21-28:31)

Phao-lô hoạch định lên thành Giê-ru-sa-lem, sau đó đến thành La-mã	19:21-22
Phao-lô trở thành tù phạm tại thành Giê-ru-sa-lem, nhưng cuối cùng đến được thành phố La-mã	19:23-28:16
Phao-lô đã đi lên Giê-ru-sa-lem bằng đường xuyên qua xứ Ma-xê-đoan và xứ Hy-lạp	19:23-21:16
Người Do Thái đã bắt giữ Phao-lô và người La-mã bỏ tù ông, nhưng ông đã nói về Chúa cho những người này	21:17-23:11
Phao-lô đã nói cho vua A-c-ríp-ba và những người khác, ông đã trở thành Cơ Đốc nhân như thế nào	23:12-26:32
Trên đường đi đến thành La-mã, mặc dù tàu đã bị vỡ tan vì bão, nhưng Phao-lô vẫn đến nơi	27:1-28:16
Tại Thành La-mã Phao-lô đã gặp nhiều người Do Thái, và cũng đã nói về Chúa Giê-su cho nhiều người khác	28:17-31
Phao-lô đã nói với người Do Thái rằng có lẽ những người không phải gốc Do Thái sẽ tin sứ điệp về Chúa Giê-su	28:17-29
Phao-lô giảng dạy về Chúa Giê-su cho tất cả những người đã đến với ông	28:30-31

Ghi chú:

Người viết *Lời Giải Nghĩa Cho Người Dịch Sách Công Vụ* đã chia sách ra thành nhiều phần, tùy theo ý nghĩa của cách cấu trúc trong nguyên bản Hy-lạp của sách Công Vụ. Tuy nhiên trong bản dịch của bạn, không cần phải chia sách ra thành nhiều phần như *Lời Giải Nghĩa Cho Người Dịch Sách Công Vụ*. Bạn cũng không cần theo đề mục trong bản dịch. Thay vì, bạn có thể nên dựa theo đề tựa của từng phân đoạn và tiểu phân đoạn của Bản Dịch Mới (BDM) hay Bản Dịch Cũ (BDC) của sách Công Vụ.

LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

CÁC CHƯƠNG 1-14

GIỚI THIỆU: 1:1-14

Trong phần này Bác Sĩ Lu-ca giới thiệu phần còn lại của sách Công Vụ (1:12-28:31). 1:1-14 bao gồm bốn đoạn ngắn: 1:1-3, 1:4-5, 1:6-9 và 1:10-11.

1:1-3 Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến Phúc Âm ông đã viết cho Ngài Thê-ô-phi-lơ

Trong những câu này Bác Sĩ Lu-ca cùng nhắc đến một nhân vật, Thê-ô-phi-lơ, người mà ông đã đề cập đến trong Phúc Âm Lu-ca. Xem Lu-ca 1:3. Bác Sĩ Lu-ca cũng đã tóm tắt những gì ông đã viết về Chúa Giê-su trong sách Phúc Âm, và Bác Sĩ Lu-ca đã nói rất rõ ràng rằng Chúa Giê-su đã chứng minh cho các sứ đồ rằng Ngài đã từ kẻ chết sống lại.

1:1a

Thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ: Trong bản dịch của bạn, bạn nên dùng loại văn thường dùng đối với giới thượng lưu, như “kính Thê-ô-phi-lơ.” Trong BDM dùng “Thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn, việc bày tỏ sự kính trọng khi chào hỏi một người, không được thường dùng, ở đây bạn có thể chỉ cần dùng tên, “Thê-ô-phi-lơ.” Bạn có thể để tên này ở bất cứ chỗ nào miễn là nghe có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ bạn. Thê-ô-phi-lơ có thể là nhân vật thuộc giới thượng lưu. Người ta cũng gọi những nhà cầm quyền La-mã như Phê-lít và Phê-tu bằng lối xưng hô *Ngài*. Xem Công Vụ (CV) 23:26 và 24:2. Thê-ô-phi-lơ, có lẽ là một Cơ Đốc nhân không phải người gốc Do Thái, là nhà cầm quyền, hay thuộc giới lãnh đạo của chính quyền La-mã.

Trong quyển thứ nhất: Các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng Bác Sĩ Lu-ca đã viết cả hai sách, Phúc Âm Lu-ca, *quyển thứ nhất* của ông và quyển thứ hai, Công Vụ Các Sứ Đồ.

1:1b

tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu: Nhóm từ *đầy đủ mọi điều* cho thấy Bác Sĩ Lu-ca có ý ghi lại một cách tổng quát về những việc làm của Chúa Giê-su. Điều này không có nghĩa là Bác Sĩ Lu-ca ghi lại tất cả những gì Chúa Giê-su đã nói và đã làm. Nhưng ông chỉ chọn lựa một số điều mà Chúa Giê-su đã dạy dỗ và đã làm.

Sau đây là ba cách dịch chính cho nhóm từ *từ lúc ban đầu*:

- (1) Có lẽ hầu hết các nhà thần học nghĩ rằng đây là việc không cần thiết để dịch từ Hy-lạp này. Vì thế, nên một phần của câu 1 đã được dịch là “Tôi đã viết tất cả những gì Chúa Giê-su đã dạy và làm.”
- (2) Một số nhà thần học khác (tất cả các bản dịch bằng tiếng Việt) cho rằng động từ trong nguyên bản Hy-lạp có nghĩa “từ ban đầu” công việc giảng dạy của Chúa Giê-su. Nên họ đã dịch là “Tôi đã viết về tất cả những gì Chúa Giê-su đã dạy và làm từ ban đầu.”
- (3) Một số khác nữa cho rằng “đã bắt đầu” hàm ý rằng Công Vụ là những gì Chúa Giê-su tiếp tục dạy và làm qua các môn đệ của Ngài.

(1) có thể đúng hơn (2), bởi vì từ *đầy đủ* có ý rằng tác giả đã tuyển chọn một số sự kiện từ mọi phần trong chức vụ của Chúa-Giê-su, kể cả những việc từ khi bắt đầu cho đến phút cuối cùng trong chức vụ của Ngài tại thế gian. Mặc dù (3) là đúng sự thật, (1) thì đúng hơn cho việc diễn dịch, bởi vì, bao gồm “đã bắt đầu,” có thể hàm ý Chúa Giê-su chưa hoàn tất những gì Ngài đã định thực hiện.

1:2a

cho đến ngày được tiếp về trời: Cho đến ngày liên hệ “tất cả những gì Chúa Giê-su đã làm và dạy” thay vì những từ “Tôi đã viết.” Ngày ý nói đến ngày cuối cùng của Chúa Giê-su tại thế gian. Điều này cho thấy rõ ràng Bác Sĩ Lu-ca đã viết những gì Chúa Giê-su đã làm và dạy trong suốt thời gian Ngài sống tại thế gian.

Nếu cần nói ai đã đưa Chúa Giê-su về trời, bạn có thể thêm “được Đức Chúa Trời” hay bạn có thể dùng chủ từ Đức Chúa Trời và nói “Đức Chúa Trời đã đón Ngài về Thiên Đàng.” Thiên đàng là một nơi đặc biệt Đức Chúa Trời ở và trị vì. Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng cùng một từ “Thiên Đàng” để chỉ “Bầu Trời” bạn cần phải tìm cách giải thích rõ ràng rằng Thiên Đàng là nơi Đức Chúa Trời ngự.

1:2b

sau khi cậy Đức Thánh Linh truyền dạy: Chúa Giê-su đã về Trời sau khi Ngài đã phán cùng các môn đệ về những việc họ phải làm. Bạn cần làm cho được sáng tỏ về thời điểm ở đây như: “Trước khi về Thiên Đàng, Ngài đã phán dạy...” Trong tiếng Hy-lạp *phán dạy* nghĩa là “ban mệnh lệnh” ở đây có ý Chúa Giê-su đã bảo họ về những việc, và đòi hỏi họ phải thực hiện. Ví dụ, trong Phúc Âm Lu-ca 24:44-53 Chúa Giê-su ban mệnh lệnh cho các sứ đồ rằng họ phải nói về Ngài cho những người khác. Chúa Giê-su cũng phán dạy rằng họ phải đợi tại thành Giê-ru-sa-lem cho đến khi Đức Thánh Linh giáng trên họ. Xem Công Vụ 1:4-5. Trong một vài ngôn ngữ không có sự phân biệt giữa hai từ “phán” và “dạy” hay chỉ có thể được dùng từ “phán” trong một vài ngữ cảnh nào đó. Bạn

có thể dùng “Ngài dạy” hay “Ngài bảo” để cho rõ nghĩa trong ngôn ngữ của bạn.

cậy Đức Thánh Linh: Trong một vài ngôn ngữ *Đức Thánh Linh* được dịch là “Linh của Đức Chúa Trời” Bởi vì từ “thánh” nói về một người hay một sự vật có liên hệ đến Đức Chúa Trời. Trong khi Chúa Giê-su còn ở tại thế gian, Đức Thánh Linh hướng dẫn Ngài trong mọi sự, từ lời nói đến việc làm. Có nghĩa là Chúa Giê-su luôn luôn cộng tác với Đức Thánh Linh. Ví dụ như: trong Phúc Âm Lu-ca 3:22, 4:1 và 4:14.

các sứ đồ Ngài tuyển chọn: Các sứ đồ là những người được chính Chúa Giê-su trực tiếp chọn và huấn luyện và được gởi đi ra để nói về Chúa cho người khác. Trong các Phúc Âm, khi đề cập đến các sứ đồ, các trước giả Phúc Âm có ý nói đến 12 môn đệ chính Chúa Giê-su đã chọn. Ngay trong thời điểm này chỉ có 11 môn đệ.

1:3a

Sau cái chết thống khổ: Từ *thống khổ* ý nói đến cái chết đau đớn của Chúa Giê-su trên thập tự. Bạn nên dịch điểm này cho thật rõ ràng.

1:3b

Ngài tỏ mình đang sống: Theo các sách Phúc Âm, sau khi từ kẻ chết sống lại, Chúa Giê-su đã hiện ra cùng các môn đệ trong nhiều lần. Điều này có nghĩa là các môn đệ có thể thấy được Ngài và ở cùng Ngài. Bạn có thể cần thêm những từ “nhiều lần” để làm sáng tỏ ý nghĩa.

bằng nhiều chứng cứ rõ ràng cho họ thấy: Trong câu này Bác Sĩ Lu-ca không có ý nói rằng Đức Chúa Trời đã làm cho Chúa Giê-su hồi sinh, nhưng từ “đang sống” cho thấy rằng Bác Sĩ Lu-ca nghĩ các độc giả của ông đã biết rõ điều này. Chúa Giê-su đã minh chứng cho các môn đệ, hay đã tỏ cho họ bằng nhiều cách rằng Ngài đã thực sự sống lại. Ví dụ như: Ngài đã gặp họ, nói chuyện với họ, và đã cùng ăn chung với họ. Xem Phúc Âm Lu-ca 24:36-49.

1:1a	<p>Thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ, Trong quyển thứ nhất, [Kính mến] Thê-ô-phi-lơ, trong quyển sách đầu tiên của tôi [quyển sách tôi đã gửi đến ông], -HAY- Thê-ô-phê-lơ, trong sách trước của tôi [sách tôi đã viết cho ông],</p>
1:1b	<p>tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu, Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm -HAY- Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện</p>
1:2a	<p>cho đến ngày được tiếp về trời, cho đến giờ phút Ngài được cất lên [thiên đàng bởi Đức Chúa Trời]. -HAY- cho đến ngày [Đức Chúa Trời] cất Ngài lên [thiên đàng].</p>
1:2b	<p>sau khi cậy Đức Thánh Linh truyền dạy các sứ đồ Ngài tuyển chọn. Chúa Giê-su đã chọn các sứ đồ, [sau đó] được Đức Thánh Linh [hướng dẫn,] Ngài đã phán/bảo họ [làm những công việc định sẵn]. Sau đó [Đức Chúa Trời cất Chúa Giê-su về trời]. -HAY- Chúa Giê-su đã chọn các sứ đồ [sau đó] được Đức Thánh Linh [hướng dẫn Ngài,] Ngài đã căn dặn/bảo các sứ đồ, [nói về Ngài cho người khác].</p>
1:3a	<p>Sau cái chết thống khổ, Sau khi Ngài đã chết một cách đau đớn [trên thập tự giá],</p>
1:3b	<p>Ngài tỏ mình đang sống bằng nhiều chứng cứ rõ ràng cho họ thấy. Ngài đã hiện ra với họ, và họ đã gặp Ngài nhiều lần. Ngài đã chứng tỏ bằng nhiều cách, để họ biết Ngài đã sống lại. -HAY- họ đã nhận ra Ngài và đã gặp Ngài nhiều lần. Ngài đã bày tỏ, bằng nhiều cách, rằng Ngài đã sống lại.</p>
1:3c	<p>Ngài hiện đến với các sứ đồ suốt bốn mươi ngày Ngài đã xuất hiện với họ nhiều lần, trong bốn mươi ngày [sau khi sống lại], -HAY- Ngài đã cho họ nhận biết và gặp Ngài nhiều lần trong bốn mươi ngày [sau khi Ngài sống lại],</p>

1:3c

Ngài hiện đến với các sứ đồ suốt bốn mươi ngày: Đây là *bốn mươi ngày* sau khi Chúa đã sống lại và trước khi Ngài về Trời. Các

môn đệ đã gặp Chúa nhiều lần trong thời gian bốn mươi ngày này. Vì thế cho nên bạn cần thêm “nhiều lần” hay “thường” vào trong câu cho rõ ý.

1:3d

và dạy bảo họ những điều về Nước Đức

Chúa Trời: Nước Đức Chúa Trời ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời chấp nhận con người và cai trị trên họ. Nếu trong bản dịch của bạn người đọc có thể nghĩ về “Nước Đức của bạn người đọc có thể nghĩ về “NướcChúa Trời” như là một nơi chốn, thì sẽ không đúng trong trường hợp này. Bạn có thể đã có sự suy nghĩ trước, đã được bày tỏ, hay đã được dùng trong 3 sách đầu của Phúc Âm. Nó có thể giống như “Bằng cách nào Đức Chúa Trời có thể cai trị dân sự của Ngài như một vị vua của họ.” (Bạn nên bày tỏ dữ kiện này là Đức Chúa Trời cai trị dân sự của Ngài, họ chỉ là những người có sự quan hệ mật thiết với ngài mà thôi, không phải tất cả mọi người.) Chúa Giê-su đã chết và Ngài đã sống lại vì thế hễ ai tin nhận Ngài thì người ấy là người được Chúa chấp nhận và Ngài sẽ cai trị trên đời sống họ.

1:4-5 Chúa Giê-su bảo các sứ đồ phải đợi đến khi Đức Thánh Linh giáng lâm

1:4a

Trong khi họp mặt: Ý của động từ trong tiếng Hy-lạp không được rõ ở đây. Dưới đây là 3 cách có thể dịch động từ này:

- (1) Một số nhà giải kinh nghĩ câu này có nghĩa là “trong khi Ngài tụ tập cùng với [họ].”
- (2) Một số khác nghĩ “trong khi Ngài đã ăn chung với [họ].”
- (3) Một số khác nữa nghĩ rằng “trong khi Ngài ở chung với [họ].”

Có sự giống nhau, cả 3 ý đều cho rằng Chúa Giê-su “đã ở với họ” đó là với 11 sứ đồ. Cách dịch thứ nhất quá tổng quát và cũng có thể cả 2 và 3, vì vậy, có thể đây là cách tốt nhất. Tuy nhiên, bạn cũng nên cân nhắc theo BDM.

Ngài căn dặn họ: Một vài ngôn ngữ không có sự phân biệt giữa hai từ *căn dặn* và “báo.” Nếu trong ngôn ngữ bạn cũng như vậy, bạn nên giải thích rõ ràng Chúa Giê-su đòi hỏi

môn đệ của Ngài phải thi hành đúng những gì Ngài đã căn dặn họ.

1:4b

Các con đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem: Không có nghĩa là Chúa Giê-su cấm họ không được rời khỏi thành Giê-ru-sa-lem, nhưng họ phải đợi cho đến khi Đức Thánh Linh giáng trên họ. Mặc dù trong nguyên bản Hy-lạp câu 1:4b-4c được dùng ở thể gián tiếp. Tuy nhiên, để cho người đọc dễ hiểu, bạn nên bắt đầu theo thể văn trực tiếp ngay từ câu 1:4b như trong BDM.

1:4c

nhưng phải chờ đợi điều Cha đã hứa: Điều Chúa Giê-su căn dặn các sứ đồ giải thích rõ ràng tại sao các sứ đồ không được rời thành Giê-ru-sa-lem. Nhóm từ *điều Cha đã hứa* chính là Đức Thánh Linh, Đấng Đức Chúa Trời đã hứa sẽ ban cho họ.

1:4d

là điều các con đã nghe Ta nói: Chúa Giê-su nhắc các sứ đồ rằng họ đã từng nghe Ngài nói là Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh đến với họ.

1:5a

Vì Giăng: Từ *vì* ở đây ít nhất có thể có hai chức năng:

- (1) Nó có thể cho thấy điều Chúa Giê-su nói một cách trực tiếp hơn. Trong trường hợp này bạn khỏi cần dịch.
- (2) Nó có thể chỉ cho thấy lý do Chúa Giê-su căn dặn họ phải đợi tại thành Giê-ru-sa-lem. Có nghĩa là Chúa Giê-su phán dặn họ phải đợi cho đến khi Đức Thánh Linh đến.

Không có nghĩa vì “Giăng làm báp-tem” cho dân chúng nên các sứ đồ phải đợi tại thành Giê-ru-sa-lem. Vì lẽ đó, trong câu này không nên dùng giới từ “vì hay bởi vì” thì tốt hơn. Bởi lý do này trường hợp (1) đúng hơn trường hợp (2). *Giăng* tên của “Giăng Báp-tít,” không phải sứ đồ Giăng. Xem Câu Định Nghĩa 1:5a.

1:3d	và dạy bảo họ những điều về Nước Đức Chúa Trời. và Ngài đã dạy [họ] về [thế nào] Đức Chúa Trời sẽ cai trị [dân sự của Ngài như một vị vua của họ]. -HAY- và Ngài đã giải thích [lại] rằng thế nào Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận và trị vì [họ như dân sự của Ngài].
1:4a	Trong khi họp mặt, Ngài căn dặn họ: [Có một lần] trong lúc Ngài ở với [họ], Ngài phán/bảo họ:
1:4b	“Các con đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, “Đừng ra khỏi Giê-ru-sa-lem [trong lúc này],
1:4c	nhưng phải chờ đợi điều Cha đã hứa, nhưng hãy đợi [trong thành] Cha ta làm [cho các người] điều Ngài đã hứa [sẽ làm]. -HAY- nhưng hãy đợi [Chúa] Cha Ta ban Đức Thánh Linh của Ngài [cho các người], như Ngài đã hứa [sẽ làm].
1:4d	là điều các con đã nghe Ta nói. Các người đã nghe Ta nói [với các người] về [điều đó]. -HAY- Các người đã nghe Ta nói [với các người] về [Đấng ấy].
1:5a	Vì Giăng đã làm báp-tem bằng nước Giăng đã làm báp-tem cho dân chúng [chỉ] bằng nước, -HAY- Giăng [chỉ] theo nghi thức, làm phép báp-tem cho dân chúng bằng cách đìm mình xuống nước,
1:5b	nhưng ít ngày nữa, các con sẽ được báp-tem bằng Đức Thánh Linh.” nhưng trong ít ngày nữa [Đức Chúa Trời] sẽ báp-tem các người bằng Đức Thánh Linh.” -HAY- nhưng sau một vài ngày [Đức Chúa Trời] sẽ ban Đức Thánh Linh đến ở cùng các người [để giúp đỡ các người].”

đã làm báp-tem bằng nước: Báp-tem ở đây có nghĩa là Giăng Báp-tít làm phép báp-tem bằng nước như một nghi lễ. Có những quan niệm không giống nhau về hình thức của nghi lễ, tùy theo sự khác biệt hệ phái, nên bạn có thể dùng một từ hay một nhóm từ mà tất cả những người dùng tài liệu giải kinh này đều chấp nhận.

1:5b

nhưng ít ngày nữa: Nhưng cho thấy sự tương phản giữa việc Giăng Báp-tít đã làm và một điều gì đó vô cùng quan trọng hơn. Điều đó là Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh đến với họ. Bạn nên dịch *ít ngày nữa* thế nào để chỉ rõ được một thời gian độ 10 ngày. Đó là khoảng thời gian kể từ ngày Chúa Giê-su về Trời cho đến khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong ngày lễ Ngũ Tuần.

các con sẽ nhận báp-tem bằng Đức Thánh Linh: Sẽ nhận báp-tem một ẩn dụ có ý nghĩa Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh ở với họ, và để giúp đỡ họ. Người ta sẽ có những ý kiến khác biệt liên quan đến ý nghĩa của phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh, vì vậy bạn nên dịch câu này cùng một chữ “Báp-tem” bằng nước. Bạn cũng nên chú thích ở cuối trang cho thấy rõ rằng 2:1-4 diễn tả những gì các môn đệ đã kinh nghiệm được trong ngày lễ Ngũ Tuần khi Đức Thánh Linh giáng trên họ.

1:6-9 Chúa Giê-su bảo các môn đệ phải nói về Chúa ở mọi nơi, sau đó Ngài về trời

1:6a

Vì vậy những người đang họp với nhau, hỏi Ngài: Trong nguyên bản Hy-lạp, nhóm từ được BDM dùng vì vậy thường được dùng trong Công Vụ để giới thiệu một đoạn Kinh Thánh sắp được nói đến. Như vậy, điều này có thể đã xảy ra sau khi các sứ đồ họp mặt trong 1:4-5. Trong câu 9 cho biết sự việc đã xảy ra ngay trong ngày Chúa Giê-su về Trời. *Những người* ít nhất là nói đến các sứ đồ. Có thể cũng có nhiều môn đệ khác của Chúa Giê-su có mặt trong ngày này.

1:6b

Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?: Bạn nên dịch chữ *Chúa* bằng một từ trong ngôn ngữ bạn chỉ rõ về Đức Chúa Trời. Các môn đệ của Chúa Giê-su nghĩ rằng đây là lúc Chúa Giê-su sẽ thiết lập vương quốc ở thế gian, và chính Ngài sẽ là vị vua. Họ tin rằng Ngài là Đấng Mê-si-a, là vị vua sẽ giải phóng họ khỏi ách đô hộ của ngoại bang. Chắc họ đã nghĩ rằng Chúa Giê-su đã hoạch định chương trình đánh bại đế quốc La-mã và thiết lập lại vương quốc Y-sơ-ra-ên. *Y-sơ-ra-ên* ở đây ý nói đến dân tộc Do Thái.

1:7a

Chúa đáp: “Các con không nên biết thì giờ hay thời kỳ: Chúa Giê-su trả lời câu hỏi của họ hàm ý rằng lúc này không phải là lúc để

Ngài “thiết lập lại vương quốc cho Y-sơ-ra-ên.” Dù sao, bạn nên dịch lời Chúa Giê-su thế nào để cho thấy rằng Ngài đã trả lời họ một cách từ tốn, nhỏ nhẹ. Chúa Giê-su cũng hàm ý rằng trong tương lai Đức Chúa Trời sẽ khôi phục lại Y-sơ-ra-ên như một vương quốc, nhưng họ không cần nên biết khi nào.

Dưới đây là 2 cách có thể dịch các từ Hy-lạp *chronous* và *kairous*. BDM là *thì giờ* và *thời kỳ*.

- (1) Có lẽ hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng có sự khác biệt giữa hai từ Hy-lạp trên. Họ nghĩ rằng *chronous* có lẽ muốn nói đến một khoảng thời gian dài hơn, và *kairous* chỉ về những ngày nhất định.
- (2) Một số khác cho rằng hai nhóm từ trên giống nhau. Trong trường hợp này, bạn có thể dịch cả hai từ là “thì giờ.” Ví dụ, bạn có thể nói “...các anh chị không cần phải biết thì giờ [khi nào việc đó sẽ xảy ra]....”

Có lẽ cách dịch thứ nhất rõ nghĩa hơn, vì Chúa Giê-su có thể có ý muốn phân biệt giữa một khoảng thời gian và những ngày đặc biệt khi Đức Chúa Trời muốn làm trọn những gì Ngài đã hoạch định.

1:7b

là điều thuộc quyền Cha định đoạt: Chúa Giê-su đã dạy một cách rõ ràng rằng *Đức Chúa Cha* là Đấng duy nhất quyết định khi nào Ngài sẽ làm những điều gì. Ngài đã quyết định khi nào Ngài sẽ khôi phục lại vương quốc Do Thái. Ngài không nhường cho ai quyết định khi nào việc ấy sẽ xảy ra.

1:8a

nhưng các con sẽ nhận lãnh quyền năng khi Đức Thánh Linh đến trên các con: Ở đây Chúa Giê-su bảo họ những gì họ cần nên biết, trái ngược với những gì họ không cần phải biết (1:7). Ngài có ý rằng Đức Thánh Linh sẽ chóng đến ở với họ và ban cho họ quyền phép để có thể nói về Chúa Giê-su cho mọi người.

1:6a	<p>Vì vậy những người đang họp với nhau, hỏi Ngài: Sau đó, khi [các sứ đồ] họp lại với nhau [với Chúa Giê-su nữa], họ đã hỏi Ngài: -HAY- Vào một lần sau đó, những sứ đồ gặp lại [Chúa Giê-su] đã hỏi Ngài:</p>
1:6b	<p>“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?” “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì] trong Cựu Ước?” -HAY- “Thưa Chúa, bây giờ Ngài sẽ [đánh bại đế quốc La Mã và] tái thiết lại vương quốc [cho chúng tôi kể cả] dân sự Y-sơ-ra-ên?”</p>
1:7a	<p>Chúa đáp: “Các con không nên biết thì giờ hay thời kỳ, Ngài trả lời với họ: “Các con không cần biết giờ [thời kỳ] và ngày [khi nào việc đó xảy ra]. -HAY- Ngài trả lời họ: “Đây không phải việc [quan trọng/có thể được] để các con phải biết ngày và giờ [khi nào việc đó sẽ xảy ra].</p>
1:7b	<p>là điều thuộc quyền Cha định đoạt, Chỉ mình Cha ta quyết định [khi nào Ngài sẽ đặt Ta làm vua trên dân sự Y-sơ-ra-ên].</p>
1:8a	<p>nhưng các con sẽ nhận lãnh quyền năng khi Đức Thánh Linh đến trên các con, Thay vào đó [các con cần biết rằng] Đức Thánh Linh sẽ ban cho các con quyền năng /sức mạnh khi [Ngài] giáng trên các con. -HAY- Nhưng, khi Đức Thánh Linh ngự đến và ở trong/cùng các con, Ngài sẽ khiến các con trở nên đầy quyền năng [để rao giảng cho mọi người khác về Ta].</p>
1:8b	<p>và các con sẽ làm nhân chứng cho Ta tại Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến tận cùng quả đất.” Khi đó, [như một kết quả,] các con sẽ [đầy quyền năng] nói với mọi người về Ta tại thành Giê-ru-sa-lem và cả khắp xứ [mọi nơi khác] Giu-đê, trong xứ Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất.</p>

1:8b

và các con sẽ làm nhân chứng cho Ta tại Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến tận cùng quả đất: Chúa Giê-su bảo họ những gì họ có thể làm được, vì Đức Thánh Linh sẽ giúp đỡ họ. Các từ *nhân chứng* có nghĩa là các sứ đồ sẽ nói cho những người khác rằng họ đã biết Chúa Giê-su một cách trực tiếp. Phần còn lại của câu này cho biết những địa danh mà họ sẽ được

sai đi. Khởi điểm của họ bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem. Nơi đây thuộc tỉnh Giu-đa, vì thế bạn cần nên nói “khắp cả xứ Giu-đa Sa-ma-ri cũng là một tỉnh, về phía bắc của Giu-đa. Bạn nên dịch các từ *cho đến tận cùng quả đất* có nghĩa là “tất cả mọi nơi khác trên thế gian.” Hay là không có giới hạn cho việc các môn đệ của Chúa Giê-su đi ra rao giảng về Ngài.

1:9a

Sau khi phán dạy xong các lời ấy, Chúa được tiếp đón về trời, đang lúc các môn đệ nhìn theo Ngài: Các từ *sau khi phán dạy xong các lời ấy* cho thấy rõ rằng Chúa Giê-su phán trong câu 1:7-8 ngay trước khi Ngài về trời. Đức Chúa Trời là trung gian cho thể thụ động “Chúa (Chúa Giê-su) được tiếp đón về trời”. Bởi vậy cho nên bạn cần thêm “Đức Chúa Trời trung gian cho việc “được cất lên” hay bạn có thể dịch là “Đức Chúa Trời đã cất Chúa Giê-su về Thiên Đàng. Bạn cần làm cho sáng tỏ rằng Ngài được “cất về trời” trong khi các môn đệ đang nhìn theo Ngài.

1:9b

một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không còn trông thấy nữa: Những từ này có thể có nghĩa là Chúa Giê-su đang đi thẳng lên không trung vào trong đám mây và các môn đệ không còn trông thấy Ngài nữa. Điều này không có nghĩa là đám mây đã đưa Ngài lên.

1:10-11 Thiên sứ bảo các sứ đồ rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại.

1:10a

Họ còn chăm chú nhìn theo Ngài lên trời: Những từ này cho thấy rằng các sứ đồ đang nhìn theo đám mây và đám mây đã che khuất giữa họ và Chúa Giê-su. Họ đang cố tìm xem Chúa Giê-su ở đâu. Việc này xảy ra ngay sau khi Chúa mới bắt đầu được cất lên Thiên Đàng. Những từ này cũng còn cho thấy lúc hai thiên sứ hiện ra ngay sau khi Chúa Giê-su được cất về Thiên Đàng.

1:10b

bỗng có hai người nam mặc áo trắng hiện ra đứng bên họ: Bác Sĩ Lu-ca đã ghi lại rằng hai người mặc đồ trắng, cần được nhắc rõ ở đây, mặc dù trông giống như con người, nhưng họ là thiên sứ thật, thành linh xuất hiện và đứng bên cạnh các sứ đồ. Điều này cho thấy họ không phải là những thường dân mặc áo trắng. Các từ *đứng bên họ* cho thấy rằng chỗ đứng của các thiên sứ ngay sát bên chỗ đứng các sứ đồ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ “thiên sứ” bạn có thể dùng ở đây.

Nếu không, cần thêm ghi chú ở cuối trang giải thích rằng: thiên sứ là thân linh Đức Chúa Trời đã sai xuống từ trời.

1:11a

báo: “Các người Ga-li-lê kia, sao các anh cứ đứng nhìn lên trời làm gì?: Một vài ngôn ngữ có lẽ cần dịch câu này như “một người nói” thay vì “họ nói.” “Họ nói” dường như cả hai đều nói những lời nói giống nhau, và cùng một lúc. Các thiên sứ không muốn có câu trả lời cho câu hỏi. Nhưng đây là một lối nói với các sứ đồ rằng họ không cần đứng đó tiếp tục nhìn lên trời. Điều này hàm ý rằng họ nên trở lại Giê-ru-sa-lem. Vì lẽ đó, bạn có thể dịch ở đây như một câu nói. Hãy xem Câu Định Nghĩa (CĐN). Các từ *các người Ga-li-lê* ý nói các sứ đồ là những người thuộc các miền trong tỉnh Ga-li-lê.

1:11b

Đức Giê-su này vừa được tiếp đón về trời khỏi các anh: Những từ này có nghĩa Chúa Giê-su chính là người vừa được tiếp đón về trời. Bạn nên dịch rõ ràng rằng “Đức Chúa Trời” chính là Đấng đã tiếp đón Chúa Giê-su về Thiên Đàng. *Trời* ở đây có nghĩa là nơi có Đức Chúa Trời ngự (Thiên Đàng), thay vì bầu trời như trong câu 1:11a.

1:11c

cũng sẽ trở lại như cách các anh thấy Ngài lên trời vậy!: Ở đây, hay trong 1:11b, bạn có thể thêm vào một thành ngữ về thời gian như “một ngày nào đó,” bởi vì những gì các thiên sứ đã nói hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ không trở lại ngay tức khắc. Theo những gì Chúa Giê-su đã nói trong 1:8 các sứ đồ đã biết họ có rất nhiều việc phải làm và có thể phải tốn rất nhiều thời gian. Chúa Giê-su đã về Thiên Đàng trong thân thể trọn vẹn của Ngài, và sẽ trở lại thế gian bằng con người ấy. Các sứ đồ đã không thấy Chúa Giê-su thực sự vào thiên đàng. Họ chỉ thấy Ngài lên thẳng không trung trên đường về thiên đàng.

1:9a	Sau khi phán dạy xong các lời ấy, Chúa được tiếp đón về trời, đang lúc các môn đệ nhìn theo Ngài, Sau khi đã nói các điều đó, [Đức Chúa Trời khiến] Chúa Giê-su lên [thăng thiên đàng], trong khi các môn đệ của Ngài đang nhìn theo,
1:9b	một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không còn trông thấy nữa. [Ngài đã đi thẳng vào] một đám mây, vì đám mây đã che khuất nên các môn đệ không còn thấy Ngài [nữa]. -HAY- và bởi vì đám mây đã che khuất nên các môn đệ không thể thấy Ngài được [nữa].
1:10a	Họ còn chăm chú nhìn theo Ngài lên trời, Trong khi họ [còn] đang nhìn lên trời, theo hướng Ngài đã đi,
1:10b	bỗng có hai người nam mặc áo trắng hiện ra đứng bên họ, thình lình, có hai người nam mặc áo trắng chợt đứng bên cạnh họ, [Đây là những thiên sứ]
1:11a	bảo: “Các người Ga-li-lê kia, sao các anh cứ đứng nhìn lên trời làm gì? [Rồi hai thiên sứ] hỏi: “Hỏi các anh, người Ga-li-lê [vùng/tỉnh], tại sao các anh [còn] đứng [ở đây] mà nhìn lên trời? -HAY- [Rồi một trong hai thiên sứ] hỏi: “Hỏi các người Ga-li-lê, các anh không cần phải đứng [ở đây lâu hơn nữa] mà nhìn thẳng lên trời.
1:11b	Đức Giê-su này vừa được tiếp đón về trời khỏi các anh Chúa Giê-su này Đấng Đức Chúa Trời đã cất khỏi các anh dạng rước về trời,
1:11c	cũng sẽ trở lại như cách các anh thấy Ngài lên trời vậy!” [Một ngày nào đó] cũng sẽ trở lại [thế gian] theo như cách các anh đã thấy Ngài lên trời vậy.” -HAY- cũng sẽ trở lại [thế gian] trong một hình thức giống như khi các anh đã thấy Ngài lên trời vậy.”

PHẦN I: HỘI THÁNH THÀNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN (1:12-19:20)

Phần chính thứ nhất của sách Công Vụ ghi lại sự thành hình của hội thánh đã được bắt đầu tại Giê-ru-sa-lem khi Đức Thánh Linh giáng lâm. Ngoài ra, còn ghi rõ các môn đệ của Chúa Giê-su đã thiết lập nhiều hội thánh tại nhiều nơi, như thế nào. Phần thứ nhất này gồm có năm phân đoạn như sau: 1:12-6:7, 6:8-9:31, 9:32-12:24, 12:25-16:5 và 16:6-19:20. Bác Sĩ Lu-ca đã chấm dứt mỗi phân đoạn bằng lời tóm tắt: 6:7, 9:31, 12:24, 16:5 và 19:20. Trong những câu này Bác Sĩ Lu-ca đã cho biết những diễn tiến tốt đẹp môn đệ Chúa Giê-su đang thực hiện, ở nhiều nơi, theo sự phán dạy của Ngài. Các công việc này đã giúp đỡ nhiều người tin vào Chúa Giê-su như thế nào. Những lời tóm tắt này đôi khi còn được gọi là những “báo cáo về phát triển hội thánh.”

Phân Đoạn 1:12-6:7 Đức Thánh Linh giảng lâm và thêm sức cho các môn đệ đem nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-su

Bối cảnh của phân đoạn này là thành Giê-ru-sa-lem và người Do Thái. Như lời Chúa Giê-su đã hứa với các sứ đồ (1:4-5 và 7-8), Đức Thánh Linh giảng lâm (2:1-4) và giúp đỡ các sứ đồ dạy dỗ về Chúa Giê-su cho nhiều người. Số người tin Chúa gia tăng một cách nhanh chóng tại Giê-ru-sa-lem (6:7), Đức Thánh Linh ban quyền phép các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ, như chữa lành người què (3:1-10). Những phép lạ này là bằng chứng cho mọi người về những gì các sứ đồ và môn đệ đã nói là sự thật, và rằng Đức Chúa Trời đã giúp đỡ họ. Dầu vậy, những nhà lãnh đạo Do Thái đã chống đối và ngăn cản các sứ đồ rao giảng về Chúa Giê-su (4:1-22 và 5:17-40). Phân đoạn này cũng cho biết những người tin Chúa đã sống chung và cùng làm việc chung với nhau một cách tốt đẹp (2:42-47 và 4:32-35). Tuy nhiên, phân đoạn này cũng ghi lại một số nan đề của những người tin Chúa, như việc nói dối của A-na-ni-a và Sa-phi-ra (5:1-11), và việc các quả phụ bị bỏ bê (6:1). Nhưng cũng được ghi lại việc các sứ đồ đã giải quyết nan đề này như thế nào.

Phân đoạn này gồm có bảy phân đoạn phụ, cộng thêm lời tóm tắt: 1:12-26, 2:1-4, 2:5-47, 3:1-4:31, 4:32-5:11, 5:12-42 và 6:1-6, thêm 6:7. Một trong các phân đoạn phụ này chỉ có một đoạn (2:1-4) và các phân đoạn phụ khác gồm nhiều đoạn (ví dụ, 2:5-47).

Phân đoạn phụ 1:12-26 Môn đệ Chúa Giê-su chọn Ma-thi-a thay thế Giu-đa

Trong khi những người tin Chúa đang đợi Đức Thánh Linh giảng lâm, thì các môn đệ cùng đồng tâm cầu nguyện. Lúc bấy giờ Phê-rô tuyên bố rằng họ cần chọn một người để thay thế Giu-đa. Vậy nên, các môn đệ chọn ra hai người đã từng theo Chúa trong suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ. Sau đó họ xin Đức Chúa Trời cho họ biết một trong hai, ai là người Ngài sẽ chọn. Họ đã dùng cách bắt thăm để chọn một trong hai người. Hãy xem 1:26.

Phân đoạn phụ này gồm có 3 phần: Trong 1:12-14, những người tin Chúa hiệp ý cầu nguyện. Trong 1:15-22, Phê-rô cho biết họ cần phải làm gì. Trong 1:23-26, những người tin Chúa chọn Ma-thi-a thay Giu-đa với chức vụ của một sứ đồ.

Tiểu đoạn 1:12-14 Các sứ đồ và những người tin Chúa khác thường cầu nguyện chung với nhau

Theo tiểu đoạn ngắn này, các sứ đồ, cùng với những người tin Chúa khác, thường hiệp chung cầu nguyện tại Giê-ru-sa-lem.

1:12a

Sau đó, họ từ núi Ô-liu về Giê-ru-sa-lem: Núi Ô-liu là nơi Chúa Giê-su từ giã các sứ đồ khi Ngài về thiên đàng, và cũng là lúc các thiên sứ đã bắt chợt hiện đến. Sau đó hàm ý rằng các sứ đồ trở lại Giê-ru-sa-lem ngay sau khi các thiên sứ đã xuất hiện và nói chuyện cùng họ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ dành riêng cho “đồi” và “núi” bạn nên dùng từ “đồi” vì nơi này thực sự không cao lắm. Ý nghĩa của tên đồi này là “Lùm Ô-liu.” Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ cho “ô-liu” bạn có thể dùng một từ giống

tiếng Hy-lạp *elaia* hay “ô-liu” trong tiếng Việt.

1:12b

Chỉ cách một quãng đường đi một ngày Sa-bát: Các từ *một quãng đường đi một ngày Sa-bát* cho biết một khoảng cách độ chừng một cây số từ đồi Ô-liu đến thành Giê-ru-sa-lem. Đây là khoảng cách mà một người Do Thái chỉ được phép đi trong “Ngày Sa-bát” một ngày nghỉ của người Do Thái. *Sa-bát* đây không ngụ ý nói đến một ngày trong tuần lễ mà Chúa Giê-su đã về trời, nhưng chỉ

PHẦN I: HỘI THÁNH THÀNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN (1:12-19:20)

Phân đoạn 1:12-6:7 Đức Thánh Linh giáng lâm ban quyền phép cho các sứ đồ giúp đỡ rất nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-su

Phân đoạn phụ 1:12-26 Môn đệ Chúa Giê-su chọn ma-thia thay thế Giu-đa

Tiểu đoạn 1:12-14 Các sứ đồ và những người tin Chúa khác, thường cầu nguyện chung với nhau

- 1:12a** **Sau đó, họ từ núi Ô-liu về Giê-ru-sa-lem.**
Sau đó [sau khi hai thiên sứ đã rời họ,] các sứ đồ từ đồi Ô-liu, cũng gọi là đồi sọ, trở lại Giê-ru-sa-lem.
- 1:12b** **Núi ấy ở gần Giê-ru-sa-lem, chỉ cách một quãng đường đi một ngày Sa-bát.**
Núi ấy cách Giê-ru-sa-lem khoảng chừng một cây số.
-HAY-
Núi ấy cách Giê-ru-sa-lem khoảng chừng một ngày Sa-bát [theo luật người Do Thái] đây là khoảng đường mà người Do Thái chỉ được phép đi trong ngày Sa-bát.
- 1:13a** **Về đến nơi, họ lên lầu và ở tại đó.**
Khi họ vào [trong thành phố], họ đi vào trong một phòng cao [trong nhà] nơi họ đang cư ngụ.
-HAY-
Khi họ trở lại [Giê-ru-sa-lem], họ đi vào một phòng trên lầu [ở trong nhà] nơi họ đang ở trọ và là nơi hội họp.

nhấn mạnh đến khoảng cách từ núi Ô-liu đến thành Giê-ru-sa-lem. Vì thế, bạn không cần cho “Sa-bát” vào trong bản dịch của bạn.

1:13a

Về đến nơi, họ lên lầu và ở tại đó: Những nhóm từ này đề cập cả đến hai thành phố, Giê-ru-sa-lem, và nơi có nhà các sứ đồ hiện đang ở trong thời gian này. *Lên lầu* nơi họ ở

là một phòng được xây cất ở tầng thứ nhì của ngôi nhà. Căn phòng này đủ rộng để chứa độ 120 người (1:15). Bác Sĩ Lu-ca không cho biết, đây có phải là phòng trên lầu mà trước đó Chúa Giê-su đã gặp các môn đệ của Ngài trong Phúc Âm Lu-ca 22:12 hay không.

Các từ *ở tại đó* bày tỏ chỉ một thời gian ngắn. Phòng này có lẽ là nơi các sứ đồ và các môn đệ khác đã họp mặt trong lúc đó.

1:13b

Hiện diện có Phê-rô, Giăng, Gia-cơ, An-rê, Phi-líp, Thô-ma, Ba-thê-lê-mi, Ma-thi-ơ, Gia-cơ (con An-phê), Si-môn người thuộc nhóm Sê-lốt và Giu-đa (con Gia-cơ): Trong bản dịch của bạn, cần nên ghi tên mười một sứ đồ theo thứ tự như ở trên. Nhưng bạn cần liên kết các tên lại thế nào cho có vẻ tự nhiên. Chữ “họ” trong 1:13a chỉ về những sứ đồ có tên được ghi ở trên. Trong số những người này, ba người có tên là Gia-cơ. Tuy nhiên, người có tên Gia-cơ ở cuối danh sách không phải là sứ đồ, có thể ông là cha của Giu-đa nhưng không phải là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt.

Si-môn người thuộc nhóm Sê-lốt có thể Si-môn trước đây là thành viên của một đảng chính trị với mục đích muốn giải phóng Y-so-ra-ên khỏi ách thống trị của đế quốc La-mã. Tuy nhiên, bạn có thể dùng một chữ giống như tiếng Hy-lạp, *zēlōtēs*, như một phần của tên ông ấy. Như vậy tên ông ấy có thể giống “Simôn Sê-lốt.” Phúc Âm Lu-ca 6:14-16 có một danh sách giống ở đây nhưng thứ tự của các tên có khác đôi chút. Trong trường hợp này bạn nên theo thứ tự của Công Vụ 1:13b.

1:14a

Tất cả các người đó đều đồng tâm kiên trì cầu nguyện liên tục: *Tất cả các người đó* chỉ về mười một sứ đồ có tên trong danh sách ở 1:13b. Các từ được dịch *kiên trì cầu nguyện liên tục* có nghĩa là các sứ đồ luôn luôn hiệp ý với nhau; họ đồng một lòng với

nhau. Hàm ý rằng họ hiệp lại thành một nhóm để cầu nguyện. Bạn nên nêu rõ ý rằng các sứ đồ và những người tin Chúa khác thường xuyên họp nhau cầu nguyện, không phải là luôn luôn cầu nguyện và chẳng làm việc chi khác.

1:14b

cùng với các bà và Ma-ri là mẹ Đức Giê-su và các em trai Ngài: Dưới đây là ba cách có thể dịch từ *các bà*:

- (1) Đây là những người đàn bà, đã từng ở với Chúa Giê-su và các sứ đồ, và cũng đã từng giúp đỡ họ một cách thực tế trong suốt thời gian Chúa thi hành chức vụ. Xem Lu-ca 8:1-3.
- (2) Họ chỉ là những phụ nữ tin Chúa Giê-su.
- (3) Họ là vợ của các sứ đồ.

Rất có thể họ không phải là vợ của các sứ đồ, và cũng không thể là những phụ nữ tin Chúa Giê-su, vì Bác Sĩ lu-ca ghi nhận họ là một nhóm người đặc biệt. Vì lẽ đó, cách dịch thứ nhất là sát ý hơn hết.

Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng *các em trai Ngài* đây là em cùng mẹ khác cha của Chúa Giê-su, bởi vì Chúa Giê-su không có cha thuộc thế. Có nghĩa là họ là những người con của ông Giô-sép và bà Ma-ri. Tuy nhiên, có một số người khẳng định rằng Bác Sĩ Lu-ca đã dùng từ “các em trai” với một ý nghĩa thông thường là anh em bà con, họ hàng. Ý nghĩa chính trong tiếng Hy-lạp là “em trai ruột.” Trong một vài ngôn ngữ khác, người ta gọi “anh em ruột thịt.”

Tiểu đoạn 1:15-22 Phê-rô bảo các môn đệ Chúa Giê-su rằng họ cần chọn một người thay thế Giu-đa

Lời đề nghị của Phê-rô bắt đầu từ 1:16 đến cuối câu 1:22. Tuy nhiên 1:18-19 có lẽ được để trong ngoặc đơn (...) vì Bác Sĩ Lu-ca muốn giải thích một số điều mà ông tin rằng độc giả của ông không được quen thuộc.

1:15-17 Phê-rô bảo tại sao phải có một người thay thế Giu-đa

1:15a

Trong những ngày ấy, Phê-rô đứng lên giữa nhóm anh em: Nhóm từ *trong những*

ngày ấy ghi nhận thời điểm sau khi Chúa Giê-su trở về thiên đàng, trong khi các môn đệ đang chờ đợi Đức Thánh Linh giáng lâm. Nhóm từ chỉ về thời gian này còn nói đến sự bắt đầu của một đơn vị mới. Trong tiếng Hy-lạp, *nhóm anh em* có nghĩa đen là “những

1:13b **Hiện diện có Phê-rơ, Giăng, Gia-cơ, Anh-rê, Phi-líp, Tô-ma, Ba-thê-lê-mi, Ma-thi-ơ, Gia-cơ (con An-phê), Si-môn người thuộc nhóm Sê-lốt và Giu-đa (con Gia-cơ).**

[Những người này gồm có] Phê-rơ và Giăng, Gia-cơ và Anh-rê, Phi-líp, Tô-ma, Ba-thê-lê-mi, Ma-thi-ơ, [một người khác] là Gia-cơ [con của] An-phê, Si-môn người thuộc nhóm Sê-lốt, và Giu-đa [con trai] của [một người khác có tên] Gia-cơ.

1:14a **Tất cả các người đó đều kiên tâm nhất trí cầu nguyện liên tục**

Tất cả các sứ đồ đều hiệp ý chuyên tâm cầu nguyện [với nhau].

-HAY-

Tất cả các sứ đồ đều luôn luôn đồng ý với nhau [và] thường thường cầu nguyện [chung với nhau].

1:14b **cùng với các bà và Ma-ri là mẹ Đức Giê-su và các em trai Ngài.**

[Những người khác cùng cầu nguyện chung với họ] gồm có những người đàn bà đã từng giúp đỡ Chúa Giê-su, Ma-ri [người đã là] mẹ Chúa Giê-su và những anh em/họ hàng [và những tín hữu khác].

Tiểu đoạn 1:15-22 Phê-rơ bảo các môn đệ Chúa Giê-su phải chọn người thay thế Giu-đa

1:15a **Trong những ngày ấy, Phê-rơ đứng lên giữa nhóm anh em**

Trong những ngày ấy, Phê-rơ đứng lên giữa vòng những người tin Chúa [khác],

1:15b **đông khoảng một trăm hai mươi người,**

có [tại nơi đó] một nhóm độ 120 [môn đệ của Chúa Giê-su].

người anh em.” Đây có nghĩa là “những người cùng đức tin,” không phải là anh em ruột của Phê-rơ. Trong một vài ngôn ngữ, thông thường, người ta có thể gọi một người cùng niềm tin là “anh,” “chị” hay “em.” Trong bản dịch của bạn, nên nói rõ rằng chính Phê-rơ là một trong những người tin Chúa Giê-su. Hãy xem Câu Định Nghĩa (CĐN).

1:15b

đông khoảng một trăm hai mươi người:

Trước giả phỏng đoán một số đông người tin Chúa Giê-su đã tụ tập tại đây. Địa điểm của buổi họp có thể tại trên phòng cao đã được đề cập trong 1:13a, bởi vì, Bác Sĩ Lu-ca không nhắc đến việc thay đổi địa điểm ở đây. Trong bản dịch của bạn, nếu cần nên chuyển 1:15b thành một câu riêng biệt.

1:16a

và nói: “*Thưa các anh em:* Phê-rô là xướng ngôn viên, ông gọi những người đang có mặt tại đây là *anh em*, có nghĩa là những người bạn cùng đức tin. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng cách xưng hô của Phê-rô không phải chỉ dành riêng cho quý ông, nhưng cho quý bà nữa. Vậy, bạn nên dịch là “anh chị em,” nếu những người tin Chúa có cùng ngôn ngữ với bạn, họ gọi nhau như thế.

lời Kinh Thánh mà Đức Thánh Linh đã phán từ xưa qua môi miệng Đa-vít: *Lời Thánh Linh* đây là đoạn Kinh Thánh có lẽ trong Thi Thiên 69:25 và 109:8 mà Phê-rô nghĩ tới, nhưng ông không nhắc đến ở đây, và chỉ nhắc đến trong 1:20. Nhóm từ tượng hình này *qua môi miệng Đa-vít* có nghĩa là Đức Thánh Linh hướng dẫn vua Đa-vít nói và viết về Giu-đa trước khi Giu-đa được sinh ra. *Đa-vít* là một trong những vị vua của dân Do Thái trong thời Cựu Ước, ông cũng đã viết một số bài Thi Thiên.

phải được ứng nghiệm: Nhóm từ này nói đến lời tiên thi của Chúa sẽ phải xảy ra. Giu-đa là một bằng chứng cụ thể.

1:16b

kẻ đã dẫn đường cho bọn người đi bắt Đức Giê-su: Trong bản dịch của bạn, nên bắt đầu bằng một câu mới ở đây, vì mệnh đề này liên hệ sát với 1:17. Những việc Giu-đa đã làm, dựa theo 1:16b, không phải là những gì người ta thường mong đợi xảy ra, từ một trong các sứ đồ của Chúa Giê-su. Bạn nên dịch như thế này: “Ông ta đã dẫn đường cho những người đi bắt Chúa,” và dùng nó làm mệnh đề đầu tiên cho 1:17.

1:17

Hắn là một người trong số chúng tôi và dự phần vào chức vụ này: Việc Giu-đa đã làm thực trái ngược với những gì người ta mong đợi. Vì thế bạn nên làm sáng tỏ sự quan hệ của hai phần 1:16b và 1:17 bằng cách dùng từ “mặc dù” hay “tuy” ở đầu câu 1:17. Mặc dù Phê-rô là phát ngôn viên cho nguyên cả nhóm người tin Chúa đang hiện diện tại đây, nhưng khi dùng từ *số chúng tôi* ông chỉ có ý

nói đến các sứ đồ mà thôi. Vì thế, bạn nên dùng *chúng tôi* ở đây và ở trong 1:21-22.

Nhóm từ *dự phần vào chức vụ* này bày tỏ rằng Chúa Giê-su đã chọn Giu-đa làm sứ đồ, và Giu-đa cũng đã làm việc chung với các sứ đồ khác trong suốt thời gian Ngài chung sống với họ. Bạn có thể dịch 1:16b và 1:17 như thế này:

“Ông ta/Giu-đa dẫn đường cho những người bắt Chúa, mặc dù Ngài đã chọn Giu-đa, cùng với chúng tôi, để hầu việc như một trong mười hai sứ đồ của Ngài.”

Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng 1:18-19 là những tin tức được Bác Sĩ Lu-ca thêm vào, bạn nên chấm dứt lời Phê-rô ở cuối câu 1:17.

1:18-19 Bác Sĩ Lu-ca giải thích cho độc giả của ông Giu-đa đã chết như thế nào

Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng Bác Sĩ Lu-ca đã thêm 2 câu này vào lời tuyên bố của Phê-rô nhằm giúp cho người đọc hiểu những gì đã xảy ra cho Giu-đa. Có thể không cần thiết để Phê-rô giải thích điều này cho thính giả của ông, vì mọi người đã biết rõ về cái chết của Giu-đa.

1:18a

Giu-đa đã lấy tiền thưởng cho công tác tội ác đi mua một đám ruộng: Từ *tiền thưởng* ở đây nói về việc Giu-đa nhận tiền của những người lãnh đạo Do Thái để đổi Chúa Giê-su cho họ. Bạn nên dịch như thế này: “Giu-đa đã nhận tiền từ những người mà ông đã dẫn họ đi bắt Chúa Giê-su.” Theo Ma-thi-ơ 27:7, các thầy tế lễ là những người đã thực sự mua miếng ruộng. Điều này dường như cho thấy rằng một người cần hiểu từ *mua* được dùng theo nghĩa bóng. Có nghĩa là trên danh nghĩa Giu-đa đã mua một đám ruộng, nhưng kỳ thật những thầy tế lễ đã dùng tiền Giu-đa trả lại cho họ, để mua ruộng đó. Bạn nên dùng một từ chung như “có được” thay vì mua để dịch ý này. Có một ý khác, có thể là các thầy tế lễ đứng tên Giu-đa để mua ruộng, bởi vì

1:16a	<p>và nói: “Thưa các anh em, lời Kinh Thánh mà Đức Thánh Linh đã phán từ xưa qua môi miệng Đa-vít phải được ứng nghiệm. Lời Chúa nói về Giu-đa, [và rồi] Phê-rô tuyên bố: “Các anh em, [điều mà Vua Đa-vít đã ghi lại] trong Kinh Thánh phải được xảy ra [như ông đã nói điều đó sẽ xảy ra]. Từ xa xưa, Đức Thánh Linh đã hướng dẫn Đa-vít đã nói /viết [về điều đó].</p> <p>-HAY-</p> <p>[Và rồi] Phê-rô đã nói: “Hỡi anh em tín hữu, [những gì Vua Đa-vít đã viết trong] Kinh Thánh về Giu-đa phải được ứng nghiệm [như ông đã nói việc sẽ xảy ra]. Từ xa xưa Đức Thánh Linh đã dùng Vua Đa-vít nói ra những việc [sẽ xảy ra cho Giu-đa].</p>
1:16b	<p>kẻ đã dẫn đường cho bọn người đi bắt Đức Giê-su. Giu-đa là người đã dẫn đường bọn người đi bắt Giê-su,</p>
1:17	<p>Hắn là một người trong số chúng tôi và dự phần vào chức vụ này. [mặc dù] Chúa Giê-su đã chọn hắn, cùng với chúng ta, để hầu việc [như một sứ đồ].”</p> <p>-HAY-</p> <p>[mặc dù] Chúa Giê-su đã tuyển chọn hắn [như một sứ đồ] cũng như chúng ta [những sứ đồ khác], và Giu-đa đã hầu việc [như một sứ đồ].”</p>
1:18a	<p>Giu-đa đã lấy tiền thưởng cho công tác tội ác đi mua một đám ruộng, Giu-đa đã mua một miếng ruộng [bị những người khác dùng] bằng số tiền [mà hắn] đã nhận [của người ta bởi vì hắn] đã hành động một cách phản bội.</p>
1:18b	<p>nhưng nó ngã đâm đầu xuống giữa ruộng, bụng nứt, ruột đổ ra. Hắn đã ngã sấp xuống [thật mạnh trong đám ruộng ấy, cho nên] bụng nứt và ruột đổ ra.</p>

họ đã dùng chính tiền mà họ đã trả cho Giu-đa để đổi lấy Chúa Giê-su.

công tác tội ác: Trong nguyên bản Hy-lạp có chữ đồng nghĩa với “không công bình/gian ác.” Nhưng bạn có thể dịch chi tiết hơn, chẳng hạn như “trọng tội/tội phản Chúa Giê-su.”

1:18b

nhưng nó ngã đâm đầu xuống giữa ruộng, bụng nứt, ruột đổ ra: Trong tiếng Hy-lạp từ dùng để diễn tả trạng thái của Giu-đa *ngã đâm đầu* có thể ngụ ý rằng Giu-đa té gục đầu xuống đất. Thực sự không khó để so sánh

câu này với Ma-thi-ơ 27:5, nói rằng Giu-đa đã tự thắt cổ mình. Có thể ông đã tự treo cổ mình trên một cành cây cạnh sườn đồi. Rồi cành cây gãy hoặc dây đứt làm cho Giu-đa rớt chúi đầu xuống đất. Dĩ nhiên, tự thắt cổ mình, chắc ông đã chết trước khi rơi xuống đất. Nguyên cả người ông rơi xuống đất với một sức nặng của toàn thân hẳn nhiên là *bụng nứt, ruột đổ ra*. Quả là một lối chết thật khủng khiếp của Giu-đa. Để diễn tả Giu-đa đã ngã như thế nào, bạn cần ghi rõ rằng Giu-đa đã ngã từ một độ cao, thay vì vấp và té úp mặt xuống đất..

1:19a

Việc này cả dân Giê-ru-sa-lem đều biết rõ: Bạn cần làm sáng tỏ rằng người dân ở Giê-ru-sa-lem đã được biết tin này từ những người khác về cái chết khủng khiếp của Giu-đa.

1:19b-c

nên họ gọi đám ruộng đó là Hắc-ên-da-ma nghĩa là Ruộng Huyết: Ý nghĩa *Ruộng Huyết* có thể bởi vì lối chết, người đầy máu, của Giu-đa tại đám ruộng. Nếu bản dịch của bạn cần phải được chi tiết thêm về ngôn ngữ của từ Hắc-ên-da-ma, bạn có thể dùng những từ như “ngôn ngữ riêng của người Do Thái.” Ngôn ngữ của người Do Thái dùng bấy giờ là tiếng Hy-bá-lai cổ. Bạn có thể dùng cách nào tốt nhất cho ngôn ngữ của bạn.

nghĩa là Ruộng Huyết: Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng người ta gọi chỗ này là *ruộng huyết* vì Giu-đa đã tự tử tại đây và máu của ông ta đã đổ ra trong đám ruộng. Bạn có thể dịch giống như thế này: “Có nghĩa là một đám ruộng đầy máu của người chết đã tràn ra.” Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng 1:18-19 là những chi tiết Bác Sĩ Lu-ca đã thêm vào, vì thế bạn nên tìm cách giải thích cho rõ ràng trong bản dịch của bạn.

1:20 Phê-rơ trích dẫn trong Thi Thiên về Giu-đa

1:20a

Vì Thánh Thi đã chép: Vì 1:18-19 hiển nhiên là những chi tiết Bác Sĩ Lu-ca đã thêm vào, bạn cần phải giải thích rõ ràng rằng Phê-rơ bắt đầu lại lời nói của ông từ câu này. Từ vì có thể được móc nối với lời trích dẫn của Phê-rơ trong Thi Thiên (1:20b-c) với những gì Phê-rơ đã nói về Giu-đa phản Chúa Giê-su (1:17). Do đó, bạn có thể dịch như thế này:

[Phê-rơ cũng đã nói: “Việc này phải xảy ra,] bởi vì [Đa-vít] đã viết về vấn đề này [từ nhiều thế kỷ trước] trong Sách Thi Thiên.”

Bạn có thể rút ngắn lại bằng cách bỏ bớt liên từ “vì” ở đây. Lời của Phê-rơ có thể bắt đầu từ “[Đa-vít] đã viết.”

1:20b

Nguyện chỗ ở nó phải hoang tàn và cũng không còn ai cư trú tại đó: Mệnh đề này được trích ra từ lời vua Đa-vít cầu nguyện với Đức Chúa Trời nghịch lại cùng kẻ thù của ông (Thi Thiên 69:25). Ở đây Đa-vít nói rằng “chỗ ở chúng nó” và “trại chúng nó.” Phê-rơ đã dùng số ít để tham chiếu, *chỗ ở nó*, bởi vì ông đã áp dụng lời cầu nguyện của Đa-vít cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Đa-vít đã nài xin Đức Chúa Trời phán xét kẻ thù của ông ta. Ý nghĩa lời thuật lại của Phê-rơ giống như thế này: “Chúa ơi, hãy phán xét nó, đừng để cho nó hay một người nào khác ở trong nhà này!” Phê-rơ đã coi đây như một lời tiên tri đã được ứng nghiệm với Giu-đa. Lời trích dẫn này là một thí dụ về những gì người Do Thái đã thường làm trong khi viết, đặc biệt là trong văn thơ. Có nghĩa là họ viết hai lần cùng một vấn đề, chỉ khác nhau chút đỉnh trong cách dùng các từ. Điều này có thể chỉ cần nói một lần trong bản dịch của bạn, như đã được đề nghị ở trên, và kể cả trong câu thứ hai của Câu Định Nghĩa.

1:20c

và nguyện một người khác thay thế chức vị nó!: Thay vì dùng một liên từ và ở đây, bạn nên bắt đầu bằng một câu mới, giống như thế này: “Đa-vít cũng đã viết về điều này [về Giu-đa]...” Lời trích dẫn này được trích ra từ sách Thi Thiên 109:8, trong trường hợp khi vua Đa-vít đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời xin Ngài tìm một người khác thay thế chức vụ lãnh đạo. Vì người đương kim là kẻ thù của Đa-vít. Bạn có thể nói như thế này: “Khiến một người khác thay vào chức vụ của nó.” Lời trích dẫn này là một phần căn bản của những gì Phê-rơ đã nói trong câu kế tiếp.

1:19a	Việc này cả dân Giê-ru-sa-lem đều biết rõ, Tất cả dân chúng [cư ngụ] tại Giê-ra-sa-lem đều biết rõ [người ta nói rằng Giu-đa đã tự giết mình như thế đó],
1:19b	nên họ gọi đám ruộng đó là Hắc-ên-đa-ma, vì thế cho nên người ta đã gọi ruộng ấy, theo ngôn ngữ riêng [của người Do Thái] Hắc-ên-đa-ma.
1:19c	(nghĩa là Ruộng Huyết). Có nghĩa là một đám ruộng [ở đó] máu [của một người bị đổ ra.] -HAY- Có nghĩa là một đám ruộng đẫm máu [của một người.]
1:20a	“Vì Thánh Thi đã chép: [Phê-rơ nói tiếp:] “Trong sách Thi Thiên [Vua Đa-vít] đã viết [việc này về Giu-đa], -HAY- [Phê-rơ cũng đã nói:] “Việc đó phải được xảy ra, bởi vì Đa-vít đã viết [về điều này từ xưa] trong sách Thi Thiên,
1:20b	Nguyện chỗ ở nó phải hoang tàn và cũng không còn ai cư trú tại đó ‘Nguyện chỗ ở/nhà của nó trở nên hoang tàn, và chẳng có một người nào ở đó.’ -HAY- ‘[Xin Chúa hãy đoán xét nó,] để cho nó hay một người nào khác sẽ không được ở trong nhà của nó!’
1:20c	và nguyện một người khác thay thế chức vị nó!” [Đa-vít cũng đã nói/viết về Giu-đa:] ‘Nguyện một người khác bắt đầu làm công việc của nó [như một người lãnh đạo].’ -HAY- [Đa-vít cũng đã cầu nguyện với Chúa về kẻ thù của ông như thế này:] ‘Xin cho một người khác thay thế nó [như một người lãnh đạo]!’
1:21a	Vì thế, cần phải chọn một người trong nhóm Vì thế, đây là việc cần thiết [cho chúng ta, các sứ đồ, phải chọn] một người [thay thế Giu-đa]. -HAY- Vì thế cho nên, phải có một người [trở thành sứ đồ bởi sự lựa chọn của chúng ta, để thay thế Giu-đa].

1:21-22 Phê-rơ kết luận rằng họ cần phải chọn một người thay thế Giu-đa

1:21a

Vì thế, cần phải chọn một người trong nhóm: Căn cứ theo Lời Kinh Thánh đã được trích dẫn và những việc Giu-đa đã làm, Phê-

ơ nói với những người tin Chúa đang có mặt tại đây rằng chính ông ta và các sứ đồ khác phải chọn một người để thay thế Giu-đa. Từ *chúng tôi* trong câu 1:17 đề cập đến mười hai sứ đồ. Bởi vậy cho nên Phê-rơ có ý nói với tất cả mọi người đang có mặt tại nơi này rằng chỉ có chính ông và các sứ đồ khác cần phải lo việc chọn người thay thế Giu-đa. Các

từ một người trong nhóm cho thấy có nhiều hơn một người để cho các sứ đồ chọn lựa.

1:21b

từng ở với chúng tôi suốt thời gian Chúa Giê-su đi lại giữa chúng ta: Đây nói đến điều kiện cần thiết phải có của người thay thế chức vụ Giu-đa. Người này phải là một người đã từng ở chung với các sứ đồ trong suốt thời gian Chúa Giê-su sống bên họ. Bạn nên ghi trọn ý này thành một câu riêng, giống như ở trong Câu Định Nghĩa.

1:22a

bắt đầu từ khi Giảng làm báp-tem cho đến ngày Đức Giê-su được tiếp lên trời khỏi chúng ta: Điều kiện về thời gian đòi hỏi cho người thay thế Giu-đa như một sứ đồ được ghi rõ ở đây. Có nghĩa là người này đã sinh hoạt chung với các sứ đồ và Chúa Giê-su kể từ khi Giảng Báp-tít làm phép báp-tem cho Ngài và mãi đến lúc Ngài được cất về thiên đàng. Bạn nên ghi lại ý này thành một câu riêng như trong Câu Định Nghĩa.

Dưới đây là hai cách có thể dịch nhóm từ khi Giảng làm báp-tem:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng vấn đề được nói đến một cách tổng quát từ khi Giảng Báp-tít đã làm báp-tem cho những người đến với ông tại sông Giô-đanh. Có thể kể cả khi Giảng làm phép báp-tem cho Chúa Giê-su.
- (2) Một số học giả khác cho rằng vấn đề được đặc biệt đề cập khi Giảng làm báp-

tem cho Chúa Giê-su, vì Chúa Giê-su đã bắt đầu chức vụ ngay sau đó.

Mặc dù các câu 1:21 và 1:22a chú trọng đến Chúa Giê-su, nhưng cũng không quên đề cập đến việc Giảng đã làm báp-tem cho vô số người khác. Như vậy (1) có thể đúng ý hơn, vì đã đề cập đến cả hai việc, lúc Giảng làm báp-tem cho Chúa Giê-su và khi ông làm báp-tem cho nhiều người khác.

1:22b

Phải có một người trong nhóm này hiệp với chúng tôi làm nhân chứng về sự sống lại của Chúa!: Câu này hàm ý rằng các sứ đồ đã chọn được một người có đủ khả năng để làm sứ đồ. Người thay thế Giu-đa sẽ thi hành những công việc như các sứ đồ khác. Có nghĩa là người này phải rao truyền về Chúa Giê-su cho mọi người, Đấng ông đã được tiếp xúc, khi Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Nếu nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể đổi thứ tự của các từ trong 1:21-22 như thế này:

Bởi vậy cho nên phải có một người thế Giu-đa để rao giảng cho mọi người, như chúng tôi, [các sứ đồ], về Chúa Giê-su, Đấng đã từ kẻ chết sống lại. [Người đó] phải là người đã từng ở với chúng tôi trong suốt thời gian chúng tôi ở bên cạnh Chúa Giê-su. [Có nghĩa là người này phải ở cùng chúng tôi] từ khi Giảng làm báp-tem [cho Chúa Giê-su và nhiều người khác] cho đến lúc [Đức Chúa Trời] đưa Ngài rời khỏi chúng tôi để lên [Thiên Đàng].

Tiểu đoạn 1:23-26 Môn đệ Chúa Giê-su cầu nguyện và chọn Ma-thia thay cho Giu-đa

Trong tiểu đoạn ngắn này, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại việc các sứ đồ và các tín hữu khác đã chọn người thay thế Giu-đa như thế nào.

1:23a

Vậy, họ đề cử hai người: Những người tin Chúa đã đáp ứng lời kêu gọi của Phê-rô về việc họ phải làm. Vì thế, bạn có thể dùng liên từ *vậy* hay “Bởi vậy” để giới thiệu mệnh đề này. Mặc dù, các sứ đồ đã đề nghị những ứng cử viên, và những tín hữu khác đã đồng

ý với họ, không một chút nghi ngại. Cho nên, chữ đại danh từ *họ* có thể chỉ về tất cả những người tin Chúa hiện đang có mặt tại đây. Có thể đây là hai người có đứng khả năng nhất. Hay, có thể chỉ có hai người này đủ khả năng làm sứ đồ. Trong hai người này, họ đã chọn một để làm sứ đồ.

- 1:21b** **từng ở với chúng tôi suốt thời gian Chúa Giê-su đi lại giữa chúng ta,**
[Ông ấy phải là một người] từng ở với chúng ta [các sứ đồ] trong suốt thời gian chúng ta ở cùng Chúa Giê-su.
- 1:22a** **bắt đầu từ khi Giăng làm báp-tem cho đến ngày Đức Giê-su được tiếp lên trời khỏi chúng ta.**
[Có nghĩa là] từ [thời gian khi] Giăng làm báp-tem cho [Chúa Giê-su và những người khác] cho đến ngày [khi Đức Chúa Trời] đem Chúa Giê-su lên [thiên đàng] khỏi chúng ta [các sứ đồ].
- 1:22b** **Phải có một người trong nhóm này hiệp với chúng tôi làm nhân chứng về sự sống lại của Chúa!”**
Một người [chúng ta chọn] phải làm việc với chúng ta [các sứ đồ] để nói cho những người khác [rằng Đức Chúa Trời] đã khiến [Chúa Giê-su] sống lại [sau khi Ngài đã chết].”
-HAY-
[Chúng ta phải chọn một người để,] cùng với chúng ta [các sứ đồ], người ấy [cũng] sẽ nói cho những người khác rằng ông đã gặp [Chúa Giê-su sau khi] Ngài sống lại.”

Tiểu đoạn 1:23-26 Môn đệ Chúa Giê-su đã cầu nguyện và đã chọn Ma-thia thế Giu-đa

- 1:23a** **Vậy, họ đề cử hai người:**
Vậy các [sứ đồ và những người tin Chúa khác] đề cử/đề nghị hai người [có đủ khả năng]:
- 1:23b** **Giô-sép gọi là Ba-sa-ba (biệt danh là Giúc-tu) và Ma-thia,**
[Một người là] Giô-sép, [người ta còn] gọi là Ba-sa-ba [và] ông ta [cũng] có biệt danh là Giúc-tu, và [một người khác là] Ma-thia.
-HAY-
[Một người là] Giô-sép Ba-sa-ba, ông ta [cũng] có tên [La Mã] là Giúc-tu, và [một người khác tên là] Ma-thia.

1:23b

Giô-sép gọi là Ba-sa-ba (biệt danh là Giúc-tu) và Ma-thia: *Ba-sa-ba* là tên họ của Giô-sép. Bởi đó, trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng “Giô-sép Ba-sa-ba” cho tên Do Thái của người thứ nhất. *Giúc-tu* là tên La mã của ông ta. *Ba-sa-ba* còn có nghĩa là

“Con trai của Sa-ba,” tên của cha Giô-sép. Hay, *Ba-sa-ba* có thể có nghĩa là “Con trai của Ngày Sa-bát” hàm ý rằng ông đã được sinh ra nhằm ngày Sa-bát. Tuy nhiên bạn không cần thêm ý nghĩa của tên *Ba-sa-ba* trong bản dịch của bạn.

1:24a

và câu nguyện: “*Lạy Chúa là Đấng biết rõ lòng dạ mọi người:* Chắc tất cả những người tin Chúa đang có mặt tại đây đã cầu nguyện cho công việc trọng đại này. Dầu vậy, trong một vài ngôn ngữ: “Họ đã cầu nguyện” bày tỏ rằng họ đã cùng lúc đọc lời cầu nguyện trên. Nếu có trở ngại trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dịch như thế này: “Sau đó [khi] họ đã cầu nguyện [một trong các sứ đồ] đã kêu gọi.”

Trong tiếng Hy-lạp, những từ *lạy Chúa là Đấng biết rõ lòng dạ mọi người* có nghĩa đen là “Chúa biết rõ lòng mọi người.” “Chúa biết rõ” nghĩa là Chúa biết tất cả mọi suy nghĩ của con người. Một số ngôn ngữ dùng chữ *lòng* chỉ về bộ phận của con người nơi phát ra sự suy nghĩ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng chữ “lòng” không bày tỏ được ý nghĩa này, bạn có thể dịch ý của các từ ở đây như “Chúa biết những gì mọi người suy nghĩ.”

1:24b

xin Chúa chỉ cho chúng con biết ai là người Chúa chọn trong hai người này: *Chỉ* là động từ ở thể mệnh lệnh cách trong tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn nên ghi như một lời yêu cầu có lẽ phép. Họ đã không đòi hỏi Chúa phải làm điều này. Nên bạn có thể dịch “xin Chúa chỉ.” Họ đã loại bỏ danh sách chỉ còn lại hai người, nhưng họ không thể quyết định một trong hai. Nên họ đã xin Chúa chỉ cho họ người mà Chúa đã chọn.

1:25a

để thay thế nhiệm vụ và chức sứ đồ: Đây nói rõ mục đích cho việc chọn người thay thế Giu-đa. Bạn có thể dịch như thế này: “để hầu việc Ngài như một sứ đồ thay thế Giu-đa.” Trong nguyên ngữ là “nhiệm vụ này và chức sứ đồ.” Nhưng hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng đây là một danh từ kép

được mang một ý nghĩa là “phục vụ Chúa như một sứ đồ.”

1:25b

của Giu-đa, kể đã từ bỏ để đi vào nơi riêng của nó!: Trong nguyên ngữ, mệnh đề này bày tỏ rằng Giu-đa đã chết và đã đi vào địa ngục. Các từ *đã từ bỏ để đi vào nơi riêng của nó* được dùng ở đây với ý định tránh một điều rất khó để nói điều đó lên một cách rõ ràng. Đó là Giu-đa chắc chắn đã đi vào địa ngục. Tốt hơn bạn nên tránh những từ khó hiểu hay khó giải thích như chỗ của Giu-đa (hay linh hồn của ông ta). Nhưng bạn nên làm sáng tỏ rằng Giu-đa (hay linh hồn của ông ấy) đã đi đến nơi xứng đáng với việc ông đã làm.

1:26a

Họ bắt thăm, trúng Ma-thia: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *họ* chỉ về mười một sứ đồ, thay vì hai người. Cách được dùng để bắt thăm là bỏ vào một cái hộp những thăm đã được khắc tên. Kế đến họ lắc cái hộp cho đến khi nào có một trong các thăm đã bỏ vào rớt ra ngoài. Đây là một cách được coi như công bình để chọn một trong hai người. Họ cũng đã tin cậy vào sự hướng dẫn của Chúa sẽ cho một thăm rơi ra ngoài. Có lẽ một trong các sứ đồ đại diện cho tất cả mọi người đã lắc hộp này. *Họ bắt thăm trúng Ma-thia* có nghĩa là thăm mang tên Ma-thia đã rơi ra khỏi hộp.

1:26b

nên ông được liệt vào hàng sứ đồ chung với mười một vị kia: Kết quả của “việc bắt thăm” trúng nhằm Ma-thia, các sứ đồ và tất cả những tín hữu khác đang có mặt tại chỗ tin rằng Chúa đã chọn Ma-thia thay thế cho Giu-đa. Kể từ đó, tất cả những người tin Chúa xem Ma-thia là một trong mười hai sứ đồ.

1:24a	<p>và cầu nguyện: “Lạy Chúa là Đấng biết rõ lòng dạ mọi người, Rồi họ đã cầu nguyện: “Lạy Chúa [Giê-su], Chúa biết rõ lòng dạ của mỗi người. -HAY- Khi họ cầu nguyện [một trong các sứ đồ] đã nói: “Thưa Chúa, Chúa biết rõ mỗi người chúng con đang nghĩ gì.</p>
1:24b	<p>xin Chúa chỉ cho chúng con biết ai là người Chúa chọn trong hai người này, Xin chỉ cho chúng con, trong hai người này, ai là người Chúa chọn</p>
1:25a	<p>để thay thế nhiệm vụ và chức sứ đồ thay thế [Giu-đa để] hầu việc [Chúa bằng cách trở thành] một sứ đồ. -HAY- hầu việc [Chúa như] một sứ đồ thay cho [Giu-đa].</p>
1:25b	<p>của Giu-đa, kẻ đã từ bỏ để đi vào nơi riêng của nó!” Giu-đa đã bỏ [làm một sứ đồ. Bởi vậy cho nên nó đã chết] đi đến một nơi xứng đáng là chỗ ở của nó.” -HAY- Giu-đa đã ngưng hầu việc [Chúa trong khi nó còn là một sứ đồ. Bởi vậy cho nên nó đã chết và nó] và đã đi đến một nơi [thuộc về chỗ của nó].”</p>
1:26a	<p>Họ bắt thăm, trúng Ma-thia, Sau đó họ đã bắt thăm [chọn một trong hai] người, và đã bắt trúng thăm Ma-thia. -HAY- Sau đó [một người trong] các [sứ đồ] lắc [trong một cái hộp] có những viên đá nhỏ [đã được ghi dấu sẵn để xác định ai là người được Chúa chọn]. Và một viên đá [đã được ghi dấu] dành cho Ma-thia đã rơi [ra khỏi hộp].</p>
1:26b	<p>nên ông được liệt vào hàng sứ đồ chung với mười một vị kia. [Cho nên họ] kết nạp ông ta vào với mười một sứ đồ [khác]. -HAY- [Bởi vậy cho nên tất cả những người tin Chúa] công nhận Ma-thia [là một sứ đồ] cùng với mười một sứ đồ [khác].</p>

Phân đoạn phụ 2:1-4 Đức Thánh Linh giáng xuống và ban cho các môn đệ ơn nói được các ngôn ngữ khác

Những câu Kinh Thánh này cho biết Đức Thánh Linh giáng xuống để ở cùng với các môn đệ của Chúa Giê-su. Mặc dù phân đoạn phụ này chỉ có bốn câu, nhưng đóng một vai trò rất quan trọng. Phần còn lại của phân đoạn phụ này, hay đúng hơn, phần còn lại của cả sách Công Vụ nói về những việc các sứ đồ và các môn đệ đã có thể làm được vì Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã cùng làm việc chung với họ.

2:1a

Đến ngày lễ Ngũ Tuần: Hằng năm, có nhiều người Do Thái đến Giê-ru-sa-lem để tham dự lễ này *Ngày lễ Ngũ Tuần*. Lễ này được bắt đầu vào ngày thứ năm mươi sau lễ Vượt Qua, đây cũng chính là thời gian Chúa Giê-su chết. Bác Sĩ Lu-ca ghi lại thời điểm của những biến cố mà ông đã kể trong 2:2-4. Có nghĩa là sự việc đã xảy ra trong dịp lễ Ngũ Tuần.

2:1b

các môn đệ Chúa tập họp tại một chỗ: Trong bản Hy-lạp không ghi rõ những ai là *các môn đệ Chúa* được nhắc đến ở đây. Có hai cách để giải nghĩa:

- (1) Phân đông các học giả Kinh Thánh cho rằng “các môn đệ” đề cập đến cả hai nhóm, sứ đồ và những người tin Chúa đang có mặt tại đây.
- (2) Một số ít học giả khác cho rằng nhóm từ này chỉ đề cập đến các sứ đồ, bởi vì, họ là những người mà Bác Sĩ Lu-ca đã nhắc đến 1:26.

Cách dịch thứ nhất sát ý hơn. Trong 1:15, Bác Sĩ Lu-ca đã nói rằng số tín hữu có “độ 120.” Con số này gồm cả các sứ đồ và những người tin Chúa, đàn ông lẫn đàn bà, như Bác Sĩ Lu-ca đã nhắc đến trong 1:12-14.

chỗ: *Chỗ* nơi những người tin Chúa đã nhóm họp có lẽ trên phòng cao 1:13. Tuy nhiên bạn không cần phải giải thích chi tiết, điểm trọng yếu là sự *tập họp tại một chỗ*. Không có một tín hữu nào vắng mặt trong lúc Đức Thánh Linh giáng lâm để Ngài ở với họ và giúp họ rao giảng về Chúa Giê-su cho mọi người khác.

2:2a

Thình lình có tiếng động từ trời như tiếng gió thổi mạnh: Những tiếng động chắc phải lớn lắm, bởi vì những tiếng gió mạnh nghe như vũ bão. Đây không phải là gió bão thật, nhưng chỉ nghe giống như gió bão. Phân đông các nhà giải kinh nghĩ từ *trời* ở đây nói đến nơi có Đức Chúa Trời ngự (Thiên Đàng), thay vì mang ý nghĩa của chữ “bầu trời.” Tuy nhiên, cùng một chữ trong tiếng Hy-lạp có cả hai nghĩa “thiên đàng” hay “bầu trời.” Ý

nghĩa của hai từ này sẽ tùy thuộc vào ngữ cảnh. Nhóm từ *từ trời* có lẽ thích hợp hơn ở đây bởi vì Chúa Giê-su đã phái Đức Thánh Linh đến từ nơi ấy (2:33).

2:2b

đây cả nhà môn đệ ngồi: *Đây cả nhà* cho thấy rằng có nhiều người đang ở khắp mọi nơi trong nhà, và tất cả đều nghe tiếng động giống như tiếng gió bão. Phân đông các học giả Kinh Thánh cho rằng từ Hy-lạp ở đây có ý chỉ đến cái *nhà*, thay vì một vài nơi nào đó trong đền thánh. Có lẽ cùng một địa điểm mà Bác Sĩ Lu-ca đã nhắc tới trong 1:13. Bạn nên dùng một từ thông dụng cho chữ *ngồi* trong ngôn ngữ của bạn. Có thể họ đang ngồi trên nền nhà và hai chân chéo lại với nhau.

2:3a

Có những lưỡi như lửa xuất hiện: Những gì họ đã thấy không phải là lửa thật, nhưng chỉ giống như những cái lưỡi bằng lửa, có nghĩa là những đốm lửa có hình giống như những cái lưỡi. Bạn cần nên dịch cho thật rõ trong bản dịch của bạn rằng có (những chùm) nhiều ngọn lửa có hình dáng giống như những cái lưỡi.

2:3b

rải ra và đậu trên mỗi người: Nhiều đốm lửa, mà các môn đệ đã vừa chợt thấy, đã phân tán và bay đi mọi hướng, cuối cùng, *đến và đậu trên mỗi một môn đệ*. Trong bản dịch của bạn, nếu cần thiết, bạn có thể ghi rõ, các đốm lửa đã đến và đậu “trên đầu của mỗi một người.”

2:4a

Tất cả đều đây đây Thánh Linh: Có thể tin rằng từ *tất cả* đề cập đến tất cả mọi người tin Chúa đang hiện diện thay vì chỉ có các sứ đồ. Điều này rất phù hợp với lời tiên tri trong sách Giô-ên mà Phê-rô đã nhắc lại trong Công Vụ 2:17: “Ta (Đức Chúa Trời) sẽ đổ Thánh Linh Ta trên tất cả mọi người.” Những từ này đã được dùng để chỉ về *Đức Thánh Linh* trong 1:2 nên được dùng ở đây.

Phân đoạn phụ 2:1-4 Đức Thánh Linh giáng lâm và giúp các môn đệ nói nhiều ngôn ngữ khác nhau

- 2:1a** Đén ngày lễ Ngũ Tuần,
Trong ngày [lễ] Ngũ Tuần,
-HAY-
Trong khi [người Do Thái] cử hành lễ Ngũ Tuần,
- 2:1b** các môn đệ Chúa tập họp tại một chỗ.
Họ [những người tin vào Chúa Giê-su] tất cả [tập họp] tại một chỗ [tại thành Giê-ru-sa-lem].
- 2:2a** Thành linh có tiếng động từ trời như tiếng gió thổi mạnh,
Đột nhiên có một [tiếng kêu] vang từ trời như tiếng gió thổi mạnh,
-HAY-
Thành linh [họ nghe] tiếng động [đến] từ trời [nghe] giống như tiếng gió dữ dội,
- 2:2b** đầy cả nhà môn đệ ngồi.
và [tiếng động] vang dội khắp cả nhà, nơi các môn đệ đang ngồi.
- 2:3a** Có những lưỡi như lửa xuất hiện,
Sau đó [những vật] xuất hiện đến với họ [giống] như những ngọn lửa.
-HAY-
Kế đó [họ thấy những vật] giống như những chùm lưỡi bằng lửa.
- 2:3b** rải ra và đậu trên mỗi người.
Những chùm [lửa] này tách rời nhau [từng cái một], và [mỗi cái] đến đậu trên [đầu của] từng môn đệ.
- 2:4a** Tất cả đều đầy dẫy Thánh Linh,
Sau đó Đức Thánh Linh hoàn toàn kiểm soát trên tất cả môn đệ

Từ *đầy dẫy* không được thường dùng để diễn tả về kinh nghiệm của một người trong sự quan hệ với Đức Chúa Trời. Bởi vậy cho nên bạn có thể cần dịch từ này như chữ “điều khiển” hay “cho phép.” Trong 1:5 Chúa Giê-su đã bảo các sứ đồ rằng các con “sẽ được báp-tem bằng Đức Thánh Linh,” và trong

1:8 Chúa Giê-su đã nói họ sẽ “nhận lãnh quyền năng” làm “nhân chứng” cho Ngài khi Đức Thánh Linh giáng trên họ. Trong 2:4a các tín hữu đang kinh nghiệm những gì Chúa Giê-su đã nói sẽ xảy ra. Đó là Đức Thánh Linh đã bắt đầu hoàn toàn điều khiển cả ý chí, và hành động của tất cả mọi người.

2:4b

bắt đầu nói các ngôn ngữ khác theo như Thánh Linh cho họ nói: Trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một liên từ như “như thế,” để có thể nói lên cái kết quả. Vì Đức Thánh Linh đã làm việc trong mỗi người, họ bắt đầu nói được những thứ tiếng mà họ chưa bao giờ học. Đây là những ngôn ngữ được dùng bởi người dân Do Thái, những người đã đến Giê-ru-sa-lem từ nhiều nơi

khác nhau. Đức Thánh Linh đã ban ơn cho mỗi người có thể nói bất kỳ một ngôn ngữ nào mà người nghe có thể hiểu được. Vì thế, người ngoại quốc không thể nào hiểu được những phép lạ này duy chỉ có các môn đệ là những người có khả năng nói được các thứ tiếng mẹ đẻ của họ. Vì thế trong 2:11 những người này đã nói “Chúng ta nghe họ dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói lên những công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời!”

Phân Đoạn Phụ 2:5-47 Bài giảng của Phê-rô, nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-su và gia nhập cùng các tín hữu khác

Phân đoạn phụ này gồm có hai tiểu đoạn: Trong 2:5-42 Bác Sĩ Lu-ca ghi lại những sự việc đã xảy ra sau khi Đức Thánh Linh đã giảng trên các môn đệ của Chúa Giê-su và giúp họ nói được nhiều ngôn ngữ mà họ chưa bao giờ học tới. Trong 2:43-47, các sứ đồ đã thực hiện nhiều phép lạ, tất cả tín hữu họp lại, chia sẻ cho nhau tất cả những gì họ có, và Đức Chúa Trời đã ban sự hiểu biết cho nhiều người khác, nên họ đã tin vào Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn 2:5-42 Nhiều người Do Thái nghe Phê-rô giảng đã tin Chúa Giê-su và hiệp cùng các tín hữu khác

Đây là một tiểu đoạn dài gồm có ba tiểu đoạn phụ: 2:5-13, 2:14-36 và 2:37-42 nơi nào có những sự việc lạ lùng xảy ra, ở đó có sự đáp ứng của mọi người. Trong 2:5-13, những người nghe các tín hữu nói tiếng mẹ đẻ của mình đã có những nhận xét về những việc ấy. Trong 2:14-36, Phê-rô đã giải thích cho cho mọi người về ý nghĩa của việc các tín hữu nói được nhiều ngôn ngữ khác nhau, và ông cũng nói cho họ về Chúa Giê-su. Trong 2:37-42, dân chúng đã hỏi Phê-rô rằng họ cần phải làm gì. Ông bảo họ cần phải ăn năn tội và để các tín hữu làm báp-tem cho họ, và Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh cho họ. Vì thế, có nhiều người đã tin lời giảng của Phê-rô. Sau đó, các tín hữu đã làm báp-tem cho họ, và họ gia nhập cùng các tín hữu khác.

Phân Đoạn Phụ 2:5-13 Người Do Thái đến từ nhiều nơi, kinh ngạc khi nghe các tín hữu nói được tiếng mẹ đẻ của mình.

Trong những câu này, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại những phản ứng của dân chúng như thế nào, khi nghe các tín hữu nói được tiếng mẹ đẻ của mình. 2:5 cho biết đây là những “những người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời từ khắp các nước trong thiên hạ” và 2:9-10 cho biết những người này đã đến từ nhiều địa danh khác nhau.

2:5a

Bấy giờ, tại thành Giê-ru-sa-lem: Bạn có thể bắt đầu câu này bằng một nhóm từ chỉ về thời gian, ví dụ như “Ngay giờ đó.”

2:5b

có những người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời từ khắp các nước trong thiên

hạ: Những người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời ý nói họ là những người luôn luôn cố gắng vâng giữ luật pháp Do Thái. Trong bản dịch của bạn, bạn không nên hàm ý rằng họ là những người đã tin Chúa Giê-su. Bác Sĩ Lu-ca không có ý thêm thắt, khi ông dùng các từ từ *khắp các nước*. Nó có nghĩa là những người Do Thái này đã đến từ rất nhiều

2:4b **bắt đầu nói các ngôn ngữ khác theo như Thánh Linh cho họ nói.**
 và họ bắt đầu nói được tiếng của những người ngoại quốc [những ngôn ngữ họ chưa từng học trước đây] vì Đức Thánh Linh đã khiến cho họ [nói được những ngôn ngữ này].
-HAY-
 và [Đức Thánh Linh] giúp họ, tự nhiên nói được những ngôn ngữ khác [là những ngôn ngữ họ chưa từng học bao giờ].

Phân đoạn phụ 2:5-47 Phê-rô giảng dạy, có nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-su và gia nhập cùng với các tín hữu khác

2:5a **Bấy giờ, tại thành Giê-ru-sa-lem**
 Bấy giờ [nhiều] người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem [tham dự lễ Ngũ Tuần].

2:5b **có những người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời từ khắp các nước trong thiên hạ.**
 [Họ là những người] thờ phượng Đức Chúa Trời [là những người đã đến] từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới.
-HAY-
 [Họ là những người] luôn luôn cố gắng vâng giữ các luật lệ Do Thái [và họ đã đến] từ nhiều quốc gia khác nhau.

2:6a **Khi tiếng động vang ra,**
 Khi họ nghe tiếng động [lớn giống như tiếng gió],

2:6b **một đoàn dân đông đảo tụ tập lại.**
 đoàn dân đông đảo này cùng nhau đến [nơi các tín hữu Chúa Giê-su đang ở].

nước khác nhau. *Thiên hạ* chỉ là một cách nói với ý nghĩa “trên khắp mặt đất.”

2:6a

Khi tiếng động vang ra: Phân đông các học giả Kinh Thánh cho rằng *tiếng động* ý nói đến tiếng vang dữ dội của gió, thay vì tiếng vang phát ra từ tín hữu khi họ đồng nói nhiều ngôn ngữ khác nhau. Từ *tiếng* được dùng ở thể số ít trong tiếng Hy-lạp, không phải ở số nhiều. Điều này cho thấy chữ *tiếng* không có ý nói đến số lượng của ngôn ngữ,

nhưng như là tiếng của một luồng gió. Từ *khi* bày tỏ rằng ngay sau khi nghe, họ đi ngay đến nơi phát ra tiếng động.

2:6b

một đoàn dân đông đảo tụ tập lại: Tiếng gió dữ dội phát xuất tại nơi có nhiều tín hữu đang tụ họp. Vì thế, nên đã có một số đông người Do Thái đã lập tức đến ngay tại chỗ. Có lẽ, vào lúc có một số đông người đến nơi, thì các tín hữu đã ra phía đằng trước căn nhà, nơi họ đã đang hội họp.

2:6c

Họ kinh ngạc vì nghe các môn đệ Chúa mỗi người nói được thứ tiếng của dân tộc mình: Các từ *kinh ngạc* có nghĩa là dân chúng quá đỗi ngạc nhiên về những gì họ đang nghe bởi vì mỗi người đều nghe các tín hữu nói được tiếng dân tộc mình. 2:4 cho biết rõ ràng rằng Đức Thánh Linh đã ban ơn cho các tín hữu nói được các ngôn ngữ khác, một cách thông thạo.

vài bản dịch có nhóm từ “hỏi nhau,” được phù hợp với ngữ cảnh. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng những từ như “mỗi người trong đám họ lần lượt nói/hỏi” thay vì “họ hỏi”

2:7b

Tất cả những người này không phải là dân Ga-li-lê sao?: Câu hỏi mong đợi câu trả lời là “phải.” Bạn có thể dịch thành một ý giống Câu Định Nghĩa thứ nhất trong phần Kinh Thánh Căn Dịch. Dân chúng cho rằng tất cả môn đệ của Chúa Giê-su đều là những người thuộc tỉnh Ga-li-lê. Điều này đúng cho một số đông trong những môn đệ của Ngài. Người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem cho rằng người Ga-li-lê là những người kém tiến bộ và ít học thức. Điều này đã làm cho người ta ngạc nhiên nhiều hơn về các phép lạ trong ngày lễ Ngũ Tuần.

2:8

Sao chúng ta nghe mỗi người nói tiếng bản xứ của chúng ta?: Đây là một câu hỏi bày tỏ sự ngạc nhiên, như, “Có thể nào như thế?” Bạn có thể diễn tả thành một ý, ví dụ, “Chúng tôi không thể nào hiểu được!” Đức Thánh Linh đã giúp đỡ các tín hữu nói tiếng của những dân tộc khác, và những thổ ngữ, như chính ngôn ngữ của mình. Dân chúng đã chứng kiến, nhưng họ không có thể hiểu được, làm sao việc ấy đã có thể xảy ra.

2:9a

người Bạc-thê, Mê-đi, Ê-lam: Đây là tên của những người thuộc các vùng Bạc-thê, Mê-đi, Ê-lam. Bạc-thê thuộc về phía đông nam của biển Lý-hải và chạy dài đến sông Ô-phơ-rát. Mê-đi ở về hướng đông bắc của

2:7a

Họ vô cùng sững sốt hỏi nhau: Vô cùng sững sốt hỏi nhau hai từ được kết hợp bằng chữ “và” trong tiếng Hy-lạp. Các động từ trong tiếng Hy-lạp này có nghĩa là “họ rất đỗi là kinh ngạc và sững sốt” Thì của hai động từ Hy-lạp này cho thấy họ tiếp tục sững sốt và ngạc nhiên về những việc lạ lùng họ đang chứng kiến. Sau đó, “*họ đã hỏi,*” một

sông Tigris. Ê-lam ở về phía đông của hạ lưu sông Hi-đê-ke và phía bắc của Vịnh Ba-tur. Hàng nhiều năm trước đây, có một số người Do Thái đã tản lạc nhiều nơi, trong đó có ba địa điểm này, và họ đã nói bằng ngôn ngữ của thổ dân.

Bạn có thể bỏ những lời nói trực tiếp trong (2:9a-2:11b) và thêm vào trong ngoặc đơn như được trình bày ở dưới đây:

⁷Rất đỗi ngạc nhiên, nên họ đã hỏi: “Tất cả những người này không phải là dân Ga-li-lê sao? ⁸Sao chúng ta nghe mỗi người nói tiếng bản xứ của chúng ta?”
⁹([Họ là những người] Bạc-thê, Mê-đi, Ê-lam; dân Lương Hà, Giu-đê, Cáp-ba-đốc, Bông-tu, A-si, Phơ-ri-gi, và Bam-phi-ly, Ai-cập, vùng Li-by gần Sy-ren; du khách từ La-mã, người Do Thái và tân tòng; người Cơ-rét và Ả-rập.) [Họ nói với nhau,] “Chúng ta nghe họ dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói lên những việc vĩ đại của Đức Chúa Trời!”

2:9b

dân Lương Hà, Giu-đê, Cáp-ba-đốc, Bông-tu, A-si: Lương Hà là một vùng nằm giữa hai sông Hi-đê-ke và sông Ô-phơ-rát. Giu-đê ở đây có thể nói đến cả những vùng dân Do Thái cư ngụ và nói tiếng Hê-bơ-rơ cổ. Có thể kể cả những vùng Sy-ri và Y-sơ-ra-ên ngày nay. Cáp-ba-đốc, Bông-tu, A-si là những tỉnh thuộc vùng Tiểu Á. Cáp-ba-đốc ở trong nội địa.

2:10a

Phơ-ri-gi, Bam-phi-ly, Ai-cập, vùng Li-by, gần Sy-ren: Phơ-ri-gi và Bam-phi-ly, là những vùng thuộc Tiểu Á. Cả hai Ai-cập và Li-by là những vùng nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Sy-ren như là một thành phố dọc ven biển của Li-by. Các xứ này thuộc về

2:6c	<p>Họ kinh ngạc vì nghe các môn đệ Chúa mỗi người nói được thứ tiếng của dân tộc mình. Họ không biết phải nghĩ thế nào, vì mỗi người đều nghe các tín hữu nói được ngôn ngữ của xứ mình. <i>-HAY-</i> Họ ngạc nhiên, vì mỗi người nghe [một trong những] tín hữu đang nói bằng ngôn ngữ của mình.</p>
2:7a	<p>Họ vô cùng sửng sốt hỏi nhau: Họ vô cùng kinh ngạc, và họ nói [với nhau], <i>-HAY-</i> Họ vô cùng kinh ngạc và sửng sốt, và trong khi đó [lần lượt từng người] trong bọn nói:</p>
2:7b	<p>“Tất cả những người này không phải là dân Ga-li-lê sao?” “Tất cả những người này [luôn] cư ngụ tại Ga-li-lê [như thế họ không thể biết được ngôn ngữ của chúng ta]. <i>-HAY-</i> “Không phải tất cả những người đang nói bằng [ngôn ngữ của chúng ta] là những người đến từ [tỉnh] Ga-li-lê sao?”</p>
2:8	<p>Sao chúng ta nghe mỗi người nói tiếng bản xứ của chúng ta? [Chúng ta không thể hiểu nổi] làm sao những người này có thể nói được ngôn ngữ riêng của chúng ta [nhưng] mỗi người trong chúng ta nghe họ [đang nghe họ nói ngôn ngữ của riêng mình]!</p>
2:9a	<p>Nào là người Bạc-thê, Mê-đi, Ê-lam, [Một số trong chúng ta là những người đến từ các vùng Bạc-thê, Mê-đi và Ê-lam, <i>-HAY-</i> [Chúng ta đến từ nhiều vùng khác nhau như] Bạc-thê, Mê-đi, Ê-lam,</p>
2:9b	<p>dân Lưỡng Hà, Giu-đê, Cáp-ba-đốc, Bông-tu, A-si, và [một số khác trong chúng ta] cư ngụ [tại] Lưỡng Hà, Giu-đê, Cáp-ba-đốc, Bông-tu, A-si,</p>
2:10a	<p>Phơ-ri-gi, Bam-phi-ly, Ai-cập, vùng Li-by, gần Sy-ren, Phơ-ri-gi, Bam-phi-ly, Ai-cập, vùng Li-by, gần Sy-ren, [đây là những vùng] gần [thành phố] Sy-ren.</p>

lãnh thổ của đế quốc La-mã, dân cư tại các vùng này nói nhiều ngôn ngữ khác nhau.

2:10b-11a

du khách từ La-mã: Dưới đây là hai cách có thể dịch các từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng các từ này chỉ về những người Do Thái cư ngụ tại thành phố La-mã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ của người Do Thái.
- (2) Có một số ít cho rằng những từ ngữ này nói đến những người Do Thái đang tạm cư tại thành phố La-mã.

Qua sự quan hệ của hai ngày Lễ Vượt Qua và Ngũ Tuần, cách dịch thứ nhất thích hợp hơn.

người Do Thái và người tân tông: Có thể dịch những từ này bằng hai cách:

- (1) Một số nhà giải kinh cho rằng những từ này chỉ nói đến những du khách đến từ thành phố La-mã.
- (2) Một số người khác cho rằng các từ này nói đến tất cả mọi người đã được kể.

Vị trí của những từ này như đã được ghi lại, làm cho cách giải thích thứ nhất được thích hợp hơn. Nếu những người nói đã có ý để gồm chung, thì họ đã ghi những từ này vào phần cuối của danh sách, thay vì để chung trong danh sách.

Do Thái ở đây là những người đã được sinh ra tại đất nước Do Thái. Có nghĩa là cha mẹ của họ là người Do Thái, họ đã trưởng thành trong lễ nghi tôn giáo của người Do Thái.

Từ *tân tông* chỉ về những người không phải là người Do Thái chính thống, nhưng họ đã trở thành người Do Thái bằng cách làm theo một số điều luật bắt buộc. Ví dụ, một người ngoại muốn trở thành người Do Thái, người này phải chịu phép cắt bì bởi một thầy tế lễ.

2:11b

người Co-rét và Ả-rập: Theo sự quan hệ đã được liệt kê, *Co-rét* là người Do Thái sinh sống trên hòn đảo Co-rét. *Ả-rập* người Do Thái sinh sống trong vùng thuộc xứ A-ra-bi-a. A-ra-bi-a nằm về phía bắc của xứ Lưỡng Hà và phía đông nam của Si-ry và là Y-sơ-ra-ên ngày nay. Những từ này không chỉ về những giống dân được gọi là “Những người

Co-rét” và “Người Ả-rập” nhưng chỉ nói đến những người Do Thái sinh sống tại các nơi này.

2:11c

chúng ta nghe họ dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói lên những công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời: Câu này có thể có nghĩa là mỗi người nghe một tín hữu nói bằng ngôn ngữ riêng của chính mình. Bởi vì Đức Thánh Linh đã khiến cho mỗi người tín hữu nói được những ngôn ngữ khác, người ấy có thể thay đổi tiếng nói tùy theo người mình đối diện đến từ nơi nào (2:4). Các tín hữu đã đang nói lên *những công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời*, đó là những việc vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã thực hiện. Chắc chắn rằng họ cũng đã nói với mọi người về Chúa Giê-su, đặc biệt là việc Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-su sống lại từ trong kẻ chết.

2:12a

Tất cả đều sửng sốt, bối rối: Mọi người sửng sốt hay ngạc nhiên, bởi những gì họ đã thấy và nghe, vì đây là những sự việc bất thường. Thì của các động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng mọi người tiếp tục bối rối và ngạc nhiên.

2:12b

hỏi nhau: Việc này có nghĩa gì đây?: Đại danh từ *họ* chỉ nói đến một số người trong đám đông mà thôi, bởi vì một số người khác cố giải thích sự việc một cách thật là lằng mạp (2:13). Thì của động từ Hy-lạp *hỏi* cho thấy rằng họ lặp lại nhiều lần những lời chế nhạo, có nghĩa là “họ tiếp tục hỏi nhau.” Bạn có thể đổi câu hỏi trở thành một câu nói, bởi vì không phải họ đã hỏi để tìm câu trả lời, nhưng để chế diễu. Họ chẳng có thể nào hiểu được ý nghĩa của sự việc đang xảy ra. Bạn cần bày tỏ rằng đây là phần chót của các câu hỏi và những lời giải thích cho các câu Kinh Thánh vừa được nêu lên.

2:13a

Nhưng có kẻ khác lại chế giễu: Thay vì suy nghĩ một cách đúng đắn, để tìm xem Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho họ điều gì qua

- 2:10b-11a** **du khách từ La-mã, người Do Thái và người tân tòng,**
[Còn một số khách viếng thăm Giê-ru-sa-lem] đến từ La-mã, [là những người gốc] Do Thái và [còn một số trong chúng ta là những người] không phải gốc Do Thái nhưng đã chấp nhận những gì người Do Thái tin cậy.
- 2:11b** **người Cơ-rét và Ả-rập,**
[Còn một số khác trong chúng ta từ đảo] Cơ-rét và [từ các vùng của xứ] Ả-rập.
- 2:11c** **chúng ta nghe họ dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói lên những công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời.**
[Tuy nhiên,] chúng ta nghe họ nói bằng ngôn ngữ của chúng tôi [về] những việc vĩ đại [mà] Đức Chúa Trời đã thực hiện!" [Đó là những gì họ đã nói với nhau.]
- 2:12a** **Tất cả đều sửng sốt, bối rối**
Tất cả [những người này] rất đỗi ngạc nhiên và không biết phải nghĩ gì [về những việc đang xảy ra].
-HAY-
Mọi người ngạc nhiên không thể giải thích được [những gì đang xảy ra].
- 2:12b** **hỏi nhau: “Việc này có nghĩa gì đây?”**
[Một số trong] bọn họ cứ mãi hỏi nhau: “[Anh nghĩ] việc này có nghĩa gì?”
-HAY-
[Mỗi người lần lượt] nói với nhau: “[Chúng ta không hiểu nổi] những [phép lạ] này có nghĩa gì!”
- 2:13a** **Nhưng có kẻ khác lại chế giễu:**
Nhưng [một số] người khác chế nhạo [những người tin Chúa Giê-su],
- 2:13b** **“Họ say rượu ngọt đó!”**
và họ nói: “Họ say rượu!”
-HAY-
và [lần lượt hết người này đến người khác] nói: “[Những người này đang nói như thế vì] họ đã uống quá nhiều rượu mới.”

phép lạ này, nhưng có một số người đã chế nhạo và đùa cợt trước sự việc đang xảy ra.

2:13b

Họ say rượu ngọt đó!: Họ đã kết luận một cách sai lầm rằng Các môn đệ của Chúa say

rượu. *Rượu* đây có nghĩa là “rượu vang ngọt,” một loại rượu vang nhẹ. Tuy nhiên, vấn đề ở đây không phải là loại rượu gì, nhưng đám đông đã lên án các tín hữu rằng họ đang say rượu.

Phân đoạn phụ 2:14-36 Phê-rơ Giải thích sự giáng lâm của Đức Thánh Linh và về Chúa Giê-su

Lời giảng của Phê-rơ gồm có lời giới thiệu trong một đoạn ngắn (2:14-21) và phần chính của bài giảng (2:22-36), gồm có nhiều đoạn. Người ta có thể chia 2:22-35 ra thành hai phần (2:22-31 và 2:32-35), đó là nền tảng của điểm chính yếu trong bài giảng của Phê-rơ (hay lời kêu gọi) trong 2:36. Trong 2:22-31 gồm có ba đoạn (2:22-24, 2:25-28 and 2:29-31).

2:14-21 Tiên tri Giô-ên đã nói trước những gì Đức Thánh Linh sẽ thực hiện

2:14a

Nhưng Phê-rơ đứng lên với mười một sứ đồ, lớn tiếng tuyên bố với đám đông: Cần có người giải thích về phép lạ này, vì những người này không biết phải suy nghĩ như thế nào về sự việc đã xảy ra. Trong 2:13 có những người, đã cố gắng giải thích một cách hoàn toàn không đúng. Vì thế, nên Phê-rơ đã tuyên bố thay cho các sứ đồ và những tín hữu khác. Trong tiếng Hy-lạp động từ *đứng lên* không có nghĩa là Phê-rơ đã đang ngồi trước đó, nhưng ông đã bước ra phía trước, hay bước lên một chỗ cao hơn, để cho cả đám đông người có thể nhìn thấy và nghe được lời tuyên bố của ông một cách rõ ràng hơn. *Mười một sứ đồ*, lúc này Ma-thia đã được chọn để thế cho Giu-đa, và ông là vị sứ đồ thứ mười hai.

Các từ *lớn tiếng* có ý nói Phê-rơ nói thật lớn để cho hàng ngàn người trước đám đông có thể nghe được.

Trong tiếng Hy-lạp, từ *tuyên bố* ở đây có nghĩa “lớn tiếng phản đối” việc có một số người cố ý chế diễu ở đây.

2:14b

Thưa anh em ở Giu-đê và tất cả quý vị đang ở Giê-ru-sa-lem!: Anh em không có nghĩa là Phê-rơ không nhắc đến các bà. Các từ *tất cả quý vị ở Giê-ru-sa-lem* ý nói đến những người hiện đang cư ngụ tại thành phố Giê-ru-sa-lem. Có thể Phê-rơ cũng nói đến cả du khách mới đến nữa.

2:14c

Xin quý vị lắng nghe lời tôi trình bày để biết rõ điều này: Phê-rơ yêu cầu mọi người hãy lắng tai để nghe rõ điều ông muốn nói. Phê-rơ không có ý bắt buộc họ phải im lặng để lắng nghe. Bạn nên dịch rõ để thấy được rằng đây là lời yêu cầu của Phê-rơ. Các từ *điều này* ý nói đến việc các môn đệ Chúa nói được nhiều ngôn ngữ khác nhau.

2:15a

Những anh em này không say rượu như quý vị tưởng đâu: Việc đầu tiên là Phê-rơ sửa sai những người đã cho rằng các môn đệ Chúa say rượu. Các từ *những anh em* không có nghĩa là không có ông trong số đó. Ông muốn xác nhận một cách rõ ràng rằng ông, và tất cả các tín hữu khác không say rượu như một số người đã lầm tưởng.

2:15b

vì bây giờ mới chín giờ sáng: Kế đến Phê-rơ đưa ra lý do cho thấy rằng ông và các môn đệ khác không say rượu. Có nhiều nơi, theo phong tục, người ta có thể uống rượu say bất cứ giờ nào, ban ngày hay ban đêm. Vì thế, bạn cần nhấn mạnh đến phong tục của người Do Thái, họ chỉ uống rượu trong bữa ăn có thịt. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 16:8 người Do Thái ăn sáng bằng bánh mì, và ăn thịt vào bữa ăn tối. Như vậy, các môn đệ Chúa không thể say rượu vào buổi sáng được. Bạn có thể dựa theo Câu Định Nghĩa trong Phần Kinh Thánh Cần Dịch và trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:7.

2:16

Nhưng đây chính là điều Chúa đã phán qua nhà tiên tri Giô-ên: *Tiên tri* là người nhận sứ điệp từ Đức Chúa Trời và báo lại

Tiểu đoạn phụ 2:14-36 Phê-rơ giải thích về sự giáng thế của Đức Thánh Linh và về Chúa Giê-su

- 2:14a** **Nhưng Phê-rơ đứng lên với mười một sứ đồ, lớn tiếng tuyên bố với đám đông:**
 [Vì thế] Phê-rơ đã đứng lên với mười một [sứ đồ khác] ông đã lớn tiếng tuyên bố với đám đông:
-HAY-
 Sau đó, Phê-rơ bước tới phía trước với mười một [sứ đồ khác] ông [lớn tiếng] tuyên bố [Đức Thánh Linh đã hướng dẫn ông] nói [những điều này] trước đám đông:
- 2:14b** **Thưa anh em ở Giu-đê và tất cả quý vị đang ở Giê-ru-sa-lem!**
 “Hỡi các anh em [của tôi] là những người ở Giu-đê và [những người khác] đang ở tại Giê-ru-sa-lem,
-HAY-
 “Những người từ [tỉnh] Giu-đa và [những người khác] đang sống tại [đây] trong thành Giê-ru-sa-lem,
- 2:14c** **Xin quý vị lắng nghe lời tôi trình bày để biết rõ điều này.**
 hãy để cho tôi giải thích điều này [phép lạ mà các anh đã nghe và đã thấy] và xin hãy nghe tôi nói.
-HAY-
 Hãy lắng nghe đây, tôi sẽ giải thích cho các anh về ý nghĩa của việc đang xảy ra.
- 2:15a** **Những anh em này không say rượu như quý vị tưởng đâu,**
 [Một số] trong các anh nghĩ rằng [chúng tôi] say rượu, [nhưng chúng tôi] không có [say rượu].
- 2:15b** **vì bây giờ mới chín giờ sáng.**
 [Vì] bây giờ [mới có] 9 giờ sáng [và những người dân ở đây chẳng bao giờ say rượu vào giờ này] trong ngày!
- 2:16** **Nhưng đây chính là điều Chúa đã phán qua nhà tiên tri Giô-ên. Đức Chúa Trời phán:**
 Thay vì, những sự việc này [đã xảy ra cho chúng tôi] là những [phép lạ] việc mà tiên tri Giô-ên đã nói đến [từ xưa]:
-HAY-
 Không, những gì [chúng tôi đang thực hiện] là những gì [Đức Chúa Trời đã bảo] tiên tri Giô-ên báo trước [về việc đó từ xưa]:

cho dân sự. Trong 2:17-21, Phê-rơ đã nhắc lại lời tiên tri trong Giô-ên 2:28-32. Hầu hết các nhà giải kinh cho rằng những gì Giô-ên

đã nói đến trong các câu 17 và 18 ít ra cũng đã được bắt đầu ứng nghiệm trong ngày Lễ Ngũ Tuần.

2:17a

Trong những ngày sau cùng, Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta trên tất cả mọi người: Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng các từ *trong những ngày sau cùng* ở đây nói đến cả kỷ nguyên Cơ-Đốc, có nghĩa là bắt đầu từ khi Chúa Giê-su Giáng sinh cho đến khi Ngài trở lại thế gian lần thứ hai. Phê-rơ đã trích dẫn những lời Đức Chúa Trời đã khải thị cho Giô-ên ghi lại.

Trong bản dịch của bạn, bạn cần giải thích rõ từ *Ta* chỉ về Đức Chúa Trời, không phải tiên tri Giô-ên. Giô-ên cũng không có ý rằng từ *tất cả mọi người* là mọi người trong thế gian. Ngay từ ban đầu (nguyên thủy) tiên tri Giô-ên đã viết cho dân Y-sơ-ra-ên, và từ *tất cả* chỉ về mọi thành phần và mọi giai cấp trong dân Y-sơ-ra-ên. Trong 2:38-39 Phê-rơ nói đến điều kiện để được Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh, là mọi người cần ăn năn xưng tội và nhận phép báp-têm vì đã đặt niềm tin vào Chúa Giê-su, và họ là những người mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi cho riêng Ngài.

sẽ đổ: Trong tiếng Hy-lạp có nghĩa “ban cho một cách dư dật” hay “ban cho một cách rộng rãi.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn các từ *sẽ đổ* chỉ được áp dụng cho các vật ở thể lỏng như nước, thì bạn có thể dùng các từ như “Ta sẽ ban” hay “Ta sẽ gởi.”

2:17b

Con trai và con gái các người sẽ nói tiên tri: Những người đang có mặt tại đây chắc đã hiểu rõ các từ *con trai và con gái các người*. Ý nói đến con cái của họ. Hầu hết các nhà giải kinh đồng ý rằng *nói tiên tri* có nghĩa là nói cho những người khác về những gì Đức Chúa Trời đã báo cho họ, thay vì chỉ tiên đoán

2:17c

Thanh niên sẽ thấy khải tượng người già sẽ thấy chiêm bao: Thanh niên theo phong tục người Do Thái, ở đây nói đến những người đàn ông tuổi từ 24 đến 39. *Người già* chỉ về những người đàn ông già cả hay thật lớn tuổi. Từ này còn có ý nghĩa là người ta nên

kính trọng người *lớn tuổi* hay “trưởng lão” nhiều hơn là những người trai trẻ.

khải tượng ... chiêm bao: Trong bản dịch của bạn, bạn nên nói rõ *khải tượng* và *chiêm bao* phải đến từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ dùng những khải tượng và chiêm bao để báo cho con người biết những gì Ngài muốn họ biết.

Khải tượng là những gì Đức Chúa Trời cho con người thấy trong khi họ đang thức.

Chiêm bao là những gì Đức Chúa Trời cho con người thấy trong khi họ đang ngủ. Nếu trong ngôn ngữ

2:18a

Trong những ngày ấy, Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta trên các đấng tớ trai và gái của Ta:

Trong tiếng Hy-lạp, câu này bắt đầu bằng *kai ge*. Theo ngữ cảnh ở đây *kai ge* có nghĩa là ‘ngay cả.’ Người ta sẽ không mong đợi rằng Đức Chúa Trời lại ban Đức Thánh Linh của Ngài cho “ngay cả” đến giới nô lệ thấp hèn. Nhóm từ này đã không được dịch sang, trong bất cứ một bản dịch nào, bằng Việt ngữ. Xem thí dụ trong Phần Kinh Thánh Căn Dịch (PKTCCN) để biết cách đưa nhóm từ này vào bản dịch của bạn. Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ này nhấn mạnh (làm mạnh nghĩa) cho những gì theo sau. Có lẽ đây là lý do BDY dịch “đầy đầy các đấng tớ nam nữ Ta.”

Trong tiếng Hy-lạp, các từ *trên các đấng tớ trai và gái của Ta* theo đúng từng chữ là “trên những đấng tớ trai của Ta và trên các đấng tớ gái của Ta.” Dưới đây là hai cách giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng nhóm từ này chỉ về những người ở trong thành phần thuộc vào một giai cấp trong xã hội, hay cộng đồng, được gọi là “nô lệ,” với tính từ *của Ta* cho thấy rằng họ là những tín hữu. Nếu từ “nô lệ” bao hàm một ý nghĩa rất xấu trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng một từ thông dụng như “đầy tớ.”
- (2) Một số khác nghĩ rằng những từ này chỉ về những người hầu việc Chúa.

2:17a	<p>“Trong những ngày sau cùng, Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta trên tất cả mọi người, [Tiên tri Giô-ên đã viết:] ‘Đức Chúa Trời phán: “Trong những ngày cuối cùng [trước khi Ta phán xét tất cả nhân loại,] Ta [Đức Chúa Trời] sẽ đổ Thánh Linh của Ta trên tất cả mọi người ở mọi nơi, một cách dư dật. -HAY- ‘Đức Chúa Trời phán: “Trong những ngày sau rốt [những ngày cuối cùng của nhân loại], Ta [Đức Chúa Trời] sẽ ban Thánh Linh của Ta cho tất cả dân sự [của Ta.]</p>
2:17b	<p>Con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri, [Kết quả là] Các con trai và các con gái của các ngươi sẽ loan báo sứ điệp của Ta cho [nhân loại], -HAY- Các con trai và các con gái của các ngươi sẽ báo cho [nhân loại] những điều Ta đã phán với [chúng nó], -HAY- Sau đó Ta sẽ khiến các con trai và các con gái của các ngươi làm xướng ngôn viên cho ta.</p>
2:17c	<p>Thanh niên sẽ thấy Khải tượng người già sẽ thấy chiêm bao và những người trai trẻ [trong các anh] sẽ thấy những Khải tượng [từ nơi Ta], và những người già cả trong vòng các ngươi sẽ thấy những chiêm bao [Ta khiến cho họ thấy chiêm bao]. -HAY- Ta sẽ khiến cho những người trai trẻ thấy Khải tượng, và những người già cả thấy chiêm bao.</p>
2:18a	<p>Trong những ngày ấy, Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta trên các tội trai, tở gái của Ta, Trong những ngày ấy Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta, một cách dư dật, [ngay cả] trên các tín hữu đàn ông lẫn đàn bà [họ là] những người phục vụ [cho những người khác],</p>
2:18b	<p>và họ sẽ nói tiên tri. và họ sẽ loan báo sứ điệp của ta cho [mọi người.] -HAY- Ta sẽ khiến chúng nói thay cho Ta với mọi người về sứ điệp của Ta.</p>

Cách giải thích thứ nhất sát ý hơn, bởi vì lời tiên tri cho biết Đức Chúa Trời sẵn sàng ban Đức Thánh Linh của Ngài đến cho mọi người ngay cả những người “nô lệ,” một giai cấp thấp hèn nhất trong xã hội.

Bạn nên dịch *Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta* như bạn đã dịch câu 2:17a. Các từ *trong những ngày sau cùng* nói đến cùng một thời điểm như “trong những ngày sau cùng”

trong 2:17a, có nghĩa là nguyên cả thời đại Cơ Đốc.

2:18b

và họ sẽ nói tiên tri: Khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động trên đời sống của những tín hữu, những người này sẽ nói tiên tri. Bạn nên dịch từ *tiên tri* như bạn đã dịch trong 2:17b. Bạn nên dùng một liên từ như

“đường ấy” thay vì và để giới thiệu 2:18b, vì những lời tiên tri họ nói là kết quả của việc Đức Thánh Linh hành động trên đời sống của họ.

2:19a

Ta sẽ ban các phép mầu trên trời và dấu lạ dưới đất: *Phép mầu và dấu lạ* cả hai đồng nói đến những phép lạ Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho con người. Trong Tân Ước, theo tiếng Hy-lạp từ *các phép mầu* luôn luôn ở số nhiều và luôn luôn đi đôi với *dấu lạ*. Đức Chúa Trời đã nói Ngài sẽ ban các phép mầu trên trời. *Phép mầu* ở đây nói đến những việc rất lạ lùng xảy ra trên không trung làm cho người ta rất đỗi ngạc nhiên và lo sợ. *Dấu lạ* là những phép lạ sẽ bày tỏ cho con người về Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su.

2:19b

là máu lửa và luồng khói: Một số nhà thần học nghĩ rằng những từ này đã được viết theo kiểu văn thơ của người Hê-bơ-rơ, nói về những sự việc có liên lệ với nhau thành từng đôi một. Trong trường hợp này các từ *máu lửa và luồng khói* nói đến “những dấu lạ trên mặt đất” và các từ “Mặt trời sẽ trở nên tối.”

2:20a

Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, Mặt trăng sẽ đỏ như máu: Tiên tri Giô-ên có thể đã diễn tả những việc Đức Chúa Trời khiến xảy ra trên không trung, hay có thể ông nói đến những ảnh hưởng của chiến tranh. Tức là những luồng khói do chiến tranh gây ra làm cho mặt trời trở nên đen tối, và mặt trăng đỏ giống máu. Hay, Đức Chúa Trời trực tiếp làm cho mặt trời trở nên “đen tối” và mặt trăng đỏ như “máu.” Đây chỉ là một cách nói tượng hình. Nếu bạn gặp khó khăn để dịch từ “máu” trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dịch phần chót của câu như thế này “mặt trăng trở nên đỏ” (hay bất cứ từ nào được người ta dùng để chỉ về màu của “máu” trong ngôn ngữ của bạn).

2:20b

Trước ngày vĩ đại và vinh quang của Chúa đến: *Trước ngày* nói đến thời điểm khi Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ những “phép mầu” trên

trời và “những dấu lạ” xảy ra. Sự việc sẽ xảy ra, trong một thời điểm nào đó, ngay trước biến cố mà tiên tri Giô-ên gọi là “ngày của Chúa.” “Ngày của Chúa” là ngày mà Đức Chúa Trời sẽ phán xét tất cả nhân loại. Từ Chúa ở đây chỉ về Đức Chúa Cha. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các từ *vĩ đại và vinh quang* hợp lại với nhau sẽ diễn tả đầy đủ được ý nghĩa của từ *vinh quang*. Từ *vĩ đại* ở đây có nghĩa là quan trọng, bởi vì những gì Đức Chúa Trời sẽ hành động trong thời gian đó. *Vinh quang* ở đây có nghĩa là kỳ diệu hay thần kỳ, tức là người ta sẽ rất kinh ngạc về những gì Đức Chúa Trời đã thực hiện.

2:21

Và ai cầu khẩn danh Chúa đều sẽ được cứu: Thời điểm ở đây là trước “ngày của Chúa,” tức là trước khi Chúa đoán xét tất cả nhân loại, không phải trong “ngày” đoán xét. Có nghĩa là kể từ khi Phê-rơ giảng cho đến ngày Chúa Cứu Thế tái lâm. Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng từ *Chúa* ở đây nói đến Chúa Giê-su, mặc dù tiên tri Giô-ên đã nói đến Đức Giê-hô-va. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn không cần nói rõ từ *Chúa* là ai ở đây.

danh Chúa: *Danh Chúa* có nghĩa là “chính con người của Chúa,” không phải chỉ bằng cái tên. Trong Giô-ên, *ai* nói về người Do Thái, nhưng ở đây có lẽ Phê-rơ có ý bao hàm tất cả những người kêu cầu danh Chúa để được cứu. Ở đây có thể là Đức Chúa Trời muốn cứu người ấy để khỏi bị sa vào sự trừng phạt của Ngài.

2:22-24 Phê-rơ đã nói: “Các anh giết Chúa Giê-su nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại.”

2:22a

Thưa đồng bào Y-sơ-ra-ên, xin hãy nghe các lời này: Bạn cần cho thấy rõ rằng những lời trích dẫn trong Giô-ên đã được chấm dứt và trong 2:22 Phê-rơ trở lại bằng lời lẽ của chính ông.

Các từ *đồng bào Y-sơ-ra-ên* có một ý nghĩa sâu xa hơn là chỉ nói đến những người

- 2:19a** **Ta sẽ ban các phép mầu trên trời và dấu lạ dưới đất**
Ta sẽ khiến các phép mầu hiện ra trên không trung và [Ta sẽ làm] những phép lạ ở dưới đất để cho mọi người biết rằng [Ta là Đấng đầy quyền năng].
- 2:19b** **là máu, lửa và luồng khói.**
[Ta sẽ gây nên chiến tranh, để mọi người sẽ thấy] máu và lửa và những luồng khói dày đen nghịt.
-HAY-
[Trên mặt đất mọi người sẽ thấy] con người giết hại lẫn nhau và lửa khói dày đặc khắp bầu trời.
- 2:20a** **Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, Mặt trăng sẽ đỏ như máu**
[Trên bầu trời Ta] sẽ làm cho mặt trời trở nên đen tối, và [Ta sẽ làm cho] mặt trăng [trở nên đỏ giống như] máu.
-HAY-
[Bởi vì khói] mặt trời sẽ trở nên tối tăm [đối với nhân loại] và mặt trăng [sẽ trở nên đỏ như] máu [đối với chúng].
- 2:20b** **Trước ngày vĩ đại và vinh quang của Chúa đến.**
[Những việc đó sẽ xảy đến] trước ngày vĩ đại và vinh quang của Chúa [khi Ta Đức Chúa Trời sẽ đến và phán xét mỗi một người].
- 2:21** **Và ai cầu khẩn danh Chúa đều sẽ được cứu.”**
Và [trước thời điểm đó] Chính Chúa [Đấng Mê-si-a] sẽ cứu tất cả những ai [thực sự] xin Ngài [cứu mình].”
-HAY-
Và [trước những ngày đó, Ta Đức Chúa Trời] sẽ cứu tất cả những người cầu xin Chúa [Đấng Mê-si-a cứu họ để khỏi bị trừng phạt vì tội lỗi của họ].”
- 2:22a** **Thưa đồng bào Y-sơ-ra-ên, xin hãy nghe các lời này:**
“Thưa đồng bào [là những người đang sống] tại Y-sơ-ra-ên, hãy lắng nghe những lời này:
-HAY-
[Phê-rơ tiếp tục nói:] “Thưa đồng bào [của tôi], quý vị [cũng là con cháu] của Y-sơ-ra-ên [là những người mà Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với], xin hãy lắng nghe tôi:

cư ngụ tại xứ Do Thái. Từ *Y-sơ-ra-ên* sẽ nhắc lại cho những người này về giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với tổ tiên của họ. Cho nên khi dùng lối xưng hô này Phê-rơ đã bày tỏ sự kính trọng của ông đối với họ. Rồi ông ân cần kêu gọi họ lắng nghe những gì

ông nói. Trong tiếng Hy-lạp, *các lời này* ý nói đến những điều ông sắp nói, không phải những gì ông đã nói. Trong bản dịch của bạn, bạn nên dịch thế nào để có thể hiểu được rằng chính Phê-rơ cũng là một trong những người Y-sơ-ra-ên.

2:22b

Đức Giê-su, người Na-xa-rét đã được Đức Chúa Trời chứng nhận trước mặt quý vị bằng những việc quyền năng, phép mầu và dấu lạ mà qua Ngài, Đức Chúa Trời đã làm giữa quý vị: Phê-rô đã nhận diện Chúa Giê-su bằng cách cho biết tên thành *Na-xa-rét*, nơi Ngài đã lớn lên, và đã được Đức Chúa Trời *chứng nhận trước*. Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho họ biết rằng Ngài sẽ gởi Chúa Giê-su đến với họ. Đức Chúa Trời đã thực hiện ý định của Ngài bằng cách giúp cho Chúa Giê-su thực hiện những việc *quyền năng, phép mầu và dấu lạ* mà họ đã thấy tận mắt. Ba từ này đều nói về những phép lạ. Trong trường hợp này những sự kỳ diệu và kinh ngạc này đều do Chính Đức Chúa Trời đồng công với Chúa Giê-su để thực hiện. Có lẽ, lý do Phê-rô đã để chung ba từ này lại với nhau là để cho thấy rằng Chúa Giê-su đã thực hiện một số phép lạ bằng nhiều cách và nhiều loại khác nhau.

Trong tiếng Hy-lạp, từ *phép lạ* có nghĩa đen là “những việc làm đầy quyền năng.” Thí dụ, Chúa Giê-su chữa lành những người bệnh, khiến người chết sống lại. Hoá cá và bánh cho hàng ngàn người ăn từ một vài con cá và một vài ổ bánh.

2:22c

như chính quý vị đã biết rõ: Phê-rô đã bắt đầu bài giảng bằng cách nhắc lại những điều họ đã từng biết. Có lẽ nhiều người trong đám đông này đã tận mắt trông thấy Chúa Giê-su thực hiện một số phép lạ, và tất cả mọi người chắc đã nghe người khác thuật lại những việc kỳ diệu Chúa Giê-su đã thực hiện.

2:23a

Ngài đã bị nộp cho quý vị theo chương trình và sự biết trước của Đức Chúa Trời: Điều này không có nghĩa công việc người ta làm là chính đáng vì đã phù hợp với *chương trình và sự biết trước của Đức Chúa Trời*. Nhưng Ngài đã hoạch định chương trình của Ngài. Ngài cũng cho phép việc người ta ngược đãi Con Ngài là Chúa Giê-su. Ngay cả việc ấy có xảy ra hay không thì chương trình

của Ngài cũng sẽ được hoàn thành như Ngài đã dự định.

Sự biết trước: Có nghĩa là Đức Chúa Trời đã biết trước tất cả những gì người ta sẽ đối đãi với Chúa Giê-su. Căn cứ vào những việc Chúa Giê-su đã giúp đỡ con người, không ai có thể nghĩ rằng họ lại đối xử với Ngài như thế. Bạn có thể mở đầu bằng từ như “mặc dù” để diễn tả điều này, như trong Câu Định Nghĩa của Phần Kinh Thánh Căn Dịch.

2:23b

và quý vị đã mượn tay kẻ gian ác mà đóng đinh xử tử Ngài trên thập tự giá: Ở đây Phê-rô đã trực tiếp trách họ về việc họ đã giết Chúa Giê-su.

Trong tiếng Hy-lạp *kẻ gian ác* theo nghĩa từng chữ là “kẻ sống ngoài vòng pháp luật.” Có nghĩa là những người đã không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời, ví dụ như những quân lính La-mã. Họ là những người đã thực sự đóng đinh Chúa Giê-su trên thập tự giá. Nhưng người Do Thái đã yêu cầu nhà cầm quyền La-mã đóng đinh Ngài trên thập tự.

Trong trường hợp từ *đóng đinh* không rõ nghĩa, bạn có thể giải thích rằng quân lính đã đóng đinh hai bàn tay và hai bàn chân Chúa Giê-su vào thân gỗ của thập tự. Đây là cách người ta treo một tội nhân lên thập giá, và chôn cây thập tự trên mặt đất.

2:24a

Nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại: Những gì Đức Chúa Trời đã làm ngược hẳn lại những gì họ đã làm. Bạn có thể dùng từ *nhưng* hay từ “tuy nhiên” để chỉ rõ điều này.

2:24b

Giải cứu Ngài khỏi nỗi thống khổ của sự chết: *Giải cứu Ngài* là một cách nói tượng hình về việc Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-su sống lại, sau khi đã bị chết vì những khổ hình Ngài phải gánh chịu.

Trong tiếng Hy-lạp, các từ *nỗi thống khổ của sự chết* dịch chính xác là “chết một cách đau đớn như cơn đau đẻ.” Dưới đây là

2:22b	Đức Giê-su, người Na-xa-rét đã được Đức Chúa Trời chứng nhận trước mặt quý vị bằng những việc quyền năng, phép mầu và dấu lạ mà qua Ngài, Đức Chúa Trời đã làm giữa quý vị,
	Giê-su, người Na-xa-rét, [là] người mà Đức Chúa Trời đã chứng nhận [Chúa Giê-su đã được sai đến], bởi vì [Đức Chúa Trời đã giúp Chúa Giê-su thực hiện] rất nhiều việc quyền năng giữa các anh.
	-HAY-
	[Khi] Giê-su, người từ [thành phố] Na-xa-rét, [đã sống giữa vòng quý vị], Đức Chúa Trời đã chứng nhận trước mặt quý vị [rằng Ngài đã sai Chúa Giê-su], bằng cách ban cho Chúa Giê-su quyền năng để thực hiện rất nhiều phép lạ, những điều đó đã chứng tỏ rằng [Ngài đã từ Đức Chúa Trời đến].
2:22c	như chính quý vị đã biết rõ.
	Như chính quý vị biết [đó là sự thật].
2:23a	Ngài đã bị nộp cho quý vị theo chương trình và sự biết trước của Đức Chúa Trời,
	[Ngay cả quý vị đã biết rằng] quý vị cho [người] bắt dẫn người này [Chúa Giê-su] đến quý vị. [Mặc dù,] Đức Chúa Trời đã có sẵn chương trình [cho việc đó] và Ngài đã biết [tất cả về việc đó].
	-HAY-
	Đức Chúa Trời luôn biết trước [việc gì sẽ xảy ra] và Ngài đã chuẩn bị [để có người] dẫn nộp người này [Chúa Giê-su] đến cho quý vị.
2:23b	và quý vị đã mượn tay kẻ gian ác mà đóng đinh xử tử Ngài trên thập tự giá.
	Và quý vị đã mượn những người không vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời giết Chúa Giê-su [họ đã làm điều đó] bằng cách đóng đinh Ngài trên thập giá.
2:24a	Nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại,
	Dầu vậy, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại sau khi đã chết.
2:24b	giải cứu Ngài khỏi nỗi thống khổ của sự chết,
	Ngài [Chúa Giê-su] chịu đau đớn khủng khiếp [khi Ngài chết, nhưng Đức Chúa Trời] đã không để Ngài tiếp tục trong sự chết,

hai cách giải thích về hình ảnh của nhóm từ này muốn diễn tả:

- (1) Một vài học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những từ Hy-lạp ở đây diễn tả “sự chết” như một người bị sa vào bẫy hay bị trói buộc lại bằng những sợi dây. Trong BDC dịch là “bứt dây trói của sự chết.”
- (2) Nhóm từ này thực sự nói về sự đau đớn của Chúa Giê-su phải gánh chịu trước

khi Ngài chết. Đây là cách BDM đã dùng.

Cách dịch thứ nhất phù hợp với 2:24c bởi vì Phê-rô đã đang nói về việc Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại. Nếu dịch theo cách nói tượng hình có thể làm cho người đọc hiểu lầm, bạn chỉ cần dịch ý chính và không nên dùng ý tượng hình. Cần xem Câu Định Nghĩa.

2:24c

vì nó không thể giam giữ Ngài được: Đây là một cách nói tượng hình để cho thấy rằng Chúa Giê-su không thể chết luôn. Nhóm từ này bày tỏ rằng *sự chết* giống như một kẻ ác đang cố gắng giữ không cho Chúa Giê-su trốn thoát. Nếu bạn dịch những nhóm từ diễn tả những sự vật được nhân cách hoá, người đọc sẽ không tìm được ý chính, nhưng sẽ hiểu lầm. Như vậy bạn chỉ cần dịch ý chính mà không cần phải đưa ý tượng hình vào câu chuyện.

2:25-28 Đa-vít báo trước về Đấng Mê-si-a sẽ vui mừng về sự sống lại

2:25a

Bởi vua Đa-vít đã nói về Ngài: 2:25 được bắt đầu với từ “bởi vì” trong một vài bản dịch. Từ này cho thấy rằng Phê-rô đã chứng minh những gì ông vừa nói là đúng bằng cách trích dẫn Thi Thiên 16. Vua Đa-vít đã viết trong Thi Thiên này, và từ *Ngài ở đây* nói về Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Trong 2:25-28, Đa-vít đã trích dẫn những lời Đấng Mê-si-a đã nói với Đức Chúa Cha.

2:25b

Tôi luôn luôn thấy Chúa trước mặt tôi: *Tôi ở đây* chỉ về Đấng Mê-si-a thay vì Đa-vít, và từ *Chúa* chỉ về Đức Chúa Cha.

Dưới đây là hai cách giải thích từ *thấy*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng động từ này có ý nói Đấng Mê-si-a đã thực sự thấy Đức Chúa Cha trước mặt mình.
- (2) Một vài người cho rằng động từ này có ý là “thấy trước.” Nghĩa là Đấng Mê-si-a đã biết trước rằng Đức Chúa Cha luôn luôn ở bên cạnh.

Cách giải thích thứ nhất phù hợp với ngữ cảnh hơn, bởi vì nó diễn tả mối tương quan mật thiết mà Đấng Mê-si-a luôn có với Đức Chúa Cha.

2:25c

Vì Ngài ở bên phải tôi, nên tôi sẽ không bị rúng động: Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ *vì* trong tiếng Hy-lạp:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “bởi vì.” Điều này chỉ việc *Ngài ở bên phải tôi* là lý do ông đã nói trong câu 2:25b: “Tôi luôn thấy Chúa trước mặt tôi.”
- (2) Một số ít cho rằng từ *vì* trong tiếng Hy-lạp ở đây có nghĩa “rằng.” Ví dụ, bạn có thể dịch 2:25b-c như “Tôi đã thấy...rằng Ngài ở bên phải tôi....”

Cách dịch thứ nhất thích hợp hơn, bởi vì nhiệm vụ của nhóm từ này, trong câu, là nền tảng cho những gì ông đã nói trong 2:25b.

Ngài ở bên phải tôi: *Ngài ở bên phải tôi* một cách nói để thấy rằng Đức Chúa Cha ở cùng và giúp đỡ Cơ Đốc nhân.

Nhóm từ *Tôi sẽ không bị rúng động*, có thể có nghĩa là Ngài sẽ không sợ một ai quấy nhiễu Ngài.

2:26a

Vì thế, lòng tôi vui mừng, lưỡi tôi hoan ca: *Vì thế* nói đến kết quả việc có Đức Chúa Trời ở cùng (2:25). Nhiều ngôn ngữ dùng từ *lòng* để bày tỏ những cảm xúc. Vì thế, bạn có thể dùng những từ giống như “lòng tôi vui mừng” cho phần này của câu. Dầu vậy, nếu bạn dùng *lưỡi tôi hoan ca*, người ta có thể sẽ không hiểu. Đây là một cách nói tượng hình: “Tôi nói một cách vui mừng.” 2:26a là một thí dụ cách hành văn song đôi trong tiếng Hê-bơ-rơ, tức là cùng một ý nghĩa nhưng được nhắc lại bằng những từ ngữ khác nhau, như vậy bạn có thể rút ngắn lại như “...tôi vui mừng ca ngợi Chúa.”

2:26b

Thân thể tôi sẽ sống trong niềm hy vọng: Hầu hết các nhà thần học cho rằng ở đây nói đến *thân xác*. Tuy nhiên, cũng có thể là một cách nói tượng hình bày tỏ đầy tin tưởng về những gì sẽ xảy ra cho ông, và từ *thân thể* nói đến chính cá nhân ông. Trong 2:26a ông đã nhắc đến vài bộ phận khác như “lòng và “lưỡi” tất cả đều thuộc về ông đại diện cho chính con người của ông.

Các từ *sống trong niềm hy vọng* có thể có ý là luôn tiếp tục tin tưởng và hy vọng. Nếu trong ngôn ngữ của bạn cần có một túc

2:24c	<p>vì nó không thể giam giữ Ngài được. bởi vì Ngài không thể tiếp tục ở trong sự chết. -HAY- bởi vì không thể có [một ai khiến] Ngài tiếp tục ở trong sự chết.</p>
2:25a	<p>Bởi vua Đa-vít đã nói về Ngài: [Từ xưa] vua Đa-vít đã nói [những gì] Đấng Mê-si-a [đã nói]: -HAY- [Chúng ta biết rằng Đấng Mê-si-a sẽ được sống lại] bởi vì [từ xưa] Vua Đa-vít đã nói [những gì] Đấng Mê-si-a [đã nói]:</p>
2:25b	<p>“Tôi luôn luôn thấy Chúa trước mặt tôi ‘Tôi [Đấng Mê-si-a] luôn luôn thấy [rằng] Chúa [Đức Chúa Trời] ở gần tôi [để bảo vệ tôi],</p>
2:25c	<p>Vì Ngài ở bên phải tôi, nên tôi sẽ không bị rúng động. bởi vì Ngài ở bên cạnh tôi nên tôi không sợ hãi [những người muốn làm hại tôi]. -HAY- bởi vì Ngài ở gần bên tôi cho nên [người ta] chẳng có thể làm cho tôi sợ hãi.</p>
2:26a	<p>Vì thế, lòng tôi vui mừng, lưỡi tôi hoan ca Bởi thế, tôi ca ngợi [Chúa, ôi Đức Chúa Trời,] một cách vui mừng. -HAY- Vì vậy cho nên tôi rất vui mừng và ngợi khen [Chúa, ôi Đức Chúa Trời,].</p>
2:26b	<p>Thân thể tôi sẽ sống trong niềm hy vọng. Tôi cũng sẽ tiếp tục tin [Ngài] quan tâm đến thân thể tôi [rằng Ngài sẽ khiến cho thân thể tôi sống trở lại] -HAY- Tôi tin chắc rằng [Chúa sẽ làm] cho thân thể tôi sống [trở lại],</p>
2:27a	<p>Vì Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi nơi âm phủ, bởi vì Chúa chẳng để tôi tiếp tục trong sự chết.</p>

từ gián tiếp cho *niềm hy vọng*, bạn có thể thêm vào các từ “trong Chúa,” là Đức Chúa Trời.

2:27a

Vì Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi nơi âm phủ: Vì bày tỏ rằng đây là lý do cho nhóm từ “thân thể tôi sống trong niềm hy vọng.”

Dưới đây là hai cách có thể giải thích các từ *chẳng bỏ linh hồn tôi nơi âm phủ*:

(1) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Đức Chúa Trời không để cho ông chết luôn.

(2) Một số khác cho rằng Đức Chúa Cha sẽ không bỏ Ngài ngay cả sau khi ông đã chết.

Mặc dù (2) cũng đúng với sự thật, nhưng cách giải thích thứ nhất có vẻ thích hợp với ngữ cảnh và dữ kiện lịch sử hơn. Tuy nhiên, nếu bạn có lý do chính đáng cho cách giải thích thứ (2) bạn có thể dịch như thế này:

vì Chúa sẽ chẳng lia bỏ/quên tôi [ngay cả sau khi tôi] chết.

Âm phủ một từ được dùng theo cách nói tượng hình cho “sự chết.” Theo ngữ cảnh ở đây, *nơi âm phủ* có nghĩa “khi tôi đã chết.”

2:27b

cũng chẳng cho Đấng Thánh của Ngài thấy sự hư nát: Dưới đây là ba cách có thể giải thích nhóm từ *Đấng Thánh của Ngài*:

- (1) Có lẽ hầu hết các nhà giải kinh cho rằng nhóm từ này chỉ về một người đã dâng đời sống mình cho Chúa và luôn vâng lời Ngài. Điều này còn có nghĩa là người này chẳng hề phạm tội.
- (2) Một số khác nghĩ rằng các từ này nói về một người đã được Đức Chúa Trời hứa yêu thương. Nếu theo cách này, bạn nên dịch phần này như sau:

và [khi tôi chết] Chúa sẽ không để thân thể tôi hư nát, [bởi vì tôi] là người đã được Ngài hứa thương yêu.

Cách giải thích thứ nhất thích hợp hơn bởi vì bao gồm được những điều quan trọng trong ý nghĩa của từ Hy-lạp *hosios*, có nghĩa là một người đã dâng chính đời sống mình cho Chúa.” Bạn có thể thêm vào ở đây “dâng chính đời sống mình để hầu việc Chúa.”

Từ *hư nát* nói đến việc xảy ra cho thể xác của một người sau khi chết. Đức Chúa Trời sẽ không để cho thể xác của Đấng Thánh, Đấng Mê-si-a bị rửa nát hay mục nát sau khi chết.

2:28a

Chúa đã cho tôi biết con đường sự sống: Chúa đã cho tôi biết có ý rằng Đức Chúa Trời đã cho Đấng Mê-si-a biết trước những việc sẽ xảy ra.

Sau đây là ba cách có thể giải thích thành ngữ tượng hình *con đường sự sống*:

- (1) Có lẽ hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “con đường sự sống” nói đến việc Đức Chúa Trời khiến Đấng Mê-si-a sống lại sau khi đã chết.
- (2) Một số khác cho rằng “con đường sự sống” đề cập đến sự sống vĩnh cửu của Đấng Mê-si-a.
- (3) Một số khác nữa cho rằng “con đường sự sống” bao gồm cả hai ý trên (1) và (2).

Cách giải thích thứ nhất thích hợp với ngữ cảnh hơn hết, vì trong 2:31a, Phê-rô đã nối kết lời Kinh Thánh này đến sự sống lại của Đấng Christ.

2:28b

Chúa sẽ làm cho tôi đầy dẫy sự vui mừng trước mặt Ngài: Các từ *Chúa sẽ làm cho tôi đầy dẫy sự vui mừng* muốn nói rằng Đức Chúa Trời sẽ làm cho Đấng Christ có sự vui mừng trọn vẹn. Đây là kết quả của việc ở cùng Đức Chúa Trời. Bạn có thể dịch như thế này “bởi vì Con sẽ ở cùng Ta.” Trong một số ngôn ngữ, người ta có thể dịch *trong sự hiện diện của Ngài* “Con ở đâu Ta sẽ ở đó cùng Con.”

2:29-31 Phê-rô giải thích rằng Đa-vít đã nói Đấng Mê-si-a sẽ sống lại

2:29a

Thưa các anh em, tôi có thể nói rõ về tổ phụ Đa-vít rằng người đã chết và được an táng: Bạn nên diễn tả thật rõ ràng 2:28b đã chấm dứt việc trích dẫn Kinh Thánh trong Cựu Ước (2:25-28) và trong 2:29 Phê-rô trở lại giảng bằng những lời lẽ của riêng ông. Là một người Do Thái, Phê-rô đã dùng từ *các anh em*, để nói với những người Do Thái một cách thân thiện. Bạn nên dịch thế nào để người đọc khỏi hiểu lầm rằng Phê-rô đang nói với những người anh em ruột thịt của chính ông.

Dưới đây là hai cách có thể giải thích các từ *tôi có thể nói rõ với các anh*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những từ này có nghĩa là “tôi được phép để nói.” Trong nguyên ngữ Hy-lạp, theo từng chữ một, là “tôi được cho phép để nói.”
- (2) Một số ít học giả cho rằng các từ này có nghĩa là “hãy để tôi nói cho các anh.”

Cách giải thích thứ nhất phù hợp với ngữ cảnh và ý của các động từ trong nguyên ngữ Hy-lạp hơn.

Từ Hy-lạp (*nói rõ*) đây muốn bày tỏ rằng Phê-rô nói một cách chính xác giúp cho ý được rõ ràng. Phê-rô không lo sợ việc dân chúng nổi giận với ông. Vì ông xác nhận với họ đoạn Kinh Thánh trong Thi-thiên nói về Chúa Cứu Thế, thay vì Đa-vít.

2:27b	cũng chẳng cho Đấng Thánh của Ngài thấy sự hư nát. Và [khi tôi chết] Chúa chẳng để thân thể tôi hư nát, [bởi vì] tôi tận hiến cho Chúa và luôn luôn vâng lời [Chúa].
2:28a	Chúa đã cho tôi biết con đường sự sống. Chúa đã phán với tôi [rằng Chúa] sẽ khiến cho tôi sống [trở lại sau khi tôi đã chết].
2:28b	Chúa sẽ làm cho tôi đầy dẫy sự vui mừng trước mặt Ngài. Chúa sẽ làm cho tôi rất vui mừng [bởi vì] Chúa sẽ ở cùng [tôi mãi mãi].’ ”
2:29a	Thưa các anh em, tôi có thể nói rõ về tổ phụ Đa-vít rằng người đã chết và được an táng, [Phê-rơ đã nói] một cách quả quyết: “Những người cùng xứ sở/những người đồng quốc tịch Do Thái/những người bạn, quả thật, tôi nói một cách rõ ràng/rành mạch rằng [hoàng gia của chúng ta] tổ phụ, Đa-vít, đã chết và [người ta] đã chôn [xác của ông].
2:29b	lăng táng người vẫn còn ở giữa chúng ta đến ngày nay. Nơi [ở đó người ta] đã chôn cất xác của ông hiện [vẫn còn] cho đến ngày hôm nay.
2:30a	Nhưng người là một tiên tri Vì thế [chúng ta biết rằng Đa-vít đã không nói về chính mình. Nhưng] ông là một tiên tri [và Đa-vít đã nói ra những lời lẽ của Đấng Mê-si-a], -HAY- Bởi vậy [chúng ta biết rằng Đa-vít đã nói ra lời nói của Đấng Mê-si-a, không phải của chính ông]. Đa-vít là một đấng tiên tri,

Từ *tổ phụ* nói đến Đa-vít là người xây dựng nên triều đại hay người sáng lập nên triều vua, hay dòng họ nhà vua.

2:29b

lăng táng người vẫn còn ở giữa chúng ta đến ngày nay: Lời tuyên bố này hàm ý rằng Đa-vít đã chết và người ta đã chôn thể xác ông từ xa xưa. Dĩ nhiên, thân thể Đa-vít cũng đã bị mục nát từ lâu rồi. Người ta đã xây mộ để tưởng niệm đến Đa-vít, và mộ ông vẫn còn hiện hữu đến ngày hôm nay.

2:30a

Nhưng người là một tiên tri: Từ *nhưng* không có trong nguyên bản Hy-lạp, theo ngữ cảnh ngụ ý một sự tương phản: Đa-vít không nói về chính ông trong đoạn Thi Thiên này, nhưng, ông đã nói ra những lời Đấng Cứu Thế sẽ nói.

Tiên tri cùng một từ trong tiếng Hy-lạp trong câu 2:16. Tuy nhiên, theo ngữ cảnh ở đây, *một nhà tiên tri* ý nói Đức Chúa Trời đã thân cảm Đa-vít viết những điều này từ nhiều năm trước về những gì Đấng Cứu Thế sẽ nói.

2:30b

nên biết Đức Chúa Trời đã hứa bằng một lời thề: Động từ *biết* nói đến việc Đức Chúa Trời đã phán với Đa-vít một cách riêng tư. Trong tiếng Hy-lạp, các từ *đã hứa bằng một lời thề* Đức Chúa Trời không thể có những lời hứa chắc chắn và mạnh mẽ hơn như Ngài đã hứa ở đây. Không có nghĩa là Chúa đã dùng những lời lẽ mạnh mẽ, nhưng Ngài đã

2:30c

rằng Ngài sẽ đặt một hậu tự của người lên ngài: Từ *Ngài* chỉ về Đức Chúa Trời, và *của người* chỉ về Đa-vít, ở đây có ý rằng những gì Chúa đã hứa với Đa-vít Ngài sẽ làm thành. Tức là Chúa sẽ đặt một hậu tự của Đa-vít để lãnh đạo dân sự của Ngài như Đa-vít đã từng làm trong Cựu Ước.

2:31a

Thấy trước việc tương lai, vua Đa-vít nói về sự phục sinh của Chúa Cứu Thế rằng: Đức Chúa Trời chính là Đấng khả thị cho Đa-vít biết trước những việc trong tương lai, và không phải do khả năng riêng của Đa-vít. Phê-rơ nói rằng vua Đa-vít đã nói về việc Đức Chúa Trời khiến cho Đấng Cứu Thế sống lại sau khi đã chết. Điều này áp dụng cho cả lời trích dẫn trong 2:25-28.

Chúa Cứu Thế: Đây là lần đầu tiên trong Công Vụ Các Sứ Đồ, người ta bắt đầu dùng *Chúa Cứu Thế* như một phần trong danh hiệu của Chúa Giê-su, nhằm nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su người Na-xa-rét là Đấng mà Đức Chúa Trời đã hứa sẽ sai đến.

2:31b

Ngài chẳng bị bỏ nơi âm phủ: Phê-rơ giải thích rằng lời trích dẫn trong Thi Thiên hàm ý Đức Chúa Trời khiến Đấng Cứu Thế sống lại sau khi đã chết. Trong 2:31, Phê-rơ nói đến nội dung của 2:27, nhưng ông đã đổi ngôi thứ nhất “tôi,” thành ngôi thứ ba “Ngài.” Phê-rơ đã làm điều này vì ông đã đổi lời trích dẫn trực tiếp thành gián tiếp. *Bị bỏ nơi âm phủ* Phê-rơ đã dùng nhóm động từ này ở thể phủ định, hàm ý rằng chính Đức Chúa Trời chủ động trong việc này.

2:31c

thân thể Ngài không bị hư nát: Thay vì dùng “Đấng Thánh của Ngài” như trong 2:27. Phê-rơ đã dùng *thân thể Ngài*. Dĩ nhiên chính Đức Chúa Trời đã gìn giữ cho thân thể Ngài không bị hư nát. Cần giải nghĩa rõ ràng trong bản dịch của bạn.

2:32-35 Phê-rơ đã nói: “Chúa Giê-su ban cho chúng tôi đầy đầy Thánh Linh, như các anh thấy và nghe.”

2:32a

Đức Chúa Trời đã khiến Đức Giê-su này sống lại: Câu này hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ không bao giờ chết nữa, vì Đức Chúa Trời có thể làm cho Ngài sống mãi mãi.

2:32b

và tất cả chúng tôi đều là nhân chứng về sự kiện này: Nhóm từ *tất cả chúng tôi* chỉ rõ về các môn đệ của Chúa Giê-su.

tất cả: Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Phê-rơ nói đến 120 tín hữu đã được nhắc đến trong 1:15.

nhân chứng về sự kiện này: Các từ *nhân chứng về sự kiện này* có nghĩa là Phê-rơ và tất cả môn đệ của Chúa Giê-su đã thực sự gặp và ở với Chúa Giê-su sau khi Ngài đã sống lại. Vì thế cho nên, các môn đệ có thể nói với người khác rằng họ đã chứng kiến tận mắt việc Chúa Giê-su đã thực sự chết và được sống lại.

2:33a

Vì thế, Ngài được đưa lên bên phải Đức Chúa Trời: Được đưa lên đây hàm ý rằng Đức Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su danh dự cao cả. Đức Chúa Trời đã làm điều này khi Ngài đưa Chúa Giê-su về Thiên Đàng và ban cho Chúa Giê-su chủ quyền chỉ có thấp hơn của chính Ngài.

Dưới đây là hai cách giải thích nhóm từ *bên phải Đức Chúa Trời*:

- (1) Một số nhà giải kinh nghĩ rằng đây chỉ về một địa vị danh dự, là ngay bên hữu Đức Chúa Trời.
- (2) Một số đồng khác cho rằng “bên hữu Đức Chúa Trời” các từ “bên hữu” tiêu

- 2:30b** nên biết Đức Chúa Trời đã hứa bằng một lời thề
và Đa-vít đã biết rằng Đức Chúa Trời đã hứa chắc chắn với ông
- 2:30c** rằng Ngài sẽ đặt một hậu tự của người lên ngai.
rằng Đức Chúa Trời sẽ cho một trong những hậu tự của Đa-vít trở thành một vị
vua giống như Đa-vít [đã là vua].
-HAY-
rằng Đức Chúa Trời sẽ đặt một người trong những con cháu của Đa-vít [làm
Đấng Mê-si-a và sẽ] cai trị [dân sự của Đức Chúa Trời] giống như Đa-vít đã lãnh
đạo [họ].
- 2:31a** Thấy trước việc tương lai, vua Đa-vít nói về sự phục sinh của Chúa Cứu Thế
rằng:
[Đức Chúa Trời sẽ làm cho] Đa-vít biết trước [những gì Ngài sẽ làm, vì thế] Đa-
vít có thể nói [rằng Đức Chúa Trời] sẽ khiến cho Đấng Mê-si-a sống lại [sau khi
Ngài đã chết].
-HAY-
[Đức Chúa Trời đã giúp cho Đa-vít] nói tiên tri [từ nhiều năm trước] rằng Đức
Chúa Trời sẽ khiến cho Đấng Mê-si-a sống lại [ngay cả khi Ngài đã chết]
- 2:31b** Ngài chẳng bị bỏ nơi âm phủ,
[Ông đã nói] rằng [Đức Chúa Trời] đã không để cho Ngài chết luôn,
- 2:31c** thân thể Ngài không bị hư nát.
và [khi Ngài chết, Đức Chúa Trời] đã không để cho thân xác Ngài hư nát.
-HAY-
và [Đức Chúa Trời] không để cho thân xác Ngài bị hư nát.
- 2:32a** Đức Chúa Trời đã khiến Đức Giê-su này sống lại,
Đức Chúa Trời đã làm cho [người này,] Chúa Giê-su sống lại [mãi mãi],
-HAY-
[Sau khi] người này, Chúa Giê-su [đã chết], Đức Chúa Trời đã khiến cho Ngài
sống [trở lại và Ngài sẽ sống mãi mãi],
- 2:32b** và tất cả chúng tôi đều là nhân chứng về sự kiện này.
và tất cả chúng tôi [môn đệ của Chúa Giê-su] đã thấy [và biết rằng Chúa Giê-su
đã sống lại].
-HAY-
và tất cả chúng tôi [môn đệ của Ngài] có thể làm chứng [rằng chúng tôi đã gặp
Chúa Giê-su sau khi Ngài Sống lại].
- 2:33a** Vì thế, Ngài được đưa lên bên phải Đức Chúa Trời,
Vì thế Đức Chúa Trời đã tôn rất cao [Chúa Giê-su, bằng cách cho Ngài đồng trị]
bên cạnh Đức Chúa Trời [trên thiên đàng].

biểu cho quyền năng của Đức Chúa
Trời. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời

đã dùng quyền năng của Ngài khiến
Chúa Giê-su sống lại và đem về trời.

Theo ngữ cảnh, cách giải thích thứ nhất được nhiều người ưa thích hơn, vì 2:34 các từ “Ngôi bên hữu,” nói đến một chỗ danh dự và thẩm quyền. Đây nhấn mạnh đến thẩm quyền Đức Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su, thay vì quyền năng Đức Chúa Trời thể hiện khi Ngài đưa Chúa Giê-su lên.

2:33b

nhận lãnh Thánh Linh từ Cha, như đã hứa: Cha nói về Đức Chúa Cha. Bạn cũng có thể nói “Đức Chúa Trời cho phép Chúa Giê-su ban Đức Thánh Linh cho môn đệ của Ngài.” Bạn nên tránh dịch các từ *nhận lãnh Thánh Linh* theo một cách nào đó mà người đọc có thể hiểu như Chúa Giê-su đã không có Đức Thánh Linh ở cùng trong suốt thời gian ba năm Ngài dạy dỗ ở thế gian.

như đã hứa: Như đã hứa hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã hứa sẽ gởi Đức Thánh Linh đến với các môn đệ của Chúa Giê-su.

Chúa Thánh Linh: Hãy xem 1:2, và Giảng 14:16, 14:26 và Giảng 16:7.

2:33c

và đổ Thánh Linh ra như quý vị đang nghe thấy: Phê-rô không hàm ý rằng người ta thực sự thấy và nghe được Chúa Thánh Linh. Nhưng họ đã quan sát được những gì Đức Thánh Linh đã thực hiện qua các môn đệ Chúa Giê-su như nói được ngôn ngữ của những người đang có mặt tại nơi này.

Chúa Giê-su là Đấng đổ Thánh Linh ra. Nhóm từ này hàm ý Chúa Giê-su đã ban đầy đủ cho môn đệ của Ngài. Nếu bạn dịch đổ Thánh Linh ra theo nghĩa đen, có thể dẫn đến việc hiểu sai ý nghĩa, vì động từ “đổ” chỉ có thể áp dụng cho các vật rời như hạt lúa và chất lỏng như nước. Hãy xem CĐN.

2:34a

Vì vua Đa-vít không lên trời: Vì cho thấy rằng các câu 34 và 35 là phần căn bản của điều Phê-rô đã nói trong 2:33. Ở đây cũng cho thấy rằng Đa-vít đã không nói về chính ông trong Thi Thiên, vì Đức Chúa Trời đã không đưa Đa-vít lên trời để cùng trị vì với Ngài, như Ngài đã làm với Chúa Giê-su. Có nghĩa là Đa-vít không lên trời như Chúa Giê-

su đã lên trời trong thân thể phục sinh của Ngài. Đức Chúa Trời cũng đã không ban cho Đa-vít danh dự như đã ban cho Chúa Giê-su. Xem Lời Giải Nghĩa ở 1:11 liên hệ đến từ *trời*.

2:34b

nhưng lại nói: Liên từ được dùng trong tiếng Hy-lạp ở đây đôi khi bày tỏ một sự tương phản. Trong bản dịch tiếng Việt dùng “nhưng” ở đây. Từ này còn có nghĩa là “và,” để thêm vào một số tin tức. Bạn còn có thể dịch là “thêm vào đó.” Các từ *lại nói* chỉ về những lời nói hay những chữ viết theo sau của Đa-vít.

2:34c

Chúa phán cùng Chúa tôi: Từ *Chúa* ở đây chỉ về Đức Chúa Trời và *Chúa tôi* chỉ về Đấng Cơ Đốc. Trong bản dịch của bạn, bạn cần phân biệt rõ giữa hai từ *Chúa* và *Chúa tôi*. Bạn nên làm điều này trong bản dịch và cả trong phần chú thích. Các bản dịch bằng tiếng Việt không giống nhau về điểm này. Trong BDY được dịch rất rõ ràng, từ *Chúa* thứ nhất nói về Đức Chúa Trời nên đã dùng từ “Thượng Đế.” Xem Lời Giải Nghĩa ở 1:6b liên hệ đến từ *Chúa*.

2:34d

Hãy ngồi bên hữu Ta: 2:34d và 2:35 là lời của Đức Chúa Cha nói với Con Ngài là Đấng Cơ Đốc. Mặc dù động từ *ngồi* ở thể mệnh lệnh cách, Đức Chúa Trời đã đang mời Con Ngài ngồi bên cạnh mình, thay vì ra lệnh. Các từ *bên hữu Ta* cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã cho Con Ngài một vinh dự cao trọng. Ấy là Đức Chúa Trời đã mời Con Ngài không chỉ ngồi bên cạnh Ngài nhưng thực ra cùng đồng trị với Ngài. *Ngồi* ở đây ý nói đến một cái ngôi để ngự. Ngự trên ngôi còn có nghĩa là trị vì như một vị vua.

2:35

Cho đến khi nào Ta đặt các kẻ thù nghịch con dưới bệ chân con: Cho đến khi nào là một nhóm từ nói đến một sự thay đổi tiếp diễn sau khi một điều gì đó đã được xảy ra. Vì thế, trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một liên từ như “trong khi,” điều này

2:33b	<p>nhận lãnh Thánh Linh từ Cha, như đã hứa, Chúa Giê-su đã nhận lãnh từ [Đức Chúa Trời] Thánh Linh của Đức Chúa Cha [chính như] Đức Chúa Trời đã hứa. -HAY- [Đức Chúa Trời] Cha của Ngài cho phép Ngài ban Đức Thánh Linh [cho dân sự của Ngài,] như Đức Chúa Trời đã hứa.</p>
2:33c	<p>và đổ Thánh Linh ra như quý vị đang nghe thấy. [Vì thế, Chúa Giê-su] đã đang ban cho [chúng tôi Đức Thánh Linh, và Ngài cũng đã bày tỏ bằng] những gì các anh đang thấy và đang nghe.</p>
2:34a	<p>Vì vua Đa-vít không lên trời, [Chúng ta biết rằng Đa-vít đã không nói về chính mình] vì Đa-vít đã không về trời [như Chúa Giê-su đã lên thiên đàng trong thân xác của Ngài]. -HAY- [Chúng ta biết Đa-vít đã không nói về chính mình] vì Đa-vít đã không lên thiên đàng [để đồng trị vì với Đức Chúa Trời].</p>
2:34b	<p>nhưng lại nói: Và lại, Đa-vít đã nói [đây nói về Đấng Mê-si-a], -HAY- Nhưng Đa-vít đã nói [những điều này trước khi Đấng Mê-si-a đã lên thiên đàng để đồng trị với Đức Chúa Trời]:</p>
2:34c	<p>“Chúa phán cùng Chúa tôi: “Chúa [Đức Chúa Trời] đã nói cùng Chúa tôi [Đấng Mê-si-a]:</p>
2:34d	<p>Hãy ngồi bên phải Ta “Người hãy trị vì [trên thiên đàng] bên cạnh Ta, -HAY- “Hãy trị vì ở đây bên cạnh ta,</p>
2:35	<p>Cho đến khi nào Ta đặt các kẻ thù nghịch con dưới bệ chân con.” cho đến khi Ta hoàn toàn đánh bại/chinh phục kẻ thù của người.” ’ -HAY- Cho đến khi Ta đánh bại kẻ thù nghịch người [và] khiến người trị vì trên chúng.” ’</p>

sẽ không làm thay đổi sự quan hệ giữa Đức Chúa Cha và Con Ngài sau khi Đức Chúa Trời đã dẹp tan các kẻ thù của Con Ngài. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể giữ cách nói tượng hình, *đặt các kẻ thù nghịch con*

dưới bệ chân con, hay một cách tượng hình khác giống như vậy. Tuy nhiên, ý nghĩa vẫn là Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn đánh bại kẻ thù của Con Ngài, để Con Ngài, Chúa Cứu Thế sẽ trị vì trên chúng.

2:36 Phê-rơ đã nói: “Hãy biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã lập Chúa Giê-su này là Chúa và là Đấng Cơ. Đốc.”

2:36a

Vậy xin toàn dân Y-sơ-ra-ên hãy biết chắc chắn rằng: Bạn nên giải thích rõ ràng lời trích dẫn trong Thi Thiên 110 đã được chấm dứt, và Phê-rơ trở lại với lời lẽ của riêng ông ở đây. *Vậy* cho thấy đây là ý chính của Phê-rơ. Phần còn lại trong bài giảng hoặc là lời giới thiệu (2:14-21) hay phần căn bản (2:22-35) cho lời tuyên bố quan trọng này.

Toàn dân Y-sơ-ra-ên: Đây nói đến tất cả con cháu thuộc gia tộc Gia-cốp, người được Đức Chúa Trời đặt tên *Y-sơ-ra-ên*. Dĩ nhiên, chỉ có một số con cháu của Gia-cốp đang nghe lời giảng của Phê-rơ. Vì thế, bạn cần nói như thế này “Các anh và toàn dân Y-sơ-ra-ên.”

Tiểu đoạn phụ 2:37-42 Người Do Thái hỏi Phê-rơ họ phải làm gì và ông bảo họ phải ăn năn

Tiểu đoạn phụ này gồm có ba đoạn: Trong 2:37, người Do Thái hỏi Phê-rơ họ cần phải làm gì. Trong 2:38-40, Phê-rơ bảo họ hãy ăn năn và để cho những môn đệ làm phép báp-tem cho họ. Trong 2:41-42, những người tin Chúa Giê-su đã để các môn đệ làm phép báp-tem cho họ. Và rồi họ gia nhập cùng các môn đệ khác, và vâng giữ những gì các sứ đồ đã dạy họ.

2:37 Họ đã hỏi Phê-rơ họ cần phải làm gì

2:37a

Nghe xong, lòng họ đau nhói: Các từ *lòng họ đau nhói* là một thành ngữ có nghĩa cảm thấy vô cùng lo lắng. Đây có thể có nghĩa là họ cảm thấy có tội rất nhiều hay rất buồn vì họ đã làm cho Chúa Giê-su bị giết. Trong ngôn ngữ của bạn, nếu có thành ngữ đặc biệt nào bày tỏ được ý cảm thấy rất buồn, quan tâm một cách sâu đậm trong lòng, bạn có thể dùng ở đây.

2:37b

nên hỏi Phê-rơ và các sứ đồ: “Anh em ơi, chúng tôi phải làm chi?: Người ta gọi Phê-rơ và mười một sứ đồ như là *các anh em*. Bạn cần dùng cùng một từ giống như Phê-rơ

2:36b

Đức Chúa Trời đã lập Đức Giê-su mà quý vị đã đóng đinh trên thập tự giá làm Chúa Tể và Chúa Cứu Thế: Đây là điều mà mọi người cần biết một cách rõ ràng. Đức Chúa Trời, Đấng mà họ thờ phượng, đã lập Chúa Giê-su làm Chúa Tể và cũng là *Chúa Cứu Thế*. Xem Lời Giải Thích ở 1:6b về từ *Chúa Tể* và 2:31a cho từ “Chúa Cứu Thế.” Trong câu này, cũng như trong 2:31a, *Chúa Tể* tiếng Hy-lạp có một ý tương đồng với từ “Mê-si-a” trong tiếng Hê-bơ-rơ. *Chúa Tể* không phải là một tên khác dành cho Chúa Giê-su. Phê-rơ nói rằng những người này đã đóng đinh Chúa Giê-su, mặc dù quân lính La-mã là những người đã thực sự đóng đinh Ngài trên thập giá.

đã dùng trong 2:29a. Câu hỏi của những người này, *chúng tôi phải làm chi?*, rõ ràng là một lời kêu gọi sự giúp đỡ. Có lẽ thật sự họ không biết phải làm gì, cho nên họ đã yêu cầu các sứ đồ cho họ biết. Những người này biết họ có tội với Đức Chúa Trời, vì thế câu hỏi của họ có thể hàm ý rằng họ muốn biết cần phải làm gì để được Đức Chúa Trời tha tội.

2:38-40 Phê-rơ bảo họ cần phải ăn năn và các môn đệ sẽ làm báp-tem cho họ

2:38a

Phê-rơ đáp: Hãy ăn năn, và mỗi người phải nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su mà chịu báp-tem: *Phê-rơ đáp* chỉ được hàm ý trong nguyên bản Hy-lạp, nhưng những gì

2:36a **Vậy xin toàn dân Y-sơ-ra-ên hãy biết chắc chắn rằng**
 [Phê-rơ kết luận:] “Vì thế, [ta muốn người và] tất cả [những người khác] Y-sơ-ra-ên/người Do-Thái [phải] biết chắc chắn:

-HAY-

[Phê-rơ đã nói:] “Bởi thế, các anh và tất cả [con cháu của] Y-sơ-ra-ên nên hiểu rõ điều này:

2:36b **Đức Chúa Trời đã lập Đức Giê-su mà quý vị đã đóng đinh trên thập tự giá làm Chúa Tể và Chúa Cứu Thế.**

Đức Chúa Trời đã lập Chúa Giê-su làm Chúa Tể và làm Đấng Mê-si-a [của chúng ta]. [Ngài chính là Đấng] các người [đã tìm cách để] giết, bằng cách đóng đinh Ngài trên cây thập giá.

Tiểu đoạn phụ 2:37-42 Người Do Thái hỏi Phê-rơ họ cần phải làm gì và ông bảo họ phải ăn năn

2:37a **Nghe xong, lòng họ đau nhói,**
 Khi họ đã nghe [lời của Phê-rơ], họ cảm thấy rất buồn và biết mình phạm tội [bởi vì họ đã khiến cho Ngài bị đóng đinh].

2:37b **nên hỏi Phê-rơ và các sứ đồ: “Anh em ơi, chúng tôi phải làm chi?”**
 Sau đó họ hỏi Phê-rơ và những môn đệ khác: “Hỏi các anh, những người cùng quê hương/những người bạn, chúng tôi phải làm gì [để được Đức Chúa Trời tha tội]?”

2:38a **Phê-rơ đáp: “Hãy ăn năn, và mỗi người phải nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su mà chịu báp-tem,**
 Phê-rơ trả lời [họ]: “Mỗi người trong các anh, thưa với [Đức Chúa Trời] rằng các anh sẽ không phạm tội nữa [để cho chúng ta báp-têm cho các anh và bây giờ hãy tin] trong Chúa Giê-su,
-HAY-
 Phê-rơ trả lời [họ]: “Mỗi người trong các anh, hãy nghe lời Chúa và từ bỏ con đường tội lỗi của mình chúng tôi sẽ làm báp-têm [vì các anh đã trở nên môn đệ của Chúa Giê-su]

Phê-rơ nói cho thấy rằng ông đã trả lời câu hỏi của họ. *Ăn năn* có nghĩa một người phải hoàn toàn thay đổi ý nghĩ và hành động của mình để có thể sống đẹp lòng Đức Chúa Trời. Tội lỗi chính mà họ đã phạm là từ khước và giết Chúa Giê-su. Nên họ cần thưa với Chúa là họ đã thật sự hối lỗi.

Những người làm *báp-tem* là các sứ đồ. Vậy bạn nên dịch là “hãy để chúng tôi làm phép báp-tem cho các anh.” Bạn nên giải thích từ “báp-tem” rõ ràng để tất cả mọi

người trong các giáo phái của hội thánh khi dùng bản dịch này đều chấp nhận.

Mỗi người theo lời Phê-rơ “hãy ăn năn và nhận phép báp-tem,” áp dụng cho mỗi một người đang có mặt tại nơi này.

Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ Chúa Cứu Thế ở đây:

(1) Có lẽ hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ “Chúa Cứu Thế” được dùng như một danh hiệu ở đây, cũng như trong 2:31a. Tức là bạn có thể dịch như

“Đấng Mê-sai,” là “Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai xuống thế gian để cứu nhân loại.” Hãy xem CĐN.

- (2) Một số khác nghĩ rằng đây là một phần của tên Chúa Giê-su. Hầu hết các bản dịch, dịch từ này theo nghĩa đen (dịch theo từng chữ). Điều này bày tỏ rằng họ dịch từ “Chúa Cứu Thế” như một phần trong tên của Chúa Giê-su.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì hầu hết các chỗ khác trong sách Công Vụ từ “Chúa Cứu Thế” được dùng như một danh xưng, với ý nghĩa “Đấng Mê-si-a.”

Nhóm từ *nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su* đề cập đến việc làm báp-tem cho tín hữu, vì những người tín hữu này tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a và họ đã nhận Ngài làm Cứu Chúa của đời sống họ.

2:38b

để tội lỗi quý vị được tha thứ: Dưới đây là hai cách có thể giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ, nhóm từ này chỉ về mục đích của bài giảng của Phê-rô, tức là “Ăn năn và nhận báp-tem...để được Đức Chúa Trời tha tội.”
- (2) Một số ít cho rằng nhóm từ này là căn bản hay lý do cho lời kêu gọi của Phê-rô, tức là “Ăn năn và nhận báp-tem...vì Đức Chúa Trời đã tha tội cho các anh.”

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ đi theo sau một giới từ, được dùng để chỉ về mục đích.

tha thứ: Đây hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ không trừng phạt họ. Điều này có liên hệ đến cả hai động từ “ăn năn” và “chịu báp-tem.” Khi một người chịu báp-tem chúng tỏ rằng người đó đã ăn năn. Đức Chúa Trời sẽ không tha tội, trừ phi họ đã ăn năn. Nếu các sứ đồ làm báp-tem cho họ, nhưng họ chưa thực sự ăn năn, Đức Chúa Trời cũng sẽ không tha tội cho họ. Sự liên hệ giữa hai động từ này, “ăn năn” và “chịu báp-tem,” và danh từ “sự tha tội” được trình bày theo cách diễn dịch dưới đây của 2:38:

Phê-rô trả lời: “Hãy ăn năn [chúng tỏ điều đó bằng cách] hãy để [chúng tôi]

làm báp-tem cho các anh...để [Đức Chúa Trời] sẽ tha tội cho các anh...”

2:38c

rồi sẽ nhận được ân tứ Thánh Linh: Nhóm từ này hàm ý rằng Đức Chúa Trời ban *ơn tứ*, tức là ban Đức Thánh Linh. Phê-rô không nói đến *ân tứ* thuộc linh ở đây. *Sẽ nhận được* cần nên thay đổi như thế này “Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh cho các anh.” 2:33 bày tỏ rằng Đức Chúa Cha ban Đức Thánh Linh cho Chúa Giê-su, và rồi Chúa Giê-su ban cho các môn đệ của Ngài.

2:39a

Vì lời hứa đó dành sẵn cho quý vị, con cái quý vị và tất cả những người ở xa xôi: *Lời hứa* chỉ về những gì Đức Chúa Trời đã hứa sẽ ban cho con dân của Ngài, đó là Đức Thánh Linh. *Cho quý vị và con cái quý vị* chỉ về những người đang nghe Phê-rô và cả con cháu của họ nữa. Ý của từ được dịch sang *con cháu* là “hậu tự” thay vì chỉ là con cháu trực tiếp trong gia đình của những người đang có mặt tại đó.

Dưới đây là ba cách có thể giải thích nhóm từ *tất cả những người ở xa xôi*:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ *ở xa xôi* nói đến những người ở xa, kể cả những người không phải là người Do Thái.
- (2) Một số khác nghĩ *ở xa xôi* nói về thời gian, tức là những người sống sau này, kể cả những người ngoại, vì cho đến lúc này, những môn đệ của Chúa Giê-su chỉ truyền giảng cho những người Do Thái mà thôi.
- (3) Một số khác nữa cho rằng *ở xa xôi* bao gồm cả thời gian và không gian.

Cách thứ nhất có thể đúng nhất, vì nó diễn tả ý nghĩa thông thường của từ *ở xa xôi*.

2:39b

tức là những người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta kêu gọi: Cho thêm chi tiết đặc biệt về những người Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh cho họ. Ngài sẽ ban Đức Thánh Linh cho tất cả những ai thuộc về Ngài. Có nghĩa là cho những người đáp

2:38b	để tội lỗi quý vị được tha thứ, để Đức Chúa Trời sẽ tha tội [các anh]
2:38c	rồi sẽ nhận được ân tứ Thánh Linh. Rồi, Đức Chúa Trời sẽ ban cho các anh Đức Thánh Linh.
2:39a	Vì lời hứa đó dành sẵn cho quý vị, con cái quý vị và tất cả những người ở xa xôi, Đức Chúa Trời đã hứa [làm những điều đó] cho các anh và hậu tự của các anh, và cho mọi người [khác] là những người [ở] cách xa [nơi này].
2:39b	tức là những người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta kêu gọi. Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta [sẽ ban Đức Thánh Linh của Ngài cho chúng ta] và tất cả [những người] được Ngài kêu gọi đến [với Ngài].” -HAY- Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta [sẽ ban Đức Thánh Linh của Ngài] cho tất cả những người Ngài kêu gọi [để trở thành dân sự của Ngài].”
2:40a	Phê-rơ cũng dùng nhiều lời khác để cảnh cáo, Phê-rơ đã dùng nhiều lời và đã mạnh dạn khuyến cáo họ, -HAY- Phê-rơ đã nói rất nhiều lời khác để cố gắng thuyết phục họ [ăn năn],
2:40b	và khích lệ họ rằng: “Quý vị hãy thoát khỏi thế hệ băng hoại này. và Phê-rơ đã tiếp tục bảo họ: “Cầu xin Chúa tha tội cho các anh, [để Ngài không đoán phạt các anh khi Ngài trừng phạt] những con người gian ác này [là những người đã từ khước Chúa Giê-su].” -HAY- và Phê-rơ tiếp tục nhắc nhở họ: “[Đừng giống như] những người Y-sơ-ra-ên của các anh, là những người không tin [Đức Chúa Trời]! Cầu xin Chúa cứu vớt các anh!”

ứng lời kêu gọi của Đức Chúa Trời, và họ là những người vâng phục lời dạy của Ngài. *Chúng ta*, gồm có Phê-rơ, và tất cả những người đang nghe lời truyền giảng của ông. Để cho dễ hiểu, bạn có thể thay đổi thứ tự 2:39a-39b như thế này:

Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta, sẽ ban Đức Thánh Linh Ngài cho tất cả những người được kêu gọi, kể cả các anh, hậu tự của các anh và nhiều người khác ở cách xa nơi này.

2:40a

Phê-rơ cũng dùng nhiều lời khác để cảnh cáo: Nhóm từ *nhiều lời khác* cho thấy rằng Phê-rơ đã nói nhiều và nói lâu hơn. Có lẽ Phê-rơ truyền giảng một cách mạnh mẽ và

thẳng thắn rằng nếu họ không muốn bị Chúa trừng phạt, họ cần phải lưu ý đến lời cảnh cáo của ông. Không có nghĩa là Phê-rơ đã nặng lời hay thiếu nhã nhặn với họ.

2:40b

và khích lệ họ rằng: Quý vị hãy thoát khỏi thế hệ băng hoại này: Thì của động từ Hy-lạp *khích lệ* cho thấy rằng Phê-rơ đã nhắc lại nhiều lần, và động từ này trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là ông khuyến hay bảo họ những gì họ cần phải làm.

quý vị hãy thoát khỏi thế hệ băng hoại này: Các từ này hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người độc ác và tất cả những người tiếp tục từ khước Chúa Giê-su.

thế hệ băng hoại này: Phê-rô ám chỉ đến những người Do Thái đã từ khước và đóng đinh Chúa Giê-su. *Băng hoại* hàm ý rằng họ là những người độc ác không nhận biết được đâu là sự thật và họ không tuân hành luật pháp của Đức Chúa Trời.

Các từ *thế hệ... này* chỉ về những người Do Thái đang sống trong thời đó.

2:41-42 Nhiều người đã trở thành môn đệ và gia nhập với những môn đệ khác.

2:41a

Vậy, những người đáp ứng lời kêu gọi của Phê-rô đều chịu báp-tem: Trong tiếng Hy-lạp có một liên từ bạn có thể dịch là “vì thế” hay “bởi vậy.” Cho thấy rằng người ta đã đáp ứng lời kêu gọi của Phê-rô. Các từ *những người đáp ứng lời kêu gọi của Phê-rô* bày tỏ rằng những người này tin điều Phê-rô đã nói. Cũng hàm ý, họ đã bảo cho Phê-rô và những tín hữu khác rằng họ đã tin Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ, là Đấng có thể cứu họ khỏi sự hư mất đời đời. Theo ngữ cảnh động từ, *chịu phép báp-tem*, hàm ý rằng các môn đệ và các sứ đồ là những người làm báp-tem cho những người mới tin Chúa này.

2:41b

hôm ấy số tín đồ tăng thêm ba ngàn người: Ý nói có độ ba ngàn người mới tin Chúa gia nhập với các môn đệ của Chúa Giê-su.

ba ngàn người: Trong nguyên bản Hy-lạp, ghi “độ ba ngàn người.” Trong BDM ghi

con số *ba ngàn người*, có lẽ đây là con số Bác Sĩ Lu-ca muốn nhấn mạnh. BDC dịch nhóm từ này đúng hơn: “độ ba ngàn người.” Bản dịch cũ đã theo sát nghĩa với nguyên ngữ.

2:42a

Họ chuyên tâm giữ lời giáo huấn của các sứ đồ, sự thông công với anh em: Các từ *họ chuyên tâm giữ lời giáo huấn của các sứ đồ* cho thấy rằng những người mới tin Chúa chăm chú nghe lời giảng dạy của các sứ đồ và sẵn sàng áp dụng ngay vào cuộc sống những điều vừa mới học được. Thì của các động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ luôn tiếp tục học hỏi và thực hành.

sự thông công với anh em: Nhóm từ này nói đến sự quan hệ mật thiết giữa những người mới tin Chúa và những tín hữu khác với nhau, trong những buổi nhóm họp đều đặn. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ 2:42 nói đến những sinh hoạt, thờ phượng cộng đồng.

2:42b

lễ bẻ bánh và các buổi cầu nguyện: Nhóm từ *lễ bẻ bánh* có thể bao gồm cả hai sinh hoạt: những bữa ăn cơm chung, và cùng dự Tiệc Thánh.

các buổi cầu nguyện: Nhóm từ này có nghĩa là các tín hữu tụ tập lại với nhau thành một nhóm, hay thành nhiều nhóm để cầu nguyện. Cũng có thể được đề cập cả đến những buổi cầu nguyện chung tại thánh đường. Xem 3:1. Chắc rằng họ cũng thường họp lại với nhau tại nhiều nơi khác nữa.

Tiểu đoạn 2:43-47 Các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ, các tín hữu chia sẻ với nhau mọi thứ cần dùng và được Chúa luôn giúp đỡ

Trong tiểu đoạn này, Bác Sĩ Lu-ca tóm lược một số điều: 2:43, mọi người tại thành phố Giê-ru-sa-lem kính sợ Đức Chúa Trời, vì những phép lạ các sứ đồ đã thực hiện. Trong 2:44-47a, các tín hữu họp nhau lại và chia sẻ cho nhau những gì mỗi người có. Trong 2:47b, Chúa tiếp tục mở tâm trí cho nhiều người nhận biết Ngài.

2:43a

Mọi người đều kính sợ: Mọi người có lẽ nói đến tất cả mọi người đang cư ngụ tại thành Giê-ru-sa-lem trong lúc sự việc đang xảy ra.

Chắc chắn bao gồm cả những người chưa tin Chúa, vì “những tín hữu” đã được nhắc đến trong 2:44. Các từ *kính sợ* nói đến mọi người tại thành Giê-ru-sa-lem vô cùng kính sợ Đức

- 2:41a** **Vậy, những người đáp ứng lời kêu gọi của Phê-rô đều chịu báp-tem;**
 Vì thế, các môn đệ đã làm phép báp tem cho những người tin lời giảng của ông,
-HAY-
 Bởi vậy, các sứ đồ/môn đệ báp-tem cho những người tin vào bài giảng của Phê-rô,
- 2:41b** **hôm ấy số tín đồ tăng thêm ba ngàn người.**
 và trong ngày đó có khoảng ba ngàn [trong những người này đã tin nhận Chúa Giê-su và] họ đã gia nhập vào nhóm [của những người tin Chúa].
-HAY-
 và trong ngày đó có độ ba ngàn người được thêm vào nhóm của những người [tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a].
- 2:42a** **Họ chuyên cần giữ lời giáo huấn của các sứ đồ, sự thông công với anh em,**
 Những người đó tiếp tục vâng giữ lời dạy của các sứ đồ và [họ cũng tiếp tục] nhóm họp chung với [những người tin Chúa khác].
-HAY-
 Những người đó thường xuyên lắng nghe [và] chú ý đến lời dạy của các sứ đồ và [họ] thường tụ họp lại với tất cả [những tín hữu khác].
- 2:42b** **lễ bẻ bánh và các buổi cầu nguyện.**
 [Họ cũng tiếp tục] dùng bữa [chung và dự lễ tiệc thánh] và [họ tiếp tục] cầu nguyện [chung với nhau].

Tiểu đoạn 2:43-47 Các sứ đồ thực hiện những phép lạ, tất cả tín hữu chia sẻ với nhau tài vật của họ và họ được Chúa giúp đỡ

- 2:43a** **Mọi người đều kính sợ**
 Tất cả mọi người [tại Giê-ru-sa-lem] đều kính sợ [Đức Chúa Trời],
- 2:43b** **vì nhiều phép mầu và dấu lạ được các sứ đồ thực hiện.**
 [vì] các sứ đồ vẫn thường thực hiện những phép mầu, điều đó chứng tỏ [rằng Đức Chúa Trời đang giúp đỡ họ].
-HAY-
 [vì Đức Chúa Trời đã đang giúp đỡ] các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ đã chứng tỏ [rằng Đức Chúa Trời là Đấng đầy quyền năng].

Chúa Trời. Nhưng có thể họ cũng kính nể các sứ đồ nữa, vì Đức Chúa Trời đã giúp các sứ đồ thực hiện những phép lạ kỳ diệu.

2:43b
vì nhiều phép mầu và dấu lạ được các sứ đồ thực hiện: Phần “b” của câu Kinh Thánh này cho biết lý do tại sao mọi người kính sợ Đức Chúa Trời, và có thể cũng kính nể các sứ đồ nữa. Các từ *phép mầu và dấu lạ* ý nói

những phép lạ kinh ngạc chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời đầy quyền năng. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:22b về *nhiều phép mầu và dấu lạ*. Xem Lời Giải Nghĩa trong 1:2 cho *các sứ đồ*. Nhóm từ này hàm ý Đức Chúa Trời đã làm nhiều phép mầu và dấu lạ đã xảy ra, và Ngài đã dùng các sứ đồ để thực hiện những việc đó. Thì của động từ Hy-lạp, *được thực hiện*, bày tỏ rằng các phép lạ thường xảy ra luôn. Trong bản dịch của bạn, nếu

bạn nghĩ rằng đổi thứ tự của 2:43a và 2:43b sẽ được tự nhiên hơn, bạn có thể đổi lại như sau: “Nhiều phép mầu và dấu lạ được thực hiện bởi các sứ đồ, nên mọi người đều kính sợ Đức Chúa Trời.”

2:44a

Tất cả các tín hữu đều họp nhất với nhau: Các từ *tất cả tín hữu* chỉ về tất cả mọi người đã tin nhận Chúa Giê-su.

Dưới đây là hai cách có thể giải nghĩa các từ *hợp nhất với nhau*:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh cho rằng họ đã họp nhất lại trong lời nói và việc làm. Điều này có thể hàm ý rằng họ thường họp lại với nhau như một nhóm.
- (2) Một số khác nghĩ rằng những tín hữu này đã thực sự sống chung với nhau.

Có thể cả hai ý đều là sự thật, nhưng ý thứ nhất chính xác hơn, vì nó phù hợp với ngữ cảnh của động từ “chia sẻ.”

2:44b

lấy mọi vật sở hữu làm của chung: Những người tin Chúa chia sẻ với nhau những gì mình có một cách công bình và rộng rãi. Cho người khác những gì mình dư và nhận từ nơi người khác những gì mình thiếu. Nói một cách khác, các tín hữu chia sẻ cho nhau thực phẩm và mọi thứ cần dùng. Họ coi mọi vật mình có như là của chung, và để sử dụng chung cho nhau, theo nhu cầu của cả nhóm.

2:45a

bán tài sản của cải: Không có nghĩa là tất cả mọi người đều bán tất cả những gì mình có. Nhưng vì nhu cầu của cả nhóm, thỉnh thoảng một đôi người đã bán đi một số tài sản của mình. *Tài sản* chỉ về ruộng vườn, *của cải*, ý nói đến những vật dụng khác các tín hữu này có được.

2:45b

mà phân phát cho mọi tín hữu tùy theo nhu cầu của mỗi người: *Phân phát* chia tiền cho tín hữu tùy theo nhu cầu của mỗi người.

Mỗi người: Bất cứ người nào trong nhóm có nhu cầu đều được chia tiền, hoặc nhiều, hoặc ít.

2:46a

Hàng ngày, họ cứ đồng tâm chuyên cần đến Đền Thờ: Mỗi một ngày, hay hết ngày này sang ngày khác, các tín hữu đều tiếp tục làm những công việc được kể trong 2:46a đến 2:47a. Nơi các tín hữu nhóm họp mỗi ngày có thể tại một nơi nào đó trong khuôn viên Đền Thờ. Bạn cần giải thích rõ, chỗ nhóm họp của họ không phải bên trong Đền Thờ, vì chỉ có các thầy tế lễ mới được vào bên trong Đền Thờ để dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời. Bạn nên phân biệt rõ giữa *Đền Thờ* và “nhà hội.” Vì chỉ có một *Đền Thờ* nhưng có rất nhiều “nhà hội” trong toàn xứ Do Thái. “Nhà hội” là nơi tụ họp thường xuyên của người Do Thái.

2:46b

họ họp nhau bẻ bánh từ nhà này sang nhà khác, dùng bữa với nhau cách vui vẻ rộng lượng: Có lẽ nói về những bằng chứng việc các tín hữu tiếp tục họp lại ăn chung bữa và cùng dự Tiệc Thánh với nhau như trong 2:42b. Trong những ngày đầu của thời đại Cơ Đốc Giáo, có lẽ các tín hữu đã thường họp chung buổi ăn chiều và lễ Tiệc Thánh lại với nhau. Nhóm từ *vui vẻ rộng lượng* hàm ý rằng họ đã đối xử với nhau một cách khiêm nhường và rộng rãi.

2:47a

ca ngợi Đức Chúa Trời và được lòng tất cả mọi người: Họ luôn ngợi khen Chúa, trong khi dùng bữa chung với nhau, trong những buổi họp mặt, và trong bất cứ những sinh hoạt nào khác. *Ca ngợi Đức Chúa Trời* nói về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời cho mọi người. *Được lòng tất cả mọi người* được mọi người tại thành Giê-ru-sa-lem quý mến và nghĩ tốt về họ. Trong lúc này các tín hữu chưa gặp phải những sự chống đối, và mọi người rất tử tế với các tín hữu.

2:44a	Tất cả các tín hữu đều họp nhất với nhau, Tất cả những người đã tin [vào Chúa Giê-su] họp nhau lại [và họ thường nhóm họp chung với nhau],
2:44b	lấy mọi vật sở hữu làm của chung, và họ đã cùng nhau chia sẻ mọi vật mỗi người có được.
2:45a	bán tài sản của cải, [Thỉnh thoảng có một đôi người] trong đám họ đã bán [một vài] miếng ruộng [và một số tài vật khác] mà họ đã có được,
2:45b	mà phân phát cho mọi tín hữu tùy theo nhu cầu của mỗi người. và họ chia [một phần] số tiền [từ vật đã bán được] cho bất cứ ai [trong nhóm] có nhu cầu [này].
2:46a	Hàng ngày, họ cứ đồng tâm chuyên cần đến Đền Thờ, Mỗi ngày họ tiếp tục hội họp lại với nhau trong khuôn viên Đền Thờ.
2:46b	họp nhau bẻ bánh từ nhà này sang nhà khác, dùng bữa với nhau cách vui vẻ rộng lượng, [Mỗi ngày] họ dùng bữa chung với nhau [và đồng dự tiệc thánh] tại các tư gia [và] họ chia sẻ các thức ăn với nhau một cách vui vẻ và rộng lượng. -HAY- [Mỗi ngày] họ vui vẻ và thật thà chia sẻ các thức ăn [với nhau], trong khi họ dùng bữa chung với nhau [và cùng dự tiệc thánh] tại các tư gia của họ.
2:47a	ca ngợi Đức Chúa Trời và được lòng tất cả mọi người. [Trong khi họ đối xử với nhau như thế,] họ đã ngợi khen danh Đức Chúa Trời và tất cả những người [khác ở thành Giê-ru-sa-lem] đã phải [suy nghĩ] có cảm tình về [họ].
2:47b	Mỗi ngày, Chúa tăng thêm số người được cứu. Chúa [Giê-su] đã làm cho nhiều người [là những người Ngài] đã cứu gia nhập vào các [nhóm tín hữu] mỗi ngày. -HAY- Mỗi ngày Chúa [Giê-su] cứu chuộc nhiều người [và những người này sẽ không bị Đức Chúa Trời trừng phạt vì tội lỗi của họ].

2:47b

Mỗi ngày, Chúa tăng thêm số người được cứu: Hầu hết các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng từ *Chúa* ở đây chỉ về Chúa Giê-su. Tuy nhiên, bạn không cần nói rõ điều này trong bản dịch của bạn.

Mỗi ngày, Chúa tăng thêm số người: Mỗi ngày có nhiều người mới, tin vào Chúa

Giê-su và gia nhập vào nhóm của các tín hữu. *Được cứu* Chúa Giê-su tiếp tục cứu mọi người, mỗi một ngày. Bạn cần làm sáng tỏ từ *được cứu* như thế này: “Con người đang được cứu, để tránh khỏi hình phạt của Đức Chúa Trời về tội lỗi của họ.” Cần xem thêm Lời Giải Nghĩa trong 2:21 cho từ *được cứu*.

Phân đoạn phụ 3:1-4:31 Phê-rơ chữa lành một người què, nhưng những người lãnh đạo Do Thái chống đối các sứ đồ

Phân đoạn phụ này gồm có bốn tiểu đoạn: Trong 3:1-10, Phê-rơ chữa lành một người què. Trong 3:11-26, Phê-rơ giải thích việc ông chữa lành cho người què. Trong 4:1-22, những người lãnh đạo Do Thái bắt giam và đe dọa hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng. Trong 4:23-31, những người tin Chúa cầu nguyện và tiếp tục mạnh dạn nói về Chúa Giê-su cho mọi người. Đây là một câu chuyện bao gồm nhiều biến cố. Người ta rất ngạc nhiên về việc người què được chữa lành, vì thế, Phê-rơ phải giải thích rằng Chúa Giê-su chính là Đấng chữa lành người què. Những người lãnh đạo Do Thái đến để quan sát ngay tại chỗ. Họ tức giận vì Phê-rơ nói về Chúa Giê-su cho mọi người. Cho nên họ bắt hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng và cấm không cho nói về Chúa Giê-su nữa. Khi được thả ra, hai sứ đồ đến gặp các tín hữu và thuật lại tất cả những việc xảy ra. Kết quả là các tín hữu cầu nguyện và Đức Chúa Trời cho họ được đầy đầy Đức Thánh Linh, vì vậy họ mạnh dạn tiếp tục rao giảng về Chúa Giê-su cho mọi người.

Tiểu đoạn 3:1-10 Phê-rơ chữa lành cho một người què, làm cho nhiều người ngạc nhiên

Hai câu đầu diễn tả quang cảnh của phép lạ chữa lành người què. Đó là lý do có nhiều người rất đổi ngạc nhiên.

3:1-2 Phê-rơ và Giăng gặp người què

3:1

Trong bản Hy-lạp, không cho biết sự việc xảy ra cách sau lễ Ngũ Tuần là bao nhiêu ngày, nên bạn có thể dùng một từ ngữ tổng quát, như “một ngày kia,” để giới thiệu cho câu kinh văn này. Các câu 2:43-47 là phần tóm tắt. Trong đó Báp-ti-s-ta ghi lại rằng các sứ đồ thực hiện các phép lạ, các tín hữu hợp nhất với nhau, và mỗi ngày Chúa Giê-su cứu thêm nhiều người. Trong 3:1, Báp-ti-s-ta thay đổi đề tài. Ở đây ông không còn nói chung về các tín hữu, nhưng ông chỉ nói riêng về hai sứ đồ, Phê-rơ và Giăng, và việc hai sứ đồ sẽ đi đâu.

Phê-rơ và Giăng đi lên Đền Thờ: Những người Do Thái thường nói đi lên Đền Thờ, vì Đền Thờ được xây cất trên một nơi cao hơn hầu hết mọi nơi khác tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn “đi lên” hình dung ra một lối đi ngược dốc, bạn chỉ nên nói “đi đến Đền Thờ.” Ở đây, như trong

2:46, *Đền Thờ* ý nói về khuôn viên Đền Thờ, có nghĩa là những vùng chung quanh phía ngoài Đền Thờ.

vào giờ cầu nguyện lúc ba giờ chiều: Nói đến mục đích của việc đi đến Đền Thờ và cũng nói đến giờ giấc nữa. *Lúc ba giờ chiều* đây là thời điểm của người Do Thái đến Đền Thờ để thờ phượng Chúa mỗi ngày. Trong khi các thầy tế lễ dâng những sinh tế thì mọi người khác cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Nếu từ *cầu nguyện* trong ngôn ngữ của bạn chỉ có nghĩa là cầu xin, bạn có thể dịch như thế này “thì giờ thờ phượng Đức Chúa Trời.” Trong đoạn này cũng cho biết rõ rằng ngoài hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng ra, còn có rất nhiều dân chúng. Đây là thì giờ cho bất cứ ai muốn đến Đền Thờ để cầu nguyện.

3:2a

Một anh què từ lúc sơ sinh: Theo ngữ cảnh cho thấy *anh què* là một người không thể tự đi được, nên phải cần người khiêng. Anh bị què từ lúc sơ sinh.

Phân đoạn phụ 3:1-4:31 Phê-rơ chữa lành người què, nhưng những người lãnh đạo Do Thái chống đối các sứ đồ

Tiểu đoạn 3:1-10 Phê-rơ chữa lành một người què, làm cho nhiều người kinh ngạc

- 3:1** Phê-rơ và Giăng đi lên Đền Thờ vào giờ cầu nguyện lúc ba giờ chiều.
[Vào một ngày nọ] Phê-rơ và Giăng đang đi đến [khuôn viên] Đền Thờ, trong giờ đó [khi dân chúng] cầu nguyện [tập thể ở đây. Lúc này] là ba giờ chiều.
- 3:2a** Một anh què từ lúc sơ sinh hằng ngày được khiêng đến Đền Thờ, đặt tại Cổng Đẹp
[Có] một người bị què từ lúc mới sinh. Người ta đang khiêng anh đến gần một cái cổng [ngoài khuôn viên, cái cổng mà người ta] gọi là [Cổng] Đẹp.
- 3:2b** để xin khách vào đền bố thí.
Những người khiêng đặt anh tại cổng này mỗi ngày, để [anh có thể] xin tiền của những người vào [hay ra khuôn viên] Đền Thờ.

hằng ngày được khiêng: Nếu cần nói rõ anh được khiêng như thế nào, có lẽ hai hay bốn người khiêng anh trên một cái cáng. Xem trong Mác 2:3, ở đây có bốn người khiêng một người bại đến cùng Chúa Giê-su. Dựa theo thì của động từ trong tiếng Hy-lạp chúng tỏ rằng có lẽ anh què đang được khiêng trong lúc này.

đến Đền Thờ, đặt tại Cổng Đẹp: “Hằng ngày” người ta khiêng anh đến Đền Thờ, đặt tại Cổng Đẹp, là nơi anh sẽ ngồi để xin tiền của những người qua lại. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có sự khác biệt giữa cổng và cửa, bạn nên dùng từ “cổng.” Thế nào để bày tỏ được lối vào của một nơi có hàng rào cao hay có tường bằng gạch thay vì là lối để bước vào phía bên trong của ngôi Đền Thờ. Cổng này có thể ở khoảng giữa sân nơi dành

cho phụ nữ và sân nơi dành cho người ngoại giáo. Sân dành cho phụ nữ là nơi được dùng cho những buổi họp cộng đồng của người Do Thái. Có một vài ngôn ngữ không có sự phân biệt giữa hai từ “đẹp” và “tốt.” Nếu ngôn ngữ bạn cũng giống như vậy, bạn có thể dịch là “cổng của sân Đền Thờ nơi người ta gọi bằng tên Cổng Đẹp.”

3:2b

để xin khách vào đền bố thí: Cũng chính những người này khiêng người bại mỗi ngày đặt anh ta xuống bên vệ đường gần Cổng Đẹp để anh xin tiền. Các từ *những khách vào đền* không có nghĩa là người bại chỉ xin tiền những người đi vào, và không xin tiền của những người đi ra. Thật ra ý nói rằng người bại xin tiền của những người đến thăm viếng Đền Thờ, bất luận là họ đi vào hay đi ra.

3:3-8 Phê-rơ chữa lành cho người bại

3:3

Thấy Phê-rơ và Giăng bước vào Đền Thờ, anh xin họ cho út tiên: Vừa khi thấy hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng sắp bước vào cổng, người bại lập tức chìa tay xin tiên. Trong một vài ngôn ngữ, nó sẽ có vẻ tự nhiên hơn nếu dùng cách nói trực tiếp, chẳng hạn như: "...anh nói với hai người, 'Xin làm ơn cho tôi vài ba đồng.'" Thì của động từ *xin* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng người bại này xin nhiều lần.

3:4a

Phê-rơ và Giăng đều chăm chú nhìn anh: Phê-rơ và Giăng có phản ứng ngay là nhìn thẳng vào mặt anh.

3:4b

Phê-rơ bảo: "Anh hãy nhìn chúng tôi đây!": Trong khi Phê-rơ và Giăng đang còn chăm chú nhìn người què, thì Phê-rơ bảo người què nhìn về phía hai người.

3:5

Anh què ngược nhìn hai người, mong được họ cho chút gì: Người què phản ứng sự kêu gọi của Phê-rơ bằng cách nhìn chăm chú về phía hai sứ đồ. Thì của động từ *nhìn* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng người què tiếp tục chăm chú nhìn. Anh muốn biết hai người sẽ làm gì. Vì những người khác luôn cho anh tiên, anh hy vọng cũng sẽ nhận được một ít tiên từ Phê-rơ và cả Giăng nữa.

3:6a

Phê-rơ nói: "Bạc, vàng tôi không có, nhưng điều tôi có, xin tặng cho anh: Các từ *bạc* hay *vàng* có nghĩa là tiên. Với các từ *tôi không có*, Phê-rơ hàm ý rằng sứ đồ Giăng cũng không có tiên để cho người què. Tuy nhiên, bạn không cần phải làm cho rõ ràng trong bản dịch, bởi vì Phê-rơ nói tiếp *nhưng điều tôi có, xin tặng cho anh*. Phê-rơ có ý rằng ông sẽ làm một điều để giúp anh què nhưng không bằng tiền bạc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, người ta chỉ thường dùng từ "*tặng cho*" để chỉ đến đồ vật, bạn có thể dịch

như thế này: "nhưng những gì tôi có thể làm, tôi sẽ làm cho anh."

3:6b

Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su ở Na-xa-rét, anh hãy bước đi!: Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su là một cách để nói về quyền năng và thẩm quyền của chính Chúa Giê-su, thay vì chỉ nói đến tên của Ngài. Phê-rơ ra lệnh cho người què *bước đi* vì Chúa Cứu Thế Giê-su có quyền năng để chữa lành cho người què và anh có thể đi được.

3:7a

Phê-rơ nắm tay phải anh đỡ đứng dậy: Để có thể giúp người què đứng dậy, Phê-rơ nắm lấy tay phải của người què, có lẽ bằng cánh tay phải của Phê-rơ. Rồi Phê-rơ giúp anh đứng dậy. Bạn nên làm sáng tỏ rằng Phê-rơ rất tử tế trong khi giúp người què đứng dậy, thay vì bằng hành động thiếu nhã nhặn.

3:7b

Lập tức, bàn chân và xương mắt cá anh trở nên vững vàng: Trong khi Phê-rơ đang đỡ anh què đứng lên, tự nhiên bàn chân và mắt cá của anh trở nên vững vàng, lần đầu tiên trong đời anh đứng được, vì Chúa Giê-su chữa lành cho anh. Động từ *trở nên* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng hai bàn chân và hai chân của anh què tự nhiên trở nên vững mạnh bình thường. Trong 3:8 anh què nhảy vọt lên không nhiều lần cho thấy rằng đôi chân của anh thực sự cứng cáp như thế nào.

3:8a

anh què nhảy lên, đứng dậy: Thì của động từ *nhảy* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng anh què nhảy lên nhiều lần, có lẽ vì anh quá vui mừng và đầy hứng thú. Rồi, từ trong một thế đứng, lần đầu tiên anh bắt đầu bước đi. Những hành động này lập tức xảy ra ngay sau khi anh được chữa lành.

3:8b

bước vào Đền Thờ với hai sứ đồ, vừa đi, vừa nhảy và ca ngợi Đức Chúa Trời: Không còn ngồi tại Cổng Đẹp nữa, anh què cùng đi với Phê-rơ và Giăng vào sân Đền

- 3:3** **Thấy Phê-rô và Giăng bước vào Đền Thờ, anh xin họ cho ít tiền.**
 Khi người què nhìn thấy [ràng] Phê-rô và Giăng sắp sửa đi vào [khuôn viên Đền Thờ], anh què nhiều lần kêu hai người để xin tiền.
-HAY-
 Khi người què trông thấy [ràng] Phê-rô và Giăng sắp sửa vào [khuôn viên Đền Thờ], anh gọi họ nhiều lần: “Làm ơn cho tôi vài đồng bạc.”
- 3:4a** **Phê-rô và Giăng đều chăm chú nhìn anh.**
 Trong khi Phê-rô và Giăng chăm chú nhìn thẳng hướng về người què,
- 3:4b** **Phê-rô bảo: “Anh hãy nhìn chúng tôi đây!”**
 Phê-rô nói [với anh ta]: “[Này anh] hãy nhìn đến chúng tôi!”
- 3:5** **Anh què ngược nhìn hai người, mong được họ cho chút gì.**
 Vì thế, anh nhìn thẳng đến hai người, với hy vọng sẽ nhận được ít tiền từ hai người.
- 3:6a** **Phê-rô nói: “Bạc, vàng tôi không có, nhưng điều tôi có, xin tặng cho anh:**
 Rồi Phê-rô nói [với anh què]: “Tôi [và cả Giăng nữa] không có một đồng xu nào cả, nhưng sẽ cho anh điều tôi có.
-HAY-
 Rồi, Phê-rô nói [với người què]: “Tôi không có tiền, nhưng những gì tôi có có thể làm bây giờ tôi sẽ làm cho anh.
- 3:6b** **Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su ở Na-xa-rét, anh hãy bước đi** □
 Chúa Cứu Thế Giê-su ở [làng] Na-xa-rét cho phép tôi ra lệnh cho anh hãy [đứng dậy và] bước đi.”
-HAY-
 Người có tên là Chúa Cứu Thế Giê-su ở làng Na-xa-rét chữa lành cho anh ngay [bây giờ, vậy hãy đứng dậy] và bước đi!”
- 3:7a** **Phê-rô nắm tay phải anh đỡ đứng dậy.**
 Nói xong Phê-rô nắm lấy tay phải của anh đỡ anh đứng dậy,
- 3:7b** **Lập tức, bàn chân và xương mắt cá trở nên vững vàng,**
 và ngay lập tức bàn chân và xương mắt cá của anh què được lành.
- 3:8a** **anh què nhảy lên, đứng dậy,**
 Rồi anh què nhảy vọt lên [thật cao nhiều lần] đứng dậy và bắt đầu bước đi.
- 3:8b** **bước vào Đền Thờ với hai sứ đồ, vừa đi, vừa nhảy và ca ngợi Đức Chúa Trời.**
 Người què cùng đi vào khuôn viên Đền Thờ với hai sứ đồ, vừa đi vừa nhảy nhót, và ngợi khen Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Người què cùng đi vào sân Đền Thờ với hai sứ đồ, vừa đi vừa nhảy và nói với [mọi người]: “Đức Chúa Trời thật vĩ đại!”

Thờ, bấy giờ là giờ thờ phượng Đức Chúa Trời tập thể. Thì của các động từ, *đi, nhảy*, và *ca ngợi* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng anh tiếp tục bày tỏ sự vui mừng của anh bằng những hành động này. Có nghĩa là anh có thể cùng với hai sứ đồ Phê-rô và Giăng đi từ chỗ này đến chỗ khác. Vì không thể kiềm chế được sự vui mừng nên thỉnh thoảng anh nhảy vọt lên không một cách thích thú, để bày tỏ sự vui mừng vì anh được chữa lành. Anh cũng nhiều lần ca ngợi Đức Chúa Trời. Thay vì nói *ca ngợi Đức Chúa Trời* bạn có thể nói “anh nói về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời cho mọi người.”

3:9-10 Người ta rất đổi ngạc nhiên

3:9

Tất cả dân chúng đều thấy anh bước đi và ca ngợi Đức Chúa Trời: Các từ *tất cả dân chúng* chỉ về những người đang hiện diện tại sân Đền Thờ trong giờ thờ phượng Chúa vào buổi chiều. Những người này thấy anh đi lại và nghe anh kể lại cho người khác nghe về sự vĩ đại mà Đức Chúa Trời vừa mới thực hiện trên đời sống anh. Lần nữa, thì của các

động từ *bước đi* và *ca ngợi* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng anh tiếp tục bày tỏ sự vui mừng của anh bằng những hành động này.

3:10a

Họ nhận ra anh chính là người thường ngồi ăn xin tại Cổng Đẹp của Đền Thờ: Thì của động từ *nhận ra* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng từ nhóm người này đến nhóm khác thấy anh đi lại trong sân Đền Thờ đều nhận ra anh chính là anh què ngồi tại Cổng Đẹp để xin tiền mỗi ngày. Xem Lời Giải Thích ở 3:2a cho các từ cổng Đền Thờ gọi là *Cổng Đẹp*.

3:10b

nên họ vô cùng kinh ngạc sững sốt khi thấy việc này xảy ra: Đại danh từ *họ* nhắc lại trong 3:9, “tất cả dân chúng” đang có mặt trong sân Đền Thờ. Dân chúng không biết nói gì về những phép lạ và cũng không giải thích được những gì xảy ra cho anh này. *Vô cùng* bày tỏ rằng chẳng có gì có thể làm cho họ ngạc nhiên hơn việc vừa mới xảy ra cho anh què mà họ chứng kiến.

Tiểu đoạn 3:11-26 Phê-rô giải thích rằng Chúa Giê-su chữa lành cho người què, và mọi người cần ăn năn tội

Trong 3:11, tất cả dân chúng hiện đang ở trong sân Đền Thờ liền tập trung lại nơi có các sứ đồ Phê-rô, Giăng và người đàn ông vừa mới trước đây là người què thường ngồi tại Cổng Đẹp. Dân chúng thật vô cùng ngạc nhiên về phép lạ chữa lành cho anh què. Vì thế, trong 3:12-26, Phê-rô giải thích rằng không phải ông và sứ đồ Giăng chữa lành cho người què, nhưng chính là Chúa Giê-su. Phê-rô cũng cho họ biết thêm rằng Giê-su chính là Đấng mà họ từ khước và giết đi, cho nên họ cần phải ăn năn và xin Đức Chúa Trời tha thứ những tội lỗi của họ.

Tiểu đoạn phụ 3:11 Dân chúng vội vã tụ tập đến nơi có các sứ đồ và người què được chữa lành

Trong 3:11 Bác Sĩ Lu-ca cung cấp bối cảnh và nói đến lý do về bài giảng của sứ đồ Phê-rô trong 3:12-26.

3:11a

Anh đang nắm tay Phê-rô và Giăng, tất cả dân chúng đều lấy làm lạ: Bạn cần làm sáng tỏ tại sao người đàn ông đang nắm tay *Phê-rô và Giăng*. Không có lý do nào khác

hơn là vì anh quá vui mừng và biết ơn hai sứ đồ đến đến đôi anh không muốn xa hai người. Xem Lời Giải Nghĩa ở 3:9 cho các từ *tất cả dân chúng*.

- 3:9** **Tất cả dân chúng đều thấy anh bước đi và ca ngợi Đức Chúa Trời.**
Tất cả dân chúng có mặt tại đó nhìn thấy anh đang bước đi và đang ngợi khen Đức Chúa Trời.
-HAY-
Tất cả dân chúng có mặt tại chỗ thấy anh đang bước đi và [họ nghe anh] đang nói với họ rằng thật là một việc lạ lùng mà Đức Chúa Trời [làm cho anh].
- 3:10a** **Họ nhận ra anh chính là người thường ngồi ăn xin tại Cổng Đẹp của Đền Thờ**
Họ nhận ra rằng anh chính là người què thường ngồi xin tiền trước Cổng Đẹp của khuôn viên Đền Thờ.
- 3:10b** **nên họ vô cùng kinh ngạc sững sốt khi thấy việc này xảy ra.**
Việc đó làm cho mọi người kinh ngạc, và không thể giải thích được việc gì xảy ra cho anh.

Tiểu đoạn 3:11-26 Phê-rô giải thích rằng Chúa Giê-su chữa lành cho người què, và họ cần ăn năn tội

Tiểu đoạn phụ 3:11 Dân chúng ùa đến chỗ các sứ đồ và người què đang đứng

- 3:11a** **Anh đang nắm tay Phê-rô và Giăng, tất cả dân chúng đều lấy làm lạ,**
Trong lúc người què [một cách vui mừng] đang nắm tay Phê-rô và Giăng, mọi người đang có mặt [tại chỗ] thật vô cùng ngạc nhiên [và họ không biết phải suy nghĩ như thế nào].
- 3:11b** **chạy đến, tại chỗ gọi là hành lang Sa-lô-môn.**
Nên dân chúng ùa chạy đến nơi [tại khuôn viên Đền Thờ] nơi này gọi là hành lang Sa-lô-môn.

lấy làm lạ: Cho thấy dân chúng vô cùng ngạc nhiên vì người què được chữa lành và họ không thể nào hiểu được về sự việc xảy ra.

3:11b
chạy đến, tại chỗ gọi là hành lang Sa-lô-môn: Khi họ thấy anh không còn là anh què nữa, dân chúng vội chạy đến nơi các sứ đồ

Phê-rô và Giăng và anh què vừa được chữa lành đang đứng.

hành lang Sa-lô-môn: Hành lang Sa-lô-môn là nơi giống như hiên cửa trước nhà gồm có nhiều cột để chống đỡ mái. Các học giả Kinh Thánh cho rằng đây là một hành lang lớn dọc theo phía đông của sân Đền Thờ.

Tiểu đoạn phụ 3:12-26 Phê-rơ giải thích rằng Chúa Giê-su chữa lành cho người què, và dân chúng cần ăn năn tội

Bài giảng của Phê-rơ có thể chia làm hai phần: Trong 3:12-16, Phê-rơ giải thích Chúa Giê-su chữa lành anh què, và Chúa Giê-su chính là người mà dân chúng từ khước và giết Ngài đi. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại. Trong 3:17-26, Phê-rơ bảo dân chúng rằng họ cần phải ăn năn tội trở lại cùng Đức Chúa Trời, như thế Ngài sẽ tha tội và ban phước cho họ.

3:12-16 Phê-rơ giải thích rằng Chúa Giê-su chữa lành cho người què

3:12a

Thấy thế, Phê-rơ bảo họ: Khi Phê-rơ thấy rằng tất cả dân chúng đổ xô đến và vây quanh hai sứ đồ và người què vừa mới được chữa lành, lập tức, ông bắt đầu giải thích cho họ người què được chữa lành như thế nào. Có rất nhiều người đang tụ tập tại đây, vì thế Phê-rơ nói lớn tiếng để cho tất cả mọi người đều nghe rõ.

Đồng bào Y-sơ-ra-ên: Nói đến con cháu Y-sơ-ra-ên. Phê-rơ cũng là con cháu của tổ phụ Gia-cốp, là người mà Đức Chúa Trời đổi tên lại thành Y-sơ-ra-ên. Vì thế, theo ngữ cảnh ở đây, có nghĩa là “đồng bào Y-sơ-ra-ên.” Khi dùng từ này, Phê-rơ bày tỏ sự kính trọng và thích hợp đối với dân chúng. Điều này giống như gọi dân chúng bằng từ “bà con của tôi” trong một số ngôn ngữ thường dùng. Trong 3:17a Phê-rơ gọi dân chúng bằng từ ngữ liên hệ trong sự gần gũi hơn, “anh em.”

Tại sao quý vị ngạc nhiên?: Phê-rơ dùng những câu hỏi sau đây để giới thiệu lời giải thích của ông về phép lạ Chúa chữa lành người què. Phê-rơ không mong dân chúng sẽ trả lời các câu hỏi của ông ở đây và cả những câu trong 3:12b. Thay vì, đây chỉ là một lối nói để bảo cho dân chúng rằng họ không nên ngạc nhiên về phép lạ họ đang chứng kiến. Trong một vài ngôn ngữ, loại câu hỏi này có thể làm cho người nghe hiểu rằng Phê-rơ muốn dân chúng cho ông biết lý do về sự ngạc nhiên của họ. Nếu vậy, những câu hỏi này nên dịch như là những mệnh lệnh, như trong PKTCCN.

3:12b

Tại sao quý vị nhìn sững chúng tôi: Bạn có thể làm cho đơn giản câu hỏi này bằng cách chia nó ra “Tại sao các anh nhìn sững chúng tôi” phần còn lại của câu này, giống như trong PKTCCN. Bạn cũng có thể đổi câu hỏi này ra thành một mệnh lệnh hay một câu nói thường.

đường như chúng tôi cậy quyền năng: Đường như, cùng với phần còn lại của câu hỏi, hàm ý rằng dân chúng tưởng lầm rằng Phê-rơ và Giảng có quyền năng để chữa lành người què.

hoặc đức độ của mình mà khiến người què này đi được: Điều này có nghĩa là họ làm vừa lòng Đức Chúa Trời nên Ngài giúp đỡ họ chữa lành cho người què.

3:13a

Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta: Trong bản dịch của bạn, bạn nên làm cho rõ ràng hai điều tham khảo về Đức Chúa Trời ở đây đồng nói về một Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp là tổ phụ của người Y-sơ-ra-ên. Phê-rơ nói đến họ một cách đặc biệt vì họ là những người sáng lập nước hay dân Y-sơ-ra-ên.

3:13b

đã tôn vinh: Động từ, *tôn vinh*, có nghĩa là Đức Chúa Trời tôn cao Chúa Giê-su, tức là Đức Chúa Trời cho thấy sự vĩ đại và quyền năng của Chúa Giê-su như thế nào. Đức Chúa Trời làm vinh hiển Chúa Giê-su như thế nào? Dưới đây là ba cách có thể trả lời câu hỏi này:

Tiểu đoạn phụ 3:12-26 Phê-rơ giải thích rằng Chúa Giê-su chữa lành người què, và họ cần ăn năn tội

- 3:12a** Thấy thế, Phê-rơ bảo họ: “**Đồng bào Y-sơ-ra-ên! Tại sao quý vị ngạc nhiên?** Nhìn thấy phản ứng của dân chúng, Phê-rơ [với một cách lớn giọng] bảo họ: “Hỡi đồng bào Y-sơ-ra-ên, các anh không nên ngạc nhiên về việc vừa mới xảy ra cho người này!
- 3:12b** **Tại sao quý vị nhìn sững chúng tôi dường như chúng tôi cậy quyền năng hoặc đức độ của mình mà khiến người què này đi được.** Các anh cũng đừng nhìn chúng tôi một cách sững sốt như vậy! Các anh như có vẻ cho rằng chúng tôi giúp cho người què này đi được vì chúng tôi có quyền năng hay là chúng tôi làm đẹp lòng Đức Chúa Trời nhiều lắm.
- 3:13a** **Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta** Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và tổ phụ của chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời, **-HAY-** Tổ phụ của chúng ta, kể cả Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp thờ phượng Đức Chúa Trời,
- 3:13b** **đã tôn vinh đầy tớ Ngài là Đức Giê-su.** và Đức Chúa Trời tôn cao Chúa Giê-su vì Ngài luôn luôn vâng lời làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. **-HAY-** và Đức Chúa Trời tôn rất cao Chúa Giê-su là đầy tớ của Ngài [bằng cách, khiến Ngài sống lại].
- 3:13c** **Đồng bào đã nộp Ngài cho người ta xử tử,** Các anh đưa Chúa Giê-su vào tay [Phi-lát] để cho [lính của ông ấy giết Chúa Giê-su].

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại và được tôn cao trên thiên đàng.
- (2) Một số khác nghĩ rằng Đức Chúa Trời cho thấy sự vĩ đại của Chúa Giê-su như thế nào bằng phép lạ chữa lành người què.
- (3) Một số khác nữa cho rằng Đức Chúa Trời làm vinh hiển Chúa Giê-su bằng cả hai cách, khiến Chúa Giê-su sống lại và bằng phép lạ Chúa Giê-su chữa lành người què.

Ý thứ nhất có lẽ đúng nhất vì Phê-rơ nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su sống lại, ví dụ như trong 3:15. Tuy nhiên trong ngôn ngữ của

bạn, bạn không cần phải nói chi tiết là Đức Chúa Trời làm gì để tôn vinh con Ngài.

đầy tớ Ngài là Đức Giê-su: Đây Phê-rơ giới thiệu Chúa Giê-su như một *đầy tớ* của Đức Chúa Trời. Có nghĩa là Chúa Giê-su luôn luôn vâng lời, và làm những gì đẹp lòng Đức Chúa Trời. “Đầy tớ Chúa” là một trong những danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a trong Cựu Ước.

3:13c

Đồng bào nộp Ngài cho người ta xử tử: Khi dùng từ *đồng bào*, Phê-rơ kết tội dân chúng về việc họ nộp Chúa Giê-su vào tay Phi-lát để cho quân lính La-mã giết Ngài. Trong

bản dịch của bạn, bạn nên ghi rõ ai là những người thực sự giết Chúa Giê-su, như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN.

3:13d

quý vị khước từ Ngài trước mặt Phi-lát: Họ bảo với Phi-lát rằng họ không muốn Chúa Giê-su làm vua của họ. Những gì họ làm trái ngược lại với những điều dân chúng mong đợi.

khi ông ta quyết định phóng thích Ngài: Phi-lát biết rõ Chúa chưa hề làm một điều gì sai quấy, vì thế Phi-lát muốn *phóng thích* Chúa Giê-su.

3:14a

Nhưng quý vị đã khước từ Đấng Thánh và công chính: Xem Lời Giải Nghĩa trong 3:13d cho các từ *khước từ Đấng Thánh*. Phê-rô và thánh giả của ông chắc hiểu các từ *Đấng Thánh* và *công chính* là danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a.

Thánh: Không chỉ có nghĩa là “vô tội,” nhưng còn nói đến mối quan hệ mật thiết của Chúa Giê-su đối với Đức Chúa Trời. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:27b về *Đấng Thánh*.

công chính: Chúa Giê-su luôn luôn làm những việc công bình. Có nghĩa là Ngài không hề phạm tội, và luôn vâng lời Đức Chúa Trời. Những người đang nghe Phê-rô chắc nhớ lại rằng tiên tri Ê-sai nhắc đến sự công bình của “đây tớ công chính” của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 53:11.

3:14b

và xin Phi-lát thi ân tha cho một kẻ sát nhân: Ở đây Phê-rô lên án dân chúng việc họ yêu cầu Phi-lát ân xá cho một kẻ phạm tội giết người, thay vì để Phi-lát tuyên bố rằng Chúa Giê-su chưa từng phạm một lỗi lầm và trả tự do cho Chúa Giê-su. Động từ Hy-lạp (*xin*) ở đây có nghĩa là “yêu cầu một cách khẩn thiết” hay “đòi hỏi một cách mạnh mẽ.”

thi ân tha: Họ xin Phi-lát tha cho Ba-ra-ba, thay vì Chúa Giê-su, để thoả lòng của họ.

3:15a

Quý vị đã giết Chúa Sự Sống: Quân lính La-mã đóng đinh Chúa Giê-su trên thập tự giá, nhưng dân chúng phạm tội trong việc giết Chúa Giê-su như chính họ tự đóng đinh Ngài.

Chúa Sự Sống: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ này hàm ý rằng Chúa Giê-su là Đấng làm cho con người sống, đặc biệt là sống vĩnh viễn với Đức Chúa Trời.

3:15b

mà Đức Chúa Trời đã làm cho sống lại từ kẻ chết: Phê-rô so sánh những gì con người làm ngược lại với những gì Đức Chúa Trời làm.

3:15c

chúng tôi là nhân chứng về việc đó: Chúng tôi nói đến hai sứ đồ, Phê-rô và Giăng. *Nhân chứng* là những người thuật lại cho người khác những gì họ thấy và nghe. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể đổi “nhân chứng” sang thể nói “lời chúng,” theo như trong Câu Định Nghĩa PKTCCN. Từ *việc đó* chỉ về việc Phê-rô vừa mới nói trong 3:15b. Có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại, sau khi chết.

3:16a

Bồi đức tin trong danh Giê-su, người què mà quý vị thấy và biết đã được lành mạnh: Câu hỏi đầu tiên các học giả Kinh Thánh nêu lên ở đây là “*đức tin* của ai được nói đến ở đây?” Sau đây là ba cách có thể trả lời câu hỏi trên.

- (1) Một số nhà thần học cho rằng *đức tin* ở đây nói đến đức tin của cả ba (người què, Phê-rô, và Giăng) đều tin rằng Chúa Giê-su sẽ chữa lành cho người què.
- (2) Một số khác nghĩ rằng *đức tin* nói đến người què tin Chúa Giê-su sẽ chữa lành cho anh ta.
- (3) Một số khác nữa nghĩ *đức tin* nói đến hai sứ đồ tin cậy Chúa Giê-su sẽ chữa lành cho người què.

Chắc chắn là các sứ đồ Phê-rô và Giăng tin cậy vào Chúa Giê-su. Chắc rằng người què

3:13d	<p>quý vị đã khước từ Ngài trước mặt Phi-lát khi ông ta quyết định phóng thích Ngài. Ngay cả, trước mặt Phi-lát các anh từ khước Chúa Giê-su [là vua của các anh], sau khi Phi-lát quyết định tha cho Chúa Giê-su. -HAY- Phi-lát quyết định thả Chúa Giê-su[, bởi vì ông ấy biết rõ rằng Ngài chẳng làm điều đáng tội]. Nhưng các ông bảo với Phi-lát rằng các ông không muốn Chúa Giê-su [làm vua của các anh].</p>
3:14a	<p>Nhưng quý vị đã khước từ Đấng Thánh và công chính Các anh từ khước Chúa Giê-su, mặc dù Ngài luôn luôn làm những việc tốt và công chính. -HAY- Chúa Giê-su là Đấng mà Đức Chúa Trời chọn làm Đấng Mê-si-a. [Ngài là một người hoàn toàn, nhưng] các anh nói rằng các anh không muốn Ngài [làm vua của các anh].</p>
3:14b	<p>và xin Phi-lát thi ân tha cho một kẻ sát nhân. [Phi-lát muốn trả tự do cho Chúa Giê-su, nhưng] các ông khẩn thiết yêu cầu [Phi-lát] trả tự do cho một người từng là một kẻ sát nhân.</p>
3:15a	<p>Quý vị đã giết Chúa Sự Sống, Các ông [làm cho những quân lính La Mã] giết một người có thể giúp cho con người có được sự sống [vĩnh viễn]. -HAY- [Những gì các ông làm giống như] chính các ông giết một người mà bởi người đó nhân loại có được sự sống [đời đời].</p>
3:15b	<p>mà Đức Chúa Trời đã làm cho sống lại từ kẻ chết; Nhưng Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại.</p>
3:15c	<p>chúng tôi là nhân chứng về việc đó. Cả hai chúng tôi gặp [Chúa Giê-su sau khi Ngài sống lại và bây giờ] đang kể lại cho [các ông] về những việc đó.</p>
3:16a	<p>Bởi đức tin trong danh Giê-su, người què mà quý vị thấy và biết đã được lành mạnh. Bởi [người này và hai chúng tôi] tin cậy vào Chúa Giê-su, [Ngài] làm cho người này lành mạnh, [và] các ông [chẳng những] thấy nhưng còn biết rõ về người này. -HAY- Bởi vì [người này và cả hai chúng tôi] tin cậy vào Chúa Giê-su, [Ngài] chữa lành cho người này, [và] các ông [chẳng những] thấy nhưng còn biết người này.</p>

cũng nghe về Chúa Giê-su. Người què có thể tin Chúa Giê-su ngay sau khi nghe Phê-rô phán: “Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su Naxa-rét, hãy bước đi.” Bởi những lý do này, có lẽ nên thêm *đức tin* cho cả ba người. Dĩ

nhiên là bạn cần đổi “đức tin” thành động từ, như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN.

Theo tiếng Hy-lạp, *bởi đức tin trong danh Giê-su* dịch một cách chính xác là “trong đức tin của tên Ngài.” Trong Câu

Định Nghĩa cho thấy có một chút khác biệt trong hai cách giải thích ở đây: Cách thứ nhất bày tỏ rằng sự tin cậy trong Chúa Giê-su của họ là điều kiện người què được chữa lành. Cách thứ hai bày tỏ rằng vì họ tin vào Chúa Giê-su, Chúa Giê-su chữa lành cho người què, đó là lý do.

Tin trong danh Giê-su là một cách nói đến sự tin cậy của họ vào chính Chúa Giê-su. Bạn nên làm cho sáng tỏ rằng Chúa Giê-su chính là Đấng chữa lành người què. Dĩ nhiên, Chúa Giê-su không có mặt tại đó bằng chính hình thể của Ngài. Thay vì, Ngài dùng Phê-rô để chữa lành cho người què.

quý vị thấy và biết đã được lành mạnh: Những người có mặt tại chỗ ngay lúc này đang nhìn thấy người mà trước đây họ biết là người què ăn xin. Xem Lời Giải Nghĩa trong 3:7b cho ý của các từ *đã được lành mạnh*.

3:16b

Chính danh Giê-su và đức tin trong Ngài đã làm cho người què được chữa lành trước mặt tất cả quý vị: Để được rõ ràng cho mọi người, Phê-rô lặp lại rất nhiều điều trong 3:16a. Cũng như trong 3:16a, *đức tin* có lẽ nói đến đức tin của cả ba người (Phê-rô, Giăng, và người què).

Câu Định Nghĩa của PKTCCN trong 3:16b có từ “vâng” cho thấy rằng Phê-rô không có ý muốn nhắc đến chính mình ông ở đây.

trước mặt tất cả quý vị: Tất cả mọi người có thể thấy tận mắt một cách chính xác rằng người què được khoẻ mạnh như thế nào.

3:17-26 Phê-rô bảo họ phải ăn năn tội

3:17

Bây giờ, thưa anh em: Sau khi kết tội họ về việc giết Chúa Giê-su trong 3:14, Phê-rô nói với họ một cách tử tế bằng cách gọi họ là “các anh em.” Phê-rô dùng các từ *bây giờ, thưa anh em*, để giới thiệu phần thứ hai trong bài giảng của ông.

anh em: Có nghĩa gần giống như “những người đồng hương” hay “những người bạn.” Bạn không nên để cho người đọc hiểu lầm là “anh em ruột” có cùng một cha mẹ. Phê-rô tiếp tục gọi họ như “anh em,” nhưng ở đây bao gồm các nhà lãnh đạo của họ nữa.

tôi biết anh em đã hành động cách vô ý thức, cũng như các nhà lãnh đạo của mình: Họ giết Chúa Giê-su vì cố họ không biết Ngài là Đấng Mê-si-a. Bạn nên để *anh em* và *các nhà lãnh đạo của mình* chung với nhau như là chủ từ của *hành động* giống như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN. Bạn nên xác nhận động từ *hành động* bằng cách nói giống như “đã làm điều đó với Chúa Giê-su” hay “giết Chúa Giê-su.”

3:18a

Nhung: Liên từ này giới thiệu sự trái ngược lại với sự mong đợi của mọi người, tức là Đức Chúa Trời dùng những hành động gian ác của con người để hoàn thành mục đích của Ngài.

Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm điều Ngài đã báo trước qua môi miệng tất cả các nhà tiên tri: Đức Chúa Trời cho phép xảy ra những gì Ngài nói sẽ xảy ra để hoàn thành những gì Ngài hoạch định. Đức Chúa Trời báo cho *tất cả các nhà tiên tri* về những việc đó trước khi các việc đó xảy ra và Ngài phán dạy họ loan báo cho dân sự của Ngài. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:16 cho từ “tiên tri.”

điều: Từ này tham chiếu trong 3:14-15, về việc họ giết Chúa Giê-su.

3:18b

rằng Chúa Cứu Thế của Ngài phải chịu đau thương: Đây là sứ điệp mà các nhà tiên tri truyền lại từ Đức Chúa Trời, rằng *Chúa Cứu Thế* hay Đấng Mê-si-a, phải chịu thương khó và chết.

Chúa Cứu Thế của Ngài: Có nghĩa là Đức Chúa Trời sai Đấng Mê-si-a đến với dân sự của Ngài.

phải chịu đau thương: Nói đến việc con người làm cho Chúa Giê-su phải chịu thương khó và chết. Do đó ý nghĩa thật ở đây

3:16b	<p>Chính danh Giê-su và đức tin trong Ngài đã làm cho người què được chữa lành trước mặt tất cả quý vị. Vâng, vì chúng tôi tin cậy vào Chúa Giê-su, Ngài chữa lành cho người này một cách hoàn toàn để cho tất cả các ông đều thấy.</p>
3:17	<p>Bây giờ, thưa anh em, tôi biết anh em hành động cách vô ý thức, cũng như các nhà lãnh đạo của mình. Bây giờ, hỡi anh em, tôi biết rằng các anh và những người lãnh đạo của các anh làm điều đó [cho Chúa Giê-su] vì các anh [và họ] không biết [rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a].</p>
3:18a	<p>Nhưng Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm điều Ngài báo trước qua môi miệng tất cả các nhà tiên tri Tuy nhiên, đó là cách mà Đức Chúa Trời để cho con người hành động những việc mà Ngài nói trước rằng họ sẽ làm. Lại nữa, [từ xưa] Ngài cũng báo cho tất cả các nhà tiên tri loan báo [những gì con người sẽ làm cho Đấng Mê-si-a].</p>
3:18b	<p>rằng Chúa Cứu Thế của Ngài phải chịu đau thương. [Họ nói] rằng Đấng Mê-si-a là Đấng Đức Chúa Trời [sẽ sai đến] sẽ phải chịu đau đớn [và chết]. -HAY- [Họ nói] rằng người ta sẽ giết Đấng Mê-si-a là Đấng mà Đức Chúa Trời [sẽ sai đến].</p>
3:19a	<p>Vậy anh em hãy ăn năn, quay về Đức Chúa Trời, Vậy, hãy xưng tội [với Đức Chúa Trời] rằng các anh hành động sai lầm và [xin Ngài giúp đỡ các anh] làm những gì đẹp lòng [Ngài], -HAY- Vậy nên, hãy thưa với [Đức Chúa Trời] các anh hối tiếc cho những việc các anh làm, và thay đổi sự suy nghĩ của các anh về [Chúa Giê-su],</p>
3:19b	<p>ngõ hầu tội lỗi của anh em được tẩy sạch, để Đức Chúa Trời có thể tha thứ tội lỗi của các anh một cách hoàn toàn.</p>

là Đức Chúa Trời nói Ngài sẽ sai Đấng Mê-si-a đến với họ nhưng họ sẽ giết Đấng Mê-si-a.

3:19a

Vậy anh em hãy ăn năn, quay về Đức Chúa Trời: *Vậy* tham chiếu lại trong 3:17-18 để giải thích những gì Đức Chúa Trời phán trong 3:19a. Trong tiếng Hy-lạp chỉ có “*Vậy* hãy ăn năn và quay về.” Nhưng *quay về* hàm ý quay về với Đức Chúa Trời. Ở đây Phê-rơ muốn phán với họ rằng phải hoàn toàn thay đổi cách suy nghĩ của họ, đặc biệt là sự suy nghĩ của họ về Chúa Giê-su, và bắt

đầu làm những việc đẹp lòng Đức Chúa Trời. Xem trong 2:38a cho từ *ăn năn*.

3:19b

ngõ hầu tội lỗi của anh em được tẩy sạch: Đây là một phần của mục đích trong lời khuyên của Phê-rơ. Các từ *tội lỗi của anh em được tẩy sạch* có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn tha thứ tội lỗi họ phản nghịch cùng Ngài. Trong nhiều ngôn ngữ *tội lỗi* thông thường không thể *được tẩy sạch*. Vì vậy nếu dịch từng chữ một theo nhóm từ này có thể bị sai ý nghĩa. Xem Câu Định Nghĩa của PKTCCN.

3:19c

để thời kỳ tươi mới được đến từ Chúa: Dưới đây là ba cách giải thích mệnh đề này:

- (1) Một số nhà thần học nghĩ ở đây nói đến khi Đức Chúa Trời sẽ làm cho tâm linh của người tin Chúa Giê-su tươi mới lại.
- (2) Một số đông các nhà thần học nghĩ rằng ở đây đặc biệt nói đến một thời điểm mà Đấng Mê-si-a sẽ trị vì nhân loại.
- (3) Có một số ít nghĩ rằng ở đây nói đến thời điểm khi Đức Chúa Trời sẽ giải thoát con dân của Ngài họ không còn bị bắt bớ bởi những người không tin Chúa.

Bạn nên theo cách giải thích thứ nhất, vì nó có tính cách tổng quát hơn và có thể bao gồm thời điểm khi Đấng Mê-si-a sẽ trị vì và cả khi những người tin Chúa không còn bị bắt bớ. *Chúa ở đây ý nói đến Đức Chúa Cha.*

3:20a

và để Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su: Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng Mê-si-a, đến một lần, vì thế bạn cần nên thêm “một lần nữa” với từ “sai.” Phê-rơ hàm ý rằng mục tiêu của *Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su* đến với “anh em.” Trong bản dịch của bạn, bạn không nên hàm ý rằng hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng không được kể trong nhóm từ “anh em.” Bạn nên thêm vào trong bản dịch của bạn như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN.

3:20b

mà Ngài đã chọn sẵn từ trước, đến với anh em: Bạn nên bắt đầu bằng một câu mới ở đây, giống như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN.

3:21a

Chúa Cứu Thế còn phải ở lại trên trời cho đến thời kỳ Đức Chúa Trời khôi phục vạn vật: Đức Chúa Trời sẽ làm cho những gì Ngài sáng tạo trở nên mới và còn tốt hơn lúc nguyên thủy. Từ *khôi phục* cho thấy rằng Chúa Giê-su sẽ không ở lại trên thiên đàng sau khi Đức Chúa Trời khôi phục vạn vật.

3:21b

như Ngài đã hứa từ lâu qua các tiên tri thánh của Ngài: Từ Ngài ở đây nói về Đức Chúa Trời, và Ngài hứa từ xưa rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến để giúp đỡ và trị vì dân sự của Đức Chúa Trời. *Qua các tiên tri thánh của Ngài* có nghĩa là Đức Chúa Trời dùng những người Ngài chọn trước để loan báo cho mọi người những gì Ngài hứa. Xem 2:16 cho từ “tiên tri.” Từ *thánh* ở đây có nghĩa là có sự quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời, vì Ngài chọn họ để loan báo sứ điệp của Ngài cho dân chúng.

3:22a

Vì Môi-se đã nói: ‘Chúa là Đức Chúa Trời của anh em sẽ dấy lên giữa dân chúng một tiên tri như tôi: Các câu 3:22-26 cung cấp nhiều dữ kiện căn bản cho mệnh lệnh của Phê-rơ trong 3:19a. 3:22-23 được trích dẫn từ sách Phục-Truyền Luật Lệ Ký 18:15, 18 và 19. Người Do Thái cho rằng *Môi-se* là nhà tiên tri lớn nhất, hay quan trọng nhất của họ. Phê-rơ nghĩ đây là lời tiên tri nói về Đấng Mê-si-a. Nếu bạn thêm ý này vào *Môi-se đã nói* như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN, có thể nó sẽ giúp cho người đọc.

Vì: Dùng từ “ví dụ” có thể thích hợp hơn từ “vì” để giới thiệu 3:22, bởi vì 3:22-23 là một ví dụ về những gì Đức Chúa Trời “hứa từ lâu qua các tiên tri thánh của Ngài.” (3:21b).

Đức Chúa Trời của anh em: Có lẽ nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, khi nói *Đức Chúa Trời của anh em* mới nghe giống như Đức Chúa Trời là một cái gì đó mà chúng ta có thể làm chủ. Trong trường hợp này, bạn có thể dịch “Đức Chúa Trời mà chúng ta thuộc về Ngài” hay “Đức Chúa Trời chúng ta thờ phượng.”

sẽ dấy lên giữa dân chúng một tiên tri như tôi: Dưới đây là hai cách giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các nhà thần học nghĩ rằng Đức Chúa Trời làm cho một người nào đó trở thành một tiên tri, và người đó chắc sẽ có những điểm giống như *Môi-se*.
- (2) Một số khác nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ dựng lên một tiên tri, bằng một đường

3:19c	<p>để thời kỳ tươi mới được đến từ Chúa, [Nếu các anh làm điều đó,] sẽ có ngày [khi các anh biết rõ rằng] Chúa [Đức Chúa Cha ở cùng các anh và Ngài] sẽ giúp đỡ [các anh], -HAY- [Cũng hãy, làm điều đó] để Chúa [Đức Chúa Cha] sẽ nâng đỡ [các anh] bội phần bằng cách Ngài sẽ ở cùng với [các anh],</p>
3:20a	<p>và để Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su và do đó Ngài sẽ [lần nữa] sai Đấng Mê-si-a [trở lại thế gian với các anh và tất cả chúng ta đây trên mặt đất].</p>
3:20b	<p>mà Ngài chọn sẵn từ trước, đến với anh em. Chúa Giê-su là Đấng mà Đức Chúa Trời chọn để cứu chuộc và trị vì các anh. -HAY- Đức Chúa Trời chọn sẵn Ngài, tức là, Chúa Giê-su, để cứu chuộc và trị vì các anh [và cả chúng tôi].</p>
3:21a	<p>Chúa Cứu Thế còn phải ở lại trên trời cho đến thời kỳ Đức Chúa Trời khôi phục vạn vật, Chúa Giê-su phải ở trên thiên đàng cho đến khi Đức Chúa Trời khiến tất cả tạo vật Ngài dựng nên được đổi mới.</p>
3:21b	<p>như Ngài hứa từ lâu qua các tiên tri thánh của Ngài. Ngài hứa từ trước [Ngài sẽ làm, và] chọn các nhà tiên tri rao báo [những điều đó với con người].</p>
3:22a	<p>Vì Môi-se đã nói: ‘Chúa là Đức Chúa Trời của anh em sẽ dấy lên giữa dân chúng một tiên tri như tôi; [Ví dụ, tiên tri] Môi-se nói [về Đấng Mê-si-a]: ‘Đức Chúa Trời, Đấng mà các anh thờ phượng, sẽ dấy lên một tiên tri để báo cho các anh [những lời của Đức Chúa Trời]. Tiên tri đó sẽ giống như tôi và sẽ là một người trong dân sự của các anh.</p>
3:22b	<p>anh em phải nghe theo mọi lời Ngài dạy bảo. Các anh phải lắng nghe tất cả những gì người tiên tri này nói với các anh [và cũng phải vâng lời người ấy].</p>

lỗi, hay một cách thức, giống như Ngài làm với Môi-se.

Cách giải thích thứ nhất sát ý hơn, vì vai trò của Môi-se như một tiên tri vĩ đại của Y-sơ-ra-ên, người làm trung gian giữa Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài.

giữa dân chúng: Đây có nghĩa *tiên tri* sẽ là người Do Thái. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:16 cho từ *tiên tri*.

3:22b

anh em phải nghe theo mọi lời Ngài dạy bảo: Nhóm từ này có nghĩa là họ phải lắng nghe một cách cẩn thận tất cả những gì mà người tiên tri loan báo và họ phải vâng lời và làm theo tất cả những gì đáng tiên tri báo họ phải làm.

3:23

Nếu ai không nghe theo lời Ngài sẽ bị khai trừ ra khỏi dân chúng: Đây là lời cảnh cáo cho những ai không chịu nghe đấng tiên tri. *Sẽ bị khai trừ* có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ phá huỷ hay giết người đó. Dĩ nhiên, là người đó sẽ bị phân rẽ khỏi dân sự. Một vài

nhà thần học nghĩ rằng các từ *sẽ bị khai trừ ra khỏi* nói đến sự hư mất về tâm linh. Tuy nhiên, bạn không cần trình bày rõ ràng trong bản dịch của bạn.

dân chúng: Dân tộc mà Đức Chúa Trời lập giao ước với, tức là dân tộc Do Thái.

3:24

Thật thế: Như trình bày trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN, bạn có thể ghi nhận là Phê-rơ chấm dứt lời trích dẫn của Môi-se, và trong 3:24, ông tiếp tục trở lại bài giảng của ông. *Thật thế* cho thấy rằng 3:24 là một lý do khác nữa cho lời phán dạy của ông trong 3:19a.

tất cả các tiên tri từ Sa-mu-ên trở xuống, ai đã lên tiếng nói tiên tri: Phê-rơ không loại trừ Môi-se, nhà tiên tri vĩ đại. Vì thế, bạn nên thêm “khác” sau từ “tiên tri,” giống như trong Câu Định Nghĩa của PKTCCN. Đức Chúa Trời chọn Sa-mu-ên là một tiên tri lớn sau Môi-se. Cho nên, các từ *tất cả các tiên tri từ Sa-mu-ên trở xuống* bao gồm tất cả các tiên tri trong thời đại tiên tri của dân Do Thái.

đều báo trước những ngày này: Đây kể tất cả những tiên tri mà Đức Chúa Trời kêu gọi để loan báo sứ điệp của Ngài. Nhóm từ *những ngày này* là một lối để diễn tả những biến cố quan trọng vừa xảy ra, đặc biệt là những việc có liên quan đến Chúa Giê-su, Đấng Mê-si-a. Tuy nhiên, bạn có thể không cần đề cập đến Đấng Mê-si-a rõ ràng trong câu này.

3:25a

Anh em là con cháu của các tiên tri: Khi dùng từ *anh em*, Phê-rơ muốn đặt trọng tâm vào thính giả của ông. Dầu vậy, ông không có ý muốn loại trừ các tín hữu, sứ đồ Giảng

và cả chính ông nữa. *Con cháu* ý nói rằng họ sẽ nhận những gì mà Đức Chúa Trời hứa sẽ ban cho dân sự của Ngài, và Ngài cũng sai các đấng tiên tri loan báo cho họ những điều đó. Đức Chúa Trời hứa Ngài sẽ sai Đấng Mê-si-a đến để giúp đỡ họ. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:16 cho từ “tiên tri.”

3:25b

và của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với các tổ phụ. Ngài đã bảo Áp-ra-ham: Từ *giao ước* rất gần giống như từ “lời hứa.” Tuy nhiên, một *giao ước* theo Kinh Thánh là những gì Đức Chúa Trời hứa Ngài sẽ thực hiện. Trong một vài ngôn ngữ, các từ *giao ước Đức Chúa Trời lập* người dịch có thể dịch giống như “Đức Chúa Trời hứa một cách chắc chắn.”

các tổ phụ: Đức Chúa Trời lập giao ước này với các tổ phụ của họ, bắt đầu với Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 22:17-18). Đức Chúa Trời hứa sẽ giúp đỡ và chăm sóc tất cả con cháu của Áp-ra-ham, có thể kể cả những người Do Thái mà Phê-rơ đang nói chuyện với họ.

3:25c

Nhờ Hậu Tự con mà tất cả các dân tộc trên thế giới đều sẽ được phước: Ở đây Phê-rơ trích dẫn những gì Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 22:18. Phê-rơ thông dịch từ *con* ở đây ý nói đến Đấng Mê-si-a, là hậu tự của Áp-ra-ham, sẽ là nguồn phước cho tất cả mọi người trên thế gian.

3:26a

Khi Đức Chúa Trời dấy Đầy Tớ Ngài lên, Ngài đã sai Người đến với anh em trước hết để ban phước cho anh em: Sau lời trích dẫn trong Cựu Ước 3:25b, bạn nên nói rõ rằng Phê-rơ lại tiếp tục bài giảng của ông bằng lời lẽ của riêng mình. Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ *dấy... lên*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Đức Chúa Trời khiến đầy tớ của Ngài, Đấng Mê-si-a, đến thế gian để cứu vớt nhân loại.
- (2) Một số ít nghĩ rằng Đức Chúa Trời khiến cho Chúa Giê-su sống lại.

- 3:23** **Nếu ai không nghe theo lời Ngài sẽ bị khai trừ ra khỏi dân chúng.'**
 [Nếu] có một người nào không nghe theo [tiên tri đó và không vâng lời] ông ta, [người đó] sẽ không còn là một người trong tuyển dân của Đức Chúa Trời, [và Đức Chúa Trời] sẽ huỷ diệt người ấy.'
-HAY-
 [Nếu] có một người nào không chịu nghe [nhà tiên tri và không vâng lời] tiên tri ấy, [Đức Chúa Trời] sẽ huỷ diệt [người đó] để người đó sẽ không còn là một trong những tuyển dân của Đức Chúa Trời.'
- 3:24** **“Thật thế, tất cả các tiên tri từ Sa-mu-ên trở xuống, ai đã lên tiếng nói tiên tri, đều báo trước những ngày này.**
 [Phê-rơ tiếp tục:] “Tất cả những tiên tri [khác] nói [về những việc sẽ xảy ra trong] những ngày này [trong lúc chúng ta đang còn sống]. [Những tiên tri này gồm có] Sa-mu-ên [và tất cả những người khác là những người] sau đó cũng nói trước [về những biến cố này].
- 3:25a** **Anh em là con cháu của các tiên tri**
 Anh em [cũng như chúng tôi] là những người [được Đức Chúa Trời gọi Đấng Mê-si-a đến, như] các nhà tiên tri nói [Ngài sẽ làm].
- 3:25b** **và của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với các tổ phụ. Ngài đã bảo Áp-ra-ham:**
 Khi Đức Chúa Trời hứa một cách chắc chắn là sẽ [gìn giữ] tổ phụ của chúng ta, Ngài cũng hứa một cách chắc chắn là sẽ gìn giữ các anh.
-HAY-
 Khi Đức Chúa Trời hứa chắc [để ban phước] cho tổ phụ của chúng ta, Ngài cũng hứa chắc chắn sẽ ban phước cho các anh.
- 3:25c** **“Nhờ Hậu Tự con mà tất cả các dân tộc trên thế giới đều sẽ được phước.”**
 Đức Chúa Trời hứa cùng Áp-ra-ham: ‘Ta sẽ ban phước cho mọi dân tộc trên đất bởi [những gì] hậu tự ngươi [sẽ làm].’
-HAY-
 Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: ‘Ta sẽ làm điều lành cho mọi dân tộc trên đất bằng phương tiện là [những gì] hậu tự ngươi[, Đấng Mê-si-a, sẽ làm].’
- 3:26a** **Khi Đức Chúa Trời dấy Đầy Tớ Ngài lên, Ngài đã sai Người đến với anh em trước hết để ban phước cho anh em,**
 [Phê-rơ kết luận: “Vậy nên] khi Đức Chúa Trời sai Đấng luôn luôn vâng lời Đức Chúa Trời [đến thế gian], Ngài sai Đấng đó trước tiên đến với các anh [và chúng tôi] để ban phước [cho tất cả chúng ta].
-HAY-
 [Phê-rơ kết luận:] “Khi Đức Chúa Trời gọi [Đấng Mê-si-a] là Đấng luôn luôn vâng lời Ngài [đến thế gian], Ngài gọi Đấng đó đến với các anh và chúng tôi trước tiên để giúp đỡ [tất cả chúng ta].

Cách giải thích thứ nhất phù hợp với ngữ cảnh hơn.

Đầy Tớ Ngài: Đây là một danh hiệu của Đấng Mê-si-a. Xem Lời Giải Nghĩa trong 3:13b. Trong 3:25b Đức Chúa Trời hứa

với Áp-ra-ham rằng hậu tự của ông sẽ là nguồn phước cho nhân loại. 3:26a cho thấy rằng Đức Chúa Trời chuẩn bị để “đầy tớ Ngài” sẽ ban phước cho người Do Thái *trước hết*, sau đó Ngài sẽ ban phước cho mọi dân tộc trên địa cầu.

anh em: Từ này được nhắc lại hai lần, và cả hai đều bao gồm cả hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng, nhưng cả hai đều có cùng một chủ đích là nhắc cho thính giả của ông hiểu rõ rằng Đức Chúa Trời sai Đấng Mê-si-a đến để cứu giúp họ.

3:26b

bằng cách khiến cho mỗi người là bỏ con đường gian ác: Đến đây Phê-rơ giải thích

cách Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu giúp đỡ họ. Đó là Ngài sẽ thêm sức để cho họ có thể từ bỏ những việc gian ác. Động từ *là bỏ* cho thấy rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp họ thay đổi sự suy nghĩ của họ, đặc biệt là sự suy nghĩ của họ về Chúa Giê-su. Trước đó họ không tin vào Chúa Giê-su, nhưng ngay lúc đó Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan cho họ để họ nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn nên cho biết rõ rằng bài giảng của Phê-rơ được chấm dứt ở đây, như trong Câu Định Nghĩa thứ hai trong PKTCCN.

Tiểu đoạn 4:1-22 Các nhà lãnh đạo Do Thái bắt Phê-rơ và Giăng, hăm dọa rồi trả tự do

4:1-22 đây là một tiểu đoạn khác của phân đoạn phụ 3:1-4:31. Người ta có thể chia 4:1-22 ra làm hai tiểu đoạn phụ: Trong 4:1-4, Bác Sĩ Lu-ca kể lại việc các nhà lãnh đạo Do Thái bắt Phê-rơ và Giăng và bỏ hai người vào tù. Trong 4:5-22, ông kể lại người ta giải quyết nan đề như thế nào. Đó là vì các nhà lãnh đạo Do Thái không có thể quyết định phải làm gì với hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng, họ hăm dọa rằng hai người sẽ bị phạt nếu còn tiếp tục giảng về Chúa Giê-su. Sau đó thả hai sứ đồ.

Tiểu đoạn phụ 4:1-4 Các nhà lãnh đạo Do Thái bắt giam Phê-rơ và Giăng, nhưng có nhiều người trở thành tín hữu

Khi nghe Phê-rơ và Giăng dạy dân chúng rằng Đức Chúa Trời làm cho chúa Giê-su sống lại, các nhà lãnh đạo Do Thái giáo trở nên giận dữ. Vì thế họ bắt hai sứ đồ và bỏ vào ngục. Tuy nhiên, có nhiều người nghe Phê-rơ giảng tin Chúa Giê-su. Vậy số tín hữu tại thành Giê-ru-sa-lem tăng lên độ khoảng năm ngàn.

4:1a

Phê-rơ và Giăng đang nói với dân chúng: Phê-rơ và Giăng đang nói chuyện với dân chúng tại sân Đền Thờ. Những người lãnh đạo Do Thái giáo cũng đang có mặt tại đây. Họ đến nơi đang có nhiều người tụ tập để tìm hiểu lý do. Mặc dù Phê-rơ tuyên bố với đám đông, câu này cho thấy rằng sứ đồ Giăng cũng giảng về Chúa Giê-su và cũng đồng ý với tất cả những gì Phê-rơ nói.

4:1b

thì các vị tế lễ: Đây nói về những người Do Thái có phận sự dâng tế lễ theo luật pháp của họ. Cứ mỗi 6 tháng, một vị tế lễ phải làm

việc tại Đền Thờ một tuần lễ. Chỉ có một thầy Thượng Tế, nhưng có nhiều vị tế lễ. Có một số vị tế lễ còn có tên là “thầy thượng tế,” vì những người này là những người lãnh đạo trong số những vị tế lễ. Trong bản dịch của bạn, bạn nên cẩn thận phân biệt rõ các loại của các vị tế lễ. Ở đây từ *vị tế lễ* dùng gọi chung cho cả ba loại, đó là “thượng tế,” “tế lễ cả” và các vị tế lễ thường.

viên sĩ quan chỉ huy vệ binh Đền Thờ: Đây là người chỉ huy toán lính tại Đền Thờ có nhiệm vụ giữ an ninh trật tự trong khuôn viên Đền Thờ. Ông ta xuất thân từ những gia đình trong vòng các thầy tế lễ thuộc phái Lê-

3:26b **bằng cách khiến cho mỗi người lìa bỏ con đường gian ác.**
 [Đức Chúa Trời sẽ giúp mỗi người trong các anh] bằng cách Ngài có thể làm cho các anh ngưng làm những việc xấu xa/gian ác [và bắt đầu làm những việc đẹp lòng Ngài].”
-HAY-
 Đức Chúa Trời sẽ giúp mỗi người trong các anh thôi làm những điều xấu xa/độc ác [và tin cậy Chúa Giê-su như Đấng Mê-si-a của các anh].” [Đó là điều mà Phê-rơ nói với họ.]

Tiểu đoạn 4:1-22 Các nhà lãnh đạo Do Thái bắt giam Phê-rơ và Giăng, hăm dọa và trả tự do cho hai người

Tiểu đoạn phụ 4:1-4 Các nhà lãnh đạo Do Thái bắt Phê-rơ và Giăng, nhưng có nhiều người trở thành Cơ Đốc Nhân

4:1a **Phê-rơ và Giăng đang nói với dân chúng**
 Phê-rơ và Giăng đang nói chuyện với dân chúng [trong khuôn viên Đền Thờ],

4:1b **thì các vị tế lễ, viên sĩ quan chỉ huy vệ binh Đền Thờ và các người Sa-đu-sê chọt đến nơi.**
 [trong khi hai người này đang nói] [có một vài] thầy tế lễ, viên sĩ quan coi Đền Thờ, người lãnh đạo toán vệ binh, và [cũng có một vài] [hội viên trong phái] Sa-đu-sê đến nơi.

4:2a **Họ rất bực mình**
 Những người này rất là bực bội,
-HAY-
 Những người lãnh đạo Do Thái trở nên bực tức và giận dữ,

4:2b **vì các sứ đồ dạy bảo dân chúng**
 vì [hai] sứ đồ đang dạy dân chúng [về Chúa Giê-su]

vì có thẩm quyền chỉ kém vị Thượng Tế một bậc. Thời gian chức vụ của viên sĩ quan này không bị giới hạn.

các người Sa-đu-sê: Đây là một nhóm người thuộc Do Thái giáo nắm quyền điều khiển Đền Thờ và cả việc điều hành của văn phòng thượng tế trong thời bấy giờ. Những người Sa-đu-sê không tin có thiên sứ, và họ cũng không tin Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những người chết sống lại. Họ cũng không tin rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến thế gian.

4:2a

Họ rất bực mình: Theo tiếng Hy-lạp, động từ này có nghĩa là những người lãnh đạo Do Thái giáo trở nên rất là giận dữ, bực mình với các sứ đồ.

4:2b

vì các sứ đồ dạy bảo dân chúng: Các nhà lãnh đạo Do Thái bực mình vì Phê-rơ và Giăng đang dạy dân chúng về Chúa Giê-su.

4:2c

và công bố rằng Đức Giê-su đã sống lại nên sẽ có sự sống lại cho người chết: Chắc câu này có nghĩa là các sứ đồ đang nói với dân chúng rằng như Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại, thì Ngài cũng sẽ khiến mọi người chết sống lại. Điều này ngược lại với những gì người Sa-đu-sê tin. Những người lãnh đạo Do Thái giáo này có lẽ còn lo sợ rằng họ sẽ bị mất đi quyền hành trong giới lãnh đạo, nếu dân chúng tin rằng Chúa Giê-su thực sự sống lại. Phê-rơ tuyên bố một cách rõ ràng rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:31a về “Đấng Christ,” là Đấng Mê-si-a.

4:3a

Họ bắt Phê-rơ và Giăng: Họ chỉ về những nhà lãnh đạo Do Thái giáo, nhưng có lẽ họ không trực tiếp đến bắt Phê-rơ và Giăng. Chắc là họ ra lệnh cho quan coi Đền Thờ hay những vệ binh bắt hai người. Động từ *bắt*, mang ý nghĩa chộp lấy, túm lấy một cách dữ dội. Nói một cách khác, họ không bắt hai người một cách hoà nhã, nhưng họ ngăn cản hai người một cách thô bạo.

4:3b

nhưng trời đã tối, nên đem tạm giam vào ngục qua đêm: Theo luật của người Do Thái không cho phép người có trách nhiệm được xét xử tội nhân vào ban đêm. Bấy giờ trời tối, vì thế, những lãnh đạo tôn giáo ra lệnh cho vệ binh đem nhốt hai người vào ngục, để chờ đến sáng mai. Bạn cần thêm chú thích ở cuối trang giải thích lý do các lãnh đạo tôn giáo không được xét xử can phạm ngay tức khắc, hay ngay sau khi bắt giữ.

Tiểu đoạn phụ 4:5-22 Các lãnh đạo Do Thái hăm dọa Phê-rơ và Giăng rồi thả hai người

Tiểu đoạn phụ này giống như một danh sách những biến cố, và có thể chia thành sáu đoạn như sau: 4:5-7, 4:8-12, 4:13-14, 4:15-18, 4:19-20 và 4:21-22.

4:4a

Tuy nhiên, nhiều người đã được nghe lời Chúa thì tin: Ở đây cho biết việc gì vừa mới xảy ra trước khi các nhà lãnh đạo tôn giáo đến bắt hai sứ đồ Phê-rơ và Giăng. Phê-rơ đã thuyết phục được rất nhiều người tin Chúa Giê-su. Từ ngữ *tuy nhiên* cho thấy sự đối ngược giữa việc các nhà lãnh đạo tôn giáo làm và phản ứng của nhiều người khi nghe sứ điệp của sứ đồ Phê-rơ.

4:4b

Số nam môn đệ lên đến năm ngàn: Từ *môn đệ* được dịch sang từ tiếng Hy-lạp *andrōn* có nghĩa là “người đàn ông” hay “đồng bào.” Dưới đây là hai cách có thể giải thích tiếng Hy-lạp này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ ngữ này chỉ nói đến những người đàn ông tin Chúa Giê-su. Có nghĩa là không kể các bà, và các trẻ em là những người cũng tin vào Chúa Giê-su. (BDM)
- (2) Một số học giả Kinh Thánh cho rằng từ ngữ này có thể được dùng một cách tổng quát nhằm bao gồm tất cả mọi người tin vào Chúa Giê-su. (BDC: “số tín-đồ”)

Cách giải thích thứ nhất sát nghĩa hơn, vì trong tiếng Hy-lạp từ “người đàn ông” nghịch nghĩa lại với “đàn bà.”

lên đến năm ngàn: Số người tin Chúa tăng lên một cách đáng kể, trong ngày lễ Ngũ Tuần số tín hữu chỉ có độ khoảng 3,000. *Năm ngàn* là con số ước chừng cho số người đàn ông tại Giê-ru-sa-lem tin vào Chúa Giê-su lúc bấy giờ, không kể đàn bà và trẻ em.

- 4:2c** và công bố rằng Đức Giê-su đã sống lại nên sẽ có sự sống lại cho người chết. và [bởi vì] hai sứ đồ đang nói với [dân chúng rằng Đức Chúa Trời] có thể khiến kẻ chết sống lại, giống như [Ngài làm cho] Chúa Giê-su [sống lại sau khi chết].
- 4:3a** **Họ bắt Phê-rô và Giăng,**
Vì thế, các quan coi Đền Thờ và các thầy tế lễ bắt giữ Phê-rô và Giăng,
-HAY-
Vì thế họ [ra lệnh cho các vệ binh] bắt Phê-rô và Giăng,
- 4:3b** **nhưng trời đã tối, nên đem tạm giam vào ngục qua đêm.**
và bỏ hai người vào ngục. [Các nhà lãnh đạo Do Thái phải đợi] cho đến ngày hôm sau [để tra hỏi hai sứ đồ], vì bấy giờ trời tối [và việc tra hỏi can tội vào ban đêm là điều bất hợp pháp].
- 4:4a** **Tuy nhiên, nhiều người đã được nghe lời Chúa thì tin.**
Dẫu vậy, có nhiều người nghe sứ điệp [do Phê-rô] tin nhận [Chúa Giê-su].
-HAY-
Nhưng có nhiều người tin [vào Chúa Giê-su, vì] họ nghe sứ điệp [từ Phê-rô].
- 4:4b** **Số nam môn đệ lên đến năm ngàn.**
Và [lúc này] có độ 5,000 người nam [trở thành tín hữu của Chúa Giê-su].
-HAY-
Dẫu vậy, số người nam [tin vào Chúa Giê-su] lên đến 5,000.

Tiểu đoạn phụ 4:5-22 Các nhà lãnh đạo Do Thái đã hăm dọa Phê-rô and Giăng và sau đó trả tự do cho hai người

- 4:5** **Hôm sau, các nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật hội họp tại Giê-ru-sa-lem.**
Ngày hôm sau [thầy cả thượng phẩm triệu tập] các thượng tế, các thầy dạy luật [Do Thái] và những hội viên [của hội đồng Do Thái, và họ] cùng nhau họp lại [tại một nơi] trong thành Giê-ru-sa-lem.

4:5-7 Các lãnh đạo Do Thái tra hỏi Phê-rô và Giăng về việc chữa lành người què

4:5

Hôm sau: Ngay sau ngày Phê-rô và Giăng bị các lãnh đạo tôn giáo bắt giữ.

các nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật: Đây là một lối nói về hội đồng thượng phẩm Do Thái, mà người Do Thái gọi là “Hội Đồng.” Hội Đồng gồm có một thầy cả thượng phẩm, 24 thầy tế lễ, 24 trưởng lão và 22 chuyên gia kinh luật.

các nhà lãnh đạo: Đây nói về thầy cả thượng phẩm và các thầy tế lễ khác là những người có bốn phận phải duy trì việc buộc dân chúng giữ các phong tục và luật lệ của người Do Thái.

các trưởng lão: Đây là những hội viên khác trong Hội Đồng không phải là thầy tế lễ và cũng không phải là chuyên gia kinh luật. Người Do Thái còn gọi 71 hội viên của Hội Đồng là “trưởng lão.” Có nghĩa họ là những người đàn ông lớn tuổi và từng là những nhà lãnh đạo. Tuy nhiên, để tránh lẫn lộn, sự tương đương về ngôi bậc của các

trưởng lão được đặt sau *chuyên gia kinh luật* xem trong CĐN của PKTCCN cho câu này.

các chuyên gia kinh luật: Đây nói đến các học giả, những người chuyên tâm cho việc học và dạy các luật Môi-se, và cả những luật lệ và tập tục khác của người Do Thái.

hội họp tại Giê-ru-sa-lem: Có lẽ thầy cả thượng phẩm là người ra lệnh cho tất cả hội viên của Hội Đồng tụ họp lại.

4:6a

Có trưởng tế An-na: Câu này ghi rõ tên của một số thầy tế lễ họp với nhau trong ngày đó, bắt đầu là *An-na*. Ông là thầy cả thượng phẩm từ năm thứ 6 đến 14, sau Công Nguyên, nhưng ông bị nhà cầm quyền La-mã truất phế. Tuy nhiên, một thầy cả thượng phẩm mãi giữ chức cho đến khi qua đời. Vì lẽ đó ông vẫn được coi là thầy cả thượng phẩm.

4:6b

các ông Cai-pha, Giăng, Á-lich-son và các người khác trong gia đình vị trưởng tế tham dự: Vào năm 18 sau Công Nguyên, nhà cầm quyền La-mã chỉ định *Cai-pha*, người con rể của *An-na*, giữ chức thầy cả thượng phẩm, và ông ta tiếp tục giữ chức vụ trong suốt 18 năm. *Cai-pha* thực sự đóng vai thầy cả thượng phẩm trong buổi họp này. *Giăng* là một thầy tế lễ có liên hệ gia đình với *An-na*. Trong bản dịch của bạn, cần phân biệt rõ với “*Giăng*, là một sứ đồ.”

Á-lich-son và *Giăng* cả hai là người trong gia đình của thầy cả thượng phẩm. Có thể những người này đều có quan hệ bà con với gia đình *An-na*, bởi vì *Lu-ca* gọi ông “*thầy cả thượng phẩm*” trong phần đầu của câu này.

4:7a

Họ cho giải hai sứ đồ đến đứng giữa họ: *Họ* ở đây nói đến những hội viên của Hội Đồng Do Thái. Có lẽ người lãnh đạo ra lệnh cho vệ binh đem *Phê-rơ* và *Giăng* từ ngục đến. Những vệ binh ra lệnh cho sứ đồ đứng trước mặt các hội viên của Hội Đồng. Câu 4:14 cho biết rõ rằng người đàn ông trước là một người què cũng có mặt và đang đứng

chung với hai sứ đồ. Tuy nhiên, trong 4:7 người viết không đề cập gì đến người què, vì người viết chú tâm đến các sứ đồ.

4:7b

rời tra vấn: “*Họ*” là chủ từ của động từ *tra vấn*. Tuy nhiên, trong một vài ngôn ngữ khác, nếu nói “một trong các nhà lãnh đạo” thay vì “*họ*,” thì nghe tự nhiên hơn. Có lẽ thầy cả thượng phẩm, người chủ tọa phiên họp, là người bắt đầu tra hỏi các sứ đồ. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ bắt đầu và tiếp tục *tra vấn* các sứ đồ. Mục đích của họ là quyết định việc *Phê-rơ* và *Giăng* thực hiện các phép lạ như thế nào.

4:7c

Các anh nhờ quyền năng nào: Có một cách khác để nói là “Ai giúp các anh chữa lành người què?”

Các anh: Các nhà thần học cho rằng tiếng đại danh từ mà các nhà lãnh đạo Do Thái dùng trong tiếng Hy-lạp là một cách để làm giảm giá trị của hai sứ đồ. Nó có nghĩa như “người như các anh.” Xem CĐN cho cách diễn đạt ý ở đây.

và nhân danh ai mà làm việc này: Từ *danh* ở đây là một lối nói đến một người, không phải chỉ có tên người ấy. Vậy, bạn có thể thêm vào “*người nào*” hay “*ai*” cho cả hai phần của câu hỏi này, như trong CĐN của PKTCCN.

4:8-12 *Phê-rơ* trả lời họ rằng Chúa Giê-su chữa lành người què và chỉ có Chúa Giê-su mới có thể cứu được con người

4:8a

Lúc ấy Phê-rơ được đầy dẫy Thánh Linh: Vừa trước khi *Phê-rơ* sắp trả lời với các hội viên của Hội Đồng, Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời liền giúp để *Phê-rơ* nói chuyện với các người này một cách mạnh bạo.

4:8b

đáp lời: Thưa quý vị lãnh đạo nhân dân và quý vị trưởng lão!: Mặc dù các nhà lãnh đạo

4:6a	Có trưởng tế An-na, [Trong những người lãnh đạo này] có An-ne là trưởng tế,
4:6b	các ông Cai-pha, Giăng, Á-lich-son và các người khác trong gia đình vị trưởng tế tham dự. Cai-phe, [và một người khác tên là] Giăng, A-lich-son và những người khác có liên hệ gia đình với thầy trưởng tế.
4:7a	Họ cho giải hai sứ đồ đến đứng giữa họ Họ [ra lệnh cho những quân canh] đem Phê-rơ và Giăng đến [và sau đó họ bảo hai sứ đồ] đứng trước mặt những người lãnh đạo Do Thái.
4:7b	rồi tra vấn: Rồi [một trong] những người lãnh đạo tra hỏi [hai sứ đồ]:
4:7c	“Các anh nhờ quyền năng nào và nhân danh ai mà làm việc này?” “Ai ban quyền phép cho các anh [để chữa lành cho người này]? Hay, ai ra lệnh cho những người như các anh làm điều này?”
4:8a	Lúc ấy Phê-rơ được đẩy dẫy Thánh Linh, Trong khi đó Đức Thánh Linh hoàn toàn điều khiển trên sứ đồ Phê-rơ,
4:8b	đáp lời: “Thưa quý vị lãnh đạo nhân dân và quý vị trưởng lão! Phê-rơ nói với họ: “Các ông [những người dân Do Thái] là những người cai trị chúng tôi và [tất cả các ông] các trưởng tế/các nhà lãnh đạo!
4:9a	Hôm nay, chúng tôi bị tra xét về một việc lành là giúp một người tàn tật, Hôm nay các ông ra lệnh bắt chúng tôi khai trình về việc chúng tôi làm một điều lành cho một người què, -HAY- Hôm nay các ông hỏi chúng tôi liên quan đến việc chúng tôi giúp đỡ cho một người tật nguyên,

Do Thái vặn hỏi các sứ đồ một cách khinh bỉ, Phê-rơ vẫn đối đáp với họ một cách rất là kính trọng, ông dùng hai trong ba danh xưng Hội Đồng mà Lu-ca nhắc đến trong 4:5. Đặc biệt là *lãnh đạo* chỉ về thầy cả thượng phẩm, kể cả thầy tế lễ. Mặc dù từ *trưởng lão* được dùng để gọi cho tất cả hội viên của Hội Đồng, nhưng ở đây có lẽ muốn nói đến những hội viên không phải là thầy tế lễ. Bạn cần làm sáng tỏ rằng Phê-rơ dùng những từ ngữ thích hợp và rất lịch sự để bắt đầu nói chuyện với những người này.

nhân dân: Từ này nói về “dân Do Thái.” Bạn cần nói: “Những nhà lãnh đạo và

trưởng lão của đồng bào chúng ta,” vì Phê-rơ và Giăng cũng là người Do Thái.

4:9a

Hôm nay, chúng tôi bị tra xét: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng từ được luôn luôn dịch “nếu.” Nhưng ở đây có nghĩa là “bởi vì.” BDC dịch là “nếu.” BDM không dịch từ này ra tiếng Việt. Phê-rơ không nghi ngờ tại sao họ có mặt tại đó. Ông biết rất rõ rằng các lãnh đạo Do Thái đòi ông và Giăng giải thích họ chữa lành người què như thế nào. Bạn cần đặt từ thời gian, *hôm nay*, vào vị trí được tự nhiên nhất trong bản dịch của bạn.

chúng tôi bị tra xét: Nhóm từ này có nghĩa là các lãnh đạo đang tra hỏi họ, như một thẩm phán trong một phiên tòa. Thì của động từ Hy-lạp cho thấy rằng các lãnh đạo Do Thái đang tra hỏi các sứ đồ.

về một việc lành là giúp một người tàn tật: Thay vì nhấn mạnh rằng người què được chữa lành một cách diệu kỳ, Phê-rơ nói về một việc lành là giúp một người tàn tật. Nhóm từ *một người tàn tật* là một từ gọi chung và có nghĩa “một phế nhân, một bệnh nhân hay một người không tự mình bước đi được.” Các lãnh đạo Do Thái giáo đối đãi với Phê-rơ và Giăng như là những người vi phạm pháp luật. Nhưng Phê-rơ khéo léo cho thấy rõ ràng rằng ông và Giăng chữa lành cho người què là họ làm một việc lành.

4:10a

Xin tất cả quý vị và toàn dân Y-sơ-ra-ên biết cho rằng: Bạn có thể thêm từ ngữ như “sau đó” hay “vì thế” ở đầu câu để cho thấy rằng những từ quan trọng Phê-rơ nói có liên hệ đến câu số 9.

4:10b

đó là nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su, người Na-xa-rét!: Khi Phê-rơ nói điều này, tất cả hội viên của Hội Đồng hẳn biết rằng Phê-rơ gọi Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Phê-rơ nhắc đến thành *Na-xa-rét* để xác nhận Chúa Giê-su một cách rõ ràng.

4:10c

Quý vị đã đóng đỉnh Ngài trên thập tự giá nhưng Đức Chúa Trời làm cho Ngài sống lại từ kẻ chết: Sau đó Phê-rơ xác nhận Chúa Giê-su là Đấng họ đóng đỉnh Ngài trên thập tự giá. Mặc dù những người lính La-mã chính là những người đóng đỉnh Chúa Giê-su trên thập giá, Phê-rơ nói rằng các hội viên nhà hội phạm tội vì chính họ dàn xếp vấn đề này. Rồi Phê-rơ đối chiếu việc họ làm với việc Đức Chúa Trời làm. Đức Chúa Trời làm cho Ngài sống lại từ kẻ chết.

4:10d

Nhờ Danh Ngài mà người nầy được lành và đứng trước mặt quý vị: Trong tiếng Hy-

lạp nhóm từ này dịch theo từng chữ có nghĩa là “nhờ Danh Ngài mà người này được khoẻ mạnh đứng trước quý vị.” Động từ chính trong câu này là *đứng*. Theo thứ tự của các từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Phê-rơ nhấn mạnh nhóm từ này.

được lành: Người què được hoàn toàn bình phục và khoẻ mạnh.

trước mặt quý vị: Cho thấy rằng người được chữa lành đang đứng trước Hội Đồng cùng với Phê-rơ và Giăng, và mọi người có thể thấy anh ta.

4:11a

Ngài là Tảng Đá bị quý vị là những thợ nề xây nhà khinh dể: Chúa Cứu Thế Giê-su được ví giống như *Tảng Đá* trong Thi-Thiên 118:22. Phê-rơ so sánh những hội viên của Hội Đồng Do Thái với *những thợ xây nhà* trong Thi-Thiên, vì họ “từ khước” Chúa Giê-su. Bạn không nên dịch thí dụ này theo từng chữ một. Ví dụ, bạn có thể dịch như thế này, “Ngài giống như một tảng đá mà các anh, là những thợ xây nhà, loại bỏ.” Bạn cần nêu rõ rằng điều này được trích từ Kinh Thánh.

Có một vài người phiên dịch cố gắng thay thế tảng đá bằng những vật liệu khác, chẳng hạn như cây trụ gỗ. Tuy nhiên, đá là vật liệu rất thông dụng được dùng để xây cơ sở trong suốt lịch sử của người Do Thái, và họ dùng đá để xây cất Đền Thờ. Vì thế, tốt hơn bạn nên trình bày lịch sử về kỹ nghệ xây cất của người Do Thái thật chính xác và “đá” là vật liệu được dùng để xây cất. Bạn nên thêm vào chú thích ở cuối trang rằng người Do Thái dùng đá để xây cất hầu hết các cơ sở của họ.

4:11b

nhưng lại trở thành Tảng Đá đầu góc nhà: Có sự khác biệt giữa các học giả Kinh Thánh về vị trí cũng như chức năng của *đá đầu góc nhà*. Theo tiếng Hy-lạp, nhóm từ này có nghĩa là “hòn đá được người thợ đặt xuống đầu tiên tại góc nhà để làm chuẩn. Dầu vậy, dùng để điều này trở thành nan đề trong bản dịch của bạn, vì bạn có thể dùng một danh từ như, “tảng đá quan trọng nhất.” Bạn cần làm cho sáng tỏ rằng phần này được trích trong

4:9b	và quý vị hỏi nhờ đâu mà người ấy được lành. và các ông hỏi chúng tôi thế nào người ấy được lành.
4:10a	Xin tất cả quý vị và toàn dân Y-sơ-ra-ên biết cho rằng Vì thế, [chúng tôi muốn] các ông và tất cả [dân chúng Y-sơ-ra-ên] biết điều này:
4:10b	đó là nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su, người Na-xa-rét! Việc này được thực hiện bởi Chúa Giê-su Cơ Đốc ở Na-xa-rét. -HAY- Đó là do Chúa Giê-su ở Na-xa-rét chữa lành cho người này.
4:10c	Quý vị đã đóng đinh Ngài trên thập tự giá nhưng Đức Chúa Trời làm cho Ngài sống lại từ kẻ chết. Các ông làm cho Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thập giá, nhưng Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại.
4:10d	Nhờ Danh Ngài mà người này được lành và đứng trước mặt quý vị. Đó là Chúa Giê-su người chữa lành cho người què và hiện anh có thể đứng trước mặt quý vị. -HAY- Chúa Giê-su chữa lành cho người này nhờ đó anh có thể đứng trước mặt quý vị.
4:11a	Ngài là Tảng Đá đã bị quý vị là những thợ nề xây nhà khinh dể, [Theo lời Kinh Thánh về Đấng Mê-si-a,] Ngài ‘[giống như] tảng đá mà các ông, thì [giống như] thợ xây nhà loại bỏ tảng đá này đi. -HAY- ‘Như những thợ xây nhà đại dột liệng bỏ tảng đá quan trọng nhất dùng để bắt đầu, các ông loại bỏ Chúa Giê-su.
4:11b	nhưng lại trở thành tảng đá đầu góc nhà. Tuy nhiên, [người ta bắt đầu ý thức được điều này] Chúa Giê-su [giống như] tảng đá quan trọng nhất [trong toà nhà đó].’ -HAY- Tuy nhiên, [Đức Chúa Trời bày tỏ cho con người biết rằng] Chúa Giê-su [giống như] tảng đá quan trọng nhất [trong toà nhà ấy].’
4:12a	Không có sự cứu rỗi trong một ai khác cả, Vì thế, Chúa Giê-su là Đấng duy nhất có thể cứu chúng ta, -HAY- Vì thế, chẳng có một ai khác [ngoại trừ Chúa Giê-su] có thể cứu chúng ta,

Cụ Uớc, và đây không phải là một tảng đá thật trong một toà nhà, nhưng tác giả chỉ so sánh Đấng Mê-si-a như một tảng đá quan trọng nhất trong một căn nhà.

4:12a

Không có sự cứu rỗi trong một ai khác cả:
Đây chỉ là một cách nói để cho thấy rằng duy chỉ có Chúa Giê-su có thể cứu được con người. Theo ngữ cảnh cho thấy một cách rõ ràng rằng Chúa Giê-su chính là Đấng mà Phê-rô đề cập đến. Trong bản dịch của bạn,

cần nên cho biết Chúa Giê-su cứu con người qua khỏi điều gì. Ví dụ, Chúa Giê-su cứu con người nên họ không bị Đức Chúa Trời đoán phạt vì tội lỗi của họ. Xem CĐN trong PKTCCN cho 4:12c. Trong một vài ngôn ngữ, người ta có thể dịch *cứu rỗi* giống như Chúa Giê-su “ban sự sống cho con người,” hay “làm cho họ sống mãi mãi.”

4:12b

vì: Từ ngữ *vì* ở đây giới thiệu phần căn bản của những gì Phê-rơ đề cập đến trong 4:12a.

dưới trời: Đây là một lối nói chỉ đến mọi nơi trong thế gian.

được ban cho loài người: Chủ từ của động từ *ban cho* là Đức Chúa Trời. Nói một cách khác, cả thế gian, Đức Chúa Trời chỉ ban cho một người để nhân loại nhờ người ấy mà được cứu, và người đó chính là Chúa Giê-su.

4:12c

để chúng ta phải nhờ Danh ấy mà được cứu: Vì thế, chỉ có Chúa Giê-su mới có thể cứu được con người. Bạn cần nên ghi rõ rằng nhờ Chúa Giê-su nên con người không bị trừng phạt vì tội lỗi của họ.

4:13-14 Các nhà lãnh đạo Do Thái nhận biết Phê-rơ và Giăng từng ở với Chúa Giê-su

4:13a

Khi thấy Phê-rơ và Giăng can đảm như thế: Cả Hội Đồng nhận thấy rằng các sứ đồ không sợ hãi nhưng nói với đầy sự tin tưởng. Đức Thánh Linh giúp cho Phê-rơ và Giăng nói một cách dũng cảm. Có nghĩa là họ không sợ hãi khi nói với các nhà lãnh đạo Do Thái những sự thật về Chúa Giê-su.

4:13b

và nhận xét rằng hai ông là người tâm thường, kém học thức: Động từ trong tiếng Hy-lạp được dịch theo BDM là *nhận xét*, có nghĩa là những hội viên của Hội Đồng biết được những điều mới về các sứ đồ mà họ chưa từng biết trước đây.

người tâm thường: Nhóm từ này ý nói những người chưa từng được huấn luyện tại các trường học, như các mục sư, thầy giáo hay luật sư.

kém học thức: Ở đây có thể ngụ ý là các sứ đồ không theo học tại các trường học nào ở Do Thái cả.

4:13c

họ đều kinh ngạc: Nhóm từ *họ đều kinh ngạc* cho thấy rằng các hội viên của Hội Đồng Do Thái rất đối ngạc nhiên về sự tự tin và dũng cảm của các sứ đồ, khi họ nhận thức được rằng “các sứ đồ là những người tâm thường kém học thức.” Thì của động từ Hy-lạp, *đều kinh ngạc*, cho thấy rằng họ bắt đầu kinh ngạc và tiếp tục kinh ngạc. Nếu bạn cần chuyển sang một câu mới trong bản dịch của bạn, bạn có thể giới thiệu và bắt đầu bằng từ “vì thế.”

nhưng phải nhìn nhận rằng hai ông đã từng ở với Đức Giê-su: Có sự khác biệt giữa các học giả Kinh Thánh về ý nghĩa của động từ *phải nhìn nhận* trong tiếng Hy-lạp, theo BDM. Dưới đây là hai cách có thể giải thích động từ này:

- (1) Một số học giả nghĩ rằng động từ trên có nghĩa là các nhà lãnh đạo Do Thái “bắt đầu nhận thức” rằng vì hai sứ đồ từng ở với Chúa Giê-su, và được ảnh hưởng quyền năng từ nơi Ngài. Những học giả này nghĩ rằng các nhà lãnh đạo Do Thái biết Phê-rơ và Giăng là môn đệ của Chúa Giê-su.
- (2) Một số khác nghĩ rằng động từ này có nghĩa là hội viên của Hội Đồng lần đầu tiên “biết được” Phê-rơ và Giăng từng là môn đệ của Chúa Giê-su (BDM, BDC).

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng, vì Phê-rơ có lần nói chuyện trước công chúng với một đám đông người tại Giê-ru-sa-lem trong ngày lễ Ngũ Tuần. Thì của động từ Hy-lạp *phải nhìn nhận* trong tiếng Hy-lạp, cho thấy rằng họ nhìn nhận và tiếp tục nhìn nhận.

từng ở với Đức Giê-su: Trong bản dịch của bạn, nên giải thích cho rõ ràng rằng các từ *từng ở với Đức Giê-su* cho thấy Phê-rơ và Giăng có liên hệ mật thiết với Chúa Giê-su trong một thời gian, có lẽ là 3 năm.

4:12b	<p>vì dưới trời không có Danh nào khác được ban cho loài người bởi vì Đức Chúa Trời không ban cho con người ở khắp hoàn cầu một danh nào khác -HAY- bởi vì [Đức Chúa Trời] chỉ gọi một người đến trong nguyên cả thế giới,</p>
4:12c	<p>để chúng ta phải nhờ Danh ấy mà được cứu.” để người ấy có thể cứu chúng ta [để Đức Chúa Trời không huỷ diệt chúng ta, vì tội lỗi của chúng ta].”</p>
4:13a	<p>Khi thấy Phê-rô và Giăng can đảm như thế, Các nhà lãnh đạo Do Thái nhận thấy rằng hai sứ đồ Phê-rô và Giăng không sợ hãi vì sự hăm dọa của họ, -HAY- Những người lãnh đạo nhận thấy Phê-rô và Giăng nói một cách đầy uy quyền và tin quyết làm sao,</p>
4:13b	<p>và nhận xét rằng hai ông là người tâm thường, kém học thức, và những nhà lãnh đạo này cũng nhận xét rằng hai người này chỉ là những con người tâm thường và cũng chưa từng đi học trong các trường [của họ]. -HAY- và các nhà lãnh đạo Do Thái cũng ý thức được rằng hai sứ đồ là những con người tâm thường và kém học thức.</p>
4:13c	<p>họ đều kinh ngạc nhưng phải nhìn nhận rằng hai ông đã từng ở với Đức Giê-su. [Vì thế] các nhà lãnh đạo Do Thái rất đỗi ngạc nhiên và họ nhận ra rằng hai người này từng sống với Chúa Giê-su [trong một thời gian].</p>
4:14a	<p>Tuy nhiên vì thấy người què được chữa lành đang đứng với hai ông Họ [cũng] thấy người này là người [Đức Chúa Trời giúp các sứ đồ] chữa lành bệnh, hiện đang đứng tại đó với [hai sứ đồ].</p>
4:14b	<p>nên họ chẳng chối cãi gì được. Vì thế, các nhà lãnh đạo không tìm được lời lẽ nào để chống đối hai sứ đồ [Phê-rô và Giăng].</p>

4:14a

Tuy nhiên vì thấy người què được chữa lành đang đứng với hai ông: Trong 4:10 Phê-rô nói “người này được lành và đứng trước mặt quý vị,” và ở đây, 4:14a các nhà lãnh đạo Do Thái thấy tận mắt người què cùng hai sứ đồ đang đứng trước mặt họ. Bác Sĩ Lu-ca có lẽ dùng các từ *đang đứng với hai ông* để chỉ rõ cả hai vấn đề, người què hoàn toàn lành mạnh và cùng đang đứng chung tại

chỗ với hai sứ đồ và các nhà lãnh đạo Do Thái.

4:14b

nên họ chẳng chối cãi gì được: Nếu cần, bạn có thể dịch 4:14 thành hai câu, 4:14a và 14b như thế này: “Họ thấy người què... đang đứng với hai sứ đồ. Vì thế các nhà lãnh đạo Do Thái không thể nói một lời nào để chống đối các sứ đồ được.”

chối cãi: Trong tiếng Hy-lạp từ ngữ này có nghĩa là nói lên để chống đối một người hay một sự việc. Thì của động từ Hy-lạp cho thấy rằng họ tiếp tục không tìm được lý do để chống đối lại các sứ đồ.

4:15-18 Các nhà lãnh đạo Do Thái cấm không cho hai sứ đồ tiếp tục giảng dạy dân chúng về Chúa Giê-su

4:15a

Họ liền ra lệnh cho hai ông ra khỏi phòng họp hội đồng: Đây là kết quả của việc các hội viên của Hội Đồng không thể nghĩ ra được lý do để chống đối các sứ đồ: họ ra lệnh cho các sứ đồ ra khỏi phòng họp. Có lẽ họ bảo vệ bình dân cả ba người, Phê-rô, Giăng và người què được chữa lành ra khỏi phòng nơi họ đang họp. 4:15b cho biết lý do các sứ đồ bị đem ra khỏi phòng.

4:15b

rồi bàn luận với nhau rằng: Các hội viên của Hội Đồng trao đổi ý kiến với nhau liên quan đến việc của hai sứ đồ. Trong 4:16-17, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại những gì họ nói với nhau. Thì của động từ *bàn luận* trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ tiếp tục thảo luận với nhau, có lẽ chỉ trong chốc lát.

4:16a

Chúng ta sẽ làm gì với mấy người này đây?: Các hội viên của Hội Đồng không phải hỏi nhau để tìm kiếm ý kiến. Họ chỉ tìm cách để trừng phạt các sứ đồ. Họ thực là bực bội, vì không tìm ra được cách nào để trừng phạt các sứ đồ mà không bị dân chúng tức giận. Trong một vài ngôn ngữ có từ ngữ để diễn tả về một người đang bực bội. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ ngữ như thế, đây là chỗ bạn nên dùng. Xem CĐN trong PKTCCN cho 4:16a.

4:16b

Vì họ đã làm một dấu lạ hiển nhiên, tất cả dân chúng Giê-ru-sa-lem đều biết rõ: Các hội viên Hội Đồng biết rằng có nhiều người lan lẹ loan tin về một dấu lạ hiển nhiên mà các sứ đồ thực hiện, nói một cách rõ hơn là

tất cả những người đang sống tại Giê-ru-sa-lem đều nghe về phép lạ này. Đại danh từ *họ* chỉ về sứ đồ Phê-rô và Giăng. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *hiển nhiên* nói đến một vấn đề “thật đáng chú ý hay thật là đặc biệt,” đó là những việc làm cho người ta ngạc nhiên. Trong tiếng Hy-lạp, *dấu lạ* là “dấu hiệu” ở đây nói về những việc con người thực hiện được là nhờ Đức Chúa Trời giúp đỡ để họ làm những việc đó. Tuy nhiên, hầu hết các hội viên Hội Đồng quyết định chống đối lại các sứ đồ, vì vậy họ khó có thể nói rằng Đức Chúa Trời giúp các sứ đồ chữa lành cho người què.

4:16c

nên chúng ta không thể nào chối cãi: Các từ *chúng ta* được dùng ở đây vì các hội viên Hội Đồng đang thảo luận với nhau. Động từ trong tiếng Hy-lạp theo BDM dịch *không thể nào chối cãi*, có nghĩa là họ không thể nói với bất cứ ai một cách thành thật rằng “phép lạ” không xảy ra hay các sứ đồ không thực hiện một phép lạ nào, vì có vô số người biết rõ việc này. Nếu các hội viên Hội Đồng cố gắng phủ nhận về phép lạ xảy ra, sẽ có nhiều dân chúng tức giận và chống đối họ một cách mạnh mẽ.

4:17a

Nhưng muốn cho việc này đừng lan rộng thêm giữa dân chúng: Liên từ *nhưng* cho thấy có sự khác biệt giữa những gì các hội viên Hội Đồng quyết định họ không thể làm (4:16) và những gì họ quyết định có thể làm (4:17). Họ nghĩ rằng họ có thể ngăn cản việc loan tin về phép lạ cho những người chưa được nghe đến. Trong tiếng Hy-lạp, *việc này* nói về phép lạ. Dĩ nhiên, là các sứ đồ tuyên bố rõ ràng rằng chính Chúa Giê-su chữa lành người què.

4:17b

chúng ta hãy đe dọa, đừng cho họ nhắc đến Danh này nữa!: Điều này có nghĩa là các lãnh đạo Do Thái đặt kế hoạch nói với các sứ đồ rằng nếu các sứ đồ cứ tiếp tục giảng dạy về Chúa Giê-su, họ sẽ bị trừng phạt. Như đã giải thích trước, *Danh* ám chỉ

4:15a	Họ liền ra lệnh cho hai ông ra khỏi phòng họp hội đồng, Cho nên các nhà lãnh đạo Do Thái ra lệnh cho [những người lính] đem Phê-rơ và Giăng ra khỏi phòng [nơi các nhà lãnh đạo đang họp].
4:15b	rồi bàn luận với nhau rằng: Rồi các nhà lãnh đạo Do Thái cùng nhau bàn luận [về việc của Phê-rơ và Giăng].
4:16a	“Chúng ta sẽ làm gì với mấy người này đây?” [Lần lượt từng người một] trong bọn nói [một cách bức mình]: “Không có gì chúng ta có thể làm để [trừng phạt] [hai] người này!”
4:16b	Vì họ đã làm một dấu lạ hiển nhiên, tất cả dân chúng Giê-ru-sa-lem đều biết rõ, Mọi người sống tại thành Giê-ru-sa-lem đều biết rõ hai người này làm một phép lạ,
4:16c	nên chúng ta không thể nào chối cãi. và chúng ta không thể nói với dân chúng rằng việc đó không xảy ra. -HAY- và chúng ta không thể nói rằng họ không làm việc này.
4:17a	Nhưng muốn cho việc này đừng lan rộng thêm giữa dân chúng, Tuy nhiên, [chúng ta] không thể để cho những người khác nghe về phép lạ này. -HAY- Tuy nhiên, [chúng ta] phải ngăn cản những người khác nghe đến phép lạ này [và việc họ rao truyền về Chúa Giê-su].
4:17b	chúng ta hãy đe dọa, đừng cho họ nhắc đến Danh này nữa!” Vậy nên, chúng ta phải bảo những người này rằng nếu họ tiếp tục nói cho những người khác về một người mang tên [Giê-su], thì chúng ta sẽ trừng phạt họ.”
4:18a	Vậy họ gọi hai ông vào Vì thế các nhà lãnh đạo Do Thái ra lệnh cho [vệ binh] đem hai sứ đồ [vào phòng trở lại].

về con người của Chúa Giê-su, thay vì nói đến tên, hay thẩm quyền của Ngài. Có lẽ nhóm từ *nhắc đến Danh này* có nghĩa là nói trong tư cách của những người được Chúa Giê-su ban thẩm quyền hay đại diện cho Ngài. Các nhà thần học nghĩ rằng các nhà lãnh đạo Do Thái thực sự muốn hạ giá danh tiếng Chúa Giê-su khi họ nhắc đến Ngài bằng chữ *Danh này*. Bằng cách này họ tránh được việc gọi tên “Giê-su.”

4:18a

Vậy họ gọi hai ông vào: Sau khi hội viên Hội Đồng có quyết định phải làm gì, có lẽ thấy cả thượng phẩm bảo vệ binh đem các sứ đồ trở lại phòng họp. Lúc này người què được chữa lành vẫn còn ở với hai sứ đồ. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Do Thái chỉ nói đến các sứ đồ. Đại danh từ *họ* trong câu này chỉ nói đến Phê-rơ và Giăng.

4:18b

và cấm tuyệt đối không được nói hay dạy về Danh Đức Giê-su nữa: Có lẽ thầy cả thượng phẩm là người ra lệnh cấm các sứ đồ không được giảng dạy về Chúa Giê-su. Mặc dù hầu hết các hội viên Hội Đồng ghét và không muốn nghe đến *Danh Đức Giê-su* nữa, có lẽ họ cũng nghĩ họ cần phải làm điều đó ở đây để biết chắc rằng lệnh cấm rao giảng về Chúa Giê-su được ban ra một cách rõ ràng. Tuy nhiên, đây không phải là lời trích dẫn trực tiếp, vì thế người viết có lẽ cung cấp “Danh Chúa Giê-su.” Như nói trước, *Danh Đức Giê-su* ở đây nói về chính chúa Giê-su. Các từ về *Danh Chúa Giê-su*, trong cả hai 4:17 và 18, có lẽ hàm ý rằng các sứ đồ đại diện cho Chúa Giê-su và dạy dỗ dân chúng về Ngài.

4:19-20 Phê-rơ và Giăng đã nói họ cần tiếp tục rao giảng về Chúa Giê-su

4:19a

Nhưng Phê-rơ và Giăng đáp: Nhưng cho thấy rằng có sự đối nghịch giữa những gì các nhà lãnh đạo Do Thái nói trong 4:18 và những gì các sứ đồ trả lời họ. Trong một vài ngôn ngữ, các từ *Phê-rơ* và *Giăng đáp* có thể có ý rằng cả hai sứ đồ cùng nói một lần. Nếu trong ngôn ngữ của bạn cũng giống như thế, bạn có thể dịch thế nào đó giống như CĐN thứ hai của PKTCCN. Hay bạn có thể dịch như thế này: “Nhưng Phê-rơ trả lời và Giăng đồng ý” hay “Nhưng Phê-rơ và Giăng đồng trả lời.”

4:19b

Điều nào phải lẽ hơn? Trước mặt Đức Chúa Trời, nên vâng lời quý vị hay là vâng lời Đức Chúa Trời? Xin quý vị vui lòng thẩm định: Xin quý vị vui lòng thẩm định ý nói rằng “các ông phải quyết định.” Bạn cần làm sáng tỏ rằng các sứ đồ vẫn còn giữ thái độ kính trọng và lễ phép với các nhà lãnh đạo Do Thái.

Điều họ thật sự muốn cho thấy giống như thế này: “Nếu chúng tôi vâng lời các ông, chúng tôi sẽ không vâng lời Đức Chúa

Trời là Đấng muốn chúng tôi giảng dạy dân chúng về Chúa Giê-su! Chắc các ông không nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ coi điều đó là công chính cho chúng tôi, khi không vâng lời Ngài!” Cũng hãy xem CĐN thứ hai trong PKTCCN cho 4:19b.

4:20

Nhưng chúng tôi không thể nào không nói lên những điều chúng tôi đã nghe và thấy: Nhưng hàm ý rằng các sứ đồ quyết định là họ không tuân theo lệnh cấm của Hội Đồng. Chúng tôi không thể nào không nói lên những điều chúng tôi nghe và thấy là một cách để cho thấy rằng các sứ đồ cần tiếp tục nói cho mọi người về những gì họ thấy Chúa Giê-su thực hiện và nghe Chúa Giê-su nói. Do đó, bạn có thể dịch hoặc như thế này “chúng tôi bắt buộc phải tiếp tục rao giảng” hay “chúng tôi không thể không rao giảng” giống như ở CĐN của PKTCCN.

4:21-22 Các nhà lãnh đạo Do Thái hăm dọa trừng phạt Phê-rơ và Giăng rồi tha cho hai người

4:21a

Họ đe dọa thêm nữa rồi phóng thích hai người: Các từ *đe dọa thêm nữa* có ý rằng các nhà lãnh đạo Do Thái lại nói với các sứ đồ lần nữa rằng nếu họ tiếp tục giảng dạy dân chúng về Chúa Giê-su, họ sẽ trừng phạt hai người. Có nghĩa là các nhà lãnh đạo Do Thái hăm dọa rằng họ sẽ trừng phạt các sứ đồ một cách nặng nề hơn, như họ nói họ sẽ làm. Rồi họ tha cho Phê-rơ và Giăng. Dĩ nhiên, họ nói về các nhà lãnh đạo Do Thái và hai người nói đến các sứ đồ.

4:21b

Họ không tìm được cách nào trừng phạt hai người: Các nhà lãnh đạo Do Thái thả Phê-rơ và Giăng, vì họ không tìm ra được cách nào để trừng phạt hai sứ đồ mà không bị dân chúng nổi giận.

4:21c

vì toàn thể dân chúng đều tôn vinh Đức Chúa Trời về việc vừa xảy ra: Đây là lý do

4:18b	<p>và cấm tuyệt đối không được nói hay dạy về Danh Đức Giê-su nữa. Và rồi họ ra lệnh cho hai sứ đồ chẳng bao giờ được nói về Chúa Giê-su và cũng không được dạy [cho bất cứ ai về Chúa Giê-su nữa].</p>
4:19a	<p>Nhưng Phê-rô và Giăng đáp: Nhưng Phê-rô và Giăng trả lời họ: -HAY- Nhưng Phê-rô và [rồi đến] Giăng trả lời:</p>
4:19b	<p>“Điều nào phải lẽ hơn? Trước mặt Đức Chúa Trời, nên vâng lời quý vị hay là vâng lời Đức Chúa Trời? Xin quý vị vui lòng thẩm định. “Liệu Đức Chúa Trời cho là đúng nếu chúng tôi vâng lời các ông mà không vâng lời Ngài? Các ông cần phải quyết định! -HAY- “Các ông nghĩ điều gì đẹp lòng Đức Chúa Trời: vâng lời các ông hay vâng lời Đức Chúa Trời [là Đấng muốn chúng tôi nói với đồng bào về Chúa Giê-su]?”</p>
4:20	<p>Nhưng chúng tôi không thể nào không nói lên những điều chúng tôi nghe và thấy.” [Chúng tôi không thể vâng lời các ông về điểm này,] bởi vì chúng tôi không thể không nói lại cho mọi người về những việc chúng tôi thấy [Chúa Giê-su làm] và những gì chúng tôi nghe [Ngài dạy]!” -HAY- Chúng tôi phải tiếp tục nói cho những người khác về những việc chúng tôi thấy [Chúa Giê-su làm] và những gì chúng tôi nghe [Ngài nói].”</p>
4:21a	<p>Họ đe dọa thêm nữa rồi phóng thích hai người. Các nhà lãnh đạo Do Thái lại bảo [Phê-rô và Giăng] họ sẽ bị trừng phạt [và cuối cùng] họ tha/trả tự do cho hai sứ đồ. -HAY- Các nhà lãnh đạo Do Thái lại cảnh cáo [Phê-rô và Giăng rằng] họ sẽ trừng phạt [hai người, nếu hai người cứ tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho mọi người. Cuối cùng] họ trả tự do cho hai sứ đồ.</p>
4:21b	<p>Họ không tìm được cách nào trừng phạt hai người [Họ làm như thế, vì] họ không thể quyết định được là phải trừng phạt hai người như thế nào.</p>
4:21c	<p>vì toàn thể dân chúng đều tôn vinh Đức Chúa Trời về việc vừa xảy ra. [Họ cũng biết rằng dân chúng sẽ tức giận nếu họ trừng phạt hai sứ đồ,] vì tất cả mọi người [ở đó] đều tôn vinh Đức Chúa Trời về những gì xảy ra [cho người què]. -HAY- [Các nhà lãnh đạo Do Thái biết dân chúng sẽ trở nên giận dữ nếu họ trừng phạt hai sứ đồ,] vì tất cả mọi người [có mặt tại đây] đều nói: “Đức Chúa Trời thật vĩ đại [ngay cả việc Ngài có thể chữa lành cho người què].”</p>

mà các lãnh đạo Do Thái thả Phê-rô và

Giăng, sau khi chẳng nghĩ ra một cách nào

để trừng phạt hai sứ đồ mà không gây phần uất trong dân chúng. Thì của động từ Hy-lạp, trong BDM là *tôn vinh*, cho thấy rằng dân chúng tiếp tục tôn vinh Đức Chúa Trời.

Bạn có thể cần dịch các từ *về việc vừa xảy ra* một cách chi tiết. Ví dụ, bạn có thể thêm vào “người què,” giống CĐN của PKTCCN. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn cần thêm “*tôn vinh Đức Chúa Trời*” theo cách nói trực tiếp, có thể giống như thế này: ...dân chúng đang nói: “Đức Chúa Trời thật là vĩ đại Ngài chữa lành ngay cả đến người què.”

4:22

Người đàn ông được phép lạ chữa lành đã hơn bốn mươi tuổi: Đây là một lý do khác nữa khiến dân chúng tôn vinh Đức Chúa Trời. Đó là người được chữa lành là một người què trên bốn mươi năm, thực ra, anh bị què từ lúc sơ sinh. Điều này làm cho phép lạ đầy sự kinh ngạc, và cũng chứng tỏ với dân chúng rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới thực hiện được. Để có thể liên hệ câu này với câu 4:21, bạn cần thêm ít nhất một vài dữ kiện thông tin trình bày trong CĐN của PKTCCN.

Tiểu đoạn 4:23-31 Các tín hữu cầu nguyện và Đức Thánh Linh giúp họ nói về Chúa Giê-su một cách mạnh dạn

Người ta có thể chia tiểu đoạn này thành ba tiểu đoạn phụ: 4:23, 4:24-30 và 4:31. Trong 4:23, sau khi các nhà lãnh đạo Do Thái trả tự do cho các sứ đồ, Phê-rơ và Giăng đi gặp và kể lại cho các tín hữu khác những gì các nhà lãnh đạo tôn giáo nói với hai sứ đồ. Vì thế, trong 4:24-30, các tín hữu cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và đặc biệt xin Ngài giúp đỡ để họ được mạnh dạn rao giảng về Chúa Giê-su, và họ cũng cầu nguyện nài Chúa Giê-su ban quyền phép để họ có thể chữa lành cho người bệnh và thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Trong 4:31, Đức Chúa Trời cho thấy Ngài trả lời những cầu xin của họ bằng cách làm cho căn phòng, nơi họ đang tụ tập rúng động. Thánh Linh của Ngài giúp cho họ tiếp tục rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su một cách mạnh dạn.

Tiểu đoạn phụ 4:23 Phê-rơ và Giăng kể lại cho các tín hữu khác những gì các lãnh đạo Do Thái đã nói

Những gì Phê-rơ và Giăng kể lại (4:23) làm cho tất cả tín hữu đồng lòng cầu nguyện với Đức Chúa Trời (4:24-30).

4:23a

Sau khi được phóng thích, hai người quay về với anh em mình: Nhóm từ *anh em mình* nói đến các tín hữu khác tại Giê-ru-sa-lem. Dĩ nhiên, là kể cả các sứ đồ khác. Các tín hữu đoàn kết sống gần gũi bên nhau như trong một cộng đồng.

nhà lãnh đạo Do Thái dọa sẽ trừng phạt các sứ đồ, nếu họ tiếp tục rao giảng về Chúa Giê-su. Các từ *thượng tế* và *các trưởng lão* chỉ về các hội viên của toà thượng phẩm Do Thái, người Do Thái gọi là Hội Đồng. Xem Lời Giải Nghĩa trong 4:5 về các thành viên của Hội Đồng.

4:23b

và thuật lại những lời các thượng tế và trưởng lão đe dọa: Có lẽ ở đây nói đến các

4:22 Người đàn ông được phép lạ chữa lành đã hơn bốn mươi tuổi.
[Dân chúng biết rằng chỉ duy có Đức Chúa Trời mới có thể giúp cho Phê-rơ và Giăng] chữa lành người què một cách lạ lùng, vì ông ta hơn bốn mươi tuổi [và bị què từ lúc mới sanh].

Tiểu đoạn 4:23-31 Các tín hữu cầu nguyện và Đức Thánh Linh giúp họ mạnh dạn nói về Chúa Giê-su

Tiểu đoạn phụ 4:23 Phê-rơ và Giăng kể lại cho các tín hữu khác những gì các nhà lãnh đạo Do Thái nói

4:23a Sau khi được phóng thích, hai người quay về với anh em mình
Sau khi được những người lãnh đạo Do Thái trả tự do, Phê-rơ và Giăng trở lại cùng các tín hữu khác.

4:23b và thuật lại những lời các thượng tế và trưởng lão đe dọa.
Rồi hai người kể lại những lời các thượng tế/trưởng tế và [những người khác] những trưởng lão/các lãnh đạo nói với hai người.

Tiểu đoạn phụ 4:24-30 Các tín hữu cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giúp để họ được mạnh dạn nói về Chúa Giê-su

4:24a Nghe xong, họ đồng lòng lớn tiếng cầu nguyện với Đức Chúa Trời rằng:
Khi nghe xong các điều đó, [tất cả] các tín hữu cùng nhau cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

Tiểu đoạn phụ 4:24-30 Các tín hữu xin Chúa thêm sức để họ có thể nói về chúa Giê-su một cách mạnh dạn

Người ta có thể chia việc cầu nguyện của các tín hữu ra làm hai phần: 4:24-28 và 4:29-30. Thứ nhất, các tín hữu nói với Chúa về sự cao cả của Ngài, và thế nào họ bị các nhà lãnh đạo Do Thái hăm dọa và bắt bớ vì họ nói về Chúa Giê-su cho người khác. Thứ hai, họ cầu xin Đức Chúa Trời ban cho họ có lòng dũng cảm để nói về Chúa Giê-su cho mọi người. Họ cũng xin Đức Chúa Trời chữa lành những bệnh tật cho nhiều bệnh nhân và thực hiện nhiều phép lạ để làm sáng danh Chúa Giê-su.

4:24-28 Các tín hữu thưa với Đức Chúa Trời về việc Chúa Giê-su và họ bị các nhà lãnh đạo Do Thái chống đối

4:24a

Nghe xong, họ đồng lòng lớn tiếng cầu nguyện với Đức Chúa Trời rằng: Nhóm từ

nghe xong nói về tất cả những gì Phê-rơ và Giăng nói với các tín hữu. Đặc biệt là họ báo cáo rằng các nhà lãnh đạo Do Thái ra lệnh cấm họ “tuyệt đối không được nói hay dạy” về Chúa Giê-su (4:18b). Họ ở đây có lẽ bao gồm tất cả tín hữu.

Theo tiếng Hy-lạp, họ đồng lòng lớn tiếng cầu nguyện với Đức Chúa Trời dịch

theo từng chữ là “đồng một ý họ cất cao giọng cầu nguyện với Chúa.” Dưới đây là ba cách có thể dịch mệnh đề này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các tín hữu hiệp nhất, khẩn thiết cầu xin, trong khi đó có một người đại diện cầu nguyện lớn tiếng.
- (2) Một số ít học giả Kinh Thánh cho rằng các tín hữu cùng lúc dâng lời cầu nguyện như trong 4:24b-30.
- (3) Một ý khác nữa cho rằng có thể các tín hữu có một lúc cùng lớn tiếng cầu nguyện chung với nhau. Sau đó, một người, có lẽ là Phê-rô cầu nguyện những lời như ghi trong 4:24b-30.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ hợp lý hơn cách thứ hai, và người ta có thể cho rằng cách giải thích thứ ba có thể là một biến thể của cách thứ nhất. Không lẽ nào các tín hữu cùng lúc cầu nguyện như ghi trong 4:24b-30. Trong ngôn ngữ của bạn, có thể sẽ tự nhiên khi dùng từ “họ nói” hàm ý rằng một người nói thay cho cả nhóm. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn, từ “họ nói” có thể có nghĩa là tất cả cùng nói trong một lúc, bạn cần nên dịch thế nào để thấy rõ rằng chỉ có một người nói những điều này như ghi trong 4:24b-30.

4:24b

Lạy Chúa: Đây nói về Đức Chúa Cha và có nghĩa là “Đấng hoàn toàn điều khiển mọi vật và mọi người.” Dùng từ “Chúa” hay “Chủ” có thể đủ ý nghĩa cho việc dịch ở đây, vì những từ theo sau diễn tả những gì Đức Chúa Trời làm.

Ngài đã sáng tạo trời, đất, biển và vạn vật: Đây là phần đầu của Thi Thiên 146:6. *Trời ở đây* nói đến khoảng không trên mặt đất. Trong nhiều ngôn ngữ chữ này đồng nghĩa với chữ “bầu trời.”

vạn vật: Theo tiếng Hy-lạp, chi tiết hơn, “cùng muôn vật trong đó.” Theo ngữ cảnh, được bao gồm con người, thiên sứ, cây cỏ, các vì sao, đất, và biển, hay bất cứ vật gì trong bầu trời. BDM chỉ dùng một chữ “vạn vật” để diễn tả cho tất cả. Khi dịch bạn nên dùng BDC cho phần này để cho được rõ ràng hơn.

4:25a

Chúa đã nhờ Đức Thánh Linh phán dạy qua môi miệng Đa-vít, dâng tở Ngài, cũng là tở phụ chúng tôi: Những từ này là lời giới thiệu Thi Thiên 2:1-2, mà Đa-vít viết. *Chúa* chỉ về Đức Chúa Cha. Đức Chúa Trời nói những lời này và Đức Thánh Linh dùng Đa-vít nói ra và viết xuống. Đa-vít có thể cũng viết và nói những lời được ghi lại trong 4:25b-26. Nếu thích hợp, bạn có thể, bạn chia phần này thành hai câu riêng, vì từ “dâng tở của Ngài, cha của chúng ta” làm cho câu văn quá dài. Ví dụ, bạn có thể dịch phần này, thế nào đó, giống như trong CDN thứ hai của PKTCCN. Bạn cần thay đổi chữ “dâng tở Ngài” thành nhóm động từ như “Đa-vít hầu việc Ngài.”

qua môi miệng Đa-vít: Đây là một cách để diễn tả rằng Đa-vít nói.

4:25b

Tại sao các nước nổi giận và các dân âm mưu vô ích?: Đây không phải là loại câu hỏi cần câu trả lời. Bạn có thể đổi thành câu nói thường, cho thấy rằng những gì con người hoạch định thất bại hoàn toàn. *Tại sao* có nghĩa là “lý do nào,” nên bạn có thể dịch như “không có mục đích tốt.” Đây cũng còn có nghĩa là họ không thành công theo như hoạch định của họ.

các nước nổi giận: Đây nói đến những người ngoại, có lẽ là những người không phải gốc Do Thái nổi giận.

và các dân âm mưu vô ích: Các dân nói về những người Do Thái hay dân sự Y-sơ-ra-ên, Từ *âm mưu vô ích* có nghĩa rằng dân sự Do Thái chuẩn bị để chống đối Chúa nhưng không thành công.

4:26a

Các vua trên thế gian và các lãnh tụ họp nhau: Theo tiếng Hy-lạp từ ngữ cho *các lãnh tụ* ở đây được Bác Sĩ Lu-ca dùng từ này chỉ về thầy tế lễ cả trong 4:5 và 4:8.

họp nhau: Cùng đồng một từ Hy-lạp Bác Sĩ Lu-ca dùng trong 4:5, khi Hội Đồng họp lại để chống đối Phê-rô và Giăng.

4:24b	“Lạy Chúa, Ngài sáng tạo trời, đất, biển và vạn vật. Sau đó họ cầu nguyện: “Lạy Chúa! Ngài dựng nên trời, đất, biển, cùng muôn vật trong đó.
4:25a	Chúa đã nhờ Đức Thánh Linh phán dạy qua môi miệng Đa-vít, đầy tớ Ngài, cũng là tổ phụ chúng tôi: Chúa nói [những điều này và] Đức Thánh Linh phán cùng tổ phụ chúng tôi, [Vua] Đa-vít, là người hầu việc Chúa, để nói/viết [những điều đó]: -HAY- Tổ phụ của chúng tôi, [Vua] Đa-vít, hầu việc Ngài. Chúa nói và Đức Thánh Linh hướng dẫn [vua] Đa-vít nói/viết xuống [những gì Chúa nói]:
4:25b	‘Tại sao các nước nổi giận và các dân âm mưu vô ích?’ ‘[Họ làm những việc nực cười, nhưng] các dân ngoại trở nên giận dữ và người Do Thái âm mưu vô ích [chống đối ta]. -HAY- ‘[Không có một lý do chính đáng, để] những người không phải là Do Thái trở nên tức giận và những người Y-sơ-ra-ên âm mưu [chống lại ta] một cách vô ích.
4:26a	Các vua trên thế gian và các lãnh tụ họp nhau Các vua trên thế gian chuẩn bị để chiến đấu và các nhà cầm quyền và lãnh đạo [khác] cùng họp lại [với họ]
4:26b	chống nghịch Chúa và Chúa Cứu Thế của Ngài.’ để chống nghịch cùng Chúa [Đức Chúa Trời] và Đấng được sai đến [trong vai trò Đấng Mê-si-a].’
4:27a	Thật thế, Hê-rốt và Bôn-xơ Phi-lát toa rập với các dân ngoại quốc và người Y-sơ-ra-ên ngay trong thành phố này [Chúng con biết những gì Chúa nói từ trước, nay việc đó xảy ra,] bởi vì [Vua] Hê-rốt và [Thống Đốc] Bôn-xơ Phi-lát tụ tập lại với nhau [ở đây] trong thành phố [Giê-ru-sa-lem] với những người Y-sơ-ra-ên và những người ngoại.

4:26b

chống nghịch Chúa và Chúa Cứu Thế của Ngài: Ở đây cho thấy rõ mục đích của họ. Đó là họ cố ý chống lại Chúa và Chúa Cứu Thế của Ngài. Chúa ở đây nói về Đức Chúa Cha, và, các từ *Chúa Cứu Thế* nói một cách rõ ràng về Đấng Mê-si-a, là Đấng được Chúa chọn và sai đi trong cương vị Đấng Mê-si-a.

4:27a

Thật thế, Hê-rốt và Bôn-xơ Phi-lát toa rập với các dân ngoại quốc và người Y-sơ-ra-ên ngay trong thành phố này: Bạn cần cho thấy rõ phần trích dẫn Thi Thiên 2 được

chấm dứt. Trong 4:27a người cầu nguyện có liên lệ trong Thi Thiên 2:1-2 về việc các lãnh đạo Do Thái và những người khác hành động chống Chúa Giê-su. Từ *thật thế* nói về lời trích dẫn (4:25-26) và cho thấy rằng có một vài hàm ý trong 4:27a. Bạn cần viết cho rõ ràng như trong CDN của PKTCCN.

Hê-rốt: Đây là Hê-rốt An-ti-ba. Nhà cầm quyền La-mã cho phép người Do Thái gọi Hê-rốt là một nhà vua, mặc dù Hê-rốt chỉ là cai trị cấp tỉnh.

Bôn-xơ Phi-lát: Nhà cầm quyền đế quốc La-mã thời bấy giờ. Hê-rốt and Phi-lát có lẽ gặp nhau trong ngày Phi-lát gọi Chúa

Giê-su đến Hê-rốt theo Lu-ca 23:12, “Hê-rốt và Phi-lát, ngày hôm đó trở thành hai người bạn.”

toa rạp với các dân ngoại quốc và người Y-sơ-ra-ên: Đây có nghĩa là các dân ngoại và người Y-sơ-ra-ên, cả Phi-lát và Hê-rốt cùng nhau họp lại, vì họ muốn làm một việc. Hê-rốt đại diện cho “các vua thế gian” và Phi-lát nhà cầm quyền” (4:26a). Những người lính La-mã đại diện cho các dân ngoại và “các dân” trong 4:25b đại diện cho người Y-sơ-ra-ên. Bạn cần làm cho sáng tỏ thành phố này chỉ về thành Giê-ru-sa-lem.

4:27b

mà chống nghịch Đức Giê-su: Chống nghịch Đức Giê-su hàm ý rằng các dân trong 4:27a lập mưu hay tìm kế giết Chúa Giê-su.

Đầy Tớ Thánh của Chúa đã được Chúa xúc dầu: Đây là một trong những danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a. Thí dụ, như “tôi tớ công bình” (trong Ê-sai 53:11), nói về Đấng Mê-si-a. Cả hai, *Đầy Tớ Thánh* and *được Chúa xúc dầu* chỉ về Đức Giê-su. Vậy nên, bạn có thể chia 4:27b thành 2 câu. Bạn cũng nên đổi *Đầy Tớ Thánh* ra chức năng động từ và bạn cần nên kết chung “Đấng Mê-si-a” với “Đấng được xúc dầu.” Xem CĐN trong PKTCCN 4:27b.

xúc dầu: Phong tục xúc dầu là một biểu hiệu của sự được bổ nhiệm và biệt riêng ra bởi Đức Chúa Trời cho một địa vị có thẩm quyền và trách nhiệm, đặc biệt cho sự Phong Vương, hay làm Thầy Thượng Tế.

4:28

bàn tay Chúa: Bàn tay Chúa đây là một cách nói ẩn dụ cho thấy rằng Đức Chúa Trời làm việc đầy uy quyền.

ý chỉ Chúa: Trong một vài ngôn ngữ, người dịch cần đổi từ *ý chỉ* thành động từ.

đã ấn định từ trước: Có nghĩa là Đức Chúa Trời có quyết định cho phép con người đóng đinh Chúa Giê-su.

Bạn cần sửa đổi lời văn trong câu này, như trong CĐN của PKTCCN. Bạn nên dịch thế nào để người đọc khỏi hiểu lầm rằng Đức

Chúa Trời khiến cho con người đóng đinh Chúa Giê-su.

4:29-30 Các tín hữu xin Đức Chúa Trời giúp để có thể nói về Chúa Giê-su cho đồng bào một cách mạnh dạn

4:29a

Và bây giờ, lay Chúa, xin Chúa đoái xem các sự đe dọa của họ: Họ xin Chúa coi lại thế nào các nhà lãnh đạo Do Thái hăm dọa sẽ phạt các tín hữu, nếu họ tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho người khác. Hàm ý rằng xin Đức Chúa Trời hãy làm một điều gì đó. *Chúa* chỉ về Đức Chúa Trời.

4:29b

và ban cho các dây tó Ngài lòng đầy dũng cảm để rao giảng lời Chúa: Động từ *ban cho* là mệnh lệnh. Bạn nên dịch thế nào để phù hợp như một lời yêu cầu với Đức Chúa Trời làm một điều gì, ví dụ, “xin ban cho.”

các dây tó: Bạn nên dịch cho rõ các từ *dây tó* Ngài là những tín hữu. Vì thế, bạn nên nói thế nào đó, giống như “chúng tôi là những người hầu việc Ngài.” Hay có thể để *các dây tó* vào một mệnh đề khác bắt đầu bằng phần này của câu giống như câu thứ hai của CĐN trong PKTCCN.

lòng đầy dũng cảm: Nhóm từ này diễn tả cách mà các tín hữu muốn nói: họ muốn nói một cách mạnh dạn, không sợ sệt bất cứ ai.

lời Chúa: Nhóm từ này nói đến “sự điệp từ Đức Chúa Trời,” đặc biệt những gì Chúa Giê-su dạy.

4:30a

Xin Chúa ra tay chữa bệnh: Lối nói theo nghĩa bóng, hàm ý rằng xin Chúa dùng quyền năng của Ngài chữa lành nhiều người.

và làm các dấu lạ, phép mầu: Ở đây Phê-rô dùng hai từ *dấu lạ* và *phép mầu* có nghĩa là phép lạ. Vì thế trong bản dịch của bạn, bạn nên dịch *các dấu lạ, phép mầu* như “những phép lạ nhiệm mầu.” Xem Lời Giải Nghĩa trong 2:22b và 2:43b cho “phép lạ, dấu lạ và phép mầu.” Bạn nên dịch cho rõ các từ *dấu*

4:27b	<p>mà chống nghịch Đức Giê-su, Đầy Tớ Thánh của Chúa đã được Chúa xúc dầu [Họ làm như vậy] hoạch định [để giết] Chúa Giê-su. Đáng luôn trung tín hầu việc Ngài [và] Ngài chọn [làm Đấng Mê-si-a].</p>
4:28	<p>để thực hiện những điều mà bàn tay Chúa và ý chỉ Chúa đã ấn định từ trước. [Bởi vì] Ngài là Đấng đầy quyền năng, họ [chỉ có thể] làm những gì Ngài cho phép [họ làm] và những gì Ngài hoạch định từ lâu sẽ xảy ra. -HAY- Ngài đầy uy quyền, [nên] họ [chỉ có thể] làm những gì Ngài cho phép [họ làm] và những gì Ngài hoạch định sẽ xảy ra.</p>
4:29a	<p>Và bây giờ, lạy Chúa, xin Chúa đoái xem các sự đe dọa của họ Nên bây giờ, Chúa, [xin Chúa] nghĩ về việc họ nói họ sẽ trừng phạt chúng tôi như thế nào</p>
4:29b	<p>và ban cho các đầy tớ Ngài lòng đầy dũng cảm để rao giảng lời Chúa. và [xin Chúa] giúp đỡ chúng con là những đầy tớ hầu việc Ngài công bố sứ điệp của Ngài [về Chúa Giê-su] một cách rất là mạnh dạn. -HAY- và, [bởi vì] chúng con hầu việc Ngài, [xin Chúa] thêm sức cho chúng tôi để chúng con được mạnh dạn rao giảng sứ điệp của Ngài [về Chúa Giê-su].</p>
4:30a	<p>Xin Chúa ra tay chữa bệnh và làm các dấu lạ, phép mầu [Xin Chúa hãy làm điều đó] trong khi Chúa chữa bệnh cho dân chúng một cách lạ lùng và [cũng] xin bày tỏ nhiều dấu kỳ phép lạ khác nữa.</p>
4:30b	<p>nhân danh Đầy Tớ Thánh Ngài là Đức Giê-su”. [Xin Chúa làm điều này] bởi Chúa Giê-su, Đáng luôn hầu việc Ngài[, và đang thêm sức cho chúng tôi để thực hiện nhiều phép lạ đó].” -HAY- [Xin Chúa làm điều này] bởi vì Chúa Giê-su, Đáng luôn luôn hầu việc Ngài[, sẽ thêm sức cho chúng con để thực hiện những phép lạ này].”</p>

lạ chỉ về các phép lạ để bày tỏ rằng Đức Chúa Trời đang hành động.

4:30b

nhân danh Đầy Tớ Thánh Ngài là Đức Giê-su: Bạn nên viết phần này thành một câu khác, dùng từ ngữ như “xin làm điều đó” để giới thiệu. Như được đề cập trước đây, *nhân danh* ở đây là một lối đề cập đến chính Chúa Giê-su. Bày tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng Chúa Giê-su thực hiện các phép lạ như

trong 4:30a. Kinh Thánh còn cho biết Đức Chúa Trời ban cho những tín hữu, đặc biệt các sứ đồ, thực hiện những phép lạ. Nếu trong ngôn ngữ bạn gặp khó khăn trong việc tìm một chữ đồng nghĩa với *nhân danh*,” bạn có thể giới thiệu bằng một mệnh đề với chữ “bởi vì” như trong CĐN thứ hai của PKTCCN.

Đầy Tớ Thánh Ngài là Đức Giê-su:
 Xem Lời Giải Nghĩa trong 4:27b.

Tiểu đoạn phụ 4:31 Đức Chúa Trời làm cho rúng động nơi các sứ đồ đang ở, và Đức Thánh Linh ban quyền năng cho họ rao giảng lời Chúa một cách mạnh dạn

Câu này cho thấy khi các tín hữu cầu xin Ngài ban năng lực cho họ để họ nói về Chúa Giê-su, Đức Chúa Trời trả lời như thế nào.

4:31a

Họ đang cầu nguyện thì phòng họp rúng động: Đức Chúa Trời làm cho đất rúng động. Từ ngữ mà bạn dùng cho rúng động không nên hàm ý rằng một sự chuyển động mạnh làm đưa qua đưa lại căn nhà. Thay vì, căn nhà bị rung nhẹ chỉ vừa đủ để các tín hữu biết rằng Chúa trả lời yêu cầu của họ. Cho đại danh từ họ ở đây, xem Lời Giải Nghĩa trong 4:23a cho nhóm từ “anh em mình.”

4:31b

Tất cả đều được đầy dẫy Thánh Linh: Đức Chúa Trời đáp ứng lời cầu nguyện của họ, bằng cách Đức Thánh Linh ban quyền phép cho tất cả tín hữu có mặt tại nơi này. Xem

Lời Giải Nghĩa trong 2:4 cho “đầy dẫy Thánh Linh.”

rao giảng lời Đức Chúa Trời cách dũng cảm: Đức Thánh Linh điều khiển hay ban năng lực cho các tín hữu. Kết quả là họ rao giảng lời Đức Chúa Trời cách dũng cảm. Mệnh đề này có thể giới thiệu bằng cách bắt đầu bằng một từ như “vì thế” để nói lên kết quả của sự cầu nguyện. Thì của động từ Hy-lạp *rao giảng* cho thấy họ bắt đầu và tiếp tục rao giảng một cách dũng cảm. Ngay cả đến việc bị hãm dọa để trừng phạt của các nhà lãnh đạo Do Thái, nhưng các sứ đồ không hề sợ hãi, và vẫn tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho mọi người. Xem Lời Giải Nghĩa trong 4:29b cho “lòng đầy dũng cảm để rao giảng lời Chúa.”

Phân đoạn phụ 4:32-5:11 Các tín hữu chia sót của cải cho nhau, nhưng A-na-nia và Sa-phi-ra bị chết vì phạm tội

Phân đoạn phụ này gồm có ba tiểu đoạn như sau: 4:32-35, 4:36-37 và 5:1-11. Trong 4:32-35. Bác Sĩ Lu-ca tóm lược về đời sống của các tín hữu: họ hiệp nhất trong ý chí và hành động, chia sót của cải cho nhau, tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho mọi người, và Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ họ. Trong 4:36-37, Ba-na-ba bán một đám ruộng và đem tất cả tiền đến giao cho các sứ đồ để chia cho những tín hữu có nhu cầu. Trong 5:1-11, giống như một số tín hữu khác làm, A-na-nia và Sa-phi-ra bán một miếng ruộng. Tuy nhiên, họ giữ lại một phần tiền cho riêng mình. Sau đó A-na-nia đem số tiền còn lại giao cho các sứ đồ, làm như đó là tất cả số tiền ông bán được. Nhưng, Đức Chúa Trời cho Phê-rô biết A-na-nia không thành thật về số tiền này. Khi Phê-rô bảo A-na-nia rằng ông dối với Đức Thánh Linh, ngay tức khắc A-na-nia té xuống đất và chết. Sau đó, Sa-phi-ra cũng chết giống như vậy. Tất cả các tín hữu và dân chúng tại Giê-ru-sa-lem đều khiếp sợ về việc xảy ra cho hai người.

Tiểu đoạn 4:32-35 Các tín hữu chia sót cho nhau những gì họ có và các sứ đồ nói với những người khác về Chúa Giê-su

Trong tiểu đoạn ngắn gồm chỉ có một phân đoạn này, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại rằng các tín hữu đồng tâm nhất trí, họ chia sót những gì mình có cho nhau, các sứ đồ nói với nhiều người khác một cách mạnh mẽ rằng Chúa Giê-su sống lại, và các tín hữu được Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ.

Tiểu đoạn phụ 4:31 Đức Chúa Trời làm rung động nơi này, và Đức Thánh Linh giúp đỡ họ rao giảng lời của Ngài một cách mạnh dạn

- 4:31a Họ đang cầu nguyện thì phòng họp rung động.**
 Khi họ cầu nguyện xong, nơi họ đang họp bị rung động.
-HAY-
 Khi [một người trong nhóm] của họ [là người đang nói] cầu nguyện xong, [Đức Chúa Trời] làm cho nơi họ đang họp bị rung động.
- 4:31b Tất cả đều được đầy dẫy Thánh Linh, rao giảng lời Đức Chúa Trời cách dũng cảm.**
 Và, Đức Thánh Linh ban quyền phép trên tất cả mọi người, nhờ vậy họ bắt đầu nói một cách bạo dạn về những gì Đức Chúa Trời [bảo họ nói].

Phân đoạn phụ 4:32-5:11 Các tín hữu chia sẻ mọi vật cho nhau, nhưng Ana-nia và Sa-phi-ra chết vì phạm tội

Tiểu đoạn 4:32-35 Các tín hữu chia sẻ mọi vật cho nhau and các sứ đồ nói với những người khác về Chúa Giê-su

- 4:32a Bảy giờ cả cộng đồng tín hữu đều đồng tâm nhất trí,**
 Một số đông dân chúng là những người tin [Chúa Giê-su] hoàn toàn đồng ý với nhau về những gì họ suy nghĩ và về những gì họ mong muốn.
-HAY-
 Tất cả những người tin [vào Chúa Giê-su] hiệp ý với nhau về những điều họ suy nghĩ và những gì họ mong muốn.
- 4:32b không ai coi tài sản mình là của riêng, nhưng kể mọi vật là của chung.**
 Không có một người nào nhận rằng [riêng mình] có hay làm chủ bất cứ vật gì, thay vì họ chia sẻ mọi vật mình có cho nhau.

4:32a

Bảy giờ cả cộng đồng tín hữu: Theo tiếng Hy-lạp, các từ *cộng đồng tín hữu* dịch theo từng chữ có nghĩa là “một nhóm đồng người tin.” Từ *cộng đồng* nói đến một nhóm hay nhiều người tin vào Chúa Giê-su lúc bảy giờ. Có thể đồng nghĩa với chữ “hội thánh” in 5:11. Trong lúc này có lẽ tất cả tín hữu đều thuộc về một nhóm tại Giê-ru-sa-lem.

đều đồng tâm nhất trí: Họ suy nghĩ và mong ước về những việc giống nhau. Các từ *đồng nhất tâm trí* đây là một lối diễn tả phân trọng yếu bên trong của một con người.

Trong ngôn ngữ của bạn có thể có nhóm từ liên hệ đến chữ “lòng” và có thể diễn tả được ý nghĩa như *đồng tâm nhất trí*.

4:32b

không ai coi tài sản mình là của riêng, nhưng kể mọi vật là của chung: Các từ *không ai* cho biết rằng chẳng có một tín hữu nào, ngay cả một người cũng không. Thì của các động từ Hy-lạp *coi* và *kể*, bày tỏ rằng tất cả mọi người tiếp tục chia sẻ với nhau tất cả những gì họ có. Trong tiếng Hy-lạp, mệnh đề thứ hai trong câu này “nhưng kể mọi vật

là của chung,” có nghĩa là không có một tín hữu nào nghĩ rằng những gì mình hiện đang có là của riêng mình, nhưng có thể chia sẻ cho người khác nếu cần. Xem Lời Giải Nghĩa ở 2:44b cho “lấy mọi vật sở hữu làm của chung.” Theo ngữ cảnh cho biết các tín hữu vẫn còn làm chủ một số tài sản (4:37) và tiền bán tài sản vẫn thuộc về họ (5:4).

4:33a

Các sứ đồ cậy quyền năng lớn lao cứ làm chúng về sự sống lại của Chúa Giê-su: Các từ *quyền năng lớn lao* cho thấy cách thức các sứ đồ làm chứng. Tức là họ làm chứng một cách mạnh mẽ. Những gì họ nói ảnh hưởng rất mạnh trên người nghe, vì Đức Thánh Linh ban đầy quyền năng trên các sứ đồ. Trong 4:31 Đức Thánh Linh đẩy dấy trên mọi người, cho nên họ “rao giảng lời Đức Chúa Trời cách dũng cảm.”

4:33b

và tất cả đều được ân sủng dồi dào: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những từ này có ý là Đức Chúa Trời cung cấp nhu cầu cho tín hữu một cách dồi dào cho họ sống và tiếp tục hầu việc Ngài.

4:34a

Trong các tín hữu, không còn ai nghèo thiếu: Trong tiếng Hy-lạp, có một giới từ ở đây và bạn có thể dịch “bởi vì.” Để bày tỏ lý do dân chúng biết được Đức Chúa Trời đang giúp đỡ các tín hữu. Một vài bản dịch cổ ý bỏ giới từ này.

4:34b

vì: Vì nhắc lại trong 4:34a và bày tỏ rằng đây là lý do không có một tín hữu nào thiếu

bất cứ điều gì khi họ cần đến. Nhưng những chi tiết này chỉ được hiểu ngầm. CĐN của PKTCCN rút ngắn và làm cho rõ những chi tiết được hiểu ngầm.

những người có ruộng, có nhà đều bán đi:

Những từ này giải thích rõ rằng các tín hữu vẫn còn làm chủ tài sản của họ, nhưng chẳng có một ai nghĩ điều đó là của riêng mình. Các từ *có ruộng, có nhà đều bán đi* không có nghĩa là họ bán tất cả những gì họ có. Vì thế, trong bản dịch của bạn, tốt hơn bạn nên ghi họ bán đi “một số tài sản của mình.”

Các thì của động từ Hy-lạp trong 4:34 và 35 bày tỏ rằng các tín hữu vẫn tiếp tục làm công việc này. Một cách để bày tỏ điều này, bạn có thể dùng những từ như “thỉnh thoảng...”

4:34c

đem tiền bán tài sản: Khi nhận được tiền bán một số tài sản của họ, họ đem đến cho các sứ đồ, là những người có trách nhiệm trong việc phân phối.

4:35a

đặt nơi chân các sứ đồ: Đây là một thành ngữ bày tỏ rằng họ giao tiền cho các sứ đồ và đồng ý để các sứ đồ tự quyết định phân phát cho những người có nhu cầu. Bạn nên dịch thật rõ rằng các tín hữu giao công việc phân phát tiền bạc cho các sứ đồ, chứ không phải đưa tiền cho các sứ đồ giữ lấy.

4:35b

Tiền ấy được phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu cá nhân: Các sứ đồ là những người *phân phát* tiền cho tín hữu thực sự có nhu cầu và đúng thời điểm.

Tiểu đoạn 4:36-37 Giô-sép Ba-na-ba bán một miếng ruộng và đem tiền giao cho các sứ đồ

Trong tiểu đoạn ngắn này, Bác Sĩ Lu-ca kể lại về Ba-na-ba như là một ví dụ rõ ràng việc các tín hữu rời rộng chia sẻ cho nhau những gì họ có.

4:36a

Giô-sép, người được các sứ đồ gọi là Ba-na-ba nghĩa là ‘Con Trai Niềm An Ủi’: Có

lẽ bạn cần giới thiệu *Giô-sép* trước khi nói đến những việc xảy ra liên hệ đến ông, như trình bày trong CĐN của PKTCCN. Trường

- 4:33a** Các sứ đồ cậy quyền năng lớn lao cứ làm chứng về sự sống lại của Chúa Giê-su
[Bởi vì Đức Thánh Linh điều khiển họ,] các sứ đồ tiếp tục nói cho những người khác một cách mạnh dạn [rằng Đức Chúa Trời] khiến Chúa Giê-su sống lại.
-HAY-
[Đức Thánh Linh đẩy dẩy trên họ, nên] các sứ đồ tiếp tục nói cho những người khác, một cách mạnh bạo, [rằng Đức Chúa Trời] làm cho Chúa Giê-su sống lại.
- 4:33b** và tất cả đều được ân sủng dồi dào.
[Dân chúng biết rằng Đức Chúa Trời] giúp đỡ tất cả những người tin Chúa một cách nhân từ,
- 4:34a** Trong các tín hữu, không còn ai nghèo thiếu,
bởi vì không một người nào trong họ thiếu thốn một điều gì.
- 4:34b** vì những người có ruộng, có nhà đều bán đi,
[Đó là sự thật] bởi vì trong vòng những người đó, có người có tài sản như nhà cửa, ruộng vườn, thỉnh thoảng đem bán đi [một ít] tài sản của mình.
- 4:34c** đem tiền bán tài sản
[Rồi] họ đem số tiền bán được,
- 4:35a** đặt nơi chân các sứ đồ.
dâng cho các sứ đồ [là những người có trách nhiệm].
- 4:35b** Tiền ấy được phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu cá nhân.
Và rồi [các sứ đồ] phát tiền cho bất cứ [tín hữu nào] tùy theo nhu cầu của từng người [trong thời điểm đó].

Tiểu đoạn 4:36-37 Giô-sép Ba-na-ba bán một miếng ruộng của mình và đem tiền giao cho các sứ đồ

- 4:36a** Giô-sép, người được các sứ đồ gọi là Ba-na-ba nghĩa là ‘Con Trai Niềm An Ủi,
[Có một người tên là] Giô-sép, người được các sứ đồ gọi là Ba-na-na, [vì trong ngôn ngữ của người Do Thái] tên này có nghĩa là một người luôn giúp đỡ, khích lệ người khác [làm những việc công bằng].
-HAY-
[Ví dụ như, có] một Giô-sép, còn được gọi là Ba-na-ba, một tên có nghĩa là “người an ủi.”

họp Giô-sép là một ví dụ điển hình về những tấm lòng rộng rãi của các tín hữu thời bấy giờ.

Ba-na-ba: Các sứ đồ gọi Giô-sép là *Ba-na-ba*, vì tên này trong ngôn ngữ của người

Do Thái chỉ về một người luôn luôn giúp đỡ và khích lệ người khác.

‘Con Trai Niềm An Ủi’: Con trai ở đây không có nghĩa Giô-sép là con của một người có tên là *Niềm An ủi*, nhưng đây là việc ông luôn luôn làm. Có nghĩa là ông

luôn cố gắng giúp đỡ và khích lệ người khác. Trong ngôn ngữ của bạn, một động từ giống như “an ủi” có thể sẽ đòi hỏi một mục tiêu. Ví dụ, “Ông luôn khuyến khích người khác làm theo lẽ phải.”

4:36b

thuộc dòng họ Lê-vi: Nhóm từ này có nghĩa ông là con cháu thuộc dòng Lê-vi, một trong mười hai người con của Gia-cốp. Ngay từ ban đầu, người Lê-vi không được làm chủ điền sản, nhưng có thể trong thời các sứ đồ luật này không còn áp dụng nữa.

4:37a

bán đám ruộng của mình: Đây không có nghĩa là Ba-na-ba bán hết điền sản của ông. Kinh Thánh chỉ ghi lại rằng ông *bán một*

miếng ruộng thuộc sở hữu của ông. Câu này, cộng thêm vào câu 5:4, làm rõ vấn đề là các tín hữu có những ruộng đất do mình làm chủ. Nhưng họ coi những tài sản đó là nguồn lợi chung của mọi người.

4:37b

và đem số tiền đặt nơi chân các sứ đồ: Ông đem tiền bán ruộng trao cho các sứ đồ. Các sứ đồ sẽ dùng tiền ấy phát cho các tín hữu là những người thiếu thốn về tiền bạc. *Tiền* ở đây ý nói tất cả số tiền bán miếng ruộng. Cho ý của các từ *đặt nơi chân các sứ đồ* xem Lời Giải Nghĩa trong 4:35a. Trong câu chuyện ngắn này cho thấy tấm lòng rộng rãi của Ba-na-ba thực trái ngược với A-na-nia và Sa-phi-ra (5:1-11).

Tiểu đoạn 5:1-11 Người ta rất đỗi khiếp sợ vì Đức Chúa Trời đoán phạt A-na-nia và Sa-phi-ra

Đây là tiểu đoạn thứ ba của phân đoạn phụ 4:32-5:11. Những gì A-na-nia và Sa-phi-ra làm (5:1-11) ngược lại thật rõ ràng với cách thức các tín hữu khác, họ đã rời rộng chia xẻ cho nhau những gì mình có (4:32-37). Người ta có thể chia tiểu đoạn 5:1-11 thành bốn đơn vị như: 5:1-2, 5:3-6, 5:7-10 và 5:11.

5:1-2 A-na-nia giả vờ như giao hết số tiền bán ruộng

5:1

Nhưng có một người tên A-na-nia: Trong tiếng Hy-lạp câu này được bắt đầu bằng chữ *de* theo BDM dịch là “nhưng.” Sau đây là hai cách có thể giải thích liên từ *de* trong câu này:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng liên từ *de* “nhưng,” bày tỏ một sự trái ngược giống như BDM và BDC.
- (2) Một số khác cho rằng liên từ *de* “nhưng” không cần thiết để bày tỏ một sự trái ngược. Ví dụ, BDY không có liên từ này.

Cách giải thích thứ nhất đúng hơn, vì những gì Ba-na-ba đã làm, trái ngược với việc làm của A-na-nia. Vì thế, bạn nên dùng một từ ngữ đồng nghĩa với chữ “nhưng” để bắt đầu câu này.

cùng vợ là Sa-phi-ra bán một tài sản: Trong ngôn ngữ của bạn, nếu khó để nói *cùng vợ là Sa-phi-ra*, bạn có thể nói như thế này “A-na-nia cùng với vợ của ông ta là Sa-phi-ra.” Theo ngữ cảnh, từ *cũng*, được hiểu ngầm ở đây, vì câu chuyện Ba-na-ba “bán một miếng ruộng” (4:36-37) ở ngay trước câu này.

Theo ngữ cảnh trong, 4:32-5:11 bày tỏ rõ ràng A-na-nia và Sa-phi-ra là những người trong nhóm tín hữu tại Giê-ru-sa-lem. Họ không phải là những người ngoại quốc mới tin Chúa. Chữ *tài sản* chỉ về bất cứ vật gì một người làm chủ, nhưng theo ngữ cảnh, ở đây ý nói đến ruộng đất như trong 5:3.

5:2a-b

giữ lại một phần tiền thu được, Thực ra chẳng có gì sai, nếu A-na-nia giữ lại một phần của giá bán. Lỗi lầm của A-na-nia là ông cố ý lừa gạt mọi người rằng ông giao tất

- 4:36b** **thuộc dòng họ Lê-vi**
[Ông ta thuộc] thuộc dòng họ Lê-vi
- 4:36c** **sinh trưởng tại đảo Síp-**
[được sinh trưởng tại/quê ở] đảo Síp.
- 4:37a** **bán đám ruộng của mình**
Ông ta bán một đám ruộng do mình làm chủ,
- 4:37b** **và đem tiền đặt nơi chân các sứ đồ.**
và số tiền [bán được từ miếng ruộng] ông đem đến trao cho các sứ đồ.
-HAY-
và ông đem tiền [bán thửa ruộng] trao cho các sứ đồ [để phân phát cho những tín hữu khác].

**Tiểu đoạn 5:1-11 Người ta rất đỗi khiếp sợ vì Đức Chúa Trời đoán phạt A-na-
nia và Sa-phi-ra**

- 5:1** **Nhưng có một người tên A-na-nia cùng vợ là Sa-phi-ra bán một tài sản,**
Nhưng [một ngày kia] có một người [trong nhóm của họ] tên là A-na-nia, cùng
với vợ Sa-phi-ra bán một miếng ruộng [thuộc sở hữu của hai người].
-HAY-
Nhưng [một ngày kia] có một người trong vòng người tin Chúa] tên là A-na-nia
và vợ là Sa-phi-ra [cũng] bán một miếng đất [thuộc tài sản của họ].
- 5:2a** **giữ lại một phần tiền thu được,**
Ông đã giữ lại một phần tiền [giá bán ruộng].
- 5:2b** **rồi đem số tiền còn lại đặt nơi chân các sứ đồ. (Người vợ cũng biết rõ việc này.)**
Rồi đem số tiền còn lại giao cho các sứ đồ [để phân phát]. [Ông ta không cho các
sứ đồ biết, đó chỉ là một phần của giá bán ruộng.] [Ông muốn họ nghĩ rằng đó là
tất cả số tiền bán ruộng.] Vợ ông cũng biết việc này.

cả số tiền bán ruộng, giống như những người khác đã làm trong lúc đó (4:34).

rồi đem số tiền còn lại đặt nơi chân các sứ đồ: Nhóm từ *đem số tiền còn lại* ý nói rằng A-na-nia đã giữ lại một phần cho riêng mình. Các từ *đặt nơi chân các sứ đồ* xem Lời Giải Nghĩa trong 4:35a. Đây là lần thứ ba Bác Sĩ Lu-ca dùng cách bày tỏ này.

(Người vợ cũng biết rõ việc này.): Nhóm từ này nói rằng vợ ông biết rõ ý định của

chồng, và 5:9 cho biết bà cũng đồng ý với ông. Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ *người vợ cũng biết rõ việc này* được sắp đặt ở giữa câu. Tuy nhiên, trong BDM được đặt ở phía sau câu và nằm trong ngoặc đơn vì nó là phần dữ kiện được thêm vào. Theo BDC và BDY thì nhóm từ này được đặt ở đầu câu. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể đặt những dữ kiện này ở vị trí nào cũng được, miễn là nghe được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

5:3-6 Dân chúng khiếp sợ khi nghe hay thấy A-na-nia bị chết

5:3a

Phê-rơ hỏi: Liên từ trong tiếng Hy-lạp ở đây giống như ở trong 5:1a chỉ có ý rằng đây là phần kế của câu chuyện. Trong BDM và BDC không dịch phần này. Bạn có thể dùng từ “vì thế” ở đây để cho thấy phản ứng của Phê-rơ về việc làm của A-na-nia. “Nhưng,” trong BDY, bày tỏ một sự tương phản nào đó. Ví dụ, thay vì cảm ơn A-na-nia cho món quà, như người ta có thể mong đợi, Phê-rơ tố cáo A-na-nia về việc cố tình dối Đức Thánh Linh. Theo ngữ cảnh hàm ý rằng Đức Thánh Linh cho Phê-rơ biết chủ mưu của A-na-nia.

“Ông A-na-nia, sao Sa-tan đã dấy dậy lòng ông đến nỗi ông nói dối với Đức Thánh Linh: Các từ *Sa-tan đã dấy dậy lòng ông* nghĩa là Sa-tan đã điều khiển ý nghĩ của A-na-nia và thúc giục ông cố gắng đánh lừa Đức Thánh Linh. Dĩ nhiên, A-na-nia cũng cố gắng lừa dối các sứ đồ và các tín hữu khác. Nhưng điều tệ hại hơn hết, là ông đã cố ý muốn đánh lừa Đức Thánh Linh, là Đấng đang ngự trong mỗi tín đồ. Ông là một người ích kỷ nhưng lại đóng vai của một người tử tế tốt bụng.

sao: Loại câu hỏi này không đòi hỏi câu trả lời. Trong một số ngôn ngữ, người ta chỉ dùng câu hỏi loại này khi hỏi về cách thức làm một việc gì của một người. Vì thế, bạn nên đổi câu hỏi thành một câu nói thường. Trong tiếng Hy-lạp có từ tương đương với “tại sao,” thay vì “thế nào.” Trong một vài ngôn ngữ, người ta dùng câu hỏi để quở trách một người nào, như Phê-rơ làm đối với A-na-nia. CDN của PKTCCN có hai câu nói thường.

Sa-tan: *Sa-tan* là tên của quỷ, là kẻ lãnh đạo của tất cả ma quỷ. Không có gì để cho thấy rằng Phê-rơ dùng từ “Sa-tan” với ý nghĩa bóng. Vì thế trong bản dịch của bạn, bạn nên dùng tên của ma quỷ ở đây. Bạn cũng nên cho thấy rằng nó là kẻ lãnh đạo của các thần dữ.

5:3b

mà giữ lại một phần tiền bán đất như thế?:

A-na-nia hàm ý rằng ông đã giao tất cả số tiền bán ruộng, nhưng thực ra ông chỉ giao có một phần. Nếu A-na-nia muốn giữ tất cả hay một phần số tiền bán ruộng cho mình, Đức Chúa Trời sẽ không phạt ông, miễn là ông có sự thành thật trong vấn đề. Bạn nên giải thích rõ, trong bản dịch cũng như trong chú thích ở cuối trang, về lỗi lầm của A-na-nia là gì.

5:4a

Trước khi bán, tài sản ấy không thuộc quyền sở hữu của ông sao?:

Phê-rơ không mong đợi câu trả lời của A-na-nia. Vì thế, bạn có thể đổi thành câu nói, như trong CDN của PKTCCN. Nếu bạn vẫn giữ ở thể câu hỏi, thì “vâng” sẽ là câu trả lời chính xác cho câu hỏi của Phê-rơ. Theo lời của Phê-rơ trong câu này cho thấy nhiều tín hữu vẫn còn làm chủ tài sản của họ, cho dù họ coi việc làm chủ tài sản đó cũng là một điều lợi cho mọi tín hữu của cả nhóm.

5:4b

Sau khi bán rồi, tiền đó vẫn thuộc quyền sử dụng của ông kia mà?:

Kia mà hàm ý rằng số tiền bán ruộng là của riêng A-na-nia, ông có toàn quyền sử dụng theo ý của riêng mình. Dĩ nhiên, câu hỏi này không cần câu trả lời. Nhưng nếu A-na-nia trả lời, thì câu trả lời phải là “Vâng, đúng như vậy.”

vẫn thuộc quyền sử dụng của ông: Có nghĩa là A-na-nia có thể dùng số tiền ấy theo ý riêng của mình.

5:4c

Tại sao ông chủ tâm hành động như thế?:

Trong tiếng Hy-lạp, rõ ràng đây là một câu hỏi: “Tại sao hành động đó được đặt để trong lòng anh?” Trong một vài ngôn ngữ, dùng một câu hỏi bày tỏ rằng Phê-rơ đã trách A-na-nia một cách nặng nề. Trong một vài ngôn ngữ khác, việc trách móc người khác một cách nặng nề được coi là tự nhiên, như trong câu CDN số hai của PKTCCN. Cho dù bằng cách nào đi nữa, bạn cần giải

5:3a	Phê-rơ hỏi: “Ông A-na-nia, sao Sa-tan đã đầy dẫy lòng ông đến nỗi ông nói dối với Đức Thánh Linh
	Nhưng Phê-rơ nói: “Hỡi A-na-nia, [thật khủng khiếp thay] người đã để Sa-tan hoàn toàn làm chủ [đến nỗi] người [đã cố gắng] lừa dối Đức Thánh Linh.
	-HAY-
	[Đức Thánh Linh báo cho Phê-rơ việc A-na-nia đã làm.] Nên Phê-rơ đã nói [với ông ta]: “Hỡi A-na-nia, người không nên để cho Sa-tan [cầm quyền của ma quỷ] hướng dẫn người [đến nỗi] người [đã cố gắng] lừa dối Đức Thánh Linh và cả chúng tôi].
5:3b	mà giữ lại một phần tiền bán đất như thế?
	Người giữ lại một phần tiền giá bán ruộng [và làm bộ như đã dâng hết số tiền bán được].
5:4a	Trước khi bán, tài sản ấy không thuộc quyền sở hữu của ông sao?
	Trước khi bán, ông đã thật sự làm chủ [ruộng đó].
	-HAY-
	Trước khi người bán, [ruộng đó] nó thuộc về của ông.
5:4b	Sau khi bán rồi, tiền đó vẫn thuộc quyền sử dụng của ông kia mà?
	Sau khi bán rồi, ông có thể dùng tiền [bán ruộng] theo ý của ông [cho bất cứ việc gì].
5:4c	Tại sao ông chủ tâm hành động như thế?
	Tại sao người đã [chủ tâm] làm việc [tội lỗi] như thế?
	-HAY-
	Thật là khủng khiếp, người đã quyết định làm việc [xấu xa tội lỗi] này!
5:4d	Không phải ông dối người đâu mà dối Đức Chúa Trời đó!”
	Không phải ông [chỉ cố gắng] dối loài người, nhưng [ông đã cố gắng lừa dối chính] Đức Chúa Trời.”
	-HAY-
	Ông chẳng những [chỉ lừa dối] chúng tôi, nhưng ông [cũng đã cố gắng lừa dối Chúa là Đức Chúa Trời].

thích rõ Phê-rơ đã tố cáo A-na-nia một cách nặng nề về tấm lòng đầy dối trá của ông.

5:4d

Không phải ông dối người đâu mà dối Đức Chúa Trời đó!: A-na-nia đã cố gắng lừa dối con người, bằng cách giả vờ làm như ông đã giao tất cả số tiền ông đã nhận trong việc bán ruộng. Vì thế, bạn nên làm sáng tỏ vấn đề bằng cách thêm từ “chỉ,” như trong CDN

của PKTCCN. Sở dĩ, Phê-rơ nói theo lối này là để nhấn mạnh một trọng tội mà A-na-nia đã phạm. Đó là ông đã cố lừa dối chính Đức Chúa Trời. Bạn cần làm sáng tỏ rằng A-na-nia cố ý lừa dối cả Đức Chúa Trời lẫn con người, nhưng lừa dối Đức Chúa Trời là một trọng tội. Đức Chúa Trời đã cho thấy điều đó qua hình phạt A-na-nia nhận lãnh.

5:5a

Nghe các lời đó, A-na-nia ngã xuống, tắt thở: A-na-nia ngã xuống chết ngay sau khi Phê-rô trách. Trong bản dịch của bạn, bạn cần làm sáng tỏ rằng A-na-nia chết không phải vì ngã xuống, nhưng A-na-nia ngã xuống vì đã chết. Có lẽ bạn cần thêm từ “ngay lập tức” để bày tỏ rằng không có khoảng trống thời gian giữa lời nói của Phê-rô và cái chết của A-na-nia. Ngữ cảnh ở đây cho thấy rõ Đức Chúa Trời là Đấng đã giết chết A-na-nia, nên bạn không cần giải thích thêm về vấn đề này trong bản dịch của bạn. Tiêu đề cho đoạn Kinh Thánh này có thể là: “Đức Chúa Trời giết chết A-na-nia và Sa-phi-ra vì đã cố lừa dối Ngài.”

5:5b

Tất cả những ai nghe tin đều khiếp sợ: *Tất cả những ai nghe đề cập đến những người nào? Có ba cách trả lời dưới đây:*

- (1) Cả những người chứng kiến lẫn người nghe A-na-nia bị chết.
- (2) Chỉ những người có mặt tại chỗ khi sự việc xảy ra.
- (3) Những người không thấy tận mắt, nhưng chỉ nghe kể lại.

Số một đúng nhất, vì câu chuyện đã xảy ra nhưng chưa chấm dứt ngay lúc này. Đây có thể chỉ nói đến phản ứng của những người về cái chết của A-na-nia. Có nghĩa là tất cả những người nghe những lời Phê-rô nói và thấy tận mắt cái chết của A-na-nia và họ khiếp sợ, và cả những người được nghe nói lại trước khi Sa-phi-ra đến nơi. Trong 5:11, Bác Sĩ Lu-ca đã ghi lại người ta có phản ứng như thế nào sau cái chết của cả hai người A-na-nia và Sa-phi-ra.

khiếp sợ: Từ *khiếp sợ* ý nói dân chúng thật “vô cùng sợ hãi.”

5:6a

Nhưng các thanh niên đứng dậy liệm xác A-na-nia: Theo nguyên ngữ, tiếng Hy-lạp dùng một từ ngữ để diễn tả sự việc xảy ra

tiếp theo sau. Đó là ngay sau khi A-na-nia chết có vài ba thanh niên có mặt ở đó liền bước đến đem xác A-na-nia đi chôn. BDM và BDC có từ “nhưng” ở đầu câu số sáu. Dùng từ “thế rồi” hay “sau đó” sẽ được chính xác hơn theo ngữ cảnh. BDY không dịch từ này, có lẽ được hiểu ngầm.

các thanh niên: Không có nghĩa là có một số tín hữu được phân phối để thi hành công việc này. Nhưng chỉ là những người trai trẻ tuổi độ 20 đến 24 chưa lập gia đình, và họ đang có mặt tại chỗ.

đứng dậy liệm xác A-na-nia: Đây có lẽ những người trai trẻ dùng vải quấn xác A-na-nia trong một hình thức để chôn cất. Thông thường, đây là công việc cần sức lực, nên hợp cho thanh niên hơn là những người lớn tuổi.

5:6b

và khiêng đi: Theo tiếng Hy-lạp, *khiêng đi* là một động từ rất thông dụng, có nghĩa là đem một vật gì đó ra khỏi phòng hay một nơi nào đó. Bản văn không ghi rõ cách thức đem xác đi như thế nào. Tuy nhiên, “các thanh niên” cho thấy có ít nhất hai người, hay nhiều hơn, khiêng xác A-na-nia đi chôn. Trong bản dịch của bạn, bạn nên dùng từ ngữ có thể bày tỏ được công việc khiêng người chết đi chôn.

chôn: Theo phong tục của người Do Thái, người chết được chôn cất trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Xác chết được chôn phía ngoài thành trong một hang đá đã đục sẵn hay trong mộ dưới đất. Kinh Thánh không ghi rõ xác A-na-nia được chôn bằng hình thức nào. Trong bản dịch của bạn, nên nói về thể thức chôn cất của người Do Thái. Không nên dùng cách như: đốt xác, đặt trên một giàn gỗ hay treo trên một cây cao khỏi mặt đất.

Kinh Thánh không cho biết tại sao không có người thông báo cho Sa-phi-ra. Có lẽ những người biết chuyện A-na-nia chết đoán rằng đã có người báo tin cho Sa-phi-ra.

5:5a	Nghe các lời đó, A-na-nia ngã xuống, tắt thở. Khi A-na-nia nghe lời đó, [ngay tức khắc] A-na-nia té xuống đất mà chết. -HAY- Khi A-na-nia nghe những lời đó, [ngay lập tức] ông té xuống mà chết.
5:5b	Tất cả những ai nghe tin đều khiếp sợ. Vì thế [những người có mặt tại nơi đó và những người] nghe [kể lại chuyện A-na-nia bị chết] đều khiếp sợ.
5:6a	Nhưng các thanh niên đứng dậy liệm xác A-na-nia Và những thanh niên đến liệm xác A-na-nia [bằng một miếng vải], -HAY- [Sau khi A-na-nia chết,] các thanh niên đến quấn xác người [bằng một miếng vải],
5:6b	và khiêng đi chôn. và họ đem [xác người] đi [và] chôn cất. -HAY- đem xác người ra [ngoài thành phố và] đặt vào một cái hang.
5:7a	Độ ba giờ sau, vợ A-na-nia bước vào, Độ ba giờ sau khi [A-na-nia chết] vợ A-na-nia đến [căn nhà đó], -HAY- Độ ba giờ sau [A-na-nia chết] vợ ông [Sa-phi-ra] đến [căn nhà nơi có các việc vừa xảy ra],
5:7b	nhưng vẫn chưa biết việc mới xảy ra. [nhưng] bà không biết việc vừa xảy ra [cho chồng của bà]. -HAY- [nhưng] bà [chưa] biết A-na-nia đã chết.

5:7-10 Sa-phi-ra cũng bị chết vì nói dối, và người ta chôn xác bà bên cạnh xác chồng

5:7a

Độ ba giờ sau, vợ A-na-nia bước vào: Đây là phần thứ hai của câu chuyện 3 tiếng đồng hồ, sau khi A-na-nia chết. Các từ *vợ A-na-nia bước vào* ở đây Kinh Thánh không ghi rõ lúc này Phê-rô và các tín hữu khác đang ở đâu. Vì thế bạn có thể nói “căn nhà đó” vì trong 5:9 có từ “cửa.”

5:7b

nhưng vẫn chưa biết việc mới xảy ra: Những người chứng kiến cảnh A-na-nia bị chết, chắc đã đồn tin này cho nhiều người, nhưng lạ thay, vợ ông vẫn chưa hay biết gì cả. Có lẽ người ta đoán rằng vì bà là vợ nên chắc đã có người đem tin dữ ấy đến cho bà ngay. Bạn nên liên hệ các từ *nhưng không biết việc gì xảy ra* đặc biệt nói đến cái chết của A-na-nia như trong CĐN của PKTCCN.

5:8a

Phê-rơ hỏi bà: “Bà bán đất được bao nhiêu đó, phải không? Xin bà cho biết!”: Phê-rơ hỏi bà một câu hỏi và mong đợi câu trả lời. Có lẽ Phê-rơ cũng đã cho bà thấy số tiền A-na-ria đã giao cho ông, và muốn bà xác nhận có phải đó là giá bán ruộng. Có lẽ bạn cần giải thích rõ ràng dữ kiện này giống như trong CDN của PKTCCN.

Trong bản dịch của bạn, bạn nên giải thích rõ ràng vợ chồng A-na-ria đã cùng đồng ý trong việc bán ruộng và A-na-ria chỉ đem một phần của giá bán giao cho các sứ đồ, nhưng làm như mình đã giao cho các sứ đồ tất cả giá bán ruộng.

5:8b

Bà đáp: “Vâng, chỉ được chừng ấy thôi!”: Lời nói của bà bày tỏ rằng bà nhìn đến số tiền mà Phê-rơ cho bà xem thấy. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn không cần ghi rõ chi tiết này, nếu bạn giải thích rõ trong 5:8a rằng Phê-rơ đã cho bà thấy số tiền. Sự đối gạt của A-na-ria bằng hành động nhưng bà Sa-phi-ra đối bằng lời nói: “Vâng, chỉ được chừng ấy thôi!” Bà xác nhận Phê-rơ đã cho bà xem là tất cả số tiền giá bán ruộng.

5:9a

Phê-rơ nói: “Tại sao ông bà đồng mưu thủ Đức Thánh Linh của Chúa”: Trong tiếng Hy-lạp có một giới từ ở đây và có thể dịch là “vì thế.” Nó bày tỏ Phê-rơ có phản ứng về câu trả lời của Sa-phi-ra. Phê-rơ không muốn biết tại sao hai người cùng đồng ý *thủ Đức Thánh Linh của Chúa*. Nhưng câu hỏi của Phê-rơ là cách để buộc tội bà đã thuận với chồng phỏng đoán rằng Đức Thánh Linh cho phép họ phạm tội.

thủ Đức Thánh Linh của Chúa: Nhóm từ *thủ Đức Thánh Linh của Chúa* có thể có nghĩa rằng A-na-ria và Sa-phi-ra muốn xem nếu Chúa phát giác ra sự đối gạt này Chúa có phạt hay không phạt hai người.

Chúa: Chúa là Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, đây chỉ là một cách khác nói về Đức Thánh Linh, Ngài cho Phê-rơ biết về sự đối gạt của A-na-ria.

5:9b

Kìa chân của những kẻ chôn chồng bà đã về tới cửa: Những từ ngữ này bày tỏ rằng các thanh niên vừa đi đến và sắp vào cửa, nơi Phê-rơ, Sa-phi-ra và các tín hữu đang có mặt. Có lẽ tất cả mọi người hiện diện ở trong căn nhà đều nghe tiếng bước chân của những người thanh niên đang đi đến.

Kìa: Bạn có thể dịch như “Hãy nghe đó.” Như thế sẽ thích hợp hơn, vì Phê-rơ và Sa-phi-ra cả hai đều nghe tiếng chân của các thanh niên đi chôn chồng bà vừa về đến.

5:9c

họ sẽ khiêng bà đi luôn!: Bằng câu nói này, Phê-rơ rõ ràng hàm ý rằng bà sẽ chết giống như chồng bà, và những thanh niên vừa mới đi chôn chồng bà về cũng sẽ đem bà đi ra ngoài thành Giê-ru-sa-lem đặng chôn. Từ ngữ *cũng* không có trong nguyên bản, nhưng được hiểu ngầm. BDY đã thêm từ này vào.

sẽ khiêng bà: Trong ngôn ngữ của bạn, bạn không nên gọi thân thể của một người chết bằng chữ *ông, bà*, thay vì, nên dùng một từ đồng nghĩa với “xác chết.” Dùng thế nào cho tự nhiên và đúng theo ngôn ngữ của bạn.

5:10a

Lập tức: *Lập tức* có nghĩa là không trì hoãn, ngay sau khi Phê-rơ chấm dứt câu nói trong câu 5:9, thì bà Sa-phi-ra chết. Ở đây, cũng như trong 5:5a, bà té xuống vì chết, thay vì chết vì bị té.

bà ngã xuống nơi chân Phê-rơ, tắt thở: Các từ *nơi chân* có nghĩa là khi Sa-phi-ra chết, xác bà rơi xuống sàn nhà ngay trước chân Phê-rơ. Trong một vài ngôn ngữ, “ngã xuống chân Phê-rơ” có thể có nghĩa là bà nài xin sự thương xót của Phê-rơ. Tuy nhiên, ở đây chỉ muốn xác nhận vị trí thân xác bà rơi xuống khi đã chết.

5:10b

Các thanh niên bước vào, thấy bà đã chết: *Các thanh niên* là những thanh niên đã nhắc đến trong 5:6a. Khi họ bước vào nhà thì thấy Sa-phi-ra chết rồi.

5:8a **Phê-rơ hỏi bà: “Bà bán đất được bao nhiêu đó, phải không? Xin bà cho biết!”**

[Vừa khi Phê-rơ cho Sa-phi-ra coi số tiền mà A-na-nia đã đem đến.] Phê-rơ hỏi bà: “Hãy cho tôi biết! [Có phải] số tiền [đây là số tiền mà hai người đã nhận được] khi bán ruộng không?”

-HAY-

Và Phê-rơ [cho bà coi số tiền mà A-na-nia đã đem đến và] hỏi bà ta: “Hãy cho ta biết! Đây có phải là [tất cả] số tiền của miếng ruộng mà bà [và chồng bà] đã bán được?”

5:8b **Bà đáp: “Vâng, chỉ được chừng ấy thôi!”**

Bà ta trả lời [Phê-rơ]: “Vâng, [đó là] số [tiền chúng tôi đã nhận được].”

-HAY-

Bà trả lời [Phê-rơ]: “Vâng, đúng như vậy.”

5:9a **Phê-rơ nói: “Tại sao ông bà đồng mưu thử Đức Thánh Linh của Chúa?”**

Vì thế, Phê-rơ nói với bà: “Hai người đã đồng ý [một cách xấu xa] cố gắng thử Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể báo cho [người khác hay không rằng các người đã cố lừa dối Ngài, và có phạt các người về hành động của mình không]!”

-HAY-

Vì thế, Phê-rơ nói với bà ta: “[Các người đã làm một việc khủng khiếp!] Các người đã đồng ý với nhau để thử nếu Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể báo [cho những người khác rằng các người dối Ngài, và Ngài có phạt các người cho vấn đề này không]!”

5:9b **Kìa chân của những kẻ chôn chồng bà đã về tới cửa,**

Nầy! Những người chôn chồng bà vừa về tới cửa,

-HAY-

Nầy! [Chúng tôi đều nghe những bước chân] của những người chôn chồng bà vừa đến cửa,

5:9c **họ sẽ khiêng bà đi luôn!”**

và họ sẽ khiêng người đi [để chôn].

-HAY-

và họ khiêng [xác] của người ra [và chôn].

5:10a **Lập tức, bà ngã xuống nơi chân Phê-rơ, tắt thở.**

Ngay lúc ấy Sa-phi-ra ngã té xuống chân Phê-rơ và chết.

-HAY-

Ngay lúc đó bà [cũng] chết và [xác của bà] ngã xuống chân Phê-rơ.

5:10b **Các thanh niên bước vào, thấy bà đã chết,**

Khi các người thanh niên vào [căn nhà đó], họ thấy bà [cũng], đã chết.

5:10c

nên họ khiêng đi chôn bên cạnh mộ chồng bà: Vì thế, có lẽ các thanh niên này quấn xác bà bằng những miếng vải, như đã làm cho chồng bà (5:6a). Rồi khiêng đi chôn cạnh xác của chồng bà. Xem Lời Giải Thích trong 5:6b cho các từ *khiêng đi chôn*.

5:11 Tất cả những người nghe việc này đều khiếp sợ

5:11

Toàn thể hội thánh và tất cả những ai nghe tin này đều rất khiếp sợ: Những tín hữu rất là khiếp sợ, không một chút nghi ngờ, vì

Đức Thánh Linh là Đấng xem xét tội lỗi con người và trừng phạt họ. Đây là lần đầu tiên danh từ *hội thánh* được nhắc đến trong Công Vụ. “Toàn thể hội thánh” nói về các nhóm tín hữu tại thành Giê-ru-sa-lem.

và tất cả những ai nghe tin này: Có lẽ ở đây muốn nói đến tất cả những người chưa tin Chúa Giê-su đang sống tại Giê-ru-sa-lem, vì hội thánh bao gồm tất cả các tín hữu và các sứ đồ. Bạn nên dịch mệnh đề *những ai nghe tin này*, cho rõ, như trong CĐN của PKTCCN, 5:11.

Phân đoạn phụ 5:12-42 Các sứ đồ chữa lành nhiều bệnh tật và tiếp tục giảng lời Chúa, mặc dù bị bắt bớ

Phân đoạn phụ này gồm có ba tiểu đoạn: Tiểu đoạn thứ nhất cung cấp bối cảnh cho tiểu đoạn hai và ba. Trong đó Bác Sĩ Lu-ca cho biết Đức Chúa Trời giúp đỡ các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ diệu kỳ, các tín hữu hiệp nhất lại với nhau, được quý trọng trong dân chúng, có rất nhiều người khác tin vào Chúa Giê-su. Trong 5:17-21b, các nhà lãnh đạo Do Thái bắt giam các sứ đồ và có một thiên sứ đến để giải cứu họ. Trong 5:21c-42, các sứ đồ bị bắt bớ nhưng cuối cùng được tha. Tiểu đoạn cuối này gồm có hai tiểu đoạn phụ: 5:21c-26 và 5:27-42. Tiểu đoạn phụ 5:21c-26 gồm có hai phần ngắn: 5:21c-24 và 5:25-26. Tiểu đoạn phụ 5:27-42 có ba phần: 5:27-33, 5:34-40 và 5:41-42.

Tiểu đoạn 5:12-16 Các sứ đồ chữa lành cho nhiều người, có rất nhiều người tin vào Chúa Giê-su

Trong tiểu đoạn này, Bác Sĩ Lu-ca tóm tắt những gì các sứ đồ và các tín hữu thực hiện lúc bấy giờ. Các sứ đồ thực hiện rất nhiều phép lạ, tất cả tín hữu thường xuyên nhóm họp tại một nơi trong khuôn viên Đền Thờ, họ rất được kính trọng và có nhiều người tin Chúa Giê-su. Phê-rô là một nhân vật điển hình xuất sắc nhất về việc Đức Chúa Trời đã giúp đỡ ông làm những phép lạ. Trong những ngày đó, Đức Chúa Trời dùng các sứ đồ chữa lành tất cả những bệnh tật, và những người bị quỷ ám.

5:12a

Chúa dùng tay các sứ đồ thực hiện nhiều dấu lạ và phép mầu giữa dân chúng: Đức Chúa Trời dùng các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ trong dân chúng tại Giê-ru-sa-lem. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng các sứ đồ thường thực hiện nhiều phép lạ diệu kỳ. Từ ngữ *hiều* ở đây được nhấn

manh trong nguyên ngữ cho nên nếu dịch chính xác hơn sẽ là “rất nhiều.”

5:12b

Tất cả các tín hữu Sự khác biệt giữa các nhà thần học về từ *tất cả* được ghi nhận:

- (1) Hầu hết các nhà thần học nghĩ rằng ở đây ý nói đến tất cả các tín hữu, mặc dù

5:10c nên họ khiêng đi chôn bên cạnh mộ chồng bà.
Nên họ đã khiêng [xác] của bà đi và chôn bên cạnh [xác] của chồng bà.

5:11 Toàn thể hội thánh và tất cả những ai nghe tin này đều rất khiếp sợ.
Cho nên, tất cả tín hữu [tại Giê-ru-sa-lem] đều kính sợ [bởi vì Đức Chúa Trời đã phạt vợ chồng A-na-nia và Sa-phi-ra].
-HAY-
Tất cả tín hữu [tại Giê-ru-sa-lem] đã vô cùng sợ hãi [bởi vì Đức Chúa Trời đã giết A-na-nia và Sa-phi-ra].

Phân đoạn phụ 5:12-42 Các sứ đồ chữa lành nhiều bệnh tật và tiếp tục giảng lời Chúa, mặc dù bị bắt bớ

Tiểu đoạn 5:12-16 Các sứ đồ chữa lành nhiều bệnh tật, và có rất nhiều người tin Chúa Giê-su

5:12a Chúa dùng tay các sứ đồ thực hiện nhiều dấu lạ và phép mầu giữa dân chúng.
[Đức Chúa Trời ban quyền phép] các sứ đồ làm nhiều phép lạ trong dân chúng.
-HAY-
Các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ giữa dân chúng [cho thấy rằng Đức Chúa Trời đang hành động một cách đầy quyền năng].

5:12b Tất cả các tín hữu đồng tâm hội họp tại hành lang Sa-lô-môn.
Tất cả tín hữu thường họp nhau tại hành lang Sa-lô-môn [trong khuôn viên Đền Thờ].
-HAY-
Tất cả tín hữu thường họp [trong khuôn viên Đền Thờ] tại [địa điểm gọi là] hành lang Sa-lô-môn.

từ “tín hữu” không tìm thấy trong tiếng Hy-lạp. (BDM, BDY)

(2) Một số ít các nhà thần học cho rằng chỉ nói riêng đến các sứ đồ vì từ “tín hữu” không có trong tiếng Hy-lạp. (BDC)

Trong một khuôn khổ rộng lớn hơn của ngữ cảnh, người ta có thể thiên về cách giải thích thứ nhất. Sự khác biệt ở đây cũng được áp dụng cho từ “các tín hữu” trong 5:13.

đồng tâm hội họp tại hành lang Sa-lô-môn:
Theo tiếng Hy-lạp, các từ *đồng tâm hội họp*

dịch theo nghĩa đen là “đã cùng một ý chí.” Nhưng các học giả Kinh Thánh cho rằng người ta đã đổi là “với một ý” có nghĩa đơn giản là “họp nhau lại” trong thời điểm Bác Sĩ Lu-ca viết sách Công Vụ. Thì của động từ Hy-lạp bày tỏ rằng các tín hữu họp lại với nhau một cách thường xuyên hay đều đặn. Các từ *hành lang Sa-lô-môn* chỉ rõ địa điểm nhóm họp của họ. Xem Lờ Giải Nghĩa về ý nghĩa của *hành lang Sa-lô-môn*, 3:11b.

5:13a

Nhưng người ngoài không ai dám tham dự: Các từ *người ngoài* chỉ về những người không phải là tín hữu. Mệnh đề này bày tỏ rằng vì cái chết của A-na-ria và Sa-phi-ra khiến cho những người chưa tin Chúa Giê-su sợ hãi không dám nhóm họp cùng các sứ đồ và tín hữu, câu 5:5 và 10.

dám tham dự: Thì của động từ Hy-lạp *dám* nói lên việc nhóm họp của các tín hữu vẫn đang tiếp tục.

Trong bản dịch của bạn, không nên để cho người đọc hiểu lúc này không có sự liên hệ nào xảy ra giữa tín hữu và những người chưa tin Chúa Giê-su, vì theo 5:14 cho biết các tín hữu tiếp tục rao giảng Tin Lành, và số người tin nhận Chúa Giê-su vẫn tiếp tục gia tăng.

5:13b

mặc dù các tín hữu đều được dân chúng ca ngợi: Trong một số ngôn ngữ, từ *mặc dù* được dịch giống như “nhưng,” để diễn tả sự trái ngược. Danh từ “các tín hữu trong câu 12b và 13b theo tiếng Hy-lạp, ở đây nói về tất cả tín hữu, mặc dù có một số ít nhà thần học cho rằng ở đây chỉ nói đến các sứ đồ.

được dân chúng ca ngợi: Nhóm từ này bày tỏ rằng những người chưa tin Chúa vẫn rất kính trọng các tín hữu. Thì của động từ Hy-lạp trong câu cho thấy họ vẫn tiếp tục kính trọng các tín hữu.

5:14

Và số người tin nhận Chúa ngày càng gia tăng đông đảo gồm cả nam lẫn nữ: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng từ *de*. Người dịch có thể dịch giống như “và,” “nhưng” hay “tuy nhiên.” Trong BDC và BDY không dịch từ này.

Trong 4:31 cho thấy Đức Thánh Linh đã giúp đỡ các tín hữu rao giảng “lời Đức Chúa Trời một cách dũng cảm.” Kết quả có rất nhiều đàn ông và đàn bà tin nhận Chúa.

Chúa: Chỉ về Chúa Giê-su.

ngày càng gia tăng đông đảo: Các từ *ngày càng gia tăng đông đảo* đây là một cách nói để diễn tả rằng những người vừa mới tin Chúa gia nhập vào các nhóm tín hữu.

Tức là họ bắt đầu và tiếp tục gặp gỡ, sinh hoạt với các tín hữu. Đức Chúa Trời, được hiểu ngầm trong câu này, là Đấng *gia tăng* số người tin Chúa. Bạn nên dịch thế nào đó, giống như trong CĐN của PKTCCN, và không cần nói đến việc Đức Chúa Trời là Đấng được hiểu ngầm, làm chủ của động từ *gia tăng* ở đây.

5:15a

đến nỗi người ta đem những người bệnh ra ngoài đường phố, đặt trên giường chống: Liên từ *đến nỗi* dường như nhắc lại câu 5:12a, Bác Sĩ Lu-ca nói đến kết quả của những phép lạ các sứ đồ đã thực hiện. Có lẽ đây là lý do hầu hết các học giả Kinh Thánh đồng ý ở đây, vì trước giả nói đến một trong các sứ đồ là Phê-rơ (5:15). Những gì Đức Chúa Trời đã thực hiện qua Phê-rơ là một thí dụ của “nhiều dấu lạ và phép mầu” trong 5:12a. Từ *đến nỗi* trong ngôn ngữ của bạn có lẽ không được chính xác, so với nguyên bản. Có lẽ bạn cần giải thích thêm để cho được rõ ràng, giống như trong CĐN của PKTCCN. Tức là vì các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ, nên dân chúng đem nhiều người bệnh đến với các sứ đồ. Chắc những người bệnh này được thân nhân đem ra các đường phố Giê-ru-sa-lem và đặt nằm trên các giường chống.

5:15b

để khi Phê-rơ đi qua, ít ra bóng ông cũng ngả trên một vài người: Nói đến mục đích dân chúng đem những người bệnh ra đường phố, nơi các đám đông người tụ tập đợi các tín hữu và sứ đồ đi ngang qua. Như trong 5:15a, 5:15b có những tin tức được hàm ý bạn cần giải thích rõ. Quả thật, người ta mong rằng Phê-rơ sẽ đụng đến những người bệnh này và họ sẽ được lành bệnh. Tuy nhiên, nếu số người bệnh quá đông, họ còn có hy vọng là “ít ra bóng ông” (Bản Công Giáo) cũng ngả trên một vài người, khi đi ngang qua. Theo nguyên ngữ Hy-lạp có từ ngữ “ít nhất” đứng trước *bóng* của Phê-rơ, nhưng trong các BDC, BDY và BDM đều dịch là “để.” Khi dịch câu này, bạn nên dùng từ “ít nhất” vì sát với ý chính hơn. Phần cuối của câu 5:16 cho thấy rõ lý do dân chúng đặt

5:13a	<p>Nhưng người ngoài không ai dám tham dự, Không có một người nào khác [người chưa tin Chúa Giê-su] có đủ gan dạ để giao thiệp với các tín hữu. -HAY- Tất cả những người [chưa tin Chúa Giê-su] đều sợ hãi không dám liên hệ với các tín hữu.</p>
5:13b	<p>mặc dù các tín hữu đều được dân chúng ca ngợi. Dù vậy, những người này vẫn luôn kính trọng tín hữu với một mức độ cao.</p>
5:14	<p>Nhưng số người tin nhận Chúa ngày càng gia tăng đông đảo gồm cả nam lẫn nữ, Nhưng có nhiều người tin nhận Chúa Giê-su, và họ bắt đầu liên kết với các [nhóm] tín hữu. -HAY- Nhưng có nhiều người tin nhận Chúa Giê-su, và họ bắt đầu tới lui những nơi sinh hoạt của tín hữu [gặp gỡ nhau].</p>
5:15a	<p>đến nỗi người ta đem những người bệnh ra ngoài đường phố, đặt trên giường chõng, Bởi vì [những gì các sứ đồ đang thực hiện, dân chúng] đem những người bệnh ra đường phố và đặt nằm trên giường chõng, -HAY- [Các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ diệu kỳ,] cho nên [dân chúng] đem nhiều người bệnh ra đường và đặt nằm trên các giường, chõng,</p>
5:15b	<p>để khi Phê-rô đi qua, ít ra bóng ông cũng ngã trên một vài người. để [khi] Phê-rô đi qua [ông đụng đến họ, hay] ít nữa bóng của ông cũng ngã trên một vài người [và họ được lành bệnh].</p>
5:16a	<p>Dân chúng các thành phố quanh Giê-ru-sa-lem cũng họp nhau Có rất nhiều dân chúng từ các thành phố quanh Giê-ru-sa-lem [và ở gần đó] đã đến [cùng các sứ đồ].</p>

những người bệnh dọc bên đường để được chữa lành khi Phê-rô đi ngang qua.

5:16a

Dân chúng các thành phố quanh Giê-ru-sa-lem cũng họp nhau: Bạn có thể dịch từ *dân chúng* như “rất nhiều dân chúng.” Trong

5:15, Bác Sĩ Lu-ca nói đến “người ta” trong thành phố Giê-ru-sa-lem. Dân chúng được đề cập đến trong câu 5:16 thuộc *các thành phố* chung quanh Giê-ru-sa-lem trong nhiều hướng. Nhóm từ *các thành phố* chỉ về những thị trấn nhỏ và ít dân cư hơn thành phố Giê-ru-sa-lem.

5:16b

kiêng những người bệnh và những người bị các tà linh hành hạ: Trong phần này Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến hai nhóm người khác nhau: những người bệnh về thể xác, và những người bệnh vì tà linh hành hạ. *Tà linh* một hình thức như ma quỷ, và chúng nó tiếp tục hành hạ những người nó đã điều khiển được phần tâm linh. Trong một vài ngôn ngữ, người ta có thể nói rằng tà linh điều khiển và sai khiến một số người làm những việc xấu. Chẳng hạn như, tà linh có thể gây cho những người nó điều khiển tự hành hạ chính mình, hay những người khác. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng dân chúng “tiếp tục đem” những người bệnh

và những người bị tà linh “tiếp tục hành hạ” đến với các sứ đồ.

5:16c

và tất cả đều được chữa lành: Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời là Đấng đầy quyền năng, Ngài đã chữa lành cho tất cả. Tuy nhiên, các sứ đồ chính là những con người được Đức Chúa Trời sử dụng để chữa lành cho những người bệnh và đuổi tà ma ra khỏi những người bị chúng hành hạ.

Điểm đặc biệt nhất trong câu này là *tất cả* những người đến với các sứ đồ để xin chữa bệnh, đều hoàn toàn được chữa lành. Thì của động từ Hy-lạp, *được chữa lành*, bày tỏ rằng trong những ngày đó Đức Chúa Trời luôn tiếp tục giúp đỡ các sứ đồ chữa lành bệnh cho dân chúng.

Tiểu đoạn 5:17-21b Các lãnh đạo Do Thái bắt giam các sứ đồ, nhưng có một thiên sứ đến giải thoát để họ tiếp tục dạy dân chúng

Khi các lãnh đạo Do Thái thấy đám đông dân chúng đến với các sứ đồ, những lãnh đạo này vô cùng ghen ghét các sứ đồ. Chắc chắn họ cảm thấy bị mất đi thẩm quyền của mình. Vì thế, họ bắt các sứ đồ và bỏ vào tù, để tra hỏi, và quyết định sẽ hình phạt các sứ đồ như thế nào. Nhưng Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ đến dẫn các sứ đồ ra khỏi tù, và bảo hãy trở lại khuôn viên Đền Thờ rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời. Các sứ đồ vâng lời thiên sứ, và lại bắt đầu giảng dạy dân chúng tại đó.

5:17a

Lúc ấy: Trong tiếng Hy-lạp có một từ có thể dịch “sau đó,” “nhưng” hay “bấy giờ” để cho biết câu chuyện còn tiếp tục. BDM dùng từ *lúc ấy*, BDC dùng từ “bấy giờ” và BDY không dịch chữ này.

vị trưởng tế và tất cả các bạn đồng sự thuộc phái Sa-đu-sê: *Vị trưởng tế* ở đây có thể là An-na (4:6a). *Tất cả các bạn đồng* (4:6b) có cả các thầy tế lễ, là những người làm việc sát cánh với An-na. Tất cả các thầy tế lễ, và những phụ tá và những hội viên của phái Sa-đu-sê. Xem Lời Giải Nghĩa cho Sa-đu-sê trong 4:1.

5:17b-18a

đều đầy lòng ganh tị: Các nhà thần học nghĩ rằng phái Sa-đu-sê tại Giê-ru-sa-lem có xu hướng chính trị hơn là tôn giáo, những người Sa-đu-sê rất nghiêm khắc đối với các tín hữu

là những người có ảnh hưởng mạnh trong dân chúng. Vì có rất nhiều người đến cùng các sứ đồ và rất kính trọng các sứ đồ, những người lãnh đạo tôn giáo rất ghen ghét các sứ đồ, và dĩ nhiên họ cũng rất tức giận.

đứng lên bắt các sứ đồ: Một liên từ đồng nghĩa với “như vậy” có thể phù hợp ở đây. Có nghĩa là họ bắt giam các sứ đồ vì họ rất là ganh tị. Các thầy tế lễ cả và những hội viên nhà hội ra lệnh lính canh bắt các sứ đồ.

đứng lên: Trong tiếng Hy-lạp, câu 17 bắt đầu bằng từ *đứng lên*, đặc biệt nói về thầy cả thượng phẩm, và những người khác đang có mặt tại đó. Họ đứng lên để quyết định làm một điều gì, thay vì chỉ có đứng lên. Trong BDY không dịch nhóm từ này. BDC đặt chữ “đứng dậy” ở cuối câu 17a. Đây là cách dịch theo nghĩa đen nhưng không được chính xác hay sát ý, hãy đặt nhóm từ này vào một vị trí cho được tự nhiên

- 5:16b** **khiêng những người bệnh và những người bị các tà linh hành hạ,**
 Họ khiêng những người bệnh [bà con/bạn hữu] và những người bị tà linh hành hạ,
-HAY-
 Những người này khiêng nhiều người bệnh [họ hàng/thân thích] và những người đang bị hành hạ vì bị các tà ma [ám ảnh và làm chủ tinh thần của họ],
- 5:16c** **và tất cả đều được chữa lành.**
 và [Đức Chúa Trời] đã chữa lành cho tất cả.
-HAY-
 và [Đức Chúa Trời đã dùng các sứ đồ] chữa lành cho tất cả, không bỏ sót một người nào.

Tiểu đoạn 5:17-21b Các lãnh đạo Do Thái bắt giam các sứ đồ, nhưng có một thiên sứ đến giải thoát để họ tiếp tục dạy dân chúng

- 5:17a** **Lúc ấy, vị trưởng tế và tất cả các bạn đồng sự thuộc phái Sa-đu-sê,**
 Thầy tế lễ cả và những cộng tác của ông là những thành viên thuộc nhóm Sa-đu-sê [ở Giê-ru-sa-lem].
- 5:17b-18a** **đều đầy lòng ganh tị, đứng lên bắt các sứ đồ**
 Họ mang nhiều ganh tị [với các sứ đồ] vì lẽ đó nên họ đã có hành động bằng cách [ra lệnh cho các vệ binh Đền Thờ] bắt giam các sứ đồ,
-HAY-
 Họ đầy lòng ghen ghét, vì có rất nhiều dân chúng đến với các sứ đồ nên họ đã quyết định [ra lệnh cho các vệ binh Đền Thờ] bắt giam các sứ đồ,
- 5:18b** **tổng giam vào khám công.**
 và [các vệ binh/cảnh sát] đã giam các sứ đồ vào khám.

đối với tiếng Việt Nam. Trong BDM có lẽ dịch đúng nhất. Người dịch có thể cho 17-18 thành 1 câu đặt từ *đứng lên* ở cuối câu 17b và thêm vào động từ *bắt*. Điều này bày tỏ phản ứng của họ là *bắt các sứ đồ*. Xem CDN của PKTCCN cho một lối dịch khác.

5:18b

tổng giam vào khám công: Theo bản Hy-lạp mệnh đề này có thể giải thích theo nhiều cách. Dưới đây là ba cách có thể giải thích:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các nhà lãnh đạo ra lệnh cho lính canh bắt và giam các sứ đồ trong nhà giam “công cộng” hay một khám thường.

- (2) Một số ít cho rằng các nhà lãnh đạo bắt giam các sứ đồ một cách “công khai,” thay vì vào khám công cộng.
- (3) Một số khác cho rằng các nhà lãnh đạo cho lính canh giữ các sứ đồ tại một nơi nào đó, thay vì giam vào ngục.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng nhất vì những lý do sau đây: Trong tiếng Hy-lạp, chữ *công* là một tính từ, không phải là một trạng từ giống như cách giải thích thứ hai. Trong cả hai 5:19 và 5:23, Bác Sĩ Lu-ca dùng danh từ thông dụng “khám.” Trong một vài ngôn ngữ có thể là “Cái khám nơi canh sát hay nhà cầm quyền giam giữ những can tội.” Từ *khám công* không phải là một từ thông dụng trong tiếng Việt nhưng người

dịch dịch sát nghĩa như Bác Sĩ Lu-ca đã dùng trong nguyên bản. Theo ngữ cảnh “vào tù” có lẽ chính xác nhất. Xem trong CĐN của PKTCCN.

5:19

Nhưng ban đêm một thiên sứ của Chúa mở các cửa khám, dẫn họ ra ngoài: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ liên từ *nhưng*, bày tỏ một sự tương phản. Có nghĩa là lính canh đưa các sứ đồ vào khám và khoá kỹ cửa khám lại, nhưng trong đêm đó, Đức Chúa Trời sai thiên sứ đến mở cửa khám. *Chúa ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.* Sau khi mở cửa khám, thiên sứ đưa các sứ đồ ra ngoài, xa khỏi khám. Điều này hàm ý rằng bằng cách nào đó, Đức Chúa Trời làm cho các lính canh không thấy các thiên sứ giải thoát các sứ đồ.

5:20

Trong tiếng Hy-lạp, những chữ trong dấu ngoặc kép có nghĩa đen là “Đi vào Đền Thờ đứng và nói với dân chúng tất cả những lời của sự sống.” Cả ba động từ, “đi,” “đứng” và “nói,” được dùng như mệnh lệnh.

5:20a

và bảo: “*Các ông hãy đi vào Đền Thờ, đứng đó:*” Động từ *bảo* thực ra, trong tiếng Hy-lạp động từ này được đặt vào vị trí cuối cùng của câu 5:19, nhưng được áp dụng cho những gì thiên sứ đã nói trong câu 5:20.

đứng đó: Không có nghĩa là đứng yên một chỗ thay vì, ở tại nơi họ đến.

Đền Thờ: Thiên sứ có ý nói đến khuôn viên ngoài Đền Thờ. Chỉ có các thầy tế lễ được phép vào bên trong Đền Thờ. Đối với người Do Thái, đi đến khuôn viên Đền Thờ trong giờ các cửa được mở là việc bình thường. Theo Josephus, một sử gia Do Thái,

các cửa vào khuôn viên Đền Thờ được mở lúc nửa đêm.

5:20b

rao truyền cho dân chúng tất cả những lời của sự sống!: Có lẽ bạn cần dịch “nói với dân chúng ở đó,” cần ghi rõ rằng đây là những người đã hiện diện sẵn tại khuôn viên Đền Thờ.

tất cả những lời của sự sống: Ý nói Đức Chúa Trời có chương trình trong đó con người sẽ có sự sống đời đời. Dĩ nhiên, là họ sẽ nói về Chúa Giê-su vì con người cần tin cậy nơi Chúa Giê-su để có được sự sống đời đời.

5:21a

Nghe theo lời dặn bảo: Có nghĩa là các sứ đồ vâng theo lệnh của thiên sứ.

các sứ đồ vào trong Đền Thờ lúc trời mới rạng đông: Các cửa vào khuôn viên Đền Thờ có lẽ đã được lính canh mở lúc nửa đêm. Vì lẽ đó, nên chỉ mới rạng đông đã có rất nhiều người ở đây. Các từ *sứ đồ vào trong Đền Thờ* có nghĩa là các sứ đồ đi đến địa điểm thường có đông người tụ họp.

5:21b

bắt đầu dạy dân chúng: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho biết, các sứ đồ bắt đầu và tiếp tục dạy dỗ dân chúng. Thực ra các sứ đồ bắt đầu lại việc dạy dỗ của họ, như Bác Sĩ Lu-ca kể “lời giáo huấn của các sứ đồ” trong 2:42. Phê-rơ cũng rao giảng tại nhà hội trong câu 4:20, “...Nhưng chúng tôi không thể nào không nói lên những điều chúng tôi đã nghe và thấy.” Trong 4:33 Bác Sĩ Lu-ca viết: “Các sứ đồ cậy quyền năng lớn lao cứ làm chứng về sự sống lại của Chúa Giê-su...” Dĩ nhiên, nói đến chính ngày này, “bắt đầu dạy dỗ” có thể là đúng.

5:19	Nhưng ban đêm một thiên sứ của Chúa mở các cửa khám, dẫn họ ra ngoài Nhưng ngay trong đêm đó, một thiên sứ, được Chúa [Đức Chúa Trời] sai đến, mở các cửa khám và đem các sứ đồ [từ trong khám] ra ngoài. [Các vệ binh không hay biết việc thiên sứ đã giải thoát các sứ đồ.]
5:20a	và bảo: “Các ông hãy đi vào Đền Thờ, đứng đó [Rồi] thiên sứ nói [với họ]: “Hãy đi vào [khuôn viên] Đền-Thờ và ở [đó], -HAY- [Rồi] thiên sứ bảo [các sứ đồ]: “Hãy đi và đứng tại [khuôn viên] Đền-Thờ,
5:20b	rao truyền cho dân chúng tất cả những lời của sự sống!” và nói cho dân chúng về [thế nào Đức Chúa Trời có thể làm cho họ] có sự sống [đời đời].” -HAY- và tiếp tục nói với dân chúng [ở đó] tất cả về [thế nào Đức Chúa Trời có thể làm cho mọi người có sự sống đời đời].”
5:21a	Nghe theo lời dặn bảo, các sứ đồ vào trong Đền Thờ lúc trời mới rạng đông, Sau khi nghe những điều này, các sứ đồ vào trong [khuôn viên] Đền-Thờ lúc trời rạng đông, -HAY- Các sứ đồ nghe theo lời thiên sứ bảo, nên sáng sớm hôm sau họ đi vào [khuôn viên] Đền-Thờ,
5:21b	bắt đầu dạy dân chúng. và họ lại bắt đầu dạy dân chúng [về Chúa Giê-su]. -HAY- và họ tiếp tục dạy dân chúng về [về Chúa Giê-su].

Tiểu đoạn 5:21c-42 Các lãnh đạo Do Thái thả các sứ đồ, và các sứ đồ tiếp tục dạy dỗ dân chúng

Tiểu đoạn này gồm có hai tiểu đoạn phụ: 5:21c-26 và 5:27-42. Tiểu đoạn phụ thứ nhất không quan trọng bằng thứ hai. Tiểu đoạn thứ hai có thể chia thành ba phần nhỏ: 5:27-33, 5:34-40 và 5:41-42. Trong tiểu đoạn phụ quan trọng này, các lãnh đạo tôn giáo tố cáo các sứ đồ không tuân lệnh của họ, và họ muốn giết các sứ đồ sau khi Phê-rô và một số người khác nói rằng họ không thể vâng theo lệnh của các lãnh đạo tôn giáo. Nhưng Ga-ma-li-ên khuyên các lãnh đạo Do Thái nên trả tự do cho các sứ đồ. Vì thế, sau khi đánh đòn, họ thả các sứ đồ ra về, và các sứ đồ tiếp tục giảng dạy về Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn phụ 5:21c-26 Các lãnh đạo Do Thái đòi các sứ đồ để tra hỏi

Người ta có thể chia tiểu đoạn phụ này ra hai phần nhỏ: 5:21c-24, các lãnh đạo tôn giáo rất bối rối vì các sứ đồ đã biến mất trong khám. Trong 5:25-26, khi người ta thấy các sứ đồ ở trong khuôn viên Đền Thờ, lính canh bắt và đem các sứ đồ đến đứng trước mặt Hội Đồng để tra hỏi.

5:21c-24 Các lãnh đạo Do Thái rất bối rối vì các sứ đồ không có trong khám

5:21c

Khi vị trưởng tế và các bạn đồng sự đến: Khi từ ngữ về thời gian, ở đây nói đến một ngày sau, sau ngày các sứ đồ bị bắt. Bạn có thể dùng một liên từ như “trong khi đó” để giới thiệu phần đoạn nhỏ này, vì cùng trong một lúc, khi các lãnh đạo Do Thái đang hội họp, thì các sứ đồ cũng đang dạy dỗ dân chúng.

vị trưởng tế và các bạn đồng sự: Xem Lời Giải Nghĩa trong 5:17a. Bác Sĩ Lu-ca cũng nói đến một số cộng tác viên của vị trưởng tế trong 4:6b. Họ là những người làm việc sát cánh với thầy cả thượng phẩm và cũng có thể là những thành viên thuộc nhóm Sa-đu-sê.

đến: Đây nói đến nơi các lãnh đạo tôn giáo hội họp và tra hỏi các sứ đồ. Kinh Thánh không cho biết chỗ họp của họ ở đâu, nhưng chắc không xa Đền Thờ.

5:21d

họ liền triệu tập Hội Đồng và toàn thể viện trưởng lão Y-sơ-ra-ên: Họ ở đây nói về thầy tế lễ cả và cộng tác viên của ông. Họ liền triệu, hay tập họp, tất cả các hội viên khác của Hội Đồng. Hầu hết các nhà thần học nghĩ rằng *toàn thể viện trưởng lão Y-sơ-ra-ên*, nói đến những người chung trong một nhóm, có nghĩa là “Hội Đồng.” Xem 4:5 về Lời Giải Nghĩa của Hội Đồng.

5:21e

rồi sai người vào khám giải các sứ đồ đến: Một số hội viên của viện trưởng lão Y-sơ-ra-ên sai một vài người vào khám để đem các sứ đồ lại phòng họp của toà án để cho hội viên của viện trưởng lão tra hỏi. Trong 5:22a, Bác Sĩ Lu-ca gọi những người được sai đi vào khám “các cảnh vệ.” Những người này có thể là hội viên của viện trưởng lão Y-sơ-ra-ên hay các lính canh Đền Thờ. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể gọi “cảnh sát” hay “quân lính.”

5:22a

Tuy nhiên, khi vào trong khám các cảnh vệ không thấy các sứ đồ đâu cả: Liên từ *tuy nhiên* bày tỏ một sự tương phản giữa sự mong ước việc gì sẽ xảy ra của những cảnh vệ và việc gì đã thực sự xảy ra. Họ chỉ trông đến khám để dẫn các sứ đồ trở lại phòng của toà án. Nhưng, khi họ vào trong khám để tìm các sứ đồ, thì các sứ đồ không có ở trong khám.

5:22b

liền trở về báo cáo rằng: Trong tiếng Hy Lạp nhóm từ này bắt đầu bằng một từ, nó luôn có nghĩa là ‘vì thế’ điều đó bày tỏ rằng các cảnh vệ đã có phản ứng như thế nào khi họ khám phá rằng các sứ đồ không còn ở trong khám nữa. Trong BDM và BDY dùng từ *liền* để chú ý đến phản ứng tức khắc của các cảnh vệ. Trong BDC dùng từ *bèn* để chú ý đến việc các sứ đồ không còn trong khám, cảnh vệ chỉ còn một cách là trở lại báo cáo với Hội Đồng việc gì đã xảy ra. Cả hai cách dịch này phù hợp ngữ cảnh.

Có lẽ bạn cần thêm vào những chi tiết trong bản dịch của bạn. Thí dụ, bạn có thể nói: “các vệ cảnh trở lại [Hội Đồng] và báo cáo [việc họ đã khám phá ra].” Trong ngôn ngữ của bạn, có lẽ được tự nhiên hơn, nếu nói rằng một người trong toán vệ cảnh báo cáo, như trong câu thứ hai của CĐN của PKTCCN.

5:23a

“Chúng tôi thấy khám đóng chặt, hoàn toàn an ninh, bọn lính canh đang đứng gác khắp các cổng: Chúng tôi những người vệ cảnh.

thấy khám đóng chặt, hoàn toàn an ninh: Đây có nghĩa là khi các vệ cảnh đến khám, chính mắt họ đã thấy các cửa vẫn khoá chặt. Nói một cách khác, không có gì cho thấy rằng có người đã can thiệp vào việc này để giúp các sứ đồ trốn thoát. Rõ ràng là thiên sứ đã mở cửa đưa các sứ đồ ra và đã khoá cửa lại một cách cẩn thận. Thêm vào đó, các vệ cảnh cũng thấy các lính canh đang đứng trước các cửa. Mọi việc ở đây thật hoàn toàn bình thường. Theo 5:23b, sau khi

Tiểu đoạn 5:21c-42 Các lãnh đạo Do Thái thả các sứ đồ và các sứ đồ tiếp tục dạy dỗ dân chúng

Tiểu đoạn phụ 5:21c-26 Các lãnh đạo Do Thái đòi các sứ đồ đến để tra hỏi

- 5:21c** **Khi vị trưởng tế và các bạn đồng sự đến,**
Thầy tế lễ cả và các cộng tác của ông họp lại.
-HAY-
[Trong khi,] thầy tế lễ cả và các cộng sự của ông họp lại.
- 5:21d** **họ liền triệu tập Hội Đồng và toàn thể viện trưởng lão Y-sơ-ra-ên,**
[Sau đó] họ triệu tập Hội Đồng gồm tất cả các trưởng lão/lãnh đạo [khác] trong Y-sơ-ra-ên.
-HAY-
[Sau đó] họ kêu gọi một buổi họp của Hội Đồng Do Thái. Gồm tất cả các trưởng lão/lãnh đạo [khác] của toàn thể dân chúng Y-sơ-ra-ên.
- 5:21e** **rồi sai người vào khám giải các sứ đồ đến.**
Rồi họ sai [các vệ binh/lính canh] tới khám dẫn các sứ đồ đến [với họ].
- 5:22a** **Tuy nhiên, khi vào trong khám các cảnh vệ không thấy các sứ đồ đâu cả,**
Nhưng khi các vệ binh/các lính đi tới khám, họ thấy các sứ đồ không có ở trong khám.
- 5:22b** **liền trở về báo cáo rằng:**
Họ liền trở lại, báo cáo với Hội Đồng:
-HAY-
[Vì thế,] họ liền trở lại và [một người trong nhóm của họ] báo cáo với Hội Đồng:
- 5:23a** **“Chúng tôi thấy khám đóng chặt, hoàn toàn an ninh, bọn lính canh đang đứng gác khắp các cổng,**
“Chúng tôi thấy [cửa] khám được khoá kỹ lưỡng, và có những lính canh đứng ngay trước cửa.
- 5:23b** **nhưng khi mở cửa khám, chúng tôi chẳng tìm thấy một tên nào cả!”**
Nhưng khi chúng tôi mở [các cửa để dẫn các tù phạm ra], chúng tôi thấy không có một người nào [trong bọn họ] ở trong [khám].”

vệ cảnh xem xét các khoá, họ tự mở khoá để vào dẫn các sứ đồ ra.

5:23b

nhưng khi mở cửa khám, chúng tôi chẳng tìm thấy một tên nào cả!: Liên từ *nhưng* giới thiệu những gì các vệ cảnh chẳng ngờ có thể xảy ra. *Chúng tôi* chỉ về các vệ cảnh.

khí mở cửa khám: Khi vệ cảnh tự mình mở các cửa để vào trong khám.

chẳng tìm thấy một tên nào cả: Sau khi tìm kiếm mọi nơi trong khám, các vệ binh đã chắc chắn các sứ đồ không có trong khám.

5:24a

Nghe lời báo cáo, viên sĩ quan chỉ huy vệ binh Đền Thờ và các thượng tế hoang mang: Trong tiếng Hy-lạp, câu này có một liên từ mà bạn có thể dịch là “khi.” Vừa khi nghe xong báo cáo rằng các sứ đồ không có trong khám, thì những người nghe liền trở nên vô cùng bối rối.

hoang mang: Họ vô cùng bối rối, không biết phải hành động như thế nào. Thì của động từ Hy-lạp cho thấy họ đã trải qua một hồi lâu trong tình trạng này. Theo nguyên bản Hy-lạp những người đã nghe báo cáo này gồm có “các thầy tế lễ cả” được ghi trước, “chỉ huy lính canh Đền Thờ.” Dĩ nhiên, có cả thầy tế lễ thượng phẩm, chính ông là người tra hỏi các sứ đồ (5:27).

5:24b

không hiểu việc này sẽ diễn biến thế nào: Theo nguyên bản Hy-lạp, và dịch theo nghĩa đen, “...họ đã bối rối về những người này và kết quả của việc đã xảy ra.” Đại danh từ “họ” trong tiếng Hy-lạp, chỉ rõ về các sứ đồ. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa các học giả Kinh Thánh về ý nghĩa của “kết quả của việc đã xảy ra.” Dưới đây là ba cách có thể giải thích:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ý của nhóm từ này là “kết quả của việc này là gì,” hay, “việc gì sẽ xảy ra tiếp theo.”
- (2) Một số khác nghĩ rằng “việc gì đã xảy ra cho các sứ đồ.” (BDM, BDC)
- (3) Một số khác cho rằng “ý nghĩa thật của việc này là gì,” tức là sự biến mất lạ kỳ của các sứ đồ có nghĩa gì.

Cách giải thích đầu tiên hợp lý nhất, vì có sự quan tâm của các lãnh đạo Do Thái nếu họ để cho các sứ đồ tiếp tục dạy dỗ dân chúng về Chúa Giê-su, thì chẳng bao lâu nữa họ sẽ không còn điều khiển được dân chúng. Tuy nhiên, bạn có thể theo cách giải thích số hai (2) như BDM và BDC đã dịch. Trong BDY dịch rằng ‘họ không biết phải làm gì’ dịch theo cách này có lẽ không được chính xác.

5:25-26 Sau khi tìm thấy các sứ đồ, các lãnh đạo đem các sứ đồ trở lại để tra khảo

5:25a

Bỗng có người đến báo cáo: “Kìa: Trong bản dịch của bạn, bạn cần làm sáng tỏ rằng người báo cáo từ đâu đến. Tức là người này đã đến từ khuôn viên Đền Thờ, nơi các sứ đồ đang giảng dạy dân chúng, để báo cáo với Hội Đồng Do Thái .

Kìa: Kìa một mạo tự trong tiếng Hy-lạp có nhiệm vụ như một mệnh lệnh kêu gọi sự chú ý về những gì người nói sẽ nói ra. Trong câu này dùng “Hãy nghe đây!” có lẽ sẽ thích hợp hơn là “Hãy nhìn xem,” vì Hội Đồng Do Thái không thể thấy được các sứ đồ mà người báo cáo muốn nói đến.

5:25b

những người quý vị tổng giam vào khám đang đứng trong Đền Thờ dạy dân chúng!: Các từ *những người quý vị tổng giam vào khám* chỉ về các sứ đồ. Thể của động từ Hy-lạp *đang đứng* và *dạy* cho thấy rằng ngay chính giây phút này các sứ đồ đang đứng trong khuôn viên Đền Thờ và đang dạy dỗ dân chúng. *Đang đứng* ở đây muốn nói đến địa điểm hơn là cách đứng. Vì thế bạn có thể nói “Những người đàn ông đó...ở trong khuôn viên Đền Thờ.”

Trong bản dịch của bạn, có lẽ bạn cần dịch rõ ràng các sứ đồ đang ở trong “sân” hay “khuôn viên” của Đền Thờ, thay vì bên trong Đền Thờ. Bạn cũng cần ghi rõ họ đang dạy gì, ví dụ, “đang dạy dân chúng về Chúa Giê-su.”

5:26a

Viên sĩ quan chỉ huy đội tuần canh liền đem lính đi bắt các sứ đồ: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một chữ có nghĩa “sau đó” hay “liên.” Bạn có thể bắt đầu câu này bằng chữ đồng nghĩa như “do đó,” vì đó là phản ứng của viên sĩ quan chỉ huy đội tuần canh khi nghe báo cáo địa điểm, nơi các sứ đồ đang có mặt. BDM đặt chữ *liên* trong một vị trí hợp với tiếng Việt Nam.

5:24a	Nghe lời báo cáo, viên sĩ quan chỉ huy vệ binh Đền Thờ và các thượng tế hoang mang, Khi viên sĩ quan chỉ huy vệ binh Đền-Thờ và các thượng tế nghe các điều này thì họ rất là bối rối [lo lắng về báo cáo],
5:24b	không hiểu việc này sẽ diễn biến thế nào. [trong khi họ đang suy nghĩ] về hậu quả của việc này. -HAY- [trong khi họ còn đang ngổ ngàng suy nghĩ về] việc gì sẽ xảy ra.
5:25a	Bỗng có người đến báo cáo: “Kìa, Thì có một người đến [từ khuôn viên Đền-Thờ] anh ta [một cách hứng khởi] báo cáo với họ rằng: “Hãy nghe [điều này]!”
5:25b	những người quý vị tổng giám vào khám đang đứng trong Đền Thờ dạy dân chúng!” Những người các ông đã tổng giám [hiện giờ] đang đứng trong [khuôn viên] Đền-Thờ và dạy dân chúng [về Chúa Giê-su].”
5:26a	Viên sĩ quan chỉ huy đội tuần canh liền đem lính đi bắt các sứ đồ Viên sĩ quan [của vệ binh Đền-Thờ] cùng một số lính, đi đến [khuôn viên Đền-Thờ và rồi họ] bắt các sứ đồ [đem đến Hội Đồng].
5:26b	nhưng không dùng bạo lực [Nhưng họ] không dùng bạo lực [để bắt các sứ đồ], -HAY- [Nhưng họ] bắt giải [các sứ đồ] một cách ôn hoà,
5:26c	vì sợ dân chúng ném đá. bởi vì họ sợ dân chúng ném đá giết họ [nếu họ cưỡng bách các sứ đồ]. -HAY- vì họ sợ dân chúng sẽ giết họ bằng cách ném đá [nếu họ gây thương tích cho các sứ đồ].

Bạn cần nói rõ viên sĩ quan đội tuần canh đi đến đâu, và bắt các sứ đồ đem đến nơi nào để tra hỏi. Xem CDN của PKTCCN cho 5:26a về việc đó.

5:26b

nhưng không dùng bạo lực: Không dùng bạo lực nói về cách lính canh đối xử với các sứ đồ trong khi họ đến bắt và đem đến trước Hội Đồng. Tuy nhiên, lần này họ không phải cưỡng bách các sứ đồ. Xem CDN của PKTCCN có hai cách giải thích nhóm từ này.

5:26c

vì sợ dân chúng ném đá: Nhóm từ này cho thấy lý do viên sĩ quan và lính canh đã không dùng bạo lực với các sứ đồ. Bạn cần cho biết rõ tại sao, *dân chúng ném đá*, nếu đội tuần canh dùng bạo lực với các sứ đồ. Câu 5:13 cho thấy các sứ đồ và các tín hữu khác “rất được dân chúng kính trọng.” Động từ *ném đá* có nghĩa là “liệng đá cho đến chết,” chứ không phải liệng đá chỉ để gây thương tích.

Tiểu đoạn phụ 5:27-42 Cuối cùng các lãnh đạo Do Thái trả tự do cho các sứ đồ, các sứ đồ lại tiếp tục dạy dân chúng

Tiểu đoạn phụ này có ba phần: Trong 5:27-33, Phê-rơ và các sứ đồ khác nói rằng họ muốn vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời con người, khi nghe điều đó, các nhân viên Hội Đồng rất tức giận, và muốn giết các sứ đồ. Nhưng, trong 5:34-40, Ga-ma-li-ên đề nghị Hội Đồng tha cho các sứ đồ. Vì thế, sau khi đánh đòn, họ cấm các sứ đồ không được giảng về Chúa Giê-su và thả các sứ đồ ra. Trong 5:41-42, Bác Sĩ Lu-ca kết luận, kết quả là các sứ đồ vẫn tiếp tục giảng về Chúa Giê-su.

5:27-33 Phê-rơ và các sứ đồ khác nói họ phải vâng lời Đức Chúa Trời

5:27a

Họ giải các sứ đồ: Đây bắt đầu một phần mới, vì thế bạn nên nói rõ vị sĩ quan và vệ binh đã bắt các sứ đồ. Cũng nên cho biết rõ họ đem các sứ đồ đi đến nơi nào, như CĐN của PKTCCN 5:27a.

5:27b

đến hầu trước Hội Đồng: Đại từ *họ* chỉ về viên sĩ quan và vệ binh của ông. Họ là những người bắt và đem các sứ đồ đến trước Hội Đồng. Có lẽ các sứ đồ đứng trước các nhân viên Hội Đồng, để thầy cả thượng phẩm tra hỏi các sứ đồ. Tuy nhiên, thay vì đặt những câu hỏi, thầy cả thượng phẩm lên án các sứ đồ vì không vâng lệnh cấm trong 4:17. Đó là họ cấm các sứ đồ không được giảng về Chúa Giê-su. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn cần ghi xuống chẳng hạn như “thầy cả thượng phẩm buộc tội các sứ đồ.” Để biết thêm về thầy cả thượng phẩm xem Lời Giải Nghĩa 4:6a.

5:28a

Vị trưởng tế tra vấn: Thầy cả thượng phẩm nhắc đến lệnh của Hội Đồng Do Thái cấm Phê-rơ và Giăng trong 4:17, “đừng cho họ nhắc đến Danh này nữa!” Để cho hợp với lời nói của thầy cả thượng phẩm hơn, bạn nên đổi chữ *tra vấn* thành “buộc tội.” Bạn nên đặt từ này vào vị trí trong câu thế nào cho hợp với ngôn ngữ của bạn.

“Chúng tôi đã nghiêm cấm các anh dạy dỗ về Danh này: Hội Đồng đã cấm Phê-rơ và

Giăng không được tiếp tục giảng dạy về Danh Giê-su nữa. Thực ra, họ có ý áp dụng lệnh cấm này cho tất cả các sứ đồ.

Danh này: Cách dùng từ *danh này* ở đây, thầy cả thượng phẩm muốn bày tỏ rằng ông không kính trọng Chúa Giê-su, vì đã tránh gọi tên của Chúa Giê-su. Nếu bạn có thể bày tỏ rõ rằng thầy cả thượng phẩm nói về Chúa Giê-su nhưng không muốn gọi bằng tên Giê-su đó là cách tốt nhất. Nhưng nếu bạn không thể giải thích rõ nếu không nói chữ “Giê-su” bạn có thể dùng, ví dụ, “người đàn ông Giê-su.”

5:28b

thế mà các anh lại làm cho thành Giê-ru-sa-lem đầy tràn đạo giáo của các anh: Trong tiếng Hy-lạp *thế mà* theo nghĩa đen là “và kia!” Trong tiếng Hy-lạp ở đây được dùng như một mệnh lệnh để kêu gọi sự chú ý, giống như “hãy nghe đây!” Trong câu này hàm ý rằng các sứ đồ đã không vâng lệnh cấm của Hội Đồng.

các anh lại làm cho thành Giê-ru-sa-lem đầy tràn đạo giáo của các anh: Đây là một lối nói hàm ý rằng các sứ đồ giảng dạy về Chúa Giê-su cho dân chúng ở khắp mọi nơi tại Giê-ru-sa-lem.

5:28c

Các anh định đổ tội giết Người ấy cho chúng ta sao?: Một lối nói bày tỏ rằng các sứ đồ có ý muốn đổ tội cho các lãnh đạo Do Thái gây nên cái chết của Chúa Giê-su. Bạn có thể dịch thành một câu nói trực tiếp, ví dụ, “Các anh muốn nói: ‘các anh đã làm cho người này chết.’”

Tiểu đoạn phụ 5:27-42 Cuối cùng các lãnh đạo Do Thái trả tự do cho các sứ đồ, các sứ đồ lại tiếp tục dạy dân chúng

- 5:27a** **Họ giải các sứ đồ đến hầu trước Hội Đồng.**
Sau khi [viên sĩ quan] đã bắt và đem [các sứ đồ đến nơi Hội Đồng đang họp],
- 5:27b** **Vị trưởng tế tra vấn:**
thầy cả thượng phẩm ra lệnh cho các sứ đồ đứng trước mặt mọi người rồi bắt đầu tra hỏi.
- 5:28a** **“Chúng tôi đã nghiêm cấm các anh dạy dỗ về Danh này,**
Ông ta [với giọng gắt gỏng] nói [với các sứ đồ]: “Chúng tôi thẳng thắn ra lệnh cho các anh không được dạy dân chúng về tên [Giê-su] này.
- 5:28b** **thế mà các anh lại làm cho thành Giê-ru-sa-lem đầy tràn đạo giáo của các anh.**
Nhưng các anh đã dạy dân chúng ở mọi nơi trong thành Giê-ru-sa-lem [về Chúa Giê-su],
-HAY-
Nhưng [các anh đã không tuân lệnh của chúng tôi và] các anh đã dạy dỗ dân chúng khắp mọi nơi ở Giê-ru-sa-lem [về danh ấy],
- 5:28c** **Các anh định đổ tội giết Người ấy cho chúng ta sao?”**
và các anh định đổ tội cho chúng tôi về cái chết của người này.”
-HAY-
Và các anh muốn nói [với chúng tôi], ‘Chúng tôi làm cho người này chết.’ ”
- 5:29a** **Phê-rơ và các sứ đồ đáp:**
Nhưng Phê-rơ tự trả lời [cho mình] và cho các sứ đồ [khác]:
-HAY-
Và Phê-rơ, [tự trả lời cho mình] và các sứ đồ khác:
- 5:29b** **“Phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời loài người!**
“Chúng tôi phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời [các anh].
-HAY-
“Chúng tôi phải vâng lời [những gì] Đức Chúa Trời [phán chúng tôi phải làm] thay vì vâng lời những gì [các anh] [bảo chúng tôi làm]!

5:29a

Phê-rơ và các sứ đồ đáp: Phê-rơ, như một đại diện cho các sứ đồ, hình như chỉ có mình ông đối đáp. Dĩ nhiên, khi ông nói là ông đại diện cho tất cả các sứ đồ. Thầy cả thượng phẩm đã buộc tội các sứ đồ không tuân lệnh cấm của Hội Đồng, nhưng trong lời nói có vẻ như ông muốn các sứ đồ giải thích tại sao không tuân lệnh.

5:29b

“Phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời loài người!: Theo tiếng Hy-lạp từ *phải* có nghĩa “đó là sự cần thiết.” Nói một cách khác, Phê-rơ nói rằng *chúng tôi* phải vâng lời Đức Chúa Trời, đó là điều Ngài đã phán. Phê-rơ hàm ý rằng các sứ đồ không thể vâng lời loài người vì những gì họ bảo chúng ta ngược lại đường lối của Đức Chúa Trời. Dĩ

nhiên, *lời loài người* bao gồm tất cả những người lãnh đạo tôn giáo ở đó, vì họ đã bảo các sứ đồ không được tiếp tục giảng dạy dân chúng về Chúa Giê-su.

5:30a

Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã khiến Đức Giê-su sống lại: Bạn có thể dịch nhóm từ *Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta* bằng một chữ đồng nghĩa “Đức Chúa Trời, Đấng mà tổ tiên chúng ta thờ phượng.” Phê-rơ xác định rõ ràng, cũng chính Đức Chúa Trời Đấng khiến Chúa Giê-su từ kẻ chết sống lại.

5:30b

Người đã bị quý vị giết chết bằng cách treo trên cây gỗ: Các lãnh đạo tôn giáo đã đối xử với Chúa Giê-su ngược hẳn lại với cách của Đức Chúa Trời. Có nghĩa là họ đã làm cho Ngài chết, Đức Chúa Trời đã khiến cho Ngài sống lại. Vì thế, nếu bạn có thể bày tỏ sự đối nghịch này bằng cách thêm vào chữ “nhưng” hay “tuy nhiên” giống như trong BDY “Thượng Đế của tổ tiên chúng ta đã cho Chúa Giê-xu sống lại, mặc dù các ông đã giết Ngài trên cây thập tự.”

bằng cách treo trên cây gỗ: Đây nói rằng họ đã làm cho Chúa Giê-su bị treo trên thập giá. Bạn có thể cần giải thích cho rõ ở đây, ví dụ, “họ đóng đinh bàn tay và bàn chân Ngài vào gỗ của thập giá.” Người La-mã đã xử tử tội nhân bằng cách đóng đinh trên thập giá. Bởi vì quân lính treo Chúa Giê-su bằng cách đóng đinh Ngài vào thập tự giá, một số người Do Thái cho rằng Đức Chúa Trời đã rửa sả Chúa Giê-su. Theo Phục-Truyền Luật-Lệ Ký 21:23, “người nào bị treo trên một cái cây là người đó bị Đức Chúa Trời rửa sả.”

Trong một vài ngôn ngữ, người dịch có thể cần đặt 5:30b trước 5:30a, để cho phù hợp theo thứ tự của từng sự việc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn cần thay đổi như thế, bạn có thể dịch 5:30 như sau:

Các anh đã giết Chúa Giê-su bằng cách [xúi người ta] đóng đinh Ngài trên thập giá. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời, Đấng mà tổ tiên chúng tôi thờ phượng, đã khiến Ngài sống lại sau khi chết.

5:31a

Chính Người lại được Đức Chúa Trời tôn lên làm Đấng Lãnh Đạo và Đấng Cứu Thế ở bên phải Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đem Chúa Giê-su về trời và tôn vinh Ngài. *Lãnh Đạo* có nghĩa Chúa Giê-su đồng trị vì với Đức Chúa Trời. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn cần đổi từ *Đấng Cứu Thế* thành “Chúa Giê-su Đấng cứu vớt nhân loại,” giống như trong CDN của PKTCCN.

ở bên phải Đức Chúa Trời: Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về ý của nhóm từ này:

- (1) Một số cho rằng Đức Chúa Trời đem Chúa Giê-su về trời và ngồi bên phải của Đức Chúa Trời, bày tỏ rằng Chúa Giê-su cùng đồng trị với Đức Chúa Trời.
- (2) Một số khác cho rằng nên dịch “Bằng tay phải của Đức Chúa Trời,” có nghĩa là “bằng cách làm việc đầy quyền năng của Đức Chúa Trời.”

Cách giải thích thứ nhất hợp với mạch văn hơn. Xem Lời Giải Nghĩa ở 2:33a “Ngài được đưa lên bên phải Đức Chúa Trời.”

5:31b

để đem lại lòng ăn năn cho dân Y-sơ-ra-ên để họ được tha tội: Đây Phê-rơ cho biết lý do tại sao Đức Chúa Trời ban vinh dự cho Chúa Giê-su: để Chúa Giê-su có thể giúp cho dân Do Thái ăn năn tội lỗi của mình. Nếu họ ăn năn tội, Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ.

ăn năn: Từ *ăn năn* có nghĩa hoàn toàn thay đổi về sự suy nghĩ và hành động tội lỗi của họ, để có thể bắt đầu việc vâng lời Đức Chúa Trời.

dân Y-sơ-ra-ên: Dĩ nhiên, Phê-rơ và tất cả những người khác là người Do Thái. Vì thế trong CDN của PKTCCN ghi “chúng ta là những người Y-sơ-ra-ên.”

họ được tha tội: Trong ngôn ngữ của bạn, bạn nên diễn tả nhóm từ này như “Đức Chúa Trời bỏ đi cái lý do Ngài phải trừng phạt họ.”

5:32a

Chính chúng tôi đã chứng kiến các sự kiện này: Cho ý của từ *chứng kiến* xem Lời Giải

5:30a	Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã khiến Đức Giê-su sống lại. Đức Chúa Trời Đáng mà tổ phụ chúng tôi thờ phượng, khiến Giê-su sống lại sau khi chết.
5:30b	Người đã bị quý vị giết chết bằng cách treo trên cây gỗ. [Mặc dù,] các anh đã giết Ngài bằng cách [xúi người ta] đóng đinh Ngài trên thập tự. -HAY- [Tuy nhiên,] các ông [làm cho] Ngài bị giết bằng cách [đòi hỏi cho được] đóng đinh Ngài trên thập giá [giống như xử tử một tội nhân].
5:31a	Chính Người lại được Đức Chúa Trời tôn lên làm Đấng Lãnh Đạo và Đấng Cứu Thế ở bên phải Đức Chúa Trời, Nhưng Đức Chúa Trời rất tôn cao Chúa Giê-su. [và đưa về trời và ban cho Chúa Giê-su quyền] để trị vì và cứu vớt nhân loại.
5:31b	để đem lại lòng ăn năn cho dân Y-sơ-ra-ên để họ được tha tội. [Đức Chúa Trời làm điều này,] để Ngài có thể giúp [chúng ta là] những người Y-sơ-ra-ên, biết ăn năn về tội lỗi [của chúng ta] và để Ngài có thể tha thứ [chúng ta về tội chúng ta phạm]. -HAY- [Đức Chúa Trời làm điều đó,] để Ngài có thể giúp đỡ [chúng ta] những người Y-sơ-ra-ên, thay đổi suy nghĩ và hành động [chúng ta] liên quan đến tội lỗi [của chúng ta] để Ngài có thể tha thứ [chúng ta, như vậy Ngài sẽ không cần trừng phạt chúng ta nữa].
5:32a	Chính chúng tôi đã chứng kiến các sự kiện này, Chúng tôi kể lại cho dân chúng về những điều [mà chúng tôi chứng kiến những gì xảy ra cho Chúa Giê-su],
5:32b	nên xin làm nhân chứng cùng với Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời ban cho những người vâng lời Ngài.” và Đức Thánh Linh cũng bày tỏ cho đồng bào [rằng những điều đó là sự thật]. Đức Chúa Trời đã ban [Thánh Linh của Ngài] cho [những người] vâng lời Đức Chúa Trời.”

Nghĩa trong 1:8b về “nhân chứng.” Trong BDM được đổi thành danh động từ, giống như trong CDN của PKTCCN.

các sự kiện này: Đây nói đến những gì Phê-rô và các sứ đồ nhắc đến về Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và các lãnh đạo Do Thái trong 5:30-31.

5:32b

nên xin làm nhân chứng cùng với Đức Thánh Linh: Nhóm từ này bày tỏ rằng Đức Thánh Linh cũng làm chứng về “những việc

này” ở 5:32a. Có nghĩa là Đức Thánh Linh chỉ cho dân chúng những gì các sứ đồ nói về Chúa Giê-su là sự thật. Một trong những cách Đức Thánh Linh giúp con người biết được những điều đó là bằng các phép lạ mà Đức Thánh Linh giúp cho các sứ đồ thực hiện. Đức Thánh Linh còn giúp cho các sứ đồ nói lại cho dân chúng những gì họ thấy Chúa Giê-su thực hiện, và nghe những gì Chúa Giê-su dạy dỗ. Xem Lời Giải Nghĩa về *Đức Thánh Linh* trong 1:2b.

mà Đức Chúa Trời ban cho những người vâng lời Ngài: Phê-rơ có ý rằng Đức Chúa Trời ban hay gọi Đức Thánh Linh xuống để ở cùng và giúp đỡ những ai vâng theo ý Ngài. Khi nói điều này, Phê-rơ hàm ý rằng các lãnh đạo Do Thái không vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

5:33a

Nghe xong các nhân viên Hội Đồng đều tức giận: Họ đã hiểu một cách rõ ràng các sứ đồ không vâng theo lệnh của Hội Đồng trong 4:18 không được tiếp tục giảng về Chúa Giê-su. Họ cũng biết rằng Phê-rơ đã quy tội cho họ về cái chết của Chúa Giê-su. Kết quả là các lãnh đạo Do Thái trở nên giận dữ.

tức giận: Thì của động từ Hy-lạp, *tức giận*, bày tỏ rằng họ trở nên tức giận và tiếp tục tức giận. Dịch từng chữ theo tiếng Hy-lạp, chữ này có nghĩa là “họ bị cắt sâu vào thịt” bằng lời của Phê-rơ. Theo nghĩa đen, “họ đã vô cùng giận dữ.” Trong Tân Ước từ này chỉ tìm thấy ở đây và trong 7:54.

5:33b

quyết định giết các sứ đồ: Những từ này bày tỏ sự giận dữ của các lãnh đạo Do Thái đối với các sứ đồ. Họ muốn giết các sứ đồ và quyết định làm như vậy. Thì của động từ Hy-lạp bày tỏ rằng họ tiếp tục tìm cách và cơ hội để giết các sứ đồ. Nếu bạn muốn nói rõ chi tiết cách giết người của họ, có thể là bằng cách ném đá như họ đã giết Sê-tiên 7:58-59.

5:34-40 Sau khi đánh đòn các sứ đồ, họ đồng ý với đề nghị của Ga-ma-li-ên thả các sứ đồ

5:34a

Nhưng một người Pha-ri-si tên Ga-ma-li-ên, một giáo sư Kinh Luật: Liên từ *nhưng* cho thấy rằng sự trái ngược giữa *Ga-ma-li-ên* và hầu hết các hội viên Hội Đồng, những người gần như không còn giữ được cơn giận của họ đối với các sứ đồ.

một người Pha-ri-si: Những chữ đi theo sau tên ông bày tỏ ông là một người thuộc nhóm Pha-ri-si và một thầy dạy luật.

Đây là lần đầu tiên từ *Pha-ri-si* được nhắc đến trong sách Công Vụ, có nghĩa là Ga-ma-li-ên là người thuộc nhóm Pha-ri-si trong Do Thái giáo. Ngược hẳn lại với nhóm Sa-đu-sê, người Pha-ri-si tin có thần linh, và Đức Chúa Trời có thể cứu sống kẻ đã chết. Họ luôn làm theo truyền thống của những người Do Thái và giữ luật pháp Đức Chúa Trời ban cho Môi-se.

một giáo sư Kinh Luật: Đây là một người dạy dân chúng luật pháp Môi-se, nói gì và có ý nghĩa gì.

được dân tôn kính: Đây cho biết Ga-ma-li-ên thuộc hạng người như thế nào. Tất cả người Do Thái đều tôn trọng ông, điều đó cũng còn có nghĩa là những hội viên khác của Hội Đồng đều nể phục ông và còn nghe những lời đề nghị của ông.

5:34b

đứng dậy giữa Hội Đồng, ra lệnh đem các sứ đồ ra ngoài trong chốc lát: Những hội viên của Hội Đồng có thể ngồi thành nửa vòng tròn, và các sứ đồ đứng trước họ. Cho từ *Hội Đồng* xem Lời Giải Nghĩa ý ở 4:5 về “các nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật.”

Ga-ma-li-ên đứng lên giữa mọi người và nói. Rồi ông ra lệnh, có lẽ cho các vệ binh đem các sứ đồ ra ngoài. Có lẽ ông cũng mời những hội viên Hội Đồng, những người đang còn tức giận ra ngoài trong chốc lát, để ông có thể bàn chuyện riêng với những người còn lại.

5:35a

rời phát biểu: “Thưa đồng bào Y-sơ-ra-ên: Sau khi các sứ đồ ra khỏi phòng Ga-ma-li-ên nói chuyện với các hội viên của Hội Đồng. Xem Lời Giải Nghĩa ở 2:22a về *đồng bào Y-sơ-ra-ên*.

5:35b

xin quý vị thận trọng trong việc xử trí những người này: Sau khi trình bày với hội viên Hội Đồng một cách lễ phép, Ga-ma-li-ên *thận trọng*, khuyên họ nên suy nghĩ thật kỹ về việc sẽ xử lý như thế nào đối với các sứ đồ. Thực ra, họ rất giận các sứ đồ và

5:33a	Nghe xong các nhân viên Hội Đồng đều tức giận, Khi các hội viên của Hội Đồng nghe những lời này, họ trở nên rất là bức tức [với các sứ đồ],
5:33b	quyết định giết các sứ đồ. và họ quyết định giết các sứ đồ [bằng cách ném đá].
5:34a	Nhưng một người Pha-ri-si tên Ga-ma-li-ên, một giáo sư Kinh Luật được dân tôn kính, Nhưng [có một hội viên của Hội Đồng. Ông ta là] một người Pha-ri-si và một thầy dạy luật [Do Thái], và tất cả người [Do Thái] đều kính nể ông ta.
5:34b	đứng dậy giữa Hội Đồng, ra lệnh đem các sứ đồ ra ngoài trong chốc lát, Ông ta đứng dậy giữa Hội Đồng và yêu cầu [các vệ binh] đưa các sứ đồ ra ngoài [ra khỏi phòng họp] trong chốc lát.
5:35a	rồi phát biểu: “Thưa đồng bào Y-sơ-ra-ên, Rồi [sau khi các sứ đồ đã được các vệ binh đưa khỏi phòng,] ông nói với các hội viên của Hội Đồng: “Thưa đồng bào Y-sơ-ra-ên,
5:35b	xin quý vị thận trọng trong việc xử trí những người này. xin các ông hãy thận trọng [về việc] các ông định làm gì với những người này, [và tôi xin dẫn chứng rằng tại sao các ông cần nghe tôi]. -HAY- hãy suy nghĩ cẩn thận về việc các ông muốn làm gì đối với những người này [và tôi sẽ nói tại sao các ông cần phải cẩn thận].
5:36a	Trước đây, Thêu-đa nổi dậy, xưng hùng xưng bá; Vài năm trước [có một người tên là] Thêu-đa đã dấy loạn [chống lại chính quyền La-mã]. Hắn đã tuyên bố rằng mình là một người quan trọng,

muốn giết các sứ đồ. Ga-ma-li-ên muốn làm cho họ nguôi cơn giận, và muốn phân tích sự việc, để họ sẽ không làm điều gì mà sau này phải hối tiếc.

5:36a

Trước đây, Thêu-đa nổi dậy, xưng hùng xưng bá: Nếu bạn muốn giải thích từ *trước đây* rõ ràng hơn, bạn có thể dùng một từ tương đương như “vài năm trước đây.” Ga-ma-li-ên đã dùng hai dẫn chứng trong lịch sử vừa qua của họ và chẳng xa lạ gì với những người Do Thái trong thời bấy giờ. Bạn cần

làm sáng tỏ rằng *Thêu-đa* là tên của một người, như trong CĐN của PKTCCN.

nổi dậy: Theo tiếng Hy-lạp động từ *nổi dậy* có nghĩa đen “đứng dậy.” Tuy nhiên, theo ngữ cảnh có nghĩa *Thêu-đa* đã chống đối lại chính quyền La-mã.

xưng hùng xưng bá: Đây là một thành ngữ có nghĩa rằng Thêu-đa tuyên bố với dân chúng, mình là một nhân vật rất quan trọng, hay vĩ đại. Có lẽ, ông xưng mình là đấng Mê-si-a và sẽ giải phóng dân Do Thái khỏi sự đô hộ của La-mã.

5:36b

có độ bốn trăm người theo nó: Các từ này bày tỏ rằng Thêu-đa kêu gọi được *độ bốn trăm người* “gia nhập vào nhóm của ông ta” để chống lại chính quyền La-mã.

5:36c

nhưng nó bị giết, tất cả đồng bọn đều bị tan rã: Động từ, *bị tan rã*, cho biết việc gì xảy ra cho nhóm người này. Có nghĩa là mỗi người chạy mỗi nơi, chạy khắp mọi hướng. Có lẽ quân lính La-mã giết Thêu-đa và làm cho toán quân còn lại chạy tán loạn khắp mọi nơi.

5:36d

không còn gì cả: Sau khi Thêu-đa chết, đồng bọn của ông ta chạy tán lác, không còn tụ tập lại được, và cũng chẳng còn nghe nhắc đến tên bọn chúng nữa. Như thế, Thêu-đa và đồng bọn chẳng làm xong một việc gì như chúng định.

5:37a

Sau đó, Giu-đa, người Ga-li-lê, nổi dậy: Sau đó từ ngữ chỉ về thời gian, nói đến một quá khứ gần độ vài năm sau thời gian Thêu-đa nổi dậy. Nên có chú thích ở cuối trang về *Giu-đa, người Ga-li-lê* vì ông không phải là Giu-đa phản Chúa Giê-su. Nhưng ông Giu-đa này là một người thuộc tỉnh Ga-li-lê và là người sáng lập ra đảng Zê-lót. Ông đã nói với dân chúng rằng đóng thuế cho chính quyền La-mã là điều sai, vì dân Do Thái chỉ có một vua là Đức Chúa Trời mà thôi. Ông thuyết phục một số người chống lại chính quyền La-mã vào khoảng năm thứ 6 sau Công Nguyên, ông bị quân lính La-mã giết và cả bọn bị đánh tan ngay. Dầu vậy, đảng viên của đảng Zê-lót vẫn tiếp tục chống đối nhà cầm quyền La-mã. Cho từ *nổi dậy* xem Lời Giải Nghĩa trong 5:36a.

trong thời kỳ kiểm tra dân số: Chính quyền La-mã thực hiện một cuộc kiểm tra dân số vào năm thứ 6 sau Công Nguyên, và biến xứ Giu-đê trở thành một tỉnh. Trong năm đó, nhà cầm quyền kiểm tra dân chúng trong tỉnh, để bắt dân chúng đóng thuế cho chính quyền La-mã. Có lẽ đây là lý do Giu-đa đã

kêu gọi một số người chống lại chính quyền La-mã lúc bấy giờ.

5:37b

lời cuốn được nhiều người theo mình: Giu-đa thuyết phục được một số người theo mình và công khai chống đối chính quyền La-mã. Một vài bản dịch bằng tiếng Hy-lạp có từ ngữ đồng nghĩa chữ “rất nhiều người,” và một vài bản khác chỉ dùng từ “nhiều người.” Trong BDM và BDC dùng từ “nhiều người” nhưng trong BDY dịch là “khá đông người.”

5:37c

nhưng nó cũng bỏ mạng và tất cả đồng bọn đều bị phân tán: Quân lính giết chết Giu-đa, có thể là trong lúc giao chiến, hay họ chỉ đặc biệt giết mình Giu-đa mà thôi. Sau đó có lẽ quân lính đuổi theo đồng bọn của Giu-đa nên họ đã chạy tán loạn khắp mọi nơi, hay sau khi Giu-đa chết, những người theo ông đã bỏ chạy vì họ sợ nhà cầm quyền La-mã. Trong trường hợp của Giu-đa Ga-ma-li-ên không thêm “không còn gì cả,” như trong 5:36d. Có lẽ vì, sau khi Giu-đa chết, người Do Thái, chẳng hạn như các đảng viên của đảng Zê-lót, vẫn còn hy vọng một ngày nào đó đất nước sẽ được thoát khỏi ách thống trị của người La-mã. Xem Lời Giải Nghĩa trong 5:37a giải thích về đảng Zê-lót.

5:38a

Vậy, bây giờ tôi khuyên quý vị: Liên từ *vậy* bày tỏ rằng hai trường hợp nêu lên trong 5:36-37 là nền tảng của những gì Ga-ma-li-ên dùng để khuyên những hội viên của Hội Đồng trong 5:38.

tôi khuyên quý vị: Theo ngữ cảnh bày tỏ rằng ông khuyên họ cần phải làm gì đối với các sứ đồ. Ga-ma-li-ên nhắc lại cho hội viên Hội Đồng về hai lãnh tụ trước đây hướng dẫn đồng bọn chống đối chính quyền La-mã. Cả hai lãnh tụ đều bị giết, đồng bọn tan rã, và không còn dám chống đối chính quyền La-mã nữa. Trường hợp Giê-su và đồng bọn có thể cũng giống như vậy.

5:36b	có độ bốn trăm người theo nó; và có khoảng bốn trăm người gia nhập [bọn hắn].
5:36c	nhưng nó bị giết, tất cả đồng bọn đều bị tan rã, [Nhưng quân lính] giết hắn và [đồng bọn] tất cả những người theo hắn chạy tán lạc và tan rã.
5:36d	không còn gì cả. [Và bọn hắn] không làm gì được [nữa để chống nhà cầm quyền La-mã]. -HAY- [Song những người đó] chẳng thực hiện được một việc gì [để chống nghịch chính quyền La-mã].
5:37a	Sau đó, Giu-đa, người Ga-li-lê, nổi dậy trong thời kỳ kiểm tra dân số, Sau đó, [có một người tên là] Giu-đa người [tỉnh] Ga-li-lê đứng dậy [chống chính quyền La-mã], trong thời kỳ [các giới chức chính phủ] kiểm tra dân số [để đánh thuế dân chúng]. -HAY- Sau đó, trong khi chính quyền kiểm tra dân số [để đóng thuế], [có một người tên] Giu-đa thuộc [tỉnh] Ga-li-lê [nổi dậy chống lại chính quyền La-mã].
5:37b	lời cuốn được nhiều người theo mình; Hắn đã quyến rũ được nhiều người theo mình để [chống đối chính quyền La-mã].
5:37c	nhưng nó cũng bỏ mạng và tất cả đồng bọn đều bị phân tán. Nhưng [quân lính] cũng đã giết hắn, và tất cả những người theo hắn chạy tán lạc khắp nơi.
5:38a	Vậy, bây giờ tôi khuyên quý vị: Vậy, bây giờ [về việc các môn đệ của Giê-su] tôi nói [điều này] với các ông:
5:38b	Hãy tránh xa những người này đi, cứ để mặc họ; Đừng ngăn cản những người này về những việc họ làm! [Nhưng, tốt hơn] cứ để [mặc họ]! -HAY- Đừng bắt bớ những người này! [Tốt hơn] nên thả họ ra!

5:38b

Hãy tránh xa những người này đi, cứ để mặc họ: Lời khuyên *Hãy tránh xa những người này đi*, có nghĩa là hội viên Hội Đồng

không nên làm gì hại đến các sứ đồ, và cũng đừng nên nghĩ đến việc giết họ nữa. Lời khuyên của ông còn hàm ý rằng đừng nên ra lệnh bỏ tù các sứ đồ nhưng nên thả họ ra.

5:38c

vì nếu mưu định và công việc này là của loài người thì sẽ bị tiêu diệt: Liên từ *vì* bày tỏ rằng Ga-ma-li-ên cho họ lý do về lời khuyên của ông. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ của bạn có lẽ không được tự nhiên nếu bạn dùng từ “bởi vì,” để giới thiệu một mệnh đề độc lập. Vì thế, bạn có thể bỏ liên từ này hay dùng một nhóm từ đồng nghĩa như “hãy để yên cho họ” đặt trước liên từ, như trong câu thứ hai của CĐN của PKTCCN.

nếu: Từ *nếu*, ở đây và trong 5:39a, bày tỏ rằng khi một việc đúng, thì việc khác cũng chắc có kết quả.

công việc này là của loài người thì sẽ bị tiêu diệt: Ga-ma-li-ên có ý rằng nếu những gì các sứ đồ làm chỉ là những việc con người bày đặt ra, thì họ sẽ không hoàn tất được những gì họ muốn. Ga-ma-li-ên hàm ý rằng nếu đó là sự thực, thì các sứ đồ cũng sẽ thất bại như Thê-u-đê và Giu-đa thất bại.

5:39a

nhưng nếu là của Đức Chúa Trời thì quý vị không tài nào tiêu diệt được: Nhưng bày tỏ sự đối nghịch giữa 5:38c và 5:39a. Nếu Đức Chúa Trời sai các sứ đồ làm những gì họ làm, thì những lãnh đạo Do Thái không thể ngăn cản được. Từ “nếu,” trong tiếng Hy-lạp ở các câu 5:38-39, có lẽ hàm ý rằng Ga-ma-li-ên không biết chắc việc các sứ đồ đã làm là chương trình của con người hay của Đức Chúa Trời.

5:39b

mà còn trở thành những kẻ chiến đấu chống nghịch Đức Chúa Trời!: Ga-ma-li-ên đưa điều này lên như một lý do để xác định rằng nếu các sứ đồ vâng lệnh Đức Chúa Trời để làm những việc họ làm thì các nhà lãnh đạo Do Thái không thể cấm họ được. Và lại, những gì các lãnh đạo Do Thái làm là họ chống nghịch cùng Đức Chúa Trời, chứ không phải cùng con người. Bạn không nên để cho người đọc hiểu lầm rằng Ga-ma-li-ên đã thực sự tin rằng Đức Chúa Trời đã sai các sứ đồ làm những việc họ làm. Ông chỉ muốn khuyên các hội viên Hội Đồng hãy để các sứ

đồ tự chứng minh việc họ làm là từ đâu đến, do con người hay do Đức Chúa Trời.

5:40a

Hội Đồng nghe theo lời ông: Có một vài bản dịch, có những từ giống các từ này ở phần cuối của câu 5:39. Lời Ga-ma-li-ên có thể làm cho hội viên của Hội Đồng nhớ lại lời của A-bi-gia, vua Giu-đa, trong Sử Ký thứ hai 13:12: “Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên! Chớ tranh chiến cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, vì chẳng thắng được đâu.” Thực ra, Ga-ma-li-ên không thuyết phục các hội viên Hội Đồng đừng làm hại các sứ đồ, nhưng ông khuyên họ không nên giết các sứ đồ trong lúc đó.

5:40b

gọi các sứ đồ vào, sai đánh đòn: Có lẽ họ kêu toán vệ cảnh đem các sứ đồ trở vào trong toà, và ra lệnh cho vệ cảnh đánh đòn các sứ đồ. Có lẽ bạn nên thêm chú thích ở cuối trang về tục lệ đánh đòn của người Do Thái, gồm những tin tức sau: Các vệ binh có thể dùng roi bằng da để đánh các sứ đồ, họ có thể đánh đến 39 roi cho mỗi sứ đồ. Họ có thể đánh một phần ba của số roi ở trước ngực trần (không có mặc áo) và hai phần ba còn lại đánh ở sau lưng của mỗi người.

5:40c

và cấm ngặt không cho nói về Danh Giê-su: Rồi hội viên Hội Đồng cấm các sứ đồ không được nói với dân chúng về Chúa Giê-su nữa.

về Danh Giê-su: Đây còn có nghĩa là các sứ đồ là những đại diện cho Chúa Giê-su. Dĩ nhiên, không thể nói về Chúa Giê-su mà không nhắc đến tên của Ngài.

5:40d

roi phóng thích: Cuối cùng họ thả các sứ đồ ra, các sứ đồ trở về nơi mình cư ngụ.

5:38c	<p>vì nếu mưu định và công việc này là của loài người thì sẽ bị tiêu diệt; Nếu những việc họ làm [chỉ là] mưu định của con người, thì họ sẽ không thể nào thực hiện được [nhưng họ sẽ phải thất bại giống như Thê-đa và Giu-đa bị thất bại trước đây]. -HAY- [Hãy để yên bọn chúng,] vì nếu đây [chỉ] là việc con người khiến bọn chúng làm để dạy [con người] sứ điệp [như họ nói], thì họ sẽ không có thể tiếp tục [làm việc đó].</p>
5:39a	<p>nhưng nếu là của Đức Chúa Trời thì quý vị không tài nào tiêu diệt được, Nhưng, nếu Đức Chúa Trời bảo họ [nói với dân chúng sứ điệp đó,] thì các ông không thể ngăn cản được [công việc họ đang làm],</p>
5:39b	<p>mà còn trở thành những kẻ chiến đấu chống nghịch Đức Chúa Trời!” [vì] các ông sẽ nhận thức được rằng các ông đang chống nghịch lại Đức Chúa Trời.</p>
5:40a	<p>Hội Đồng nghe theo lời ông, Những hội viên của Hội Đồng đồng ý với Ga-mê-li-ên [rằng họ không nên giết các sứ đồ].</p>
5:40b	<p>gọi các sứ đồ vào, sai đánh đòn, Rồi hội viên của Hội Đồng chỉ thị [các vệ binh đem các sứ đồ ra đánh đòn. Nên các vệ binh] đem các sứ đồ [vào phòng hội] và đánh đòn các sứ đồ.</p>
5:40c	<p>và cấm ngặt không cho nói về Danh Giê-su, [Rồi] hội viên Hội Đồng cấm không cho các sứ đồ dạy dân chúng về Chúa Giê-su nữa,</p>
5:40d	<p>rời phóng thích. và rồi họ thả các sứ đồ ra.</p>
5:41a	<p>Các sứ đồ rời Hội Đồng ra về, Các sứ đồ đi ra từ chỗ họ đứng] đối diện các hội viên của Hội Đồng.</p>

5:41-42 Các sứ đồ vui mừng, và tiếp tục nói với người khác về Chúa Giê-su

5:41a

Các sứ đồ: Từ ngữ giới thiệu trong tiếng Hy-lạp để cho thấy phần này là kết quả việc

phản ứng của phân đi sát phía trước nó. Trong BDC trong câu 5:41 dùng từ “vậy” trong BDM và BDY không dịch từ giới thiệu này.

rời Hội Đồng ra về: Các sứ đồ đi ra khỏi nơi mình đứng trước hội viên Hội Đồng.

5:41b

hân hoan vì được kể là xứng đáng chịu sỉ nhục vì Danh Chúa: Sự vui mừng của các sứ đồ là một điều lạ, vì vừa mới bị đánh đòn, hội viên Hội Đồng cấm không cho nói về Chúa Giê-su nữa. Tuy nhiên, từ vì bày tỏ lý do tại sao các sứ đồ rất vui mừng. Thì của động từ Hy-lạp *hân hoan* cho thấy các sứ đồ tiếp tục ở trong sự vui mừng của mình. Họ vui mừng vì họ đã nhận thức được Đức Chúa Trời đã ban vinh dự cho họ bằng cách để cho con người sỉ nhục họ chỉ vì họ là môn đệ của Chúa Giê-su. Trong bản dịch của bạn, tốt hơn bạn nên dùng lời nói trực tiếp cho câu 5:41b, như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN.

Danh Chúa: Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ *Danh Chúa*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng nhóm từ này chỉ về tên của Chúa Giê-su và thật sự là chính Ngài, thay vì tên hay sự giảng dạy của Ngài.
- (2) Một số ít nghĩ rằng ở đây nói đến “đức tin của người Cơ Đốc,” hay “Đạo Chúa” như được nói trong 9:2.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ phù hợp với ngữ cảnh hơn.

vì: Vì ở đây có nghĩa “trong danh của” hay “vì một” người nào hay một điều gì. Bạn có thể dịch nhóm từ *vì Danh Chúa* như “vì họ là môn đệ của Chúa Giê-su.” Xem câu thứ nhất trong CDN của PKTCCN ở 5:41b.

5:42a

Hàng ngày, dù ở trong Đền Thờ hoặc đi từ nhà này sang nhà khác: Hàng ngày quan hệ đến những gì họ đang tiếp tục làm trong 5:42b. Nơi họ sinh hoạt ở Giê-ru-sa-lem là tại khuôn viên Đền Thờ, và ở tại tư gia của những người khác. Kinh Thánh không ghi rõ, tư gia ở đây có phải chỉ là nhà của những người tin Chúa hay không. Các sứ đồ muốn

nói cho tất cả mọi người về Chúa Giê-su. Vì thế, đôi khi có thể họ nhóm tại tư gia của những người chỉ mới có cảm tình, nhưng chưa phải là tín đồ. Điểm quan trọng ở đây là các sứ đồ đi đến những nơi nào, ở đó luôn có những người muốn nghe lời giảng của họ.

5:42b

họ cứ tiếp tục dạy dỗ và truyền giảng về Đức Giê-su là Chúa Cứu Thế: Thì của các động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây bày tỏ rằng các sứ đồ tiếp tục dạy và công bố sứ điệp Tin Lành rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Trong một vài ngôn ngữ, người dịch thường thích dùng thể phủ định để diễn tả một hành động. Có nghĩa là các hội viên Hội Đồng đã ra lệnh cho các sứ đồ ngưng, không được, ngay cả việc nhắc đến tên Giê-su nữa. Thay vì, các sứ đồ không ngừng giảng dạy dân chúng, cho dù chỉ một ngày.

Theo tiếng Hy-lạp, các từ *về Đức Giê-su là Chúa Cứu Thế* theo sát nghĩa đen là “Chúa Cứu Thế Giê-su.” Dưới đây là hai cách giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Bác Sĩ Lu-ca dùng “Chúa Cứu Thế” ở đây như một tước vị, tương đương “Đấng Mê-si-a” hay “Chúa Cứu Thế.” (Trong BCM và BDC người dịch thêm từ “là” và “tức là.”) Đây là một đề tài được nhắc lại của bài giảng trong Công-Vụ. Xem 9:22, 17:3, 18:5 và 18:28.
- (2) Một số khác cho rằng Bác Sĩ Lu-ca đã dùng “Cứu Thế” là một phần trong tên của Ngài, đó là “Chúa Cứu Thế Giê-su.” (BDY)

Cách giải thích thứ nhất thích hợp hơn, vì trong sách Công Vụ Bác Sĩ Lu-ca dùng “Chúa Cứu Thế” gần như là một tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế.” Xem Lời Giải Nghĩa 2:31a cho từ *Cứu Thế*.

- 5:41b** **hân hoan vì được kể là xứng đáng chịu sỉ nhục vì Danh Chúa.**
 Các sứ đồ rất là vui thoả, vì [họ biết rằng Đức Chúa Trời] ban danh dự cho họ [bằng cách để họ] bị đánh và bị sỉ nhục vì họ là môn đệ của Chúa Giê-su.
-HAY-
 Các sứ đồ rất vui mừng[, nói với nhau]: “[Đức Chúa Trời kể] chúng ta là xứng đáng [và để cho người ta] làm cho chúng ta chịu đau đớn vì chúng ta là môn đệ của Chúa Giê-su.”
- 5:42a** **Hằng ngày, dù ở trong Đền Thờ hoặc đi từ nhà này sang nhà khác,**
 Hằng ngày [các sứ đồ đi đến huôn viên] Đền Thờ và đến nhà [của nhiều người khác nhau],
- 5:42b** **họ cứ tiếp tục dạy dỗ và truyền giảng về Đức Giê-su là Chúa Cứu Thế.**
 [và] các sứ đồ tiếp tục dạy dỗ [dân chúng] và họ tiếp tục nói với [dân chúng] rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a.
-HAY-
 [và] các sứ đồ không ngừng dạy dỗ và nói với [dân chúng rằng] Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a.

Phân đoạn phụ 6:1-6 Các sứ đồ chỉ định bảy người để lo việc chăm sóc những nhu cầu của các quả phụ

- 6:1a** **Thời ấy, khi số môn đệ Chúa gia tăng gấp bội,**
 Trong thời đó, có nhiều [người Do Thái] dân chúng trở thành tín hữu [trong Chúa Giê-su].

Phân đoạn phụ 6:1-6 Các sứ đồ chỉ định bảy người để lo việc chăm sóc những nhu cầu của các quả phụ

Đây là một phân đoạn phụ khác của phân đoạn 1:12-6:7, và phân đoạn phụ này gồm có ba phần 6:1, 6:2-4 và 6:5-6. Giới thiệu Sê-tiên (Ê-tiên) và sáu người khác được các sứ đồ đề cử để lo việc chăm sóc các quả phụ người Do Thái nói tiếng Hy-lạp ở Giê-ru-sa-lem.

6:1 Các tín hữu bỏ bê những quả phụ Do Thái nói tiếng Hy-lạp

6:1a

Thời ấy, khi số môn đệ Chúa gia tăng gấp bội: Thời ấy một thời gian không xác định rõ, nhưng chắc không lâu, có lẽ khoảng giữa chương 5 và chương 6. Sau lễ Ngũ Tuần số môn đệ Chúa gia tăng, có nghĩa là số người tin Chúa Giê-su gia tăng.

môn đệ: Đây là lần đầu tiên trong rất nhiều lần, từ môn đệ được nhắc đến trong Công Vụ (6:1-21:16). Từ ngữ này cũng được nhắc lại nhiều lần trong bốn sách Phúc Âm. Trong một vài ngôn ngữ, có lẽ nên phân biệt giữa những người biết Chúa Giê-su một cách trực tiếp, khi Ngài còn tại thế gian và những người tin vào Chúa Giê-su sau khi Ngài đã về trời. Cho lý do này, CDN của PKTCCN có từ “tín hữu [trong Chúa Giê-su]” vì đây là tiếng Hy-lạp.

6:1b

các tín hữu Hy-lạp gốc Do Thái phân nàn về người Do Thái bản xứ: Theo 2:45 và 4:34-35, các tín hữu luôn tiếp tục chăm sóc lẫn nhau về những nhu cầu của họ. Vì thế, khi phải chăm sóc cho những nhu cầu của các quả phụ thì không phải là việc mới lạ đối với họ.

các tín hữu Hy-lạp gốc Do Thái: Lần đầu tiên được nhắc đến ở đây, *các tín hữu Hy-lạp gốc Do Thái*, hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng ở đây ý nói đến những tín hữu Do Thái nói tiếng Hy-lạp. Có thể hàm ý rằng đây là những người Do Thái đã được sinh và lớn lên ở nước ngoài.

phân nàn: Những tín hữu Do Thái nói tiếng Hy-lạp than phiền với những tín hữu Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ rằng họ không bằng lòng cách những tín hữu Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ đối xử với họ không công bằng (trong 6:1c).

người Do Thái bản xứ: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các từ *người Do Thái bản xứ* chỉ về những tín hữu Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ hay A-ra-mai, đó là ngôn ngữ của những người luôn sống trên đất Y-sơ-ra-ên.

6:1c

vì các quả phụ trong nhóm họ bị bỏ bê trong việc cung cấp vật thực hằng ngày: Vì bày tỏ lý do họ phân nàn.

các quả phụ trong nhóm họ: Chỉ về những quả phụ Do Thái nói tiếng Hy-lạp. Sự phân nàn hướng về những tín hữu Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ, những người có trách nhiệm việc chăm sóc nhu cầu của các quả phụ. Theo câu 4:35, các tín hữu tín nhiệm các sứ đồ với số tiền họ trao để phân phát cho người khác. Các sứ đồ có lẽ đã tin cậy các tín hữu nói tiếng Hê-bơ-rơ trong việc phân phát tiền bạc. Chắc họ đã vô tình cung cấp tiền và thực phẩm cho những quả phụ nói tiếng Hy-lạp ít hơn những quả phụ nói tiếng Hê-bơ-rơ.

bị bỏ bê: Theo thì của động từ Hy-lạp, cho thấy những người có trách nhiệm phân phát thực phẩm tiếp tục lơ là đối với các quả phụ này.

trong việc cung cấp vật thực hằng ngày: Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ này theo nghĩa đen là “việc cung cấp hàng ngày.” Tất cả học giả Kinh Thánh đều đồng ý rằng đây là công việc nhằm đáp ứng những nhu cầu cho các quả phụ. Tuy nhiên, các học giả không giống nhau về chỗ là công việc này được thực hiện như thế nào. Các quả phụ được cấp phát cả hai thứ tiền và thực phẩm hay chỉ một trong hai thứ.

6:2-4 Các sứ đồ bảo các tín hữu chọn người để lo việc chăm sóc các quả phụ

6:2a

Mười hai sứ đồ triệu tập toàn thể tín hữu: Bạn nên dùng từ “vì thế” ở đây, vì 6:2 giới thiệu các sứ đồ làm gì để giải quyết nan đề được đề cập trong 6:1.

Mười hai sứ đồ: Kể cả Ma-thia trong 1:26 thay thế cho Giu-đa. Các sứ đồ lại đủ số 12. Vả lại *Mười hai sứ đồ* có lẽ được dùng như là một danh hiệu hơn là một con số.

triệu tập: Động từ *triệu tập* có nghĩa là các sứ đồ mời tất các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem đến họp với các sứ đồ để mọi người có thể quyết định cần phải làm gì.

6:2b

tuyên bố: Chủ từ của động từ *tuyên bố* là “họ,” nói về 12 sứ đồ, thay vì nói đặc biệt về một người. Để cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn có thể nên nói là “họ tuyên bố,” khi một sứ đồ nói và có thể đại diện cho tất cả sứ đồ. Nếu điều này đúng, trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng “một trong các sứ đồ tuyên bố.”

“Bỏ việc phục vụ Lời của Đức Chúa Trời để đi hầu bàn: Mặc dù chăm sóc các quả phụ là việc cần làm, chính Chúa Giê-su đã phán cùng các sứ đồ rằng phải đi khắp nơi và nói về Ngài.

đi hầu bàn: Theo nghĩa bóng, diễn tả việc cung cấp thực phẩm cho các quả phụ. Bạn có thể dùng hoặc câu (I) hay (II) trong CĐN của PKTCN cho 6:2b và 6:2c. Có

6:1b	<p>các tín hữu Hy-lạp gốc Do Thái phàn nàn về người Do Thái bản xứ [Một số tín hữu là người gốc Do Thái đã từng sinh sống ở những quốc gia khác nhau và họ chỉ nói được tiếng Hy-lạp, nhưng hầu hết các tín hữu khác nói được tiếng Hê-bơ-rơ.] Những tín hữu nói tiếng Hy-lạp bắt đầu than phiền về các tín hữu Hê-bơ-rơ.</p>
6:1c	<p>vì các quả phụ trong nhóm họ bị bỏ bê trong việc cung cấp vật thực hàng ngày. [Họ than phiền vì,] khi [các tín hữu Hê-bơ-rơ] phân phát [thực phẩm hay tiền bạc] cho những quả phụ mỗi ngày, họ đã không phân phát một cách công bằng đối với những quả phụ nói tiếng Hy-lạp.</p>
6:2a	<p>Mười hai sứ đồ triệu tập toàn thể tín hữu Vì thế, [sau khi họ nghe những người này than phiền,] mười hai sứ đồ đã triệu tập tất cả tín hữu [khác tại Giê-ru-sa-lem để họp] lại với nhau.</p>
6:2b	<p>tuyên bố: “Bỏ việc phục vụ Lời của Đức Chúa Trời để đi hầu bàn (I) Các sứ đồ nói [với họ]: “Nếu chúng tôi bỏ giảng dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su] để lo việc phân phát thực phẩm [và tiền bạc cho các quả phụ], -HAY- (II) Các sứ đồ nói [với họ]: “Chúng tôi phải tiếp tục giảng dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su]. [Nhưng] nếu chúng tôi lo cả việc phân phát thực phẩm [và tiền bạc cho các quả phụ nữa, chúng tôi sẽ không còn có thì giờ để giảng dạy].</p>
6:2c	<p>là điều không nên làm. (I) chúng tôi đang làm sai! -HAY- (II) Nếu chúng tôi làm điều đó không đúng.</p>
6:3a	<p>Vậy thưa anh em xin hãy chọn giữa vòng mình bảy người Vậy, hỡi anh em, cẩn thận chọn bảy người trong vòng các anh em,</p>

nghĩa là nếu bạn dùng (I) cho 6:2b, thì bạn có thể dùng (I) cho 6:2c và ngược lại.

6:2c

là điều không nên làm: Không rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su là một sự sai lầm.

6:3a

Vậy thưa anh em: Phát ngôn viên đã dùng từ *anh em* để nói đến các tín hữu. Trong ngôn ngữ của bạn, nếu người ta không thường dùng chữ “anh em” hay “bà con” để chỉ về những tín hữu, bạn có thể dùng một từ

tương tự “anh em tín hữu” hay “bạn bè.” Từ “anh em” nói đến tất cả tín hữu khác, không phải chỉ những người nói tiếng Hy-lạp.

xin hãy chọn: Trong tiếng Hy-lạp, động từ *chọn* có nghĩa tuyển lựa sau khi đã xem xét một cách cẩn thận.

giữa vòng mình bảy người: Các sứ đồ ra lệnh cho tất cả tín hữu cẩn thận tuyển lựa *giữa vòng mình bảy người*. Phát ngôn viên cũng đã dùng một từ ngữ thông dụng trong tiếng Hy-lạp “đàn ông” ở đây không có nghĩa là “con người.” Dù vậy, tất cả các bản dịch Việt ngữ đều dùng chữ “con người.” Nếu các sứ đồ gọi những người tình nguyện

này là “chấp sự” thì từ “đàn ông” có thể dùng được. Nhưng hội thánh lúc này chưa có vai trò chấp sự. Ở đây các sứ đồ chỉ kêu gọi một số người tình nguyện để lo công việc trong hội thánh. Vì thế, theo ngữ cảnh cả hai “đàn ông” và “con người” đều có thể chấp nhận. *Mình ý* nói đến tất các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ, ngoại trừ các sứ đồ.

6:3b

được chứng nhận là tốt, đầy dẫy Thánh Linh và khôn ngoan: Đây là những phẩm chất của bảy tín hữu sẽ được chọn. Các học giả Kinh Thánh có sự khác biệt về những phẩm chất như sau:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh cho rằng chỉ cần hai điều kiện. Đó là họ nghĩ nhóm từ *được chứng nhận* có nghĩa là những người khác biết rằng
 - (a) Đức Thánh Linh hoàn toàn điều khiển những người này và
 - (b) họ là những người rất khôn ngoan.
- (2) Một số khác nghĩ rằng có ba điều kiện đòi hỏi những người này phải có:
 - (a) Được những người khác nghĩ tốt về họ.
 - (b) Đức Thánh Linh hoàn toàn điều khiển.
 - (c) Và họ là những người khôn ngoan. Dưới đây là những đề nghị dựa theo 6:3b, nếu bạn theo cách dịch này:

Những người các anh biết [là những người tốt. Họ cần phải là những người] được Đức Thánh Linh điều khiển trọn vẹn và là những người khôn ngoan.

Theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp ủng hộ cách giải thích (1). Nhóm từ *được chứng nhận* đây không phải là một thể thức có thể hành động một cách tự do. “Được chứng nhận” có vẻ như đòi hỏi thêm những chi tiết, mà những từ theo sau sẽ cung cấp. Tuy nhiên, bạn nên theo bản dịch tiếng Việt trong bản dịch của bạn.

đầy dẫy Thánh Linh và khôn ngoan: *Đầy dẫy* áp dụng cho cả hai *Thánh Linh* và *khôn ngoan*. *Đầy dẫy...khôn ngoan* có nghĩa

là Đức Chúa Trời giúp con người hành động một cách khéo léo và khôn ngoan.

6:3c

chúng tôi sẽ giao trách nhiệm này: Đại danh từ *chúng tôi* chỉ về các sứ đồ. Có nghĩa là sau khi các tín hữu chọn 7 người có đủ tiêu chuẩn, các sứ đồ sẽ uỷ quyền cho họ chăm sóc những nhu cầu căn bản của các quả phụ, như cung cấp tiền và thực phẩm cho họ.

6:4

Còn chúng tôi: Bạn có thể dịch liên từ Hy-lạp là *còn* hay “sau đó,” vì đây chỉ cộng thêm những gì các sứ đồ làm. Cách cấu tạo câu văn trong tiếng Hy-lạp nhấn mạnh chủ từ, “chúng tôi.” Vì thế bạn có thể dịch đại danh từ này như “chính chúng tôi.”

sẽ chuyên tâm cầu nguyện: Theo tiếng Hy-lạp, thì của động từ *chuyên tâm* có nghĩa là các sứ đồ sẽ tiếp tục làm những công việc được định sẵn, hay họ sẽ dùng hầu hết thì giờ của mình để làm những công việc đó. Công việc chính của các sứ đồ đã được nói rõ trong 6:4. *Cầu nguyện* ở đây ý nói các sứ đồ cầu nguyện riêng một mình, và ở nơi công cộng. Cầu nguyện công cộng gồm có những lúc các sứ đồ hướng dẫn tín hữu cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời.

và phục vụ Lời Chúa: *Lời Chúa* nói về sự điệp đến từ Đức Chúa Trời, đặc biệt về Chúa Giê-su. Đồng một chữ trong 6:2b. *Phục vụ Lời Chúa*, là “Giảng dạy lời của Đức Chúa Trời,” hay “hầu việc Đức Chúa Trời bằng cách giảng dạy sứ điệp của Ngài.” Có nghĩa là tiếp tục chia sẻ với mọi người về Chúa Giê-su là điều quan trọng nhất trong công việc làm của họ.

6:5-6 Các sứ đồ chọn bảy người để chăm sóc nhu cầu của các quả phụ

6:5a

Toàn thể tín hữu rất hài lòng với đề nghị này: *Đề nghị* này chỉ về những điều các sứ đồ hướng dẫn các tín hữu làm, đó là họ cần chọn bảy người có khả năng và tiếng tốt để

- 6:3b** được chứng nhận là tốt, đầy đặn Thánh Linh và khôn ngoan; những người mà các anh em biết họ để Thánh Linh [của Đức Chúa Trời] điều khiển trọn vẹn đời sống và có sự khôn ngoan.
- 6:3c** chúng tôi sẽ giao trách nhiệm này.
Rồi chúng tôi sẽ giao công việc này cho họ,
- 6:4** Còn chúng tôi sẽ chuyên tâm cầu nguyện và phục vụ Lời Chúa.”
còn chúng tôi sẽ tiếp tục cầu nguyện [với Đức Chúa Trời] và [chúng tôi sẽ tiếp tục] giảng dạy sứ điệp [của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su].”
- 6:5a** Toàn thể tín hữu rất hài lòng với đề nghị này.
Những đề nghị của các sứ đồ đã làm hài lòng tất cả các tín hữu [khác].
-HAY-
Tất cả các tín hữu [khác] đều đồng ý những gì mà các sứ đồ bảo họ làm.
- 6:5b** Họ chọn Sê-tiên (người đầy đặn đức tin và Thánh Linh)
Vì thế [trước nhất] họ chọn Sê-tiên, người đã tin một cách vững vàng [vào Đức Chúa Trời] và được Đức Thánh Linh điều khiển một cách trọn vẹn.
- 6:5c** Phi-líp, Bô-cô-rơ, Ni-ca-nô, Ty-môn, Bác-mê-na, và Ni-cô-la
Và [họ cũng chọn] Phi-líp, Bô-cô-rơ, Ni-ca-nô, Ty-môn, Bác-mê-na, và Ni-cô-la.

chuyên lo cho các nhu cầu của các quả phụ.
Làm toàn thể tín hữu hài lòng ý nói tất cả tín hữu đều đồng ý những gì các sứ đồ khuyên.

6:5b

Họ chọn Sê-tiên (người đầy đặn đức tin và Thánh Linh): Họ chỉ về tất cả các tín hữu, ngoại trừ các sứ đồ. Lý do họ chọn Sê-tiên vì Sê-tiên gần như một người toàn hảo. Có hai điểm đặc biệt nói về Sê-tiên:

- (1) Sê-tiên trung tín, và tin Đức Chúa Trời một cách mạnh mẽ.
- (2) Đức Thánh Linh hoàn toàn hướng dẫn Sê-tiên.

Trong ngôn ngữ của bạn, có lẽ bạn không thường dùng *đầy đặn* với *đức tin* và với *Thánh Linh*. Nếu thích hợp, bạn có thể đổi danh từ “đức tin” thành động từ như: “(ông ấy) đã tin” và nên để “Đức Chúa Trời” là túc từ như trong CDN của PKTCCN.

6:5c

Phi-líp, Bô-cô-rơ, Ni-ca-nô, Ty-môn, Bác-mê-na, và Ni-cô-la: Trong bản dịch của bạn, bạn nên chấm câu ở cuối 6:5b và bắt đầu một câu mới ở 6:5c: “Các tín hữu cũng chọn Phi-líp...” Tất cả những người được chọn, kể cả Sê-tiên, đều có tên Hy-lạp. Điều đó cho thấy họ là những tín hữu Do Thái nói tiếng Hy-lạp. Như thế chắc phù hợp với việc giải quyết nan đề của những quả phụ nói tiếng Hy-lạp.

Điều đáng chú ý ở đây, tên *Phi-líp* được ghi ngay sát sau Sê-tiên, có lẽ vì Phi-líp và Sê-tiên là hai trong bảy người được Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến trong sách Công vụ. Bạn nên có thêm chú thích ở cuối trang về “Phi-líp” này khác với “Phi-líp, một sứ đồ.”

Bốn người khác được ghi vào danh sách bằng tên của họ: *Bô-cô-rơ, Ni-ca-nô, Ty-môn, Bác-mê-na*. Dĩ nhiên bạn cần viết tên những người này thế nào cho hợp với ngôn ngữ của bạn.

6:5d

(người tân tòng quê ở An-ti-ốt): Nhóm từ *người tân tòng* hàm ý rằng Ni-cô-la không phải là người Do Thái theo giấy khai sinh, nhưng ông đã theo đạo Do Thái trước khi tin Chúa Giê-su. Xem 2:10b-11a cho ý nghĩa của “theo đạo Do Thái.” Thực ra, Ni-cô-la là người duy nhất trong bảy người “theo đạo Do Thái.” Điều đó chứng tỏ rằng sáu người kia có cha mẹ là người Do Thái. Bác Sĩ Lu-ca cho biết *Ni-cô-la* là người từ *An-ti-ốt*, một hội thánh hầu hết tín hữu không phải là người Do Thái.

6:6a

rồi trình diện họ trước các sứ đồ: Họ chỉ về bảy người được chọn. Toàn thể tín hữu đã chọn bảy người này, và đem đến với các sứ

đồ để các sứ đồ giao cho họ công việc chăm sóc các quả phụ.

6:6b

Các sứ đồ cầu nguyện và đặt tay trên các người ấy: Đây bày tỏ việc các sứ đồ đã làm để biệt riêng bảy người này cho công tác chăm sóc các quả phụ. Việc đầu tiên, các sứ đồ cầu nguyện cho bảy người này, đương nhiên có Đức Thánh Linh giúp đỡ họ. Rồi các sứ đồ đặt tay trên từng người một. Nếu muốn rõ hơn, bạn có thể nói: “các sứ đồ đặt tay trên đầu của từng người.” Hành động này bày tỏ rằng các sứ đồ biệt riêng những người này, và xin Đức Chúa Trời giúp sức để họ lo công việc của Ngài được tốt đẹp.

Phân đoạn phụ 6:7 Số người tin Chúa Giê-su gia tăng một cách nhanh chóng

Đây là phần Kinh Thánh rất quan trọng, bởi vì đây là điểm chót của phân đoạn (1:12-6:7). Trong câu 6:7 Bác Sĩ Lu-ca tóm lược những sinh hoạt, và tình trạng của cộng đồng tín hữu tại Giê-ru-sa-lem trong lúc đó. Đặc biệt là có nhiều thầy tế lễ cũng tuân theo sứ điệp về Chúa Giê-su.

6:7a

Đạo của Đức Chúa Trời ngày càng phát triển: Trong tiếng Hy-lạp có một từ đồng nghĩa với từ “và” khi giới thiệu câu này. Tuy nhiên, 6:7 có thể được coi là kết quả của những sinh hoạt được xảy ra trong đoạn Kinh Thánh này. Vì lý do đó, bạn có thể dùng một liên từ như “vì thế” hay “và bởi đó” để giới thiệu câu này. Nhóm từ *đạo của*

Đức Chúa Trời nói đến những gì Đức Chúa Trời bày tỏ về Chúa Giê-su cho các tín hữu, và họ phải chia sẻ cho những người khác. Trong tiếng Hy-lạp, *phát triển* có nghĩa là “tăng trưởng/lớn lên.” Điều đó chứng tỏ rằng tín hữu rao truyền sứ điệp của Đức Chúa Trời cho rất nhiều người. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng đây là những sinh hoạt diễn tiến thường xuyên.

ru-sa-lem cho thấy rằng hầu hết tín hữu là người Do Thái và những sinh hoạt của họ phần nhiều nằm trong phạm vi thành phố.

6:7b

số tín hữu tại Giê-ru-sa-lem gia tăng nhiều lắm: Thì của động từ Hy-lạp cho thấy rằng công việc rao giảng lời chúa luôn tiếp tục. Động từ được dùng trong thể thụ động, và “Đức Chúa Trời” được hiểu ngầm như một tác nhân. Có nghĩa là Đức Chúa Trời tiếp tục soi sáng cho rất nhiều người biết và tin vào Chúa Giê-su.

tín hữu: Trong tiếng Hy-lạp, từ được dùng ở đây là “môn đệ.” Cùng một chữ trong tiếng Hy-lạp dùng trong 6:1a cho: “môn đệ.” *Tín hữu* và *môn đệ* có cùng một ý nghĩa, và cả hai đều đúng. Nhóm từ *tại Giê-*

6:7c

cả một số đông các thầy tế lễ cũng thuận phục Đạo: Trong những ngày đầu của Cơ Đốc giáo, có hàng ngàn thầy tế lễ Do Thái tại Giê-ru-sa-lem. Một số đông, ở đây có thể lên trên con số một ngàn trong số nhiều ngàn, thầy tế lễ nghe sứ điệp và tin nhận Chúa Giê-su. Xem Lời Giải Nghĩa trong 4:1b cho *các vị tế lễ*.

cũng thuận phục Đạo: Có nghĩa là có rất nhiều vị tế lễ đã bắt đầu tin nhận Chúa

- 6:5d** (người tân tòng quê ở An-ti-ốt),
Ni-cô-la là gười từ [thành phố] An-ti-ốt đã tin nhận đạo Do Thái [trước khi tin Chúa Giê-su].
- 6:6a** rồi trình diện họ trước các sứ đồ.
Các tín hữu khác đem [bảy] những người này trình với các sứ đồ.
- 6:6b** Các sứ đồ cầu nguyện và đặt tay trên các người ấy.
Các sứ đồ đặt tay lên [đầu của từng người] họ [chỉ định họ làm công việc đó] và cầu nguyện [xin Đức Chúa Trời giúp đỡ những người này].

Phân đoạn phụ 6:7 Số người tin Chúa gia tăng một cách nhanh chóng

- 6:7a** Đạo của Đức Chúa Trời ngày càng phát triển,
[Các tín hữu] tiếp tục rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].
- 6:7b** số tín hữu tại Giê-ru-sa-lem gia tăng nhiều lắm,
Số người tại Giê-ru-sa-lem tin [vào] Chúa [Giê-su] gia tăng một cách thật là nhanh chóng.
-HAY-
[Nhờ Đức Chúa Trời giúp đỡ] một cách liên tục, có nhiều người tại Giê-ru-sa-lem trở thành tín hữu [trong Chúa Giê-su].
- 6:7c** cả một số đông các thầy tế lễ cũng thuận phục Đạo.
[Trong số này] có nhiều thầy tế lễ đã tin sứ điệp [về Chúa Giê-su và họ thường họp nhau với các tín hữu khác]

Giê-su và tiếp tục có nhiều người khác cũng làm như vậy.

Có hai cách giải thích chính quan hệ đến ý nghĩa của từ *Đạo* ở đây:

- (1) Nhiều nhà thần học tin rằng nhóm từ này có nghĩa “Sự giảng dạy về Chúa Giê-su.”

- (2) Một số khác nghĩ rằng nhóm từ này ý nói đến việc “tin nhận Chúa Giê-su.” Dưới đây là đề nghị cho cách giải thích thứ hai:

[Trong số những người này] có nhiều thầy tế lễ đã vâng lời [Đức Chúa Trời bằng cách] tin [vào Đức Giê-su].

Phân đoạn 6:8-9:31 Những người Do Thái giết Sê-tiên, nhiều tín hữu giảng lời Chúa tại Sa-ma-ri, sau đó Sau-lơ tin Chúa

Người Do Thái giết Sê-tiên và bắt bớ các tín hữu khác, vì thế, nhiều tín hữu chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem (6:8-8:3). Phi-líp, cùng với Phê-rơ và Giảng, giảng đạo tại Sa-ma-ri. Sau đó Phi-líp giúp đỡ một người Ê-thi-ô-bi tin Chúa Giê-su (8:4-40). Sau-lơ bắt ngờ gặp Chúa Giê-su và tin nhận Ngài. Sau đó ông giảng Lời Chúa một cách mạnh dạn. Có một số người tìm giết Sau-lơ, nhưng nhờ người giúp đỡ nên ông trốn thoát (9:1-30). Cuối cùng, trong lúc này, hội thánh của Chúa được yên ổn và có nhiều người tin Chúa Giê-su (9:31).

Phân đoạn phụ 6:8-8:3 Những người Do Thái giết Sê-tiên những người tin Chúa chạy trốn vì sự bắt bớ của Sau-lơ

Đức Chúa Trời giúp cho Sê-tiên thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại trong vòng người Do Thái (6:8). Tuy nhiên, có một số người Do Thái phản đối Sê-tiên, nhưng họ không thể bắt bẻ lại những gì ông bảo họ (6:9-10). Vì thế, họ bắt Sê-tiên, ông bị Hội Đồng Do Thái xử án vì có một vài người vu cáo về ông. Sau đó Sê-tiên nói với các nhà lãnh đạo Do Thái và những người khác, ông nhắc lại vắn tắt lịch sử về mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và dân Y-sơ-ra-ên. Ông kết luận bằng cách tố cáo họ giết Đấng Mê-si-a. Vì thế người ta vô cùng giận dữ và liệng đá giết ông (6:11-8:1a). Ngay tức khắc, họ bắt đầu tìm bắt các tín hữu khác và đuổi những người này chạy khỏi Giê-ru-sa-lem (8:1b-3).

Tiểu đoạn 6:8 Sê-tiên làm phép lạ giữa vòng dân chúng

Câu này cung cấp bối cảnh cho phần còn lại của câu chuyện về Sê-tiên. Câu chuyện ghi lại Đức Chúa Trời ban ân sủng và quyền năng cho Sê-tiên thực hiện nhiều phép lạ giữa vòng dân chúng tại Giê-ru-sa-lem.

6:8a

Trong bản Hy-lạp câu này được bắt đầu với một từ ngữ dẫn đến sự bắt đầu của câu chuyện kế tiếp. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một liên từ để giới thiệu phần mới này. Hay, nếu bạn nghĩ không có liên từ sẽ được tự nhiên hơn, tùy ý bạn, vì trong các bản dịch tiếng Việt không có bản nào dịch từ ngữ này.

Sê-tiên đầy đầy ân sủng và quyền năng
Đức Chúa Trời: Có lẽ Bác Sĩ Lu-ca đã cố ý dùng chữ cặp đôi, “ân sủng và quyền năng,” theo một nguyên tắc, “ân sủng” cho thấy quyền năng từ Đức Chúa Trời. Vì thế, bạn có thể dịch “quyền năng của Đức Chúa Trời đang hành động.” Bác Sĩ Lu-ca ghi lại rằng Sê-tiên thực hiện nhiều phép lạ vì Đức Chúa Trời làm việc một cách đầy quyền năng qua Sê-tiên.

6:8b

Thực hiện nhiều phép mầu và dấu lạ vĩ đại giữa dân chúng: Thì của động từ *thực hiện* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Sê-tiên rất thường xuyên thực hiện nhiều phép lạ. Từ

nhiều phép mầu và dấu lạ vĩ đại một lần nữa Bác Sĩ Lu-ca dùng chữ cặp đôi, trong tiếng Hy-lạp là “*phép mầu và dấu lạ*” và trong 2:43 và 7:36. (Trong 4:30, 5:12, 14:3 và 15:12 Lu-ca đã đổi thứ tự thành “các dấu lạ, phép mầu,” nhưng cũng chỉ cùng một ý nghĩa.) Chắc chắn rằng Bác Sĩ Lu-ca cũng coi việc dùng chữ cặp đôi như một nguyên tắc, có nghĩa là “những phép mầu chứng tỏ Đức Chúa Trời đã thực hiện.” Xem Lời Giải Nghĩa ở 2:43b cho “nhiều phép mầu và dấu lạ.”

vĩ đại: Tác giả đã dùng từ *vĩ đại* để nhấn mạnh những phép lạ to lớn như thế nào mà Đức Chúa Trời giúp Sê-tiên thực hiện. Đức Chúa Trời thực hiện những việc siêu nhiên này qua người Do Thái, chắc chắn là để giúp đỡ họ, nhưng điều quan trọng hơn là để cho thấy rằng Đức Chúa Trời làm những điều đó qua Sê-tiên vì ông là môn đệ của Chúa Giê-su. Bạn có thể dịch nguyên câu này như sau: “Đức Chúa Trời giúp đỡ Sê-tiên đầy đầy quyền năng để thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu giữa dân chúng.”

Tiểu đoạn 6:8-9:31 Những người Do Thái giết Sê-tiên, nhiều tín hữu giảng lời Chúa tại Sa-ma-ri, sau đó Sau-lơ tin Chúa

Tiểu đoạn phụ 6:8-8:3 Những người Do Thái giết Sê-tiên, những người tin Chúa chạy trốn vì sự bắt bớ của Sau-lơ

Tiểu đoạn 6:8 Sê-tiên làm phép lạ giữa vòng dân chúng

- 6:8a** Sê-tiên đầy đầy ân sủng và quyền năng Đức Chúa Trời,
Sê-tiên [là một người] đã được Đức Chúa Trời giúp đỡ có đầy quyền năng [trong mọi việc ông làm].
-HAY-
Đức Chúa Trời đã giúp đỡ Sê-tiên có đầy quyền năng [trong việc ông có thể làm].
- 6:8b** thực hiện nhiều phép mầu và dấu lạ vĩ đại giữa dân chúng.
[Vì thế] Sê-tiên thường thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại trong vòng người [Do Thái].
-HAY-
[Vì thế] Sê-tiên đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại để dân [Do Thái] nhìn thấy.

Tiểu đoạn 6:9-10 Dân chúng chống đối Sê-tiên, nhưng không bắt bẻ được lời tranh luận của ông

- 6:9a** Một số hội viên của Hội Đường Tự Do
[Tuy nhiên có một số người chống đối Sê-tiên.] Họ là những người Do Thái trong một nhóm [thường xuyên gặp nhau tại một địa điểm, được gọi là] hội đường Tự Do.

Tiểu đoạn 6:9-10 Dân chúng chống đối Sê-tiên, nhưng không thể bắt bẻ được lời tranh luận của ông

Một số Người Do Thái chống đối Sê-tiên, nhưng họ không thể minh chứng được những gì ông nói không đúng sự thật, vì Đức Thánh Linh đã giúp ông nói một cách khôn ngoan. Thực ra, khi những kẻ chống đối ông cố gắng tìm kiếm những lời lẽ để đối đáp cùng ông, nhưng họ không thể tìm ra.

6:9a

Câu này bắt đầu bằng một chữ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa đen là “[một vài người] đứng dậy.” Trong tiếng Hy-lạp, hàm ý rằng họ chống đối Sê-tiên. “Một vài người” là những người Bác Sĩ Lu-ca nói đến trong

nhóm từ theo sau. Nhóm từ “một vài người” không tìm thấy trong bản dịch tiếng Việt. Có thể dùng một chữ để cho thấy sự tương phản cho phù hợp: “Tuy nhiên, một số hội viên...”

Một số hội viên của Hội Đường Tự

Do: Đây là lần đầu tiên được tìm thấy trong Công Vụ nhóm từ *hội đường*. Nhóm từ này đề cập đến cả hai, nhà hội, nơi các người Do Thái họp để thờ phượng Đức Chúa Trời, và dân chúng, những người đến thờ phượng Chúa tại đó. Có rất nhiều hội đường tại xứ Do Thái, nhưng chỉ có một Đền Thờ. (Xem Lời Giải Nghĩa về “Đền Thờ” trong 2:46a.) Đây chỉ nói đến một hội đường gọi là *hội đường tự do*. Từ ngữ “Người tự do” nói về những người từng là nô lệ nhưng được trả tự do bởi chủ của mình. Vì *hội đường tự do* là một nơi rất đặc biệt, vì thế, bạn nên viết hoa trong bản dịch của bạn: “Hội Đường Tự Do.”

6:9b

họp với các người ở Sy-ren, A-lê-xan-đơ-ria, Si-li-si và Tiểu Á: Dưới đây là hai cách giải thích chính có liên hệ đến các nhóm người chống đối Sê-tiên:

- (1) Một số nhà thần học nghĩ rằng tất cả những người được nhắc đến trong 9b đều là hội viên của “Hội Đường Tự Do.”
- (2) Một số khác cho rằng số người chống đối Sê-tiên gồm có hai nhóm: Một nhóm là những hội viên thuộc “Hội Đường Tự Do,” gồm những người Do Thái từ miền Sy-ren và A-lê-xan-đơ-ria thuộc Bắc Phi và một nhóm khác từ các tỉnh Si-li-si và Tiểu-Á (thuộc Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay).

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì bản văn chỉ nhắc đến tên của một nhà hội, và tên của các người Do Thái từ nhiều nơi khác nhau, họ có thể có sự liên hệ với nhà hội này. Tuy nhiên, điều đó không có một ảnh hưởng quan trọng nào về ý nghĩa của đoạn kinh văn, vì thế bạn có thể dùng bản dịch tiếng Việt để làm nền tảng cho việc dịch phần Kinh Thánh ở đây.

Tiểu đoạn 6:11-8:1a Sê-tiên lên án họ, nên họ tức giận và giết ông ta

Tiểu đoạn này gồm có năm tiểu đoạn phụ: 6:11-15 (dân chúng vu cáo Sê-tiên), 7:1 (lời chất vấn của thầy cả thượng phẩm, 7:2-53 (bài giảng của Sê-tiên), 7:54 (phản ứng của những người lãnh đạo Do Thái), và 7:55-8:1a (Sê-tiên bị giết).

6:9c

tranh luận với Sê-tiên: Vấn đề ở đây không phải có vài nhóm người chống đối Sê-tiên, đó không phải là vấn đề quan trọng, vì tất cả những gì được nhắc đến câu 6:9b-b đều họp lại với 6:9c thành một nhóm. Sê-tiên bị những người này chống đối bằng hình thức *tranh luận*, họ cố gắng minh chứng những gì Sê-tiên nói không đúng với sự thực. Trong tiếng Hy-lạp, thì của động từ cho thấy rằng họ tiếp tục tranh luận với Sê-tiên.

Bản văn không cho biết họ đã tranh luận về vấn đề gì, nhưng có lẽ có liên hệ đến việc Sê-tiên xác nhận Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a. Bản văn cũng không cho biết việc tranh luận xảy ra tại đâu. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng việc này xảy ra tại nhà hội. Dù vậy, nếu bạn nghĩ không cần thiết, bạn không cần phải ghi địa điểm tranh luận vào trong bản dịch của bạn.

6:10

Nhưng họ không chống lại nổi trí khôn cùng Đức Thánh Linh mà Sê-tiên nhờ cậy để nói: Từ *nhưng* cho thấy một sự trái ngược giữa câu 6:10 và 6:9c. Họ có thể tranh luận với Sê-tiên nhưng không thể chứng tỏ được Sê-tiên sai.

chống lại nổi trí khôn cùng Đức Thánh Linh: Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ này có nghĩa đen là “sự khải thị và Thần Linh.” Đây là cách dùng chữ kép cho thấy một nguyên tắc mà bạn có thể dịch như “khải thị của Thánh Linh” hay “sự khải thị từ Đức Thánh Linh.” Nói một cách khác, Đức Thánh Linh giúp Sê-tiên nói một cách khôn ngoan đến nỗi họ không tìm được lý do để chứng minh những điều ông nói sai với sự thật.

- 6:9b** **hợp với các người ở Sy-ren, A-lê-xan-đơ-ria, Si-li-si và Tiểu Á**
[Đây là những người Do Thái] từ [các thành phố] Sy-ren, A-lê-xan-đơ-ria, và [cũng] từ [các tỉnh] thuộc xứ Si-li-si và Tiểu Á.
- 6:9c** **tranh luận với Sê-tiên.**
[Tất cả] những người này tranh luận với Sê-tiên.
- 6:10** **Nhưng họ không chống lại nổi trí khôn cùng Đức Thánh Linh mà Sê-tiên nhờ cậy để nói;**
Nhưng họ không thể bắt bẻ lại [những gì ông nói, vì Đức Thánh Linh] giúp ông nói một cách khôn ngoan.

Tiểu đoạn 6:11-8:1a Sê-tiên tố cáo họ, vì thế họ giận dữ và giết Sê-tiên

Tiểu đoạn phụ 6:11-15 Dân chúng vu cáo Sê-tiên

- 6:11a** **nên họ ngậm xúi giục mấy người tố cáo:**
Nên những người đó ngậm xúi giục [vài] người tố cáo [Sê-tiên một cách dối trá].
- 6:11b** **“Chúng tôi đã nghe nó xúc phạm đến Môi-se và Đức Chúa Trời!”**
[Những người này nói:] “Chúng tôi nghe nó nói xúc phạm đến Môi-se và Đức Chúa Trời.”

Tiểu đoạn phụ 6:11-15 Dân chúng vu cáo Sê-tiên

Trước Hội Đồng Do Thái, người ta đã tố cáo Sê-tiên một cách giả trá. Họ nói rằng Sê-tiên chống nghịch Đền Thờ và luật Do Thái (trong các câu 6:11 và 6:12-14). Tuy nhiên, tất cả dân chúng thấy mặt gương mặt Sê-tiên sáng rực giống như mặt thiên sứ. (6:15).

6:11 Dân chúng xúi giục vài người tố cáo giả mạo Sê-tiên

6:11a

nên họ ngậm xúi giục mấy người tố cáo:
Những người này thất bại trong việc tranh luận với Sê-tiên, vì thế họ ngậm xúi một vài người làm chứng dối về Sê-tiên. Có lẽ họ cũng cho tiền những người làm chứng dối này.

tố cáo: Trong tiếng Hy-lạp, thì của động từ (6:11a) cho thấy rằng những người này tiếp tục lặp lại nhiều lần việc tố cáo Sê-tiên.

6:11b

“Chúng tôi đã nghe nó xúc phạm đến Môi-se và Đức Chúa Trời!”: Những từ này tượng trưng cho việc làm chứng dối về Sê-tiên mà một số người nói với dân chúng. Thì của động từ Hy-lạp *xúc phạm* cho thấy rằng Sê-tiên nhắc lại nhiều lần như thế. Nhóm từ *xúc phạm ý* nói những lời lăng mạ Đức Chúa Trời hay những gì thuộc về Đức Chúa Trời.

Môi-se và Đức Chúa Trời: *Môi-se và Đức Chúa Trời* được liên hệ với nhau, vì Môi-se là người nhận luật pháp của Đức Chúa Trời và truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên. Vì thế họ vu cáo trá rằng Sê-tiên nói những lời lăng mạ đến vị tiên tri lớn của họ là Môi-se, và về Đức Chúa Trời. Điều này hàm ý rằng Môi-se, luật pháp mà ông viết, và Đức

Chúa Trời là những đề tài mà họ tranh luận cùng Sê-tiên.

6:12-14 Dân chúng đem Sê-tiên đến Hội Đồng Do Thái và có một vài người tố cáo ông một cách giả mạo

6:12a

Vậy họ sách động quần chúng, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một chữ có nghĩa là “và.” Nhưng trường hợp ở đây, chữ *vậy* sát với ý chính hơn, vì 6:12a cho thấy phản ứng của dân chúng đối với những lời vu cáo về Sê-tiên. Đại danh từ *họ* có lẽ nói đến những người đang tranh luận với Sê-tiên, nhưng cũng có thể kể cả những người được xúi giục để vu cáo về Sê-tiên.

sách động: Có nghĩa là họ thuyết phục những người khác tức giận và chống đối Sê-tiên. Động từ này hàm ý rằng nếu không có những người lãnh đạo xúi giục chắc họ không có lý do để giận dữ Sê-tiên.

quần chúng: Những người Do Thái nghe những lời chứng dối về Sê-tiên.

các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật: Xem Lời Giải Nghĩa trong 4:5 cho “các nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật.”

6:12b

rồi bắt Sê-tiên: Trong tiếng Hy-lạp, thì của động từ hàm ý rằng họ vô chộp lấy Sê-tiên một cách thành linh. Nếu cả đám đông cùng ùa chộp lấy Sê-tiên, họ tấn công ông một cách không hợp pháp. Nếu chỉ có những người lãnh đạo hành động, thì bạn có thể nói rằng họ bắt giữ Sê-tiên. Theo ngữ cảnh, có lẽ cả đám đông đã tóm giữ Sê-tiên khi chưa có lệnh của các nhà lãnh đạo.

giải ra trước Hội Đồng: Động từ *giải* có nghĩa là dẫn can tội đến nhà cầm quyền. Tuy nhiên, theo ngữ cảnh cho thấy rằng cả đám đông đã dùng vũ lực để bắt giải Sê-tiên. Cho nhóm từ *Hội Đồng* xem Lời Giải Nghĩa “các lãnh đạo, các trưởng lão, và các thầy dạy luật” ở câu 4:5.

6:13a

và đặt nhân chứng khai man rằng: *Đặt nhân chứng* có nghĩa là bằng cách nào đó họ thuyết phục một vài người làm chứng đối với Hội Đồng Do Thái về Sê-tiên. Văn phạm trong tiếng Hy-lạp cho thấy có lẽ những người làm chứng dối này không phải là những người được nhắc tới trong 6:11a. (Để biết rõ ý nghĩa của “nhân chứng,” coi lại những gì bạn dùng trong 1:8.)

khai man rằng: Những nhân chứng khai/kể lại những gì họ nghe Sê-tiên nói, nhưng thật ra họ đang nói dối, vì những lời khai của họ không đúng với sự thật. Nhóm từ này giới thiệu về những gì các người chứng dối nói.

6:13b

Tên này: Người làm chứng nói về Sê-tiên, và cùng cho thấy sự khinh miệt đối với ông.

liên tục nói những lời chống nghịch đến thánh này và Kinh Luật: Nhóm từ *đến thánh này* nói về những cơ sở và khuôn viên Đền Thờ trong thành Giê-ru-sa-lem. “Thánh” ở đây có nghĩa cơ sở này được biệt riêng để dùng vào việc thờ phượng Đức Chúa Trời. *Kinh Luật* nói về Ngũ Kinh mà Môi-se nhận từ Đức Chúa Trời để truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên.

6:14a

vì chúng tôi nghe nó bảo: Trong tiếng Hy-lạp có một liên từ ở đây có thể dịch thành chữ *vì*. Tuy nhiên, đó là một liên từ phụ, và nó cho thấy có một mệnh đề chính được hiểu ngầm ở đây, chẳng hạn như “chúng tôi biết rằng.” Trong ngôn ngữ của bạn, có lẽ không được đúng văn phạm, nếu bạn dùng từ “vì” để giới thiệu một câu văn độc lập. Vì lẽ đó, trong BDY không có liên từ, nhưng chỉ có “Chúng tôi nghe nó....”

“Giê-su, người Na-xa-rét, sẽ phá hủy nơi này: Đây là một trong những điều họ khai rằng họ nghe Sê-tiên nói. Các nhà học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những người làm chứng dối gọi tên *Giê-su* một cách không có sự kính trọng. So sánh từ “Người ấy” mà thầy cả thượng phẩm dùng để gọi Chúa Giê-su (5:28c). Nhóm từ *người Na-xa-rét* được

6:12a	Vậy họ sách động quần chúng, các trưởng lão và các chuyên gia kinh luật, Vậy [trong mưu kế đó] họ cổ võ [những người Do Thái khác] dân chúng, [gồm có] các trưởng lão, các chuyên gia kinh luật.
6:12b	rồi bắt Sê-tiên giải ra trước Hội Đồng Rồi [tất cả những người này] bắt Sê-tiên và lôi ông đến trước Hội Đồng.
6:13a	và đặt nhân chứng khai man rằng: Sau đó họ [cũng] đem đến vài người để làm chứng dối.
6:13b	“Tên này liên tục nói những lời chống nghịch đên thánh này và Kinh Luật; [Những người này nói:] “Tên này luôn nói chống nghịch về đên thánh [của Đức Chúa Trời] và luật pháp [mà Đức Chúa Trời ban cho Môi-se để truyền lại cho chúng ta.]. -HAY- [Nhưng người này nói:] “Người này chẳng chịu thôi nói nghịch đến đên thánh của Đức Chúa Trời [mà dân sự dâng cho Ngài] và luật pháp [mà Môi-se nhận từ Đức Chúa Trời].
6:14a	vì chúng tôi nghe nó bảo: “Giê-su, người Na-xa-rét, sẽ phá hủy nơi này [Chúng tôi biết hán đã nói nghịch cùng Đức Chúa Trời] vì chúng tôi đã nghe hán nói rằng Giê-su từ [thành] Na-xa-rét sẽ phá đổ Đền-Thờ, -HAY- Chúng tôi đã nghe hán nói rằng Chúa Giê-su người [thành] Na-xa-rét sẽ phá đổ Đền-Thờ,
6:14b	và cải cách phong tục mà Môi-se đã truyền cho chúng ta.” và sẽ làm cho chúng ta sống một đời sống khác với những gì mà Môi-se đã truyền dạy cho tổ tiên chúng ta.

dùng để nhận diện Chúa Giê-su bằng cách gọi tên thành phố nơi Ngài đã được lớn lên. Những người chứng dối này khai họ nghe Sê-tiên nói rằng Chúa Giê-su sẽ phá hủy Đền Thờ.

6:14b
và cải cách phong tục mà Môi-se đã truyền cho chúng ta: Việc thứ hai mà những người chứng dối này kể là họ nghe Sê-tiên nói

Chúa Giê-su sẽ *cải cách phong tục mà Môi-se đã truyền cho họ*. Họ có ý nói rằng Chúa Giê-su sẽ phá bỏ luật pháp mà Đức Chúa Trời ban cho Môi-se mà tổ tiên của họ truyền lại. Cũng có nhiều truyền thống liên hệ đến luật pháp đó mà người Do Thái cho rằng đó là một sự cần thiết phải tuân theo. Theo những người chứng dối về Sê-tiên, Chúa Giê-su có thể sẽ thay đổi tất cả lối sống của người Do Thái.

6:15 Dân chúng thấy mặt Sê-tiên chiếu sáng như mặt thiên sứ.

6:15a

Tất cả các hội viên có mặt trong Hội Đồng chăm chú nhìn Sê-tiên: Có sự khác biệt giữa các học giả Kinh Thánh liên hệ đến *tất cả* muốn nói đến những ai:

- (1) Một số học giả cho rằng *tất cả* ở đây bao gồm cả hai, những hội viên Hội Đồng Do Thái và tất cả những người có mặt tại tòa.
- (2) Một số khác cho rằng *tất cả* chỉ riêng về các hội viên của Hội Đồng.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì trong phòng của tòa án ngoài các hội viên của Hội Đồng còn có nhiều người khác, họ cũng có thể thấy rõ mặt Sê-tiên. Sau khi nghe những người nói chứng đối về Sê-tiên, mọi người có lẽ nhìn thẳng về Sê-tiên, để

xem phản ứng của ông ta. Như trong 6:2b, theo đối ở CĐN 1 và 2 của PKTCCN cho cả hai phần của câu 6:15.

6:15b

thấy gương mặt ông sáng rực như dung nhan thiên sứ: Có lẽ tất cả mọi người cho rằng mặt Sê-tiên sẽ là gương mặt của một tội nhân, sau khi ông nghe những lời tố cáo khùng khiếp về Đền Thờ và luật pháp Môi-se. Nhưng ngược lại, họ thấy gương mặt của ông trông có vẻ giống *như dung nhan thiên sứ*. Hầu hết các nhà thần học cho rằng mặt Sê-tiên lúc bấy giờ chiếu sáng giống như mặt của Môi-se khi Đức Chúa Trời nói chuyện với ông trong (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29-35). Chắc chắn rằng những hào quang trên mặt Sê-tiên cho thấy Đức Thánh Linh đang hoàn toàn điều khiển ông.

Tiểu đoạn 7:1 Vị trưởng tế hỏi Sê-tiên phải chăng những lời tố cáo đó là sự thực

Trong 6:13-14, dân chúng vu cáo rằng Sê-tiên tiếp tục nói những lời phạm đến Đền Thờ và luật pháp của Đức Chúa Trời. Họ cũng nói rằng Sê-tiên nói Giê-su sẽ phá hủy Đền Thờ và thay đổi các luật lệ Môi-se đã truyền. Vì thế, trong 7:1, thầy cả thượng phẩm hỏi Sê-tiên một câu hỏi và chờ đợi câu trả lời.

7:1a

Vị trưởng tế hỏi: Bối cảnh ở đây là tại Giê-ru-sa-lem nơi Hội Đồng Do Thái nhóm họp. Những người có mặt tại đó gồm có Sê-tiên, các hội viên của Hội Đồng Do Thái, và những người đến để vu cáo Sê-tiên. *Vị trưởng tế* là người chủ tọa phiên tòa, có lẽ là Cai-phe. Mặc dù A-na là cựu thầy cả thượng phẩm, có thể cũng có mặt tại đó nữa (4:6). Về thành phần của Hội Đồng Do Thái, xem Lời Giải Nghĩa ở 4:5 “Các nhà lãnh đạo, các trưởng lão, các chuyên gia kinh luật.”

hỏi: Trong tiếng Hy-lạp từ được dùng ở đây là “nói.” Tuy nhiên, vì những gì vị trưởng tế nói trong phạm vi của một câu hỏi

nên bạn có thể dùng từ “hỏi” hay “đặt câu hỏi.”

7:1b

“Các lời tố cáo đó có đúng không?”: Các lời tố cáo đó nói đến những gì mà người ta vu cáo Sê-tiên trong các câu 6:13-14. Bạn cần nên giải thích rõ câu hỏi này, như CĐN của PKTCCN. Vị trưởng tế muốn biết những lời tố cáo đó là đúng sự thật hay không. Mặc dù câu hỏi này có thể được trả lời một cách đơn giản là có hay không, vị trưởng tế có lẽ mong đợi Sê-tiên giải thích thực sự ông đã nói gì, thay vì chỉ nói rằng *các lời tố cáo đó* là đúng hay không đúng.

- 6:15a** **Tất cả các hội viên có mặt trong Hội Đồng chăm chú nhìn Sê-tiên,**
 (I) Trong khi tất cả [dân chúng] là những người còn ngồi trong [một phòng] tại Hội Đồng chăm chú nhìn Sê-tiên,
-HAY-
 (II) Khi tất cả [dân chúng] còn ngồi trong [phòng nghe điều này, họ] đều chăm chú nhìn Sê-tiên.
 [“Hãy nói cho chúng tôi,] có phải những lời [mà các người này tố cáo anh] là đúng sự thật?”
- 6:15b** **thấy gương mặt ông sáng rực như dung nhan thiên sứ.**
 (I) thấy gương mặt ông [rực sáng] giống mặt thiên sứ.
-HAY-
 (II) Họ thấy gương mặt ông [sáng rực] giống mặt thiên sứ [có lẽ cũng sáng như vậy].

Tiểu đoạn phụ 7:1 Vị trưởng tế hỏi Sê-tiên phải chăng những lời tố cáo đó là sự thật

- 7:1a** **Vị trưởng tế hỏi:**
 Sau đó thầy cả thượng phẩm hỏi Sê-tiên:
- 7:1b** **“Các lời tố cáo đó có đúng không?”**
 “Có phải những lời [mà các người này tố cáo anh] là sự thật?”
-HAY-
 [“Hãy nói cho chúng tôi,] có phải những lời [mà các người này tố cáo anh] là đúng sự thật?”

Tiểu đoạn phụ 7:2-53 Sê-tiên trả lời rằng thính giả của ông là những người chống đối Đức Chúa Trời

Sê-tiên gián tiếp bình vực cho mình bằng cách nhắc lại lịch sử Y-sơ-ra-ên. Bắt đầu từ Áp-ra-ham cho đến Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài. Trong câu chuyện lịch sử này, Sê-tiên chỉ rõ thái độ của cả dân tộc Do Thái đối với Đức Chúa Trời. Ông hàm ý rằng đa số người Do Thái, kể cả những người lãnh đạo đều không vâng lời Đức Chúa Trời và không giữ lời giao ước. Vì lẽ đó, nên Đức Chúa Trời không còn đẹp lòng trong cách họ thờ phượng Ngài. Theo lời tường thuật của Sê-tiên về lịch sử của người Y-sơ-ra-ên nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời luôn luôn là thành tín, nhưng dân sự Y-sơ-ra-ên luôn thất tín với Ngài. Họ từ khước những người lãnh đạo Đức Chúa Trời dấy lên để hướng dẫn họ, và họ lầm tưởng rằng Đức Chúa Trời chỉ muốn gặp họ tại Đền Thờ mà thôi.

Người ta có thể viết dàn bài về bài giảng của Sê-tiên như sau đây:

Tiểu đoạn phụ 7:2-53 Sê-tiên trả lời rằng những người đang nghe Sê-tiên nói là những người chống đối Đức Chúa Trời

7:2-43 Sê-tiên kể lại dân sự Y-sơ-ra-ên đã từ khước Môi-se như thế nào và Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ

7:2-8 Đức Chúa Trời hứa ban cho con cháu Áp-ra-ham đất này và lập giao ước về lễ cắt bì

- 7:2-4 Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham đi đến xứ mà Ngài sẽ chỉ cho ông
- 7:5 Đức Chúa Trời hứa ban một xứ cho Áp-ra-ham và con cháu của ông
- 7:6-7 Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham rằng sau này Ngài sẽ đem con cháu của ông ra khỏi xứ Ai-cập
- 7:8 Đức Chúa Trời phán với Áp-ra-ham về việc giữ lễ cắt bì cho hậu tự của ông
- 7:9-16 Giô-sép giúp gia đình Gia-cốp dời qua xứ Ai-cập; và về sau họ được chôn tại xứ Ca-na-an
- 7:9-10 Đức Chúa Trời giúp Giô-sép nên được Pha-ra-ôn ban cho chức tể tướng
- 7:11-15a Vì nạn mất mùa tại xứ Ca-na-an, nên gia đình của Gia-cốp dời qua xứ Ai-cập
- 7:15b-16 Khi Gia-cốp và các con ông chết, người ta chôn họ tại xứ Ca-na-an
- 7:17-43 Dân sự Y-sơ-ra-ên từ khước Môi-se, nên Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ
- 7:17-19 Vua Ai-cập khác không biết rõ về Giô-sép, nên bắt đầu áp bức dân Y-sơ-ra-ên
- 7:20-22 Môi-se, được lớn lên như một người Ai-cập, lời nói và hành động của ông đầy quyền năng
- 7:23-29 Môi-se lỡ đánh chết một người Ai-cập, nên ông phải trốn qua xứ Ma-đi-an
- 7:30-34 Đức Chúa Trời sai Môi-se đi giải cứu người Do Thái ra khỏi xứ Ai-cập
- 7:35-38 Đức Chúa Trời sai Môi-se hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên và cho họ biết về một Tiên Tri sẽ đến
- 7:39-43 Y-sơ-ra-ên từ khước Môi-se, nên Đức Chúa Trời từ khước họ và bảo Ngài sẽ trừng phạt họ
- 7:44-50 Từ lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, Sê-tiên suy ra rằng dân sự có thể thờ phượng Đức Chúa Trời bất cứ tại nơi nào
- 7:44-47 Dân sự thờ phượng Đức Chúa Trời tại cái lều Môi-se dựng lên và tại Đền Thờ Sa-lô-môn xây cất
- 7:48-50 Dân sự có thể thờ phượng Đức Chúa Trời bất cứ tại nơi nào, không phải chỉ ở tại một nơi nhất định
- 7:51-53 Sê-tiên bảo những người đang nghe ông nói là những người chống đối lại Đức Chúa Trời

7:2-43 Sê-tiên kể lại dân sự Y-sơ-ra-ên đã từ khước Môi-se như thế nào và Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ

Thời gian cũng như nội dung của bài giảng của Sê-tiên trong phần này cho thấy đây là một bài giảng rất quan trọng. Nó là phần đầu làm nền tảng cho phần kết luận trong 7:51-53. Người ta có thể tóm tắt 7:2-43 như sau: Sê-tiên kể lại Đức Chúa Trời hướng dẫn Áp-ra-ham, Giô-sép và Môi-se như thế nào. Nhưng vì người Y-sơ-ra-ên từ khước Môi-se người mà Đức Chúa Trời sai đến để hướng dẫn và giải cứu họ, nên Đức Chúa Trời từ

khước họ và báo trước rằng Ngài sẽ trừng phạt họ. Môi-se bảo họ rằng sau này Đức Chúa Trời sẽ sai đến một tiên tri như ông. 7:2-43 có ba phần gồm nhiều đoạn: 7:2-8, 7:9-16 và 7:17-43.

7:2-8 Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham đất này và phán phải giữ lễ cắt bì cho hậu tự của ông

Người ta có thể tóm tắt phần này như sau: Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham rằng Ngài sẽ ban xứ này cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông, và Đức Chúa Trời đòi hỏi phải làm lễ

Tiểu đoạn phụ 7:2-53 Sê-tiên trả lời rằng thánh giá của ông là những người chống đối Đức Chúa Trời

- 7:2a** **Sê-tiên đáp:**
Sê-tiên trả lời [vị trưởng tế và những người lãnh đạo Do Thái khác]:
- 7:2b** **“Thưa quý anh, quý cha, xin nghe tôi trình bày.**
“Thưa quý vị lãnh đạo Do Thái, [xin hãy vui lòng] lắng nghe [tôi nói].
-HAY-
“Hỡi các người Do Thái [quý vị là] những hội viên của Hội Đồng và được kính trọng, [xin vui lòng] nghe [tôi nói].
- 7:2c** **Đức Chúa Trời vinh quang đã hiện ra gặp tổ phụ chúng ta là Áp-ra-ham**
Sự vinh quang của Đức Chúa Trời [mà chúng ta thờ phượng] đã hiện ra với tổ phụ chúng ta là Áp-ra-ham.
-HAY-
Đức Chúa Trời [của chúng ta] là Đấng vĩ đại, đã hiện ra với tổ phụ chúng ta là Áp-ra-ham.

cất bì cho tất cả người nam trong vòng hậu tự của ông. Trong phần này gồm có bốn phần nhỏ theo sau: 7:2-4, 7:5, 7:6-7 và 7:8.

7:2-4 Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham hãy đi đến nơi mà Ngài sẽ chỉ cho ông

7:2a

Sê-tiên đáp: Sê-tiên không trả lời câu hỏi của thầy cả thượng phẩm một cách trực tiếp. Nhưng ông nhắc lại lịch sử của dân Do Thái, cho thấy rằng ông rất kính trọng Đức Chúa Trời và Môi-se. Sê-tiên nhắc lại lịch sử của quốc gia Do Thái và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đối đãi rất tốt với họ nhưng họ lại chống đối Ngài. Về phần trả lời của Sê-tiên, đặc biệt là trong 7:2b-50, thầy cả thượng phẩm và tất cả những người có mặt tại đó nên hiểu rằng không phải Sê-tiên đang cố gắng ngăn cản dân sự Do Thái thờ phượng Đức Chúa Trời như Ngài đã phán dạy. Nhưng thay vào đó chính ông đã cho thấy rằng ông rất kính trọng Đức Chúa Trời và những người mà Đức Chúa Trời đã sai đến để giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên.

7:2b

Thưa quý anh, quý cha, xin nghe tôi trình bày: *Thưa quý anh, quý cha* là một lối nói rất kính trọng mà Phao-lô nói với người Do Thái trong 22:1. Nếu trong ngôn ngữ của bạn *anh* và *cha* chỉ về những người bà con cùng dòng máu, bạn có thể xưng hô như thế này “hỡi các đồng hương Y-sơ-ra-ên” và “kính trọng những người lớn tuổi.” Sê-tiên liên hệ chính mình với người nghe như một người Do Thái trong những người Do Thái.

quý cha: Đây là từ ngữ dùng trong cách xưng hô bày sự kính trọng đối với những người lãnh đạo trong tôn giáo, đặc biệt là những hội viên trong Hội Đồng của người Do Thái, những người Sê-tiên đang nói đến.

xin nghe: Bạn nên dịch từ *xin nghe* thế nào đó để có thể thấy được một thái độ rất lịch sự và nhã nhặn của Sê-tiên.

7:2c

Đức Chúa Trời vinh quang: Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ *vinh quang* trong sự quan hệ đến Đức Chúa Trời:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh cho rằng từ này ý nói đến sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, thay vì sự chiếu sáng rạng ngời mà con người có thể nhìn thấy được.

- (2) Một số khác nghĩ rằng từ này nói đến sự sáng chói có thể nhìn thấy được, giống như đám mây bay lượn trên đền tạm của Đức Chúa Trời trong CU.

Đây là lý do tại sao cách giải thích thứ nhất đúng hơn. Khi Đức Chúa Trời thăm viếng Áp-ra-ham, Ngài xuất hiện trong hình thể của một con người bình thường. Trong Sáng Thế Ký 18:2 “ba người đàn ông” đến viếng Áp-ra-ham. Một trong ba người là “Đức Giê-hô-va” là Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký. 18:17-33) và hai người kia là thiên sứ (Sáng Thế Ký. 19:1). Sáng-thế Ký 15:17 chỉ ghi lại một lần khi người viết gắn gụi với lửa và ánh sáng của Đức Chúa Trời trong lúc Ngài viếng thăm Áp-ra-ham. Khói và ánh sáng trong lò than cho thấy sự hiện diện của Đức Chúa Trời tại nơi đó.

Trong một vài ngôn ngữ, người ta phải nói rằng Đức Chúa Trời là “Đức Chúa Trời của họ.” Ví dụ, họ có thể nói “Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng vĩ đại.” Trong những ngôn ngữ khác, người ta không thể nói: “Đức Chúa Trời của chúng ta.” Trong ngôn ngữ của bạn, người ta gọi Đức Chúa Trời như thế nào?

đã hiện ra gặp tổ phụ chúng ta là Áp-ra-ham: Bạn không thể dịch động từ *hiện ra* như là “Áp-ra-ham đã thấy.” Tác giả Sáng Thế Ký 12 không cho biết Đức Chúa Trời đã đến với Áp-ra-ham như thế nào. Nhưng ở đây, động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Đức Chúa Trời hiện ra với Áp-ra-ham nên ông gặp Ngài.

7:2d

khi người còn ở xứ Luỡng Hà, trước khi cư trú tại Cha-ran: Đức Chúa Trời trước tiên hiện ra với Áp-ra-ham trong khi ông, cha ông và anh em ông còn ở tại Luỡng Hà, đây là một vùng nằm giữa sông Ô-phơ-rát và sông Hê-đi-ke. Vùng này cách xứ Ca-na-an hàng trăm cây số về hướng đông. Theo Sáng-thế Ký 11:31, cha của Áp-ra-ham là Tha-rê và cháu trai của ông là Lót, rời bỏ U-rơ thuộc vùng Luỡng Hà. Họ từ U-rơ đi xa về hướng tây bắc và định cư tại Cha-ran một vùng thuộc hướng bắc của Luỡng Hà.

Nếu, trong ngôn ngữ của bạn, việc tường thuật lại những biến cố cần kể theo thứ tự của từng việc xảy ra là quan trọng, thì bạn có thể nói: “Trong khi Áp-ra-ham đang còn ở tại nơi sinh quán của ông, thuộc vùng Luỡng Hà, Đức Chúa Trời hiện ra và bảo ông hãy đi lập nghiệp tại một xứ khác mà Ngài sẽ chỉ cho ông.” Câu 3 lời phán của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và câu 4 cho thấy Áp-ra-ham rời khỏi U-rơ và đi đến Cha-ran. Vì thế bạn có thể không cần mệnh đề chót của câu 2 *trước khi cư trú tại Cha-ran*. Hay, nếu muốn, bạn có thể đặt mệnh đề này ở đầu câu.

7:3a

Hãy ra khỏi đất nước người và từ già bà con người: Tất cả gia đình và giòng họ của Áp-ra-ham đều sinh sống tại thành phố U-rơ thuộc vùng Luỡng Hà. Vâng theo lời phán của Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham rời khỏi quê hương và bà con họ hàng của ông, đem theo vợ là Sa-rai, cha già, và cháu trai tên là Lót. Ba của Lót đã qua đời.

7:3b

‘mà đi vào miền đất mà Ta sẽ chỉ cho’: Đức Chúa Trời chắc sẽ đi trước và dẫn đường cho Áp-ra-ham đến vùng đất mới. Các từ *ta sẽ chỉ cho* có nghĩa rằng Ngài sẽ hướng dẫn để Áp-ra-ham biết rõ nơi ông sẽ đi đến.

7:4a

Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu với một từ cho thấy rằng Áp-ra-ham đã làm đúng như lời Đức Chúa Trời phán cùng ông. Từ này có thể dịch sát ý theo từng chữ là “bấy giờ” theo trong BDC. BDM dịch từ này sát ý theo tiếng Hy-lạp là ‘liên.’ Tuy nhiên, theo ngữ cảnh trong tiếng Hy-lạp ý của từ này có thể dịch là “vì thế.”

Áp-ra-ham liền ra khỏi xứ Canh-đê và đến cư trú tại Cha-ran: Rõ ràng là Đức Chúa Trời ít ra cũng đã cho phép hay hướng dẫn để ông định cư tại Cha-ran, có lẽ để Áp-ra-ham có thể chăm sóc cha già. *Xứ Canh-đê* là một tên khác được dùng để gọi xứ “Luỡng Hà” (xem câu 2).

7:2d	<p>khi người còn ở xứ Lưỡng Hà, trước khi cư trú tại Cha-ran [Đức Chúa Trời đã hiện ra với Áp-ra-ham] khi ông còn [cư ngụ] tại [vùng của xứ] Lưỡng Hà, trước khi ông dời qua xứ Cha-ran.</p>
7:3a	<p>và bảo người: ‘Hãy ra khỏi đất nước người và từ giã bà con người Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: ‘Hãy rời khỏi nơi này, nơi người và bà con người [đang trú ngụ] -HAY- Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: ‘Hãy rời khỏi xứ này và [rời khỏi] bà con của người</p>
7:3b	<p>mà đi vào miền đất mà ta sẽ chỉ cho.’ và đi đến xứ mà ta sẽ chỉ cho.’</p>
7:4a	<p>Áp-ra-ham liền ra khỏi xứ Canh-dê và đến cư trú tại Cha-ran. Do đó, Áp-ra-ham rời khỏi xứ ông đang cư ngụ [nơi người ta gọi là] Canh-dê để đi đến tại [thành phố] Cha-ran và sinh sống tại đây.</p>
7:4b	<p>Sau khi thân phụ qua đời, Đức Chúa Trời khiến người di cư qua miền đất này, là xứ quý vị đang ở. Sau khi cha của ông qua đời, Đức Chúa Trời hướng dẫn ông đi đến xứ này nơi mà các anh [và tôi] đang cư ngụ.</p>
7:5a	<p>Chúa chẳng cho người sản nghiệp nào, dù một mảnh đất đặt bàn chân cũng không, [Trong lúc đó] Đức Chúa Trời không cho Áp-ra-ham một mảnh [đất nào] dù một mảnh đất nhỏ cũng không. -HAY- [Lúc bấy giờ] Đức Chúa Trời chẳng cho Áp-ra-ham một [mảnh đất nào ở] tại đây], ngay cả một miếng nhỏ [tại xứ này] đủ đặt bàn chân để ông làm chủ cũng không.</p>

7:4b

Sau khi thân phụ qua đời, Đức Chúa Trời khiến người di cư qua miền đất này, là xứ quý vị đang ở: Mệnh đề thứ nhất trong câu này hàm ý Áp-ra-ham có trách nhiệm lo chăm sóc cha của ông. Sau khi ba của ông qua đời, Đức Chúa Trời hướng dẫn Áp-ra-ham đến vùng đất hiện có tên là Y-sơ-ra-ên, đó chính là nơi Sê-tiên và những người nghe ông đang cư ngụ.

7:5 Đức Chúa Trời hứa ban một xứ cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông

7:5a

Chúa chẳng cho người sản nghiệp nào, dù một mảnh đất đặt bàn chân cũng không: Từ *sản nghiệp* nói đến những gì một người có, mà người đó có trọn quyền cho lại một người nào khác làm của riêng. Trong trường hợp này, nói đến xứ mà Đức Chúa Trời sẽ cho Áp-ra-ham và đất đó sẽ thuộc của riêng ông. Tuy nhiên, ngay lúc đó, khi Áp-ra-ham dời đến Ca-na-an thì Đức Chúa Trời chưa cho ông một thềm đất nào để làm của riêng cho mình. Trong BDC có các từ “trong xứ

này” đi theo sau từ *sản nghiệp* đề cập đến xứ Y-sơ-ra-ên, nơi Sê-tiên và thính giả của ông đang đứng.

dù một mảnh đất đặt bàn chân cũng không: Trong tiếng Hy-lạp, thành ngữ được dùng ở đây, có nghĩa ngay lúc này Đức Chúa Trời chưa cho Áp-ra-ham đất đai gì cả, cho dù một miếng đất nhỏ chỉ bằng bàn chân con người cũng không có.

7:5b

nhưng Chúa hứa sẽ cho người và dòng dõi người làm chủ miền đất này: Những tin tức ở đây ngược lại với mệnh đề đi trước, vì thế bạn có thể giới thiệu nó bằng một từ như *nhưng*. Mặc dù Đức Chúa Trời không cho Áp-ra-ham một mảnh đất nào, trong khi đó Ngài hứa sẽ cho ông và con cháu ông xứ Canaan.

làm chủ miền đất này: Nhóm từ này cho thấy Áp-ra-ham và hậu tự của ông sẽ mãi mãi quản trị xứ mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ

Trong các câu 5b-8a, Sê-tiên tóm tắt những ý chính mà Đức Chúa Trời đã bảo Áp-ra-ham được ghi lại trong Sáng Thế Ký 15. Nếu, trong ngôn ngữ của bạn, kể lại lời người khác đã nói phải được trình bày bằng thể văn trực tiếp, bạn cần ghi lại lời Đức Chúa Trời trong ngoặc kép.

7:5c

mặc dù lúc ấy người chưa có con: Từ *mặc dù* giới thiệu một cái gì mà người ta chưa tiên liệu, hay chưa nghĩ đến. Đó là, khi Đức Chúa Trời hứa ban cho con cháu Áp-ra-ham xứ sở làm sản nghiệp, trong khi vợ chồng ông chưa có một người con nào. Do đó, lời hứa của Đức Chúa Trời hàm ý rằng vợ chồng Áp-ra-ham sẽ sinh sản nhiều con cháu.

7:6-7 Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham rằng sau này Ngài sẽ đưa con cháu ông ra khỏi xứ Ai-cập

7:6a

Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Trong câu 7:5 Sê-tiên nhắc lại trong Sáng-thế Ký 12:7. Trong 7:6a ông nhắc lại trong Sáng-thế Ký

15:13-14, trong đó tác giả Kinh Thánh ghi lại những sự việc xảy ra rất lâu về sau này so với những việc đã xảy ra trong Sáng-Thế Ký 12:7. Vì thế, bạn có thể giới thiệu câu 6 bằng một từ như “sau này.”

Nếu bạn dịch như những lời nói trực tiếp cho tất cả những gì Đức Chúa Trời đã bảo Áp-ra-ham, bạn có thể cần sửa lại thứ tự của các mệnh đề trong câu số 5. Bạn có thể để mệnh đề, “mặc dù lúc ấy người chưa có con,” đứng trước “nhưng Chúa hứa sẽ cho người và dòng dõi người làm chủ miền đất này.” Như thế, bạn có thể ghi những lời Chúa phán chung lại với nhau. Dưới đây là những lời nói của Đức Chúa Trời trong các câu 5-7 được trình bày theo cách nói trực tiếp:

(5-6) Trong lúc đó áp-ra-ham chưa có con. Đức Chúa Trời không cho ông một mảnh đất nào tại đây, ngay cả một miếng rất nhỏ để ông làm của riêng cũng không. Nhưng Đức Chúa Trời nói với ông, ‘Ta sẽ ban xứ này để cho người và con cháu người sẽ [mãi mãi] là chủ của đất đó. Nhưng con cháu người sẽ phải sống [trong một thời gian dài] như những người khách lạ trên một đất nước thuộc về một dân tộc khác. Người dân tại xứ đó sẽ bắt con cháu người làm việc cho họ như những kẻ nô lệ, và con cháu người sẽ bị ngược đãi trong vòng bốn trăm năm. (7) Nhưng ta sẽ trừng phạt những người bắt con cháu người [làm việc cho chúng như] những người nô lệ. Sau đó, con cháu người sẽ rời bỏ đất nước đó và trở lại nơi này. Chúng nó sẽ thờ phượng Ta tại đây.’

Cho cách dùng lời nói gián tiếp, và lời nói trực tiếp, xem 7:6a-c trong CĐN của PKTCCN (1) và (2), để biết rõ hơn.

7:6b

Dòng dõi con sẽ kiều ngụ trong đất nước người: Có nghĩa là con cháu của Áp-ra-ham sẽ sinh sống trên đất nước không thuộc về của mình, và sẽ bị dân tộc khác cai trị trong một thời gian. Điều này ý nói đến thời đại gia đình của Gia-cốp dời xuống Ai-cập.

Trong tiếng Hy-lạp, 7:6 là lời nói gián tiếp và 7:7 là lời nói trực tiếp. Tất cả những bản dịch tiếng Việt hiện thời dịch hai câu này bằng lời nói trực tiếp. Bạn có thể dịch

7:5b	<p>nhưng Chúa hứa sẽ cho người và dòng dõi người làm chủ miền đất này, Nhưng Đức Chúa Trời đã hứa rằng [sau này] sẽ cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông xứ sở này, và nó sẽ [mãi mãi] là của [ông và con cháu ông]. -HAY- Nhưng Đức Chúa Trời đã hứa rằng [Áp-ra-ham], '[Sau này] ta sẽ cho người và dòng dõi người, và nó sẽ [vĩnh viễn] thuộc về [người và dòng dõi người].'</p>
7:5c	<p>mặc dù lúc ấy người chưa có con. [mặc dù,] trong lúc đó Áp-ra-ham chưa có con. -HAY- Khi [Đức Chúa Trời] nói với Áp-ra-ham điều này, thì ông chưa có được người con nào.</p>
7:6a	<p>Đức Chúa Trời phán dạy rằng: (I) [Sau đó] Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham -HAY- (II) [Sau đó] Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham,</p>
7:6b	<p>‘Dòng dõi con sẽ kiều ngụ trong đất nước người, (I) rằng dòng dõi của ông sẽ là những người khách lạ sống trên đất của người khác. -HAY- (II) ‘Dòng dõi của người sẽ sống trên đất [khác] là đất thuộc về người khác.’</p>
7:6c	<p>sẽ bị họ bắt làm nô lệ và bạc đãi suốt bốn trăm năm. (I) [Đức Chúa Trời cũng bảo Áp-ra-ham rằng] trong bốn trăm năm những người đó sẽ bắt dòng dõi người làm việc cho chúng như những người nô lệ [của họ] và sẽ bị đối xử một cách tồi tệ. -HAY- (II) [Đức Chúa Trời cũng nói:] ‘Trong bốn trăm năm, những người này sẽ biến dòng dõi người trở thành nô lệ [của họ] và sẽ [tiếp tục] gây khổ sở và đau đớn cho dòng dõi người.’</p>

theo cách nào cũng được, nhưng nên dùng thể nào đó để cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

7:6c

sẽ bị họ bắt làm nô lệ và bạc đãi: Trong nhiều ngôn ngữ, thông thường người ta ưa dùng các động từ ở thể chủ động hơn là ở thể thụ động. Trong nguyên bản Hy-lạp, cả hai động từ này ở thể chủ động, “họ [người dân có chủ quyền trên đất nước họ đang sinh sống] sẽ bắt chúng nó [con cháu của Áp-ra-ham] làm nô lệ.”

nô lệ: Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ *nô lệ*, bạn nên giải thích rõ *bắt làm nô lệ*: “bắt người khác làm việc cho mình mà không phải trả lương, hay xử dụng một người như xử dụng đồ vật.”

bạc đãi: Bạn có thể dịch từ *bị bạc đãi* như “những người đó sẽ (thường) áp bức, làm tổn hại con cháu của Áp-ra-ham.” Nếu bạn muốn chi tiết hơn, bạn có thể nói “những người đó sẽ đánh đập, dùng bạo lực để bắt con cháu Áp-ra-ham làm việc.”

suốt bốn trăm năm: Nhóm từ này nói đến thời gian người Do Thái bị bắt làm nô lệ tại xứ Ai-cập.

7:7a

Nhưng Ta sẽ phán xét dân tộc mà họ phục dịch: *Nhưng* được dùng ở đây rất thích hợp, vì, sau khi nói rằng con cháu của Áp-ra-ham sẽ bị ngược đãi trong một thời gian tại xứ người, Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu giúp họ.

Nếu bạn dịch 7:5-6 bằng câu nói trực tiếp, bạn có thể không cần nhóm từ *Đức Chúa Trời nói* ở đây, vì 7:6a cho biết “Đức Chúa Trời nói chuyện với Áp-ra-ham một cách trực tiếp.” Hay, trong 7:7a bạn có thể nói “Đức Chúa Trời cũng nói” và đặt những từ này ở trong vị trí nào đó miễn là được tự nhiên với ngôn ngữ của bạn. Xem trong CĐN của PKTCVN.

Ta sẽ phán xét: Nhóm từ này được dịch từ hai chữ trong nguyên bản Hy-lạp, được dịch sát nghĩa là “Ta, Ta sẽ phán xét.” Bạn có thể dịch đại danh từ độc lập, *Ta* và động từ nó làm chủ như sau “Ta, chính tự Ta sẽ phán xét/trừng phạt chúng nó.”

dân tộc mà họ phục dịch: Bạn cũng có thể dịch *dân tộc mà họ phục dịch* là “họ sẽ làm việc như những người nô lệ” vì, khi nói những điều này, Ngài nói về những việc trong tương lai.

7:7b

Sau đó, dòng dõi con sẽ ra đi và thờ phượng Ta tại nơi này: Đức Chúa Trời tiếp tục bảo Áp-ra-ham những kinh nghiệm mà con cháu ông sẽ trải qua, sau khi bị hà hiếp, áp bức tại xứ người. Bạn có thể dịch *dòng dõi con sẽ ra đi* như “họ sẽ đi ra khỏi” hay “rời bỏ,” nếu được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. *Nơi này* nói đến xứ Ca-na-an, hay Y-sơ-ra-ên. Đó là nơi Áp-ra-ham đang ở khi Đức Chúa Trời lập giao ước cùng ông.

thờ phượng: *Thờ phượng* có nghĩa là thi hành những lễ nghi tôn giáo mà Đức Chúa Trời dặn bảo họ, như dâng sinh tế cho Ngài chẳng hạn. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn có thuật ngữ chung cho từ “thờ phượng,” bạn có thể dùng nó. Và nếu theo phong tục người ta cho rằng cầu nguyện là một phần của việc thờ phượng, bạn có thể dịch là “chúng sẽ cầu khẩn Ta tại nơi này.”

7:8 Đức Chúa Trời phán dạy việc giữ lễ cắt bì cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông

7:8a

Rồi Chúa lập giao ước cắt bì với người: Trong bản dịch của bạn, có thể bạn nên nói rõ những hàm ý trong mệnh đề này. *Giao ước* ở đây nói đến thoả hiệp mà Đức Chúa Trời lập cùng Áp-ra-ham. Trong một vài ngôn ngữ, những người dịch, dịch từ “lời hứa” và “giao ước” giống nhau. Ví dụ, họ có thể dịch danh từ “sự giao ước” như “một lời hứa” và dịch động từ “lập giao ước” như “đã hứa chắc chắn.”

Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham phải giữ lễ cắt bì để cho thấy rằng Áp-ra-ham và con cháu của ông đã chấp nhận những giao ước của Đức Chúa Trời và vâng theo những gì Ngài phán dặn họ phải làm. Điều đó cũng cho thấy rằng họ thuộc về Đức Chúa Trời. Theo phong tục của dân tộc bạn, nếu người ta cắt bì cho con trai, thì ngôn ngữ của bạn đã có sẵn từ ngữ cho thấy việc cắt bì. Nếu trong ngôn ngữ bạn không có từ này, bạn có thể dùng một thuật ngữ chung, như: “làm dấu bằng cách cắt da.” Bạn có thể giải thích thêm trong chú thích ở cuối trang. Ở đó bạn có thể nói rằng cắt bì là cắt da ở đầu dương vật của người nam. Tuy nhiên, bạn cần làm thế nào để những người có cùng phong tục với bạn có thể chấp nhận sự diễn dịch và giải thích của bạn về vấn đề này.

7:8b

Vậy Áp-ra-ham sinh Y-sác và cắt bì cho con vào ngày thứ tám: Có thể bạn cần nói rõ Y-sác được sinh ra, vì khi Đức Chúa Trời lập giao ước với Áp-ra-ham, thì lúc bấy giờ vợ chồng ông chưa có con. Thêm vào đó, câu này hàm ý rằng Áp-ra-ham trở thành cha của Y-sác. Sê-tiên không nói như thế, vì thính giả của ông biết rõ điều đó. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, cần nói rõ ai sinh Y-sác, bạn có thể thêm vào “mẹ của ông ta,” như câu thứ hai trong CĐN của PKTCVN.

7:7a	<p>Nhưng Ta sẽ phán xét dân tộc mà họ phục dịch. Nhưng Đức Chúa Trời [cũng] phán: ‘Ta sẽ trừng phạt dân tộc mà dòng dõi người phục dịch. -HAY- Nhưng Đức Chúa Trời [cũng] nói: ‘Ta sẽ phân xử dân tộc đã ép buộc dòng dõi người làm việc không công cho chúng.</p>
7:7b	<p>Sau đó, dòng dõi con sẽ ra đi và thờ phượng Ta tại nơi này.’ Sau đó, dòng dõi người sẽ lìa khỏi [xứ đó] và chúng sẽ [đến nơi này và sẽ] thờ phượng Ta tại đây, tại đất này.’ -HAY- Rồi, dòng dõi người sẽ rời khỏi [xứ đó] và chúng sẽ [tới nơi này và sẽ] dâng sinh tế, thờ phượng Ta tại đây.’</p>
7:8a	<p>Rồi Chúa lập giao ước cắt bì với người. Rồi Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham rằng người [và mọi người nam trong nhà người và trong dòng dõi người] phải [nhờ một người nào đó] cắt bì cho để bày tỏ rằng [tất cả] chúng nó đều thuộc về Ta và sẽ vâng theo những gì Ta đã bảo Áp-ra-ham cần làm. -HAY- Rồi Đức Chúa Trời hứa sẽ chăm sóc Áp-ra-ham, và phán cùng Áp-ra-ham rằng người [và tất cả những người nam trong dòng dõi của người] phải [nhờ một ai đó] cắt bì cho chúng để chúng tỏ rằng người [và chúng nó] đều thuộc về Đức Chúa Trời và tin nơi Ngài.</p>
7:8b	<p>Vậy Áp-ra-ham sinh Y-sác và cắt bì cho con vào ngày thứ tám. Con của Áp-ra-ham, là Y-sác được sinh ra, và khi Y-sác được 8 ngày thì Áp-ra-ham cắt bì cho Y-sác. -HAY- Vì thế, Áp-ra-ham cắt bì cho con trai mình sau khi [mẹ nó sinh ra] được 8 ngày.</p>
7:8c	<p>Y-sác sinh Gia-cốp, [Sau đó] Y-sác sinh Gia-cốp và Y-sác cũng đã [cắt bì giống như vậy] cho Gia-cốp. -HAY- [Sau đó] Y-sác có một con trai tên là Gia-cốp, và Y-sác [cũng đã cắt bì] cho con trai mình.</p>

7:8c

Y-sác sinh Gia-cốp: Bạn có thể dùng từ “sau đó” để chỉ rõ rằng có một khoảng thời gian nằm giữa câu 7:8b và 7:8c. Sê-tiên và những thính giả của ông đều rất quen thuộc với lịch sử của người Do Thái nên ông chỉ cần tóm tắt sơ lược. Theo nguyên bản Hy-lạp, 7:8c dịch theo từng chữ là “và Y-sác Gia-cốp.” Đây hàm ý rằng Y-sác là cha của Gia-cốp và

Y-sác cắt bì cho Gia-cốp trong ngày thứ tám, theo gương của Áp-ra-ham, cha mình. Tuy nhiên, bạn không cần thêm tất cả những chi tiết đó vào bản dịch của bạn. Nếu thích hợp, bạn có thể dịch câu 7:8c, “Y-sác cắt bì cho con mình là Gia-cốp.” Trong bản dịch của bạn, bạn cần nhấn mạnh “lễ cắt bì” trong suốt câu 7:8, vì những người này đều làm

những gì mà Đức Chúa Trời phán dặn Áp-ra-ham và con cháu ông phải làm.

7:8d

Gia-cốp sinh mười hai con là các trưởng tộc Y-sơ-ra-ên: Nhiều năm sau khi Gia-cốp được sinh ra và được Áp-ra-ham cất bì cho, Gia-cốp có được 12 con trai và giữ lễ cất bì cho họ, như Áp-ra-ham đã làm cho Y-sác.

7:9-16 Giô-sép giúp gia đình của Gia-cốp dời sang Ai-cập; sau đó hài cốt của ông được chôn cất tại Ca-na-an

Phần này trong bài giảng của Sê-tiên, ông nhắc cho thính giả rằng Giô-sép trở nên một nhân vật quan trọng nhất trong triều vua Pha-ra-ôn và là người đã giúp gia đình của Gia-cốp dời xuống Ai-cập nơi có đầy đủ thực phẩm. Phần đoạn này gồm có 3 đoạn nhỏ: 7:9-10, 7:11-15a và 7:15b-16.

7:9-10 Đức Chúa Trời giúp đỡ Giô-sép, vì thế Pha-ra-ôn đặt ông cai trị toàn cả xứ Ai-cập

7:9a

Các trưởng tộc ganh tị với Giô-sép: Mệnh đề này có vẻ như không kể Giô-sép là một trưởng tộc. Tuy nhiên, ông là tổ phụ của hai nửa chi phái Ma-na-se và Ép-ra-im vì lẽ đó Giô-sép là một trưởng tộc. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói “các trưởng tộc khác.” Bạn có thể dịch *Các trưởng tộc* như “những người con lớn của Gia-cốp” hay “những người anh của Giô-sép.”

ganh tị với Giô-sép: Động từ, *ganh tị*, có ý rằng những người anh lớn của ông tỏ ý bất bình khi thấy cha mình thương yêu và chiều chuộng Giô-sép hơn các anh và họ tìm cách để hại Giô-sép.

7:9b

nên bán người qua Ai-cập: Bạn nên làm cho rõ nghĩa trong mệnh đề này, vì nó hàm ý một vài tin tức khác. Ví dụ, câu chuyện thực sự đã xảy ra tại xứ Ca-na-an, nơi những người anh của Giô-sép đã bán ông cho những lái buôn. Rồi những người này đem Giô-sép về Ai-cập bán đi như một kẻ nô lệ. Dĩ nhiên, thính giả của Sê-tiên biết rõ câu chuyện về Giô-sép, cho nên Sê-tiên có thể tóm gọn bài giảng của ông. Tuy nhiên, để cho người đọc của bạn hiểu rõ, bạn cần thêm

các trưởng tộc: Nhóm từ *các trưởng tộc* có nghĩa là mười hai người, từ đó đã trở thành mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. *Các trưởng tộc* là những người đứng đầu trong mỗi chi phái “những bậc tổ tiên nổi tiếng.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ cho “trưởng tộc,” bạn có thể dịch như “mười hai người đàn ông là tổ phụ của mười hai chi tộc Y-sơ-ra-ên.”

chi tiết như “và [người ta đem ông] qua [nước] Ai-cập.”

7:9c

Nhưng Đức Chúa Trời ở cùng người: *Nhưng* được dùng ở đây như một từ ngữ chuyển tiếp rất thích hợp, vì Giô-sép đang sống trong tình trạng của một kẻ nô lệ đối lại với bằng chứng rằng *Đức Chúa Trời ở cùng người*. *Đức Chúa Trời ở cùng người* là một thành ngữ có nghĩa Đức Chúa Trời chăm sóc cho Giô-sép, tiếp tục bảo vệ và hướng dẫn ông.

7:10a

và giải thoát người khỏi tất cả các hoạn nạn: 7:10 nói rõ Đức Chúa Trời tiếp tục giúp đỡ Giô-sép như thế nào. Động từ *giải thoát* có ý rằng Đức Chúa Trời bảo vệ Giô-sép trong mọi hoàn cảnh khó khăn khi người ta muốn hại ông. Còn xác nhận rằng Đức Chúa Trời luôn làm cho Giô-sép được giải thoát khỏi tù tội cũng như làm nô lệ.

tất cả các hoạn nạn: Nhóm từ *tất cả các hoạn nạn* được nói một cách tổng quát chỉ về những nỗi khó khăn mà người ta gây nên để làm cho Giô-sép bị khổ cực, đau đớn. Thính giả của Sê-tiên có thể ghi lại những chi tiết này một cách dễ dàng: Những người anh của Giô-sép bán ông cho những lái buôn, những lái buôn bán Giô-sép để làm nô lệ, vợ của Phô-ti-pha vu cáo ông, Phô-ti-pha

7:8d	Gia-cốp sinh mười hai con là các trưởng tộc Y-sơ-ra-ên. Gia-cốp [cũng cất bì] cho mười hai con trai của mình là trưởng tộc của mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.
7:9a	Các trưởng tộc ganh tị với Giô-sép [Các ông biết rõ rằng] các con trai [lớn] của Gia-cốp đã ganh tị với Giô-sép [là em trai của họ].
7:9b	nên bán người qua Ai-cập. Cho nên họ bán Giô-sép [cho những lái buôn, đem Giô-sép] về Ai-cập, ở đó ông trở thành nô lệ [cho một người sống tại xứ này]. -HAY- Mười người con [lớn] của Gia-cốp bán [em trai của họ] là Giô-sép [cho những lái buôn là những người đi đến] xứ Ai-cập. Có một người [ở Ai-cập] mua Giô-xép [và đem về] làm nô lệ cho hắn.
7:9c	Nhưng Đức Chúa Trời ở cùng người Nhưng Đức Chúa Trời ở cùng Giô-sép [và giúp đỡ ông ta] -HAY- Nhưng [Giô-sép kính sợ Đức Chúa Trời, và] Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ ông
7:10a	và giải thoát người khỏi tất cả các hoạn nạn, và Ngài cứu giúp, bảo vệ ông bất cứ khi nào có người tìm cách gây khốn khó cho ông, -HAY- và mỗi khi có người làm hại ông thì Ngài [luôn luôn] biến những điều xấu đó thành những kết quả tốt đẹp.
7:10b	ban cho người được ân huệ và khôn ngoan trước mặt Pha-ra-ôn, vua Ai-cập. Đức Chúa Trời giúp đỡ Giô-sép đến nỗi Pha-ra-ôn [là vua của nước] Ai-cập đã cho rằng Giô-sép là người khôn ngoan đáng kính trọng.

bỏ ông vào tù và một người cùng ở chung tù được Giô-sép giúp đỡ quên ông. Nhưng cuối cùng Đức Chúa Trời khiến người ta cho ông ra khỏi tù.

7:10b

ban cho người được ân huệ và khôn ngoan trước mặt Pha-ra-ôn, vua Ai-cập:

khôn ngoan: Ý của mệnh đề này cho thấy rằng Đức Chúa Trời làm cho Pha-ra-ôn vua của xứ Ai-cập nhận thấy Giô-sép có được sự khôn ngoan khác thường nên kính nể Giô-sép. *Khôn ngoan* có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp cho Giô-sép hiểu biết những điều mà người khác không thể hiểu được. Có nghĩa là Ngài giúp Giô-sép có cả lời nói và

hành động thật khôn khéo. Những thính giả của Sê-tiên chắc nhớ rõ rằng Giô-sép từng giải mộng cho cả người ở chung tù và cả vua Pha-ra-ôn.

Pha-ra-ôn, vua Ai-cập: *Pha-ra-ôn* là tước hiệu của vua Ai-cập, nhưng bạn có thể dịch như là một tên. Bạn có thể dịch thế nào để hợp với cách xưng trong ngôn ngữ của bạn. Mỗi “Pha-ra-ôn” đều có một tên riêng. Ở đây Sê-tiên giới thiệu ông là *Pha-ra-ôn, vua Ai-cập*. Để có thể đưa vào bài giảng thuyết, Sê-tiên dùng tước hiệu hay một tên khác. Tuy nhiên, bạn cần làm sáng tỏ rằng Sê-tiên nói về một vị vua của xứ Ai-cập.

7:10c

Pha-ra-ôn cử người làm tể tướng thống lĩnh Ai-cập và cả hoàng gia: Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này bắt đầu bằng chữ *kai* thường được dịch sang tiếng Việt là “và.” Theo ngữ cảnh, nó cho thấy kết quả của việc “ban cho người được ân huệ và khôn ngoan trước mặt Pha-ra-ôn, vua Ai-cập.” BDM và BDC không có chữ “và.” Vậy, nếu dùng được chữ “vì thế” sẽ rất thích hợp để bắt đầu nhóm từ này. BDY bắt đầu bằng “đến nỗi ông được vua Ai-cập...”

làm tể tướng thống lĩnh Ai-cập và cả hoàng gia: Các từ *làm tể tướng Ai-cập* có nghĩa là Giô-sép cai trị dân Ai-cập. Nhóm từ *cả hoàng gia* có thể nói về tất cả tài sản của vua Pha-ra-ôn.

Sê-tiên không nhắc đến việc Giô-sép thâu trữ lương thực trong bảy năm được mùa và bán lại khi cả xứ bị mất mùa. Nhưng bạn cần ghi những điều này vào chú thích ở cuối trang hầu giúp cho người đọc để hiểu rõ câu chuyện.

7:11-15a Có nạn đói kém vì mất mùa tại Ca-na-an, nên Gia-cốp và gia đình dời xuống Ai-cập

7:11a

Nhưng nạn đói xảy ra khắp đất Ai-cập và Ca-na-an: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu một từ có nghĩa là “sau đó.” BDC dùng chữ “bấy giờ.” BDY dùng chữ “lúc ấy.” Nhưng nạn đói xảy ra sau khi Pha-ra-ôn ban quyền cai trị xứ Ai-cập cho Giô-sép một thời gian. Các từ “bấy giờ” hay “lúc ấy” đều không nói rõ được đặc tính thời gian ở đây. BDM dùng từ *nhưng*, nhưng chẳng phản ảnh được một điều gì. Có lẽ từ “sau đó” chính xác nhất.

Phần còn lại của mệnh đề cho thấy toàn cả xứ Ai-cập và Ca-na-an đều không có đủ lương thực cho dân chúng trong một thời gian lâu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ nói về *nạn đói*, bạn có thể diễn tả như “vì nạn mất mùa nên dân chúng không có đủ lương thực.”

7:11b

gây tai họa lớn: Vì nạn đói kém, dân chúng không có đủ thực phẩm, nên có sự chết vì đói bắt đầu xảy ra.

7:11c

các tổ phụ chúng ta không tìm ra thực phẩm nữa: Nhóm từ *các tổ phụ chúng ta* ý nói đến gia đình của Gia-cốp ở tại Ca-na-an.

không tìm ra thực phẩm: Gia-cốp và các người anh của Giô-sép không còn có thể tìm ra đủ thức ăn cho mọi người mỗi ngày. Nhóm từ *không tìm ra* hàm ý rằng gia đình của Gia-cốp không còn thực phẩm để tiếp tục cuộc sống. Từ *thực phẩm* có thể có nghĩa là những thức ăn cho người và cả súc vật. Theo ngữ cảnh *thực phẩm* ý nói đến thức ăn cho con người, nhưng bạn có thể dùng một từ thông dụng chỉ về đồ ăn.

7:12a

Nghe tin Ai-cập còn lúa gạo: Mệnh đề này cho thấy rằng Gia-cốp ở Ca-na-an nghe tin về tình hình ở Ai-cập. Các từ *lúa gạo* có thể chỉ một các tổng quát về lúa hay lúa mì. Mệnh đề này hàm ý rằng người ta có thể mua thực phẩm tại xứ Ai-cập, dù nạn đói cũng xảy ra tại đó.

7:12b

Gia-cốp sai các trưởng tộc chúng ta xuống đó lần thứ nhất: Nhóm từ *các trưởng tộc chúng ta* ở đây ý nói đến những người con của Gia-cốp hiện ở tại xứ Ca-na-an, theo trong 7:11c. Gia-cốp sai mười con trai lớn của mình sang Ai-cập, để mua lúa của Giô-sép đem về cho Gia-cốp ở Ca-na-an. Theo mạch văn ở đây, *các trưởng tộc chúng ta* còn có nghĩa là tổ tiên của Sê-tiên và những thính giả của ông, tất cả đều là những người Y-sơ-ra-ên. Thính giả của Sê-tiên chắc biết rõ những điều này, dù vậy bạn cần cung cấp những tin tức này thật rõ ràng và đầy đủ cho những người đọc bản dịch của bạn.

Trong Sáng-thế Ký 42-45 ghi rõ mọi chi tiết về hai chuyến đi mua lúa của các con trai Gia-cốp tại Ai-cập. Nếu bạn muốn nói rõ những dữ kiện này, bạn có thể ghi vào chú

7:10c	<p>Pha-ra-ôn cử người làm tể tướng thống lãnh Ai-cập và cả hoàng gia. Vì thế, Pha-ra-ôn giao ông cai trị [dân sự cả xứ] Ai-cập và cai quản tài sản của vua. -HAY- Pha-ra-ôn ban chức cho Giô-sép lãnh đạo [dân sự của xứ] Ai-cập và [quản trị] cả nhà Pha-ra-ôn [và chịu trách nhiệm thu trữ tất cả hoa lợi mùa màng].</p>
7:11a	<p>Nhưng nạn đói xảy ra khắp đất Ai-cập và Ca-na-an, [Trong khi Giô-sép là người lãnh đạo,] có nạn mất mùa khắp cả xứ Ai-cập và Ca-na-an, nên dân chúng không đủ thực phẩm hằng ngày.</p>
7:11b	<p>gây tai họa lớn, Dân chúng bắt đầu bị đói kém. -HAY- [Tại xứ Ca-na-an của chúng ta] dân chúng khốn khó vì đói kém[, nhưng tại xứ Ai-cập có đủ lương thực dự trữ].</p>
7:11c	<p>các tổ phụ chúng ta không tìm ra thực phẩm nữa. [Trong lúc đó] tổ phụ của chúng ta [gần như] chẳng có gì để sống. -HAY- [Trong lúc đó] Gia-cốp cùng các con mình [ở xứ Ca-na-an chẳng tìm đủ] thực phẩm.</p>
7:12a	<p>Nghe tin Ai-cập còn lúa gạo, Khi Gia-cốp nghe [nói rằng người ta có thể mua thực phẩm] tại Ai-cập,</p>
7:12b	<p>Gia-cốp sai các trưởng tộc chúng ta xuống đó lần thứ nhất. lần thứ nhất, Gia-cốp sai các tổ phụ của chúng ta [xuống Ai-cập mua lúa gạo đem về]. -HAY- Gia-cốp sai những người anh của Giô-sép [đi xuống Ai-cập mua lúa] lần thứ nhất. [Họ đi, mua lúa đem về.]</p>
7:13a	<p>Đến lần thứ nhì, Giô-sép tiết lộ cho các anh em biết mình là ai, Khi những người anh của Giô-sép đến Ai-cập lần thứ hai[, họ mua lúa của Giô-sép]. Giô-sép cho các anh biết mình là ai [vì họ không nhận ra Giô-sép].</p>

thích ở cuối trang cùng với những câu Kinh Thánh trong CÚ.

7:13a

Đến lần thứ nhì, Giô-sép tiết lộ cho các anh em biết mình là ai: Từ khi các anh bán em mình là Giô-sép cho người Ai-cập đến lúc này độ chừng mười ba năm. Trong thời gian này Giô-sép học tiếng nói cũng như

ngôn ngữ và phong tục của người Ai-cập, do đó, các anh của Giô-sép không thể nhận ra ông. Mặc dù Giô-sép hiểu được những gì các anh mình nói, nhưng ông nói chuyện với họ qua thông dịch viên, để cho họ nghĩ ông là người Ai-cập. 7:13a hàm ý tất cả tin tức này, nhưng người đọc bản dịch của bạn có thể không biết, nếu họ không quen thuộc với câu chuyện này trong Sáng-thế Ký.

7:13b

và Pha-ra-ôn được biết về gia đình Giô-sép: Có người thuật lại cho Pha-ra-ôn rằng những người đến từ Ca-na-an là các anh ruột của Giô-sép, và họ là những người Hê-bơ-rơ. Trong Sáng-thế Ký 43:32, tác giả Kinh Thánh ghi lại rằng người Ai-cập coi thường và tránh né không muốn giao thiệp với người Hê-bơ-rơ. Tuy nhiên, họ chấp nhận một trường hợp ngoại lệ về Giô-sép.

Khi dịch từ *gia đình*, bạn nên dùng một từ có thể bao gồm cả cha mẹ và vợ con và cháu của họ. Từ *gia đình* có thể còn có nghĩa là “chủng tộc.” Trong thời của Giô-sép, chủng tộc của người Hê-bơ-rơ bao gồm tất cả những người trong gia đình của cha ông.

7:14a

Giô-sép sai người mời Gia-cốp cha mình và toàn thể gia đình: Trong tiếng Hy-lạp, câu này bắt đầu bằng từ chỉ về thời gian, có thể dịch sang tiếng Việt là “Sau đó” để chỉ về những việc sẽ xảy ra theo sau. Không có bản tiếng Việt nào dịch từ này. Đúng ra nên dịch “sau đó Giô-sép...”. Xem CĐN của PKTCCN.

Sau khi Pha-ra-ôn biết được những người từ Ca-na-an đến mua lúa là những người anh của Giô-sép, Pha-ra-ôn bảo Giô-sép mời cha mình và tất cả những người trong gia đình của cha mình xuống Ai-cập. Nếu muốn được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể đổi việc Pha-ra-ôn mời gia đình Gia-cốp thành câu nói trực tiếp, bạn có thể dịch giống như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

7:15a

Gia-cốp xuống Ai-cập: Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này bắt đầu bằng từ *kai*. Theo ngữ cảnh ở đây, nó cho thấy sự việc sẽ xảy ra theo sau, hay kết quả của những việc đã xảy ra trước đó. Gia đình Gia-cốp dời xuống Ai-cập để đáp lời mời của Giô-sép. Do đó bạn có thể dùng một liên từ như “vì lẽ đó” để giới thiệu mệnh đề này như trong BDC và BDY. BDM không dịch từ này.

Bạn nên cho người đọc biết rõ là tất cả những họ hàng trong gia đình Gia-cốp đều

dời xuống Ai-cập để sinh sống. Người ta thường dùng động từ *xuống* khi nói đến sự di chuyển từ Giê-ru-sa-lem hay trong phần đất Y-sơ-ra-ên đến bất cứ một nơi nào khác.

7:15b-16 Khi Gia-cốp và các con của ông qua đời đều được chôn tại xứ Ca-na-an.

7:15b

Sau đó, người và các trưởng tộc đều qua đời: Sau đó cho thấy rằng sau khi họ dời xuống Ai-cập một thời gian. Trong mệnh đề này, đại danh từ *người* chỉ về Gia-cốp; *các trưởng tộc* nói đến các người con của ông, kể cả Giô-sép. Xem 7:12b cho ý nghĩa của *các trưởng tộc*.

7:16a

Người ta dời mộ họ về Si-chem: Câu này là một ví dụ khác về bài giảng rất cô đọng của Sê-tiên. Ông diễn tả hai sự việc khác nhau, có vẻ như hai việc này xảy ra cùng một lúc, ở một địa điểm. Đại danh từ *họ* có lẽ chỉ về Gia-cốp và những người con của ông sau khi qua đời được chôn tại Si-chem. Mặc dù, trước đó nhiều năm, Áp-ra-ham đã mua đất của Êp-rôn làm nghĩa trang (Sáng-thế Ký 23:16-18), và người ta chôn cất xác của Gia-cốp tại đó (Sáng-thế Ký 50:13). Gia-cốp mua đất tại Si-chem làm nghĩa trang, là nơi sau đó người ta đã chôn xác của Giô-sép (Giô-suê 24:32). Theo một trong những truyền thống của người Do Thái, người ta chôn xác những người anh của Giô-sép tại Si-chem. Những người đang nghe bài giảng của Sê-tiên biết rõ những dữ kiện này, nên Sê-tiên không đi vào chi tiết. Khi dịch câu này bạn không nên sửa đổi để cho phù hợp trong Cựu Ước. Nên dịch như Sê-tiên nói. Tuy nhiên, bạn có thể thêm những tin tức này trong chú thích ở cuối trang.

Trong toàn bài giảng, Sê-tiên nói về lịch sử của Y-sơ-ra-ên, ông nhắc lại những dữ kiện cho thấy việc Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham và hậu tự của ông, dân sự Y-sơ-ra-ên. Sê-tiên kể lại Gia-cốp và các người con của ông đã được chôn tại đâu, có lẽ vì Ca-na-an là đất Đức Chúa Trời đã hứa sẽ ban

7:13b	và Pha-ra-ôn được biết về gia đình Giô-sép. [Đến lúc đó] người ta nói cho Pha-ra-ôn biết về gia đình của Giô-sép [hiện ở Ca-na-an]. -HAY- [Cũng trong lúc đó,] người ta kể cho Pha-ra-ôn rằng các anh Giô-sép, là những người Hê-bơ-rơ [, đó là những người đến từ Ca-na-an để mua lương thực].
7:14a	Giô-sép sai người mời Gia-cốp cha mình và toàn thể gia đình Sau đó Giô-sép [nhờ các anh mình chuyển lời], mời cha cùng toàn thể gia đình dời xuống Ai-cập. -HAY- Rồi Giô-sép bảo [các anh mình thừa lại] cha mình là Gia-cốp: “Cha và cả nhà cha, [xin] dời đến [xứ Ai-cập để sinh sống].”
7:14b	gồm bảy mươi lăm người tất cả. [Đến lúc đó gia đình của Gia-cốp gồm có] bảy mươi lăm người.
7:15a	Gia-cốp xuống Ai-cập. [Vì thế, khi] Gia-cốp [nghe điều này, Gia-cốp và cả nhà] ra đi và [định cư] tại Ai-cập.
7:15b	Sau đó, người và các trưởng tộc đều qua đời. [Sau đó,] Gia-cốp qua đời [tại đó] và các tổ phụ [khác] của chúng ta[, những người con của Gia-cốp, cũng qua đời tại đó].
7:16a	Người ta dời mộ họ về Si-chem, [Nhưng con cháu của họ] dời xác họ [trở lại xứ của chúng ta] đem về đến [thành phố] Si-chem,
7:16b	cải táng tại khu mộ mà Áp-ra-ham đã trả tiền mua của các con trai Hê-mô ở Si-chem. và chôn tại ngôi mộ mà Áp-ra-ham đã mua của các con trai Hê-Mô tại Si-chem.

cho con cháu Áp-ra-ham. Ngay cả sau khi các trưởng tộc qua đời, người ta đã cẩn thận đem xác các trưởng tộc về Ca-na-an. Điểm quan trọng ở đây là Đức Chúa Trời làm thành những điều Ngài đã hứa. Vấn đề không phải là các con của Gia-cốp được chôn ở một nơi nhất định nào.

họ: Ở đây không rõ là nói về ai. Một số nhà thần học nghĩ rằng đại danh từ này phân chính chỉ về những người con của Gia-cốp vì họ là những người mà C.Ư. cho biết được chôn tại Si-chem. Một số khác cho rằng *họ* nói về cả Gia-cốp và những người con của ông. Nếu có thể, nên ghi một cách tổng quát như trong BDM.

7:16b

cải táng tại khu mộ mà Áp-ra-ham đã trả tiền mua của các con trai Hê-mô ở Si-chem: Trong ngôn ngữ của bạn, bạn không cần dịch các từ *đã trả tiền*, vì từ *mua* hàm ý rằng Áp-ra-ham đã trả tiền.

các con trai Hê-mô ở Si-chem: Theo nghĩa đen, nhóm từ này chỉ về các con trai của Hê-mô, hay cũng có thể là con cháu của ông, có nghĩa là, bộ lạc Hê-mô. Theo Sáng-thể Ký 33:19, Gia-cốp là người đã mua đất của các con trai Hê-mô, làm nghĩa trang chứ không phải Áp-ra-ham. Xem Lời Giải Nghĩa trong 7:16a.

7:17-43 Dân sự Y-sơ-ra-ên từ khước Môi-se, do đó Đức Chúa Trời nói Ngài sẽ trừng phạt họ

Người ta có thể tóm tắt phần này trong bài giảng của Sê-tiên như sau: Vì những người Y-sơ-ra-ên từ chối Môi-se, người Đức Chúa Trời sai đến để cứu và đưa họ ra khỏi xứ Ai-cập. Đức Chúa Trời từ bỏ họ vì họ thờ thần tượng. Đức Chúa Trời cũng báo trước rằng Ngài sẽ trừng phạt họ như thế nào.

7:17-19 Một vua Ai-cập, vì không nhận biết Giô-sép nên đã áp bức dân Y-sơ-ra-ên

7:17a-b

Câu này bắt đầu với một nhóm từ mà người ta có thể dịch nhiều cách khác nhau tùy thuộc theo ngữ cảnh. Nó có thể dịch theo nghĩa đen “như hiện nay,” nhưng theo ngữ cảnh có thể có nghĩa là “khi.” BDM và BDY không dịch từ này, nhưng bắt đầu bằng một phân đoạn mới. BDC dịch bằng từ “nhưng,” nhưng Sê-tiên không có ý đưa ra một ý tương phản nào ở đây.

Gần đến thời kỳ Đức Chúa Trời thực thi lời hứa với Áp-ra-ham: Nhóm từ này có ý muốn nhắc lại 7:5-7, trong đó nói rằng thế nào Đức Chúa Trời hứa ban xứ Ca-na-an cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông. Nhưng Đức Chúa Trời cũng cho biết rằng con cháu ông sẽ sống trên đất người và làm nô lệ và bị bạc đãi trong vòng bốn trăm năm. Cuối cùng, gần đến thời gian chót.

dân số chúng ta tại Ai-cập gia tăng rất nhiều: Sau nhiều thế hệ sống tại Ai-cập dân số Y-sơ-ra-ên gia tăng rất đông. Trong một vài ngôn ngữ, người dịch có thể cần đổi 7:17b đứng trước 7:17a, để được phù hợp theo thứ tự thời gian. Nếu muốn như vậy, bạn có thể dịch 7:17 như sau:

[Sau nhiều năm] đông bào chúng ta ở Ai-cập trở nên đông đúc. [Sau đó] gần đến thời điểm Đức Chúa Trời giải cứu dân sự như Ngài đã hứa cùng áp-ra-ham.

7:18

Rồi một vua khác lên ngôi trị vì Ai-cập: Sau nhiều năm trôi qua từ khi Giô-sép cai trị

toàn xứ Ai-cập. Khi vua Pha-ra-ôn, người biết Giô-sép và là người giao cho Giô-sép cai trị xứ Ai-cập qua đời. *Một vua khác* thay thế vua này ghét và sợ người Y-sơ-ra-ên.

chẳng biết gì đến Giô-sép: Giô-sép qua đời khoảng sáu mươi năm trước khi vua này lên làm vua Ai-cập, vì thế vua này không biết gì về Giô-sép. Thêm vào đó, vua này không biết được giá trị lớn lao mà Giô-sép đã giúp đỡ người dân Ai-cập. Thay vì, vua này lo sợ về sự phát triển nhanh chóng về số lượng của dân Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô Ký 1:9-10).

Những thánh giả của Sê-tiên thừa biết Giô-sép đã chết, nhưng, có thể bạn nên nói rõ, để người đọc bản dịch của bạn cũng biết đều đó. Trong một vài ngôn ngữ, khi người ta nói về người quá cố, họ có những danh từ đặc biệt, hay những tiếp đầu ngữ để đánh dấu tên người đã qua đời. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, có những từ như thế, rất thích hợp để dùng ở đây.

7:19a

Vua này thi hành chính sách quở quyết đối với đông bào ta: Động từ trong tiếng Hy-lạp được dịch sang tiếng Việt trong BDM là *thi hành chính sách quở quyết*, có nghĩa là vua tìm đủ cách để lừa gạt dân Y-sơ-ra-ên cho họ luôn sống trong sự khốn khổ để không còn sinh sản được nhiều như trước. Bạn có thể dịch điều này như “vua lừa gạt và gây rất nhiều thiệt hại cho dân Y-sơ-ra-ên.

7:19b

bạc đãi các tổ phụ ta: Các từ *bạc đãi các tổ phụ ta* có nghĩa là nhà vua gây nhiều thiệt hại cho Y-sơ-ra-ên. Ví dụ, vua ra lệnh cho những đốc công người Ai-cập bắt ép người Y-sơ-ra-ên làm việc cực nhọc bội phần. Nếu không làm xong những công việc được giao

7:17a	<p>Gần đến thời kỳ Đức Chúa Trời thực thi lời hứa với Áp-ra-ham, Khi gần đến thời điểm để Đức Chúa Trời thực hiện những gì đã hứa với Áp-ra-ham, -HAY- Khi gần đến thời điểm Đức Chúa Trời cứu vớt dân sự của chúng ta [như] Ngài đã hứa với Áp-ra-ham,</p>
7:17b	<p>dân số chúng ta tại Ai-cập gia tăng rất nhiều. người Hê-bơ-rơ của chúng ta ở Ai-cập trở nên vô cùng đông đảo.</p>
7:18	<p>Rồi một vua khác lên ngôi trị vì Ai-cập, chẳng biết gì đến Giô-sép. Sau đó có một vua khác trị vì [dân chúng ở] Ai-cập. Vua này không biết gì về Giô-sép [còn vua trước rất được kính trọng đã qua đời]. -HAY- Đến lúc đó, một vua có một lối cai trị khác mới lên ngôi tại xứ Ai-cập. Vua này không biết Giô-sép đã từng giúp đỡ, đối với người dân Ai-cập một cách lớn lao [như thế nào].</p>
7:19a	<p>Vua này thi hành chính sách quỷ quyết đối với đồng bào ta, Vua này có những hành động ngược đãi đối với đồng bào chúng ta -HAY- Vua này tìm cách để huỷ diệt dân sự chúng ta</p>
7:19b	<p>bạc đãi các tổ phụ ta và làm cho tổ phụ chúng ta vô cùng đau khổ.</p>
7:19c	<p>bằng cách buộc họ phải vứt bỏ các trẻ sơ sinh cho chết. [Ngay cả việc] ra lệnh tổ phụ chúng ta phải liệng trẻ sơ sinh của tổ phụ chúng ta [xuống sông] để cho chết. -HAY- [Ngay cả] vua ra lệnh tổ phụ của chúng ta đem bỏ trẻ em ra ngoài [nhà của họ] để cho chúng chết.</p>

trong một thời gian ấn định, thì người Y-sơ-ra-ên bị đánh rất nặng nề.

7:19c
bằng cách buộc họ phải vứt bỏ các trẻ sơ sinh cho chết: Thêm vào việc bắt người Y-sơ-ra-ên làm việc không công, nhà vua còn ra lệnh người Y-sơ-ra-ên phải nhận chìm con trai mới sinh xuống dòng sông Ni-lơ. Sở dĩ

nhà vua ra lệnh này vì không muốn dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục gia tăng về số lượng (Xuất Ê-díp-tô Ký 1:8-22). Bạn nên tránh dịch theo nghĩa đen từ *phải vứt bỏ*, nếu người đọc có thể hiểu lầm rằng các em bé bị chết vì sức mạnh trong khi liệng xuống sông. Bạn nên dùng một từ thông dụng như “để cho chết” các con của họ.

7:20-22 Môi-se, lớn lên như một người Ai-cập có uy quyền từ lời nói đến hành động

7:20a

Đến thời điểm ấy, Môi-se sinh ra: Môi-se được sinh ra nhằm lúc vua Ai-cập ra lệnh những người Y-sơ-ra-ên phải nhận chìm những con trai mới sinh của mình xuống sông. Vì thế người ta tin rằng Môi-se đã bị chết như nhiều em bé trai con của người Y-sơ-ra-ên chết.

7:20b

xinh đẹp trước mặt Đức Chúa Trời: Trong tiếng Hy-lạp, dịch theo từng chữ “và nó xinh đẹp với Đức Chúa Trời.” Dưới đây là ba cách có thể giải thích các từ “xinh đẹp trước mặt Đức Chúa Trời”:

- (1) Có lẽ hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng thành ngữ này có ý rằng Môi-se là một em bé rất đẹp.
- (2) Một số khác dịch rằng “xinh đẹp theo Đức Chúa Trời” theo nghĩa đen là, Đức Chúa Trời cho rằng Môi-se rất xinh đẹp.
- (3) Một số khác nữa nghĩ những từ này có nghĩa Đức Chúa Trời rất hài lòng với em bé Môi-se.

Cách giải thích thứ nhất có vẻ hợp lý hơn, vì Đức Chúa Trời không quan tâm đến diện mạo bên ngoài của một người. Và lại một em bé chưa có khả năng để làm vừa lòng Đức Chúa Trời bằng sự suy nghĩ hay bằng hành động của nó. Câu chuyện cho thấy rằng Đức Chúa Trời bảo vệ nên Môi-se không bị bỏ chết.

7:20c

được nuôi ba tháng trong nhà cha mình: Sau khi được sinh ra, cha mẹ Môi-se đã lên lút nuôi nấng Môi-se trong ba tháng đầu tại nhà. Họ đã không tuân lệnh của nhà vua (Xuất Ê-díp-tô Ký 1:22, Hê-bơ-rơ 11:23).

7:21a

đến khi phải bị vứt bỏ: Sau khi bí mật nuôi con mình trong nhà được ba tháng, và biết rằng không còn có thể giấu được nữa. Vì thế cha mẹ Môi-se đặt em vào một cái thúng và

đem để dưới sông, nhờ thúng không vô nước nên Môi-se có thể sống. (Về chi tiết, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 2:3-10.)

7:21b

Môi-se được công chúa Ai-cập đem về: Hầu hết các nhà thần học cho rằng theo ngữ cảnh ở đây từ *đem về* có nghĩa là khi con gái của Pha-ra-ôn bắt gặp Môi-se, bà nuôi dưỡng Môi-se như con riêng của mình. Trong tiếng Hy-lạp, theo nghĩa đen là “Bà bồng em bé lên.” Tức là bà đã vớt em bé lên. Công chúa đặt tên cho em bé là Môi-se, nghe giống như trong tiếng Hê-bê-rơ có ý nghĩa “kéo ra khỏi” hay “nhắc lên khỏi.”

7:21c

nuôi dưỡng như con ruột: Con gái của vua Pha-ra-ôn nuôi em bé Môi-se và cung cấp tất cả những nhu cầu cho đến khi Môi-se trưởng thành. Tuy nhiên, khi mới vừa vớt em lên khỏi nước, bà chuẩn bị ngay để có một người đàn bà Hê-bơ-rơ săn sóc cho Môi se. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 2:1-10 cho biết rằng người đàn bà đó chính là mẹ ruột của Môi se. Trong một vài ngôn ngữ, người dịch cần dùng một động từ đặc biệt, để làm dấu sự trái ngược ở đây. Nhóm từ *như con ruột* có nghĩa là: “như là con do chính công chúa sinh ra.”

7:22a

Người được giáo dục trong mọi ngành tri thức Ai-cập: Môi-se lớn lên như một người con của con gái Pha-ra-ôn, vì thế ông được giáo huấn bởi những người thầy giỏi nhất và được học trong những trường nổi tiếng nhất trong xứ Ai-cập.

Ngành tri thức ở đây có nghĩa là những gì một người học khi được dạy nhiều việc khác nhau. (Đây không nói việc một người biết về Đức Chúa Trời, và bản chất của Ngài như nhiều nơi khác trong Kinh Thánh nói đến.) Người Ai-cập rất nổi tiếng về tri thức là thông hiểu về khoa học, thiên văn học, y học, và toán học. Trong sách Các Vua Thứ Nhất 4:30 nhắc đến sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn “trổi hơn sự khôn ngoan của người Ai-cập.”

7:20a	Đến thời điểm ấy, Môi-se sinh ra, Trong khi Môi-se mới sinh,
7:20b	xinh đẹp trước mặt Đức Chúa Trời, và là một em bé khôi ngô.
7:20c	được nuôi ba tháng trong nhà cha mình Cha mẹ của Môi-se [lén lút] nuôi dưỡng được ba tháng ở trong nhà.
7:21a	đến khi phải bị vứt bỏ, Đến lúc phải đem bỏ ra ngoài [nhà, nhưng họ giấu đứa trẻ].
7:21b	Môi-se được công chúa Ai-cập đem về Con gái của Pha-ra-ôn [tìm thấy] đem về làm con nuôi -HAY- Người con gái của vua [tìm thấy] vớt Môi-se [bên bờ sông và đem về làm con nuôi]
7:21c	nuôi dưỡng như con ruột. và bà ta đã chăm sóc Môi-se [có vẻ như] con chính mình sinh ra. -HAY- và bà đã nuôi nấng Môi-se [có vẻ như] con riêng của bà.
7:22a	Người được giáo dục trong mọi ngành tri thức Ai-cập, [Những thầy giáo người Ai-cập] dạy Môi-se về mọi sự hiểu biết của văn minh Ai-cập,
7:22b	lại có khả năng trong lời nói và việc làm. và [khi lớn lên,] Môi-se ăn nói hoạt bát, hành động khôn ngoan. -HAY- và Môi-se trở nên một người rất quan trọng từ lời nói đến việc làm.

7:22b***lại có khả năng trong lời nói và việc làm:***

Điều này có vẻ như ngược lại với những gì Môi-se nói với Đức Chúa Trời, theo Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10: “Tôi vẫn chẳng phải là một tay nói giỏi, vì miệng lưỡi tôi hay ngập ngừng.” Tuy nhiên, Môi-se đã được bốn mươi tuổi khi ông trốn khỏi Ai-cập và sau đó ông chần chừ khoảng bốn mươi năm nữa.

Nên chi ông rất có thể dễ dàng quên rằng mình đã từng là người có tài hùng biện, và, bởi vì, thiếu thực tập, có lẽ ông đã mất hẳn cái khả năng nói chuyện trước công chúng. Có thể *có khả năng ăn nói* nghĩa là Môi-se nói với một cách đầy uy quyền. Theo ngữ cảnh, Sê-tiên diễn tả Môi-se trong cương vị là một phát ngôn viên của Đức Chúa Trời hay một tiên tri.

7:23-29 Môi-se đánh chết một người Ai-cập, nên ông phải trốn qua xứ Ma-đi-an

7:23b

lòng nảy ra ý định thăm viếng anh em đồng bào là dòng dõi Y-sơ-ra-ên: Mẹ của Môi-se dạy ông khi còn thơ ấu, vì con gái của vua Pha-ra-ôn muốn bà lo việc nuôi dưỡng Môi-se ngay từ lúc mới đem Môi-se về. Do đó, dù Môi-se được lớn lên trong hoàng cung, và có một tước vị quan trọng là cháu của vua, nhưng Môi-se vẫn biết ông là một người Y-sơ-ra-ên. Môi-se cũng biết người Ai-cập chẳng những bắt người Y-sơ-ra-ên làm nô lệ nhưng còn tìm cách gây nhiều khổ sở cho dân Y-sơ-ra-ên nữa. Nên Môi-se muốn nhìn xem tận mắt sự việc và muốn giúp đỡ họ.

7:24a

chợt thấy một đồng bào bị hà hiếp: Khi Môi-se đến thăm những người Y-sơ-ra-ên làm những công việc nặng nhọc như là những nô lệ. Môi-se thấy một người Ai-cập gây thương tích cho một người Y-sơ-ra-ên. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11 ghi rằng Môi-se thấy một người Ai-cập đánh một người Y-sơ-ra-ên.

7:24b

ông liền bênh vực: Theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây hàm ý rằng 7:24b là kết quả của “chợt thấy một đồng bào bị hà hiếp.” Trong một vài bản dịch có một chữ được thêm vào nhóm từ này để cho đọc giả nhìn thấy sự liên hệ này được rõ ràng. Ví dụ, BDC thêm chữ “nên bênh-vực kẻ bị hà-hiếp...”

7:24c

và báo thù bằng cách giết người Ai-cập: Từ ngữ *báo thù* có nghĩa là Môi-se đền bù sự thương tích của người Y-sơ-ra-ên bằng cách trừng phạt người Ai-cập. Mặc dù trong nguyên ngữ Hy-lạp chỉ có nghĩa là “đánh,” Môi-se đánh nặng đến độ người Ai-cập chết. (Tác giả Kinh Thánh không cho biết là Môi-se có cố ý giết người Ai-cập hay không.)

BDC dịch sát nghĩa theo tiếng Hy-lạp nên dùng từ “đánh” nhưng cần cho người đọc của bạn rõ ràng Môi-se đã đánh chết người Ai-cập.

7:25a

Ông tưởng: Theo tiếng Hy-lạp động từ *tưởng* có nghĩa là Môi-se cho một điều gì đó là thật, nhưng thực ra ông không biết chắc có phải như vậy không. Thì của động từ Hy-lạp cho biết ông tiếp tục nghĩ như thế.

đồng bào hiểu rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng mình giải cứu họ: Môi-se đoán những người Y-sơ-ra-ên khác biết việc ông giết người Ai-cập sẽ hiểu rằng Môi-se cố gắng giúp đỡ họ. Môi-se còn nghĩ, chắc người Y-sơ-ra-ên biết là Đức Chúa Trời giúp Môi-se và sẽ dùng ông để giải thoát người Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ của người Ai-cập.

7:25b

nhưng họ không hiểu: Liên từ *nhưng* nói lên một sự tương phản giữa những gì Môi-se kỳ vọng và những gì dân Y-sơ-ra-ên thực sự suy nghĩ. Có lẽ họ sợ việc Môi-se đánh chết người Ai-cập. Họ không hiểu rằng Đức Chúa Trời có thể giúp Môi-se để cứu người Y-sơ-ra-ên khỏi vòng nô lệ.

7:26a

Hôm sau, Môi-se bắt gặp mấy người đang đánh nhau: Nhóm từ *bắt gặp mấy người* hàm ý rằng sự việc xảy ra một cách bất ngờ.

bắt gặp mấy người đang đánh nhau:

Theo nghĩa đen trong tiếng Hy-lạp “ông xuất hiện [khi họ] đang đánh nhau.” Theo 7:27 và theo Xuất Ê-díp-tô Ký 2:13, hai người đàn ông Y-sơ-ra-ên đang đánh nhau, và cũng theo Xuất Ê-díp-tô Ký, một người đàn ông đang đánh một người khác. Trong tiếng Hy-lạp không ghi rõ con số thực sự. BDM dựa theo nguyên bản bằng cách dùng từ *mấy người* để nói rằng có nhiều hơn một người. Để cho thích hợp hơn, nên dùng nhóm từ “hai người” hay “hai người đàn ông” như vậy sẽ được dễ hiểu trong bản dịch của bạn.

7:23a	<p>Nhưng được bốn mươi tuổi, [Một ngày kia] khi Môi-se được khoản bốn mươi tuổi,</p>
7:23b	<p>lòng nảy ra ý định thăm viếng anh em đồng bào là dòng dõi Y-sơ-ra-ên, ông quyết định [rằng ông] muốn [đi ra] thăm những người đồng hương của mình, là những người Y-sơ-ra-ên, xem thử cuộc sống của họ như thế nào, -HAY- ông muốn giúp đỡ đồng hương của mình, là những người Y-sơ-ra-ên. Ông đi đến nơi họ làm việc.</p>
7:24a	<p>chợt thấy một đồng bào bị hà hiếp, Ông thấy một người Y-sơ-ra-ên bị đánh bởi một người Ai-cập, -HAY- Ông thấy một người Ai-cập đánh một người Y-sơ-ra-ên,</p>
7:24b	<p>ông liền bênh vực ông đi tới để giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên [người bị đánh bởi một người Ai-cập]</p>
7:24c	<p>và báo thù bằng cách giết người Ai-cập. và ông trả thù bằng cách giết người Ai-cập. -HAY- và để trừng trị người Ai-cập Môi-se giết anh ta.</p>
7:25a	<p>Ông tưởng đồng bào hiểu rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng mình giải cứu họ Môi-se nghĩ rằng có lẽ người Y-sơ-ra-ên sẽ hiểu rằng Đức Chúa Trời sai ông đến để giải cứu họ [khỏi ách tột mọi].</p>
7:25b	<p>nhưng họ không hiểu. Nhưng họ không hiểu [như thế].</p>
7:26a	<p>Hôm sau, Môi-se bắt gặp mấy người đang đánh nhau, Ngày hôm sau, Môi-se thấy hai người Y-sơ-ra-ên đánh lộn [với nhau]. -HAY- Ngày hôm sau, Môi-se trở lại nơi làm việc của họ và thấy hai người Y-sơ-ra-ên đánh lộn [với nhau].</p>
7:26b	<p>liền thử giải hòa hai bên: (BDY) Ông cố gắng hoà giải Ông cố gắng dàn xếp để hai người ngưng đánh nhau bằng cách nói [với họ]: -HAY- Ông cố gắng thuyết phục họ làm hoà với nhau bằng cách khuyên [họ]:</p>

7:26b

liền thử giải hòa hai bên (BDY Ông cố gắng hoà giải): Môi-se cố gắng ngăn cản việc hai người đánh nhau bằng cách phân giải với họ. Ông không đánh thủ phạm, kẻ

đánh người kia bị thương, như ông đã đánh người Ai-cập ngày hôm qua.

thử: Theo nguyên ngữ, tiếng Hy-lạp, động từ này có hàm ý là “cố gắng.” Do đó BDY dịch động từ này chính xác hơn.

7:26c

Các ông ơi, đã là anh em (BDY Nầy các anh): Trong một vài ngôn ngữ, tuy theo phái nam hay nữ, và sự liên hệ về tuổi tác, sẽ quyết định trong việc chào hỏi giữa một người với một người. Nếu, trường hợp này giống trong ngôn ngữ của bạn, thì trong câu này bạn có thể cho rằng hai người này đồng tuổi với Môi-se. BDY dịch các từ này có lẽ chính xác hơn. Môi-se còn gọi những người này là “các anh em,” vì cả hai đều là người Y-sơ-ra-ên có cùng tổ phụ.

7:26d

sao nỡ hại nhau?: Đây là một câu hỏi khéo. Câu hỏi này không đòi câu trả lời. Thực ra nó chỉ có nghĩa là “Các anh không nên gây thương tích cho nhau!” Theo tiếng Hy-lạp động từ được dịch sang từ *nỡ hại* cùng một động từ được dùng trong 7:24, diễn tả việc người Ai-cập đã đối xử không công bình đối với người Y-sơ-ra-ên. Xem Lời Giải Nghĩa cho 7:24a.

7:27a

Nhưng người đang ức hiếp anh em lại xô Môi-se ra: Môi-se nghĩ hai người đàn ông này sẽ kính trọng mình. Nhưng chẳng phải như thế, người đàn ông đang đánh anh em mình lại xô Môi-se ra. Động từ *lại xô... ra* có thể dịch theo nghĩa đen để diễn tả những cử chỉ bằng hành động, hay có thể dịch theo nghĩa bóng là “từ chối.” Hầu hết các học giả Kinh Thánh dịch từ này theo nghĩa đen, mặc dù ngay cả trong Xuất Ê-díp-tô Ký cũng không nhắc đến những cử chỉ của hành động.

7:27b

mà bảo: “Ai cử anh làm lãnh tụ và thẩm phán cho chúng tôi?: Những gì người đàn ông nói với Môi-se cho thấy rằng anh ta từ chối việc Môi-se cố gắng giải hoà hai người. Đây là một câu hỏi khác không cần câu trả lời. Nó chỉ là một lối nói: “Ai cử anh làm lãnh tụ và thẩm phán cho chúng tôi!” Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể tự nhiên dùng những động từ để nói lên cả hai ý *lãnh tụ* và

thẩm phán, như trong CĐN của PKTCCN. Từ *cử anh* có nghĩa là “chỉ định anh.”

7:28

hay anh muốn giết tôi như giết người Ai-Cập hôm qua?: Đây là một loại câu hỏi khéo, không cần câu trả lời. Người đàn ông nói câu này không có ý mong đợi câu trả lời của Môi-se, và anh chắc chắn không nghĩ rằng Môi-se sẽ giết anh ta. Tuy nhiên, khi nói câu này, anh ta có ý muốn cho Môi-se biết anh nghe việc Môi-se làm. Có lẽ việc Môi-se giết người Ai-cập một cách đột nhiên làm cho người Y-sơ-ra-ên tự hỏi rằng việc gì sẽ xảy ra nữa, hay việc Môi-se sẽ làm kế tiếp là gì!

7:29a

Nghe lời ấy, Môi-se bỏ trốn qua xứ Ma-đi-an: Các từ *lời ấy* có ý nhắc lại những gì người đàn ông đã nói trong câu 7:28. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 2:12, Môi-se nghĩ rằng trong khi ông đánh chết người Ai-cập thì chỉ có chính ông và một người Y-sơ-ra-ên ở tại nơi đó mà thôi. Nhưng có lẽ người được Môi-se giúp đem chuyện này nói lại với nhiều người khác.

Môi-se có lý do cần phải đề phòng, vì ngay sau khi Pha-ra-ôn nghe việc Môi-se đã làm, vua liền ra lệnh tìm giết Môi-se (Xuất Ê-díp-tô Ký 2:15). Để cho được rõ ràng, bạn có thể dịch rằng Môi-se sợ hãi, như trong CĐN của PKTCCN. Do đó, Môi-se tức khắc trốn khỏi Ai-cập để quân lính của Pha-ra-ôn không tìm gặp và giết ông.

xứ Ma-đi-an: *Ma-đi-an* (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1) là một vùng về phía đông của biển Đỏ và cách Ai-cập khoảng 160 cây số. Có thể đó là một khoảng cách an toàn để Môi-se trốn khỏi quân lính Pha-ra-ôn.

7:29b

mà kiêu ngạo. Tại đó, ông có hai con trai: Mặc dù Ma-đi-an không phải là nơi sinh quán của Môi-se, nhưng ông cư ngụ tại nơi này. Theo ngữ cảnh được hàm ý, nếu có thể bạn nên nói rõ, Môi-se đã cưới vợ tại đó. Xem CĐN của PKTCCN.

- 7:26c** “Các ông ơi, đã là anh em,
‘Này các anh, các anh [như là] anh em với nhau.
-HAY-
‘Các anh [hãy nghe đây], các anh đều là những người Y-sơ-ra-ên.
- 7:26d** **sao nỡ hại nhau?”**
[Vì thế] các anh không nên làm hại lẫn nhau!’
- 7:27a** **Nhưng người đang ức hiếp anh em lại xô Môi-se ra**
Nhưng người gây thương tích anh em mình đẩy Môi-se ra,
- 7:27b** **mà bảo: “Ai cử anh làm lãnh tụ và thẩm phán cho chúng tôi?**
và nói [với Môi-se]: ‘Không ai gọi anh đứng ra để xét xử chúng tôi!
- 7:28** **hay anh muốn giết tôi như giết người Ai-Cập hôm qua?”**
[Tôi tin chắc] rằng anh không muốn giết tôi như anh giết người Ai-cập ngày hôm qua!’
- 7:29a** **Nghe lời ấy, Môi-se bỏ trốn qua xứ Ma-đi-an mà kiêu ngạo.**
Khi Môi-se nghe lời đó[, ông nhận thức rằng có lẽ nhiều người biết việc ông giết người Ai-cập. Ông rất sợ hãi, vì thế] ông trốn [khỏi xứ Ai-cập] đi qua [lãnh thổ của] Ma-đi-an.
- 7:29b** **Tại đó, ông có hai con trai.**
Ông ở tại đó [trong nhiều năm]. Ông [lập gia đình và vợ ông] sinh được hai con trai.
- 7:30a** **Bốn mươi năm trôi qua, Môi-se gặp một thiên sứ hiện ra trong một ngọn lửa, giữa bụi gai cháy bùng**
[Một ngày nọ] bốn mươi năm sau, một thiên sứ [của Đức Chúa Trời] hiện ra, với Môi-se, trong một bụi gai đang cháy.
-HAY-
Bốn mươi năm sau, [vào một ngày kia, Đức Chúa Trời] hiện ra với Môi-se [như] một thiên sứ, từ trong bụi gai đang cháy.

7:30-34 Đức Chúa Trời sai Môi-se đi giải cứu người Do Thái tại xứ Ai-cập

7:30a

Bốn mươi năm trôi qua, Môi-se gặp một thiên sứ hiện ra trong một ngọn lửa, giữa bụi gai cháy bùng: Tác giả của sách Xuất Ê-díp-tô Ký 3 ghi lại một cách chi tiết và được Sê-tiên diễn tả một cách ngắn gọn ở đây. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn cần nhiều hơn một câu để thông tin một cách rõ ràng những gì nói trong câu này. Nhóm từ

bốn mươi năm trôi qua nói về thời gian Môi-se sống tại vùng Ma-đi-an, sau khi trốn khỏi Ai-cập.

thiên sứ: *Thiên sứ* ngang hàng với “Chúa” trong 7:31 và “Đức Chúa Trời” trong 7:32. Vì thế, bạn có thể nói rằng “Đức Chúa Trời hiện đến với Môi-se như một thiên sứ.” Bạn cũng có thể dịch như “Môi-se thấy một thiên sứ, và Đức Chúa Trời nói chuyện với Môi-se qua thiên sứ đó.”

hiện ra gặp ông: Nhóm từ *hiện ra gặp ông* có nghĩa là bằng một hình thức nào đó, Đức Chúa Trời đã để cho Môi-se gặp Ngài.

Sê-tiên nhắc lại trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 3:3, bụi gai cháy nhưng không tàn, do đó Môi-se biết đây không phải là ngọn lửa cháy như bình thường.

giữa bụi gai: Từ *bụi gai* ý nói đến bất cứ một loại cây có gai nào, vì thế bạn có thể dùng một từ ngữ thông thường chỉ về loại gai nào cũng được.

7:30b

tại đồng hoang gần núi Si-nai: Đồng hoang ở đây chỉ về sa mạc hay đồng vắng Ma-đi-an, nơi rất có ít người ở và rất ít cây cối. Tuy nhiên, người ta có thể đem súc vật đến để cho ăn, như Môi-se đã làm khi Môi-se gặp Ngài. *Núi Si-nai* là một tên khác cho núi “Hô-rếp, núi của Đức Chúa Trời” (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1). Bạn cần nhiều hơn một câu để dịch câu 7:30 và bạn có thể dịch như sau:

khi ông đang ở tại một nơi trong đồng vắng gần một núi [được gọi là] Si-nai. [ở đó] một thiên sứ [của Đức Chúa Trời] hiện đến với Môi-se trong một bụi gai đang cháy.

7:31a

Môi-se thấy khải tượng ấy, ngạc nhiên: Có thể, bạn nên giải thích rõ hàm ý ở đây. Đó là, Môi-se rất đổi ngạc nhiên, khi thấy lửa cháy nhưng bụi gai không tàn.

khải tượng: BDM dịch từ này từ trong tiếng Hy-lạp *horama*. Theo ngữ cảnh ở đây không cho biết rõ điều Môi-se thấy là sự thật hay trong một mặc khải. Dùng từ *khải tượng* ở đây e rằng không được chính xác. Hầu hết các bản ngữ, kể cả BDC và BDY đều dịch trong một ý nghĩa Môi-se thấy một sự lạ xảy ra “bụi gai đang cháy” nhưng không định nghĩa rõ Môi-se thấy gì.

7:31b

lại gần để xem, bỗng nghe tiếng Chúa phán dạy: Những gì Môi-se thấy là việc khác thường, nên ông đến gần để xem rõ hơn việc gì xảy ra. Môi-se nghe chính Chúa phán với ông. *Chúa ở đây* chỉ về Đức Chúa Trời.

7:32a

‘Ta là Đức Chúa Trời của các tổ phụ con, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp!’: Nhóm từ *các tổ phụ con* ý nói tổ phụ của Môi-se. Cũng là tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên, kể cả Sê-tiên và những người nghe ông giảng thuyết. Danh hiệu của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong các nhóm từ này là danh hiệu trọn vẹn của Ngài được dùng trong CU. Trong ngôn ngữ của bạn, có lẽ người ta không có thói quen gọi Đức Chúa Trời của một người nào. Vì thế, bạn có thể dịch các nhóm từ *Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp*, như: “Ta là Đức Chúa Trời mà tổ phụ các người thờ phượng.” Câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN sở dĩ từ “Đức Chúa Trời” chỉ nói đến một lần, vì đây cũng chỉ nói đến cùng một Đức Chúa Trời mà thôi.

7:32b

Nhưng Môi-se run sợ, không dám nhìn: Đây diễn tả cảm giác của Môi-se khi nghe Đức Chúa Trời nói chuyện với ông. Trong ngôn ngữ của bạn, nếu người ta không quen thuộc với từ *run* có thể bạn nên giải thích Môi-se run vì quá sợ hãi. Môi-se sợ hãi vì biết Đức Chúa Trời có tại nơi đó. Nhóm từ *không dám nhìn* có nghĩa là Môi-se không dám nhìn lâu hơn nữa.

7:33a

Chúa bảo: ‘Con hãy cởi dép ra: Chúa ở đây nói về Đức Chúa Trời.

dép: Bạn có thể dùng tên của bất cứ vật gì, theo tập quán của xứ bạn, người ta thường dùng để mang vào chân khi đi chuyển, để dịch từ “dép.” Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se cởi dép của ông ta ra, để cho thấy sự kính trọng hay tôn kính Ngài. Bạn có thể thêm những chi tiết này trong chú thích ở cuối trang.

7:33b

vì nơi con đứng là đất thánh: Đây là lý do Đức Chúa Trời phán với Môi-se trong 7:33a. Từ *thánh* ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời biệt riêng nơi đó để Ngài xử dụng. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ đồng nghĩa

7:30b	tại đồng hoang gần núi Si-nai. [Việc này xảy ra] trong khi Môi-se ở tại đồng vắng gần núi Si-nai.
7:31a	Môi-se thấy Khải tượng ấy, ngạc nhiên Khi Môi-se thấy điều đó, ông ngạc nhiên vô cùng[, vì bụi gai cháy nhưng không tàn].
7:31b	lại gần để xem, bỗng nghe tiếng Chúa phán dạy: Do đó, Môi-se đến gần để nhìn rõ hơn, và ông nghe Chúa [Đức Chúa Trời] nói [với ông]:
7:32a	‘Ta là Đức Chúa Trời của các tổ phụ con, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp!’ ‘Ta [là] Đức Chúa Trời [mà] các tổ phụ ngươi [thờ phượng]. [Vâng, Ta là] Đức Chúa Trời [các tổ phụ ngươi thờ phượng] Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.’ -HAY- ‘Ta [là] Đức Chúa Trời. Các tổ phụ ngươi, Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, thờ phượng Ta.’
7:32b	Nhưng Môi-se run sợ, không dám nhìn. Môi-se [rất sợ hãi] bắt đầu run rẩy và không dám nhìn [vào bụi gai nữa]. -HAY- Môi-se [sợ hãi, nên ông] bắt đầu run và không dám nhìn [để xem ai đang nói].
7:33a	Chúa bảo: ‘Con hãy cởi dép ra Rồi [Đức] Chúa [Trời] nói với Môi-se: ‘Hãy cởi dép của ngươi ra [để bày tỏ sự kính trọng Ta],
7:33b	vì nơi con đứng là đất thánh. vì [ta ở đây, cho nên] nơi này, nơi ngươi đứng là đất thánh. -HAY- bởi vì Ta ở đây, nơi ngươi đứng.
7:34a	Thật Ta đã thấy rõ sự áp bức dân Ta tại Ai-cập. Ta đã thấy rõ người Ai-cập [tiếp tục] ngược đãi dân Ta như thế nào.

với từ “thánh,” bạn có thể dịch là “vùng đất này thuộc về Ta,” hay, “Ta ở đây.” Hay trong ngôn ngữ của bạn có từ được cho là “linh thiêng” mà người ta thường không dám nói đến, có thể phù hợp để dịch từ “thánh.” Ý Sê-tiên muốn nói ở đây, đất này là vùng đất thánh, vì Đức Chúa Trời hiện diện tại đó, mặc dù nơi đó rất xa Đền Thờ nơi người Do Thái gọi là “xứ thánh.”

7:34a

Thật Ta đã thấy rõ sự áp bức dân Ta tại Ai-cập: Đức Chúa Trời rất quan tâm về những việc xảy ra tại Ai-cập.

sự áp bức: Từ *áp bức* một từ tổng quát và ở đây nói đến việc những người làm cho người khác phải chịu nhiều khổ sở. Bạn có thể dùng một mệnh đề với một động từ có thể diễn tả rõ ràng, ví dụ như “người Ai-cập đánh đập dân sự của Ta như thế nào.”

dân Ta: Đức Chúa Trời gọi người Y-sơ-ra-ên bằng *dân Ta* vì Ngài đã lập giao ước

với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp là các tổ phụ của họ, giao ước này cũng áp dụng cho thời đại của Môi-se.

7:34b

Ta đã nghe tiếng rên la của họ: Đức Chúa Trời chẳng những thấy các việc xảy ra cho dân sự của Ngài tại xứ Ai-cập, nhưng Ngài đã nghe tiếng rên la của họ. Nếu theo ngữ cảnh, ý này không được rõ, bạn có thể nói rằng họ rên la vì người Ai-cập đã làm cho cuộc sống của họ đầy khổ sở.

7:34c

và xuống giải cứu họ: Trong một ý nghĩa đặc biệt Đức Chúa Trời xuống từ trời và Ngài hiện đến với Môi-se trong bụi gai đang cháy. Đức Chúa Trời phán rằng Ngài đến với mục đích là giải cứu dân sự của Ngài khỏi ách nô lệ của người Ai-cập, như Ngài đã hứa với Áp-ra-ham trong Sáng-thể Ký 15:14.

7:34d

Bây giờ, lại đây Ta sẽ sai con vào Ai-cập: Đức Chúa Trời ra lệnh cho Môi-se trở lại Ai-cập trong tư cách một người của Đức Chúa Trời sai đi. Thính giả của Sê-tiên thừa biết ông nhắc đến Xuất Ê-díp-tô Ký 3:10, khi Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, “Vậy bây giờ, hãy lại đây, đặt Ta sai người đi đến Pha-ra-ôn, để dắt dân Ta, là dân Y-sơ-ra-ên, ra khỏi xứ Ê-díp-tô.” (BDC).

7:35-38 Đức Chúa Trời sai Môi-se lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên và bảo họ về Đấng tiên tri sẽ đến

7:35a

Ở đây bạn cần thêm vào “Sê-tiên tiếp tục nói.” Để chấm dứt việc ông nhắc lại lời Đức Chúa Trời nói chuyện với Môi-se, và trở lại bài giảng bằng lời lẽ của ông.

Chính Môi-se này mà đồng bào khước từ: Sê-tiên nhấn mạnh rằng người mà Y-sơ-ra-ên từ khước chính là người Đức Chúa Trời sai đến để “hướng dẫn và lãnh đạo.” Động từ Hy-lạp, BDM dùng *khước từ*, có nghĩa là họ

từ chối đi theo hay vâng lời Môi-se như người lãnh đạo của họ.

7:35b

Trong 7:35a chỉ có động từ “khước từ” được dùng và nó hàm ý rằng dân Y-sơ-ra-ên nhắc lại trong 7:35b. Trong ngôn ngữ của bạn, để được rõ ràng hơn, bạn có thể thêm một động từ diễn tả được những gì họ đã nói.

Trong tiếng Hy-lạp động từ “khước từ” được theo sau bởi động từ “nói.” Theo ngữ cảnh, sự quan hệ giữa “khước từ” và “nói” không được rõ. Sê-tiên có thể có ý rằng họ “khước từ bằng lời đó: Ai cử anh...” hay “khước từ khi nào nói: Ai cử anh...” Cả hai đều chính xác. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 2:14 chỉ có một người nói những lời đó, nhưng ở đây, Sê-tiên dùng số nhiều, theo nghĩa đen “họ nói.”

“Ai cử anh làm lãnh tụ và thẩm phán?”: Câu này Sê-tiên cho thấy rằng Y-sơ-ra-ên, nói chung, từ khước Môi-se là người lãnh đạo của họ. Cho câu hỏi “Ai cử anh làm lãnh tụ và thẩm phán?” xem Lời Giải Nghĩa ở 7:27b.

7:35c

thì nay Đức Chúa Trời sai làm lãnh tụ và cứu tinh: Theo nguyên bản Hy-lạp câu 35 chỉ là một câu. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây. Mệnh đề bắt đầu phần này của câu, nhấn mạnh lần nữa rằng Môi-se là người Đức Chúa Trời sai đến để giải cứu dân Y-sơ-ra-ên.

Sê-tiên, diễn tả Môi-se như một *lãnh tụ*, dùng cùng một từ như trong 7:27b. Theo tiếng Hy-lạp từ *cứu tinh* là từ ngữ Bác Sĩ Lu-ca dùng để nói về Chúa Giê-su trong Lu-ca 24:21. Có nghĩa là một người nào đó trả tiền để cứu người khác ra khỏi một hoàn cảnh khó khăn. Chắc chắn rằng Sê-tiên hàm ý so sánh Môi-se với Chúa Giê-su. Môi-se đã thực sự hy sinh cuộc đời của ông để giải cứu dân Y-sơ-ra-ên thoát khỏi ách nô lệ của người Ai-cập, và Chúa Giê-su hy sinh cuộc đời của Ngài để cứu nhân loại thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, bạn

7:34b	Ta đã nghe tiếng rên la của họ, Ta đã nghe tiếng rên rĩ của dân sự Ta [vì người Ai-cập tiếp tục hành hạ chúng,
7:34c	và xuống giải cứu họ. cho nên Ta hiện ra với người] để giải cứu chúng khỏi tay người Ai-cập.
7:34d	Bây giờ, lại đây Ta sẽ sai con vào Ai-cập.’ Bây giờ [đến đây] để Ta sai người vào xứ Ai-cập [đặng giải cứu chúng].’ ” -HAY- Bây giờ, hãy sẵn sàng, Ta sẽ sai người đến xứ [Ai-cập đặng giải cứu chúng].’ [Đó là những gì Đức Chúa Trời đã nói với Môi-se].”
7:35a	Chính Môi-se này mà đồng bào khước từ: [Sê-tiên tiếp tục nói:] “Môi-se này [là người] mà [dân Y-sơ-ra-ên] đã từ khước. -HAY- [Sê-tiên nói tiếp:] “Môi-se này [là người đã cố gắng giúp đỡ dân sự Y-sơ-ra-ên, nhưng họ không nghe [ông ta].
7:35b	“Ai cứ anh làm lãnh tụ và thẩm phán?” Họ đã nói [với Môi-se]: ‘không ai yêu cầu anh làm kẻ lãnh đạo và quan toà!’
7:35c	thì nay Đức Chúa Trời sai làm lãnh tụ và cứu tinh, [Nhưng] Đức Chúa Trời [chính Ngài] sai [chính] người này lãnh đạo họ và giải phóng họ [khỏi ách lệ].
7:35d	do thiên sứ đã hiện ra với người trong bụi gai. [Đức Chúa Trời] đã hiện ra với Môi-se, [như] một thiên sứ trong bụi gai, [và bảo Môi-se phải làm những điều đó]. -HAY- [Đức Chúa Trời] đã hiện ra với Môi-se [như] một thiên sứ trong bụi gai [đang cháy] [và Đức Chúa Trời bảo Môi-se đi cứu dân sự của Ngài].
7:36a	Chính người đã đem dân ta ra, Môi-se là người đem tổ tiên chúng ta ra [khỏi Ai-cập].

không nên ghi tất cả những chi tiết này vào bản dịch của bạn, nhưng bạn nên ghi vào chú thích ở cuối trang.

7:35d

do thiên sứ đã hiện ra với người trong bụi gai: Trong nguyên bản Hy-lạp nhóm từ này, dịch theo nghĩa đen, là: “bởi [chính] bàn tay của một thiên sứ...” BDM không dịch trọn nhóm từ này. BDC giữ thành ngữ trong tiếng Hy-lạp: “cậy tay một thiên-sứ đã hiện ra...” Bạn có thể dịch những từ này như “dùng một thiên sứ” hay “bằng sự giúp đỡ

của một thiên sứ.” Có nghĩa là thiên sứ của Đức Chúa Trời giúp đỡ Môi-se hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi cảnh tội mọi tại xứ Ai-cập. Sê-tiên đặt *thiên sứ* ngang hàng với “Chúa” trong 7:31 và “Đức Chúa Trời” trong 7:32. Vì thế, bạn có thể nói “Đức Chúa Trời hiện đến với Môi-se như một thiên sứ.” Xem 7:30a cho từ *bụi gai*.

7:36a

Chính người đã đem dân ta ra: Nghĩa đen trong nguyên ngữ Hy-lạp của từ *chính người* là “người này,” chỉ về Môi-se, và *dân ta* nói

về dân Y-sơ-ra-ên. Động từ trong tiếng Hy-lạp được BDM dịch là *đem...ra* có nghĩa là “đưa ra khỏi một xứ nào.”

7:36b

làm những phép mầu và dấu lạ: Theo nguyên bản Hy-lạp, dịch theo nghĩa đen “ông ấy-[Môi-se]-thực hiện những phép mầu và những dấu lạ.” BDM không nhắc lại đại danh từ “ông ấy” như trong nguyên bản Hy-lạp vì nó không cần thiết trong tiếng Việt. “Những phép mầu và dấu lạ” là những chữ đôi, được nhắc lại nhiều lần trong phần này của sách Công Vụ. Để biết rõ hơn *những phép mầu và dấu lạ* xem Lời Giải Nghĩa trong 6:8b.

7:36c

trong đất Ai-cập, trên Hồng Hải và trong đồng hoang suốt bốn mươi năm: Mặc dù những sự lạ lùng nhất đều xảy ra trên đất Ai-cập và ở Biển Đỏ, Đức Chúa Trời cũng tiếp tục giúp đỡ Môi-se thực hiện những phép lạ trong suốt thời gian dân Y-sơ-ra-ên lưu lạc trong đồng vắng. Ví dụ, hai lần khác nhau Môi-se lấy nước ra từ những tảng đá. Việc siêu nhiên và nổi bật nhất trong bốn mươi năm là việc Môi-se nhận luật pháp trực tiếp từ Đức Chúa Trời và truyền lại cho dân sự. Trong 7:30b, *đồng hoang* ở đây cũng đề cập đến đồng hoang hay hoang dã A-ra-bi. Khi bạn dịch từ *đồng hoang*, bạn cần giải thích rõ, đó là một vùng gần như không có người ở.

7:37a

Chính Môi-se này là người đã bảo dân Y-sơ-ra-ên: Cùng một chữ trong tiếng Hy-lạp giới thiệu 7:36, 37 và 38 có thể dịch là “người này.” Trong câu này BDM dùng *chính Môi-se* và BDC dùng chữ *ấy là Môi-se*.

Chính Môi-se: Sê-tiên dùng nhóm từ này để nhận diện một cách rõ ràng rằng Môi-se là người nói với dân Y-sơ-ra-ên sứ điệp trong 7:37b. Trong bản dịch của bạn, nếu có thể được, bạn nên dịch nhóm từ này là “Đó là Môi-se người đã....”

7:37b

‘Đức Chúa Trời sẽ dấy lên cho các người từ giữa anh em một tiên tri giống như tôi’: Sê-tiên nhắc lại trong Phục-truyền-Luật-lệ Ký 18:15 và gần giống hoàn toàn phần đầu mà Phê-rơ trích dẫn trong 3:22. Trong tiếng Hy-lạp, phần đầu của mệnh đề này dịch theo nghĩa đen là “Đức Chúa Trời sẽ dấy lên một tiên tri cho các anh.” Động từ *dấy lên* có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm cho một tiên tri xuất hiện hay đến. Bạn có thể dịch câu này “sẽ chọn lựa/tiến cử/sai đến.” Cho phần dẫn chứng này, đặc biệt là có hai cách có thể dịch nhóm từ *giống như tôi*, xem Lời Giải Nghĩa trong 3:22a.

7:38a

Đây là người đã ở với hội chúng trong đồng hoang: Trong nguyên bản Hy-lạp đại danh từ giống đực được nhắc lại ở đây giống đại danh từ đực được tìm thấy trong phần đầu của 7:36a. Điều này xác nhận Môi-se là chủ từ trong câu này, thay vì đáng tiên tri được nhắc đến trong 7:37b. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, thay vì dùng đại danh từ, bạn nên dùng tên của Môi-se ở đây. BDM dùng “đây là người.”

hội chúng: Trong tiếng Hy-lạp từ mà BDM dịch là *hội chúng* cùng một từ mà các học giả Kinh Thánh TU hầu hết dịch từ này là “hội thánh.” Tuy nhiên, theo ngữ cảnh, ở đây ý nói đến người Y-sơ-ra-ên mà Môi-se tụ tập lại với nhau.

7:38b

và thiên sứ đã nói chuyện với người trên núi Si-nai như với các tổ phụ chúng ta: Xem 7:30a và 7:35d, trong trường hợp này Sê-tiên đã xem *thiên sứ* ngang hàng với Đức Chúa Trời. Điều này cho thấy rằng Môi-se hành động như một người trung gian, giữa Đức Chúa Trời và dân Y-sơ-ra-ên. Tức là ông truyền lại cho dân sự của Đức Chúa Trời sứ điệp Ngài phán với ông qua thiên sứ. Những thính giả của Sê-tiên có lẽ hình dung được *Núi Si-nai*, qua bài giảng của Sê-tiên, một biến cố rất quan trọng, khi Đức Chúa Trời ban luật pháp của Ngài cho Môi-se.

7:36b	<p>làm những phép mầu và dấu lạ Ông làm những phép mầu và dấu lạ, những điều đó cho thấy rằng [Đức Chúa Trời ban quyền phép cho ông ta]. <i>-HAY-</i> Ông đã làm những phép mầu dấu lạ, những điều đó cho thấy rằng [Đức Chúa Trời giúp đỡ ông].</p>
7:36c	<p>trong đất Ai-cập, trên Hồng Hải và trong đồng hoang suốt bốn mươi năm. [Ông đã làm những phép lạ] trong xứ Ai-cập, tại Biển Đỏ và trong bốn mươi năm đó [người Y-sơ-ra-ên sống] trong đồng vắng.</p>
7:37a	<p>Chính Môi-se này là người đã bảo dân Y-sơ-ra-ên: Môi-se chính là người đã nói với dân Y-sơ-ra-ên:</p>
7:37b	<p>‘Đức Chúa Trời sẽ dấy lên cho các người từ giữa anh em một tiên tri giống như tôi. ‘Đức Chúa Trời sẽ ban cho các người một tiên tri, là một người từ trong giữa anh em. [Người đó sẽ nói những lời của Đức Chúa Trời], giống như ta [truyền những lời Chúa phán cho các người].’</p>
7:38a	<p>Đây là người đã ở với hội chúng trong đồng hoang, [Môi-se] này là [người lãnh đạo và cũng là tiên tri của dân sự] khi còn cùng sống với nhau trong đồng vắng.</p>
7:38b	<p>và thiên sứ đã nói chuyện với người trên núi Si-nai như với các tổ phụ chúng ta Thiên sứ [của Đức Chúa Trời] đã nói chuyện với ông trên núi Si-nai. [Đức Chúa Trời ban cho ông những luật pháp] và [qua Môi-se] thiên sứ cũng nói chuyện với những tổ phụ [khác] của chúng ta. <i>-HAY-</i> [Đức Chúa Trời gọi] thiên sứ đến nói chuyện với Môi-se trên núi Si-nai [về những luật lệ [Môi-se] truyền lại cho các tổ phụ [khác] chúng ta [những gì thiên sứ đã nói].</p>
7:38c	<p>— và người đã tiếp nhận lời hằng sống để truyền lại cho đồng bào. Môi-se nhận [từ Đức Chúa Trời] những lời do thiên sứ rao bảo phải sống như thế nào [trong đời sống thuộc linh và Môi-sê] truyền [những lời đó] lại cho chúng ta. <i>-HAY-</i> [Thiên sứ của Đức Chúa Trời] ban sứ điệp cho Môi-se và Môi-se truyền lại [cho tổ phụ chúng ta và tổ phụ truyền lại] cho chúng ta. [Bởi các sứ điệp đó, Đức Chúa Trời] bảo thế nào Ngài có thể ban cho chúng ta sự sống [đời đời].</p>

7:38c

và người đã tiếp nhận lời hằng sống để truyền lại cho đồng bào: Bạn có thể diễn tả nhóm từ *người đã tiếp nhận lời* như “Đức Chúa Trời/thiên sứ ban sứ điệp,” giống như câu số hai trong CDN của PKTCCN. Từ ngữ

trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây mang một ý nghĩa đặc biệt rằng chữ *lời* chính là “sứ điệp từ Đức Chúa Trời.”

hằng sống: Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ ngữ *hằng sống*:

- (1) Hầu hết các nhà thần học giải thích *hằng sống* như “sự sống-ban cho.” Tức là mục đích của sứ điệp từ Đức Chúa Trời là loan báo cho người Do Thái, họ cần phải sống như thế nào để đẹp lòng Đức Chúa Trời và làm thế nào để có sự sống vĩnh viễn.
- (2) Một số nhà thần học khác nghĩ rằng *hằng sống* là lâu dài, mang ý nghĩa rằng sứ điệp từ Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn là lẽ thật.

Mặc dù cách giải thích thứ hai đúng, nhưng cách thứ nhất hợp với ngữ cảnh hơn.

7:39-43 Y-sơ-ra-ên từ khước Môi-se, do đó Đức Chúa Trời từ khước họ và phán rằng Ngài trừng phạt họ

7:39a

Tuy nhiên, tổ phụ chúng ta không chịu vâng lời người: *Tuy nhiên* được dùng ở đây rất thích hợp, vì cách của người Y-sơ-ra-ên đối xử với Môi-se ngược lại với những gì mà Môi-se làm cho họ. Nhóm từ trong tiếng Hy-lạp được BDM dịch sang *không chịu vâng* có nghĩa đen là “họ không muốn vâng lời.” Điều này cho thấy rằng họ đã chống đối Môi-se bằng cả thái độ và hành động.

lời người: *Lời người* ý nói đến sứ điệp của Đức Chúa Trời gửi đến do thiên sứ trong 7:38c.

7:39b

nhưng từ bỏ người: Ý rằng dân Y-sơ-ra-ên cãi lại không muốn nghe những gì Môi-se truyền cho họ nữa.

7:39c

và trở lòng hướng về Ai-cập: Dưới đây là hai cách có thể giải thích nhóm từ *trở lòng hướng về Ai-cập*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người Y-sơ-ra-ên mong muốn trở về Ai-cập nơi họ có đầy đủ thức ăn và nước uống.
- (2) Một số khác cho rằng nhóm từ này có nghĩa là họ rất mong muốn được thờ phượng những thần tượng giống như người Ai-cập từng làm.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ đúng nghĩa hơn. Tuy nhiên, người Y-sơ-ra-ên cũng có thể muốn được thờ thần tượng, và làm những công việc khác như họ đã từng làm khi còn ở tại xứ Ai-cập. Khi họ từ khước Môi-se, họ cũng từ khước cả Đức Chúa Trời Đấng sai Môi-se đóng vai lãnh tụ đạo của họ.

7:40a

Họ bảo A-rôn: Nhóm từ này chắc không có gì trở ngại khi dịch sang ngôn ngữ của bạn, thực ra chỉ có một người nói lời này. Bạn có thể nói “một người trong bọn họ [nói thay cho những người khác] bảo A-rôn.” Và bạn cần ghi rõ A-rôn là người anh lớn của Môi-se.

Ông hãy chế tạo các thần để hướng dẫn chúng tôi: Những người nghe Sê-tiên đều biết ông trích dẫn trong Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1. Tuy nhiên, sẽ có nhiều đọc giả của bạn không biết điều này. Vì thế cần được hàm ý rõ ràng về điều này trong bản dịch của bạn, giống như trong CĐN của PKTCCN. Trong ngôn ngữ của bạn, có thể người ta không thường nói *chế tạo các thần*. Nên bạn có thể dịch nhóm từ này là “chạm hay đúc tượng/hình của các tà thần cho chúng tôi.”

để hướng dẫn chúng tôi: Nhóm từ *để hướng dẫn chúng tôi* có ý rằng trong khi di chuyển, một vài người luôn khiêng những tượng của các tà thần đi trước để dân chúng đi theo sau. Theo ngữ cảnh, hàm ý họ muốn trở về Ai-cập.

chúng tôi: Theo ngữ cảnh, dùng từ “chúng ta” ở đây có lẽ đúng hơn, vì họ kể A-rôn cùng phe với họ là những người muốn thờ và đi theo các tà thần. Điều này được ghi rõ hơn trong CĐN của PKTCCN.

7:40b

vì ông Môi-se này là người từng lãnh đạo chúng tôi ra khỏi đất Ai-cập đã gặp phải chuyện gì chúng tôi không rõ!: Dân sự cho thấy lý do tại sao họ yêu cầu A-rôn đúc tượng những tà thần cho họ. Trong thời điểm này, Môi-se đã ở trên núi Si-na-i gần bốn mươi ngày. Với nhóm từ *là người từng lãnh đạo chúng tôi ra khỏi đất Ai-cập* dân sự lúc

7:39a	Tuy nhiên, tổ phụ chúng ta không chịu vâng lời người, [Tuy nhiên,] tổ phụ chúng ta không muốn vâng lời Môi-se[, vì thế họ không làm những gì ông đã khuyên bảo họ].
7:39b	nhưng từ bỏ người Họ không còn nghe lời người [hay vâng lời người] nữa. -HAY- [Sau một thời gian,] họ không còn muốn Môi-se là người lãnh đạo nữa.
7:39c	và trở lòng hướng về Ai-cập. [Ngược lại,] họ mong muốn được trở lại Ai-cập.
7:40a	Họ bảo A-rôn: Ông hãy chế tạo các thần để hướng dẫn chúng tôi, [Trong khi Môi-se còn ở trên núi Si-nai,] họ nói với A-rôn [anh của Môi-se]: 'Hãy làm nên tượng cho chúng tôi, những tượng đó sẽ là những thần của chúng ta, sẽ dẫn chúng ta [trở về Ai-cập]!'
7:40b	vì ông Môi-se này là người từng lãnh đạo chúng tôi ra khỏi đất Ai-cập đã gặp phải chuyện gì chúng tôi không rõ! Môi-se đó đã dẫn chúng tôi ra khỏi Ai-cập, nhưng chúng tôi không biết việc gì đã xảy ra cho ông.'
7:41a	Đó là lúc họ chế tạo thần tượng bò con, Vì thế, trong những ngày đó họ đúc một tượng [bằng vàng giống như] một bò con. -HAY- Trong khi Môi-se vắng mặt, họ thuyết phục [A-rôn] đúc một tượng bằng vàng [giống hình] một bò con.
7:41b	dâng tế lễ cho thần Rồi họ dâng tế lễ [thú vật và dâng nhiều thứ khác] để [tôn vinh] tượng đó

này coi Môi-se như một cựu lãnh tụ của họ. Nhóm từ sau đây, *đã gặp phải chuyện gì chúng tôi không rõ*, có lẽ hàm ý rằng họ nghi ngờ chẳng biết có gặp lại Môi-se nữa hay không. Họ có thể nghĩ rằng ông đã chết trên núi Si-nai. Mặc dù, trước khi Môi-se lên núi Si-nai, ông đã dặn Giô-suê và các trưởng lão hãy đợi cho đến khi ông trở lại (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:13-18).

ông Môi-se này: Theo tiếng Hy-lạp nhóm từ *ông Môi-se này* được nhấn mạnh. Nó bao gồm cả hai mục đích, nhận diện ông và nói về ông một cách thiếu kính trọng.

7:41a

họ chế tạo thần tượng bò con: Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 32:4, A-rôn thực sự chính là người làm khuôn để đúc tượng tà thần bằng những đồ trang sức bằng vàng mà dân sự giao cho ông.

7:41b

dâng tế lễ cho thần: A-rôn lập một bàn thờ trước tượng con bò vàng và dân sự dâng những sinh tế trên bàn thờ đó, và dâng nhiều thứ khác để tôn vinh tượng của tà thần đó (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:5-6). Các người Do Thái coi việc thờ lạy tượng bò vàng là một trọng tội của tổ tiên của họ. Đúc Chúa Trời vừa mới giải cứu họ khỏi ách nô lệ trong xứ

Ai-cập, nhưng họ đã vội quên Đức Chúa Trời và bắt đầu thờ lạy hình tượng.

7:41c

và làm lễ ăn mừng tượng họ đã làm ra: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng *lễ ăn mừng tượng* chỉ được tiếp tục trong một thời gian ngắn. Dân sự đầy vui vẻ và thoải lòng vì cố họ đã làm nên một hình tượng. Câu thứ nhất trong CĐN của PKTCCN có những hàm ý này.

7:42a

Nhưng Đức Chúa Trời xoay lưng: Trong khi người Y-sơ-ra-ên làm lễ ăn mừng một cách vui vẻ, thì Đức Chúa Trời rất là bực bội. Động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây, BDM dùng từ *xoay lưng*, có nghĩa là Đức Chúa Trời từ khước dân Y-sơ-ra-ên. Ngài thời không ban phước, và bắt đầu trừng phạt họ.

7:42b

bỏ mặc họ: Nhóm từ *bỏ mặc họ* có ý là, vì không vâng lời Đức Chúa Trời, nên Ngài cho phép họ làm những gì họ muốn. Tức là, càng ngày họ càng phạm tội rất trầm trọng, và Đức Chúa Trời để cho họ chịu đau khổ bởi kết quả của tội lỗi họ đã gây nên.

thờ phượng các tinh tú trên trời: Dưới đây là hai cách có thể giải thích nhóm từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *các tinh tú trên trời*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những từ này chỉ về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, mà những nước láng giềng của dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng như những thần của họ.
- (2) Một số khác nghĩ rằng những từ này chỉ nói về các ngôi sao, “Vì thế Đức Chúa Trời...bỏ mặc họ thờ phượng các tinh tú trên trời....”

Trong Phục-truyền-luật-lệ Ký 4:19 phù hợp với cách giải thích thứ nhất, và rằng *các tinh tú trên trời* bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Nếu thích hợp, bạn nên dịch nhóm từ này một cách tổng quát như “các tinh tú trên trời,” như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

7:42c

như đã chép trong Kinh Tiên Tri: Lời trích dẫn trong sách tiên tri A-mốt 5:25-27, và Đức Chúa Trời là Đấng nói những lời này. Có thể bạn cần nói rõ rằng Đức Chúa Trời nói những lời này và Sê-tiên đã trích dẫn lại trong 7:42d-43d, như trong CĐN của PKTCCN cho 7:42c. Thông thường, nếu trong ngôn ngữ của bạn, dùng những động từ chủ động, bạn có thể dịch là *đã chép* như “một người nào đã viết.”

Kinh Tiên Tri: Đây ý nói về cuộn giấy, trong nguyên bản Hê-bơ-ơ, gồm có mười hai sách cuối của CU. Người ta thường gọi những sách này là “Sách tiểu Tiên Tri.” Trong hầu hết các tập quán, người ta quen thuộc với từ “sách” hơn là “Kinh.” Xem 2:16 cho từ “tiên tri.”

7:42d

‘Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên! Các ngươi có dâng các thú vật và sinh tế cho Ta suốt bốn mươi năm trong đồng hoang không?’

(BCG Hỡi nhà Ít-ra-en, bốn mươi năm trường trong sa mạc, các ngươi có dâng lên Ta vật hy sinh và tế lễ nào đâu?) : Trong nguyên ngữ Hy-lạp, nhóm từ, *Nhà Y-sơ-ra-ên*, được đặt ở sau cùng. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể để ở bất cứ nơi nào miễn là được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. *Nhà* ở đây có nghĩa là dân sự. Câu hỏi này mong đợi câu trả lời bằng chữ “không.” Nhưng bạn có thể làm cho ý nghĩa được rõ ràng bằng cách đổi câu hỏi thành ra câu nói thường như trong CĐN của PKTCCN.

Các ngươi có dâng các thú vật và sinh tế cho Ta: Cả hai *các thú vật và sinh tế* đều nói đến những thú vật mà người ta giết và đốt tại bàn thờ như một sinh tế. Các từ *các ngươi có dâng các thú vật và sinh tế cho Ta* có nghĩa là dân sự dâng những lễ vật trong khi thờ phượng, họ không tôn kính Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, người Y-sơ-ra-ên dâng rất nhiều sinh tế, nhưng họ thường không làm điều đó để tôn kính Đức Chúa Trời. Vì họ từng phản nghịch cùng Đức Chúa Trời và đôi khi, như với con bò vàng, họ trực tiếp thờ các thần tượng.

7:41c	<p>và làm lễ ăn mừng tượng họ đã làm ra. và họ tổ chức lễ ăn mừng liên quan đến tượng họ đã [bắt buộc A-rôn] làm ra. -HAY- và họ hát múa mà tôn thờ tượng mình làm ra.</p>
7:42a	<p>Nhưng Đức Chúa Trời xoay lưng, Nhưng Đức Chúa Trời từ chối họ. -HAY- Nhưng Đức Chúa Trời tức giận họ.</p>
7:42b	<p>bỏ mặc họ thờ phượng các tinh tú trên trời, Rồi Ngài để họ thờ phượng mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao trên trời. -HAY- Rồi để mặc họ thờ phượng các ngôi sao trên trời.</p>
7:42c	<p>như đã chép trong Kinh Tiên Tri: Như trong quyển sách chứa đựng những gì các tiên tri đã chép: [Đức Chúa Trời nói] rằng:</p>
7:42d	<p>‘Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên! Các người có dâng các thú vật và sinh tế cho Ta suốt bốn mươi năm trong đồng hoang không? Không có! (BCG) Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, bốn mươi năm trường trong sa mạc, các người có dâng lên Ta vật hy sinh và tế lễ nào đâu? ‘Hỡi người Y-sơ-ra-ên, các người [đã lặp đi lặp lại] giết những súc vật và dâng chúng như những sinh tế trong suốt bốn mươi năm [khi các người đã] ở trong đồng vắng. Nhưng [các người chắc chắn] không hề dâng chúng cho Ta. -HAY- ‘Hỡi người Y-sơ-ra-ên, các người [chắc chắn] không tôn vinh Ta, trong khi đó [luôn tiếp tục] giết và dâng sinh tế suốt trong thời gian bốn mươi năm] trong đồng vắng.</p>
7:43a	<p>Nhưng các người đã khiêng kiệu thờ thần Mô-lóc (BCG) Các người đã kiệu lều của thần Mô-lóc và ngôi sao của thần Rompha, là những ảnh tượng các người đã làm ra để thờ; nên Ta đã đày các người tới bên kia Ba-by-lôn. Nhưng các người cũng khiêng [với các người từ nơi này đến nơi khác] lều trại [trong đó có thần] Mô-lóc. [Đó là một thần mà các người thờ phượng.]</p>

bốn mươi năm: Bốn mươi năm nói đến khoảng thời gian dân Y-sơ-ra-ên ở tại đồng vắng sau khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Thực ra là độ ba mươi tám năm.

trong đồng hoang: Xem 7:30b cho các từ đồng hoang.

7:43a

Nhưng các người đã khiêng kiệu thờ thần Mô-lóc (BCG) Các người đã kiệu lều của

thần Mô-lóc): Động từ trong tiếng Hy-lạp, BDM dịch là *khuân*, có nghĩa là nhắc lên và khiêng đi từ nơi này đến nơi nọ. *Kiệu* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa đen là “cái lều bằng vải.” Đồng với nhóm từ trong tiếng Hy-lạp BDM dịch là “lều” trong câu 7:44.

Mô-lóc: *Mô-lóc* là tên thần của không trung và mặt trời (có lẽ kể cả sao Kim) mà người Ca-na-an và Phê-ni-xi thờ phượng.

Trong lều có thể có hình tượng trưng cho thân này.

7:43b

và ngôi sao thần Rom-pha của các người: Ngôi sao nói đến hình hay tượng mà người Y-sơ-ra-ên đem theo với họ. *Rom-pha*, tên của ngôi sao, nói về Thổ Tinh mà người Ai-cập, và một số người Y-sơ-ra-ên thờ lạy như là một thần.

7:43c

là những thân tượng các người chế tạo để thờ phượng: Đây cho thấy rõ dân Y-sơ-ra-ên tạc tượng thần Mô-lóc và Rom-pha để thờ lạy.

7:43d

Vì thế, Ta sẽ lưu đày các người qua bên kia xứ Ba-by-lôn?: Các từ *ta sẽ lưu đày* có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể khiến người ngoại quốc đến đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi

7:44-50 Theo lịch sử Do Thái, Sê-tiên suy luận rằng người ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời ở bất cứ nơi nào

7:44-50 là phần cơ bản thứ hai trong phần kết luận của Sê-tiên (7:51-53). Ý chính của Sê-tiên trong 7:44-50 cho biết Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, nên con người có thể thờ phượng Ngài ở bất cứ nơi nào. Phân đoạn này có chức năng song song với phân đoạn trước trong bài giảng của (7:2-43) và gồm có hai phân đoạn: 7:44-47 và 48-50.

7:44-47 Dân sự thờ phượng trong lều tạm do Môi-se dựng lên và Đền Thờ do vua Sô-lô-môn xây cất

7:44a

Các tổ phụ chúng ta giữ lều chúng có với họ trong đồng hoang: Trong bản dịch của bạn, có thể bạn cần làm sáng tỏ rằng những gì Sê-tiên trích dẫn trong sách tiên tri A-mốt được chấm dứt ở cuối câu 7:43, và Sê-tiên bắt đầu lại bài giảng bằng ngôn ngữ của ông tại đây. Trong tiếng Hy-lạp câu này được bắt đầu bằng từ “lều chúng có,” có lẽ để nhấn mạnh sự tương phản giữa “lều chúng có” dùng để thờ phượng Đức Chúa Trời và “kiệu thờ thần Mô-lóc” trong câu 7:43. Dân sự gọi lều họ dùng để thờ phượng Đức Chúa Trời là “lều chúng có” vì nó cho thấy rằng Đức

xứ của họ. Đức Chúa Trời nói Ngài sẽ làm như thế vì dân Y-sơ-ra-ên thờ thần tượng thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời. Liên từ *vì thế* cho thấy rằng Đức Chúa Trời trừng phạt họ vì họ phạm tội.

qua bên kia xứ Ba-by-lôn: NIV chấm dứt lời trích dẫn trong sách tiên tri A-mốt 5:25-27 sau từ “lưu đày,” vì trong sách A-mốt ghi “bên kia Đa-mách” thay vì *qua bên kia xứ Ba-by-lôn*. Trong sách tiên tri A-mốt, đoạn Kinh Thánh này chỉ nói về việc người A-si-ri đem dân sự của Đức Chúa Trời ra khỏi vương quốc miền bắc của Y-sơ-ra-ên. Nhưng Sê-tiên thực sự muốn áp dụng điều này cho tất cả dân Y-sơ-ra-ên, nên ông nhắc đến *xứ Ba-by-lôn*. Người Ba-by-lôn đem dân sự của Đức Chúa Trời ra khỏi vương quốc miền nam của Y-sơ-ra-ên, vì thế dân Y-sơ-ra-ên bị tản lạc đến phía bên kia thủ đô của vương quốc Ba-by-lôn.

Chúa Trời hiện diện ở đó với dân Y-sơ-ra-ên. Đặc biệt là nó nhắc lại cho người Y-sơ-ra-ên rằng Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với họ, vì trong hòm giao ước, đặt trong lều chúng có, có hai bảng đá được ghi những luật lệ để họ tuân theo.

7:44b

dựng lên theo lệnh đã truyền cho Môi-se: Người Y-sơ-ra-ên dựng lều chúng có đúng y theo kiểu mẫu mà Đức Chúa Trời đã phán dặn Môi-se dựng lên. Điều này ngược với kiệu thờ thần Mô-lóc họ dựng lên theo ý riêng của họ 7:43.

7:44c

đúng theo kiểu mẫu mà ông đã xem thấy: Đức Chúa Trời đã cho Môi-se thấy một kiểu

7:43b	và ngôi sao thần Rom-pha của các người, Các người cũng [khiêng với các người] ảnh tượng của ngôi sao [mà người ta gọi là] thần Rê-phan.
7:43c	là những thần tượng các người chế tạo để thờ phượng. [Những thần tượng này] là những tượng mà các người đã làm ra để thờ phượng, [và các người thờ phượng những thần tượng đó, thay vì thờ phượng Ta].
7:43d	Vì thế, Ta sẽ lưu đày các người qua bên kia xứ Ba-by-lôn!’ Do đó, Ta sẽ [làm cho người ta] đày các người đi khỏi [đất nước của các người]. Người ta sẽ đem các người đi xa khỏi quê hương của các người đến những nơi [vùng] xa hơn xứ Ba-by-lôn.’ ” [Đó là những gì Đức Chúa Trời phán.]
7:44a	Các tổ phụ chúng ta giữ lều chúng có với họ trong đồng hoang, [Sê-tiên nói tiếp:] “[Trong khi họ ở] trong đồng hoang, các tổ phụ chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời trong lều tạm điều này cho thấy Đức Chúa Trời luôn ở với họ. -HAY- [Sê-tiên nói tiếp:] “[Trong khi họ ở] trong đồng vắng, các tổ phụ chúng ta dựng lều tạm và trong đó cất giữ luật pháp của Đức Chúa Trời [viết và] ban cho họ.
7:44b	dựng lên theo lệnh đã truyền cho Môi-se, Họ dựng lều tạm đúng theo kiểu mẫu Đức Chúa Trời truyền cho Môi-se [phải làm].
7:44c	đúng theo kiểu mẫu mà ông đã xem thấy. [Lều tạm] giống hệt kiểu mà Môi-se thấy [khi ông lên núi Si-nai].
7:45a	Sau khi nhận được lều chúng có, các tổ phụ chúng ta cùng Giô-suê đem lều ấy theo [Sau đó,] tổ phụ chúng ta nhận lều tạm ấy [từ ông cha của họ]. Họ đem lều tạm theo khi Giô-suê dẫn [họ vào đất này].

mẫu của lều chúng có mà Ngài ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên xây cất. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký đoạn 26, Đức Chúa Trời chỉ cho Môi-se rất chi tiết về kích thước cũng như vật liệu để dựng lều chúng có.

7:45a

Sau khi nhận được lều chúng có, các tổ phụ chúng ta cùng Giô-suê đem lều ấy theo: Bạn có thể dùng một từ ngữ chỉ về thời

gian, như “sau khi,” để cho thấy sự sai biệt về thời gian giữa các câu 7:44 và 7:45, như trong BDM. Nguyên cả một thế hệ của người Y-sơ-ra-ên đều chết trong đồng vắng. Vì thế, con cháu của những người đã qua đời lãnh trách nhiệm trông coi lều chúng có. Lúc bấy giờ, với Giô-suê là người lãnh đạo của họ, thế hệ mới này đem lều chúng có vào xứ Ca-na-an.

7:45b

trong cuộc chiếm cứ các xứ mà dân cư đã bị Đức Chúa Trời tống đuổi trước mặt họ:

Ở đây cho biết khoảng thời gian khi người Y-sơ-ra-ên bắt đầu chiếm cứ đất Ca-na-an. Có nhiều giống dân khác nhau ở tại đó. Đức Chúa Trời đuổi hay trục xuất họ ra khỏi từng vùng theo từng cách khác nhau. (Cần thêm chi tiết, xem Giô-suê 24:8-13 và Xuất Ê-díp-tô Ký 23:27-30). Trong ngôn ngữ của bạn có lẽ cần thay đổi thứ tự của các câu để cho phù hợp với thời gian thực sự của các sự việc. Ví dụ, bạn có thể dịch câu này như sau: “Đức Chúa Trời đuổi các dân bản xứ trước mặt người Y-sơ-ra-ên, để họ có thể chiếm cứ đất đai của những người đó.”

7:46a

là người được ân sủng trước mặt Đức Chúa Trời: Có nghĩa là ý nghĩ và hành động của Đa-vít rất đẹp lòng Đức Chúa Trời.

7:46b

Ông xin phép xây cất một Đền Thờ cho Đức Chúa Trời của Gia-cốp: Đây có nghĩa là Đa-vít xin Đức Chúa Trời cho phép ông xây dựng một cơ sở mà chính Ngài sẽ ngự trong đó. Từ ngữ trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là một toà nhà, hay chỉ có nghĩa là một cơ sở tạm, giống như một cái lều. Tuy nhiên, việc Đa-vít chuẩn bị xây cất Đền Thờ (1 Sử Ký 29:1-5) cho chúng ta thấy rõ ý của ông. BDM dịch là *Đền Thờ*. CĐN của PKTCCN chỉ cách dịch chính xác.

cho Đức Chúa Trời của Gia-cốp: Tên *Gia-cốp* ở đây đề cập đến Gia-cốp và con cháu của ông ta, tức là, dân sự Y-sơ-ra-ên. Vì thế bạn có thể dịch *Đức Chúa Trời của Gia-cốp* như “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta là Gia-cốp” hay “Đức Chúa Trời mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn thường cần cho thấy khi nào phát ngôn viên được kể hay không kể trong số người nghe, bạn cần nói rằng “Đức Chúa Trời mà chúng ta là những người Y-sơ-ra-ên thờ phượng.”

7:47

Nhưng Sa-lô-môn mới là người xây Đền Thờ cho Ngài: Nhưng cho thấy một tương phản giữa yêu cầu của Đa-vít và việc Đức Chúa Trời thực sự cho phép một người thi hành. Đức Chúa Trời dành việc đó cho Sa-lô-môn con trai của Đa-vít, thay vì chính Đa-vít. Bạn có thể dịch là *Đền Thờ* như là “nơi để con người đến thờ phượng Đức Chúa Trời.”

7:48-50 Người ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời bất cứ nơi nào, không cần phải ở một nơi nhất định

7:48a

Tuy nhiên, Đấng Chí Cao không ngự trong đền đài do loài người xây dựng: Theo ngữ cảnh ở đây, bạn có thể dịch liên từ *tuy nhiên* như “điều đó không đúng sự thật.” Điều không đúng sự thật là Đức Chúa Trời chỉ ngự tại trong một ngôi đền mà con người làm ra để thờ phượng Ngài. Nói một cách khác, người ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời ở bất cứ mọi nơi.

Đấng Chí Cao: Một danh hiệu của Đức Chúa Trời, *Đấng Chí Cao*, có nghĩa là Ngài là đấng cao cả nhất trên vũ trụ. Những câu Kinh Thánh sau đây cho thấy được sự vĩ đại của Ngài.

7:48b

như một tiên tri của Chúa đã nói: Đây là lời trích dẫn từ trong sách tiên tri I-sai 66:1-2. Trong bản dịch của bạn, bạn cần ghi rõ rằng Đức Chúa Trời là Đấng mà nhà tiên tri nhắc đến. Xem 2:16 cho từ *tiên tri*.

7:49a

Bầu trời là nơi Ngài Ta: Nếu trong ngôn ngữ bạn có từ cho chữ *ngai* có nghĩa là nơi đặc biệt dành riêng cho vua ngồi, bạn có thể dịch như “bầu trời như *ngai* Ta.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ ngữ cho chữ *ngai* bạn có thể dịch “Bầu trời nơi Ta ngồi để trị vì.” Đức Chúa Trời thật là vĩ đại đến nỗi cả một bầu trời bao la chỉ được so sánh với *ngai* của Ngài nơi Chúa ngồi để trị vì.

7:45b	<p>trong cuộc chiếm cứ các xứ mà dân cư đã bị Đức Chúa Trời tống đuổi trước mặt họ. Đó là trong khoản thời gian họ nhận lấy xứ này làm của riêng cho họ, và Đức Chúa Trời đuổi dân cư [là những người sinh sống tại đây trước kia] đi nơi khác. -HAY- Đức Chúa Trời làm cho dân cư [là những người sinh sống tại đây] lìa khỏi nơi này. Nhờ đó dân sự Y-sơ-ra-ên có thể chiếm hữu đất này.</p>
7:45c	<p>Lều còn trong đất nước cho đến thời Đa-vít, [Lều tạm vẫn còn tại đất này cho] đến đời [Vua] Đa-vít.</p>
7:46a	<p>là người được ân sủng trước mặt Đức Chúa Trời. Đa-vít sống đẹp lòng Đức Chúa Trời</p>
7:46b	<p>Ông xin phép xây cất một Đền Thờ cho Đức Chúa Trời của Gia-cóp, và ông xin Đức Chúa Trời cho phép ông xây một Đền Thờ là nơi mà [Đa-vít và] cả dân sự Y-sơ-ra-ên có thể thờ phượng Ngài.</p>
7:47	<p>Nhưng Sa-lô-môn mới là người xây Đền Thờ cho Ngài. Nhưng [Đức Chúa Trời để cho con trai của Đa-vít là] Sa-lô-môn xây Đền-Thờ cho Ngài [là nơi để cho dân sự đến thờ phượng Đức Chúa Trời].</p>
7:48a	<p>Tuy nhiên, Đấng Chí Cao không ngự trong đền đài do loài người xây dựng, Tuy nhiên, [chúng ta biết rằng] Đức Chúa Trời là Đấng Tối Thượng, Ngài không ngự trong [Đền-Thờ do] con người dựng nên [để thờ phượng Ngài].</p>
7:48b	<p>như một tiên tri của Chúa đã nói: Tiên tri [I-sai] đã nói/đã viết [những lời này là thật]: -HAY- Tiên tri [I-sai] đã nói/đã viết [những lời mà Đức Chúa Trời đã nói]:</p>
7:49a	<p>‘Bầu trời là ngai Ta, ‘Bầu trời [thuộc về Ta. Nó] là [giống] ngai của Ta, -HAY- ‘[Ta ở trên trời, và] Ta quản trị nguyên cả vũ trụ từ trên trời,</p>
7:49b	<p>và đất là bệ chân Ta. và đất [cũng thuộc về Ta. Nó] là [chỉ giống như] một cái ghế cho Ta để chân. -HAY- và đất[, dưới kia,] là một nơi nhỏ bé và Ta cũng quản trị lấy.</p>

7:49b

và đất là bệ chân Ta: Đức Chúa Trời so sánh cả trái đất chỉ bằng một cái bệ nhỏ cho Ngài để chân. Đức Chúa Trời dùng sự so sánh này cũng như trong (7:49a) để cho thấy

sự vĩ đại của Ngài. Cả hai sự so sánh này, và trong câu 50 nói về “tay” của Ngài, nói về Đức Chúa Trời có vẻ như ngài có một thân thể giống như một con người.

7:49c

Các người sẽ cất cho Ta loại nhà nào?: Đức Chúa Trời không mong đợi câu trả lời ở đây. Nói như thế, Đức Chúa Trời có ý rằng Ngài thật là vĩ đại đến nỗi con người không thể xây một đền đủ lớn cho Ngài hay có thể làm vừa lòng Ngài. Đại từ *các người* ở đây ý nói đến dân sự của nước Y-sơ-ra-ên.

7:49d

Chúa phán hỏi như thế: Trong tiếng Hy-lạp, để nhóm từ này đặt sau lời trích dẫn trong 7:49c là việc tự nhiên. Trong ngôn ngữ của bạn, có thể sẽ được tự nhiên hơn, nếu đặt nhóm từ này trước lời trích dẫn. BDY làm như vậy. *Chúa ở đây ý nói đến Đức Chúa Trời.*

7:49đ

Nơi nào là chỗ Ta nghỉ ngơi?: Đây là một câu hỏi khác Đức Chúa Trời không mong đợi câu trả lời. Như trong 7:49c, Đức Chúa Trời cho thấy rằng vì sự vĩ đại của Ngài nên con người không dựng nên một chỗ để cho Ngài có thể nghỉ và ngự tại đó. Nhóm từ *chỗ Ta nghỉ ngơi* ý nói một nơi mà Đức Chúa Trời sẽ ở tại đó. Khi trích dẫn đoạn Kinh Thánh này, Sê-tiên cho thấy rằng con người không thể giới hạn (nhốt) Đức Chúa Trời vào trong lầu chứng cứ hay trong Đền Thờ.

7:50

Không phải bàn tay Ta sáng tạo mọi vật này sao?: Lại một câu hỏi nữa mà Đức Chúa Trời không cần câu trả lời. Bạn có thể nhắc lại ở đây cùng hai câu hỏi trước như những câu nói được nhấn mạnh (xem CĐN của PKTCCN). Nhóm từ *bàn tay* giới thiệu việc làm rất quyền năng của chính Đức Chúa Trời. Chính Ngài sáng tạo nên mọi vật, cả trên trời và dưới đất.

7:51-53 Sê-tiên nói rằng những người đang nghe ông đều chống đối Đức Chúa Trời

Người ta có thể tóm tắt phần cuối bài giảng của Sê-tiên như sau: Ông nói rằng dân chúng thật là cứng đầu và không vâng lời hay nghe

theo Đức Chúa Trời, và họ luôn chống đối Thánh Linh, y như tổ phụ họ đã làm. Đây chỉ là một đoạn, nhưng nó giữ vai trò như là phần cuối cùng và là điểm quan trọng nhất trong bài giảng của Sê-tiên. Hai phần trước (7:2-43 và 7:44-50) giữ vai trò cơ bản cho phần kết luận của ông (7:51-53).

7:51a

Này, những người cứng cổ: Lời trích dẫn trong CƯ chấm dứt ở câu 7:50, vì thế bạn có thể cho thấy rằng Sê-tiên trở lại với lời nói của riêng ông. Trước giả Kinh Thánh Cựu Ước thường dùng từ ngữ *cứng cổ* để mô tả những người “bướng bỉnh và chống đối Đức Chúa Trời.”

Người ta tố cáo bài giảng của Sê-tiên là chống đối Đền Thờ và luật Môi-se một cách sai lầm. Ở điểm này bài giảng của ông bắt đầu tố cáo những thính giả của ông một cách mạnh mẽ rằng họ chống đối chính Đức Chúa Trời.

7:51b

những người có lòng và tai chưa chịu cắt bì: Sê-tiên dùng từ ngữ theo nghĩa bóng. Ông có ý rằng họ ngoan cố và không muốn vâng lời ngay cả vâng lời Đức Chúa Trời. Họ đã chịu cắt bì về phần xác, nhưng họ cư xử như những người không tin vào Đức Chúa Trời và không nghe theo bài giảng của ông. Từ ngữ *lòng* tượng trưng cho khả năng của con người quyết định những việc phải trái. Từ ngữ *tai* liên hệ đến khả năng của con người để nghe và vâng theo sứ điệp.

7:51c

luôn luôn chống cự Thánh Linh: Những thầy giáo dạy đạo Do Thái tin rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời truyền dạy dân sự của Ngài qua Môi-se và các đấng tiên tri khác. Đó là lý do tại sao Sê-tiên bảo thính giả của ông rằng họ luôn luôn chống cự lại Đức Chúa Trời bằng cách không vâng theo những gì mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời chỉ dạy qua Kinh Thánh.

giống hệt như tổ phụ mình: Sê-tiên dùng từ *mình* ở đây để nói lên rằng ông không cùng chung một nhóm với thính giả của ông. Sê-

- 7:49c** **Các người sẽ cất cho Ta loại nhà nào?**
 Các người [là con người] thực sự không thể cất một Đền-Thờ có thể thích hợp cho Ta.’
- 7:49d** **Chúa phán hỏi như thế.**
 [Đó là những gì] Chúa [Đức] Chúa [Trời] nói.
- 7:49đ** **Nơi nào là chỗ Ta nghỉ ngơi?**
 ‘Các người không thể xây một Đền Thờ oai nghi đủ để cho Ta ngự,
- 7:50** **Không phải bàn tay Ta sáng tạo mọi vật này sao?’**
 [bởi vì] chính Ta tự sáng tạo ra mọi vật [cả trên trời và dưới đất].’ ”
- 7:51a** **Này, những người cứng cổ,**
 [Sê-tiên tiếp tục nói:] “Các người hết sức phản nghịch [chống lại Đức Chúa Trời]
- 7:51b** **những người có lòng và tai chưa chịu cất bì,**
 và các người ngoan cố, không chịu vâng lời hay nghe lời [Đức Chúa Trời]!
-HAY-
 và các người từ chối không chịu vâng lời hay nghe [Đức Chúa Trời]!
- 7:51c** **luôn luôn chống cự Thánh Linh, giống hệt như tổ phụ mình.**
 Các người [phạm tội] giống hệt tổ phụ của các người [đã phạm]: [Đó là,] các người [vẫn] tiếp tục không vâng lời Đức Thánh Linh [Đấng đã phán dạy qua các tiên tri]!
- 7:52a** **Có tiên tri nào của Chúa mà tổ phụ các ông không bức hại?**
 Tổ phụ của các người làm hại mọi tiên tri của Đức Chúa Trời [, kể cả Môi-se]!

tiên mô tả lối sống gian ác của thánh giả ông chẳng khác gì tổ tiên của họ. Những người dịch tất cả các bản dịch tiếng Việt đã đổi thứ tự của câu 7:51c trong nguyên bản Hy-lạp. Trong bản dịch tiếng Hy-lạp, những phần này trong câu 7:51 có nghĩa đen là “các anh luôn luôn chống đối Đức Thánh Linh, như những tổ phụ của các anh đã từng làm.” Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể theo thứ tự nào miễn là được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

7:52a

Có tiên tri nào của Chúa mà tổ phụ các ông không bức hại?: Câu hỏi này không mong câu trả lời. Thay vì, đó là một cách để trình bày một sự thực cần được nhấn mạnh, giống như: “Tổ phụ các người luôn luôn/tiếp tục bức hại các đấng tiên tri của Đức Chúa Trời.” Mặc dù các người Do Thái coi Môi-se là một tiên tri vĩ đại nhất của họ, họ vẫn nhiều lần từ khước ông ta. Trong CĐN của PKTCCN câu hỏi được trình bày như một câu nói.

7:52b-53b

Trong bản Hy-lạp và có một vài bản dịch khác, những phần này chỉ nằm gọn trong một câu. Bạn có thể sắp đặt thế nào cho ngắn gọn và dễ hiểu theo ngôn ngữ của bạn.

7:52b

Họ đã sát hại những người báo trước sự xuất hiện của Đấng Công Chính: Đại danh từ *họ* nói về các tổ phụ của thánh giã của Sê-tiên.

Đấng Công Chính: Chỉ về Đức Giê-su Đấng luôn luôn vâng lời Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a mà Đức Chúa Trời hứa sẽ gọi đến để cứu vớt dân sự của Ngài. Đấng mà Sê-tiên công nhận là Đấng Mê-si-a đã đến thế gian. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn cần nói:

Đấng đó đến [vừa mới đây], và các anh đã phản và giết Ngài.

Trong CDN của PKTCCN của 7:52c có phần tin tức này.

7:52c

mà nay các ông lại phản bội và giết Ngài đi: Từ ngữ *nay* có nghĩa là “chỉ vừa mới đây.” Sê-tiên tố cáo việc họ đã phản bội và giết Chúa Cứu Thế. Với không một lý do nào hợp lý, họ giải Chúa Giê-su vào tay kẻ thù của Ngài. Đó là, Hội Đồng Do Thái cho tiền để Giu-đa dẫn bắt Chúa Giê-su, sau đó họ đưa Ngài đến Phi-lát và bắt buộc Phi-lát phải đóng đinh Ngài. Vì thế Sê-tiên cho rằng những nhà lãnh đạo Do Thái, trong số đó có

nhiều người đang có mặt tại nơi này, đều phạm tội về việc giết Chúa Giê-su, như chính họ đã đóng đinh Ngài trên thập tự giá.

7:53a

Các ông đã tiếp nhận Kinh Luật: Đây hàm ý rằng họ nhận luật pháp của Đức Chúa Trời qua các tổ phụ của họ, vì thế họ có trách nhiệm phải vâng giữ luật pháp ấy.

7:53b

do các thiên sứ ban hành: Sê-tiên nói rằng Đức Chúa Trời dùng *các thiên sứ* để ban luật pháp cho dân Y-sơ-ra-ên. Ông nhấn mạnh rằng luật pháp này không phải do con người đặt và truyền ra. Nhưng chính Đức Chúa Trời đặt ra dùng thiên sứ của Ngài đem đến và thi hành, để con người vâng theo những gì ban ra.

7:53c

nhưng lại không vâng giữ!: Liên từ *nhưng* giới thiệu một lời phát biểu về một bằng chứng ngược lại những gì một thánh giã hay một độc giả có thể mong đợi ở đây. Mặc dù Đức Chúa Trời dùng một đường lối siêu nhiên để ban luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên, nhưng họ vẫn không vâng giữ. Sê-tiên lên án các thánh giã của mình thật là rõ ràng.

Chú ý ở cuối câu có dấu than (!). Sê-tiên nói rất là mạnh mẽ theo như trong văn phạm của tiếng Hy-lạp cho thấy. BDM cho thấy điều này bằng một dấu than (!).

Phân đoạn phụ 7:54 Tất cả mọi người nổi điên lên với Sê-tiên

Trong câu này Bác Sĩ Lu-ca mô tả phản ứng của những nhà lãnh đạo Do Thái cùng một số người khác đối với bài giảng thuyết của Sê-tiên. Trong 7:51-53, Sê-tiên kết tội là những người cứng đầu tiếp tục không vâng lời và chống đối Đức Chúa Trời. Ông nói họ hành động thực giống các tổ phụ của họ là những người giết các đấng tiên tri, cả đến người đến để báo trước việc hầu đến của Đấng Mê-si-a. Cuối cùng ông buộc tội họ giết Đấng Mê-si-a. Ông kết thúc lời buộc tội bằng các nói rằng mặc dù họ đã nhận luật pháp từ Đức Chúa Trời, họ không vâng giữ luật pháp đó.

7:54a

Nghe đến đây, họ giận dữ: Đại danh từ *đây* nói đến phần cuối trong lời buộc tội của Sê-tiên (7:51-53). Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ

họ giận dữ có nghĩa đen là “Họ bị đâm sâu vào tim của họ,” tức là họ vô cùng giận dữ. Trong 5:33, Bác Sĩ Lu-ca dùng cùng một động từ để cho thấy rằng những hội viên của

- 7:52b** **Họ đã sát hại những người báo trước sự xuất hiện của Đấng Công Chính**
Họ đã giết những người từ xưa đã báo trước [rằng Đấng Mê-si-a] sẽ đến. [Ngài là] Đấng luôn luôn làm những việc đẹp lòng Đức Chúa Trời[, và Ngài đã đến.]
- 7:52c** **mà nay các ông lại phản bội và giết Ngài đi.**
[Ngài là Đấng mà] các người vừa mới giao [vào tay kẻ thù của Ngài] và xui giục [kẻ thù] giết Ngài đi!
-HAY-
Các người vừa mới trao Ngài [cho nhà cầm quyền], và [họ] xui giục [người ta] giết Ngài.
- 7:53a** **Các ông đã tiếp nhận Kinh Luật**
Các người [là những người] đã nhận luật pháp [của Đức Chúa Trời],
-HAY-
Các người đã nhận luật pháp [mà Đức Chúa Trời đã ban cho tổ phụ của các người],
- 7:53b** **do các thiên sứ ban hành**
[Đức Chúa Trời ban luật pháp cho chúng ta] Ngài dùng thiên sứ giao luật pháp đó cho tổ phụ chúng ta.
- 7:53c** **nhưng lại không vâng giữ!”**
Tuy nhiên, [không ngờ] là các anh không vâng giữ những luật pháp đó.”

Tiểu đoạn phụ 7:54 Tất cả mọi người nổi điên lên với Sê-tiên

- 7:54a** **Nghe đến đây, họ giận dữ,**
Khi hội viên của Hội Đồng Do Thái [cùng nhiều người khác tại đó] nghe những điều [Sê-tiên nói], họ trở nên rất giận dữ [với Sê-tiên].
- 7:54b** **nghiến răng nhìn Sê-tiên.**
Họ [thực sự] nghiền hai hàm răng của họ [lại với nhau vì họ quá tức giận] Sê-tiên.

Hội Đồng trở nên tức giận và muốn giết các sứ đồ. Tuy nhiên, trong trường hợp Sê-tiên, không một ai can gián, như Ga-ma-li-ên can gián cho các sứ đồ (5:34-39).

7:54b

nghiến răng nhìn Sê-tiên: Họ rất giận dữ với Sê-tiên đến nỗi họ phải nghiền răng lại.

Điều này cho thấy rằng họ thật sự rất là giận dữ. Nếu trong tập quán của bạn, người ta không cho thấy thái độ giận dữ của mình bằng cách nghiền răng, bạn có thể nói:

họ thật là giận nên họ nghiền hai hàm răng lại với nhau.

Tiểu đoạn phụ 7:55-8:1a Dân chúng ném đá Sê-tiên, nhưng ông cầu nguyện xin Chúa tha tội cho họ

Người ta có thể tóm tắt 7:55-8:1a như sau: Dân chúng ném đá Sê-tiên trong khi ông cầu nguyện. Ông lớn tiếng xin Chúa tha tội cho họ rồi tắt hơi. Sau-lơ đang chứng kiến việc này và ông cũng đồng ý trong việc giết Sê-tiên. Tiểu đoạn phụ này gồm có 3 đoạn: 7:55-56, 7:57-59 and 7:60-8:1a.

7:55-56 Sê-tiên nói ông thấy Chúa Giê-su đang đứng bên cạnh Đức Chúa Trời trên thiên đàng

7:55a

Nhưng Sê-tiên đầy dẫy Thánh Linh: Nhưng giới thiệu một sự tương phản lớn giữa Sê-tiên và những thánh giả nóng giận của ông. Nhóm từ *đầy dẫy Thánh Linh* có nghĩa là Thánh Linh của Đức Chúa Trời đang điều khiển con người Sê-tiên một cách trọn vẹn nhờ đó ông được nhìn thấy tận thiên đàng (7:55b). Cộng thêm câu Kinh Thánh trong Ma-thi-ơ 28:19, câu này cũng cho thấy Đức Chúa Trời gồm có Ba Ngôi, Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh.

7:55b

ngước nhìn lên trời, thấy vinh quang của Đức Chúa Trời: Động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *nhìn* có nghĩa là “nhìn một cách chăm chú.” Trong bản Hy-lạp còn nói một cách chính xác “ông nhìn lên trong thiên đàng.” Có nghĩa là Đức Thánh Linh giúp đỡ Sê-tiên thực sự nhìn thấy vào trong thiên đàng. Những gì Sê-tiên đã thấy không phải là Đức Chúa Trời có thể là một cái gì đó rất sáng chói hay một ánh sáng hùng vĩ chứng tỏ sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở đó. Ở đây bạn có thể dịch *vinh quang của Đức Chúa Trời* như “ánh sáng/hào quang toả ra từ Đức Chúa Trời.”

7:55c

và Đức Giê-su đang đứng bên phải Đức Chúa Trời: Sê-tiên cũng nhìn thấy Chúa Giê-su, là Đấng mà các hội viên của Hội Đồng Do Thái phải chịu trách nhiệm về cái chết của Ngài. Ông thấy Chúa Giê-su đang sống và đứng bên cạnh một ánh sáng hùng vĩ cho thấy sự hiện diện của Đức Chúa Trời tại

đó. Xem 2:33a cho nhóm từ *bên phải Đức Chúa Trời*.

7:56a

Ông nói: “Kìa, tôi thấy bầu trời mở ra: Sê-tiên dùng từ *Kìa* vì ông muốn họ nhìn đến một cái gì đó. Không có một người nào khác có thể nhìn thấy những gì Đức Thánh Linh cho Sê-tiên thấy, nhưng điều ông thấy thật lạ lùng đến nỗi ông phải nói lại cho những người khác. Theo ngữ cảnh ở đây *bầu trời* nói đến một nơi rất đặc biệt của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời mở một cửa vào thiên đàng, giúp cho Sê-tiên có thể thấy bên trong. (Sứ đồ Giảng mô tả một kinh nghiệm tương tự trong Khải Huyền 4:1.) Xem trong CDN của PKTCCN cho những ngôn ngữ mà các phát ngôn viên thích dùng một cách trực tiếp (I) và những người thích dùng cách nói gián tiếp (II).

7:56b

và Con Người: Những thánh giả của Sê-tiên biết ý ông muốn nói đến Chúa Giê-su, khi ông nói rằng ông thấy *Con Người*. Các người Do Thái biết Kinh Thánh thừa nhận danh hiệu này nói đến Đấng Mê-si-a. Vì những nhà lãnh đạo Do Thái từ chối không tin Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a, nên họ cho là Sê-tiên nhạo báng Đức Chúa Trời. Ngoại trừ bốn sách Phúc Âm, trong Tân Ước, danh từ *Con Người* chỉ được dùng ở đây và ở trong Khải Huyền 1:13. Nếu bạn dịch danh hiệu này theo từng chữ, có thể là sai ý nghĩa, vì tất cả mọi người đều là con của một người nào đó. Tuy nhiên, bạn có thể dịch giống như “Đấng đến từ trời để làm người” hay “Đấng mà Đức Chúa Trời sai đến để trở thành người.”

đang đứng bên phải Đức Chúa Trời:

Những chỗ khác nói Chúa Giê-su ở bên phải Đức Chúa Trời mô tả như Ngài đang ngồi,

Tiểu đoạn phụ 7:55-8:1a Dân chúng ném đá Sê-tiên, nhưng ông đã cầu nguyện xin Chúa tha tội cho họ

- 7:55a** Nhưng Sê-tiên đẩy đẩy Thánh Linh,
Nhưng Đức Thánh Linh hoàn toàn điều khiển Sê-tiên.
- 7:55b** ngược nhìn lên trời, thấy vinh quang của Đức Chúa Trời
Ông nhìn lên trên trời thấy những ánh sáng chói loà [chiếu xuống] từ Đức Chúa Trời,
- 7:55c** và Đức Giê-su đang đứng bên phải Đức Chúa Trời.
và [thấy] Chúa Giê-su đang đứng bên phải của Đức Chúa Trời.
- 7:56a** Ông nói: “Kìa, tôi thấy bầu trời mở ra
(I) Rồi Sê-tiên nói: “Kìa! Tôi thấy [rằng Đức Chúa Trời] đã mở [cửa vào] thiên đàng
-HAY-
(II) Rồi Sê-tiên nói rằng ông có thể thấy [phía bên trong cửa] bầu trời
- 7:56b** và Con Người đang đứng bên phải Đức Chúa Trời!”
(I) và [tôi thấy] Con Người [đến từ trên trời] trở thành một người đang đứng bên phải Đức Chúa Trời.”
-HAY-
(II) và ông có thể thấy [Chúa Giê-su,] Ngài [đến từ trời và] trở thành một người đang đứng bên cạnh Đức Chúa Trời.
- 7:57a** Họ liền bịt tai, hét lên,
[Khi các hội viên của Hội Đồng Do Thái và nhiều người khác, nghe những điều này,] họ la lên rất lớn và dùng hai bàn tay bịt tai của họ lại [để khỏi phải nghe Sê-tiên nói].
-HAY-
[Khi các hội viên của Hội Đồng Do Thái và nhiều người khác nghe những điều này,] họ gào thét lớn tiếng: [“Hắn nói nghịch cùng Đức Chúa Trời!”] Và họ bịt tai lại [bằng hai bàn tay của mình].

gheù họ nói đến điệu bộ. Các nhà thần học đoán một cách tổng quát rằng ở đây Chúa Giê-su đang đứng để tiếp đón Sê-tiên vào thiên đàng. Thính giả của Sê-tiên hiểu rằng ông nói Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời. Nên họ cho rằng ông nhạo báng Đức Chúa Trời. Luật pháp của người Do Thái cho phép xử tử những ai phỉ báng Đức Chúa Trời. Họ làm điều đó bằng cách ném đá người ấy (Lê-vi Ký 24:16).

bên phải Đức Chúa Trời: Hãy xem 2:33a.

7:57-59 Dân chúng tại đây ném đá Sê-tiên

7:57a

Họ liền bịt tai, hét lên: Đại danh từ *họ* có lẽ chỉ về các hội viên Hội Đồng Do Thái và dân chúng hiện có mặt tại đây. Thính giả của Sê-tiên làm hai việc để khỏi nghe những lời nói của Sê-tiên nữa. Họ bịt tai lại cố ráng hết sức la thật lớn. Họ không muốn nghe những

gì Sê-tiên nói nữa, vì họ nghĩ rằng đó là những điều nhạo báng Đức Chúa Trời.

7:57b

chạy lại bắt Sê-tiên: Trong bản Hy-lạp, dịch theo từng chữ “và họ chạy, với một ý chí, đến Sê-tiên.” Có nghĩa là tất cả hành động như chỉ như một người, trong khi cùng chạy về phía Sê-tiên.

7:58a

kéo ra ngoài thành phố và ném đá ông: Họ chụp lấy ông và lôi ông ra ngoài thành Giê-ru-sa-lem. Thì của động từ thứ hai trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *ném đá*, cho thấy đó là một phần của diễn tiến trong sự việc. Họ ném đá để giết Sê-tiên. Những gì họ làm là hành động của một đám đông hỗn loạn, thay vì kết quả của việc Hội Đồng Do Thái chính thức quyết định trừng phạt Sê-tiên.

7:58b

Các nhân chứng cởi áo đặt dưới chân một thanh niên tên Sau-lơ: Trong bản Hy-lạp có một liên từ thường được dịch “và.” BDM không dịch từ này. Theo trong Lê-vi Ký 24:14, tất cả những người nghe đều phải ném đá kẻ phỉ báng Đức Chúa Trời, và giết người đó bằng cách ném đá. Tuy nhiên, “hai hay ba nhân chứng” trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 17:6-7 có thể được áp dụng một cách riêng biệt hơn cho những người tố cáo Sê-tiên trong 6:13-14. Do đó *những nhân chứng* có thể nói riêng về những người tố cáo Sê-tiên trước mặt Hội Đồng Do Thái hay có thể kể tất cả những người nghe Sê-tiên nói những gì mà họ gọi là phỉ báng Đức Chúa Trời. Rõ ràng những người ném đá cởi áo ngoài hay áo choàng của họ để việc ném đá được dễ dàng. Họ để những áo ngoài của họ gần Sau-lơ để ông có thể trông chừng giùm. Ngay lúc này Sau-lơ, người có một tên khác là Phao-lô, có lẽ đang ở vào tuổi ba mươi. Kinh Thánh không cho biết Sau-lơ có chính thức can dự vào việc giết Sê-tiên hay ông chỉ là một kẻ đứng ngoài quan sát. Nhưng trong đoạn 8:1a cho thấy rằng ông ưng thuận trong việc ném đá giết Sê-tiên.

7:59a

Đang khi bị họ ném đá: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *ném đá* cho thấy họ tiếp tục ném những viên đá lớn lên người Sê-tiên. Giết chết một người bằng cách ném đá đòi hỏi một thời gian. Trong lúc đó, mặc dù Sê-tiên chắc bị thương tích nặng nề, nhưng ông vẫn còn đang sống.

7:59b

Sê-tiên cầu nguyện: “Lạy Chúa Giê-su, xin tiếp nhận linh hồn con!”: Trong tiếng Hy-lạp, thì của động từ *cầu nguyện* cho thấy ông tiếp tục cầu nguyện. Nói một cách khác, ông đã nói ra lời cầu nguyện nhiều hơn một lần. Lời cầu nguyện của Sê-tiên cho thấy rõ ràng ông cầu nguyện với Chúa Giê-su, Đấng ông vừa thấy đang đứng bên hữu Đức Chúa Trời. Bạn nên dịch động từ *tiếp nhận* theo một cách để thấy được thái độ nhã nhặn của Sê-tiên, ví dụ như trong BDM dịch “*xin tiếp nhận*.”

linh hồn con: Từ *linh hồn* nói đến phần của một người vẫn tiếp tục hiện hữu khi người ấy chết. Bạn có thể dịch lời yêu cầu của Sê-tiên như “Xin đón tiếp con về với Chúa.” Hãy so sánh lời cầu nguyện của Sê-tiên với lời cầu nguyện của Chúa Giê-su được ghi trong Lu-ca 23:46.

7:60-8:1a Sê-tiên xin Chúa tha tội cho họ, ông chết, và Sau-lơ ưng thuận về cái chết của Sê-tiên

7:60a

Rồi ông quỳ xuống: Sê-tiên đứng bằng hai đầu gối của mình. Ở đây không nói rõ ràng ông quỳ xuống bằng một cử chỉ của sự thờ phượng hay có thể vì thương tích trầm trọng đến nỗi ông không đứng lâu hơn được nữa.

7:60b

kêu xin rất lớn tiếng: “Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ!”: Trong bản Hy-lạp, *kêu xin* có nghĩa đen là “ông kêu lên bằng một giọng rất lớn.” Tức là ông la lớn lên, hay ông cầu nguyện lớn tiếng để mọi người có thể nghe được. *Chúa* nói về Chúa Giê-su, như trong 7:59b. Sê-tiên cầu nguyện rằng

7:57b	chạy lại bắt Sê-tiên, [Ngay lúc đó] họ chạy lại bắt Sê-tiên.
7:58a	kéo ra ngoài thành phố và ném đá ông. Rồi họ kéo Sê-tiên ra ngoài thành [Giê-ru-sa-lem] và họ bắt đầu ném những viên đá [bự] trên người Sê-tiên [đang giết đi].
7:58b	Các nhân chứng cởi áo đặt dưới chân một thanh niên tên Sau- lor. Những người đang hành quyết Sê-tiên [cởi áo] ngoài cửa họ [và] trải ra [trên đất] bên cạnh một thanh niên tên là Sau-lor. [Họ làm như thế để được rảnh tay ném đá dễ dàng hơn.]
7:59a	Đang khi bị họ ném đá, Họ tiếp tục ném đá Sê-tiên,
7:59b	Sê-tiên cầu nguyện: “Lạy Chúa Giê-su, xin tiếp nhận linh hồn con!” trong khi Sê-tiên cầu nguyện: “Chúa Giê-su, [xin] tiếp nhận lấy linh hồn con.” -HAY- trong khi Sê-tiên cầu nguyện: “Chúa Giê-su, [xin] rước con [về với Ngài].”
7:60a	Rồi ông quỳ xuống, Rồi quỳ xuống
7:60b	kêu xin rất lớn tiếng: “Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ!” và Sê-tiên cầu nguyện lớn tiếng: “Chúa, [xin] đừng kết tội này cho họ.” -HAY- and ông cầu nguyện lớn tiếng: “Chúa [Giê-su, xin] tha tội cho họ, vì họ giết con.”
7:60c	Cầu nguyện như thế xong thì ông ngủ. Sau khi cầu nguyện xong, Sê-tiên qua đời,

Chúa Giê-su sẽ tha thứ cho những người giết ông. Lời cầu nguyện của Sê-tiên giống lời cầu nguyện của Chúa Giê-su trên thập tự giá trong Lu-ca 23:34.

7:60c

Cầu nguyện như thế xong thì ông ngủ:
Mệnh đề thứ nhất chỉ về những gì Sê-tiên nói trong 7:60b. Ông ngủ được dịch từng chữ theo động từ trong tiếng Hy-lạp đó là một

cách nói ẩn dụ của chữ “ông ta chết.” Có nhiều phân khác trong Tân Ước cũng dùng động từ “ngủ” theo lối ẩn dụ để chỉ về “sự chết.” (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-14 và Lu-ca 8:52-55.) Trong tập quán của bạn, có thể người ta cũng muốn tránh nói trực tiếp về sự chết. Tuy nhiên, những gì bạn dùng để dịch ở đây cần phải cho thấy rõ ràng rằng Sê-tiên đã chết.

8:1a

Sau-lơ tán thành việc giết Sê-tiên: Thì của danh động từ trong tiếng Hy-lạp, mà BDM dịch là *tán thành*, cho thấy rằng Sau-lơ hoàn toàn đồng ý trong việc giết Sê-tiên của họ. Vì Kinh Thánh không ghi, nên không thể biết rõ là Sau-lơ có phải là một hội viên của

Hội Đồng Do Thái hay không. Nhưng theo lời chứng của ông trong 26:10 cho thấy rằng đã có thời gian ông thực sự chống đối Cơ-đốc nhân, đó là lúc các nhà lãnh đạo Do Thái tìm cách để sát hại những người tin Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn 8:1b-3 Tín hữu chạy tan lạc, người ta chôn xác Sê-tiên, Sau-lơ bắt bớ các tín hữu

Trong ngày đó người ta giết Sê-tiên, và người ta cũng bắt đầu khủng bố những tín hữu khác một cách dữ dội. Vì thế hầu hết các tín hữu phải chạy từ Giê-ru-sa-lem trốn qua các vùng thuộc xứ Giu-đê và Sa-ma-ri. Một vài người tin kính Chúa chôn xác Sê-tiên và khóc than rất nhiều. Nhưng Sau-lơ bắt đầu tàn hại hội thánh.

8:1b

Trong lúc ấy, hội thánh tại Giê-ru-sa-lem bắt đầu bị bắt bớ dữ dội: Đây cho thấy rằng cũng chính trong ngày đó, đám đông giận dữ giết Sê-tiên và họ cũng bắt đầu làm cho những người tin Chúa phải chịu rất nhiều khó khăn. Nhóm từ *hội thánh tại Giê-ru-sa-lem bắt đầu bị bắt bớ* bày tỏ rằng trong lúc đó người ta chỉ nhằm chống đối và bắt bớ các hội viên của hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Dĩ nhiên, đó là nơi hầu hết các tín hữu đang ở.

hội thánh: Từ *hội thánh* chỉ về tất cả các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem. Họ đã tự tổ chức, thành từng nhóm, hay từng đoàn, thường xuyên gặp nhau để thờ phượng Đức Chúa Trời.

8:1c

Ngoại trừ các sứ đồ, tất cả các tín hữu đều phải chạy tan lạc trong khắp miền Giu-đê và Sa-ma-ri: Tất cả ở đây có lẽ có nghĩa “hầu hết.” Phần còn lại của mệnh đề nói rằng các tín hữu chạy từ Giê-ru-sa-lem tan lạc nhiều nơi trong các tỉnh Giu-đa và Sa-ma-ri. Một số nhà thần học cho rằng ở đây nói đến những vùng thôn quê. Tuy nhiên, điểm chính muốn nhấn mạnh là hầu hết các tín hữu phải chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem. Các từ *ngoại trừ các sứ đồ* ý nói rằng tất cả sứ đồ cứ ở tại Giê-ru-sa-lem trong khi hầu hết tín hữu phải chạy trốn đi nơi khác.

8:2

Nhưng có những người tin kính, an táng Sê-tiên và khóc thương ông rất nhiều: Các từ *những người tin kính* có lẽ nói đến những người muốn sống đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng cách tuân theo luật pháp Do Thái. Ở đây Kinh Thánh không nói rõ rằng những người này đã hoặc chưa tin vào Chúa Giê-su. Theo phong tục của người Do Thái, người chết phải được chôn cất ngay trong ngày. Như vậy chắc chắn Sê-tiên được chôn cất cùng trong ngày ông bị giết. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ chung cho từ ngữ *an táng*, thì bạn có thể nói người ta đặt xác Sê-tiên trong một cái hang giống như cái mộ, đại khái giống như mộ người ta chôn xác La-xa-rơ và xác Chúa Giê-su.

khóc thương ông rất nhiều: Theo phong tục của người Do Thái, những người đàn ông đâm vào ngực mình và khóc thật lớn để bày tỏ sự buồn đau của họ như thế nào khi Sê-tiên bị giết. Điều đó cũng bày tỏ rằng họ biết Sê-tiên là một người tốt và là một người vô tội.

8:3a

Nhưng Sau-lơ phá hoại hội thánh: Từ *nhưng* cho thấy sự tương phản giữa những người thương khóc về cái chết của Sê-tiên và Sau-lơ là người ưng thuận việc ném đá giết Sê-tiên. Thì của động từ *phá hoại* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Sau-lơ chẳng những

8:1a Sau-lơ tán thành việc giết Sê-tiên.
và Sau-lơ đã đồng ý rằng họ nên giết Sê-tiên.

Tiểu đoạn 8:1b-3 Tín hữu chạy tan lạc, người ta chôn xác Sê-tiên, Sau-lơ bắt bớ các tín hữu

8:1b Trong lúc ấy, hội thánh tại Giê-ru-sa-lem bắt đầu bị bắt bớ dữ dội.
Từ ngày đó [người ta] bắt đầu bắt bớ những người tin Chúa [là những người đang sống] tại [thành phố] Giê-ru-sa-lem một cách dữ dội.

-HAY-

Trong ngày đó [người ta] bắt đầu làm cho tín hữu [là những người đang sống] trong [thành phố] Giê-ru-sa-lem chịu rất nhiều khổ sở vì bị bắt bớ dữ dội.

8:1c Ngoại trừ các sứ đồ, tất cả các tín hữu đều phải chạy tan lạc trong khắp miền Giu-đê và Sa-ma-ri.

Hầu hết [trong số các tín hữu] phải chạy trốn qua khắp [các miền] trong các [tỉnh] Giu-đê và Sa-ma-ri. Chỉ còn lại các sứ đồ [là những người tin Chúa còn lưu lại tại Giê-ru-sa-lem].

8:2 Nhưng có những người tin kính, an táng Sê-tiên và khóc thương ông rất nhiều.

[Sau khi Sê-tiên đã bị giết,] có mấy người tin kính Chúa chôn xác Sê-tiên [trong một hang đá] và họ than khóc rất nhiều.

8:3a Nhưng Sau-lơ phá hoại hội thánh,
Nhưng Sau-lơ bắt đầu khủng bố các nhóm tín hữu.

-HAY-

Tuy nhiên, Sau-lơ bắt đầu làm cho các nhóm tín hữu phải đối diện với những sự khủng bố, bắt bớ thật dữ dội.

8:3b đi lũng từ nhà này qua nhà khác, bắt các tín hữu cả nam lẫn nữ và tống giam vào ngục.

Ông đi đến từng nhà một lũng bắt những người [tin Chúa Giê-su], bắt luận đàn ông hay đàn bà, đem giam vào ngục.

bắt đầu phá hoại nhưng còn tiếp tục làm như vậy.

phá hoại: Theo tiếng Hy-lạp động từ này còn có nghĩa là “quấy nhiễu” hay “làm cho bị đau đớn khủng khiếp.” Có thể Sau-lơ không có ý giết tất cả mọi tín hữu, nhưng ít ra cũng chứng tỏ được rằng ông không muốn thấy hội thánh hiện hữu. Xem 8:1b cho từ *hội thánh*.

8:3b

đi lũng từ nhà này qua nhà khác: Đây chỉ rõ chi tiết cách Sau-lơ cố gắng làm cho hội thánh bị tiêu diệt. Nhóm từ này cho thấy rằng ông đi xem xét từng nhà một để tìm bắt tín hữu.

bắt các tín hữu cả nam lẫn nữ và tống giam vào ngục: Từ *bắt* có nghĩa là Sau-lơ dùng sức mạnh lôi các tín hữu ra khỏi nhà của họ. Các từ *cả nam lẫn nữ* cho thấy Sau-lơ có ý muốn bắt tất cả tín hữu bỏ vào tù, thay vì chỉ lựa bắt những tín hữu đàn ông.

Chắc chắn có nhiều người khác phụ giúp Sau-lơ trong việc này, vì thế bạn có thể dịch

các từ *tống giam vào ngục* như “khiến các tín hữu bị bỏ vào tù.”

Phân đoạn phụ 8:4-40 Phi-líp giảng đạo Chúa tại Sa-ma-ri và cho viên chức Ê-thi-ô-bi

Phân đoạn phụ này gồm có lời giới thiệu (8:4), hai phần chính (8:5-25 và 8:26-39), và câu kết luận (8:40). Người ta có thể tóm tắt 8:5-25 như sau: Phi-líp giảng Phúc Âm tại Sa-ma-ri, qua Phê-rơ và Giăng các tín hữu nhận lãnh Thánh Linh. Sau đó, Phê-rơ giải quyết nan đề của Si-môn người phù thủy. Trong 8:26-39, Phi-líp giảng đạo cho viên chức Ê-thi-ô-bi.

Tiểu đoạn 8:4 Những người tin Chúa chạy tan lạc khắp nơi, giảng về Chúa Giê-su

Tiểu đoạn này chỉ gồm có một câu, 8:4. Người ta khủng bố, bắt bớ những người tin Chúa, vì thế, hầu hết những người này phải chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem đi đến nhiều nơi khác, và ở đó họ tiếp tục giảng về Chúa Giê-su.

8:4

Vậy những người di tản đi đến đâu cũng truyền giảng Phúc Âm: Lời giới thiệu trong tiếng Hy-lạp cho thấy đây là một tiểu đoạn mới. Tuy nhiên, bạn không cần giới thiệu trong bản dịch của bạn, trừ phi trong ngôn ngữ của bạn có những nhóm từ được người ta thường dùng để giới thiệu một tiểu đề mới.

những người di tản đi đến đâu: Đây nói đến những tín hữu chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem vì bị người ta khủng bố bởi họ tin vào Chúa Giê-su.

truyền giảng Phúc Âm: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy những tín hữu này tiếp tục giảng về Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn 8:5-25 Nhiều người Sa-ma-ri tin Chúa khi nghe Phi-líp giảng

Khi Phi-líp giảng tại Sa-ma-ri, có rất nhiều người, kể cả thầy phù thủy, tin vào Chúa Giê-su (8:5-8). Sau đó, khi Phê-rơ và Giăng đến, đặt tay trên các tín hữu và cầu nguyện, tất cả đều nhận được Thánh Linh (8:9-13). Tuy nhiên, Phê-rơ tố cáo Si-môn, thầy phù thủy, vì ông ta cố thuyết phục để trả tiền cho các sứ đồ hầu cho các sứ đồ cho ông quyền phép để chính ông có thể đặt tay cầu nguyện cho người khác nhận Thánh Linh (8:14-25).

Tiểu đoạn phụ 8:5-8 Có nhiều người Sa-ma-ri nghe Phi-líp giảng và có sự vui mừng

Nhiều người tại thành Sa-ma-ri chú ý nghe Phi-líp giảng rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế, đặc biệt khi họ thấy các phép lạ ông thực hiện, họ rất đổi vui mừng. Tiểu đoạn phụ này đóng vai trò như bối cảnh cho for 8:9-25.

8:5a

Phi-líp xuống một thành phố miền Sa-ma-ri: Phi-líp là một trong bảy người mà các tín

hữu chọn để chăm sóc những quả phụ nói tiếng Hy-lạp. Bác Sĩ Lu-ca chỉ nhắc đến ông bằng tên trong 6:5, vì thế bạn có thể nói ở

Phân đoạn phụ 8:4-40 Phi-líp giảng đạo Chúa tại Sa-ma-ri và cho viên chức Ê-thi-ô-bi

Tiểu đoạn 8:4 Những người tin Chúa chạy tản lạc khắp nơi giảng về Chúa Giê-su

8:4 **Vậy những người di tản đi đến đâu cũng truyền giảng Phúc Âm.**
 Những người tin Chúa [là những người bị đuổi, chạy ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem] đi đến nhiều nơi khác, ở đó họ tiếp tục giảng [về Chúa Giê-su].

Tiểu đoạn 8:5-25 Nhiều người Sa-ma-ri tin Chúa khi nghe Phi-líp giảng

Tiểu đoạn phụ 8:5-8 Có nhiều người Sa-ma-ti chú ý nghe Phi-líp giảng và có sự vui mừng

8:5a **Phi-líp xuống một thành phố miền Sa-ma-ri,**
 [Một trong những người tin Chúa có tên là] Phi-líp chạy đến một thành phố trong [tỉnh] Sa-ma-ri.

-HAY-

[Một trong những người tin Chúa có tên là] Phi-líp đi đến một thành phố [quan trọng] tại xứ Sa-ma-ri.

8:5b **truyền giảng Chúa Cứu Thế cho dân chúng.**
 Ông giảng dạy [cho dân chúng] ở đó [rằng Chúa Giê-su] là Đấng Mê-si-a.

đây rằng ông là một trong những người tín hữu chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem.

xuống: Từ *xuống* được người Do Thái dùng một cách tự nhiên để diễn tả hành động đi từ Giê-ru-sa-lem đến những nơi khác. Giê-ru-sa-lem ở một nơi cao hơn hầu hết các vùng tại Sa-ma-ri. Tuy nhiên, một từ đồng nghĩa “đã đi” có thể đầy đủ cho bản dịch của bạn, nhưng nếu thêm vào chữ “xuống” theo sau động từ đi, người ta có thể hình dung ra một cách sai lầm rằng có những bậc thang đi xuống.

một thành phố miền Sa-ma-ri: Mặc dù trong tiếng Hy-lạp không được rõ ràng, hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Bác Sĩ Lu-ca không có ý nói đến có một thành phố có tên là Sa-ma-ri như BDC dịch. Thay vì, đó là một thành trong tỉnh Sa-ma-ri giống như trong 8:1c. Đây là một lối mà BDM dịch

nhóm từ này. Sa-ma-ri là một vùng nằm ngay sát phía bắc của tỉnh Giu-đa.

8:5b

truyền giảng Chúa Cứu Thế cho dân chúng: Thì của động từ được dùng trong tiếng Hy-lạp, mà BDM dịch *truyền giảng*, bày tỏ rằng Phi-líp bắt đầu nói với dân chúng và ông tiếp tục làm như thế. Ông đã bảo họ rằng Giê-su là *Chúa Cứu Thế* hay “Đấng Cứu Thế,” tức là, Đấng mà Đức Chúa Trời đã hứa sẽ sai đến để cứu họ. Những người sống ở vùng Sa-ma-ri là hậu tự của các người Do Thái lập gia đình với những người không phải là người Do Thái. Vì lẽ đó, các người Do Thái ghét những người Sa-ma-ri và cho họ là những người “không tinh sạch.” Tuy nhiên, giống như các người Do Thái, người Sa-ma-ri cũng đang đợi Đức Chúa Trời sai Đấng Cứu Thế đến cùng họ.

8:6

BDY dịch câu này một cách rõ nhất. Trong Câu Định Nghĩa (CĐN) của Phần Kinh Thánh Căn Dịch (PKTCCN), BDY được ghi ngay dưới BDM. BDY cũng là nền tảng cho những ghi chú.

Câu này trong tiếng Hy-lạp là

^{6a}Họ cùng chăm chú [và] tiếp tục để ý đến những lời mà Phi-líp giảng

^{6b}khi ông giảng dạy và họ thấy những phép lạ mà ông đang thực hiện.

Nhưng có thể dễ hiểu hơn, nếu bạn đổi thứ tự:

^{6a} Khi người ta nghe Phi-líp giảng, thấy những phép lạ ông thực hiện,

^{6b} họ đồng tâm lắng nghe [và] tiếp tục chú ý nghe những lời dạy dỗ của ông.

8:6a

Đoàn dân đông rất chú ý đến lời Phi-líp giảng

(BDY) Dân chúng đồng lòng lắng nghe ông giảng dạy: Nhóm từ *dân chúng* bày tỏ rằng có một số khá đông người trong thành đó lắng nghe những gì Phi-líp giảng dạy. *Đồng lòng* miêu tả một từ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa “với một ý” hay “một cách hợp nhất.” Bạn cũng có thể dịch như “một cách sốt sắng.” Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDY dịch là *lắng nghe*, cho thấy rằng họ bắt đầu nghe một cách chăm chú và họ cứ tiếp tục lắng nghe như vậy. Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng ở đây cũng hàm ý chẳng những dân chúng lắng nghe, nhưng họ còn tin những gì Phi-líp giảng nữa.

8:6b

(BDY) vì thấy các phép lạ ông thực hiện: Từ *các phép lạ* ý nói đến những việc rất lạ lùng mà Đức Chúa Trời giúp Phi-líp thực hiện cho thấy rằng Đức Chúa Trời đang làm việc tại đó. Họ rất được cảm kích khi thấy những việc Phi-líp thực hiện. Thì của động

từ trong tiếng Hy-lạp, mà BDY dịch *thực hiện*, bày tỏ rằng Phi-líp rất thường làm những phép lạ, một số những phép lạ này được Bác Sĩ Lu-ca ghi lại trong 8:7.

8:7

Bác Sĩ Lu-ca ghi xuống hai lý do *các phép lạ ông thực hiện* khiến người ở tại thành Sa-ma-ri vui mừng: Những người bị quỷ ám được tự do và những kẻ tật nguyền được chữa lành. Bạn có thể giới thiệu dữ kiện này với một cách diễn đạt giống như “ví dụ.” BDC bắt đầu câu này bằng chữ “vì” để cho thấy đây là lý do tại sao trong thành có đầy sự vui mừng (câu 8).

8:7a

Nhiều tà linh hét lên mà xuất khỏi những người bị ám: Câu này nói lên một vài trường hợp điển hình của những phép lạ mà Đức Chúa Trời ban quyền năng cho Phi-líp thực hiện. Các từ *xuất khỏi những người bị ám* hàm ý rằng Phi-líp ra lệnh cho các quỷ ra khỏi những người bị chúng ám.

8:7b

Nhiều người bại liệt và què quặt được chữa lành: Một lần nữa, câu này hàm ý rằng Đức Chúa Trời ban quyền phép cho Phi-líp chữa lành nhiều người, họ là những người trước đó không có thể đi đứng một cách bình thường.

8:8

nên thành phố tràn ngập niềm vui: Có thể bạn nên bắt đầu một câu mới. Dân chúng vui mừng không phải chỉ vì có “nhiều người bại liệt và què quặt được chữa lành *nhưng cũng vì có nhiều tà linh hét lên mà xuất khỏi những người bị ám.*”

thành phố: Đây nói đến thành phố được nhắc đến trong 8:5a.

- 8:6a** **Đoàn dân đông rất chú ý đến lời Phi-líp giảng.**
(BDY) Dân chúng đông lòng lắng nghe ông giảng dạy,
 Có nhiều người ở đó, một mực lắng nghe lời giảng [và] tiếp tục nghe Phi-líp giảng dạy,
 -HAY-
 Nhiều người ham muốn nghe [và] tiếp tục nhận lãnh mọi điều Phi-líp dạy,
- 8:6b** **vì mọi người đều nghe ông giảng và thấy các dấu lạ ông làm.**
(BDY) vì thấy các phép lạ ông thực hiện.
 [khi] họ nghe Phi-líp [giảng dạy] và thấy những phép lạ ông thực hiện.
- 8:7a** **Nhiều tà linh hét lên mà xuất khỏi những người bị ám.**
 [Ví dụ, khi Phi-líp ra lệnh] tà linh kêu la rồi ra khỏi nhiều người [mà trước đây bị chúng ám hại].
- 8:7b** **Nhiều người bại liệt và què quặt được chữa lành,**
 Cũng có, nhiều kẻ tật nguyền [và nhiều kẻ khác] là những người đau bại đều được chữa lành [vì Đức Chúa Trời giúp Phi-líp chữa lành cho họ].
- 8:8** **nên thành phố tràn ngập niềm vui.**
 Vì thế, có sự vui mừng lan rộng khắp trong thành phố.
 -HAY-
 Vì thế, [những người] ở trong thành phố thật là vui mừng.

Tiểu đoạn phụ 8:9-13 Phi-líp làm phép báp-tem cho nhiều người Sa-ma-ri kể cả phù thủy Si-môn

- 8:9a** **Một người tên Si-môn trước kia hành nghề phù thủy trong thành phố,**
 Có một người tên là Si-môn. Từ lâu làm nghề phù thủy trong thành phố,

Tiểu đoạn phụ 8:9-13 Phi-líp làm phép báp-tem cho nhiều người Sa-ma-ri, kể cả phù thủy Si-môn

Có một người tên là Si-môn từng có nhiều ảnh hưởng trên dân chúng Sa-ma-ri bằng phép của ông. Tuy nhiên, khi Phi-líp giảng đạo Chúa ở đó có rất nhiều người tin vào Chúa Giê-su và Phi-líp làm phép báp-tem cho họ. Si-môn cũng tin sứ điệp Phi-líp giảng, và Phi-líp làm phép báp-tem cho ông ta. Từ đó Si-môn bắt đầu theo sát bên Phi-líp, vì ông rất đỗi ngạc nhiên về những phép lạ mà Đức Chúa Trời giúp đỡ Phi-líp thực hiện.

8:9a

BDC bắt đầu câu này bằng từ “bấy giờ.” Từ này được dịch sát nghĩa từ tiếng Hy-lạp, nhưng Bác Sĩ Lu-ca không dùng từ ngữ này để chỉ về thời gian, ông dùng từ này để chỉ rõ về sự thay đổi đề tài. BDM không dịch từ này, có lẽ vì sự liên hệ trong văn mạch, và

muốn bắt đầu một đoạn mới để bày tỏ rằng Bác Sĩ Lu-ca bắt đầu viết về một đề tài mới. BDY dùng từ ngữ thông thường trong tiếng Việt “lúc ấy.”

Một người tên Si-môn trước kia hành nghề phù thủy trong thành phố: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp, mà BDM dùng là *hành*

nghe phù thủy, bày tỏ rằng Si-môn đã làm *nghe phù thủy* trong một thời gian khá lâu, mãi đến khi Phi-líp đến ông vẫn còn làm công việc này. *Phù thủy* nói về việc dùng những hình thức đặc biệt (như, dùng những câu bùa chú), để cho người ta tin vào quyền năng siêu nhiên, đang làm thành những việc mà một người bình thường không thể làm được (ví dụ, làm cho mưa rơi xuống).

thành phớ: Chỉ về thành được nói đến trong 8:5a.

8:9b

đã làm cho cả dân Sa-ma-ri đều kinh ngạc: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp *kinh ngạc* bày tỏ rằng bằng tài ảo thuật của ông, Si-môn luôn tiếp tục làm cho dân chúng kinh ngạc. Trong tiếng Hy-lạp, các từ *cả dân* dịch theo sát nghĩa là “quốc gia,” và *Sa-ma-ri* chỉ về tỉnh hay vùng có tên là Sa-ma-ri. Điều này cho thấy rằng ảnh hưởng của Si-môn lan rộng khắp nhiều nơi ngoài phạm vi ông đang ở.

8:9c

Ông tự xưng là bậc đại tài: Thì của động từ, mà BDM dịch *tự xưng*, cho thấy rằng Si-môn luôn luôn hay thường nói với dân chúng rằng ông là một người tài giỏi hay là một người rất quan trọng. Mặc dù có một vài nhà giải kinh cho rằng Si-môn có thể tự cho mình là Đấng Cứu Thế, có lẽ ông chỉ khoe khoang rằng ông là người tài giỏi và muốn người ta gọi mình như thế, như trong 8:10b.

8:10a

Mọi người trong thành từ nhỏ đến lớn đều trọng vọng: *Mọi người trong thành từ nhỏ đến lớn* chỉ về những người Sa-ma-ri và bao nhiêu người bị ảnh hưởng bởi Si-môn. Bằng chứng đó được xác nhận bởi những chữ *từ nhỏ đến lớn*. BDC dịch nhóm từ này là “trẻ đến già.” Có lẽ Bác Sĩ Lu-ca có ý muốn bao gồm tất cả mọi thành phần, giàu nghèo, già trẻ, quan trọng và không quan trọng.

trọng vọng: Trong tiếng Hy-lạp từ ngữ này giống như trong câu 8:6 có nghĩa là ‘được chú ý đến.’ thì của động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây bày tỏ rằng dân chúng tiếp tục

lắng nghe những gì Si-môn nói. Xem Câu Định Nghĩa (CĐN) của Phân Kinh Thánh Căn Dịch (PKTCCN) về cách dịch từ này.

8:10b

và ca tụng: “Ông này có quyền năng của Thần gọi là Đại Năng.”: Trong tiếng Hy-lạp, chữ *ca tụng* có nghĩa đen là “họ nói.” Thì của động từ bày tỏ họ tiếp tục hay thường ca tụng về Si-môn. Trong ngôn ngữ của bạn, thông thường chắc chỉ có một người trực tiếp nói câu này? Hay bạn có thể nói “họ xưng,” ngay cả người ta không đồng nói cùng một lúc với nhau? Bạn có thể dịch câu này gần giống như trong CĐN của PKTCCN.

“Ông này có quyền năng của Thần gọi là Đại Năng.”: Câu này có thể dịch bằng hai cách khác nhau:

- (1) Người Sa-ma-ri nghĩ rằng Si-môn là người đại diện của Đức Chúa Trời vì thấy ông có đầy quyền năng. BDY dịch: “vị Cứu Tinh có quyền năng của Thượng Đế.”
- (2) Người Sa-ma-ri nghĩ rằng Si-môn là một thần nào khác có quyền năng. BDM dịch như thế này: *quyền năng của Thần gọi là Đại Năng*.

Cách dịch thứ nhất (a) có lẽ là cách dịch đúng nhất vì đạo của người Sa-ma-ri đặt căn bản trên 5 sách Ngũ Kinh của Môi-se.

Có lẽ người ta không nghĩ Si-môn là một vị thần. Nhưng, người ta nghĩ rằng ông là một người có quyền năng, và là một người quan trọng, một đại diện hay sứ giả của Đức Chúa Trời.

8:11

Họ nghe theo ông vì lâu nay ông đã trở lại ma thuật làm cho họ phải kinh ngạc: Động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *nghe theo*, cùng một động từ trong tiếng Hy-lạp ở câu 8:6 và 8:10. Có nghĩa là người ta luôn tiếp tục suy nghĩ một cách cẩn thận về những gì Si-môn nói.

vì: Liên từ này giới thiệu lý do tại sao người ta chú ý nghe những gì Si-môn bảo họ. Đó là, những việc ông làm cho họ rất ngạc

8:9b	đã làm cho cả dân Sa-ma-ri đều kinh ngạc. và làm kinh ngạc dân làng tại [tỉnh Sa-ma-ri trong thời đó].
8:9c	Ông tự xưng là bậc đại tài. Ông luôn coi mình là một người tài giỏi. -HAY- Thường khi ông nói [với dân chúng] rằng ông là một người quan trọng.
8:10a	Mọi người trong thành từ nhỏ đến lớn đều trọng vọng Tất cả mọi người ở đó, từ những thường dân cho đến những quan quyền đều kính nể và chăm chú nghe ông. -HAY- Tất cả mọi người, bất kể giàu nghèo, già trẻ đều tin vào những lời nói của ông.
8:10b	và ca tụng: “Ông này có quyền năng của Thần gọi là Đại Năng.” [Mọi người] trong làng đều khen: “Việc làm của ông đầy quyền phép lớn lao [vì] Đức Chúa Trời làm cho ông trở nên [một người] đại tài.” -HAY- Họ nói rằng: “Người này là sức mạnh của Đức Chúa Trời [là người đại diện mà người ta] gọi [người] vĩ đại.”
8:11	Họ nghe theo ông vì lâu nay ông đã trở tài ma thuật làm cho họ phải kinh ngạc. Từ lâu họ luôn nghe ông vì những việc ông làm bằng trò ma thuật. -HAY- Họ tiếp tục tin tưởng ông, vì từ lâu ông luôn làm cho họ ngạc nhiên bởi những việc lạ lùng ông thực hiện.
8:12a	Nhưng khi nghe Phi-líp Nhưng họ tin Phi-líp [giảng],

nhiên bằng ma thuật mà bấy lâu nay ông vẫn thường làm.

ma thuật: Bác Sĩ Lu-ca dùng một từ trong tiếng Hy-lạp và đó là một hình thức khác của cùng một từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là “hành nghề phù thủy” trong câu 8:9a. Xem Lời Giải Nghĩa 8:9a.

8:12

Lối cấu trúc văn phạm của câu này là “**Khi** họ tin ... **rồi** họ chịu phép báp-tem. BDM thay đổi một chút về văn phạm ở đây: “Khi nghe Phi-líp giảng ... **thì họ đều tin nhận** và chịu phép báp-tem.” Mặc dù BDM có sự

khác biệt với tiếng Hy-lạp nhưng ý vẫn giống nhau.

8:12a

Nhưng khi nghe Phi-líp: *Nhưng* bày tỏ một sự tương phản giữa việc dân chúng từ lâu nay vẫn chăm chú nghe những lời nói của Si-môn, rồi thành linh thay đổi và tin sứ điệp của Phi-líp giảng về Chúa Giê-su.

nghe: Động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây bày tỏ họ chẳng những nghe nhưng còn tin những gì Phi-líp giảng dạy nữa. BDM chỉ dùng từ “nghe” ở đây nhưng nó bao gồm ý nghĩa “tin” trong nhóm từ tiếp theo.

8:12b

truyền giảng Phúc Âm về Nước Đức Chúa Trời và danh Chúa Cứu Thế Giê-su: Nước Đức Chúa Trời ở đây ý nói đến Đức Chúa Trời cai trị những người tin cậy Ngài. *Danh Chúa Cứu Thế Giê-su* ở đây nói về chính Chúa Giê-su, thay vì chỉ nói tên hay quyền năng của Ngài. Trong bối cảnh của xứ Sa-ma-ri, Bác Sĩ Lu-ca có lẽ dùng *Chúa Cứu Thế* như một danh hiệu ngang hàng với Đấng Cứu Thế, thay vì chỉ là một phần của tên Chúa Giê-su. Dù vậy, bạn có thể theo bản dịch tiếng địa phương, vì hầu hết các bản dịch đều ghi là “Chúa Cứu Thế Giê-su.”

8:12c

thì họ đều tin nhận và chịu phép báp-tem, cả nam lẫn nữ: Bạn có thể cân thay đổi thể thụ động của nhóm từ, *họ chịu phép báp-tem*, sang thể chủ động như “Phi-líp làm báp-tem cho họ.” Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng Phi-líp tiếp tục làm báp-tem cho dân chúng khi họ tin vào Chúa Giê-su. Xem 1:5a cho ý nghĩa *báp-tem*. Bác Sĩ Lu-ca ghi rõ ở đây rằng Phi-líp báp-tem cho *cả nam lẫn nữ*, không phải chỉ đàn ông. Trong ngôn ngữ của bạn, thứ tự nào tự nhiên hơn, “đàn ông và đàn bà” hay “đàn bà và đàn ông”? Bạn nên dùng thứ tự nào hợp với ngôn ngữ và phong tục của bạn.

tin nhận: Động từ này không có trong tiếng Hy-lạp, nhưng được thêm vào trong BDM để làm trọn ý nghĩa của chữ tin.

phép báp-tem: Xem 1:5a cho *báp-tem*.

8:13a

Chính Si-môn cũng tin và sau khi chịu phép báp-tem: Trong một văn mạch rộng lớn hơn, đặc biệt là trong 8:18-24, có thể cho thấy rằng từ *tin* ở đây có ý rằng Si-môn chỉ tin những gì Phi-líp nói. Hiển nhiên, là ông ta chưa ăn năn tội lỗi và cậy nhờ Chúa Giê-su cứu vớt ông ta. Không một chút nghi ngờ, Phi-líp tưởng rằng Si-môn đã thật sự tin Chúa Giê-su, nên Phi-líp báp-tem cho ông.

8:13b

cứ theo sát bên Phi-líp: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy Si-môn bắt đầu theo sát bên Phi-líp bất cứ nơi nào Phi-líp đi, và Si-môn tiếp tục làm như vậy.

8:13c

Khi Si-môn thấy các dấu lạ và việc quyền năng vĩ đại Phi-líp làm thì ngạc nhiên vô cùng: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng vì Si-môn thường thấy Phi-líp thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại, Si-môn tiếp tục ngạc nhiên. Về các từ *các dấu lạ và việc quyền năng vĩ đại* xem trong 6:8b.

Tiểu đoạn phụ 8:14-25 Những người Sa-ma-ri nhận Đức Thánh Linh nhưng Phê-rơ lên án Si-môn

Tiểu đoạn phụ này gồm có hai đơn vị sau đây: 8:14-17 và 8:18-25. Trong đơn vị thứ nhất, các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem gọi Phê-rơ và Giăng đến gặp những người ở Sa-ma-ri là những người tin vào Chúa Giê-su. Sau khi hai sứ đồ cầu nguyện cho những tín hữu mới này, và đặt tay trên họ, những người này nhận được Thánh Linh. Trong 8:18-25, Si-môn xin đưa tiền cho Phê-rơ và Giăng để mong nhận được quyền năng để có thể ban Thánh Linh cho những người khác. Phê-rơ quở trách ông về việc này và cảnh cáo rằng ông phải ăn năn tội lỗi của mình, vì thế Si-môn van xin các sứ đồ cầu nguyện cho ông.

8:14-17 Những tín hữu Sa-ma-ri nhận lãnh Thánh Linh

8:14a

Nghe tin dân chúng Sa-ma-ri đã tiếp nhận Đạo Chúa: Mặc dù hầu hết tín hữu phải

chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem vì dân chúng lên án, buộc tội họ, nhưng các sứ đồ vẫn cứ ở tại đó. Có lẽ Phi-líp gọi người đến Giê-ru-sa-lem để báo cáo với các sứ đồ rằng có nhiều người Sa-ma-ri tin vào Chúa Giê-su. *Dân chúng Sa-ma-ri* ở đây ý nói đến những người Sa-ma-ri ở khắp tỉnh hay các vùng Sa-

8:12b	<p>truyền giảng Phúc Âm về Nước Đức Chúa Trời và danh Chúa Cứu Thế Giê-su khi Phi-líp giảng Phúc Âm [cho họ] về [thế nào] Đức Chúa Trời muốn chăm sóc cho những người tin Ngài và [rằng] Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a [mà Đức Chúa Trời gọi đến để cứu vớt họ].</p>
8:12c	<p>thì họ đều tin nhận và chịu phép báp-tem, cả nam lẫn nữ. [Phi-líp] làm phép báp-tem cho nhiều người đàn ông lẫn đàn bà [là những người đặt niềm tin trong Chúa Giê-su].</p>
8:13a	<p>Chính Si-môn cũng tin và sau khi chịu phép báp-tem, Ngay cả Si-môn cũng tin [bài giảng của Phi-líp], sau đó để [Phi-líp] báp-tem cho ông, <i>-HAY-</i> Si-môn [nói với Phi-líp]: “Tôi cũng tin [điều ông giảng].” [Sau đó để Phi-líp] báp-tem cho ông,</p>
8:13b	<p>cứ theo sát bên Phi-líp. từ đó ông luôn ở bên cạnh Phi-líp.</p>
8:13c	<p>Khi Si-môn thấy các dấu lạ và việc quyền năng vĩ đại Phi-líp làm thì ngạc nhiên vô cùng. Si-môn luôn kinh ngạc vì ông thường thấy [Phi-líp] làm nhiều việc thật vĩ đại lạ lùng [những điều đó bày tỏ rằng Đức Chúa Trời giúp Phi-líp thực hiện những việc lạ lùng này].</p>
<p>Tiểu đoạn phụ 8:14-25 Những người Sa-ma-ri nhận Đức Thánh Linh, nhưng Phê-rơ lên án Si-môn</p>	
8:14a	<p>Nghe tin dân chúng Sa-ma-ri đã tiếp nhận Đạo Chúa, Các sứ đồ tại thành Giê-ru-sa-lem nghe [người ta kể lại] rằng [rất nhiều người khắp cả tỉnh] Sa-ma-ri đã tin sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su],</p>
8:14b	<p>các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem liền sai Phê-rơ và Giăng xuống thăm. vì thế các sứ đồ [khác] phái Phê-rơ và Giăng [đi] gặp những người Sa-ma-ri mới tin Chúa này.</p>

ma-ri, không phải chỉ những người trong thành phố được nhắc trong 8:5.

đã tiếp nhận Đạo Chúa: Các từ *đã tiếp nhận Đạo Chúa* có ý rằng người Sa-ma-ri tin sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su mà Phi-líp giảng dạy.

8:14b

các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem liền sai Phê-rơ và Giăng xuống thăm: Để đáp ứng nguồn tin đó, các sứ đồ quyết định gọi Phê-rơ và Giăng, đến gặp những tín hữu mới này tại tỉnh Sa-ma-ri.

8:15

Đến nơi, hai ông cầu nguyện cho các tín hữu nhận lãnh Thánh Linh: Phê-rô và Giăng cầu nguyện đặc biệt để Thánh Linh đến và ngự trong các tín hữu đó. Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng đây là lần đầu tiên họ nhận được Thánh Linh.

8:16a

vì Thánh Linh chưa giáng xuống trên người nào cả: Sự chậm trễ trong việc nhận Thánh Linh của các tín hữu, không có nghĩa là bài giảng của Phi-líp chưa trọn. Thay vì, đó là chương trình của Đức Chúa Trời, Ngài muốn các tín hữu Do Thái được dự phần khi Ngài sai Thánh Linh đến với các tín hữu tại Sa-ma-ri. Trong trường hợp này Đức Chúa Trời muốn bày tỏ rằng Ngài chấp nhận những tín hữu Sa-ma-ri là con cái của Ngài cũng như Ngài chấp nhận những người Do Thái khi họ tin vào Chúa Giê-su.

8:16b

họ chỉ mới chịu phép báp-tem nhân danh Chúa Giê-su mà thôi: Các từ *chịu phép báp-tem nhân danh Chúa Giê-su* có nghĩa là Phi-líp làm phép báp-tem cho họ vì họ tin vào Chúa Giê-su. *Danh Chúa Giê-su* ở đây nói về chính Chúa Giê-su, thay vì chỉ nói đến tên và quyền năng của Ngài. Trong 8:17, Bác Sĩ Lu-ca hàm ý rằng đường lối của Đức Chúa Trời là muốn những nhà lãnh đạo tín hữu Do Thái đặt tay trên những người Sa-ma-ri khi Ngài ban Thánh Linh cho họ. Trong cách này Đức Chúa Trời làm cho tín hữu Do Thái và tín hữu Sa-ma-ri hiệp lại với nhau.

8:17a

Rồi hai ông đặt tay trên các tín hữu: Rồi bày tỏ rằng sau khi cầu nguyện cho những tín hữu Sa-ma-ri, Phê-rô và Giăng bắt đầu đặt tay trên các tín hữu. Thì của động từ *đặt* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng họ bắt đầu và tiếp tục làm như thế cho tất cả tín hữu Sa-ma-ri. Nếu bạn muốn nói các sứ đồ *đặt tay* ở đâu, bạn có thể nói các sứ đồ đặt tay trên đầu các tín hữu Sa-ma-ri. Điều này có nghĩa là các sứ đồ xin Đức Chúa Trời chúc phước cho những tín hữu này.

8:17b

thì họ đều nhận lãnh Thánh Linh: Thì của động từ *nhận lãnh* cũng bày tỏ rằng đó là một tiến trình đòi hỏi thời gian. Đúng như vậy, vì chỉ có hai sứ đồ và họ phải đặt tay họ trên rất nhiều tín hữu Sa-ma-ri. Bạn có thể lặp lại như trong CĐN của PKTCCN.

8:18-24 Phê-rô quả trách Si-môn

8:18

Vì câu này bắt đầu một đoạn mới, bạn có thể bắt đầu một tiểu đoạn mới ở đây như hầu hết các bản dịch khác. Văn phạm trong tiếng Hy-lạp của câu này có thể dịch bằng hai cách:

- (1) Si-môn thấy người ta nhận được Thánh Linh, kết quả là Si-môn muốn nhận quyền năng này và ông muốn đưa tiền cho các sứ đồ để nhận lãnh quyền năng đó: “Khi Si-môn nhận thấy các sứ đồ đặt tay ... thì ông muốn đưa tiền bạc cho họ.” (Điều này chỉ được hàm ý, không nói rõ ràng trong BDC và BDY.)
- (2) Các sứ đồ đặt tay trên tín hữu và kết quả họ nhận được Thánh Linh: “Si-môn nhận thấy hể các sứ đồ đặt tay trên ai thì Thánh Linh được ban cho người ấy” (BDM)

Cách dịch thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì theo văn mạch, Si-môn muốn có được quyền năng như các sứ đồ có. Xem CĐN của PKTCCN.

8:18a

Si-môn nhận thấy hể các sứ đồ đặt tay trên ai thì Thánh Linh được ban cho người ấy:

Động từ *nhận thấy* bày tỏ rằng Si-môn quan sát sự việc và tin rằng Thánh Linh đến và ở cùng các tín hữu. Những gì Si-môn thấy có lẽ giống như những gì Phê-rô và những tín hữu Do Thái quan sát trong 10:46 và Phao-lô quan sát trong 19:6. Bạn có thể dịch như “đã thấy và đã nghe.” Đức Chúa Trời dùng Phê-rô và Giăng như một đại diện của Ngài để ban Thánh Linh cho những tín hữu Sa-ma-ri, khi hai sứ đồ đặt tay trên họ. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp *được ban cho* bày tỏ rằng

8:15	<p>Đến nơi, hai ông cầu nguyện cho các tín hữu nhận lãnh Thánh Linh, [Khi Phê-rô và Giăng] đi xuống Sa-ma-ri, họ cầu nguyện cho những [người] đó để họ có thể nhận Thánh Linh, <i>-HAY-</i> [Sau khi Phê-rô và Giăng] đến Sa-ma-ri, họ cầu nguyện cho những [người mới tin Chúa] đó để Thánh Linh sẽ đến với họ,</p>
8:16a	<p>vì Thánh Linh chưa giáng xuống trên người nào cả; vì Thánh Linh chưa kiểm soát bất cứ một người nào trong bọn họ. <i>-HAY-</i> vì Đức Thánh Linh chưa đến để ở cùng họ.</p>
8:16b	<p>họ chỉ mới chịu phép báp-tem nhân danh Chúa Giê-su mà thôi. [Phi-líp] làm báp-tem cho họ [vì họ tin] vào Chúa Giê-su[, nhưng chưa có ai đặt tay cầu nguyện để Đức Chúa Trời ban Thánh Linh đến và ở với họ].</p>
8:17a	<p>Rồi hai ông đặt tay trên các tín hữu Rồi Phê-rô và Giăng đặt tay của họ trên [đầu các tín hữu và cầu nguyện để Đức Chúa Trời ban Thánh Linh đến với] mỗi người,</p>
8:17b	<p>thì họ đều nhận lãnh Thánh Linh. và Thánh Linh đến ở với [từng người] trong bọn họ.</p>
8:18a	<p>Si-môn nhận thấy hễ các sứ đồ đặt tay trên ai thì Thánh Linh được ban cho người ấy, Si-môn quan sát [và được thuyết phục và tin] rằng [Đức Chúa Trời] ban [Thánh] Linh [cho tín hữu] bằng sự cầu nguyện và đặt tay của các sứ đồ [trên đầu họ], <i>-HAY-</i> Si-môn nhận ra rằng [Thánh] Linh đến [với tín hữu] khi các sứ đồ đặt tay [trên họ và cầu nguyện],</p>
8:18b	<p>liền dâng tiền bạc cho họ vì thế ông dâng tiền bạc cho các sứ đồ [để các sứ đồ cho ông quyền phép ấy].</p>

đó là một tiến trình luôn được tiếp tục, tức là liền khi một sứ đồ đặt tay trên ai thì người ấy có dấu hiệu rằng họ nhận được Thánh Linh.

8:18b

liền dâng tiền bạc cho họ: Lời yêu cầu nghe rất chướng tai của ông bày tỏ một cách rõ

ràng Si-môn không phải là một tín hữu trong những người đã nhận được Thánh Linh. Phản ứng của Si-môn khi thấy Thánh Linh đến với nhiều người Sa-ma-ri, là ông đưa tiền cho Phê-rô và Giăng để có thể làm được những gì như hai sứ đồ đang làm.

8:19a

và yêu cầu: “*Xin quý ông cho tôi quyền uy này:* Động từ *cho* nói lên tánh cách đòi hỏi hay như một mệnh lệnh trong lời yêu cầu của ông. Thông thường người ta có thể cho người khác những đồ vật, nhưng không ai có thể cho người khác khả năng. Vì thế, bạn có thể dịch lời yêu cầu này giống như trong CĐN của PKTCCN.

8:19b

để tôi đặt tay trên ai thì người đó cũng nhận được Thánh Linh!: Mệnh đề này cho thấy Si-môn không hiểu một chút gì về bản chất của Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Si-môn muốn có quyền uy để có thể ban Thánh Linh cho bất cứ ai, không cần thắc mắc về mối liên hệ giữa người đó với Chúa Giê-su như thế nào. Ông hy vọng sẽ lấy lại được uy tín ông đã có, khi có người nói rằng “Người này có thần quyền thật vĩ đại.” Chắc chắn ông chủ trương đòi hỏi người khác phải trả tiền cho ông để đặt tay trên họ và nhờ đó họ sẽ nhận được Thánh Linh.

8:20a

Phê-rô đáp: “*Bạc của anh cũng hãy hu vong với anh!*: Phê-rô không thể chấp nhận được đòi hỏi phi lý và không thể có được này. Thể của động từ hàm ý rằng Phê-rô nghĩ rằng Đức Chúa Trời phạt Si-môn một cách nặng nề về lời yêu cầu gian ác đó. Trong 8:22 cho thấy Phê-rô cảnh cáo Si-môn một cách thẳng thắn, hơn là một lời nguyện rửa. Có nghĩa là, Ông cảnh cáo Si-môn rằng trừ phi Si-môn ăn năn tội, bằng không, Đức Chúa Trời sẽ huỷ diệt Si-môn và cả tiền bạc của ông nữa. Dĩ nhiên, là cả đến phần tâm linh của Si-môn, sau khi chết, linh hồn ông sẽ đi vào địa ngục.

8:20b

Vì anh tưởng có thể lấy tiền bạc mà mua ân tứ của Đức Chúa Trời!: Mệnh đề này cho thấy lý do tại sao Phê-rô cảnh cáo Si-môn một cách nghiêm khắc. Si-môn có ý nghĩ sai lầm rằng ông có thể mua quyền uy, và đối với ông, uy quyền đó là Thánh Linh. Nhóm từ *ân tứ của Đức Chúa Trời* ở đây ý

nói về chính Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời chỉ ban cho những người tin nhận Con Ngài.

BDM bắt đầu bằng một câu mới với nhóm từ này. Có lẽ người dịch có ý muốn nhấn mạnh ở đây. Điều đó có thể làm cho người đọc nghĩ rằng chữ “*Vì*” được dùng ở đây để nhắc đến nhóm từ phía sau, thực ra chỉ là một phần phía trước của câu 20. Để được rõ ràng và dễ hiểu bạn có thể dịch 20a và 20b thành một câu. Xem BDC và BDY.

8:21a

Anh chẳng được dự phần hoặc hưởng điều gì trong chức vụ này: Các từ *dự phần...hưởng* ở đây là danh từ kép có nghĩa là “cùng làm việc với một người nào đó.” Trong trường hợp này, Phê-rô nói rằng Si-môn không thể cùng làm việc chung với Phê-rô và Giảng.

trong chức vụ này: Trong tiếng Hy-lạp, các từ *chức vụ* ở đây cần hiểu như là “công việc.” Nói một cách rõ hơn, đây có nghĩa là Đức Chúa Trời không cho phép Si-môn được làm việc chung với các sứ đồ. Một cách chi tiết hơn, là Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không cho phép Si-môn có liên hệ chi về việc đặt tay cầu nguyện để người ta nhận lãnh Thánh Linh.

8:21b

vì lòng anh không ngay thẳng trước Đức Chúa Trời: Vì giới thiệu lý do tại sao Si-môn không được liên hệ hay cùng làm việc chung với các sứ đồ. *Lòng* nói đến một phần trong thân thể con người, từ đó dẫn đến những sự suy nghĩ và những quyết định những gì cần phải làm.

lòng anh không ngay thẳng trước Đức Chúa Trời: Nhóm từ này bày tỏ rằng Đức Chúa Trời thừa biết rằng Si-môn hành động và suy nghĩ một cách sai lầm về Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Ngài.

8:22a

Anh hãy ăn năn về điều ác này và cầu nguyện với Chúa: Lời phán đầu tiên của Phê-rô với Si-môn, *hãy ăn năn về điều ác này*, có nghĩa là Si-môn phải bỏ ngay những

8:19a	và yêu cầu: “Xin quý ông cho tôi quyền uy này Ông nói: “Hãy khiến cho tôi có được quyền năng như thế, -HAY- Ông nói: “Hãy giúp tôi để tôi cũng làm được những gì [các ông đang làm],
8:19b	để tôi đặt tay trên ai thì người đó cũng nhận được Thánh Linh!” để Thánh Linh sẽ đến với bất cứ người nào mà tôi đặt tay trên họ.”
8:20a	Phê-rô đáp: “Bạc của anh cũng hãy hư vong với anh! Nhưng Phê-rô nói với ông ta: “[Đức Chúa Trời] sẽ tiêu huỷ tiền bạc của anh và cả anh nữa,
8:20b	Vì anh tưởng có thể lấy tiền bạc mà mua ân tứ của Đức Chúa Trời! bởi vì anh [rất lắm] tưởng rằng anh có thể mua [Thánh Linh từ chúng tôi] Đấng mà [chỉ có] Đức Chúa Trời ban cho [những ai tin nhận Con Ngài].
8:21a	Anh chẳng được dự phần hoặc hưởng điều gì trong chức vụ này, Đức Chúa Trời không cho phép anh làm bất cứ điều gì [cùng với chúng tôi [là những việc chúng tôi đang làm],
8:21b	vì lòng anh không ngay thẳng trước Đức Chúa Trời. vì Đức Chúa Trời biết ý nghĩ của anh không thành thật với Ngài. -HAY- vì Đức Chúa Trời biết rằng ý nghĩ của anh là xấu xa.
8:22a	Anh hãy ăn năn về điều ác này và cầu nguyện với Chúa Vì vậy, đừng có ý nghĩ xấu xa [như] thế và khẩn thiết xin Chúa [Đức Chúa Trời]
8:22b	có lẽ Ngài sẽ tha thứ cho anh về tư tưởng ấy trong lòng. để, nếu Ngài muốn, Ngài sẽ tha thứ cho anh về hành động [độc ác anh làm].

toan tính có tánh cách độc ác, mà ông từng làm. Lời phán thứ hai của Phê-rô với Si-môn là *cầu nguyện* từ này được dịch từ tiếng Hy-lạp mang ý nghĩa khẩn cấp của một công việc cần làm ở đây. 8:22b bày tỏ rõ ràng Si-môn cần cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho ông. Phần chót của câu, một vài bản sao và hầu hết các bản dịch đều có từ *với Chúa* và có những bản sao khác có từ “với Đức Chúa Trời.” Theo văn mạch, cả hai “với Chúa” và “với Đức Chúa Trời” có lẽ đều nói về Đức Chúa Trời. Vì thế, bạn có thể dịch nhóm từ này là “với Đức Chúa Trời.”

8:22b

có lẽ Ngài sẽ tha thứ cho anh về tư tưởng ấy trong lòng: Theo tiếng Hy-lạp, các từ mà BDM dịch *có lẽ* có nghĩa đen là “nếu có lẽ.” Nó có nghĩa là nếu Đức Chúa Trời sẵn lòng tha thứ cho Si-môn, Ngài sẽ làm điều đó. Tội lỗi chính mà Si-môn cần được Đức Chúa Trời tha thứ là ý nghĩ sai lầm rằng ông có thể bán Thánh Linh cho người khác. Bạn có thể nói một cách tổng quát giống trong CĐN của PKTCCN.

8:23a

Vì tôi thấy anh đầy dẫy mặt đấng: Vì giới thiệu lý do về lời phán của Phê-rơ. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ của bạn, có thể sẽ không được đúng với văn phạm, nếu bạn bắt đầu bằng mệnh đề độc lập với một liên từ như “vì.” Do đó, bạn có thể bỏ từ ngữ “vì” hay bạn có thể nói “hãy ăn năn vì tôi thấy....”

anh đầy dẫy mặt đấng: Nhóm từ này cho thấy Si-môn thật vô cùng ghen tức với các sứ đồ, giống như trong CĐN của PKTCCN.

8:23b

và đang làm nô lệ cho tội lỗi: Đây một cách nói theo nghĩa bóng rằng Si-môn có đầy dẫy những tội lỗi và chẳng có thể làm gì khác hơn ngoại trừ phạm tội. Nếu bạn muốn giữ lại một phần của nghĩa bóng, bạn có thể dịch thế nào cho giống như trong câu thứ hai của CĐN của PKTCCN.

8:24a

Si-môn Thưa: “Xin các ông cầu nguyện Chúa giúp tôi: Đáp ứng lời cảnh cáo nặng nề Phê-rơ bằng cách dùng chính lời Phê-rơ nói trong 8:22a. Si-môn nài xin cả Phê-rơ và Giăng cầu thay cho ông. Theo văn mạch ở đây, *Chúa* có lẽ muốn nói đến Đức Chúa Trời. Trong bản dịch của bạn, nếu cần nên nêu rõ ngôi vị nào được nói đến ở đây, bạn có thể dịch là “Đức Chúa Trời.” Nhưng nếu không cần, bạn có thể dùng từ “Chúa.”

8:24b

để tôi khỏi bị các điều ông nói đó!: Để giới thiệu mục đích của lời yêu cầu khẩn cấp của Si-môn. Không một chút nghi ngờ, Si-môn có ý nói đến lời khiển trách nặng nề của Phê-rơ: “Bạc của anh cũng hãy hư vong với anh!” Ông nài xin các sứ đồ cầu xin Đức

Chúa Trời sẽ không phạt ông đi vào địa ngục vì đề nghị gian ác ông đưa ra.

các điều ông: Mặc dù Phê-rơ là xướng ngôn viên, nhưng *các điều ông* đề cập đến ít nhất là của cả Phê-rơ và Giăng, và có thể cả Phi-líp nữa. Tuy nhiên, chỉ có Phê-rơ, Giăng và Si-môn là những người được Bác Sĩ Lu-ca đề cập đến trong 8:18-24. Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng Phê-rơ và Giăng chắc đã cầu nguyện cho Si-môn. Tuy nhiên, trong bản tiếng Hy-lạp không xác định điều này, do đó bạn không cần phải nói đến trong bản dịch của bạn.

8:25 Phê-rơ và Giăng giảng về Chúa Giê-su cho người Sa-ma-ri

8:25a

Sau khi làm chứng và công bố Đạo Chúa: Các từ *làm chứng* và *công bố* có thể dùng song đôi với nhau, vì ý của cả hai giống nhau. Từ *làm chứng* nói về việc Phê-rơ và Giăng trình trọng tuyên bố những gì hai người biết về Chúa Giê-su một cách trực tiếp.

Đạo Chúa: Đây có nghĩa là hai sứ đồ nói với dân chúng ở đó những gì Đức Chúa Trời muốn họ nói về *Chúa*, từ Chúa ở đây có lẽ chỉ về Chúa Giê-su.

8:25b

Phê-rơ và Giăng trở về Giê-ru-sa-lem: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp *trở về* bày tỏ rằng Phê-rơ và Giăng bắt đầu trở lại Giê-ru-sa-lem nhưng chưa đến nơi.

8:25c

vừa đi vừa truyền giảng Phúc Âm trong nhiều làng Sa-ma-ri: Bạn có thể dịch phần này như “họ giảng về Chúa Giê-su trong nhiều thôn xóm thuộc miền Sa-ma-ri.”

- 8:23a** **Vì tôi thấy anh đầy dẫy mặt đắng**
[Hãy hối cải,] vì tôi thấy anh ganh tỵ [với chúng tôi]
-HAY-
Tôi thấy rằng anh ghen tức [với chúng tôi]
- 8:23b** **và đang làm nô lệ cho tội lỗi.”**
và anh [đây tội lỗi nên anh] chẳng có thể làm được điều gì, ngoài việc phạm tội.”
-HAY-
và, như một kẻ nô lệ [làm bất cứ một điều độc ác nào mà người chủ ra lệnh] cho anh tiếp tục phạm tội.”
- 8:24a** **Si-môn thưa: “Xin các ông cầu nguyện Chúa giúp tôi,**
Vì thế, Si-môn nói với [Phê-rô và Giăng]: “Cầu nguyện [Đức] Chúa [Trời cho tôi]
- 8:24b** **để tôi khỏi bị các điều ông nói đó!”**
để [Ngài] không giáng cho tôi những điều ông nói.”
-HAY-
để [Ngài] sẽ không giáng cho tôi bất cứ một điều gì như ông vừa kể.”
- 8:25a** **Sau khi làm chứng và công bố Đạo Chúa,**
Sau khi Phê-rô và Giăng nói [với những người ở đó] những gì chính họ chứng kiến [về Chúa Giê-su] và giảng [cho họ] sứ điệp [của Đức Chúa Trời] về Chúa [Giê-su],
- 8:25b** **Phê-rô và Giăng trở về Giê-ru-sa-lem,**
họ bắt đầu trở lại Giê-ru-sa-lem.
- 8:25c** **vừa đi vừa truyền giảng Phúc Âm trong nhiều làng Sa-ma-ri.**
[Dọc đường] họ giảng [về Chúa Giê-su cho dân chúng] trong nhiều làng tại xứ Sa-ma-ri.

Tiểu đoạn 8:26-39 Phi-líp giảng cho viên chức Ê-thi-ô-bi

Tiểu đoạn này gồm có hai đơn vị như sau: Trong 8:26-28, Phi-líp đi đến một con đường mà viên chức Ê-thi-ô-bi đang trên đường này đi về nhà và, trong 8:29-39, Phi-líp giúp viên chức Ê-thi-ô-bi tin vào Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn phụ 8:26-28 Phi-líp gặp viên chức Ê-thi-ô-bi

Trong tiểu đoạn phụ này một thiên sứ phán cùng Phi-líp hãy đi đến một con đường ở đó ông gặp viên chức Ê-thi-ô-bi người đang đi trên một xe ngựa.

8:26

BDC bắt đầu tiểu đoạn này với từ “bấy giờ.” Từ này được dịch theo nghĩa đen từ tiếng Hy-lạp, nhưng Bác Sĩ Lu-ca dùng nó để chỉ về thời gian. Ông cũng dùng nó để giới thiệu một phân đoạn mới. Bạn có thể dùng một liên từ để giới thiệu như “một ngày kia” hay “sau đó,” hay không cần một liên từ nào cả. BDM và BDY không dịch từ này nhưng bắt đầu một tiểu đoạn mới.

8:26a

Một thiên sứ của Chúa bảo Phi-líp: *Một thiên sứ của Chúa* chỉ về một thần linh được sai đến từ Đức Chúa Trời đem sứ điệp đến cho Phi-líp. Nội dung của sứ điệp mà thiên sứ nói như một mệnh lệnh, vì thế, bạn có thể dịch như “Một thiên sứ của Chúa phán cùng Phi-líp....”

8:26b

“Ông hãy xuống miền nam, đến con đường hoang vắng chạy từ Giê-ru-sa-lem xuống Ga-xa.”: *Hãy xuống* dịch sang từ hai tiếng trong tiếng Hy-lạp có nghĩa đen là “đứng dậy” và “đi.” BDM dịch *xuống* vì nó được tự nhiên khi dùng từ *xuống* để nói đến việc đi về phía nam. Thì của động từ thứ hai bày tỏ rằng Phi-líp sẽ phải tốn thì giờ để “đi” một quãng đường.

8:27a

Phi-líp đứng dậy lên đường: Trong tiếng Hy-lạp, theo nghĩa đen là “đứng dậy đi.” Các bản dịch Việt Nam đều dịch theo nghĩa đen. Ý mà Bác Sĩ Lu-ca muốn bày tỏ là ‘Phi-

líp đáp ứng ngay lập tức theo những gì thiên sứ bảo ông phải làm.’ Bạn có thể nói là “ông sẵn sàng đứng dậy và đi....”

Kia, có một người Ê-thi-ô-bi: Từ *kia* bày tỏ rằng Phi-líp ngạc nhiên khi nhìn thấy vị quan. *Ê-thi-ô-bi* lúc bấy giờ là một phần của thung lũng Ni-la thuộc nước Sudan ngày nay.

là thái giám của Can-đác: Trong bản Hy-lạp có ghi lại một số dữ kiện được tìm thấy trong BDM: “một người đàn ông Ê-thi-ô-bi, một thái giám, một quan hầu Can-đác....” Bạn có thể thêm những chi tiết này vào trong bản dịch của bạn.

thái giám: Theo nghĩa đen, *thái giám* là một người nam đã bị thiến không còn bị ảnh hưởng về tình dục. Tuy nhiên, nếu bạn cho những chi tiết này vào bản dịch của bạn, bạn phải nói thế nào để người đọc có thể chấp nhận. Nếu dân tộc của bạn không có tập quán này, hoặc coi đó như là một vấn đề thô tục, bạn có thể thay thế từ *thái giám* bằng từ “viên chức.” Ở đây Kinh Thánh không nhấn mạnh đến tình trạng sức khoẻ về thể xác của người Ê-thi-ô-bi. Bạn có thể mượn một từ ngữ của một bản dịch nào đó bằng tiếng Việt. Nếu cần giải thích, bạn có thể ghi vào phần chú thích ở cuối trang.

8:27b

nữ vương Ê-thi-ô-bi, làm tổng giám đốc ngân khố: Trong tiếng Hy-lạp từ ngữ *tổng giám đốc* mà BDM dịch nói về một người có thẩm quyền để ra lệnh cho người khác. Phần còn lại của 8:27b cho thấy tổng giám đốc là một chức vụ quan trọng: Ông quản thủ hết

Tiểu đoạn 8:26-39 Phi-líp giảng cho viên chức Ê-thi-ô-bi

Tiểu đoạn phụ 8:26-28 Phi-líp gặp viên chức Ê-thi-ô-bi

- 8:26a** **Một thiên sứ của Chúa bảo Phi-líp:**
[Một ngày kia] một thiên sứ của [Đức] Chúa [Trời] phán cùng Phi-líp:
- 8:26b** **“Ông hãy xuống miền nam, đến con đường hoang vắng chạy từ Giê-ru-sa-lem xuống Ga-xa.”**
“Hãy đi ngay xuống phía nam theo con đường từ Giê-ru-sa-lem đến Ga-xa.” [Đó là] con đường băng ngang một vùng rất ít người cư ngụ.
- 8:27a** **Phi-líp đứng dậy lên đường. Kia, có một người Ê-thi-ô-bi**
Vì thế, Phi-líp đi ngay [đọc theo con đường đó], và đột nhiên ông gặp một người [từ nước] Ê-thi-ô-bi
- 8:27b** **là thái giám của Can-đác, nữ vương Ê-thi-ô-bi, làm tổng giám đốc ngân khố.**
là một viên chức và [ông là] một nhân vật quan trọng, là giám đốc ngân khố của nữ vương [người lãnh đạo nước] Ê-thi-ô-bi, Can-đác. [Trong ngôn ngữ của ông, người ta gọi nữ vương của họ là Can-đác].
- 8:27c** **Ông đã lên Giê-ru-sa-lem thờ phượng**
Ông lên Giê-ru-sa-lem để thờ phượng [Đức Chúa Trời],
- 8:28a** **và trên đường về nước, đang ngồi trên xe ngựa**
và đang trên đường về [nhà] và ngồi [cưỡi] trên xe ngựa của ông.

thầy kho tàng của Can-đác nữ vương nước Ê-thi-ô-bi. *Can đác* là tước vị của nữ vương nước Ê-thi-ô-bi. Tuy nhiên, bạn có thể dịch như một tên để có thể thích hợp khi nói đến trong ngôn ngữ của bạn.

8:27c

Ông đã lên Giê-ru-sa-lem thờ phượng:

Mục đích của ông đến Giê-ru-sa-lem là để bày tỏ sự kính trọng và tôn sùng Đức Chúa Trời, Đấng mà người Do Thái thờ phượng. Theo Phục-truyền Luật-lệ Ký 23:1, viên chức không được “vào hội của Đức Giê-hô-va,” có nghĩa là những người Do Thái khác coi hạng người này không có giá trị như một người Do Thái thật. Tuy nhiên, trong I-sai

56:3-8 bày tỏ rằng chính Đức Chúa Trời vui vẻ đón tiếp và chúc phước cho những người hoạn (bị thiếu) nếu vâng giữ luật pháp và giao ước của Ngài. Vì thế, người này được đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng sự thờ phượng của ông ta.

8:28a

và trên đường về nước, đang ngồi trên xe ngựa: Ông ta đang trên đường trở về nhà và đang ngồi trên một xe được kéo bởi những con ngựa hay bò. Viên chức đang đọc Kinh Thánh, và chắc có một người khác lái xe. Xe chắc cũng có mui bằng vải để che nắng, và có chỗ ngồi còn trống ít nhất đủ cho một người khác (8:31b).

8:28b

mà đọc sách tiên tri I-sa: 8:30a cho biết viên chức đang *đọc sách* và đọc lớn tiếng, vì Phi-líp nghe được ông đang đọc những lời trong sách *tiên tri I-sa* đã được viết từ xưa.

sách: Lời tiên tri trong I-sa có lẽ được viết trên giấy cuộn, nhưng ngày hôm nay

hầu hết trong các phong tục của nhiều dân tộc từ ngữ quen thuộc được dùng là *sách* vì tài liệu không còn được viết trên giấy cuộn như ngày xưa nữa.

tiên tri: Xem 2:16.

Tiểu đoạn phụ 8:29-39 Viên chức tin Chúa Giê-su và Thánh Linh đem Phi-líp đi nơi khác

Người ta có thể chia tiểu đoạn phụ này thành những đơn vị như sau: 8:29-31a, nan đề của viên chức, 8:31b-35, giải pháp của Phi-líp cho nan đề của viên chức, và 8:36-39, phần chấm dứt câu chuyện.

8:29-31a Viên chức không hiểu ý nghĩa của những lời ông đang đọc

8:29

Thánh Linh bảo Phi-líp: “Con hãy lại gần và theo sát xe ấy!”: Thánh Linh nói với Phi-líp và bảo ông đến gần xe của viên chức.

theo sát xe ấy: Trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là đến và theo bên cạnh viên chức, không phải chỉ bên cạnh xe. Thánh Linh của Đức Chúa Trời bảo Phi-líp đến gần một người không phải là Do Thái, điều này ngược lại với phong tục của người Do Thái.

8:30a

Phi-líp chạy đến, nghe ông ta đọc sách tiên tri I-sa: Bạn có thể bắt đầu câu này bằng một liên từ như “vì thế,” để bày tỏ rằng Phi-líp lập tức vâng theo lời phán của Thánh Linh. Phi-líp *chạy đến* với chiếc xe, và bám sát xe ấy, ông nghe viên chức đọc sách do tiên tri I-sa viết. Xem 8:28b về *tiên tri I-sa*.

8:30b

liên hỏi: “Ông có hiểu những điều ông đang đọc đó không?”: Phi-líp biết ông ta có thể hiểu những chữ ông đang đọc. Tuy nhiên, Phi-líp chắc rằng có lẽ viên chức không hiểu ý nghĩa của những điều ông đọc. Trong câu hỏi của Phi-líp có một cái gì của tiếng Hy-lạp có thể bày tỏ được sự nghi ngờ của ông. 8:34 cho biết rằng viên chức không hiểu lời tiên tri nói về người nào.

8:31a

“Nếu không ai hướng dẫn làm sao tôi hiểu được?”: Đây là câu hỏi nhằm gây ấn tượng, một lối nói thay câu trả lời là “Không! tôi không thể hiểu được.” Từ ngữ trong tiếng Hy-lạp mà Bác Sĩ Lu-ca dùng ở đây để giới thiệu chỉ có một cách mà viên chức có thể hiểu được ý nghĩa của những điều ông đọc. Ông có ý rằng ông cần một thầy giáo để giải thích cho ông lời tiên tri trong I-sa.

8:31b-35 Phi-líp giảng về Chúa Giê-su cho viên chức

8:31b

Thái giám mời Phi-líp lên xe ngồi với mình: Theo tiếng Hy-lạp, *thái giám* mời theo nghĩa đen là “thái giám nài xin.” Bạn có thể dịch thành một lời văn trực tiếp, như trong câu hai của CDN của PKTCNN. Lời mời của viên chức hàm ý rằng Phi-líp đã lên xe và ngồi bên cạnh viên chức. Trong 8:36 cho thấy rõ rằng họ tiếp tục cuộc hành trình. Bạn có thể cần ghi hàm ý này vào bản dịch của bạn.

8:32a

Đoạn Kinh Thánh thái giám đang đọc là: Trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói về ông ở đây như “viên chức” hay “vị quan này,” vì từ *thái giám* có thể sẽ mang một ý nghĩa tiêu cực trong phong tục của bạn.

8:28b **mà đọc sách tiên tri I-sa.**
 [Trong khi ông đang đi trên xe,] ông đang đọc [lớn tiếng quyển sách mà] tiên tri I-sai [đã chép từ lâu lắm].

Tiểu đoạn phụ 8:29-39 Viên chức tin Chúa Giê-su và Thánh Linh đem Phi-líp đi nơi khác

8:29 **Thánh Linh bảo Phi-líp: “Con hãy lại gần và theo sát xe ấy!”**
 Đức [Thánh] Linh bảo Phi-líp: “Hãy đến gần xe đó và đi sát bên cạnh [người đang ngồi trên] xe.”

8:30a **Phi-líp chạy đến, nghe ông ta đọc sách tiên tri I-sa,**
 Thế nên, Phi-líp chạy tới [và đi sát bên xe] và ông nghe viên chức đang đọc [trong sách mà] tiên tri I-sai [đã viết].

8:30b **liên hỏi: “Ông có hiểu những điều ông đang đọc đó không?”**
 Phi-líp hỏi [hoạn quan]: “Ông có hiểu [ý nghĩa của những chữ] mà ông đang đọc không?”

8:31a **Thái giám đáp: “Nếu không ai hướng dẫn làm sao tôi hiểu được?”**
 Ông trả lời Phi-líp: “[Không!] Tôi không thể [hiểu ý nghĩa của nó] vì [không có] người nào giải thích [những chữ đó] cho tôi.”

-HAY-

Ông trả lời Phi-líp: “[Không!] Tôi không thể [hiểu được] trừ phi [có] người nào đó giải thích [ý nghĩa của những chữ đó] cho tôi.”

8:31b **Thái giám mời Phi-líp lên xe ngồi với mình.**
 Rồi viên chức mời Phi-líp lên xe [và] ngồi bên cạnh ông [và cùng đi trên xe. Vì thế, Phi-líp lên xe và ngồi bên cạnh viên chức].

-HAY-

Rồi viên chức nói cùng Phi-líp: “Xin hãy lên xe [và] ngồi bên cạnh ta.” [Do đó, Phi-líp làm theo].

8:32a **Đoạn Kinh Thánh thái giám đang đọc là:**
 Đây là một phần trong Cựu Ước mà viên chức đọc:

Đoạn Kinh Thánh: Các từ *đoạn Thánh Kinh* nói đến một phần Kinh Thánh trong Cựu Ước ông đang đọc. Phần trích dẫn dưới đây (I-sa 53:7-8) từ trong bản dịch tiếng Hy-lạp của Cựu Ước.”

đang đọc: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp, mà BDM dịch *đang đọc*, cho biết rằng ông đang đọc khi Phi-líp đến gặp ông.

8:32b

Người bị dắt đi như chiên đến lò thịt: Ở đây, và ở trong I-sa 53:7, danh từ *Người* nói về “tôi tớ” của Đức Chúa Trời (I-sa 52:13), từ ngữ mà I-sa dùng để chỉ về Đấng Đấng Cứu Thế.

Mặc dù I-sa viết sách này khoảng bảy tám trăm năm trước khi Chúa Giê-su ra đời, ông dùng động từ *bị dắt đi* giống như việc đã xảy ra rồi đối với Đấng Cứu Thế. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể cần dùng động từ có thể bày tỏ rõ ràng rằng sự việc chưa xảy ra. CĐN của PKTCN của 8:32b-33c có (1) cho quá khứ và (2) cho tương lai. Hãy dựa theo CĐN của PKTCN, hoặc (1) hay (2), miễn là được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người ta dẫn Đấng Cứu Thế.. đến một nơi ở đó họ sẽ giết Ngài, giống người ta dẫn một con chiên đến một nơi để làm thịt. Trong trường hợp người đọc không quen thuộc với loài chiên, bạn có thể giải thích thế nào miễn là người đọc có thể hình dung ra được con vật mà bạn muốn nói. Ví dụ, bạn có thể nói “một loài vật có nhiều lông người ta gọi là chiên.” Bạn cũng có thể in hình con chiên vào bản dịch của bạn, đó là cách giải thích bằng hình vẽ. Từ *chiên* và “cừu non” được lặp lại nhiều lần trong Kinh Thánh, nếu có thể được, bạn có thể dùng từ ngữ tương đồng, ngay cả nếu bạn cần mượn những từ của các bản dịch Việt-nam khác.

8:32c

như chiên cầm trước mặt kẻ hót lông; thế mà Người chẳng mở miệng: Trong nguyên cả đoạn trích dẫn này, từ *Người* chỉ về Đấng Cứu Thế. Ở đây I-sa so sánh Ngài như một con chiên con hiền lành để yên cho người ta hót lông. I-sa báo trước rằng cùng một thể ấy, Đấng Đấng Cứu Thế sẽ yên lặng vâng theo những người sẽ làm cho Ngài khổ nhục rồi chết. Có nghĩa là, Ngài không cố gắng thoát chạy khỏi tay kẻ thù của Ngài và không nói một lời nào để chống đối.

8:33a

Trong khi bị sỉ nhục, quyền lợi của Người bị tước đoạt: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ ngữ *bị sỉ nhục* nói đến cách người ta lăng mạ và ngược đãi đối với Đấng Đấng Cứu Thế khi họ đem Ngài đến cho những kẻ phán xét về Ngài.

quyền lợi của Người bị tước đoạt: Đây có nghĩa là Ngài không được xét xử một cách công bình.

8:33b

Ai sẽ nói đến dòng dõi Người?: Đây là câu hỏi để gợi lên sự suy nghĩ và không cần câu trả lời. Vì thế, bạn có thể dịch thành một câu nói như trong CĐN của PKTCN. Dưới đây là hai cách có thể dịch từ *dòng dõi* mà BDM dịch sang từ trong tiếng Hy-lạp:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng tiếng Hy-lạp ở đây có nghĩa “con cái và con cái của họ,” của một người về phương diện thuộc linh hay thuộc thể. (BDM)
- (2) Một số ít cho rằng từ ngữ này trong tiếng Hy-lạp có nghĩa “thế hệ,” nghĩa là, “tất cả những người được sinh ra trong một khoảng thời gian nhất định nào đó.” Những người theo cách dịch (2) có thể sẽ cho rằng theo văn mạch có ẩn ý một tình từ như “xấu hay ác” để diễn tả thế hệ đó. Nếu bạn theo cách dịch này, bạn có thể dịch như dưới đây:

Không một ai có thể nói những người sống trong thời đại của Ngài [đã] [gian ác] như thế nào.

Cách dịch (1) đúng hơn, vì nó trình bày được ý chính trong từ ngữ Hy-lạp. Và nếu bạn theo cách này, bạn không cần phải thêm một tình từ như “độc ác.”

8:33c

Vì mạng sống Người bị cất đi khỏi mặt đất: Theo văn mạch ở đây nhóm từ này chỉ về những người giết Đấng Cứu Thế, thay vì Đức Chúa Trời đem Ngài về trời. Động từ *bị cất đi khỏi* có nghĩa là “đem đi” hay “đời đi,” và nó hàm ý rằng người ta đã làm điều đó một cách bạo động. Động từ này không có hàm ý “cất lên” ở đây. Như được nhắc đến trong phần Lời Giải Nghĩa của 8:32b, trong ngôn

8:32b	<p>‘Người bị dắt đi như chiên đến lò thịt, (I) “[Người ta] dẫn Người đi để giết [Người] như [người ta dắt] một con chiên [đi làm thịt]. -HAY- (II) “[Người ta] sẽ dẫn Người đi giết [Người] giống như [người ta dắt] một con chiên [đi làm thịt].</p>
8:32c	<p>như chiên câm trước mặt kẻ hót lông; thế mà Người chẳng mở miệng. (I) Như một chiên con chẳng kêu khi bị hót lông. Người chẳng chống cự hay than phiền [khi bị người ta làm cho đau đớn]. -HAY- (II) Giống như một chiên con im lặng khi bị hót lông. Người không than phiền chống đối [khi bị người ta làm cho đau đớn].</p>
8:33a	<p>Trong khi bị sỉ nhục, quyền lợi của Người bị tước đoạt. (I) Khi [người ta] làm nhục Người, [họ] không để cho [những người lãnh đạo] xét xử Người phân minh. -HAY- (II) Khi [người ta] làm nhục Người, [họ] sẽ không để [nhà cầm quyền] xét Người một cách công minh.</p>
8:33b	<p>Ai sẽ nói đến dòng dõi Người? (I) Không một ai có thể nói về hậu tự Người, -HAY- (II) Không một ai sẽ có thể nói được về hậu tự Người,</p>
8:33c	<p>Vì mạng sống Người bị cắt đi khỏi mặt đất.’ (I) vì [người ta] đã giết Người.” -HAY- (II) vì [người ta] sẽ giết Người. Người không còn sống trên thế gian.”</p>
8:34a	<p>Thái giám hỏi Phi-líp: “Tôi xin hỏi ông: Tiên tri của Chúa nói về ai đây? Viên chức hỏi Phi-líp [về đoạn Kinh Vãn]: “Xin cho tôi biết nhà tiên tri nói về người nào?”</p>

ngữ của bạn, thì quá khứ có thể không hợp để nói về một việc chưa được xảy ra. Tuy nhiên, đối với độc giả của bạn, tất cả những điều I-sa nói tiên tri đã được xảy ra từ lâu rồi. Do đó, bạn có thể dùng thì quá khứ, như trong bản Hy-lạp, để phù hợp cho bản dịch của bạn trong các câu 8:32b-33.

8:34a

Thái giám hỏi Phi-líp: Từ được dùng trong bản Hy-lạp đồng nghĩa với chữ *thái giám* ở đây, nhưng có lẽ bạn nên dùng một từ như “nhân viên” hay “viên chức” hay đơn giản

hơn “một người.” Cho từ *thái giám* xem 8:27a. Và bạn có thể dịch nhóm từ trên giống như thế này: “Viên chức hỏi Phi-líp về đoạn Kinh Thánh đó....”

Tôi xin hỏi ông: Tiên tri của Chúa nói về ai đây?: Ở đây viên chức hỏi Phi-líp một cách nhã nhặn để biết người được đề cập đến trong I-sa là ai. Trong tiếng Hy-lạp có từ đồng nghĩa cho từ “nói.” Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng động từ “đã viết,” vì viên chức này đang đọc những gì đã được tiên tri I-sa viết.

8:34b

Về chính ông ta hay về ai khác?: Viên chức nghĩ rằng I-sa nói về chính mình hay về một người nào khác. Dĩ nhiên, là viên chức không biết đoạn Kinh Thánh này nói về Đấng Đấng Cứu Thế. Vì thế, ông hỏi Phi-líp để tìm câu trả lời.

8:35a

Phi-líp bắt đầu từ đoạn Thánh Kinh ấy: Theo trong bản Kinh Thánh tiếng Hy-lạp, dịch theo nghĩa đen “Và Phi-líp mở miệng của ông ta...” Có thể dịch là Phi-líp “đã bắt đầu nói.” Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể hàm ý những tin tức này, vì động từ chính trong 8:35b làm sáng tỏ rằng Phi-líp đang nói chuyện với viên chức. Trong câu này Bác Sĩ Lu-ca chỉ tóm tắt những gì Phi-líp nói. Phi-líp bắt đầu bằng cách giải thích ý nghĩa của đoạn Kinh Thánh trong sách I-sa. Ông nói rõ rằng đoạn Kinh Thánh nói về Đấng Cứu Thế chứ không phải nói về nhà tiên tri. Sau đó ông tiếp tục nói với viên chức rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Cứu Thế. Chắc chắn Phi-líp dùng rất nhiều đoạn Kinh Thánh khác nữa ngoài đoạn Kinh Thánh trong sách I-sa.

8:35b

mà truyền giảng về Đức Giê-su cho thái giám: Động từ trong tiếng Hy-lạp, mà BDM dịch, *truyền giảng*, là một từ, mà chữ “truyền giáo” đã được phát xuất từ đó. Bạn có thể dịch như “giảng,” “công bố” hay “tuyên bố.” Những câu theo sau cho thấy Phi-líp đã giải thích rất rõ ràng cho viên chức biết một cách chính xác Chúa Giê-su là ai và khi biết được điều này thì viên chức phải có những đáp ứng gì. Theo văn mạch ở đây cũng hàm ý rằng viên chức hiểu những gì Phi-líp giải thích cho ông và ông tin Chúa Giê-su. Tuy nhiên, bạn không cần ghi những hàm ý này vào bản dịch của bạn.

8:36-39 Phi-líp báp-tem cho viên chức, sau đó Đức Thánh Linh đưa Phi-líp đi nơi khác

8:36a

Đang đi giữa đường, đến chỗ có nước: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp *đi giữa đường* bày tỏ rằng họ tiếp tục cùng đi chung xe, trong khi đó Phi-líp giải thích cho viên chức về Chúa Giê-su. Cuối cùng, họ đi đến một chỗ *có nước* sát bên đường. Có lẽ đây là một cái hồ nhỏ hay là chi nhánh của một con sông khô cạn vì họ đang di chuyển trên một vùng cao ráo.

8:36b

thái giám hỏi Phi-líp: “Sẵn có nước đây!: Trong bản Hy-lạp một lần nữa dùng từ *thái giám* ở đây. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một từ như “viên chức” hay “người” có lẽ sẽ được thích hợp hơn.

Sẵn có nước đây: Trong ngôn ngữ của bạn, bạn nên diễn tả thế nào để thấy được rằng có một hồ nhỏ có nước bên cạnh đường đi.

Có điều gì ngăn trở tôi chịu phép báp-tem không?: Câu hỏi này không nhằm mục đích tìm câu trả lời, nhưng nó đóng vai trò của một lời yêu cầu, giống như “Xin ông làm báp-tem cho tôi.” Vì thế, bạn có thể đổi câu hỏi ở đây thành một lời yêu cầu, như “Xin làm báp-tem cho tôi!”

[8:37a]

(BDM có ghi chú:) **[Phi-líp nói: “Nếu ông hết lòng tin ông có thể chịu phép báp-tem.”]** Các học giả Kinh Thánh tin rằng câu này không có trong nguyên bản. Vì thế, bạn không cần để vào bản dịch của bạn. Tuy nhiên, nó đại diện cho những dữ kiện được hàm ý trong đoạn kinh văn. Do đó, bạn có thể ghi câu này ở trong ngoặc đơn để xác nhận rằng câu này có thể không có trong nguyên bản.

Nếu ông hết lòng tin ông có thể chịu phép báp-tem: Phi-líp nói rằng nếu ông hết lòng tin vào Chúa Giê-su, điều đó cho phép Phi-líp làm báp-tem cho ông. Một cách khác

8:34b	Về chính ông ta hay về ai khác?” [Có phải ông ta nói] về chính ông ta hay một người nào khác?”
8:35a	Phi-líp bắt đầu từ đoạn Thánh Kinh ấy Nên Phi-líp trả lời [viên chức] và bắt đầu [giải thích] đoạn Kinh Thánh đó
8:35b	mà truyền giảng về Đức Giê-su cho thái giám. và ông giải thích [về] Chúa Giê-su. [Nhờ đó viên chức hiểu được và tin Chúa Giê-su].
8:36a	Đang đi giữa đường, đến chỗ có nước, Trong khi họ đang đi, họ đến [một chỗ có một cái hồ có] nước [bên cạnh đường].
8:36b	thái giám hỏi Phi-líp: “Sẵn có nước đây! Có điều gì ngăn trở tôi chịu phép báp-tem không?” Rồi viên chức nói [với Phi-líp]: “Kìa, [có một cái hồ có] nước! [Xin] làm báp-tem cho tôi, [nếu ông biết không] có điều gì có thể ngăn cản [việc này]!” -HAY- Vì thế viên chức nói [với Phi-líp]: “Kìa, [có một cái hồ] nước! [Xin hãy] làm báp-tem cho tôi!”
[8:37a]	[Phi-líp nói: “Nếu ông hết lòng tin ông có thể chịu phép báp-tem.”] Phi-líp nói [với viên chức]: “Nếu ông thực sự tin [vào Chúa Giê-su Cơ Đốc, Con của Đức Chúa Trời, tôi] sẽ làm báp-tem cho ông.” -HAY- Phi-líp nói [với ông ta]: “Nếu ông thực sự tin [rằng Giê-su là Đấng Mê-si-a và cũng là Con của Đức Chúa Trời tôi] sẽ làm báp-tem cho ông.”
[8:37b]	[Thái giám đáp: “Tôi tin rằng Chúa Cứu Thế Giê-su là Con Đức Chúa Trời.”] Viên chức trả lời [Phi-líp]: “Tôi tin Giê-su Christ là Con của Đức Chúa Trời.” -HAY- Viên chức trả lời [Phi-líp]: “Tôi tin rằng Giê-su là Đấng Mê-si-a [và cũng] là Con của Đức Chúa Trời.”

để dịch câu này, *nếu ông hết lòng tin* vào Chúa Giê-su, thì ông có đủ điều kiện để nhận phép báp-tem.

tin: Trong ngôn ngữ của bạn, động từ *tin* có thể cần bổ ngữ, như *tin* “Chúa Giê-su.”

ông có thể: Hàm ý rằng viên chức chỉ có thể được làm phép báp-tem khi ông thực sự có lòng tin.

[8:37b]

Thái giám đáp: “Tôi tin Chúa Cứu Thế Giê-su là Con Đức Chúa Trời.” Đây là lời nói của viên chức chứng tỏ đức tin của mình vào Chúa Giê-su. *Chúa Cứu Thế* có thể được xem như là một phần trong tên hay là Danh của Ngài, bạn có thể dịch lời trích dẫn ở đây giống như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN.

8:38a

Thái giám ra lệnh dừng xe lại: Câu này hàm ý rằng Phi-líp đồng ý làm báp-tem cho ông, vì Phi-líp biết viên chức đã thật sự tin Chúa Giê-su.

ra lệnh dừng xe lại: Nhóm từ này cho biết viên chức ra lệnh cho một người nào đó dừng xe lại. Với một nhân vật quan trọng như viên chức, chắc hẳn phải có người lái những con vật kéo xe cho ông.

8:38b

Phi-líp và thái giám cùng xuống dưới nước; Phi-líp làm phép báp-tem cho thái giám: Bằng chứng Phi-líp báp-tem cho viên chức cho thấy rằng Phi-líp nhận biết rõ viên chức thực sự tin vào Chúa Giê-su. Dưới đây là hai cách có thể giải thích giới từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *xuống dưới*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng cả hai đồng xuống nước.
- (2) Một số ít nghĩ ở đây có nghĩa “đến” mé nước. Dưới đây là cách có thể dịch các câu 8:38b-39a:

Rồi cả hai Phi-líp và viên chức đồng đi đến [mé nước của cái hồ] và [Phi-líp] báp-tem cho ông. Khi họ lên khỏi nước, thành linh Thánh Linh đem Phi-líp đi [đến một nơi khác].

Cách dịch thứ nhất hợp lý hơn, vì ý chính của giới từ “xuống dưới.” Nhưng cả hai cách dịch này đều không cho thấy rõ Phi-líp làm báp-tem cho viên chức theo hình thức nào. Ví dụ, cả hai xuống đến chỗ nước sâu tới bụng. Rồi Phi-líp mới có thể đìm cả người của viên chức xuống nước, hay Phi-líp chỉ đổ nước lên đầu viên chức, hay Phi-líp chỉ rảy nước lên người viên chức. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn nên dùng nhóm từ nào có thể bày tỏ rằng hai người đến nơi có đủ nước để Phi-líp có thể đìm viên chức xuống dưới nước. Cho các từ *phép báp-tem* xem trong 2:38a.

8:39a

Khi lên khỏi nước, Thánh Linh đem Phi-líp đi mất: Dưới đây là hai cách có thể dịch giới từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *lên khỏi nước*:

- (1) Hầu hết các nhà thần học cho rằng giới từ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa *ra khỏi* hay “ra từ.” Có nghĩa là, họ đã xuống dưới nước để Phi-líp báp-tem cho viên chức. Sau khi xong hai người lên khỏi nước. Điều này hàm ý rằng họ đã phải xuống sâu dưới nước, nhưng đoạn kinh văn không ghi lại Phi-líp báp-tem cho viên chức bằng hình thức nào.
- (2) Một số ít cho rằng giới từ này có nghĩa “ra từ.” Ý nghĩa ở đây có thể phù hợp làm báp-tem bằng cách rảy nước hơn là đìm người xuống dưới mặt nước.

Theo 8:38b, cách dịch (1) có thể đúng hơn, vì “lên khỏi” bày tỏ được ý nghĩa thông thường của giới từ. “Ra khỏi” có lẽ chỉ hợp với cách làm báp-tem rảy nước hơn là đìm xuống nước. Xem Lời Giải Nghĩa của giới từ “xuống dưới” trong câu 8:38b.

Thánh Linh đem Phi-líp đi mất: Các từ *đem Phi-líp đi mất* có ý rằng Thánh Linh thật sự đưa Phi-líp đến một nơi khác. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Thánh Linh *đem Phi-líp đi mất* một cách đột ngột, bất ngờ, mặc dù BDM không dịch rõ ở đây. Trong bản văn cũng hàm ý rằng Phi-líp không từ khước khi được Thánh Linh đem đi. Phi-líp đã vâng theo lời của thiên sứ đi đến con đường vắng vẻ đó cho đến khi gặp viên chức, khi xong công việc, Đức Chúa Trời liền đưa ông đến một nơi khác theo ý định của Ngài.

8:39b

thái giám không còn thấy người nữa: Trong bản Hy-lạp từ đồng nghĩa với *thái giám* lặp lại nhiều lần trong các câu 8:27, 34, 36, 38, và 39. Trong bản dịch của bạn, bạn cần dịch là “viên chức,” vì ở đây không chú trọng đến tình trạng thân thể của nhân vật. Hơn nữa, “thái giám” có thể sẽ có một ý nghĩa tiêu cực trong ngôn ngữ của bạn. Nhóm từ *không còn thấy người nữa* hàm ý rằng sau khi không thấy Phi-líp, viên chức đã nhìn quanh một vòng để tìm nhưng không thấy ông.

8:38a Thái giám ra lệnh dừng xe lại.
 Vì thế, viên chức ra lệnh cho [người lái xe] dừng xe lại.
 -HAY-
 Vì thế, viên chức ra lệnh [người lái xe cho ngựa] ngừng xe lại.

8:38b Phi-líp và thái giám cùng xuống dưới nước; Phi-líp làm phép báp-tem cho thái giám.
 Rồi, cả hai Phi-líp và viên chức đi xuống [hồ] nước và [Phi-líp] làm báp-tem cho ông.

8:39a Khi lên khỏi nước, Thánh Linh đem Phi-líp đi mất,
 Khi họ lên khỏi nước, thánh linh Thánh Linh đem Phi-líp đi [đến một nơi khác].

8:39b thái giám không còn thấy người nữa, nhưng cứ hân hoan tiếp tục cuộc hành trình.
 Viên chức chẳng còn thấy Phi-líp nữa. Như không có gì xảy ra, viên chức tiếp tục đi đường [và] hớn hờ vui mừng vì [Đức Chúa Trời đã cứu ông].
 -HAY-
 Mặc dù viên chức không còn thấy Phi-líp nữa, ông cứ tiếp tục lên đường [và] ông hớn hờ vui mừng [vì Đức Chúa Trời đã cứu ông].

Tiểu đoạn 8:40 Phi-líp giảng đạo Chúa từ thành A-xốt đến thành Sê-sa-rê

8:40a Thấy mình đang ở A-xốt,
 Phi-líp nhận ra [rằng Thánh Linh dùng phép lạ đưa ông đến thành] A-xốt.

nhưng cứ hân hoan tiếp tục cuộc hành trình: Người ta có thể nghĩ rằng viên chức có thể sẽ bực mình hay buồn bực vì người vừa giúp ông tin Chúa Giê-su đột nhiên đã biến mất. Nhưng không có bằng chứng về điều này. Vì thế bạn có thể dùng một liên từ *nhưng* hay một nhóm từ “mặc dù” để giới thiệu mệnh đề này, lý do, thay vì buồn bã, viên chức lại rất vui vẻ. Nhóm từ *cứ hân*

hoan tiếp tục bày tỏ rằng việc Phi-líp biến mất không làm thay đổi hay mất đi sự vui mừng ông đang có. Vì thế, bạn có thể dịch là “ông ta tiếp tục đi và ông rất vui mừng.” Lý do viên chức rất hân hoan không khác gì sự hân hoan của viên giám ngục trong (16:34): “Ông và cả gia đình đều tràn ngập vui mừng vì đã tin Đức Chúa Trời.”

Tiểu đoạn 8:40 Phi-líp giảng đạo Chúa từ thành A-xốt đến thành Sê-sa-rê

Trong câu này, Bác Sĩ Lu-ca tóm lược những gì Phi-líp làm sau khi rời khỏi viên chức Ê-thi-ô-bi. Câu này cũng là câu kết thúc của phân đoạn phụ 8:4-40.

8:40a
Thấy mình đang ở A-xốt: Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một liên từ thường được dùng để giới thiệu một đơn vị mới, dịch là “nhưng.” Ở đây cũng có thể bày tỏ

một sự tương phản giữa hai vị trí của Phi-líp và quan hầu Ê-thi-ô-bi. Nó cũng có thể dịch là “sau đó,” “trong khi đó” hay “về sau.” BDM và BDY không dịch từ này. BDC dùng từ “còn.”

thấy mình: Động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây được dùng với nghĩa đen là “Phi-líp được tìm thấy.” Dưới đây là hai cách có thể dịch động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch *thấy mình*:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh cho rằng động từ này có nghĩa là “ông thấy mình” ở A-xốt. Có nghĩa là, ông nhận ra rằng ông đang ở A-xốt. (BDM)
- (2) Một số khác cho rằng “được tìm thấy” hay “được thấy” bởi những người khác ở đó. (Động từ không hàm ý rằng có một người nào khác tìm Phi-líp.) (BDC)

Cách dịch thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì đoạn kinh văn không nhắc đến một ai khác ngoài Phi-líp.

A-xốt: A-xốt là một thành phố cách Ga-xa khoảng 32 cây số về phía bắc, và cách Giê-ru-sa-lem 56 cây số về phía tây. Trong thời CU thành phố này còn có tên là Ách-đốt (Giô-suê 15: 47 BDC).

8:40b

Phi-líp đi qua và truyền giảng Phúc Âm trong tất cả các thành trên con đường đến tận Sê-sa-rê: Ở đây Bác Sĩ Lu-ca tóm tắt việc Phi-líp giảng đạo cho dân chúng trong những thành phố ven biển của nước Y-sơ-ra-ên giữa A-xốt và Sê-sa-rê. Sê-sa-rê là thành phố chính của nước Y-sơ-ra-ên. Sê-sa-rê cách A-xốt độ 88 cây số về hướng bắc, và cách Giê-ru-sa-lem độ 88 cây số về hướng tây bắc. Phi-líp có thể dùng Sê-sa-rê như là trụ sở chính của ông ta, vì trong (21:8) cho thấy rằng sau này ông sống tại Sê-sa-rê.

đi qua và truyền giảng: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy Phi-líp đi từ phố này đến một phố khác, và tiếp tục giảng cho mọi người về Chúa Giê-su.

tất cả các thành: Nhóm từ này nói đến tất cả các thành giữa A-xốt và Sê-sa-rê.

Phân đoạn phụ 9:1-30 Sau-lơ trở thành tín hữu và hằng hái nói về Chúa Giê-su cho những người khác

Sau-lơ trở thành tín hữu của Chúa Giê-su và lập tức bắt đầu giảng về Ngài cho mọi người. Sau đó các người Do Thái tìm cách giết Sau-lơ, nhưng các tín hữu khác giúp ông trốn thoát.

Tiểu đoạn 9:1-2 Sau-lơ đến gặp vị trưởng tế, xin phép được bắt giam các tín hữu

Sau-lơ, vẫn còn là kẻ thù của môn đệ Chúa Giê-su, yêu cầu vị trưởng tế cấp giấy phép cho ông đi lùng bắt các tín hữu tại thành Đa-mách, để đem về Giê-ru-sa-lem, hầu cho các lãnh đạo Do Thái có thể xét xử và trừng phạt.

9:1a

Trong thời gian ấy: Đây tiếp tục câu chuyện về từ 8:3. Do đó, bạn có thể dùng một từ ngữ để giới thiệu như, *trong thời gian ấy*. BDC chuyển ngữ là “bấy giờ” từ này có thể hướng dẫn đến sự hiểu lầm trong ngôn ngữ của bạn. Bác Sĩ Lu-ca thường dùng một liên từ trong tiếng Hy-lạp, chỉ để giới thiệu một đơn vị mới, nhưng nó cũng có thể có nhiệm vụ để bày tỏ một sự tương phản. Bởi vì có một vài

bản chuyển ngữ dùng chữ “nhưng,” để bày tỏ sự tương phản hành động giữa Sau-lơ và Phip-líp.

Sau-lơ cứ đe dọa tàn sát các môn đệ của Chúa: Theo nghĩa đen trong bản Hy-lạp được dùng ở đây “Sau-lơ vẫn tiếp tục buông lời đe dọa, giết, chống đối môn đệ Chúa Giê-su.” Dưới đây là hai cách có thể giải thích thành ngữ Hy-lạp “buông lời đe dọa giết”:

8:40b Phi-líp đi qua và truyền giảng Phúc Âm trong tất cả các thành trên con đường đến tận Sê-sa-rê.

Trong khi ông đi qua [trong vùng đó], Phi-líp tiếp tục giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] trong tất cả các thành [giữa A-xốt và Sê-sa-rê]. [Và ông cứ tiếp tục giảng] khi đến thành Sê-sa-rê.

Phân đoạn phụ 9:1-30 Sau-lơ trở thành tin hữu và hằng hái nói về Chúa Giê-su cho những người khác**Tiểu đoạn 9:1-2 Sau-lơ đến gặp vị trưởng tế, xin phép được bắt giam các tín hữu**

- 9:1a Trong thời gian ấy, Sau-lơ cứ đe dọa tàn sát các môn đệ của Chúa;**
 Trong thời gian ấy Sau-lơ tiếp tục đe dọa bắt giết những người tin Chúa [Giê-su].
 -HAY-
 Trong thời gian ấy, Sau-lơ tiếp tục tuyên bố với lòng đầy tức giận: “Ta sẽ giết những người tin [Giê-su] là Chúa.”
- 9:1b-2a Ông đến với vị trưởng tế, xin các ủy nhiệm thư gửi cho các hội đường Đa-mách**
 Sau-lơ đi gặp vị trưởng tế và yêu cầu [vị trưởng tế viết] giấy [để giới thiệu ông] với [những người lãnh đạo] các hội đường tại Đa-mách.

- (1) Một số nhà thần học cho rằng tác giả dùng hai chữ có cùng một ý nghĩa để nhấn mạnh những gì ông đang nói. Vì lý do đó, những “chữ cặp” chỉ có cùng một ý nghĩa, như trong BDM, BDY và trong CDN của PKTCCN chỉ chuyển ngữ ý nghĩa, nhưng không chuyển ngữ riêng hai chữ đó.
- (2) Một số khác cho rằng thành ngữ này bày tỏ cơn tức giận của Sau-lơ vẫn tiếp tục bằng những lời nói cứng rắn rằng ông sẽ gây đau đớn cho các tín hữu này, và giết những tín hữu kia. Nếu bạn theo cách này, bạn có thể chuyển ngữ như dưới đây:

Trong khi đó Sau-lơ vẫn tiếp tục nói rằng ông sẽ hại và giết những người tin vào Chúa [Giê-su].

Cách chuyển ngữ (1) thích hợp hơn, vì đó là cách người ta dùng thành ngữ này trong thời Bác-sĩ Lu-ca. Có nghĩa là, có hai danh từ, “đe dọa” và “giết,” được nối lại với nhau bằng chữ “và.” Và có thể có nghĩa là Sau-lơ

tiếp tục nói với dân chúng rằng ông sẽ giết những người tin vào Chúa Giê-su.

Bạn có thể diễn tả phần này của câu bằng lời trích dẫn trực tiếp như câu số hai trong CDN của PKTCCN.

9:1b-2a**ông đến với vị trưởng tế, xin các ủy nhiệm thư gửi cho các hội đường Đa-mách:**

Những nhà cầm quyền La-mã giao cho Hội Đồng Do Thái trách nhiệm quản trị dân Do Thái, là những người sống tại các thành phố ngoài nước Y-sơ-ra-ên. Vì lý do đó, nên Sau-lơ đến gặp vị trưởng tế là người đứng đầu trong hàng ngũ lãnh đạo của Hội Đồng. (Xem trong câu 4:1a cho “vị tế lễ” và 4:6a-b cho “vị trưởng tế.”) Sau-lơ yêu cầu vị trưởng tế viết cho ông *thư* ủy quyền chính thức cho phép ông đi lùng bắt những người tin Chúa tại các *hội đường* ở Đa-mách, (xem trong câu 6: 9a cho hội đường) là thành phố trọng yếu của nước Sy-ri, và cách Giê-ru-sa-lem khoảng 240 cây số về hướng đông bắc.

9:2b

để khi qua đó tìm được người nào theo Đạo Chúa cả nam lẫn nữ, thì trời lại giải về Giê-ru-sa-lem: Liên từ *để* khi giới thiệu mục đích Sau-lơ yêu cầu.

theo Đạo Chúa: Nhóm từ này chỉ về những người tin Chúa Giê-su và tin những sự dạy dỗ của Ngài. Trong Phúc Âm Giảng 14:6 Chúa Giê-su nói về chính Ngài rằng

“Ta là đường đi ... đến Đức Chúa Cha,” bày tỏ rằng Ngài là Đấng có sự liên hệ đúng đắn với Đức Chúa Trời.

cả nam lẫn nữ: Các từ *cả nam lẫn nữ* cho thấy Sau-lơ có ý định san bằng Hội Thánh của Đức Chúa Trời (8:2). Ông chủ trương dùng những hành động thô bạo đối với những nữ tín hữu cũng như nam.

Tiểu đoạn 9:3-19a Sau-lơ trở thành tín hữu của Chúa Giê-su

Chúa Giê-su hiện ra với Sau-lơ, và kết quả, Sau-lơ trở nên một tín hữu. Tuy nhiên, trong ba ngày Sau-lơ bị mù đôi mắt, không ăn uống gì. Chúa sai A-na-nia đến giúp cho Sau-lơ thấy trở lại. Trong Tiểu Đoạn này gồm có hai đơn vị sau đây: 9:3-9 và 9:10-19a.

9:3-9 Chúa Giê-su hiện ra với Sau-lơ trong khi ông đang trên đường đi tới Đa-mách

chiếu lòa: Ánh sáng rọi thẳng về phía Sau-lơ. Kết quả của việc thấy ánh sáng này, Sau-lơ bị mù cả hai mắt trong ba ngày (9:8-9).

9:3a

Nhưng đang đi đường đến gần Đa-mách: Không có một chỗ nào trong kinh văn cho thấy họ đã di chuyển như thế nào. Tuy nhiên, có lẽ họ cỡi trên lưng những con vật, vì khoảng đường từ Giê-ru-sa-lem đến Đa-mách khá xa. Sau khi gặp Chúa Giê-su, Sau-lơ và tùy tùng của ông có lẽ phải đi bộ suốt đoạn đường còn lại tới Đa-mách, vì trong câu 9:8 nói rằng “Người ta cầm tay ông dắt vào thành.”

9:4a

Ông té xuống đất: Nếu Sau-lơ và đồng bọn đang đi, thì từ *té xuống* có thể có nghĩa là rơi xuống từ vị thế đang đứng. Nhưng nếu ông đang cỡi trên một con vật, thế thì Sau-lơ té xuống đất từ trên lưng con vật. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một chữ đồng nghĩa cho cả hai trường hợp, bạn có thể dùng từ đó. Và, từ được dùng cho “té xuống” trong BDM có thể sẽ giúp bạn quyết định cách té của Sau-lơ như thế nào.

9:3b

bỗng có ánh sáng từ trời chiếu lòa chung quanh Sau-lơ: Các nhà thần học đồng ý rằng ánh sáng đó là việc siêu nhiên, nhưng không đồng ý với nhau là chẳng biết có phải ánh sáng từ thiên đàng của Đức Chúa Trời, hay trên “bầu trời.” Hầu hết các bản chuyển ngữ đều có chữ “thiên đàng.” Điều đó có thể hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã làm nên ánh sáng đó. Nếu trong ngôn ngữ của bạn phân biệt được giữa “thiên đàng” và “bầu trời,” bạn có thể chuyển ngữ “thiên đàng” ở đây. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn dùng một chữ cho cả hai, thì bạn nên dùng “bầu trời” ở đây.

9:4b

và nghe có tiếng gọi mình: Trong bản chuyển ngữ của bạn, có thể bạn cần nói rằng ông ta nghe có người nói với ông, thay vì ông “nghe tiếng nói.” Bạn có thể bày tỏ điều này một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Người nói với Sau-lơ tự nhận mình là Giê-su trong câu 9:5b. Tuy nhiên, bạn không cần những chi tiết đó ở đây.

9:4c

Sau-lơ! Sau-lơ!: Khi một Đấng Thánh có một sứ điệp quan trọng cho một người nào, và muốn gọi sự chú ý của người đó, Ngài có thể nói với người đó bằng cách gọi tên của người ấy hai lần. Thí dụ trong Xuất Ê-díp-tô

9:2b để khi qua đó tìm được người nào theo Đạo Chúa cả nam lẫn nữ, thì trở lại giải về Giê-ru-sa-lem.

[Các giấy này cho phép Sau-lơ] bất bất cứ [người nào] tin [những điều Chúa Giê-su dạy] và áp giải họ về Giê-ru-sa-lem [để các nhà lãnh đạo Do Thái xét xử và trừng phạt những người này]. [Sau-lơ được phép bắt] cả nam và nữ tín hữu.

-HAY-

[Các giấy này còn cho phép Sau-lơ] bất bất cứ [người nào] ông gặp nếu họ tin [những gì Chúa Giê-su dạy] trở lại và đem về Giê-ru-sa-lem [để cho các nhà lãnh đạo Do Thái xử phạt]. [Sau-lơ có thể bắt] cả nam và nữ [tín hữu].

Tiểu đoạn 9:3-19a Sau-lơ trở thành tín hữu của Chúa Giê-su

9:3a Nhưng đang đi đường đến gần Đa-mách,

Trong khi Sau-lơ [và những người đồng đi với ông] đang trên đường, đến [thành] Đa-mách,

-HAY-

Trong khi Sau-lơ đang đi [về hướng] thành Đa-mách, và khi gần đến [thành phố này],

9:3b bỗng có ánh sáng từ trời chiếu lòa chung quanh Sau-lơ.

bỗng có ánh sáng [chiếu tỏa] từ trời phủ xuống chung quanh ông.

-HAY-

thình lình một [luồng ánh sáng] chiếu xuống từ trời tỏa sáng chung quanh ông.

9:4a Ông té xuống đất,

[Ngay tức khắc] Sau-lơ ngã nhào trên mặt đất.

9:4b và nghe có tiếng gọi mình:

Rồi nghe có tiếng người nói với ông,

-HAY-

Rồi ông nghe tiếng [của Chúa] nói với ông,

9:4c “Sau-lơ! Sau-lơ! Sao ngươi bắt bớ Ta?”

“Sau-lơ, Sau-lơ, đừng làm cho Ta đau đớn [bằng cách bắt bớ những người tin đến Ta]!

-HAY-

“Sau-lơ, Sau-lơ, [ngươi nên biết rằng] ngươi [thật sự] đang làm cho Ta đau đớn [khi ngươi bắt những người tin đến Ta]!

Ký 3:4, Đức Chúa Trời gọi Môi-se từ trong bụi gai, “Hỡi Môi-se, Hỡi Môi-se!” Ngôn ngữ dùng nhiều cách khác nhau để kêu gọi một người và làm cho người đó phải lắng nghe những điều quan trọng. Nếu nghe được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nhắc lại tên Sau-lơ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng một cách khác, nên làm thế nào để

cho được tự nhiên theo như phong tục của bạn.

Sao ngươi bắt bớ Ta?: Một câu hỏi chỉ nhằm gây ấn tượng, không mong đợi câu trả lời. Trong một vài ngôn ngữ, người ta dùng loại câu hỏi này như để rầy la một người nào. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, người ta

dùng loại câu hỏi này trong hình thức trên, bạn có thể áp dụng ở đây. Cần so lại ý với CĐN của PKTCCN. Chúa Giê-su dùng câu hỏi này để nhắc Sau-lơ nghĩ về việc ông đang làm. Sau-lơ cần nhận thức rằng bất bố môn đệ Chúa Giê-su chính là chống đối và tấn công Ngài.

9:5a

Ông thưa: “Lạy Chúa, Ngài là ai?”: Trong tiếng Hy-lạp, “ông thưa” được đặt trước lời trích dẫn. Bạn có thể đổi thứ tự miễn sao được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. “Sau-lơ hỏi” là cách tốt để chuyển ngữ nhóm từ này, vì ông hỏi để tìm câu trả lời.

Lạy Chúa: Trong tiếng Hy-lạp danh hiệu *Chúa* được dùng. BDM thêm chữ *lạy* vì đây là cách thích hợp đối với phong tục của người Việt-Nam. Bạn nên chuyển ngữ thế nào để phù hợp cho một người nói với một Đấng thánh tùy theo phong tục của bạn. Mặc dù Sau-lơ lúc bấy giờ chưa phải là một tín hữu của Chúa Giê-su, nhưng ông biết rằng ông đang thưa chuyện với một người không phải là một người bình thường.

9:5b

Ta chính là Giê-su mà người đang bắt bố!: Nếu nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói “Chúa Giê-su trả lời” trước lời trích dẫn. Kể từ khi Sê-tiên bị ném đá chết đến lúc này, Sau-lơ vẫn tiếp tục bắt bố và khùng bố những người tin Chúa Giê-su. Giờ đây, chính Chúa Giê-su trực tiếp hỏi Sau-lơ và Ngài muốn Sau-lơ hiểu rõ rằng bất bố môn đệ của Ngài chính là bất bố Ngài. Xem 8: 3 để biết Sau-lơ đã từng làm điều gì.

9:6a

Nhưng người hãy đứng dậy, vào trong thành phó: Trong bản Hy-lạp, có một liên từ đồng nghĩa với “nhưng/thay vì,” để giới thiệu mệnh đề này. Liên từ hàm ý rằng thay vì tiếp tục bắt bố môn đệ Chúa, Sau-lơ nên đi làm một công việc gì khác.

người hãy đứng dậy: Lời phán của Chúa Giê-su cho thấy rõ ràng Sau-lơ vẫn còn nằm tại nơi ông té xuống. Chúa Giê-su cũng bảo Sau-lơ đi vào thành Đa-mách.

9:6b

người sẽ được chỉ bảo những điều phải làm: Ở đây cho thấy lý do Chúa Giê-su bảo Sau-lơ đi vào trong thành. Hướng dẫn bằng một cách thụ động, *người sẽ được chỉ bảo*, hàm ý rằng sẽ có người bảo cho Sau-lơ việc phải làm. Trong ngôn ngữ của bạn có thể cần ghi rõ chủ từ ở đây, như trong CĐN của PKTCCN.

những điều phải làm: Nhóm từ này cho thấy rằng Sau-lơ phải làm bất luận điều gì Chúa Giê-su bảo ông làm.

9:7a

Các bạn đồng hành của ông đều đứng yên lặng không nói được: Có lẽ *các bạn đồng hành của ông* là những người theo giúp ông đi bắt những tín hữu ở thành Đa-mách đem về Giê-ru-sa-lem. Trong 26:13-14 Phao-lô nói: “tôi bỗng thấy ánh sáng từ trời. . . chiếu xuống chung quanh tôi và các bạn đồng hành. Tất cả chúng tôi đều ngã nhào xuống đất.” Chắc họ khiếp hãi vì ánh sáng chiếu xuống. Có lẽ những người khác đều ngã xuống đất và đứng dậy cùng lúc với Sau-lơ.

đứng yên lặng không nói được: Có lẽ đây là một thành ngữ. Cách “đứng,” của họ không quan trọng bằng họ *không nói được*. Điều này có nghĩa là họ khiếp sợ đến độ cứng miệng không nói được.

9:7b

vi nghe tiếng mà không thấy ai cả: 22:9 ghi những gì Phao-lô kể lại khi gặp Chúa Giê-su.

tiếng: Trong bản Hy-lạp từ được dùng có thể có nghĩa hoặc “tiếng” hay “âm thanh,” tùy thuộc theo văn mạch.

mà không thấy ai cả: Những người cùng đi với Sau-lơ không thấy ai khác ngoài họ, khi Chúa Giê-su hiện đến với Sau-lơ.

Câu 22:9 cho biết rằng “Những bạn đồng hành với tôi đều thấy ánh sáng.” Ngay lúc đó chỉ mình Sau-lơ thấy Chúa Giê-su, và cũng chỉ mình Sau-lơ nghe được tiếng Chúa Giê-su.

9:8a

Sau-lơ đứng dậy: Điều này bày tỏ rằng sau khi té ngã xuống đất, Sau-lơ chắc vẫn

9:5a	<p>Ông thưa: “Lạy Chúa, Ngài là ai?” Sau-lơ hỏi [lại,]: “Thưa Chúa, Ngài là ai?” -HAY- Sau-lơ hỏi: “Chúa, [xin cho tôi biết] Ngài là ai?”</p>
9:5b	<p>“Ta chính là Giê-su mà ngươi đang bắt bớ! [Ngài trả lời:] “Ta là Giê-su, [và] ngươi đang làm cho Ta đau đớn [bằng cách sát hại những môn đệ của Ta]. -HAY- [Ngài trả lời:] “Ta là Giê-su mà ngươi đang bách hại [vì ngươi đang tàn sát những người tin Ta].</p>
9:6a	<p>Nhưng ngươi hãy đứng dậy, vào trong thành phố, Nhưng ngươi hãy đứng dậy, đi vào trong thành! -HAY- Thay vì [tiếp tục làm những điều đó], hãy đứng dậy và vào trong thành!</p>
9:6b	<p>ngươi sẽ được chỉ bảo những điều phải làm.” [Có người ở đó] sẽ bảo cho ngươi việc phải làm. -HAY- [Có người ở đó] sẽ nói cho ngươi những việc [Ta muốn] ngươi phải làm.</p>
9:7a	<p>Các bạn đồng hành của ông đều đứng yên lặng không nói được Những người đồng đi với Sau-lơ đứng [như chết] và không nói một lời nào [vì họ quá sợ hãi]. -HAY- Những người đồng đi với Sau-lơ quá khiếp sợ đến nỗi không nói được. [Họ chỉ] đứng chết cứng [tại chỗ].</p>
9:7b	<p>vì nghe tiếng mà không thấy ai cả. Họ chỉ nghe tiếng [khi Chúa nói], nhưng họ chẳng thấy một ai. -HAY- Họ chỉ nghe tiếng [như tiếng động], nhưng [không giống như Sau-lơ] họ chẳng thấy ai.</p>
9:8a	<p>Sau-lơ đứng dậy, mở mắt ra, nhưng chẳng thấy gì hết. Cuối cùng, Sau-lơ đứng dậy, nhưng khi mở mắt ông chẳng thấy được.</p>

còn nằm dưới đất khi Chúa Giê-su nói chuyện với ông. Ông vâng theo lời phán đầu tiên của Chúa, ông đứng dậy.

mở mắt ra, nhưng chẳng thấy gì hết: Đây hàm ý rằng ánh sáng đã làm cho Sau-lơ phải

nhắm mắt lại. Và khi mở mắt ra, có ý nhìn quanh, nhưng Sau-lơ chẳng thấy được gì, ông đã bị mù vì ánh sáng.

9:8b

Người ta cầm tay ông dắt vào thành Đa-mách: Trong mệnh đề này, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại cách các người đồng hành của Sau-lơ giúp đỡ ông. Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ này bắt đầu bằng một từ thường được chuyển ngữ là “và.” Theo văn mạch có thể chuyển ngữ là “vì thế” hay “vì lẽ đó.” Không có một bản chuyển ngữ tiếng Việt nào chuyển ngữ từ này.

Trong văn mạch cũng không cho biết là Phao-lô và những người đồng hành đi bộ hay cỡi trên lưng các con vật như lạc đà chẳng hạn. Tuy nhiên, từ lúc này chúng ta biết họ đi bộ, vì có một hay hai người nắm tay dẫn ông đi vào thành Đa-mách.

9:9a

Suốt ba ngày, ông bị mù: Suốt khoảng thời gian *ba ngày*, kể từ khi thấy ánh sáng, Sau-lơ không nhìn thấy được gì cả. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ nói rõ được sự *mù*, bạn có thể dùng ở đây.

9:9b

không ăn uống gì: Đoạn Kinh văn bày tỏ rằng Sau-lơ không thể thấy được gì, nhưng không cho biết Sau-lơ có ăn uống được không. Gặp Chúa Giê-su làm cho Sau-lơ vô cùng kinh hoàng đến độ không muốn ăn uống gì. Có thể tin rằng tâm trí ông đang trong cơn rối loạn vì những gì ông làm hoàn toàn sai. Dù cho bởi lý do nào đi nữa, Sau-lơ không ăn uống gì cả trong suốt ba ngày cho đến khi A-na-nia đến.

9:10-19a Sau-lơ nhìn thấy được sau khi A-na-nia đặt tay trên ông

9:10a

Tại Đa-mách, có một môn đệ của Chúa tên là A-na-nia: Đây là một đơn vị mới trong câu chuyện. Tất cả bản chuyển ngữ tiếng Việt đánh dấu bằng cách bắt đầu một đoạn mới. Trong phần này của câu 10, Bác Sĩ Lu-ca nói đến một số vấn đề, có một người là nhân vật mới của câu chuyện: Ông ta là một *môn đệ*, có nghĩa là, ông tin Chúa Giê-su.

Tên của ông là *A-na-nia*, nhưng không phải là A-na-nia ở trong đoạn 5. Và lại, ông này sống ở thành Đa-mách. Bạn cần ghi những chi tiết này thế nào cho hợp với ngôn ngữ của bạn. Trong đoạn 22:12 cho biết ông là một người Do Thái, “một người sốt sáng vâng giữ Kinh Luật, được tất cả đồng bào Do Thái địa phương kính trọng.”

9:10b

Trong khải tượng, Chúa gọi: “A-na-nia!”: Chúa ở đây nói về Chúa Giê-su, như trong 9:15-17. Từ *khải tượng* xem Lời Giải Nghĩa trong 2:17c. Chúa Giê-su nói với A-na-nia trong khải tượng, Ngài gọi ông bằng tên làm cho ông lắng nghe.

9:10c

Ông thưa: “Lạy Chúa, có con đây!”: Các học giả Kinh Thánh so sánh việc Chúa Giê-su gọi A-na-nia với Đức Chúa Trời gọi Sa-mu-ên trong Sa-mu-ên thứ nhất đoạn 3. Trong tiếng Hy-lạp, A-na-nia dùng những từ mà trước kia Sa-mu-ên đã dùng để trả lời Chúa. Bằng một cách giống như Sa-mu-ên, A-na-nia thưa với Chúa rằng ông sẵn sàng để nghe Chúa phán.

Ông thưa: Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng một từ đồng nghĩa với “ông trả lời:” bởi vì A-na-nia đáp ứng lời kêu của Chúa bằng chính tên ông. Không phải ông trả lời một câu hỏi.

Lạy Chúa: Xem Lời Giải Nghĩa trong 9:5.

9:11a

Con hãy đứng dậy: Theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây hàm ý rằng Chúa Giê-su phán cho Sau-lơ phải đi. Bản văn không cho thấy là A-na-nia đang ngủ, vì thế bạn có thể chuyển ngữ “hãy đi đến...!”

đến Phố Thẳng, tìm trong nhà Giu-đa: *Giu-đa* là một danh từ riêng thông dụng của người Do Thái, do đó Chúa Giê-su nói rõ thêm là người ở trên *Phố Thẳng*. Là một người Do Thái, có lẽ A-na-nia đã quen biết Giu-đa. Do đó ông có thể đi thẳng đến nhà Giu-đa mà không cần thêm chỉ dẫn.

9:8b	Người ta cầm tay ông dắt vào thành Đa-mách. Do đó những người [cùng đi với ông] nắm tay ông và dẫn ông vào thành Đa-mách.
9:9a	Suốt ba ngày, ông bị mù, Trong suốt ba ngày, Sau-lơ chẳng thấy được [gì cả], <i>-HAY-</i> Trong suốt ba ngày, Sau-lơ hoàn toàn không thấy được,
9:9b	không ăn uống gì. và ông không ăn và cũng không uống [bất cứ vật gì].
9:10a	Tại Đa-mách, có một môn đệ của Chúa tên là A-na-nia. Có một tín hữu [của Chúa Giê-su], tên là A-na-nia. [Ông ta là một người Do Thái ở] tại thành Đa-mách.
9:10b	Trong khải tượng, Chúa gọi: “A-na-nia!” Trong khi [A-na-nia đang thấy] một khải tượng, Chúa [Giê-su] nói với ông ta: “Hỡi A-na-nia!”
9:10c	Ông thưa: “Lạy Chúa, có con đây!” Ông trả lời: “Thưa Chúa, tôi nghe.”
9:11a	Chúa bảo: “Con hãy đứng dậy đến Phố Thăng, tìm trong nhà Giu-đa một người tên Sau-lơ quê ở Tạc-sơ, Chúa [Giê-su phán] với ông: “[Hãy ngưng việc ngươi đang làm, và] đi [ngay tức khắc] đến nhà Giu-đa ở trên đường Ngay Thăng và tìm gặp một người tên là Sau-lơ [là người] quê ở Tạc-sơ.
9:11b	vì người đang cầu nguyện Trong lúc này người đang cầu nguyện [với Ta].

một người tên Sau-lơ quê ở Tạc-sơ: Đây là người A-na-nia cần tìm. Có thể A-na-nia cần hỏi một người nào đó tại nhà Giu-đa để biết ông có thể gặp Sau-lơ tại đâu. Điều này cũng hàm ý rằng Sau-lơ đang có mặt tại đó. Sau-lơ quê ở Tạc-sơ, thị trấn của tỉnh Ci-li-si thuộc Tiểu Á. Bạn nên dùng những chi tiết ở đây gần giống như ở trong BDM, nhưng theo thứ tự thế nào cho hợp với ngôn ngữ của bạn.

9:11b

vì người đang cầu nguyện: Liên từ vì bày tỏ rằng nhóm từ này liên hệ đến lời phán của

Chúa trong 9:11a. Trong tiếng Hy-lạp có một từ ở thể mệnh lệnh cách đồng nghĩa với “hãy xem!” Điều này có lẽ bày tỏ rằng A-na-nia không thể biết được Sau-lơ đang làm gì trong lúc đó. Những bản chuyển ngữ tiếng Việt không chuyển ngữ từ này. Xem CDN của PKTCCN.

đang cầu nguyện: Thì của động từ bày tỏ Sau-lơ đang cầu nguyện trong lúc đó. Nếu trong ngôn ngữ bạn cần có bổ ngữ cho động từ *cầu nguyện* bạn có thể nói “vì người đang cầu nguyện với Ta.”

9:12a

Có lẽ bạn nên bắt đầu một câu mới ở đây. Xem CĐN của PKTCCN.

và đã thấy trong khải tượng một người tên A-na-nia bước vào: Không phải tất cả bản chuyển ngữ đều có nhóm từ *trong khải tượng*. Tuy nhiên, ở đây hàm ý rằng bằng một cách siêu nhiên Đức Chúa Trời làm cho Sau-lơ thấy một người tên A-na-nia bước vào trước khi Sau-lơ thực sự gặp A-na-nia. Chỉ có BDM có nhóm từ *trong khải tượng* nhưng nó giúp cho người đọc hiểu được thế nào Sau-lơ thấy A-na-nia bước vào.

khải tượng: Xem 2:17c cho từ *khải tượng*.

một người tên A-na-nia: Cho CĐN của PKTCCN, bạn cần theo hoặc (1) hay (2) cho 9:12a và 9:12b.

9:12b

đặt tay trên mình để được sáng mắt lại: Trong khải tượng A-na-nia đặt tay mình trên Sau-lơ để Sau-lơ được sáng mắt trở lại. Theo văn bản ở đây cũng như trong 9:17 đều không đề cập đến, chỗ nào trên người Sau-lơ, A-na-nia đặt tay lên. Tuy nhiên, nếu bạn thấy cần, bạn có thể nói A-na-nia đặt tay trên đầu hay trên mắt của Sau-lơ.

9:13a

A-na-nia thưa: “Lạy Chúa, con đã nghe nhiều người nói về người này: Trong bản Hy-lạp có một liên từ, đôi khi được chuyển ngữ là “nhưng,” để giới thiệu câu trả lời của A-na-nia. Những gì A-na-nia nói bày tỏ rằng ông lo sợ vì những gì ông đã nghe về Sau-lơ. Do đó, A-na-nia chống việc Chúa Giê-su bảo mình đi gặp Sau-lơ.

Lạy Chúa: A-na-nia chỉ dùng từ *Chúa* để chỉ về Chúa Giê-su. Trong BDM thêm từ *lạy* bày tỏ sự lễ phép của A-na-nia cho phù hợp với ngôn ngữ của người Việt. Có những ngôn ngữ khác đổi thành “Chúa” hay “Chúa

tôi” để phù hợp với tập quán của họ. Bạn nên diễn tả thế nào cho phù hợp với phong tục của bạn.

9:13b

về bao nhiêu việc ác ông ta đã làm cho các thánh đô tại Giê-ru-sa-lem: Phần này của câu 9:13 và 9:14 cho biết người ta nói gì về Sau-lơ. Bạn có thể chuyển ngữ như “Sau-lơ đã gây cho người của Chúa nhiều nỗi đau đớn.”

các thánh đô: Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này là “*các thánh đô* của Chúa.” BDM không chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đây là một cách nói để chỉ những người thuộc về Chúa Giê-su vì họ tin Ngài. Thoạt tiên, Sau-lơ khủng bố những tín hữu tại thành phố Giê-ru-sa-lem. Nhưng sau đó, theo 26:11, ông “ra tận các thành phố ngoại quốc để bắt bớ họ.”

9:14a

ông ta đã được các thượng tế ủy quyền: Câu này cho biết tại sao A-na-nia sợ Sau-lơ. Ông nghe những việc rất khủng khiếp mà Sau-lơ đã làm cho những tín hữu tại Giê-ru-sa-lem. Bằng chứng là người ta đã nói cho A-na-nia biết các thượng tế đã ủy quyền cho Sau-lơ thi hành những khủng bố tương tự đối với các tín hữu tại thành Đa-mách. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này “được các thượng tế ủy quyền” giống như trong CĐN của PKTCCN. Xem Lời Giải Nghĩa cho *các thượng tế ủy quyền* trong 4:23b.

9:14b

để bắt giam tất cả những người kêu cầu danh Chúa!: Đây cho biết lý do Sau-lơ đến Đa-mách. Động từ trong tiếng Hy-lạp được chuyển ngữ ở đây như *bắt giam* theo nghĩa đen là “trói/buộc” người ta để bỏ vào tù. Các từ “cả nam lẫn nữ” trong 9:2 cho thấy rằng *tất cả* có nghĩa là tất cả mọi tín hữu cả nam lẫn nữ ở thành Đa-mách.

9:12a	<p>và đã thấy trong khái tượng một người tên A-na-nia bước vào (I) Trong khi [Sau-lơ thấy] một khái tượng, ông thấy một người tên A-na-nia đi vào [căn nhà nơi ông đang ở] -HAY- (II) [Ta] cho hắn thấy một khái tượng [rằng] một người, tên A-na-nia, đến với [hắn]</p>
9:12b	<p>đặt tay trên mình để được sáng mắt lại.” (I) và đặt tay trên mình Phao-lô để mắt hắn sáng lại.” -HAY- (II) và đặt tay người trên mắt hắn để hắn được thấy trở lại.”</p>
9:13a	<p>A-na-nia thưa: “Lạy Chúa, con đã nghe nhiều người nói về người này, Tuy nhiên, A-na-nia [rất sợ hãi nên] trả lời: “Thưa Chúa, con nghe nói nhiều về người này. -HAY- Nhưng A-na-nia nói: “[Thưa] Chúa, nhiều người nói với tôi về người này.</p>
9:13b	<p>về bao nhiêu việc ác ông ta đã làm cho các thánh đồ tại Giê-ru-sa-lem. Ông đã giết hại nhiều người tin Chúa ở Giê-ru-sa-lem. -HAY- Ông đã làm cho người của Chúa ở Giê-ru-sa-lem gặp nhiều khó khăn.</p>
9:14a	<p>Bây giờ ở đây, ông ta đã được các thượng tế ủy quyền Các thượng tế cho phép hắn đi đến [thành Đa-mách] -HAY- Các thượng tế bảo ông ta có thể đi đến [thành Đa-mách]</p>
9:14b	<p>để bắt giam tất cả những người kêu cầu danh Chúa!” để bắt tất cả [những người] tin Ngài [và đem về Giê-ru-sa-lem].”</p>
9:15a	<p>Nhưng Chúa bảo A-na-nia: “Con cứ đi Nhưng, Chúa [Giê-su] nói với A-na-nia: “Hãy đi [gặp Sau-lơ]! -HAY- Tuy nhiên Chúa [Giê-su] phán với A-na-nia: “Hãy đi [đến gặp Sau-lơ]!</p>

tất cả những người kêu cầu danh Chúa: Động từ trong tiếng Hy-lạp, được chuyển ngữ là *kêu cầu*, có nghĩa là kêu xin một đấng nào đó. Ở đây *danh Chúa* nói về chính Chúa Giê-su. Các từ *tất cả những người kêu cầu danh Chúa* chỉ về tất cả

những người tin nhận Chúa Giê-su là Chúa của họ.

9:15a

Nhưng Chúa bảo A-na-nia: “Con cứ đi: *Nhưng* nói lên sự trái ngược giữa điều Chúa Giê-su phán và sự sợ hãi của A-na-nia (9:13-14). *Chúa* ở đây chỉ về Chúa Giê-su.

9:15b

vì người này là một lợi khí Ta đã chọn:

Trong 9:15b-16, Chúa Giê-su bảo A-na-nia tại sao Ngài muốn A-na-nia đi gặp Sau-lơ. Khi A-na-nia nghe những lời: “Ta đã chọn để truyền bá danh Ta,” chắc A-na-nia nghĩ rằng Sau-lơ đã trở thành tín hữu của Chúa Giê-su.

9:15c

để truyền bá danh Ta trước mặt các dân tộc ngoại quốc, các vua và con dân Y-sơ-ra-ên:

Ở đây Chúa Giê-su nói mục đích Ngài chọn Sau-lơ. Để truyền bá danh Ta có nghĩa là “nói cho dân chúng về Ta.” Lần nữa, *danh* nói đến chính con người của Chúa Giê-su, không phải chỉ tên Ngài. Phần còn lại của câu này ghi những dân tộc Sau-lơ phải làm chứng: Những người không phải gốc Do Thái và có lẽ vua của các nước ngoại bang, và cuối cùng *con dân Y-sơ-ra-ên*. Nên nhớ rằng người Do Thái ghét người ngoại quốc, điều rất đặc biệt ở đây là Chúa Giê-su nói đến người ngoại quốc trước tiên.

9:16

Ta sẽ cho Sau-lơ biết phải chịu bao nhiêu

đau khổ vì danh Ta: Trong bản Hy-lạp, có một liên từ đồng nghĩa với “bởi vì.” Nó bày tỏ rằng câu này là một phần trong lời phán căn bản của Chúa Giê-su với A-na-nia về việc đi gặp Sau-lơ. Có một vài bản chuyển ngữ giới thiệu câu này với từ “và,” nhưng các bản tiếng Việt không có liên từ ở đây. Một vài bản chuyển ngữ cũ dùng từ “vì” để giới thiệu mệnh đề này.

Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng *Ta sẽ cho Sau-lơ biết phải chịu bao nhiêu đau khổ* nói đến việc Chúa Giê-su cho Sau-lơ những kinh nghiệm về sự đau khổ. Theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng bạn có thể chuyển ngữ đại danh từ *Ta* như “chính Ta” hay “chính cá nhân Ta.” Điều này hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ ở cùng Sau-lơ khi người ta làm cho ông bị đau đớn. Theo tiếng Hy-lạp, *bao nhiêu* chuyển ngữ theo từng chữ là “thế nào rất nhiều điều.” Thì của động từ *phải* cho thấy rằng Phao-lô sẽ tiếp tục *chịu bao nhiêu đau khổ*. Bạn có

thể chuyển ngữ “thường” như trong CĐN của PKTCCN.

vì danh Ta: Dưới đây là hai cách có thể giải thích giới từ *hyper* trong tiếng Hy-lạp:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó giới thiệu lý do Sau-lơ chịu đau khổ, giống như trong CĐN của PKTCCN.
- (2) Một số khác cho rằng nó giới thiệu mục đích của sự đau khổ Sau-lơ thường phải đối diện. Theo như giải nghĩa ở đây, bạn có thể chuyển ngữ 9:16 như sau:

Chính Ta cũng sẽ chỉ/bảo cho Sau-lơ biết những đau khổ phải chịu để có thể rao truyền cho dân chúng về Ta.”

Cách chuyển ngữ (1) có vẻ hợp lý hơn (2). Nhưng cả hai đều có thể đúng sự thật.

danh Ta: Trong câu này *danh Ta* nói về chính Chúa Giê-su, vì thế bạn có thể chuyển ngữ “Ta.”

9:17a

A-na-nia ra đi, bước vào nhà ấy: Bạn có thể bắt đầu câu này với chữ “do đó” vì nó cho thấy A-na-nia vâng lời Chúa Giê-su bảo ông đến gặp Sau-lơ tại nhà Giu-đa.

A-na-nia ra đi, bước vào nhà ấy hàm ý rằng A-na-nia biết rõ chỗ ở của Giu-đa. Và cũng bày tỏ, vì những gì Chúa Giê-su bảo, nên A-na-nia không còn sợ Sau-lơ nữa.

Bước vào nhà ấy hàm ý rằng khi bước vào trong nhà A-na-nia cũng gặp Sau-lơ.

9:17b

đặt tay trên Sau-lơ: Cùng một hành động diễn tả trong 9:12b và chắc chắn nó có cùng mục đích: để giúp cho mắt Sau-lơ được sáng trở lại. A-na-nia cũng đến để cầu nguyện cho Sau-lơ sẽ được “đầy đầy Thánh Linh.” Xem Lời Giải Nghĩa cho các từ “đặt tay trên” trong câu 9:12b.

9:17c

mà bảo: “Anh Sau-lơ! Chúa đã sai tôi đến, chính Đức Giê-su đã hiện ra với anh trên con đường anh đi đến đây,:

mà bảo: “Anh Sau-lơ! Chúa...Giê-su...đã sai tôi đến: A-na-nia nhã nhận gọi Sau-lơ bằng *anh*. Có lẽ A-na-nia gọi Sau-lơ bằng *anh* vì tin chắc rằng cả hai đều tin vào Chúa Giê-su. Trong 22:1 Phao-lô cũng gọi

9:15b	vì người này là một lợi khí Ta đã chọn [Hãy đi,] vì Ta đã chọn người này để hầu việc Ta,
9:15c	để truyền bá danh Ta trước mặt các dân tộc ngoại quốc, các vua và con dân Y-sơ-ra-ên. để người này sẽ nói về Ta cho cả người ngoại quốc cùng các vua của họ và cho cả dân Y-sơ-ra-ên.
9:16	Ta sẽ cho Sau-lơ biết phải chịu bao nhiêu đau khổ vì danh Ta.” Chính Ta sẽ cho Sau-lơ biết, hẳn phải chịu nhiều đau đớn vì nói với dân chúng về Ta.”
9:17a	A-na-nia ra đi, bước vào nhà ấy, Vì thế, A-na-nia đi và [sau khi tìm được nhà] thì bước vào trong [nhà].
9:17b	đặt tay trên Sau-lơ Rồi, [gặp ngay Sau-lơ,] A-na-nia đặt tay trên Sau-lơ,
9:17c	mà bảo: “Anh Sau-lơ! Chúa đã sai tôi đến, chính Đức Giê-su đã hiện ra với anh trên con đường anh đi đến đây, và A-na-nia nói: “Anh Sau-lơ, Chúa Giê-su [chính Ngài] bảo tôi đến [với anh]. Ngài [cũng là] Đấng mà anh đã gặp trên đường ngay thẳng khi đi đến [đây].
9:17d	để anh được sáng mắt lại và đầy đầy Thánh Linh!” [Ngài sai tôi đến với anh] để anh có thể sáng mắt lại và Đức Thánh Linh sẽ kiểm soát anh một cách trọn vẹn.”

đám đông dân chúng người Do Thái là “anh,” có nghĩa là “các người anh Do Thái.”

Chúa...Giê-su: Trước khi gặp mặt, Chúa Giê-su hẳn đã cho A-na-nia biết về Sau-lơ.

đã hiện ra với anh trên con đường anh đi đến đây: Ở đây bày tỏ rằng Chúa Giê-su đã làm cho Sau-lơ thực sự gặp Ngài. Nhưng có lẽ ông nhìn thấy Chúa Giê-su chỉ trong chốc lát vì ánh sáng đã làm cho ông mù mắt ngay. Có những câu khác giúp cho ý này được sáng tỏ hơn ở trong 9:27, 22:14, và 26:16.

9:17d

để anh được sáng mắt lại và đầy đầy Thánh Linh!: Để anh cho thấy mục đích Chúa Giê-su sai A-na-nia đến gặp Sau-lơ. A-na-nia nói điều này (9:17c-d) trong khi ông đặt tay trên Sau-lơ (9:17b). Vì lý do đó, các học giả Kinh Thánh nghĩ A-na-nia có hai nhiệm vụ: (1) giúp Sau-lơ sáng mắt trở lại và (2) để ông được hoàn toàn điều khiển bởi Thánh Linh. Cho các từ *đầy đầy Thánh Linh* xem Lời Giải Nghĩa trong 2:4a. Cũng xem Lời Giải Nghĩa trong 1:2b cho từ *Thánh Linh*.

9:18a

Lập tức, có vật gì như vảy cá rơi ra khỏi mắt Sau-lơ nên ông thấy được: *Lập tức* có nghĩa ngay khi A-na-nia vừa nói xong những lời trong câu 9:17 thì việc này xảy ra.

vảy cá: Chữ Hy-lạp được dùng ở đây để diễn tả một vật gì giống như *vảy cá* hay một mảnh da nhỏ. Trong tiến trình ngắn ngủi này Đức Chúa Trời cho Sau-lơ sáng mắt trở lại, có một vật gì thực sự rớt ra từ hai mắt của Sau-lơ và lần đầu tiên trong ba ngày, ông được thấy trở lại.

9:18b

Ông liền đứng dậy: Đây hàm ý rằng Sau-lơ đang ngồi hay đang dựa vào một vật gì, và ông liền đứng dậy ngay sau khi mắt sáng lại.

chịu phép báp-tem: A-na-nia người duy nhất được nhắc đến ở đây, vì thế, có lẽ A-na-nia là người làm báp-tem cho Sau-lơ. Xem Lời Giải Nghĩa cho từ *báp-tem* trong câu 1:5a.

9:19a

Sau khi ăn uống, sức khỏe ông được bình phục: Vì trong ba ngày Sau-lơ chẳng ăn uống gì, nên sức khỏe ông chắc hẳn là yếu đuối. Sau khi sáng mắt lại và A-na-nia làm báp-tem cho ông, Sau-lơ ăn uống trở lại. Kết quả là ông lấy lại sức khỏe của mình.

Tiểu đoạn 9:19b-30 Sau-lơ giảng một cách mạnh mẽ và Ba-na-ba giới thiệu Sau-lơ với các môn đệ

Tiểu đoạn này gồm có bốn đơn vị sau đây: 9:19b-22, 23-25, 26-28, và 29-30. Ở Đa-mách nhiều người sùng sốt vì Sau-lơ tin Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế (9:19b-22). Sau-lơ trốn thoát khỏi tay những người âm mưu giết ông (9:23-25). Ba-na-ba giới thiệu Sau-lơ với tín hữu ở Giê-ru-sa-lem (9:26-28). Một số người Do Thái nói tiếng Hy-lạp tìm giết ông, do đó các tín hữu đưa ông trở về Tạc-sơ (9:29-30).

9:19b-22 Dân chúng ở thành Đa-mách sùng sốt vì Sau-lơ tin Chúa Giê-su

9:19b

Sau-lơ ở lại vài ngày với các môn đệ Chúa tại Đa-mách: Trong sách Công Vụ, Lu-ca thường dùng từ tổng hợp này để giới thiệu một đơn vị mới. Hầu hết các bản chuyển ngữ đều không có liên từ, nhưng chỉ bắt đầu một phân đoạn hay tiểu đoạn mới ở đây.

vài ngày: Đây nói đến một thời gian ngắn không nhất định bao lâu, khi Sau-lơ ở tại thành Đa-mách.

các môn đệ Chúa: Trong thời gian này Sau-lơ tiếp xúc với *các môn đệ*, đó là những người tin Chúa Giê-su. Chính là những người trước đây ông cố tìm bắt.

9:20a

Lập tức ông vào các hội đường Do Thái truyền giảng: Ngay sau khi Sau-lơ sáng mắt lại và sức khỏe được bình phục, ông bắt đầu giảng về Chúa Giê-su cho dân chúng. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp, được BDM chuyển ngữ là *truyền giảng*, bày tỏ rằng Sau-lơ bắt đầu và tiếp tục nói với dân chúng về Chúa Giê-su. Về nhóm từ *các hội đường Do Thái* xem Lời Giải Nghĩa của “hội đường tự do” trong câu 6:9a.

9:20b

rằng Đức Giê-su chính là Con Đức Chúa Trời: Đây là điểm chính trong những bài giảng của Sau-lơ. Nhờ gặp Chúa Giê-su một cách riêng tư, nên Sau-lơ biết rõ Chúa Giê-su không phải chỉ là một người đã chết. Động từ *là* xác nhận rằng Chúa Giê-su, trong lúc đó, Ngài đã sống lại.

- 9:18a** **Lập tức, có vật gì như vảy cá rơi ra khỏi mắt Sau-lơ nên ông thấy được.**
 Ngay tức khắc, vật gì như vảy [cá] rơi ra từ mắt của Sau-lơ, và ông nhìn thấy trở lại.
 -HAY-
 Ngay lập tức, có vật gì như miếng [da nhỏ] rơi ra khỏi mắt của Sau-lơ và ông có thể thấy được.
- 9:18b** **Ông liền đứng dậy, chịu phép báp-tem.**
 Rồi ông đứng dậy và [A-na-nia] báp-tem cho ông.
- 9:19a** **Sau khi ăn uống, sức khỏe ông được bình phục.**
 [Sau khi] Sau-lơ ăn [một ít] đồ ăn, ông bình phục trở lại.

Tiểu đoạn 9:19b-30 Sau-lơ giảng một cách mạnh mẽ và Ba-na-ba giới thiệu Sau-lơ với các môn đệ

- 9:19b** **Sau-lơ ở lại vài ngày với các môn đệ Chúa tại Đa-mách.**
 Sau-lơ ở lại với những tín hữu [khác] tại Đa-mách trong năm bảy ngày.
- 9:20a** **Lập tức ông vào các hội đường Do Thái truyền giảng**
 Ông liền bắt đầu giảng [cho dân chúng về Chúa Giê-su] trong nhà hội của người Do Thái [tại đó].
 -HAY-
 Ông liền bắt đầu nói [cho dân chúng] trong nhà hội của người Do Thái [tại đó] về Chúa Giê-su.
- 9:20b** **rằng Đức Giê-su chính là Con Đức Chúa Trời.**
 [Ông nói với dân chúng] rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.
 -HAY-
 [Ông nói với dân chúng:] “Người này, Giê-su, là Con của Đức Chúa Trời.”
- 9:21a** **Tất cả những người nghe đều sững sốt bảo:**
 Vì thế, tất cả [những người] nghe ông [nói] đều ngạc nhiên.

Con Đức Chúa Trời: Nhóm từ này bày tỏ rằng Chúa Giê-su chính là Đức Chúa Trời, như chính Ngài là một con người. Bạn có thể dùng cách nói trực tiếp hay gián tiếp như được trình bày trong CDN của PKTCCN.

9:21a

Tất cả những người nghe đều sững sốt: Có lẽ ở đây, phân chính, nói về người Do Thái

là những người nghe Sau-lơ giảng trong những buổi họp tại Đa-mách.

sững sốt: Nói đến phản ứng của họ về những gì họ nghe Sau-lơ nói. Điều làm cho họ ngạc nhiên là thái độ của Sau-lơ đối với Chúa Giê-su và môn đệ của Ngài hoàn toàn thay đổi.

9:21b

bảo: “*Không phải ông này đã giết hại những người cầu khẩn Danh đó tại Giê-ru-sa-lem:*” Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *bảo* cho thấy nhiều người khác nhau cứ lặp lại câu hỏi này nhiều lần. Theo trong bản Hy-lạp, đây là loại câu hỏi không cần câu trả lời. Bạn có thể chuyển ngữ như một câu nói thường. Xem CDN của PKTCCN.

đã giết hại: Tiếng Hy-lạp được dùng ở đây mang ý nghĩa “phá hủy.” BDM chuyển ngữ là *đã giết hại*, BDC và BDY chuyển ngữ từ này một cách tổng quát hơn “bất bớ” và “khủng bố.” Những từ này đều có ý ‘phá hủy.’

những người cầu khẩn Danh đó: Xem Lời Giải Nghĩa của “tất cả những người kêu cầu danh Chúa” ở 9:14b. Trong câu này, cũng như trong 9:14b, *Danh* ý nói đến con người của Chúa Giê-su.

9:21c

và đến đây: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp bày tỏ mục đích đầu tiên Sau-lơ đi đến thành Đa-mách không còn nữa.

nhằm mục đích bắt trời bợn ấy giải về cho các thượng tế sao?: Xem Lời Giải Nghĩa 9:2b của nhóm từ “trời lại giải về Giê-ru-sa-lem.”

các thượng tế: Xem Lời Giải Nghĩa 4:23b.

9:22a

Nhưng: *Nhưng* có lẽ không bày tỏ một sự tương phản, mà giới thiệu một ảnh hưởng khác khi Sau-lơ tin Chúa Giê-su. Đó là, 9:21 cho biết việc tin Chúa Giê-su của ông đã ảnh hưởng trên nhiều người khác, và 9:22a nói về ảnh hưởng đó cũng thấy rõ qua chính con người của Sau-lơ.

Sau-lơ ngày càng đầy quyền năng: Theo văn phạm của bản Hy-lạp, cho thấy rằng Đức Chúa Trời làm cho *Sau-lơ ngày càng đầy quyền năng*. Theo văn mạch, ở đây không nói đến sức mạnh của thân thể, nhưng đặc biệt, nói về sự thuyết phục trong bài giảng của ông đối với dân chúng về Chúa

Giê-su. Từ *ngày càng* bày tỏ ông tiếp tục phát triển về khả năng thuyết giảng của mình.

9:22b

bất bẽ những người Do Thái tại Đa-mách, lập luận chứng minh rằng Đức Giê-su chính là Chúa Cứu Thế: Thì của động từ *bất bẽ* và *lập luận*, trong tiếng Hy-lạp cho thấy Sau-lơ tiếp tục bất bẽ và lập luận.

bất bẽ những người Do Thái: Nhóm từ này cho thấy những người Do Thái ở đây chẳng có thể nghĩ ra được những điều gì để chống đối lập luận của ông.

lập luận chứng minh: Nhóm từ này hàm ý rằng Sau-lơ dùng những đoạn Kinh Thánh trong CỨ nói về Đấng Đáng Cứu Thế để thuyết phục mọi người rằng Chúa Giê-su làm thành những lời tiên tri đó.

Chúa Cứu Thế: *Chúa Cứu Thế* được dùng ở đây như một danh hiệu nói về một Đức Chúa Trời sai đến để cứu nhân loại.

9:23-25 Sau-lơ trốn khỏi những kẻ tìm giết ông

9:23a

Nhiều ngày trôi qua: Một số học giả Kinh Thánh cho rằng thời gian ở đây là “ba năm” mà Phao-lô nói trong Ga-la-ti 1:17-18, hợp vào khoảng giữa các câu 9:22 và 9:23. Đây có lẽ vì Phao-lô nói trong Ga-la-ti rằng sau khi đầu phục Chúa, ông đi Á-rập, rồi trở lại Đa-mách, và “sau ba năm” ông lên thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng nhóm từ *nhiều ngày* bày tỏ một thời gian không giới hạn, mà bạn có thể chuyển ngữ “một thời gian lâu dài.” Trong phân ghi chú bạn có thể giải thích *nhiều ngày* ở đây có thể là “ba năm,” nhưng không nên để những chi tiết này vào bản chuyển ngữ của bạn.

9:23b

người Do Thái bàn kế giết Sau-lơ: Đây có thể chỉ về những người lãnh đạo Do Thái tại thành Đa-mách. *Bàn kế giết Sau-lơ* có nghĩa là họ họp nhau, có những kế hoạch hãn hoi trong chủ trương giết Sau-lơ. Họ không thể

9:21b “Không phải ông này đã giết hại những người cầu khẩn Danh đó tại Giê-ru-sa-lem

[Có những người khác nhau] trong bọn họ nói: “[Thực khó cho chúng tôi có thể tin] người này [chính là người] đã giết hại nhiều người, là những người tin đến [Giê-su] tại Giê-ru-sa-lem.

-HAY-

Họ hỏi [lẫn nhau]: “Có phải đây [cũng chính là người] đã tìm cách giết hại nhiều người tại Giê-ru-sa-lem, vì những người đó tôn kính người có tên là [Giê-su]?”

9:21c và đến đây nhằm mục đích bắt trói bọn ấy giải về cho các thượng tế sao?”

Ông [quyết định] đến đây để tìm bắt những Cơ Đốc nhân [ở đây] đem [họ] về [Giê-ru-sa-lem để] thầy cả thượng phẩm [có thể kết án họ].”

9:22a Nhưng Sau-lơ ngày càng đầy quyền năng

[Đức Chúa Trời] ban quyền phép cho Sau-lơ [giảng cho nhiều người] với đầy sự thuyết phục.

9:22b bắt bẻ những người Do Thái tại Đa-mách, lập luận chứng minh rằng Đức Giê-su chính là Chúa Cứu Thế.

Ông đã làm chứng [bằng Kinh Thánh] rằng Chúa Giê-su là Đấng cứu chuộc, vì thế những người Do Thái cư ngụ tại Đa-mách chẳng suy nghĩ ra được một điều gì để [cãi lại].

9:23a Nhiều ngày trôi qua,

Sau một thời gian [từ khi Sau-lơ đến Đa-mách],

9:23b người Do Thái bàn kế giết Sau-lơ,

có một số người Do Thái [ở đây] tìm cách để giết Sau-lơ.

-HAY-

một số [nhà lãnh đạo của] người Do Thái [họp lại với nhau và] lập mưu tìm giết ông.

9:24a nhưng ông biết được âm mưu đó.

Tuy nhiên, [có một đôi người] báo cho Sau-lơ rằng có những người Do Thái tìm cách [giết ông].

-HAY-

Tuy nhiên, Sau-lơ nghe [có người báo cho ông] những gì các người Do Thái hoạch định [để làm].

thắng ông về tranh luận, nên quyết định giết ông.

9:24a

nhưng ông biết được âm mưu đó: Sau-lơ giảng về Chúa Giê-su tại các hội đường trong thành Đa-mách, do đó, chắc ông có quen một số người Do Thái ở những nơi đó. Trong số này có người biết được âm mưu

của những nhà lãnh đạo của mình muốn giết Sau-lơ, nên cho Sau-lơ biết về những kế hoạch này. Chắc Sau-lơ cũng được cho biết một cách chi tiết các nhà lãnh đạo bàn tính để giết Sau-lơ như thế nào.

9:24b

Họ canh giữ rất nghiêm mật các cổng thành cả ngày lẫn đêm để bắt giết ông: Ở đây Lu-ca nói rõ đến một trong những việc các nhà lãnh đạo Do Thái thực hiện. Trong 2 Cô-rinh-tô 11:32 Phao-lô viết: “Tại Đa-mách, tổng đốc của vua A-rê-ta (cho lính) canh gác thành để bắt tôi.” Thực ra, những nhà cầm quyền thành phố ra lệnh cho các nhà lãnh đạo Do Thái đặt lính canh tại các cổng thành.

thành: Tường xây bằng đá, cao đủ để cho người và súc vật không thể trèo qua, và được xây quanh chu vi thành phố có chứa những cổng để ra vào, thành có bề ngang rộng đủ để có thể cất nhà lên trên. Họ tìm kiếm Sau-lơ trong đám người ra vào các cổng, vì cổng là những nơi duy nhất cho việc lưu thông. Theo những gì Phao-lô viết, nhà cầm quyền thành phố ra lệnh bắt giữ ông. Nhưng những quân lính thì canh giữ suốt ngày lẫn đêm với ý định bắt giết ông.

9:25a

Nhưng ban đêm: Nhưng bày tỏ sự tương phản giữa kẻ thù của Sau-lơ mưu định và những người bạn muốn giúp ông. Không một chút nghi ngờ, họ chọn cách an toàn nhất. Họ cũng chọn đi *ban đêm*, để khỏi phải gặp nhiều người, và không bị tiết lộ.

các môn đệ Chúa: Ở đây có sự khác biệt giữa các bản tiếng Việt khi chuyển ngữ nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các bản bằng tiếng Hy-lạp đều dùng chung một từ đồng nghĩa với “môn đệ của Sau-lơ” (không có bản chuyển ngữ tiếng Việt nào dùng cách chuyển ngữ này). Điều chú trọng ở đây là những người này tin Chúa Giê-su qua sự giảng dạy của Sau-lơ.
- (2) Chỉ là “các môn đệ” theo một ý nghĩa thông thường. BDM thêm từ “Chúa” và BDY dùng nhóm từ “các tín hữu.”

Đúng ra nên đọc là “môn đệ của Sau-lơ,” để chỉ về những người trở thành tín hữu Chúa Giê-su qua sự giảng dạy của Phao-lô.

đem ông: Từ ngữ *đem ông* có nghĩa đen là họ nắm tay và đưa Sau-lơ đi. Tuy nhiên, hầu

hết các nhà thần học nghĩ rằng họ hướng dẫn bằng cách cùng đi với ông.

9:25b

đặt vào cái thúng dòng giầy thả xuống bên ngoài tường thành: Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể nói rõ rằng người ta dùng giầy buộc vào một cái thúng, để Sau-lơ ngồi trong thúng và dòng xuống bên ngoài thành. Bản văn hàm ý rằng Phao-lô trốn thoát từ Đa-mách đi đến Giê-ru-sa-lem. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể không cần chi tiết này, vì trong câu 9:26 cho biết Sau-lơ không còn ở Đa-mách nữa.

9:26-28 Ba-na-ba giới thiệu Sau-lơ với các tín hữu khác tại Giê-ru-sa-lem

9:26a

Về đến Giê-ru-sa-lem, ông cố gắng gia nhập với các môn đệ Chúa: Mệnh đề thứ nhất cho thấy Sau-lơ thực sự thoát khỏi tay kẻ thù của ông tại thành Đa-mách. Kể từ khi rời Giê-ru-sa-lem lên thành Đa-mách để bắt bớ tín hữu đến lúc trở lại khoảng ba năm. Trong thời gian Sau-lơ không có mặt tại Giê-ru-sa-lem, có lẽ có một số tín hữu trở lại đó. Xem Lời Giải Nghĩa cho nhóm từ *các môn đệ* ở câu 6:1a.

9:26b

tất cả: Từ *tất cả* ở đây chỉ có ý “hầu hết tất cả,” vì ít nhất cũng có Ba-na-ba tin rằng Sau-lơ đã trở thành một tín hữu.

đều góm sợ, không tin: Thì của các động từ này cho biết vì Phao-lô từng là kẻ thù của họ, họ vẫn còn sợ Sau-lơ và không tin rằng ông là một tín hữu thật trong Chúa Giê-su.

9:27a

Nhưng Ba-na-ba nhận ông, đưa đến gặp các sứ đồ: Nhưng bày tỏ sự trái ngược giữa Ba-na-ba và những tín hữu khác về thái độ của họ đối với Sau-lơ. Bạn có thể chuyển ngữ là “do đó,” vì nó nói lên phản ứng của Ba-na-ba đối với nan đề của Sau-lơ. (Lu-ca giới thiệu về Ba-na-ba trong 4:36-37.)

nhận ông, đưa đến gặp các sứ đồ: Theo nghĩa đen trong tiếng Hy-lạp có nghĩa

9:24b	Họ canh giữ rất nghiêm mật các cổng thành cả ngày lẫn đêm để bắt giết ông. [Suốt cả] ngày lẫn đêm họ luôn canh chừng [những người ra vào] các cổng thành, để [khi thấy Sau-lơ] họ có thể giết ông.
9:25a	Nhưng ban đêm, các môn đệ Chúa đem ông Vì thế, [sau khi các môn đệ của Sau-lơ biết điều này] vào [ban] đêm họ đưa Sau-lơ [lên đầu vách thành].
9:25b	đặt vào cái thúng dòng giây thả xuống bên ngoài tường thành. Họ đặt ông vào trong một cái thúng [dùng dây để] hạ ông xuống phía ngoài thành qua một lỗ trống của tường. [Nhờ đó ông trốn thoát khỏi được thành Đa-mách.]
9:26a	Về đến Giê-ru-sa-lem, ông cố gắng gia nhập với các môn đệ Chúa Khi đến Giê-ru-sa-lem, Sau-lơ bắt đầu tìm cách liên lạc với các tín hữu khác.
9:26b	nhưng tất cả đều gớm sợ, không tin rằng ông là môn đệ thật. Tuy nhiên, [hầu hết] vẫn tiếp tục sợ hãi [rằng ông sẽ bắt bớ họ], [vì] họ không tin rằng Sau-lơ đã trở thành môn đệ [của Chúa Giê-su]. <i>-HAY-</i> Nhưng [hầu hết] những người này vẫn cứ sợ [rằng ông sẽ bắt họ] Họ [vẫn] nghĩ rằng ông chưa [thực sự] trở thành một tín hữu thật [trong Chúa Giê-su].
9:27a	Nhưng Ba-na-ba nhận ông, đưa đến gặp các sứ đồ Nhưng Ba-na-ba giúp và đem ông giới thiệu với các sứ đồ.
9:27b	và tường thuật cách ông được thấy Chúa trên đường, được Chúa phán dạy Ba-na-ba kể lại cho các sứ đồ, việc Sau-lơ đã gặp Chúa [Giê-su] như thế nào [khi Sau-lơ đang đi] trên con đường [đến thành Đa-mách], và Chúa nói chuyện với ông [tại đó].

“nắm tay dẫn đi.” Cũng có thể Ba-na-ba làm như thế. Tuy nhiên, ý nghĩa thật là Ba-na-ba giúp Sau-lơ bằng cách giới thiệu với các sứ đồ.

các sứ đồ: Cho từ *sứ đồ* xem Lời Giải Nghĩa trong 1:2a. (Theo Ga-la-ti 1:18-19, Phao-lô chỉ gặp hai sứ đồ Phê-rô và Gia-cơ.)

9:27b

và tường thuật cách ông được thấy Chúa trên đường, được Chúa phán dạy: Đây hàm ý rằng Ba-na-ba nghe và tin Sau-lơ, khi ông

kể lại thế nào ông đã trở nên tín hữu của Chúa Giê-su. Do đó Ba-na-ba giải thích cho các sứ đồ về việc Sau-lơ... *được thấy Chúa*. Chắc chắn Ba-na-ba cũng nói lại cho các sứ đồ là Chúa Giê-su đã nói gì với Sau-lơ (9:4-5).

trên đường: Đây nói về cuộc hành trình của Sau-lơ đến thành Đa-mách để bắt bớ tín hữu ở đó.

Chúa: Đây nói về Chúa Giê-su, theo lời nói của A-na-nia trong 9:17.

9:27c

và cách ông mạnh dạn truyền giảng tại

Đa-mách: Thêm vào đó, Ba-na-ba cho các sứ đồ biết rằng Sau-lơ giảng và thuyết phục dân chúng tin vào Chúa Giê-su như thế nào khi ông còn ở tại thành Đa-mách. Sau-lơ không còn khùng bố tín hữu như trước nữa.

ông mạnh dạn truyền giảng Theo bản Hy-lạp có nghĩa đen là “ông nói một cách mạnh dạn.” Mệnh đề này hàm ý rằng ông không sợ bị bắt bớ bởi bất cứ một người nào.

nhân danh Đức Giê-su: Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ nhóm từ này:

- (1) Một số nhà thần học nghĩ rằng ở đây nói đến chủ đề giảng luận của Sau-lơ. Có nghĩa là, Sau-lơ nói một cách mạnh dạn với dân chúng về Chúa Giê-su.
- (2) Một số khác cho rằng nhóm từ này có ý nói Chúa Giê-su ban quyền phép cho Sau-lơ giảng về Ngài.

Cách chuyển ngữ thứ nhất có lẽ hợp với văn mạch hơn, vì Chúa Giê-su là đề tài của sự giảng dạy. Một lần nữa, *nhân danh Đức Giê-su* là một cách nói về chính Ngài.

9:28a

Vậy, Sau-lơ ở lại với họ, tự do ra vào thành Giê-ru-sa-lem: *Vậy* bày tỏ rằng những gì Ba-na-ba nói với các sứ đồ thuyết phục được họ và họ tin rằng Sau-lơ thực sự tin Chúa Giê-su. Các sứ đồ cũng báo cho các tín hữu khác việc Sau-lơ tin Chúa Giê-su.

họ: Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ đại danh từ *họ*:

- (1) Kể cả những tín hữu khác và các sứ đồ.
- (2) Chỉ nói về các sứ đồ, vì trong kinh văn nhắc đến họ sau cùng trong 9:27. Theo cách này, bạn có thể chuyển ngữ câu 9:28a như sau:

[Các sứ đồ tin những gì Ba-na-ba nói về Sau-lơ.] Do đó Sau-lơ bắt đầu cùng đi với các sứ đồ, mỗi lần họ đi lên thành Giê-ru-sa-lem.

Cách chuyển ngữ (1) có lẽ đúng hơn, vì 9:26 nói đến “các môn đệ” và 9:30 nhắc đến “các anh em tín hữu,” họ tống Sau-lơ đi đến Sê-sa-rê. Cả hai từ này đều nói về tín hữu một cách tổng quát.

ở lại với họ, tự do ra vào: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Sau-lơ bắt đầu và tiếp tục đi lại với các sứ đồ và còn hàm ý rằng Sau-lơ cũng tiếp xúc với tín hữu khác tại thành phố Giê-ru-sa-lem.

9:28b

mạnh dạn truyền giảng: Xem Lời Giải Nghĩa “mạnh dạn truyền giảng” của câu 9:27c.

trong danh Chúa: Đây nói đến Chúa Giê-su. Xem Lời Giải Nghĩa “nhân danh Đức Giê-su” trong câu 9:27c. Để ý CĐN của PKTCCN trong câu 9:28b giống 9:27c.

9:29-30 Các tín hữu đưa Sau-lơ đến Tạc-sơ vì các người Do Thái tìm cách giết ông

9:29a

Ông cũng nói chuyện và tranh luận với những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp: Thì của hai động từ trong tiếng Hy-lạp, *nói chuyện* và *tranh luận*, cho thấy rằng Sau-lơ bắt đầu và tiếp tục làm những việc này. Về từ *nói chuyện* Lu-ca dùng từ này một cách thông dụng để nói chuyện với người khác. Động từ *tranh luận* hàm ý rằng Sau-lơ dùng Kinh Thánh để thuyết phục họ, giống như Sê-tiên đã làm khi ông bị nhiều người chống đối. Cho từ *tranh luận* xem Lời Giải Nghĩa của câu 6:9c.

những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp: Xem Lời Giải Nghĩa *các tín hữu Hy Lạp gốc Do Thái* của 6:1b.

9:29b

nhưng họ tìm cách ám sát ông: Hầu hết các bản chuyển ngữ dùng từ *nhưng* để giới thiệu mệnh đề này. Tuy nhiên, bạn có thể dùng một từ tương tự như “vì thế,” ở đây bày tỏ phản ứng của dân chúng đối với Sau-lơ khi ông nói cho họ về Chúa Giê-su. Điều này hàm ý rằng họ thất bại trong việc tranh luận với ông và phản ứng của họ giống hệt phản ứng của những người chống Sê-tiên. Thì của động từ *tìm cách*, trong tiếng Hy-lạp, cho thấy rằng họ luôn suy nghĩ về những cách

9:27c	<p>và cách ông mạnh dạn truyền giảng tại Đa-mách nhân danh Đức Giê-su. [Ba-na-ba] cũng [cho các sứ đồ biết] Sau-lơ đã giảng một cách thật mạnh dạn về Chúa Giê-su [cho dân chúng] ở Đa-mách. -HAY- [Ba-na-ba] cũng [bảo các sứ đồ] rằng Sau-lơ không sợ hãi nói về Chúa Giê-su cho [dân chúng] ở thành Đa-mách.</p>
9:28a	<p>Vậy, Sau-lơ ở lại với họ, tự do ra vào thành Giê-ru-sa-lem, [Các sứ đồ tin lời Ba-na-ba và báo cho các tín hữu khác về việc này.] Nhờ đó, Sau-lơ bắt đầu lui tới giao thiệp với các sứ đồ [và với các tín hữu khác] khắp thành Giê-ru-sa-lem,</p>
9:28b	<p>mạnh dạn truyền giảng trong danh Chúa. và ông mạnh dạn nói với [dân chúng] về Chúa Giê-su. -HAY- và ông tiếp tục nói [với dân chúng] về Chúa [Giê-su và] không sợ bất cứ một người nào.</p>
9:29a	<p>Ông cũng nói chuyện và tranh luận với những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp Sau-lơ [cũng] nói về [Chúa Giê-su] với những người Do Thái nói tiếng Hy-lạp và ông cũng dùng [Kinh Thánh] mà tranh luận với họ.</p>
9:29b	<p>nhưng họ tìm cách ám sát ông. Nhưng họ vẫn tiếp tục cố gắng [suy nghĩ tìm cách] để giết ông.</p>
9:30a	<p>Được tin ấy, các anh em tín hữu Khi những tín hữu [khác] biết rằng [người ta hoạch định để giết ông],</p>
9:30b	<p>đưa ông xuống Sê-sa-rê rồi phái đi Tạc-sơ. [một số tín hữu] đem Sau-lơ đến thành Sê-sa-rê, và ở đó họ chuẩn bị đưa ông đi đến Tạc-sơ bằng đường biển.</p>

giết Sau-lơ, thay vì chỉ định giết ông nhiều lần nhưng thất bại.

9:30a

Được tin ấy: Động từ trong tiếng Hy-lạp ở đây có nghĩa đen là “biết.” Bằng cách nào đó, những người tin Chúa biết những kẻ chống Sau-lơ chuẩn bị kế hoạch để giết ông. Kinh Thánh không cho biết bằng cách nào họ biết được tin đó.

các anh em tín hữu: Nhóm từ, *các anh em*, hàm ý rằng những tín hữu khác ở Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu xem Sau-lơ như một người

trong nhóm của họ. Xem Lời Giải Nghĩa cho từ “nhóm anh em” ở 1:15a.

9:30b

đưa ông xuống Sê-sa-rê rồi phái đi Tạc-sơ: Về danh từ *Sê-sa-rê* xem Lời Giải Nghĩa ở câu 8:40b.

Dưới đây là hai cách giải thích liên quan đến việc Sau-lơ đi Tạc-sơ bằng cách nào:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng các tín hữu chuẩn bị cho Sau-lơ đáp tàu ở Sê-sa-rê để đi đến Tạc-sơ, là nơi sinh trưởng của ông.

- (2) Một số khác nghĩ rằng Sau-lơ đi từ Sê-sa-rê đến Tạc-sơ bằng đường bộ. Theo cách giải nghĩa này, bạn có thể chuyển ngữ 9:30b như dưới đây:

[một vài tín hữu] đưa Sau-lơ đến [thành]
Sê-sa-rê và [từ đó] ông đi đến [thành]
Tạc-sơ.

Cách chuyển ngữ (1) có thể đúng hơn, vì theo văn phạm của tiếng Hy-lạp ở đây hàm ý

rằng Sau-lơ đi một mình từ Sê-sa-rê đến Tạc-sơ. Đây cũng hàm ý rằng những người đưa ông đến Sê-sa-rê an toàn coi như công tác của họ chấm dứt. Nếu Sau-lơ dùng đường bộ để đi đến Tạc-sơ chắc những người hộ tống ông sẽ phải tiếp tục đi với ông cho đến nơi.

Tạc-sơ: Xem Lời Giải Nghĩa ở câu 9:11b.

Phân đoạn phụ 9:31 Hội thánh ở Y-sơ-ra-ên được bình yên và có nhiều người tin Chúa

Đây là câu Kinh Thánh quan trọng giữ vai trò kết luận của phân đoạn thứ hai (6:8-9:31). Sau-lơ từng là người dẫn đầu cho việc khủng bố các tín hữu. Nhưng bây giờ ông tin Chúa Giê-su, chắc chắn việc này đem lại sự yên ổn cho những người tin Chúa Giê-su. Trong khi các tín hữu đang hưởng sự bình yên trên xứ Do Thái, Đức Chúa Trời giúp đỡ cho đức tin của họ lớn mạnh và vâng lời Ngài. Đức Thánh Linh khiến họ mạnh dạn nói về Chúa Giê-su cho dân chúng, nên có rất nhiều người tin vào Chúa Giê-su.

9:31a

hội thánh: Đây có thể nói đến những người tin Chúa họp lại với nhau thành nhiều nhóm và ở nhiều nơi khác nhau.

khắp vùng Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri: Trong câu này Lu-ca tóm tắt diễn tiến những việc mà Đức Chúa Trời giúp đỡ các tín hữu thực hiện, mặc dù Sau-lơ sát hại những người tin Chúa rất khủng khiếp, sau khi Sê-tiên bị dân chúng ném đá chết. Ngay khi bắt đầu phân đoạn này (6:8) cộng đồng của những người tin Chúa Giê-su chỉ giới hạn trong thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng đến thời gian ở câu 9:31, cộng đồng của những người tin Chúa, được gọi là “Hội Thánh” hay “nhiều Hội Thánh,” xuất hiện *khắp vùng* trong nước Do Thái, đặc biệt, là các vùng thuộc tỉnh Rô-ma như *Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri*. Điều đó nhắc lại những gì Chúa Giê-su đã bảo môn đệ của Ngài trong 1:8, “...các con sẽ làm nhân chứng cho Ta tại Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri ...” Kể cả tỉnh *Ga-li-lê*, những nơi này đã làm thành một vùng rộng lớn trong phần đất của Do Thái.

được bình an một thời gian: Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này “trong lúc đó

không có một người nào tìm bắt các tín hữu.”

9:31b

Hội thánh được xây dựng, sống trong sự kính sợ Chúa, và nhờ Đức Thánh Linh nâng đỡ: Theo tiếng Hy-lạp, chỗ này hơi khó hiểu. Tiếng Hy-lạp trong câu 9:31b-c theo nghĩa đen là “[hội thánh] bắt đầu thành lập xây dựng [=phát triển] và được tiếp tục [=sống] trong sự kính sợ Đức Chúa Trời-sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh được gia tăng gấp bội.” *Hội thánh* đây nói đến tất cả các tín hữu của Chúa Giê-su trên toàn đất nước Do Thái.

được xây dựng: Đây là một thành ngữ ‘làm cho lớn mạnh.’ Mặc dù văn phạm không được rõ, nhưng theo văn mạch hàm ý rằng *Chúa* làm cho mạnh mẽ về phần thuộc linh của các tín hữu. Đó là, Ngài giúp đỡ họ vâng lời Chúa Giê-su một cách trọn vẹn, và chống cự Ma-quỷ một cách thành công.

sống trong sự kính sợ Chúa: Dưới đây là hai cách có thể giải thích nhóm từ này:

- (1) Một số nhà thần học nghĩ rằng nhóm từ này có nghĩa là tín hữu tiếp tục kính sợ Chúa.

Phân đoạn phụ 9:31 Hội Thánh ở Y-sơ-ra-ên được bình yên, và có nhiều người tin Chúa

- 9:31a** **Vì thế, hội thánh khắp vùng Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri được bình an một thời gian.**
 Nhờ đó, các Hội Thánh tại các vùng [Giu-đá, Ga-li-lê, và Sa-ma-ri] được sống trong bình an [vì không ai quấy phá].
 -HAY-
 Vì thế, [tất cả] các nhóm tín hữu theo Chúa Giê-su tại các [vùng] Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri, được yên tịnh [vì trong thời gian này người ta không tìm cách để làm khó dễ các môn đồ].
- 9:31b** **Hội thánh được xây dựng, sống trong sự kính sợ Chúa,**
 Hội Thánh tiếp tục kính sợ Chúa [Giê-su,] và lớn mạnh [về đời sống thuộc linh].
 -HAY-
 Các môn đệ tiếp tục kính sợ Chúa [Giê-su] và Thánh Linh giúp sức để họ vâng lời [Chúa Giê-su một cách trọn vẹn].
- 9:31c** **và nhờ Đức Thánh Linh nâng đỡ, số tín hữu ngày càng gia tăng.**
 Bởi Đức Thánh Linh giúp đỡ [họ] và cũng giúp cho nhiều người khác trở thành những người tin Chúa.

- (2) Một số khác nghĩ rằng họ thật sự sợ Ngài. Tức là, họ sợ làm những việc không đẹp lòng Ngài.

Có lẽ “tôn kính” có thể thích hợp hơn, vì nó bao gồm được cả hai ý kính nể và tôn trọng, và cũng tránh được ý sợ hãi Ngài.

Chúa: *Chúa* có thể chỉ về Chúa Giê-su hay Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nếu muốn rõ, bạn có thể nói: “Chúa Giê-su,” vì trong Công Vụ từ “Chúa” hầu hết nói về Chúa Giê-su. Nếu thấy không cần, bạn có thể chỉ cần nói “Chúa.”

9:31c

và nhờ Đức Thánh Linh nâng đỡ: Chuyển ngữ theo từng chữ trong tiếng Hy-lạp “với sự khuyến khích của Đức Thánh Linh.” Nói một cách khác, Đức Thánh Linh khuyến khích những người tin Chúa. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói rằng ấy chính Đức Thánh Linh khuyến khích họ, giống trong CĐN của PKTCCN.

số tín hữu ngày càng gia tăng: Theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp hàm ý rằng Đức Thánh Linh làm cho nhiều người tin Chúa Giê-su. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho biết số người tin Chúa tiếp tục gia tăng.

Phân đoạn 9:32-12:24 Phê-rô và sau đó Ba-na-ba và Sau-lơ nói về Chúa Giê-su cho những người không phải gốc Do Thái

Phân đoạn này gồm có ba phân đoạn phụ và một câu tóm tắt, như sau 9:32-11:18, 11:19-30, 12:1-23, và 12:24. Cho đến lúc này, những tín hữu Do Thái nói với dân chúng của họ về Chúa Giê-su. Phê-rô giảng đạo Chúa cho người nước ngoài tại nhà Cột-nây ở Sê-sa-rê. Sau đó, Ba-na-ba và Sau-lơ giúp nhiều tín hữu không phải gốc Do Thái tại An-ti-ốt, vùng này không nằm trong nước Do Thái, nhưng ở trong tỉnh Rô-ma thuộc xứ Sy-ri.

Phân đoạn phụ 9:32-11:18 Phê-rơ làm những phép lạ và giảng về Chúa Giê-su cho những người ngoại quốc

Phân đoạn phụ này gồm bốn tiểu đoạn theo sau: 9:32-35, 9:36-43, 10:1-48, và 11:1-18. Trong 9:32-35, Chúa giúp Phê-rơ chữa lành cho Ê-nê và cứu sống Đô-ca. Nhiều người trong những vùng này tin Chúa Giê-su. Trong 10:1-48, khi Phê-rơ giảng tại nhà Cọt-nây, tất cả những người ngoại ở đây tin Chúa Giê-su và nhận lãnh Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, trong 11:1-18, Phê-rơ can giải thích cho những tín hữu Do Thái ở Giê-ru-sa-lem hiểu rằng Đức Chúa Trời đã sai ông, và Ngài cũng đã ban Đức Thánh Linh cho họ.

Tiểu đoạn 9:32-35 Vì Phê-rơ chữa lành cho Ê-nê nên có nhiều người tin vào Chúa Giê-su

Chúa giúp Phê-rơ chữa lành cho Ê-nê. Nhờ đó, có nhiều người trong vùng tin Chúa Giê-su.

9:32a

Phê-rơ đi khắp nơi: Trong câu này, Lu-ca một lần nữa, đưa Phê-rơ trở lại câu chuyện, sau khi ông và Giăng trở về Giê-ru-sa-lem từ Sa-ma-ri trong câu 8:25. Thì của động từ *đi khắp nơi* (theo nghĩa đen, “đi xuyên qua”) bày tỏ công việc được tiếp tục, như đi thăm từ chỗ này đến chỗ khác. *Khắp nơi* có lẽ nói đến tất cả mọi nơi Phê-rơ đến thăm là những vùng có cả người Do Thái và Sa-ma-ri sinh sống.

9:32b

một lần kia ông đến thăm các thánh đồ tại Ly-đa: Đây bày tỏ mục đích di chuyển của Phê-rơ. Nhóm từ *các thánh đồ* (có nghĩa đen “những người thánh”) chỉ về những người thuộc về Đức Chúa Trời vì họ tin Chúa Giê-su. Xem Lời Giải Nghĩa *các thánh đồ* ở câu 9:13b. *Ly-đa* là một phố nhỏ nằm trên vùng duyên hải về hướng tây bắc của Giê-ru-sa-lem và khoảng mười sáu cây số về hướng đông nam của thành Gióp-bê. Trong bản chuyển ngữ của bạn, có thể thích hợp hơn để 9:32a và 9:32b thành hai câu riêng. Ví dụ, bạn có thể nói: “Phê-rơ di chuyển Một lần nữa....”

9:33a

Tại đây, ông gặp một người bại tên Ê-nê: Trong khi thăm viếng những tín hữu tại đây, Phê-rơ gặp một người tên là Ê-nê.

9:33b

đau liệt giường đã tám năm: Ê-nê không thể đi được. Đã từ lâu, không thể tự mình ra khỏi giường. Nhóm từ trong tiếng Hy-lạp, BDM chuyển ngữ là *đã tám năm*, có thể hàm ý rằng “từ khi lên tám tuổi.” Tuy nhiên, hầu hết các nhà thần học nghĩ đây là thời gian anh bị bệnh liệt.

9:34a

Phê-rơ bảo: “Anh Ê-nê! Chúa Cứu Thế Giê-su chữa lành cho anh!: Phê-rơ gọi anh bằng tên và cho biết việc sẽ xảy ra, và ngay giây phút này Chúa Giê-su chữa lành cho anh ta. Mặc dù có một số ít nhà thần học nghĩ rằng *Chúa Cứu Thế* được dùng ở đây như một danh hiệu, “Đấng Cứu Chuộc,” trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng *Chúa Cứu Thế Giê-su* y như tên của Ngài. Tuy nhiên, những người Do Thái nghe Phê-rơ nói những điều này, có nghĩa Phê-rơ nói rằng Giê-su là Đấng Cứu Thế. Bạn nên để nhóm từ *Phê-rơ bảo* ở nơi nào trong câu văn cho hợp với ngôn ngữ của bạn.

Phân đoạn 9:32-12:24 Phê-rơ và sau đó Ba-na-ba và Sau-lơ nói về Chúa Giê-su cho những người không phải gốc Do Thái

Tiểu đoạn 9:32-35 Vì Phê-rơ chữa lành cho Ê-nê nên có nhiều người tin vào Chúa Giê-su

- 9:32a** **Phê-rơ đi khắp nơi,**
Trong khi Phê-rơ đi giảng khắp các vùng [của người Do Thái và người Sa-ma-ri],
- 9:32b** **một lần kia ông đến thăm các thánh đồ tại Ly-đa.**
[có một lần] ông đi [đọc theo vùng biển hy vọng có thể] thăm những tín hữu [ở] tại [thành phố] Ly-đa.
- 9:33a** **Tại đây, ông gặp một người bại tên Ê-nê**
Tại đây ông gặp một người có tên là Ê-nê.
- 9:33b** **đau liệt giường đã tám năm.**
Người không thể dậy khỏi giường [của mình] trong suốt tám năm, [vì] ông bị đau liệt.
-HAY-
Người đàn ông này không thể đi được, [và] không thể dậy khỏi giường [của ông] trong tám năm.
- 9:34a** **Phê-rơ bảo: “Anh Ê-nê! Chúa Cứu Thế Giê-su chữa lành cho anh!”**
Phê-rơ nói với ông ta: “Ê-nê, Chúa Cứu Thế Giê-su chữa lành cho anh [ngay bây giờ].
- 9:34b** **Anh hãy đứng dậy, dọn giường đi!”**
Hãy đứng dậy và cuộn chiếu của anh lại!”
- 9:34c** **Lập tức, Ê-nê đứng dậy.**
Ê-nê đứng dậy ngay tức thì [vì Chúa Giê-su] chữa lành [cho anh ta].
- 9:35** **Tất cả dân chúng ở Ly-đa và Sa-rôn thấy Ê-nê lành bệnh đều quay về với Chúa.**
Hầu hết dân chúng ở [thành phố] Ly-đa và [các vùng còn lại của vùng ven biển] Sa-rôn thấy Ê-nê [sau khi được Chúa chữa lành], vì thế họ đều tin Chúa [Giê-su].

9:34b

Anh hãy đứng dậy, dọn giường đi!: Phê-rơ ra lệnh cho anh ta làm việc mà anh chẳng làm được trong nhiều năm.

9:34c

Lập tức, Ê-nê đứng dậy: Ngay sau khi Phê-rơ dứt lời, Ê-nê đứng dậy. Điều đó cho dân chúng thấy rằng Chúa Cứu Thế Giê-su đã thực sự chữa lành cho anh.

9:35

Tất cả dân chúng ở Ly-đa và Sa-rôn thấy Ê-nê lành bệnh đều quay về với Chúa: Tất cả không có nghĩa là hết thảy mọi người, mà là nhiều hay hầu hết những người đang có mặt tại đây. Nếu ngôn ngữ của bạn thường dùng “tất cả” để chỉ “hầu hết,” thì bạn có thể dùng *tất cả*.

Ly-đa và Sa-rôn: Ly-đa xem trong 9:32b. Sa-rôn là một vùng duyên hải, gồm đồng bằng và những đồi núi kéo dài từ Ly-đa

và Gióp-bê về hướng bắc bên kia thành Sê-sa-rê cho tới núi Ca-mên. Ly-đa nằm trên đồng bằng Sa-rôn. Vì thế, để cho rõ ràng bạn có thể nói “thành Ly-đa và phần còn lại của đồng bằng Sa-rôn.” Có cả người Ngoại Quốc và người Do Thái sống trên vùng này.

quay về với Chúa: Việc Ê-nê được chữa lành là một phép lạ thu hút rất nhiều người hiếu kỳ đến xem tận mắt, và kết quả là họ quay về với Chúa. Có nghĩa là họ tin vào Chúa Giê-su.

Tiểu đoạn 9:36-43 Phê-rơ cứu sống Đô-ca, rất nhiều người tin Chúa Giê-su

Người ta có thể chia tiểu đoạn này thành hai đơn vị: 9:36-37 và 9:38-43. Đơn vị thứ nhất nói về sự chết của bà Đô-ca tại thành Gióp-bê, đơn vị thứ hai nói đến việc Phê-rơ người mà Đức Chúa Trời dùng để khiến bà ta sống trở lại. Phép lạ này đem rất nhiều người ở tại thành đó tin vào Chúa Giê-su.

9:36-37 Đô-ca chết

9:36a

Tại Gióp-bê, có một môn đồ tên là Ta-bi-tha: Lu-ca bắt đầu tiểu đoạn này bằng cách giới thiệu một nhân vật mới tại một địa điểm mới. Gióp-bê là một hải cảng quan trọng của nước Do Thái thuộc ven biển Địa Trung Hải. Một nữ tín hữu, có tên Ta-bi-tha, sống ở đó. Môn đồ có nghĩa là người tin vào Chúa Giê-su.

9:36b

nghĩa là Hoàng Dương: 9:36b khi người ta chuyển ngữ tên Do Thái Ta-bi-tha của bà, sang tiếng Hy-lạp là Đô-ca (BDC). Cả hai đều mang ý nghĩa là một loại nai nhỏ. BDM muốn chuyển ngữ ý, thay vì tên Đô-ca, nhưng có thể dễ hiểu nhầm. Bạn không cần cho ý nghĩa của tên vào bản chuyển ngữ của bạn. Bạn có thể chỉ cần nói tên Do Thái là Ta-bi-tha, và tên Hy-lạp của bà là Đô-ca, và giải thích cả hai đều mang ý nghĩa là “con nai nhỏ.” Thực ra, nhiều người người biết tên Hy-lạp của bà hơn, vì 9:39d là “Đô-ca.”

9:36c

thường làm việc thiện và cứu giúp người nghèo khổ: Những công việc bà làm đều có ích lợi cho những người khác, và bà luôn

tiếp tục làm những công việc đó. Một công việc thực tiễn bà làm là *cứu giúp người nghèo khổ*. Đó là việc giúp đỡ tiền bạc, quần áo cho những người nghèo khổ đang có những nhu cầu cần thiết này.

9:37a

Lúc ấy, bà mắc bệnh và qua đời: Nhằm lúc Phê-rơ ở Ly-đa, thì người đàn bà này lâm bệnh rồi qua đời.

9:37b

Người ta tắm rửa xác bà và đặt nằm trong một phòng trên lầu: Theo phong tục của người Do Thái, xác người đàn bà được tắm rửa và được quấn lại bằng vải để chuẩn bị chôn cất. Thay vì chôn xác bà ngay, người ta để xác trong một phòng trên lầu. Đây nói đến một phòng được cất lên trên mái nhà (mái bằng phẳng thường là loại mái nhà ở Do Thái). Có lẽ người ta phải dùng thang trèo lên mái nhà đặt vào trong phòng.

9:38-43 Phê-rơ cứu sống Đô-ca

9:38a

Vì Ly-đa ở gần Gióp-bê: Ly-đa cách Gióp-bê khoảng mười sáu cây số về phía đông nam. Cả hai cùng nằm trên miền duyên hải của đồng bằng Sa-rôn.

Tiểu đoạn 9:36-43 Phê-rơ cứu sống Đô-ca, rất nhiều người tin Chúa Giê-su

- 9:36a** **Tại Gióp-bê, có một môn đồ tên là Ta-bi-tha,**
Trong [thành] Gióp-bê có một người nữ tín hữu, tên là Ta-bi-tha.
- 9:36b** **nghĩa là Hoàng Dương,**
(BDC) nghĩa là Đô-ca
[Tên bà] trong tiếng [Hy-lạp] là Đô-ca. [Cả hai tên của bà] đều có nghĩa [con nai con].)
- 9:36c** **thường làm việc thiện và cứu giúp người nghèo khổ.**
Bà luôn luôn giúp đỡ [những người khác] và [đặc biệt là] giúp những người nghèo [bằng cách cho họ những gì họ cần].
- 9:37a** **Lúc ấy, bà mắc bệnh và qua đời.**
Trong thời gian [Phê-rơ ở tại Ly-đa], bà bị đau [và] chết.
- 9:37b** **Người ta tắm rửa xác bà và đặt nằm trong một phòng trên lầu.**
Một vài người đàn bà khác tắm rửa xác bà [đây là việc phải làm trước khi chôn người chết, theo phong tục của người Do Thái]. Xong rồi họ [phủ trên xác bà một tấm vải] đặt trên một phòng ở trên lầu [trong căn nhà của bà].
- 9:38a** **Vì Ly-đa ở gần Gióp-bê**
[Thành] Ly-đa ở gần Gióp-bê,
- 9:38b** **nên khi các môn đệ Chúa nghe tin Phê-rơ đang ở Ly-đa**
và người ta nói cho tín hữu [ở Gióp-bê] rằng Phê-rơ [đang] ở Ly-đa.
- 9:38c** **liên sai hai người qua đó**
Vì thế, các tín hữu sai hai người [của họ] [đi đến] gặp Phê-rơ.
- 9:38d** **nài xin: “Mời ông đến ngay!”**
[Khi họ đến gặp Phê-rơ] họ cố năn nỉ Phê-rơ: “Xin vui lòng đi ngay với chúng tôi [đến Gióp-bê]!”

9:38b

nên khi các môn đệ Chúa nghe tin Phê-rơ đang ở Ly-đa: Bạn có thể dùng liên từ *vì thế*, hoặc ở đây, hay ở câu 9:38c, vì câu này bày tỏ rằng những việc các tín hữu làm cho Đô-ca chứng tỏ bà đã chết. Chắc chắn, nhiều người ở Ly-đa đã đến Gióp-bê để xem Ê-nê người được Phê-rơ chữa lành. Cho từ *môn đệ* xem Lời Giải Nghĩa ở câu 6:1a.

9:38c

liên sai hai người qua đó: Đây có nghĩa những tín hữu ở Gióp-bê chọn hai người đến gặp Phê-rơ tại Ly-đa. Điều đó cũng hàm ý rằng những người này đi bộ đến gặp Phê-rơ và chắc phải tốn khoảng ba tiếng đồng hồ mới tới nơi.

9:38d

nài xin: “Mời ông đến ngay!”: Thì của động từ *xin* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng họ lặp lại lời yêu cầu nhiều lần. Theo văn

mạch của động từ, có lẽ bày tỏ rằng họ khẩn thiết yêu cầu Phê-rơ. Chuyển ngữ từng chữ lời yêu cầu của họ theo bản Hy-lạp là “đừng chần chừ đến với chúng tôi.” Đó là một cách lễ phép để mời Phê-rơ đến Gióp-bê càng sớm càng tốt. Dĩ nhiên, là họ cho biết lý do tại sao họ muốn được giúp đỡ.

9:39a

Phê-rơ đứng dậy lên đường với hai người: Bạn có thể dùng một liên từ như “vì thế” ở đây, để bày tỏ Phê-rơ đáp ứng lời yêu cầu của họ như thế nào. Theo tiếng Hy-lạp chuyển ngữ theo từng chữ là “ông mọc lên.” BDM chuyển ngữ sát nghĩa *đứng dậy lên đường*. Có nghĩa là Phê-rơ đáp ứng lời yêu cầu của họ ngay.

9:39b

Đến nơi, ông được đưa lên lầu: Bạn có thể chuyển ngữ câu này như “khi họ đến nơi,” vì hai người đàn ông đến gặp Phê-rơ lúc này vẫn còn ở bên cạnh ông. Có lẽ hai người đàn ông đưa Phê-rơ lên phòng trên lầu, nơi có xác Đô-ca. Cho từ *lên lầu* xem Lời Giải Nghĩa ở “trong một phòng trên lầu” ở câu 9:37b.

9:39c

Tất cả các quả phụ đứng quanh ông: Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này theo nghĩa đen, vì có thể ở đây nói đến tất cả những tín hữu là quả phụ ở tại thành Gióp-bê. Trong thời đó, quả phụ hầu hết là những người nghèo khó, vì họ không còn chồng để giúp đỡ trong cuộc sống vật chất. Câu 9:39d cho biết lý do tại sao họ đứng chung quanh Phê-rơ.

9:39d

vừa khóc vừa chỉ các bộ áo và y phục mà bà Hoàng Dương đã may cho: Thì của động từ, *vừa khóc* và *vừa chỉ*, bày tỏ họ tiếp tục khóc một hồi lâu. Từ *các bộ áo* chỉ về những chiếc áo dài mặc lót bên trong. *Y phục* nói về những chiếc áo mặc bên ngoài, như Lu-ca nhắc trong 7:58b. Cả hai loại áo này đều có thể dùng cho cả đàn ông lẫn phụ nữ. Dĩ nhiên, trong trường hợp này, nói đến quần áo

của phụ nữ. Điều quan trọng là *Hoàng Dương (Đô-ca) đã may cho* tất cả những quần áo mà các quả phụ chỉ cho Phê-rơ xem thấy.

9:39d

khi bà còn sống với họ: Có nghĩa “khi bà còn sống.”

9:40a

Phê-rơ mời tất cả ra khỏi phòng: Động từ *mời...ra khỏi* là một từ mang ý nghĩa mạnh mẽ có nghĩa Phê-rơ khiến tất cả mọi người, kể cả hai người đưa tin, phải ra khỏi phòng. Có lẽ ông phải dẫn họ ra, vì họ không muốn ra. Phê-rơ cần được riêng mình đến với Đức Chúa Trời, ông không muốn những người đang than khóc cho người chết ở cạnh ông trong lúc này.

9:40b

rời quỳ gối cầu nguyện: Khi tất cả những người này rời khỏi phòng, Phê-rơ quỳ gối trên sàn nhà, bày tỏ sự tôn kính của ông với Đức Chúa Trời. Rồi xin Ngài khiến cho Đô-ca sống lại.

9:40c

Quay lại xác chết ông bảo: “Bà Ta-bi-tha, hãy dậy!”: Sau khi cầu nguyện, Phê-rơ quay lại để có thể đối diện với xác của bà Đô-ca. Theo phong tục của người Do Thái, xác bà được quấn bằng vải. Nhưng chắc người ta không quấn chặt như trường hợp của La-xa-rơ, vì ngay sau khi sống lại bà có thể cử động một cách dễ dàng. Phê-rơ gọi bằng tên Do Thái của bà, *Bà Ta-bi-tha*. Rồi Phê-rơ phán với bà *hãy dậy*, có nghĩa “hãy đứng dậy!”

9:40d

Bà mở mắt, thấy Phê-rơ, liền ngồi dậy: Ngay sau khi Phê-rơ nói những lời đó, bà mở mắt ra, bày tỏ rằng bà sống lại. *Thấy Phê-rơ* cho thấy rằng vải liệm không bao phủ mặt bà, và bà nằm ngửa mặt lên. Khi thấy Phê-rơ bà *liền ngồi dậy*, điều này xác nhận thêm rằng bà đã sống lại.

9:39a	Phê-rơ đứng dậy lên đường với hai người. Vì thế Phê-rơ [sẵn sàng] đi [đến Gióp-bê] với họ [Ngay lập tức].
9:39b	Đến nơi, Ông được đưa lên lầu. Khi vừa đến nơi [căn nhà tại Gióp-bê], họ đưa ngay ông lên phòng trên lầu [nơi có xác của bà Ta-bi-tha].
9:39c	Tất cả các quả phụ đứng quanh ông Tất cả những quả phụ [ở đó] đều đứng chung quanh ông.
9:39d	vừa khóc vừa chỉ các bộ áo và y phục mà bà Hoàng Dương đã may cho Họ đang khóc và chỉ các bộ áo và [những thứ khác] mà Ta-bi-tha [Đô-ca] đã may [cho họ]
9:39đ	khi bà còn sống với họ. lúc bà [còn] sống.
9:40a	Phê-rơ mời tất cả ra khỏi phòng Phê-rơ mời mọi người ra khỏi phòng. <i>-HAY-</i> Phê-rơ bảo mọi người ra ngoài.
9:40b	rồi quỳ gối cầu nguyện. Rồi quỳ gối [trên nền nhà] và cầu nguyện rằng [xin Đức Chúa Trời cứu bà Ta-bi-tha sống lại].
9:40c	Quay lại xác chết ông bảo: “Bà Ta-bi-tha, hãy dậy!” [Sau đó,] ông xây lại phía xác bà và kêu: “Ta-bi-tha, hãy dậy!”
9:40d	Bà mở mắt, thấy Phê-rơ, liền ngồi dậy. [Ngay lập tức] bà mở mắt, và khi thấy Phê-rơ, bà ngồi dậy
9:41a	Phê-rơ đưa tay nâng bà đứng dậy Ông nắm lấy một tay của bà [và] giúp bà đứng dậy.
9:41b	rồi gọi các thánh đồ và các quả phụ đến Rồi liền gọi các tín hữu và [đặc biệt] là những quả phụ [ở đó], <i>-HAY-</i> Rồi liền gọi những quả phụ và những tín hữu [khác] vào [lại trong phòng],

9:41a

Phê-rơ đưa tay nâng bà đứng dậy: Mặc dù Đô-ca có thể tự đứng dậy, Phê-rơ nhẹ nhàng nắm lấy tay bà đỡ đứng dậy.

9:41b

rồi gọi các thánh đồ và các quả phụ đến: Đây là lúc gọi mọi người trở vào, vì Đô-ca

đã sống trở lại. Có lẽ tất cả những người được Phê-rơ gọi trở lại đều là tín hữu. *Các quả phụ* được nói đến một cách đặc biệt ở đây vì họ là những người được Đô-ca giúp đỡ nhiều nhất. Một cách chắc chắn để bao gồm những quả phụ này chung trong nhóm tín hữu, là đổi ngược thứ tự của câu nói “các quả phụ và những tín hữu khác.”

9:41c

cho họ thấy bà đang sống: Với Đô-ca đứng trước mặt mọi người, Phê-rơ cho các quả phụ và những tín hữu khác thấy rằng thực sự Đô-ca đã sống lại.

9:42a

Tin này loan báo khắp cả khu vực Gióp-bê: Tin này nói đến phép lạ Đức Chúa Trời dùng Phê-rơ để khiến bà Đô-ca sống lại. Bạn có thể chuyển ngữ chi tiết ở đây, ví dụ “phép lạ đó.” *Khắp cả khu vực Gióp-bê* tất cả mọi nơi trong thành phố Gióp-bê. Dĩ nhiên, những người này chứng kiến xác chết của bà Đô-ca đã sống lại, hẳn phải rao báo cho nhiều người. Và những người nghe tin này cũng đồn ra, nên chẳng bao lâu, khắp xứ Gióp-bê đều biết tin này.

9:42b

nên nhiều người tin nhận Chúa: Phê-rơ và những tín hữu khác coi phép lạ như là một cơ hội tốt để làm chứng cho nhiều người

rằng chính quyền năng của Chúa Giê-su đã làm cho bà Đô-ca sống lại. *Chúa* đây chỉ về Chúa Giê-su. Nhiều dân chúng ở Gióp-bê bắt đầu tin nhận Chúa Giê-su.

9:43

Phê-rơ ở lại Gióp-bê lâu ngày trọ tại nhà Si-môn, một người thợ thuộc da: Phê-rơ ở lại Gióp-bê trong một thời gian không rõ là bao lâu, nên bạn có thể chuyển ngữ “nhiều ngày.” Người cho Phê-rơ ở trọ có cùng một tên trong những tên của Phê-rơ, là *Si-môn*. Đó là một “*người thợ thuộc da*,” có nghĩa là ông dùng da thú vật chết để tạo ra những sản phẩm bằng da. Người ta có thể dùng da để sản xuất giày dép. Đây là một nghề mà người Do Thái cho rằng những người hành nghề đó “không thánh sạch,” theo nghi thức và luật lệ. Tuy nhiên, Phê-rơ nhận lòng hiếu khách của Si-môn người thợ thuộc da. Điều này cho thấy Phê-rơ không theo những luật lệ của người Do Thái giống như những người Pha-ri-si.

Tiểu đoạn 10:1-48 Phê-rơ giảng Phúc Âm cho người nhà Cọt-nây

Người ta có thể chia Tiểu Đoạn này thành bốn tiểu đoạn phụ như sau: 10:1-2 (bối cảnh), 10:3-8 (Cọt-nây thấy Khải tượng), 10:9-23a (Phê-rơ thấy Khải tượng), và 10:23b-48 (Cọt-nây và người nhà của ông trở thành những tín hữu trong Chúa Giê-su).

Tiểu đoạn phụ 10:1-2 Cọt-nây là một người kính sợ Đức Chúa Trời và hay giúp đỡ dân chúng

Những câu này nói về Cọt-nây và nó cung cấp bối cảnh của cốt chuyện về Cọt-nây, người nhà của ông và cả Phê-rơ.

10:1a

Tại Sé-sa-rê có một người tên Cọt-nây: Thành Sé-sa-rê thủ đô của chính quyền La-mã và các đơn vị quân đội của tỉnh Giu-đa. Muốn biết thêm về Sé-sa-rê xem Lời Giải Nghĩa ở 8:40b. *Cọt-nây* chắc là một công dân La-mã, theo như nghề nghiệp của ông bày tỏ trong 10:1b.

10:1b

là đội trưởng, thuộc trung đoàn Y-ta-li-a: Cọt-nây là một sĩ quan trong một số đông quân lính, có lẽ, thuộc nước Y-ta-li-a. Tên

của đơn vị ông là *trung đoàn Y-ta-li-a*. Từ *đội trưởng* nguyên dùng để chỉ về một sĩ quan trong quân đội La-mã, chỉ huy độ một trăm người lính. Từ *trung đoàn* chỉ về một đơn vị lớn được hợp lại bởi sáu đơn vị nhỏ mỗi đơn vị gồm có khoản 80 đến 100 binh sĩ. Bạn có thể dùng một từ ngữ chính xác và thích hợp trong ngôn ngữ của bạn dùng để chỉ về *đội trưởng* và *trung đoàn*, hay bạn có thể dùng một từ hay một nhóm từ, như “sĩ quan” và “một đoàn quân có nhiều binh sĩ.”

- 9:41c** cho họ thấy bà đang sống.
ông cho họ thấy bà Ta-bi-tha [Đô-ca] đang sống [trở lại].
- 9:42a** Tin này loan báo khắp cả khu vực Gióp-bê
[Chẳng bao lâu] dân chúng khắp mọi nơi trong vùng Gióp-bê đều nghe về phép lạ này,
- 9:42b** nên nhiều người tin nhận Chúa.
vì thế, có nhiều người [ở tại đó] tin nhận Chúa [Giê-su].
- 9:43** Phê-rơ ở lại Gióp-bê lâu ngày trọ tại nhà Si-môn, một người thợ thuộc da.
Phê-rơ ở lại Gióp-bê nhiều ngày nữa tại nhà một người thợ thuộc da tên là Si-môn.
-HAY-
Phê-rơ nán lại một thời gian tại Gióp-bê với một người có tên là Si-môn, ông ta làm nghề thuộc da.

Tiểu đoạn 10:1-48 Phê-rơ giảng Phúc Âm cho người nhà Cọt-nây

Tiểu đoạn phụ 10:1-2 Cọt-nây là một người kính sợ Đức Chúa Trời và hay giúp đỡ dân chúng

- 10:1a** Tại Sê-sa-rê có một người tên Cọt-nây,
[Có] một người ở [thành] Sê-sa-rê tên [là] Cọt-nây.
- 10:1b** là đội trưởng, thuộc trung đoàn Y-ta-li-a.
[Ông là] một sĩ quan [La-mã của một trung đoàn] mà người ta gọi [trung đoàn] Y-ta-li-a.
-HAY-
[Ông là] một sĩ quan trong một số đông quân sĩ [La-mã] từ Y-ta-li-a.
- 10:2a** Ông và cả gia đình là người sùng kính Đức Chúa Trời,
[Ông là một người] luôn cố gắng làm những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời và [đặc biệt là] ông và cả người nhà của ông [không phải là người Do Thái nhưng luôn] thờ phượng Đức Chúa Trời.

10:2a

Ông và cả gia đình: Ông và cả gia đình chỉ về mọi người có liên hệ đến những người trong gia đình Cọt-nây. Đó là vợ, các con, những người giúp việc, và những người khác ở tại nhà của ông.

sùng kính Đức Chúa Trời: Đây có ý rằng họ luôn gắng làm những việc mà họ nghĩ sẽ đẹp lòng Đức Chúa Trời. Người Do

Thái dùng nhóm từ *sùng kính Đức Chúa Trời* để diễn tả cách của người ngoại quốc thờ phượng Đức Chúa Trời giống như người Do Thái, mặc dù chẳng có một ai trong họ chịu phép cắt bì. Thì của động từ *sùng kính* trong tiếng Hy-lạp cho thấy thái độ và hành động của Cọt-nây và người nhà của ông đối với Đức Chúa Trời mỗi ngày.

10:2b

thường cứu giúp những người nghèo khổ và thường xuyên cầu nguyện Đức Chúa

Trời: Thì của cả hai động từ, *cứu giúp* và *cầu nguyện*, cho thấy Cọt-nây làm công việc này một cách đều đặn.

Tiểu đoạn phụ 10:3-8 Vâng lời thiên sứ của Đức Chúa Trời Cọt-nây sai người nhà đi mời Phê-rơ

Trong Tiểu Đoạn Phụ này, Cọt-nây thấy một khả tượng. Ông thấy một thiên sứ bảo ông sai người đi Gióp-bê để mời Phê-rơ đến. Cọt-nây vâng lời thiên sứ ngay, và sai ba người đi.

10:3a

Một hôm vào khoảng ba giờ chiều: Ba giờ chiều đây là một trong những giờ người Do Thái thờ phượng Chúa mỗi ngày. Xem 3:1 cho Lời Giải Nghĩa về “vào giờ cầu nguyện lúc ba giờ chiều.” Theo 10:30, Cọt-nây đang ở nhà cầu nguyện, lúc ông thấy khả tượng.

ông thấy rõ ràng khả tượng: Cho từ *khả tượng* xem Lời Giải Nghĩa về “khả tượng” trong 2:17c và 9:10b.

10:3b

một thiên sứ của Đức Chúa Trời bước vào nhà gọi ông: ‘Cọt-nây!’: Cọt-nây đã thực sự thấy một thiên sứ nhưng không phải trong chiêm bao. *Một thiên sứ của Đức Chúa Trời* là một thân linh đôi khi đem sứ điệp của Đức Chúa Trời đến cho con người. Thiên sứ cũng làm những điều Đức Chúa Trời phán. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn nên dùng cùng một chữ cho *thiên sứ* mà bạn đã dùng trong 5:19.

10:4a

Ông nhìn chăm chăm thiên sứ, run sợ đáp: ‘Thưa Chúa, có việc chi?’: Cọt-nây dùng từ *Thưa Chúa* nói với thiên sứ để bày tỏ sự kính trọng. Ông không nói với thiên sứ như là với một vị thần, vì thế bạn nên dùng một từ mà một người dùng để gọi một người khác với một thái độ kính trọng. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ để bày tỏ sự kính trọng, bạn có thể dùng một từ tương đương với từ “Thưa Chúa,” kèm theo câu hỏi: “Chúa cần việc chi?” Bạn cũng có thể đổi câu hỏi thành một câu nói thường như một lời yêu cầu: “[Xin vui lòng] cho tôi biết Chúa cần điều chi.”

10:4b

Thiên sứ bảo: ‘Các lời cầu nguyện và việc cứu tế của ông đã thấu đến và được ghi nhận trước mặt Đức Chúa Trời: Thiên sứ nói rằng thiên sứ đến không phải vì Đức Chúa Trời giận dữ với ông mà là vì Đức Chúa Trời đẹp lòng về ông. Ông Cọt-nây đã làm cho Đức Chúa Trời hài lòng vì cách ông đã cầu nguyện và các việc ông đã làm để giúp đỡ người khác. Có thể chuyển ngữ như sau: “Đức Chúa Trời hài lòng với cách ông đã cầu nguyện và giúp đỡ người nghèo”.

được ghi nhận trước mặt Đức Chúa Trời: Khi bạn chuyển ngữ nhóm từ này hãy cẩn thận để nghe không có vẻ như là Đức Chúa Trời đã quên ông Cọt-nây và bây giờ mới nhớ đến ông. Thay vào đó bạn nên chuyển ngữ thế nào để hàm ý rằng Đức Chúa Trời đang đáp lời hay trả lời lời cầu nguyện của ông Cọt-nây.

10:5

Bây giờ, ông hãy sai người đến Gióp-bê, mời Si-môn gọi là Phê-rơ: Thiên sứ nhận diện Phê-rơ bằng cả hai tên của ông, vì ông đang ở tạm tại nhà người thợ thuộc da, và người này cũng có tên là Si-môn.

10:6

Ông ta đang ở trọ với Si-môn, thợ thuộc da, nhà ở gần biển: Xem Lời Giải Nghĩa về “thợ thuộc da” ở 9:43. Si-môn dùng da của thú vật chết để làm nên một sản phẩm khác, nên người Do Thái cho rằng nghề nghiệp của ông làm cho ông trở thành “không thánh sạch,” theo luật lệ của họ. Có lẽ vì nghề nghiệp, nên ông đã chọn nhà ở ngoài thành

10:2b thường cứu giúp những người nghèo khổ và thường xuyên cầu nguyện Đức Chúa Trời.

Ông thường giúp đỡ [tiền bạc cho] những người [Do Thái] nghèo khổ và thường cầu nguyện với Đức Chúa Trời luôn.

Tiểu đoạn phụ 10:3-8 Vâng lời thiên sứ của Đức Chúa Trời, Cọt-nây sai người nhà đi mời Phê-rơ

10:3a Một hôm vào khoảng ba giờ chiều, ông thấy rõ ràng khái tượng

Một ngày kia độ ba giờ chiều Cọt-nây thấy một khái tượng.

-HAY-

Một ngày nọ cỡ ba giờ chiều [Đức Chúa Trời làm cho] Cọt-nây thấy một thiên sứ.

10:3b một thiên sứ của Đức Chúa Trời bước vào nhà gọi ông: ‘Cọt-nây!’

Ông thấy rõ một thiên sứ [được gửi đến] từ Đức Chúa Trời. Thiên sứ vào trong phòng của ông ta và nói với ông ta: “Cọt-nây.”

10:4a Ông nhìn chăm chăm thiên sứ, run sợ đáp: “Thưa Chúa, có việc chi?”

Cọt-nây nhìn thiên sứ và rất đỗi khiếp sợ. Rồi ông hỏi [đây sợ hãi]: “Có việc gì, thưa Chúa [của tôi]?”

10:4b Thiên sứ bảo: “Các lời cầu nguyện và việc cứu tế của ông đã thấu đến trước mặt Đức Chúa Trời.

Thiên sứ trả lời ông ta: “Đức Chúa Trời rất hài lòng về ông, vì ông [thường] cầu khẩn với Ngài, và [thường] cho những người nghèo khổ tiền bạc [để giúp đỡ họ].

-HAY-

Thiên sứ phán: “[Những việc ông đã từng làm] thực đẹp lòng Đức Chúa Trời. Ngài nhận lời cầu nguyện của ông [dâng lên Ngài]. Ngài cũng coi những gì ông đã dùng để [giúp đỡ] người nghèo khổ, được kể như ông dâng cho Ngài.

10:5 Bây giờ, ông hãy sai người đến Gióp-bê, mời Si-môn gọi là Phê-rơ.

Nên bây giờ hãy cho người đi đến [thành] Gióp-bê và [bảo họ] mời một người có tên là Si-môn về, người ấy còn có tên là Phê-rơ. [Người đó sẽ truyền cho ông một sứ điệp tốt lành.]

10:6 Ông ta đang ở trọ với Si-môn, thợ thuộc da, nhà ở gần biển.

Người này đang ở tạm tại nhà một người [cũng có tên là] Si-môn, làm nghề thuộc da. Nhà của Si-môn ở gần biển.”

-HAY-

Phê-rơ đang ở tạm [trong nhà] một người làm nghề thuộc da [và tên của ông ta cũng là] Si-môn [và nhà đó ở] gần biển.” [Đó là những gì thiên sứ bảo.]

Gióp-bê, thêm vào đó nghề thuộc da đòi hỏi phải dùng thật nhiều nước. Có lẽ đây là lý do

Si-môn chọn nhà ngay trên bờ biển Địa Trung Hải.

10:7a

Khi thiên sứ nói chuyện cùng ông đã đi rồi: Mệnh đề chính của câu này, 10:7b, gồm có những tin tức đáng kể, vì thế, bạn nên chuyển ngữ 10:7a như một câu riêng. Ví dụ, bạn có thể nói: “Sau đó thiên sứ biến đi.”

10:7b

ông gọi hai gia nhân và một quân nhân cùng kính Đức Chúa Trời đang phục vụ mình: Ngay lập tức, Cọt-nây vâng lời thiên sứ bằng cách gọi ba người. Nhóm từ *hai gia nhân* chỉ về hai người giúp việc trong gia đình của ông. Người thứ ba là một người binh sĩ. Bác Sĩ Lu-ca nói về người lính này là người *sùng kính Đức Chúa Trời*, đây cũng là tình từ mà Bác Sĩ Lu-ca dùng để nói về Cọt-nây trong 10:2a. Chắc chắn Cọt-nây chọn những người tin cẩn để làm công việc quan trọng này.

đang phục vụ mình: Nhóm từ này cho thấy người binh sĩ này là người được chọn để lo những công việc riêng cho cá nhân và gia đình của Cọt-nây. Đây cũng còn có nghĩa người lính này là cận vệ của ông nữa.

10:8

và thuật cho họ nghe mọi chi tiết rồi sai họ đi Gióp-bê: Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn nên nói rằng những người này có bổn phận phải mời cho được Phê-rơ về cùng họ. Có thể duyệt lại với những người nói cùng một ngôn ngữ với bạn, để biết chắc bản chuyển ngữ có được sát ý với nguyên bản, và có cung cấp đầy đủ mọi tin tức hay không. Bạn cũng có thể chuyển ngữ mệnh đề này thành một câu riêng. Xem CDN của PKTCCN.

Tiểu đoạn phụ 10:9-23a Phê-rơ vâng lời Đức Thánh Linh và đi với họ

Tiểu đoạn phụ này gồm có hai đơn vị: Trong 10:9-16, Đức Chúa Trời chuẩn bị Phê-rơ để đi gặp Cọt-nây, và trong 10:17-23a, Phê-rơ và những tín hữu khác cùng đi với ba người nhà của Cọt-nây từ Gióp-bê đến Sê-sa-rê.

10:9-16 Khải tượng của Phê-rơ

10:9a

Hôm sau, khi họ gần đến Gióp-bê: Hôm sau một ngày sau ngày thiên sứ báo cho Cọt-nây sai người đi gặp và mời Si-môn Phê-rơ về. Trong kinh văn không cho biết khi nào họ khởi hành, nhưng có thể họ đã bắt đầu vào buổi chiều, ngay sau khi nhận được lệnh của Cọt-nây. Tuy nhiên, quãng đường từ Gióp-bê đến Sê-sa-rê độ dưới năm mươi cây số, như vậy chắc họ phải nghỉ đêm tại một nơi nào đó trên đường đi.

10:9b

khoảng giữa trưa: Khoảng giữa trưa một ngày sau khi thấy khải tượng, ba người đến gần thành Gióp-bê.

Phê-rơ lên mái nhà cầu nguyện: Có lẽ Phê-rơ dùng cầu thang phía bên ngoài lên mái nhà để cầu nguyện riêng. Trong ngôn ngữ

của bạn, bạn nên chuyển ngữ từ *mái nhà* như “nhà có mái bằng.” Một loại mái nhà rất thông dụng ở xứ Do Thái và được nhắc đến nhiều lần trong bốn sách Phúc Âm. (Ví dụ, xem Mác 2:4 và 13:15.) Bạn có thể đặt 10:9b thành một câu riêng, tức là không cùng chung một câu với 10:9a, như trong CDN của PKTCCN.

10:10a

Ông đói và thèm ăn: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *đói* trong tiếng Hy-lạp là “rất đói.” Thì của động từ *thèm* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ ông đang muốn có một món gì để ăn.

10:10b

Khi người ta đang dọn ăn thì ông xuất thần: Trong khi Phê-rơ đang bị đói, Đức Chúa Trời cho ông thấy một khải tượng. Ông *xuất thần* có nghĩa ông không còn để ý đến những sự việc chung quanh, nhưng ông để ý

- 10:7a** **Khi thiên sứ nói chuyện cùng ông đã đi rồi,**
Thiên sứ nói xong những lời rồi đó rời khỏi ông.
- 10:7b** **ông gọi hai gia nhân và một quân nhân sùng kính Đức Chúa Trời đang phục vụ mình**
Sau đó Cọt-nây gọi hai người giúp việc và một người lính cận vệ của ông [và cũng là người] kính sợ Đức Chúa Trời.
- 10:8** **và thuật cho họ nghe mọi chi tiết rồi sai họ đi Gióp-bê.**
Cọt-nây giải thích cho họ mọi điều [thiên sứ đã bảo]. [Rồi] ông sai họ đi đến Gióp-bê [mời Phê-rơ tới Sê-sa-rê].

Tiểu đoạn phụ 10:9-23a Phê-rơ vâng lời Đức Thánh Linh và đi với họ

- 10:9a** **Hôm sau, khi họ gần đến Gióp-bê,**
Khoảng trưa ngày hôm sau [ba người này] đang đi [trên đường] và đang đến gần thành [Gióp-bê].
- 10:9b** **khoảng giữa trưa Phê-rơ lên mái nhà cầu nguyện.**
[Cùng giờ ấy trong ngày] Phê-rơ lên trên mái [bằng] nhà để cầu nguyện [với Đức Chúa Trời].
- 10:10a** **Ông đói và thèm ăn.**
Ông cảm thấy đói bụng và rất muốn có [một món ăn gì] để ăn.
- 10:10b** **Khi người ta đang dọn ăn thì ông xuất thần,**
Trong khi chờ đợi [đến giờ ăn] để [đi xuống] ăn, ông thấy khả tượng [này]:
-HAY-
Trong khi [người ta] đang chuẩn bị [món ăn], [Đức Chúa Trời cho] ông thấy khả tượng này:
- 10:11a** **thấy bầu trời mở ra**
Ông thấy [có một người nào đó] mở bầu trời
-HAY-
Ông thấy như bầu trời hiện ra trước mắt

đến những gì Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho ông. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn không cần diễn tả từ *xuất thần* khác với từ “khả tượng.” Xem CDN của PKTCCN.

chỉ về thiên đàng hay *bầu trời*, nơi Đức Chúa Trời ngự, bạn có thể dùng một trong hai từ này ở đây. Bạn cũng có thể nói rằng Phê-rơ thấy một vùng trong bầu trời không có mây che khuất.

10:11a

thấy bầu trời mở ra: Trong tiếng Hy-lạp và trong một vài ngôn ngữ khác có một từ để

10:11b

và có vật gì như tấm khăn lớn: Đây là việc kế tiếp Phê-rô thấy. Từ *nư* bày tỏ rằng đây là một khả tượng. Vì lý do này, bạn có thể không cần thêm những chi tiết, như bằng cách nào người ta hạ một tấm khăn từ thiên đàng xuống. Và, bạn cũng không cần phải diễn tả về một tấm khăn lớn với rất nhiều loài vật khác nhau trong khăn như là những vật có thực. Điểm quan trọng là tấm khăn từ trời hạ xuống có nhiều loài vật trong đó.

buộc bốn góc hạ xuống đất: Đây hàm ý rằng có một người nào đó buộc bốn góc khăn bằng những sợi dây. Khăn được hạ xuống đủ thấp để Phê-rô có thể thấy được những loài vật bên trong.

10:12

chứa đủ các loài vật bốn chân, loài bò sát dưới đất và loài chim trời: Khi nó xuống thấp gần mặt đất bên cạnh Phê-rô, Phê-rô có thể thấy có nhiều loài vật khác nhau và các loài chim trời. Nhóm từ *loài bò sát dưới đất* áp dụng cho loài vật có bốn chân và bò sát, hay những vật bò như rắn. Từ *chim trời* chỉ về các loài chim, không phải những giống gà hay các loài gia súc có cánh.

Đây là những loài vật mà người Do Thái không được ăn, theo luật Môi-se trong Lê-vi Ký 11 ghi những loài vật “tinh sạch” người Do Thái được ăn và những loài vật “không thánh sạch,” thịt của những loài vật này, người Do Thái không được ăn. Nếu theo phong tục của xứ sở, người ta ăn thịt của những động vật bò sát, thằn lằn, kỳ nhông, cá sấu, và rùa, bạn có thể chỉ cần giới thiệu chữ *động vật bò sát* với một nhóm từ như “thằn lằn và những động vật bò sát mặt đất.”

10:13

Rồi một tiếng nói bảo ông: Mệnh đề theo nghĩa bóng, *một tiếng nói bảo ông*, ý nói “có một người nào bảo ông.” Trong ngôn ngữ của bạn, có thể thông thường bạn không dùng *một tiếng nói*, nhưng bạn có thể nói một người đang nói. Theo văn mạch từ *tiếng* chỉ về Đức Chúa Trời.

“Phê-rô, hãy đứng dậy làm thịt mà ăn!”:

Đây hàm ý rằng Phê-rô đang tựa mình vào một vật gì, hay đang quỳ gối trên mái nhà. Hay, đó là một phần trong việc Đức Chúa Trời kêu ông hành động. Mệnh lệnh *làm thịt mà ăn* áp dụng cho bất cứ loài vật nào ông đang thấy trong khăn, như rắn hay chim trời, ngay cả những loài vật người Do Thái không được phép ăn. Nếu trong ngôn ngữ bạn cần dùng cách nói trực tiếp bạn có thể để tên *Phê-rô* vào chỗ thích hợp.

10:14a

Nhưng Phê-rô thưa: “Lạy Chúa! Không được đâu!”: Phê-rô nhận ra Đức Chúa Trời đang nói chuyện với ông, nên ông đã xưng hô với Ngài bằng từ *Chúa*. Bạn cần thêm một câu nói để cho thấy rõ cái gì *không được đâu*. Ví dụ, bạn có thể nói: “Thưa Chúa, tôi không thể làm điều đó được!” Hay, bạn có thể nói: “Chắc chắn Chúa không muốn tôi làm điều đó chứ!”

10:14b

Con chẳng bao giờ ăn vật gì ô uế hoặc không tinh sạch: Theo bản Hy-lạp giới thiệu mệnh đề này bằng một giới từ tương đương với “bởi vì.” Hai tính từ *ô uế* và *không tinh sạch* có cùng một ý nghĩa liên quan đến những vật mà Môi-se cấm người Do Thái không được ăn. Nếu một vật gì luật pháp kể là “không tinh sạch” đụng vào một vật khác, thì ô nhiễm của nó sẽ làm cho vật bị đụng đến trở thành “ô uế.” Xem Lời Giải Nghĩa ở 10:12 liên hệ đến những vật mà Môi-se gọi là “không tinh sạch.” Bạn nên chuyển ngữ hai tính từ này riêng biệt, giống như trong CĐN của PKTCCN. Hay, bạn có thể coi nó như là một phần (đơn vị) và chuyển ngữ một cách tổng quát như câu thứ hai của CĐN của PKTCCN.

10:15a

Tiếng ấy lại bảo: Chuyển ngữ nhóm từ này giống như bạn chuyển ngữ những từ trong 10:13a.

10:15b

“Đừng coi những vật Đức Chúa Trời đã thanh tẩy là ô uế!”: Đây hàm ý rằng Đức

- 10:11b** và có vật gì như tấm khăn lớn buộc bốn góc hạ xuống đất, và [như có một người nào đó] đang hạ một cái gì giống như một tấm khăn lớn xuống đất từ bốn góc của nó.
- 10:12** chứa đủ các loài vật bốn chân, loài bò sát dưới đất và loài chim trời. Trong đó có nhiều loài động vật bò sát và bốn chân như rắn và chim trời. [Đây là những loài vật mà người Do Thái chẳng bao giờ ăn.]
-HAY-
Trong khăn đó có nhiều loài vật [mà luật pháp Môi-se cấm người Do Thái không được ăn]. Một số có bốn chân, một số là loài bò sát, một số khác nữa là các loại chim trời.
- 10:13** Rồi một tiếng nói bảo ông: “Phê-rơ, hãy đứng dậy làm thịt mà ăn!”
Sau đó [ông nghe] có một người bảo ông [thế này]: “Phê-rơ, hãy đứng dậy, làm thịt [một số loài vật này] và ăn [thịt của chúng]!”
-HAY-
Rồi Đức Chúa Trời bảo ông ta: “Phê-rơ, hãy giết [một số loài vật này] và ăn [thịt chúng]!”
- 10:14a** Nhưng Phê-rơ Thưa: “Lạy Chúa! Không được đâu!”
Nhưng Phê-rơ trả lời: “Thưa Chúa, [tôi] không thể làm [điều đó]!”
-HAY-
Những Phê-rơ nói: “Lạy Chúa [của tôi,] chắc Chúa [thật sự] không muốn tôi làm [đều đó]!”
- 10:14b** Con chẳng bao giờ ăn vật gì ô ước hoặc không tinh sạch.”
Con chẳng bao giờ ăn bất cứ loại [thịt] nào mà [luật của người Do Thái chúng tôi] cấm, vì không tinh sạch.”
-HAY-
[Tôi không thể làm điều đó vì] tôi chưa từng bao giờ ăn bất cứ loại [thịt] nào mà [luật pháp của chúng tôi] cấm không được ăn.”
- 10:15a** Tiếng ấy lại bảo:
[Ông nghe] người đó nói với ông lần thứ hai:
-HAY-
Đức Chúa Trời bảo ông lần thứ hai:
- 10:15b** “Đừng coi những vật Đức Chúa Trời đã thanh tẩy là ô ước!”
“Nếu [Ta] là Đức Chúa Trời đã tạo ra những vật có thể [ăn được], đừng nói là không thể [ăn được].”
-HAY-
“Nếu Đức Chúa Trời tạo ra những vật thích hợp cho việc [ăn uống], đừng nói: ‘Tôi không thể ăn chúng nó.’”

Chúa Trời làm cho thịt của tất cả những vật mà Phê-rơ thấy trong khăn được chấp nhận cho Phê-rơ có thể ăn được. Do đó Phê-rơ

không nên nói rằng ông không thể ăn những thịt đó được.

Đây là lời chính Đức Chúa Trời nói, do đó trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn cần

nói: “Ta, là Đức Chúa Trời...” Và, bạn có thể cân chuyển ngữ thành hai câu. Thí dụ, bạn có thể nói: “[Ta là] Đức Chúa Trời [và Ta] đã tạo ra những [loài vật] tinh sạch. [Vì thế] người không được gọi chúng là không tinh sạch.” Có thể chuyển ngữ câu này bằng lời nói trực tiếp về những gì Đức Chúa Trời cấm Phê-rơ nói, giống như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN. Bạn có thể chuyển ngữ như sau: “Bây giờ Đức Chúa Trời không cấm người ăn thịt của những loài vật này.”

10:16a

Việc đó lặp lại ba lần: Từ việc đó nói về những gì Đức Chúa Trời vừa mới nói với Phê-rơ: “Đừng coi những vật Đức Chúa Trời đã thanh tẩy là ô uế!” Tin rằng Đức Chúa Trời nói những lời này ba lần, để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Trong văn mạch rộng lớn hơn (đặc biệt là trong, 10:19-20 và 34) cho thấy mục đích của khái tượng là để thuyết phục Phê-rơ rằng ông cần phải giao tiếp với những người không phải gốc Do Thái. Điều này có thể kể cả ăn những gì ông được mời ăn tại nhà của họ. Tuy nhiên, Phê-rơ không hiểu được ý nghĩa của khái tượng, mãi về sau ông mới hiểu, bạn không cần để những chi tiết này vào trong bản chuyển ngữ của bạn.

10:16b

rồi lập tức tấm khăn được thu lên trời: Việc này xảy ra ngay sau khi Đức Chúa Trời phán cùng Phê-rơ xong. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn cần bày tỏ như có người kéo tấm khăn trở lại thiên đàng, như đã nói trong 10:11b. Về ý nghĩa của từ thiên đàng hãy xem 10:11a. Hay, bạn có thể nói “tấm khăn được cất lên trời.”

10:17-23a Đức Thánh Linh bảo Phê-rơ đi với những người không phải gốc Do Thái này

10:17a

Phê-rơ đang phân vân tìm hiểu ý nghĩa khái tượng này: Đây có nghĩa Phê-rơ chưa hiểu Đức Chúa Trời muốn dạy Phê-rơ điều gì trong khái tượng này. Vì thế ông đang suy

nghĩ để tìm hiểu. Ông biết Đức Chúa Trời muốn dạy ông một điều gì ngoài việc được phép ăn thịt của những loài vật mà người Do Thái chẳng hề ăn, nhưng ông không hiểu điều đó là gì. Trong ngôn ngữ của bạn, người đọc có thể hiểu hai từ ngữ *phân vân* và “suy nghĩ” giống nhau. Nếu đó là sự thật, bạn có thể chuyển ngữ giống như: “Ông tự hỏi, ‘Điều này có ý nghĩa gì?’”

10:17b

Ngay lúc ấy, những người Cọt-nây sai đi đã tìm ra nhà của Si-môn, vừa đến đứng ngay trước cửa: Ngay lúc ấy giới thiệu câu 10:17a và bày tỏ rằng *những người Cọt-nây sai đi* đến ngay trong lúc Phê-rơ đang tìm hiểu ý nghĩa của khái tượng. Họ đã nhờ người ta chỉ đường đến nhà Si-môn, là lúc này người ta vừa đến cổng. (Trong tiếng Hy-lạp từ ngữ chỉ về “cửa” khác từ ngữ chỉ cho “cổng.”) Trong ngôn ngữ của bạn cũng nên phân biệt giữa Si-môn “thợ thuộc da” với Si-môn Phê-rơ. Ví dụ, bạn có thể nói “họ biết địa chỉ nhà của Si-môn, người thợ thuộc da.”

10:18

Họ lớn tiếng hỏi: Họ gọi lớn đủ để cho người trong nhà hoặc trong vườn nghe được. Thì của động từ *hỏi* trong tiếng Hy-lạp cho biết có thể họ hỏi nhiều lần.

“Si-môn gọi là Phê-rơ có trọ tại đây không?”: Bạn có thể chuyển ngữ câu này thành một lời nói gián tiếp giống câu thứ nhất của CDN của PKTCCN hay, một lời nói trực tiếp giống câu thứ hai của CDN của PKTCCN. Bạn cũng có thể chỉ cần nói “Si-môn Phê-rơ, thay vì *Si-môn gọi là Phê-rơ*.” Cho nhóm từ *có trọ* xem Lời Giải Nghĩa “có trọ” ở câu 10:6. Trong việc quyết định dùng lời nói trực tiếp hay gián tiếp, bạn nên chuyển ngữ thế nào để nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

10:19a

Phê-rơ còn đang suy nghiệm về khái tượng ấy: Điều này xảy ra cùng một lúc với những người đến tìm Phê-rơ. Thì của động từ *đang suy nghiệm*, bày tỏ rằng đến lúc đó, Phê-rơ vẫn còn đang cố gắng tìm ý nghĩa của khái

10:16a	Việc đó lặp lại ba lần, [Phê-rơ] nghe [những lời đó] ba lần, do đó ông nghĩ rất kỹ về việc xảy ra]. -HAY- [Đức Chúa Trời] nói những [lời] đó ba lần, để Phê-rơ xem xét những việc xảy ra.
10:16b	rồi lập tức tấm khăn được thu lên trời. Ngay [sau khi Đức Chúa Trời nói điều đó ba lần, có một người nào đó] kéo khăn ấy [với tất cả các loài vật và chim] lên trời. -HAY- [Sau khi Đức Chúa Trời nói điều đó ba lần, các loài vật và chim trời và] tấm khăn đều biến đi.
10:17a	Phê-rơ đang phân vân tìm hiểu ý nghĩa khái tượng này. Phê-rơ cố gắng suy nghĩ chẳng biết khái tượng có ý nghĩa gì. -HAY- Phê-rơ cố gắng tìm hiểu [Đức Chúa Trời dạy ông] điều gì qua khái tượng.
10:17b	Ngay lúc ấy, những người Cọt-nây sai đi đã tìm ra nhà của Si-môn, vừa đến đứng ngay trước cửa. Ngay lúc đó, những người Cọt-nây sai đi [vừa tới. Người ta] chỉ cho họ [làm thế nào để đến] nhà của Si-môn [thợ thuộc da. Vì thế] họ đã đang đứng [trước cổng nhà]. -HAY- Vừa lúc đó, những người Cọt-nây sai đi, đến nhà Si-môn. Họ hỏi thăm [người ta] nhà của Si-môn, và đã tìm đến cổng.
10:18	Họ lớn tiếng hỏi: “Si-môn gọi là Phê-rơ có trọ tại đây không?” Họ gọi [và] hỏi rằng có một người tên là Si-môn Phê-rơ ở đó không. -HAY- Họ gọi [và] hỏi: “Có một người tên là Si-môn còn gọi là Phê-rơ ở đây không?”
10:19a	Phê-rơ còn đang suy nghiệm về khái tượng ấy, Trong khi Phê-rơ cố tìm hiểu ý nghĩa của khái tượng có [ý nghĩa gì] ,
10:19b	thì Thánh Linh bảo: “Kìa có ba người đang tìm con. Đức [Thánh Linh] bảo ông Phê-rơ: “Này! Có ba người [đến đây] muốn gặp con.

tượng. Dùng văn phạm thế nào đó để có thể cho thấy hai sự việc xảy ra cùng một lúc.

10:19b

thì Thánh Linh bảo: “Kìa có ba người đang tìm con: Xem 1:2b cho Lời Giải Nghĩa của “Đức Thánh Linh.” Trong bản Hy-lạp

có một từ ngữ tác giả dùng khiến người đọc phải chú ý đến một điều gì đó. Bác Sĩ Lu-ca dùng cùng một từ đó trong 8:36 và 9:11. BDM và the BDC dùng từ “kia” BDY dùng từ “này.” Thì của động từ, BDM chuyển ngữ *đang tìm*, bày tỏ rằng chính ngay lúc đó ba người đàn ông muốn gặp Phê-rơ.

10:20a

Con hãy đứng dậy xuống dưới nhà và đi với họ: Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể dùng một giới từ đồng nghĩa với “do đó,” vì nó giới thiệu những gì Đức Thánh Linh phán Phê-rơ phải thi hành, vì những gì nói trong câu 10:19b. Bạn cần chuyển ngữ động từ *đứng dậy* một cách sát nghĩa, vì Phê-rơ có thể đang quỳ gối hay đang tựa người vào một cái gì đó trong khi ông cầu nguyện. Hay, bạn có thể chuyển ngữ một cách tổng quát hơn, như “hãy sẵn sàng.” Bạn có thể chuyển ngữ với động từ chính “Hãy mau đi xuống!”

10:20b

đừng do dự, vì Ta đã sai họ đến: Nếu bạn chuyển ngữ mệnh đề này một cách tích cực có lẽ nghe tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Thí dụ, “Hãy đi ngay với những người đó!” hay “Hãy đi với họ, đừng nghi ngờ!” Bạn cần chuyển ngữ mệnh đề cuối của câu giống như thế này: “vì chính Ta đã sai họ đến đây.” Đức Thánh Linh dùng đại danh từ ngôi thứ nhất để nhấn mạnh chính Ngài.

10:21a

Phê-rơ xuống và bảo họ: “Tôi là người các ông đang tìm: Bạn có thể dùng một giới từ như “vì thế,” để giới thiệu câu này vì nhóm từ này bày tỏ phản ứng của Phê-rơ đối với mệnh lệnh của Đức Thánh Linh. Ngay lập tức *Phê-rơ xuống* từ câu thang trên mái nhà ông xuống gặp ba người khách mới đến.

10:21b

vì lý do nào các ông đến đây?: Trong ngôn ngữ của bạn, người ta có thể cho đây là một câu hỏi cộc cằn, thiếu lễ phép, do đó họ có thể hiểu lầm, “Các ông không nên đến đây.” Để có thể chuyển đạt đúng ý ở đây, bạn nên chuyển ngữ câu hỏi của Phê-rơ cho được lễ phép. Bạn có thể đổi câu hỏi này thành một câu nói thường để tìm kiếm dữ kiện giống như trong CĐN của PKTCCN. Ngôn ngữ của bạn có thể đòi hỏi lời chào trước lời yêu cầu giống như trong CĐN của PKTCCN 10:21a.

10:22a

Họ đáp: “Đội trưởng Cọt-nây sai chúng tôi đến đây: Trong ngôn ngữ của bạn, nếu nói: “Một trong ba người trả lời,” có lẽ tự nhiên hơn. Bạn có thể bắt đầu câu trả lời với “Cọt-nây,” như trong CĐN của PKTCCN. Xem Lời Giải Nghĩa trong 10:1b cho từ *Đội trưởng*.

10:22b

Ông ta là người công chính và sùng kính Đức Chúa Trời: Công chính là cố gắng làm những gì đẹp lòng Đức Chúa Trời. Xem 10:2a cho Lời Giải Nghĩa của các chữ *sùng kính Đức Chúa Trời*.

được toàn dân Do Thái kính nể: Đây có ý rằng chỉ có những người Do Thái biết rõ về Cọt-nây đều nói tốt về ông với những người khác chứ không phải tất cả mọi người dân Do Thái. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn thường dùng từ “toàn dân” để chỉ “rất nhiều người,” bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này giống như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

10:22c

Một thiên sứ thánh đã bảo ông ta mời ông về nhà: Ông ta chỉ về Cọt-nây và ông chỉ về Phê-rơ. Điều này sẽ được nói thêm trong câu 11:14: “Người ấy [Phê-rơ] sẽ bảo cho ông [Cọt-nây] biết lời Chúa; nhờ đó ông và cả nhà ông sẽ được cứu.” Trong CĐN của PKTCCN của 10:22c và 10:22d, bạn có thể chuyển ngữ theo hoặc câu (a) hay (b) cho cả hai phần. CĐN thứ nhất dùng cho câu nói gián tiếp, theo bản Hy-lạp. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn, lời nói trực tiếp thích hợp hơn, bạn nên dùng CĐN thứ hai.

một thiên sứ thánh: Xem “một thiên sứ của Đức Chúa Trời” trong câu 10:3b.

10:22d

để nghe những điều ông dạy: Giống như 10:22c, chuyển ngữ theo CĐN (1) hay (2) của PKTCCN cho câu nói trực tiếp hay gián tiếp.

- 10:20a** **Con hãy đứng dậy xuống dưới nhà,**
 Hãy đứng dậy [và] đi xuống dưới nhà
 -HAY-
 Do đó, hãy sẵn sàng [và] đi xuống
- 10:20b** **và đi với họ, đừng do dự, vì Ta đã sai họ đến!”**
 và đi với họ! Đừng suy nghĩ là có nên đi hay không [với những người không phải gốc Do Thái này], vì Ta bảo họ đến [đây].”
 -HAY-
 và hãy đi với họ ngay [mặc dù họ không phải là người Do Thái], vì chính Ta sai họ đến đây!”
- 10:21a** **Phê-rơ xuống và bảo họ: “Tôi là người các ông đang tìm,**
 Vì thế, Phê-rơ xuống gặp những người này [và] nói [với họ]: “[Chào các anh!] Tôi là [người] các anh đang tìm.
- 10:21b** **vì lý do nào các ông đến đây?**
 [Xin nói với tôi] tại sao các anh đến đây.”
 -HAY-
 [Xin cho tôi biết] nguyên nhân nào khiến các anh đến đây [để tìm gặp tôi].”
- 10:22a** **Họ đáp: “Đội trưởng Cọt-nây sai chúng tôi đến đây.**
 Họ trả lời: “Cọt-nây, [là] một sĩ quan của quân đội [La-mã], sai chúng tôi đến đây.
 -HAY-
 [Một trong] những người đó trả lời: “Cọt-nây, một sĩ quan trong quân đội [La-mã], ra lệnh cho chúng tôi đến đây.
- 10:22b** **Ông ta là người công chính và sùng kính Đức Chúa Trời, được toàn dân Do Thái kính nể.**
 Ông là người tốt, và kính sợ Thượng Đế, và tất cả những người Do Thái đều biết ông là người công chính.
 -HAY-
 Ông [luôn luôn] cố gắng làm những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời và kính sợ Ngài. Tất cả những người Do Thái nói rằng ông là một người tốt.
- 10:22c** **Một thiên sứ thánh đã bảo ông ta mời ông về nhà**
 (a) Một thiên sứ của Đức Chúa Trời phán với Cọt-nây để sai [người] đi mời Phê-rơ đến nhà,
 -HAY-
 (b) Một tiên sứ do Đức Chúa Trời sai đến, nói với ông rằng: ‘Hãy ra lệnh cho một vài người đi [đến Gióp-bê gặp Si-môn Phê-rơ và] mời người đến đây,
- 10:22d** **để nghe những điều ông dạy.”**
 (a) để nghe những gì Phê-rơ sẽ trình bày [cho ông ta].”
 -HAY-
 (b) để Phê-rơ có thể nói cho ông những gì ông cần nghe.’ ”

10:23a

Phê-rô mời họ vào nhà nghỉ: Theo bản Hy-lạp hàm ý rằng Phê-rô đồng ý đi với họ vào sáng hôm sau. Động từ được dùng trong

tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Phê-rô tiếp đón những khách lạ này rất niềm nở. Đây cũng có thể nói đến cả việc ăn uống và chỗ ngủ lại đêm. Xem CĐN của PKTCCN.

Tiểu đoạn phụ 10:23b-48 Đức Thánh Linh đến với Cọt-nây và người nhà của ông

Người ta có thể chia tiểu đoạn phụ này thành bảy đoạn ngắn như sau: 10:23b-26 (Phê-rô gặp Cọt-nây), 10:27-29 (Câu hỏi của Phê-rô), 10:30-33 (trả lời của Cọt-nây), 10:34-43 (sứ điệp của Phê-rô), và 10:44-48 (Đức Thánh Linh đến với Cọt-nây và người nhà của ông). Và, sứ điệp của Phê-rô gồm có ba phần ngắn: 10:34-35 (Phê-rô giới thiệu sứ điệp của ông), 10:36-38 (Phê-rô nhắc lại những gì họ biết), và 10:39-43 (Phê-rô nói rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội cho những người tin nhận Chúa Giê-su).

10:23b-26 Phê-rô cùng với những người đàn ông đi gặp Cọt-nây

10:23b

Hôm sau, Phê-rô cùng họ lên đường, có vài anh em tín hữu ở Gióp-bê tháp tùng: Nếu bạn muốn nói rõ họ di chuyển bằng cách nào, họ đi bộ từ Gióp-bê đến Sê-sa-rê, một quãng đường độ chừng năm mươi cây số.

chuyện. Bản văn chỉ hàm ý những người cùng đi với ông.

quỳ dưới chân ông mà lạy: Các học giả Kinh Thánh chuyển ngữ câu này bằng hai cách khác nhau:

- (1) Một số nghĩ rằng Cọt-nây hiểu nhầm, tưởng Phê-rô là một siêu nhân, một người từ trời đến, nên thờ lạy ông.
- (2) Một số khác cho rằng Cọt-nây tôn kính Phê-rô như một sứ giả quan trọng của Đức Chúa Trời, nhưng không thờ lạy ông.

10:24a

Ngày hôm sau,: Ngày sau đó hàm ý rằng họ ngủ đêm tại một nơi nào đó trên lộ trình.

Cách chuyển ngữ thứ nhất đúng với văn mạch hơn. Những gì Phê-rô nói với Cọt-nây trong 10:26b là bằng chứng.

họ đến Sê-sa-rê: Theo bản văn tiếng Hy-lạp có đại danh từ “ông” (được dùng ở đây để chỉ về Phê-rô) thay vì đại danh từ *họ* như BDM dùng. Mặc dù Phê-rô là nhân vật chính trong câu chuyện, nhưng những người từ Gióp-bê cùng đi với Phê-rô và cả ba người đi mời ông đều cùng đến Sê-sa-rê một lúc. Do đó, việc dùng từ *họ* ở đây là thích hợp.

10:26a

Nhưng Phê-rô đỡ Cọt-nây dậy: Liên từ *nhưng* cho thấy một sự tương phản giữa việc Cọt-nây lạy Phê-rô và việc Phê-rô từ chối. Động từ, mà BDM chuyển ngữ *đỡ Cọt-nây dậy*, cũng là động từ Phê-rô dùng trong 10:40a, trong đó Phê-rô nói rằng Đức Chúa Trời “làm cho (Chúa Giê-su) sống lại” sau khi đã chết. Theo văn mạch ở đây, có nghĩa là Phê-rô nắm lấy tay Cọt-nây và đỡ ông đứng dậy.

10:24b

Cọt-nây đang chờ đợi và đã mời bà con, thân hữu tế tựu đông đủ: Cọt-nây mời những bà con và bạn bè thân thiết, là những người kính sợ Đức Chúa Trời, đến để nghe sứ điệp của Phê-rô.

10:26b

“Xin ông đứng lên cho! Tôi cũng là người thường thôi!”: Trong khi đỡ Cọt-nây, Phê-rô nói *đứng lên*. Điều đó hàm ý rằng Cọt-nây không nên lạy Phê-rô. Lời nói kể của Phê-rô bày tỏ rõ rằng ông là một người bình thường

10:25

Phê-rô vừa bước vào, Cọt-nây ra đón: Phê-rô và Cọt-nây là hai nhân vật chính trong câu

10:23a Phê-rơ mời họ vào nhà nghỉ.
Do đó, Phê-rơ [nói ông sẽ đi với họ, và ông] mời họ vào [trong nhà] và bảo họ có thể ở [lại đêm] tại nhà ông đang ở trọ.

Tiểu đoạn phụ 10:23b-48 Đức Thánh Linh đến với Cọt-nây và người nhà của ông

10:23b Hôm sau, Phê-rơ cùng họ lên đường, có vài anh em tín hữu ở Gióp-bê tháp tùng.

Ngày hôm sau Phê-rơ sẵn sàng lên đường đi với họ, và có một vài tín hữu ở [thành] Gióp-bê cùng đi.

10:24a Ngày sau đó, họ đến Sê-sa-rê.

Ngày sau nữa Phê-rơ [và những người đi với ông] đến [thành] Sê-sa-rê.

10:24b Cọt-nây đang chờ đợi và đã mời bà con, thân hữu tề tựu đông đủ.

Cọt-nây đang trông đợi họ. Ông cũng đã mời họ hàng và những người quen thân [đến, do đó họ đã đợi sẵn trong nhà].

10:25 Phê-rơ vừa bước vào, Cọt-nây ra đón, quỳ dưới chân ông mà lạy.

Khi Phê-rơ bước vào nhà, Cọt-nây đón Phê-rơ và cúi đầu chào lạy.

-HAY-

Khi Phê-rơ vào nhà, Cọt-nây đón ông, và nhanh nhẹn quỳ trước mặt [Phê-rơ] để chào lạy [ông].

10:26a Nhưng Phê-rơ đỡ Cọt-nây dậy,

Nhưng Phê-rơ [nắm tay] đỡ ông đứng dậy.

10:26b bảo rằng: “Xin ông đứng lên cho! Tôi cũng là người thường thôi!”

Phê-rơ nói: “Hãy đứng dậy [đừng lạy tôi]! Tôi cũng chỉ là một người [giống như ông].

10:27a Vừa nói chuyện với Cọt-nây, vừa tiến vào trong nhà,

Trong khi vừa nói chuyện với Cọt-nây, Phê-rơ, [và những người đi theo ông] vào [một phòng lớn trong nhà],

-HAY-

Trong khi Phê-rơ nói chuyện với Cọt-nây, họ vào trong [nhà],

giống như Cọt-nây, do đó đừng có ai lạy ông. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn nên chuyển ngữ thế nào giống như trong CDN của PKTCCN.

10:27-29 Phê-rơ hỏi tại sao Cọt-nây cho người đi mời ông đến

10:27a

Vừa nói chuyện với Cọt-nây, vừa tiến vào trong nhà: Thì của động từ *nói* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng Phê-rơ tiếp tục nói với Cọt-nây đang khi bước vào nhà. BDM chuyển ngữ chỗ này theo thể *vừa... vừa....*

vào trong nhà: Đây cho biết Phê-rơ vào trong một phòng rộng, nơi có nhiều người đang tụ tập và đợi Phê-rơ đến. Theo câu 10:24a, mặc dù Bác Sĩ Lu-ca chỉ đề cập đến Phê-rơ, nhưng chắc những người cùng đi với ông từ Gióp-bê đều cùng vào trong phòng. Bản văn chỉ hàm ý ở đây, nhưng bạn có thể nói rõ ràng nếu bạn thấy cần.

10:27b

Phê-rơ thấy một đám đông đang tụ họp: Có nghĩa là Phê-rơ thấy có nhiều “bà con thân thuộc” của Cọt-nây, mà Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến trong 10:24b, đã sẵn sàng ngồi đợi ở đó.

10:28a

Quý vị thừa biết theo phong tục người Do Thái kết thân với người khác chẳng tộc hoặc đến thăm họ là điều cấm kỵ: Phê-rơ nhắc những người không phải gốc Do Thái này về những điều họ từng biết. Đó là, người Do Thái không giao thiệp với những người nước ngoài, vì những thầy dạy luật của họ dạy rằng việc giao thiệp với những người nước ngoài, theo nghi thức, họ sẽ bị coi là “không thánh sạch” do đó Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận họ. Vì lý do đó, người Do Thái nghĩ rằng theo lễ nghi tôn giáo họ không được phép vào nhà của những người không phải gốc Do Thái. Những người Phê-rơ đang nói chuyện với là những người không phải gốc Do Thái, do đó để cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, nên dùng đại danh từ (các anh) ngôi thứ hai số nhiều cho những người mà Phê-rơ nói chuyện với, thay vì ngôi thứ ba. Xem CDN thứ hai của PKTCCN.

10:28b

Nhưng Đức Chúa Trời đã tỏ cho tôi biết: Bạn có thể chuyển ngữ động từ, *đã tỏ*, đồng nghĩa với “giải thích” hay “làm cho sáng tỏ.” **tôi không được gọi ai là phạm tục hoặc ô uế cả:** Nhóm từ *tôi không được gọi ai* cho biết Phê-rơ không nên xem hay đối xử với bất cứ một ai như là những kẻ *phạm tục hoặc*

ô uế cả. Phạm tục hoặc ô uế cả cùng những chữ này Phê-rơ đã dùng trong câu 10:14b để nói đến thịt của những loài vật người Do Thái không ăn, nhưng người nước ngoài thì ăn rất là bình thường. Người Do Thái cho rằng những thức ăn này làm cho ô nhiễm hay ô uế cho những người ăn. Nếu một người Do Thái giao thiệp với những người nước ngoài, theo nghi lễ họ sẽ bị coi là “không thánh sạch.” Khi hai từ ngữ này được ghép lại với nhau, bạn có thể chuyển ngữ ý của nó như “không thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời” hay “không thích hợp [cho người Do Thái] giao thiệp với.” Một cách khác có thể chuyển ngữ câu 10:28b như sau đây: “Bây giờ tôi biết rằng đối với Đức Chúa Trời, tôi có thể tiếp xúc với người nước ngoài [giống như với những người Do Thái].”

10:29a

Do đó, khi được mời là tôi đến ngay, không phản đối gì: *Do đó* bày tỏ rằng đây là phản ứng của Phê-rơ về những gì Ngài vừa mới dạy ông. Bạn có thể đổi nhóm từ, *khi được mời*, thành “[anh] cho [người] đến mời tôi.”

không phản đối gì: Đây có nghĩa là Phê-rơ sẵn sàng chấp nhận lời mời. Bạn có thể nói: “Tôi [không gạn hỏi một điều gì và] cũng không từ chối đi [đến gặp ông].” Bạn cũng có thể nói điều này một cách tích cực, như CDN thứ hai trong CDN của PKTCCN.

10:29b

Vậy xin quý vị cho biết vì lý do nào quý vị mời tôi đến đây?: Bạn có thể đổi câu hỏi này thành một lời nói thường, như trong CDN của PKTCCN. Bạn nên chuyển ngữ thế nào để nghe cho được lễ phép trong ngôn ngữ của bạn.

Phê-rơ hỏi câu này có lẽ nhằm vào những nhu cầu của người nhà và bạn bè của Cọt-nây, vì những người đến mời Phê-rơ đã cho ông biết tại sao họ được sai đến để mời ông. Phê-rơ cũng có thể hỏi câu hỏi này để biết thêm chi tiết.

- 10:27b** **Phê-rơ thấy một đám đông đang tụ họp.**
và Phê-rơ thấy có nhiều người tụ tập [tại đó].
- 10:28a** **Ông nói: “Quý vị thừa biết theo phong tục người Do Thái kết thân với người khác chủng tộc hoặc đến thăm họ là điều cấm kỵ.**
Rồi Phê-rơ nói với mọi người: “Tất cả các ông đều biết rằng bất cứ người Do Thái nào [trong chúng tôi] có thể phạm luật [Do Thái của chúng tôi], nếu người đó giao thiệp với những người không phải là Do Thái [dù chỉ đến] thăm [người ấy].
-HAY-
Rồi Phê-rơ [bắt đầu nói, ông] nói với họ: “Các ông [không phải là người Do Thái] biết rằng luật của [người Do Thái chúng tôi] cấm chúng tôi giao chuyển ngữ với các ông [những người không phải gốc Do Thái] hay đến thăm viếng [tại nhà các ông].
- 10:28b** **Nhưng Đức Chúa Trời đã tỏ cho tôi biết tôi không được gọi ai là phạm tục hoặc ô uế cả.**
Tuy nhiên, Đức Chúa Trời bảo tôi [trong một khả tượng] rằng tôi không được coi một người nào là “không tinh sạch” [dẫn chứng luật Do Thái] mà từ chối giao chuyển ngữ với họ.
-HAY-
Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chỉ dẫn tôi [trong một khả tượng] rằng tôi không được coi bất cứ một người nào là không tinh sạch để giao thiệp với.
- 10:29a** **Do đó, khi được mời là tôi đến ngay, không phản đối gì.**
Bởi đó, khi ông cho [người] mời tôi đến [với ông], tôi đi [ngay lập tức và tôi] không nói rằng tôi chẳng được cùng đi chung [với những người không phải là Do Thái].
-HAY-
Vì thế, khi ông gọi [lời] mời tôi đến, tôi nhận lời ngay và đi [càng sớm càng tốt].
- 10:29b** **Vậy xin quý vị cho biết vì lý do nào quý vị mời tôi đến đây?”**
Xin cho tôi biết, tại sao các ông cho mời tôi đến [đây]?”
- 10:30a** **Cột-nây đáp: “Bốn ngày trước đây, vào khoảng giờ này, tức ba giờ chiều, tôi đang ở nhà cầu nguyện.**
Do đó Cột-nây trả lời: “Bốn ngày trước đây vào lúc ba giờ chiều khi tôi đang cầu nguyện [với Đức Chúa Trời] tại nhà của tôi [, như tôi vẫn thường làm].
-HAY-
Cho nên Cột-nây nói: “Bốn ngày trước, cũng vào giờ này [trong ngày] khi tôi đang cầu nguyện [với Đức Chúa Trời] tại nhà tôi [, như thường lệ,] lúc ba giờ chiều.

10:30-33 Cột-nây nói về khả tượng ông thấy

10:30a

Cột-nây đáp: Trong câu 10:29b Phê-rơ dùng từ “quý vị” để hỏi tất cả mọi thánh giả không phải gốc Do Thái tại sao họ mời ông đến.

Cột-nây trả lời câu hỏi của Phê-rơ, vì ông là người mời mọi người đến.

vào khoảng giờ này, tức ba giờ chiều, tôi đang ở nhà cầu nguyện: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ nhóm từ này *vào khoảng giờ này* có nghĩa “khoảng chừng giờ này.” Xem 10:3a cho Lời Giải Nghĩa cho nhóm từ *ba giờ chiều*. Ở nhà cho biết nơi Cột-nây đang ở trong giờ đó và cũng hàm ý rằng ông đang cầu nguyện một mình.

10:30b

Bỗng một người mặc áo sáng rực đến đứng ngay trước mặt tôi: BDM chuyển ngữ từ *bỗng* trong tiếng Hy-lạp để giới thiệu một việc xảy ra hoàn toàn không hề có sự mong đợi. Cột-nây tả một “thiên sứ của Đức Chúa Trời” (10:3b) như *một người mặc áo sáng rực*. Trong 1:10b, Bác Sĩ Lu-ca cũng diễn tả những thiên sứ như “hai người nam mặc áo trắng.” (So sánh với Lu-ca 24:4.)

10:31-32

Hầu hết tin tức trong các câu này giống trong các câu 10:3-6. Do đó bạn nên so sánh với nhau, bạn đã chuyển ngữ những câu đó như thế nào. 10:32 gần như hoàn toàn giống các câu 10:5-6.

10:31a

mà bảo: “Ông Cột-nây, Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện ông: Rồi thiên sứ gọi ông bằng tên, như trong 10:3b. *Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện ông* hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ làm một điều gì đó để giúp Cột-nây. Trong 11:14, lời nói của Phê-rơ hàm ý rằng Cột-nây có thể đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời cứu ông và người nhà của ông.

10:31b

và ghi nhớ việc ông cứu tế người nghèo khổ: Nhóm từ này có ý rằng Đức Chúa Trời nhận biết những việc Cột-nây từng làm để giúp đỡ người nghèo và Ngài rất hài lòng về những điều đó. Xem Lời Giải Nghĩa cho nhóm từ *việc ông cứu tế người nghèo khổ* ở 10:4b, nhóm từ được chuyển ngữ rất sát nghĩa từ bản chuyển ngữ tiếng Hy-lạp.

10:32a

Hãy sai người đến Gióp-bê tìm Si-môn gọi là Phê-rơ: Trong bản văn tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng từ “vì thế.” BDC và BDY chuyển ngữ từ này, nhưng BDM không chuyển ngữ từ này sang tiếng Việt. Trong bản chuyển ngữ của bạn, nếu có thể, bạn nên dùng liên từ “vì thế” để bắt đầu câu 10: 32a.

10:32b

Ông ấy đang trọ ở nhà Si-môn, thợ thuộc da, nhà ở gần biển: Câu này nhắc lại lời thiên sứ nói trong câu 10: 5-6, tuy nhiên có khác đôi chút về cách dùng chữ. Xem Lời Giải Nghĩa ở 10:6 cho các từ *thợ thuộc da*.

10:33a

Vậy nên tôi lập tức sai người đi mời ông: *Vậy* bày tỏ phản ứng của Cột-nây đối với lời phán của thiên sứ. Từ *lập tức*, được đặt ở đầu câu trong bản Hy-lạp; để nhấn mạnh rằng Cột-nây không trễ nải việc sai người đi mời Phê-rơ đến với họ.

và ông có lòng tốt đến đây: Theo tiếng Hy-lạp, chuyển ngữ theo từng chữ “và ông đã tốt đến.” Đây là một cách để nói: “Cám ơn ông đến đây.” Bạn nên chuyển ngữ thế nào cho thích hợp trong ngôn ngữ của bạn để có thể bày tỏ được rằng Cột-nây rất cảm ơn vì Phê-rơ nhận lời đến ngay.

10:33b

Giờ đây, tất cả chúng tôi hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời: *Trước mặt Đức Chúa Trời* hàm ý rằng Cột-nây so sánh việc nghe sứ điệp của Phê-rơ với thì giờ thờ phượng Đức Chúa Trời. Nếu trong ngôn ngữ bạn không có từ đồng nghĩa với “hiện diện,” bạn có thể nói: “...và chúng tôi biết Đức Chúa Trời cũng đang ở đây.” (Dĩ nhiên, Phê-rơ và những người cùng đi với ông thừa biết Đức Chúa Trời có ở đó, nhưng Cột-nây nói với người nhà của ông.)

10:33c

để nghe mọi điều Chúa đã truyền dạy ông: Đây hàm ý rằng chẳng những nghe, nhưng họ còn làm theo tất cả những gì mà Đức Chúa Trời đã phán dặn Phê-rơ nói lại cho họ.

- 10:30b** **Bỗng một người mặc áo sáng rực đến đứng ngay trước mặt tôi**
Bỗng nhiên có một người mặc áo [sáng] chói đứng trước mặt tôi,
- 10:31a** **mà bảo: “Ông Cọt-nây, Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện ông**
và nói với tôi: ‘Ông Cọt-nây, Đức Chúa Trời đã nghe [khi] ông cầu nguyện [với
Ngài, và Ngài sẽ giúp đỡ ông].
- 10:31b** **và ghi nhớ việc ông cứu tế người nghèo khổ,**
Ngài cũng biết [và hài lòng] về việc ông [thường] cho những người nghèo tiền
bạc [để giúp đỡ họ].
- 10:32a** **Hãy sai người đến Gióp-bê tìm Si-môn gọi là Phê-rơ.**
Vây bây giờ, hãy cho [những người tin cần đi đến] thành Gióp-bê [để] mời Si-
môn đến [đây]. Si-môn còn có tên là Phê-rơ.
- 10:32b** **Ông ấy đang trọ ở nhà Si-môn, thợ thuộc da, nhà ở gần biển”.**
Ông đang ở tạm trong một căn nhà gần bờ biển, nhà của một người thợ thuộc da,
[cũng] có tên là Si-môn. [Khi Si-môn Phê-rơ đến sẽ bảo ông những việc ông cần
biết.]
-HAY-
Một Si-môn [khác] làm nghề thuộc da, có nhà gần biển nơi Phê-rơ ở tạm. [Khi
Si-môn Phê-rơ đến sẽ mang cho ông những tin tức từ Đức Chúa Trời].
- 10:33a** **Vây nên tôi lập tức sai người đi mời ông và ông có lòng tốt đến đây.**
Vì thế, tôi lập tức sai [mấy người đến mời] ông [đến đây], và ông đã từ tế đến
đây [với tôi].
-HAY-
Do đó tôi lập tức sai [một vài người] đi mời ông đến [đây], và [tôi thành thật]
cám ơn ông đến đây.
- 10:33b** **Giờ đây, tất cả chúng tôi hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời**
Bây giờ tất cả chúng tôi [ở đây] với [Chúa] Đức Chúa Trời [là Đấng đang hiện
diện
-HAY-
Bây giờ Đức Chúa Trời khiến tất cả chúng tôi có mặt tại đây
- 10:33c** **để nghe mọi điều Chúa đã truyền dạy ông.**
để nghe [và vâng theo] tất cả những gì mà [Đức] Chúa [Trời] phán cùng ông [vây
nên, xin nói cho chúng tôi].

Chúa, chỉ về Đức Chúa Trời, bạn có thể dùng một sở hữu đại danh từ “của chúng ta”

đi chung với danh hiệu “Chúa.”

10:34-43 Bài giảng của Phê-rơ cho Cọt-nây và người nhà của ông

Bài giảng của Phê-rơ cho Cọt-nây và người nhà của ông gồm có ba phần như sau: 10:34-35 (Phê-rơ giới thiệu bài giảng của ông), 10:36-38 (Phê-rơ nhắc lại những gì họ biết về Chúa Giê-su) và

10:39-43 (Phê-rơ nói rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội lỗi cho tất cả những ai tin nhận Chúa Giê-su).

10:34-35 Phê-rơ giới thiệu bài giảng của ông

10:34a

Phê-rơ bắt đầu nói: Chuyển ngữ theo từng chữ trong tiếng Hy-lạp “và mở Phê-rơ miệng ông nói.” Đây là một nhóm từ thường được dùng để bắt đầu câu chuyện, thường là những bài diễn thuyết dài. Bạn có thể giới thiệu bài giảng của Phê-rơ thế nào cho hợp với ngôn ngữ của bạn. Trong 10:34-35 Phê-rơ giới thiệu phần còn lại trong bài giảng của ông.

10:34b

Bây giờ, tôi ý thức Đức Chúa Trời thật chẳng thiên vị ai: Người Do Thái nhầm tưởng rằng Đức Chúa Trời ưa thích dân tộc Do Thái nhiều hơn là những dân tộc khác, và do đó Ngài không hài lòng với những người không phải gốc Do Thái. Vì lý do đó, họ không muốn có liên hệ gì với người không phải gốc Do Thái. Nhưng nhờ khái tượng này, Đức Chúa Trời cho Phê-rơ thấy rằng Đức Chúa Trời thật chẳng thiên vị ai trong sự liên hệ của Ngài với con người. Bạn có thể nói ý này một cách tích cực: Đức Chúa Trời đối xử mọi dân tộc như nhau. Bạn nên dựa theo CĐN (a) hay (b) của CĐN của PKTCCN cho câu 10:34b và 10:35.

10:35

nhưng trong tất cả các dân tộc, hễ ai kính sợ Ngài và làm điều công chính đều được Ngài hài lòng: Nhưng bày tỏ sự tương phản giữa những gì Đức Chúa Trời không thực hiện trong sự liên hệ với con người (10:34b) và những gì Ngài thực hiện (10:35).

kính sợ Ngài và làm điều công chính: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp kính sợ cho thấy rằng họ luôn kính sợ Ngài. Họ cũng tiếp tục làm điều công chính đều được Ngài hài lòng. Trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nên đặt một câu riêng để nói việc Đức Chúa Trời làm, và việc Ngài không làm, như

trong CĐN thứ hai của CĐN của PKTCCN cho 10:34b và 10:35, cho được riêng biệt.

10:36-38 Phê-rơ nhắc đến những việc họ đã biết về Chúa Giê-su

10:36a

Đây là sứ điệp Đức Chúa Trời gửi cho người Y-sơ-ra-ên: Đây nói về việc Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho dân Y-sơ-ra-ên bằng cách sai Con Ngài đến với họ. Phê-rơ cũng là một người Do Thái, nên bạn có thể chuyển ngữ như “đến với chúng tôi là người Y-sơ-ra-ên. Xem CĐN của PKTCCN.

10:36b

nói về Phúc Âm bình an qua Chúa Cứu Thế Giê-su: Dưới đây là hai cách có thể giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ qua Chúa Cứu Thế Giê-su có liên hệ trực tiếp đến sự bình an. Họ cũng nghĩ rằng Đức Chúa Trời là Đấng thực hiện mọi điều, giống như trong 10:36a.
- (2) Một vài học giả khác cho rằng qua Chúa Cứu Thế Giê-su liên hệ đến từ nói về. Có nghĩa là, Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng công bố Phúc Âm về bình an.

Cách chuyển ngữ thứ nhất có lẽ đúng, bởi vì qua Đức Giê-su có nhiều liên hệ tự nhiên đến sự bình an. Bình an qua Đức Giê-su đây nói về sự được quan hệ đứng đắn với Đức Chúa Trời bằng những gì Chúa Giê-su đã làm. ở đây bạn có thể chuyển ngữ Cứu Thế là một phần của tên Chúa Giê-su.

Đây Phê-rơ nói đến nội dung của “sứ điệp” mà ông đã nhắc đến trong 10:36a. Nói về Phúc Âm trong Hy-lạp, động từ này, đôi khi có người chuyển ngữ là “giảng lời Chúa.” Thì của động từ ở đây cho thấy rằng Đức Chúa Trời làm điều này trong một khoảng thời gian lâu dài. Các sách Phúc Âm cho thấy một cách rõ ràng rằng cả hai, Chúa Giê-su và môn đệ của Ngài, đều công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời cho dân chúng.

10:34a	Phê-rơ bắt đầu nói: Nên Phê-rơ nói với họ:
10:34b	“Bây giờ, tôi ý thức Đức Chúa Trời thật chẳng thiên vị ai, (a) “Bây giờ tôi hiểu [đây là] sự thật. Đức Chúa Trời không phải chỉ thiên vị một nhóm [người]. -HAY- (b) “Bây giờ tôi hiểu [rằng đây là] sự thật Đức Chúa Trời chấp nhận tất cả mọi giống [dân].
10:35	nhưng trong tất cả các dân tộc, hễ ai kính sợ Ngài và làm điều công chính đều được Ngài hài lòng. (a) Thay vì, Ngài chấp nhận bất cứ ai, kính sợ và sống đẹp lòng [Ngài]. -HAY- (b) Ngài đón nhận mọi giống người, [những ai] tôn vinh Ngài là làm những công việc đẹp lòng [Ngài].
10:36a	Đây là sứ điệp Đức Chúa Trời gửi cho người Y-sơ-ra-ên, [Các ông biết] sứ điệp này Đức Chúa Trời gửi cho [chúng tôi] dân sự Y-sơ-ra-ên: -HAY- [Các ông biết] những gì Đức Chúa Trời bày tỏ cho [chúng tôi] người Y-sơ-ra-ên:
10:36b	nói về Phúc Âm bình an qua Chúa Cứu Thế Giê-su, [Đức Chúa Trời] phán cho khiến [con người] làm hoà lại [với Ngài] qua những gì Chúa Giê-su [đã làm cho tất cả mọi người].
10:36c	là Chủ Tể của mọi người. Người này [Giê-su không phải chỉ là Chúa của những người Do Thái, nhưng Ngài] [cũng] là Chúa [Đấng tể trị] trên tất cả [nhân loại].
10:37a	Quý vị đã rõ các diễn biến tại toàn xứ Giu-đê, Các ông có biết những gì [Chúa Giê-su] đã làm qua đất nước của người Do Thái [của chúng tôi].

10:36c

là Chủ Tể của mọi người: Theo mạch văn ở đây, Phê-rơ nói với những thánh giả không phải gốc Do Thái rằng Chúa Giê-su là chủ tể của cả mọi người, không phải chỉ riêng cho dân Do Thái.

10:37-38

Theo BDC chuyển ngữ thành một câu dài. BDM chuyển ngữ hai câu này thành hai câu riêng biệt. Nhưng bản chuyển ngữ TEV (Good News Bible) chuyển ngữ câu 38 thành hai câu. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn

có thể chuyển ngữ 10:38b và 10:38c, thành hai câu riêng, nếu thấy cần.

10:37a

Quý vị đã rõ các diễn biến tại toàn xứ Giu-đê: Quý vị chỉ về Cột-nây và người nhà cùng bạn bè của ông ta.

các diễn biến: Diễn biến được chuyển ngữ từ tiếng Hy-lạp *hrēma*. Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ ngữ Hy-lạp này:

- (1) Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ này nói về những việc Chúa Giê-su đã thực hiện, và theo văn phạm, từ này ở

thể số ít. Một cách để chuyển ngữ 10:37a như sau: “ ‘Quý vị biết những biến cố quan trọng đã xảy ra trong khắp nước Do Thái’ ”

- (2) Một số khác nghĩ rằng từ ngữ này nói về “sứ điệp” trong câu 10:36a. Theo cách chuyển ngữ này, bạn có thể chuyển ngữ 10:37a như sau:

10:37b

bắt đầu từ xứ Ga-li-lê sau phép báp-tem mà Giảng truyền giảng: Bạn có thể nên đặt nhóm từ này thành một câu, như trong CDN của PKTCCN. Đây nói về lúc mới bắt đầu chức vụ của Chúa Giê-su, những việc Ngài thực hiện và những sứ điệp Ngài công bố.

Nếu bạn cho rằng đây nói về sứ điệp ở 37a, thì bạn có thể chuyển ngữ như thế này:

“[Chúa Giê-su] bắt đầu [công bố sứ điệp] sau khi Giảng Báp-tít đã giảng dạy [rằng mọi người cần ăn năn, trở lại với Đức Chúa Trời và Giảng làm] báp-tem [cho họ].”

xứ Ga-li-lê: Xứ Ga-li-lê là nơi Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ của Ngài.

sau phép báp-tem mà Giảng truyền giảng: Đây có nghĩa một thời gian sau khi Giảng Báp-tít rao giảng và báp-tem cho dân chúng tại sông Giô-đanh. Bạn có thể đổi *phép báp-tem* thành động từ. Bạn cũng có thể cần nói rõ lý do làm phép báp-tem. Đó là, dân chúng cần ăn năn tội lỗi của họ. Xem CDN của PKTCCN.

10:38a

Thế nào Đức Chúa Trời đã xức dầu Đức Giê-su ở Na-xa-rét bằng Thánh Linh và quyền năng: Câu này được dùng theo nghĩa bóng để bày tỏ rằng Đức Chúa Trời cho dân chúng thấy Đức Thánh Linh luôn ở cùng Chúa Giê-su, và Ngài có đầy quyền năng để thực hiện những phép lạ. Phê-rô nói đến *Na-xa-rét* đó là nơi Chúa Giê-su được nuôi dưỡng và lớn lên. Bạn có thể chuyển ngữ 10:38a thành một câu riêng.

10:38b

Ngài đi khắp nơi làm việc phúc đức và chữa lành: Bạn cũng có thể chuyển ngữ 10:38b thành một câu riêng. *Ngài đi khắp*

“Quý vị biết sứ điệp [mà Chúa Giê-su công bố] khắp trong xứ của [chúng tôi] dân Do Thái.”

Cách chuyển ngữ thứ nhất có lẽ phù hợp với mạch văn hơn.

xứ Giu-đê: Ở đây về cả xứ Y-sơ-ra-ên, kể cả Ga-li-ê và Sa-ma-ri.

nơi có nghĩa là Chúa Giê-su đi khắp các vùng trên xứ Do Thái. Thì của hai động từ trong tiếng Hy-lạp cho *làm việc phúc đức và chữa lành* bày tỏ rằng Chúa Giê-su luôn làm những công việc này.

10:38c

tất cả những người bị quyền lực quỷ vương áp bức: Đây hàm ý rằng Sa-tan làm cho dân chúng liên lụy đến sự đau khổ. (Ví dụ, xem Lu-ca 13:16.) Dĩ nhiên, không phải Sa-tan gây ra tất cả mọi đau khổ của con người. Trong Ma-thi-ơ 10:8 Chúa Giê-su đã phân biệt những người bị đau yếu với những người bị quỷ ám: “Chữa lành kẻ đau yếu...đuổi quỷ trừ tà.” Trong Lu-ca 8:2 tác giả nhắc đến những người đàn bà từng được Chúa Giê-su “đuổi quỷ, chữa bệnh.” Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn nên nói rõ rằng *bị quyền lực quỷ vương áp bức* là những người bị Sa-tan sai khiến làm việc cho chúng.

10:38d

vi Đức Chúa Trời ở với Ngài: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy *Đức Chúa Trời* luôn ở cùng Chúa Giê-su và ban quyền năng để Chúa Giê-su thực hiện những phép lạ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, người ta thường đặt lý do đi trước kết quả của nó, bạn có thể đặt 10:38d trước, và kể đến là 10:38b-c. Xem CDN của PKTCCN. Bạn cũng có thể chuyển ngữ 10:38b, 10:38c và 10:38d thành từng câu riêng.

10:39-43 Phê-rô nói rằng Đức Chúa Trời sẽ tha tội lỗi cho những người tin nhận Chúa Giê-su

10:39a

Chúng tôi là nhân chứng đã thấy tận mắt tất cả những việc Ngài làm trong đất nước người Do Thái và tại Giê-ru-sa-lem: Phần

- 10:37b** bắt đầu từ xứ Ga-li-lê sau phép báp-tem mà Giăng truyền giảng.
[Chúa Giê-su] bắt đầu [làm những việc này] sau khi Giăng Báp-tít công bố [rằng mọi người cần ăn năn tội lỗi của mình và ông làm] báp-tem [cho họ].
- 10:38a** Thế nào Đức Chúa Trời đã xúc dầu Đức Giê-su ở Na-xa-rét bằng Thánh Linh và quyền năng,
[Anh có biết thế nào] Đức Chúa Trời bày tỏ [cho con người rằng] Chúa Giê-su người [làng] Na-xa-rét luôn có Đức Thánh Linh nhờ đó Ngài có đầy quyền năng [thực hiện nhiều phép lạ].
- 10:38b** Ngài đi khắp nơi làm việc phúc đức và chữa lành
[Anh cũng biết rằng] Chúa Giê-su đi khắp nơi luôn luôn làm việc lành và chữa nhiều bệnh tật [cho dân chúng].
- 10:38c** tất cả những người bị quyền lực quỷ vương áp bức,
[Đặc biệt là,] Chúa Giê-su tiếp tục chữa lành [những người bị] quỳ ám làm cho đau đớn.
- 10:38d** vì Đức Chúa Trời ở với Ngài.
[Chúa Giê-su có thể làm những việc đó] vì Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ Ngài.
-HAY-
Vì Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ Ngài [nên Chúa Giê-su có thể làm những việc đó].
- 10:39a** Chúng tôi là nhân chứng đã thấy tận mắt tất cả những việc Ngài làm trong đất nước người Do Thái và tại Giê-ru-sa-lem.
Chúng tôi [các sứ đồ] kể lại cho dân chúng về những việc [chúng tôi thấy] Chúa Giê-su thực hiện tại trong đất nước Do Thái, kể cả Giê-ru-sa-lem.
-HAY-
Chúng tôi [các sứ đồ] kể cho dân chúng về những việc [chúng tôi thấy Chúa Giê-su] làm tại Giê-ru-sa-lem và trong [tất cả những nơi khác] trên đất nước Do Thái.
- 10:39b** Họ đã giết Ngài bằng cách treo Ngài trên cây gỗ.
Những nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem giết Ngài bằng cách treo Ngài trên thập giá.

nhiều những tin tức trong đoạn này rất mới lạ đối với thính giả của Phê-rơ.

Chúng tôi: Đây nói về Phê-rơ và những sứ đồ khác.

nhân chứng đã thấy tận mắt tất cả những việc Ngài làm: Có nghĩa các sứ đồ thật sự thấy các phép lạ và những việc Chúa Giê-su từng thực hiện.

trong đất nước người Do Thái và tại Giê-ru-sa-lem: Đây nói về xứ của người Do Thái còn gọi là “Giu-đê” trong 10:37a. Thành Giê-ru-sa-lem nằm trong địa phận của

nước Do Thái. Có hai cách làm cho nhóm từ này rõ hơn được trình bày trong CĐN của PKTCCN.

10:39b

Họ đã giết Ngài: Họ chỉ về dân chúng ở thành Giê-ru-sa-lem. Có cả người Do Thái lẫn người ngoại bang dự phần trong việc giết Chúa Giê-su. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn nên dùng một nhóm từ để làm chủ từ, như trong CĐN của PKTCCN.

bằng cách treo Ngài trên cây gỗ: Phê-rô dùng theo nghĩa bóng khi nói với những người lãnh đạo Do Thái trong 5:30b. Nếu bạn chuyển ngữ theo nghĩa đen các từ *treo trên cây gỗ*, người đọc có thể nghĩ rằng Chúa Giê-su bị treo trên cành cây bằng những sợi dây.

10:40a

Nhưng ba ngày sau, Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại: Nhưng cho thấy có sự tương phản giữa án mạng dân thành Giê-ru-sa-lem gây ra và phép lạ Đức Chúa Trời thực hiện. Mệnh đề này bày tỏ rằng Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại.

ba ngày sau: Đây có nghĩa là trong ngày thứ ba, sau khi Chúa Giê-su đã chết. Điều đó phù hợp với truyền thuyết rằng Chúa Giê-su chết vào chiều thứ sáu và sống lại vào sáng chủ nhật.

10:40b

và cho người ta thấy Ngài: Có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho dân chúng thực sự thấy Chúa Giê-su sống lại sau khi đã chết. Mục đích cho dân chúng thấy Chúa Giê-su sống lại bằng xương bằng thịt, không phải Chúa Giê-su xuất hiện như một cái hồn không có xác.

10:41a

Không phải cho toàn thể dân chúng: Toàn thể dân chúng chỉ đặc biệt về người Do Thái, vì Chúa Giê-su phục vụ chính thức trong vòng người Do Thái. Tất cả những người được chọn làm môn đệ đều là người Do Thái.

10:41b

nhưng chỉ những nhân chứng mà Đức Chúa Trời đã lựa chọn: Phần này của câu 41 cho thấy rõ rằng Đức Chúa Trời cho một số môn đệ gặp lại Chúa Giê-su, sau khi Ngài sống lại. Đức Chúa Trời làm điều đó để các môn đệ có thể nói lại cho những người khác về Chúa Giê-su và những gì Ngài đã hoàn thành.

10:41c

túc chúng tôi là những người đã từng ăn uống với Chúa sau khi Ngài chết rồi sống lại: Chúng tôi nói về Phê-rô và các sứ đồ khác. Ở đây không có các thánh giá của Phê-rô.

đã từng ăn uống với Chúa: Đây ý nói họ từng dùng bữa chung với Chúa Giê-su. Điều đó chứng tỏ Ngài đã thực sự sống lại bằng thể xác. Nếu theo văn hoá của bạn, *ăn uống* có thể sẽ mang hình ảnh của việc say sưa, bạn nên chuyển ngữ từ này như “dùng bữa” hay “ăn cơm” với Ngài. Bạn có thể chuyển ngữ 10:41c thành một câu riêng, lặp lại mệnh đề ở 10:41b: “[Đức Chúa Trời chọn chúng tôi làm nhân chứng cho Ngài, bởi vì] chúng tôi [là những người] từng dùng bữa chung với Chúa Giê-su khi Ngài sống [lại] sau khi Ngài đã chết.”

10:42a

Chúa ra lệnh cho chúng tôi truyền giảng cho dân chúng và xác chứng: Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ danh từ *Chúa* ở đây:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ danh từ chung này nói về Chúa Giê-su.
- (2) Một số ít cho rằng đây nói về Đức Chúa Trời.

Cách chuyển ngữ thứ nhất phù hợp với văn mạch hơn.

dân chúng: Đây có thể chỉ về người Do Thái. Các sứ đồ *truyền giảng* và *xác chứng* với họ về Chúa Giê-su.

xác chứng: *Xác chứng* có nghĩa là nói lên một sự thật mà chính người nói tự mình biết rõ sự việc.

10:42b

rằng Ngài là Đấng được Đức Chúa Trời lập làm Thẩm Phán xét xử: Mệnh đề này và những gì Phê-rô nói trong 10:43b là sứ điệp mà các sứ đồ rao giảng và làm chứng cho mọi người khác. Đại danh từ *Ngài* chỉ về Chúa Giê-su. Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời chọn Chúa Giê-su để xét xử nhân loại, cả người Do Thái lẫn người nước ngoài.

- 10:40a** **Nhưng ba ngày sau, Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại**
[Tuy nhiên,] Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại, vào ngày thứ ba [sau khi Ngài đã chết].
- 10:40b** **và cho người ta thấy Ngài.**
Đức Chúa Trời [cũng] khiến [cho một số] người gặp Ngài [để xác nhận rằng Ngài sống lại].
- 10:41a** **Không phải cho toàn thể dân chúng,**
[Đức Chúa Trời] không [để] tất cả người [Do Thái] gặp Ngài.
- 10:41b** **nhưng chỉ những nhân chứng mà Đức Chúa Trời đã lựa chọn—**
Thay vì, [Đức Chúa Trời chỉ để] cho một số [chúng tôi] được gặp Ngài. [Chúng tôi là những sứ đồ] được Đức Chúa Trời chọn để loan báo cho mọi người khác [về Chúa Giê-su].
-HAY-
Nhưng [Đức Chúa Trời] chọn trước chúng tôi [những sứ đồ] để gặp [Chúa Giê-su sau khi Ngài sống lại] và loan báo cho những người khác [về Ngài].
- 10:41c** **tức chúng tôi là những người đã từng ăn uống với Chúa sau khi Ngài chết rồi sống lại.**
Chúng tôi [những sứ đồ, là những người] từng ăn chung với Ngài khi Ngài sống [lại].
- 10:42a** **Chúa ra lệnh cho chúng tôi truyền giảng cho dân chúng và xác chứng**
Ngài ra lệnh cho chúng tôi rằng chúng tôi phải rao giảng cho những người [Do Thái khác] và chúng tôi cần nói lại cho [họ] những gì chúng tôi đã kinh nghiệm:
- 10:42b** **rằng Ngài là Đấng được Đức Chúa Trời lập làm Thẩm Phán xét xử**
[Chúng tôi phải nói cho mọi người] rằng Chúa Giê-su là [Đấng] Đức Chúa Trời chọn để [một ngày nào đó] Ngài sẽ phán xét [tất cả mọi người].
- 10:42c** **mọi người, kẻ sống và kẻ chết.**
[Chúa Giê-su sẽ phán xét tất cả] những người [còn] đang sống và những kẻ đã chết [khi Ngài đến].

10:42c

mọi người, kẻ sống và kẻ chết: Đây nói về khi Chúa Giê-su sẽ xét xử mọi người, kẻ sống lẫn người đã chết. Tác giả Kinh Thánh Cựu Ước thường nói Đức Chúa Trời là Đấng xét xử mọi người. Ở đây Phê-rơ nói Chúa Giê-su là thẩm phán có nghĩa là Chúa Giê-su

có thẩm quyền ngang hàng với Đức Chúa Cha. Đức Chúa Trời sẽ phán xét nhân loại trong hình thức Chúa Giê-su xét xử họ. Có thể bạn cần chuyển ngữ thành một câu riêng ở đây, bắt đầu bằng “Chúa Giê-su sẽ xét xử tất cả mọi người,” giống như trong CĐN của PKTCCN.

10:43a

Tất cả các tiên tri của Chúa đều làm chứng về Ngài: Tất cả các tiên tri có lẽ nói một cách tổng quát các tác giả viết sách tiên tri trong Cựu Ước. Hay, đặc biệt nói đến những sách tiên tri viết về Đấng Cứu Thế. Xem 3:18 và 2:16 cho từ “tiên tri.”

làm chứng: Thì của động từ *làm chứng* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ những gì được các tiên tri viết từ trước vẫn còn là những chứng cứ cho thấy cho người ta về Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, nếu điều này nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, về việc viết sách để *làm chứng*, bạn có thể nói một cách trực tiếp rằng các nhà tiên tri làm chứng như trong CĐN câu thứ hai của PKTCCN. Trong ngôn ngữ bạn có thể có những cách khác, được tự nhiên hơn để nói rằng sách báo là phương tiện để truyền đạt cho con người những tin tức.

10:43b

rằng ai tin cậy Ngài đều được tha tội nhờ danh Ngài: Đây là những gì các tiên tri, qua ngòi bút của họ, ngày nay vẫn còn truyền đạt đến con người. (Ví dụ, xem Ê-sai 53:11b.) Ai bất cứ một người nào, không phân biệt, Do Thái hay không phải gốc Do Thái. Các từ *tin cậy Ngài* có nghĩa là tùy thuộc một cách hoàn toàn vào Chúa Giê-su, loài người được Đức Chúa Trời chấp nhận qua việc làm của Chúa Giê-su.

Nếu trong ngôn ngữ bạn không thường dùng những danh từ trừu tượng, bạn nên diễn tả nhóm từ *được tha tội* bằng một câu như “Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho tất cả những người tin cậy Chúa Giê-su.” (Dĩ nhiên, các nhà tiên tri không thực sự nhắc đến tên của Chúa Giê-su, vì họ không biết. Tuy nhiên, có lẽ Phê-rơ cho thánh giá của ông biết Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế mà Đức Chúa Trời đã hứa trong Cựu Ước.)

Về ý nghĩa của những từ ngữ quan trọng như “tội lỗi,” “tha thứ” và “sự tha thứ,” coi lại trong các sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca, hay Giăng, bạn đã chuyển ngữ những từ này như thế nào (ví dụ, Mác 2:5, 9-10).

nhờ danh Ngài: Bạn có thể chuyển ngữ các từ *nhờ danh Ngài* như “qua phương tiện của (hay, “bởi vì”) những gì Chúa Giê-su, Đấng Cứu Thế, làm.” Xem 4:30b cho Lời Giải Nghĩa của nhóm từ “nhân Danh Đầy Tớ Thánh Ngài là Đức Chúa Giê-su.”

10:44-48 Đức Thánh Linh đến với những người không phải gốc Do Thái

10:44a

Phê-rơ còn đang nói: Có thể Phê-rơ có ý định nói nhiều hơn nữa, nhưng ông đã bảo cho họ mọi điều họ cần biết về Chúa Giê-su. Thì của động từ *còn đang nói* trong tiếng Hy-lạp bày tỏ rằng Phê-rơ tiếp tục nói.

10:44b

Thánh Linh: Xem 1:2b.

đã giáng xuống: Thì của động từ chính này trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng đột nhiên Thánh Linh của Đức Chúa Trời điều khiển trên họ. So sánh nhóm từ này với 2:4a: “Tất cả đều đầy dẫy Thánh Linh.” Theo văn mạch ở đây, những dấu hiệu có thể thấy hay nghe bày tỏ sự hiện diện của Thánh Linh với những tín hữu này, vì họ đã dùng được ngôn ngữ khác để tôn vinh Đức Chúa Trời (10:46a).

trên tất cả những người nghe sứ điệp ấy: Đây nói về Cột-này, người nhà, và bạn bè của ông là những người không phải gốc Do Thái. Thì của động từ *nghe* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng họ tiếp tục lắng nghe sứ điệp của Phê-rơ.

10:45a

Các tín hữu Do Thái tháp tùng Phê-rơ đều kinh ngạc: Các tín hữu Do Thái nói về sáu tín hữu Do Thái từ Gióp-bê đi cùng Phê-rơ.

10:45b

vì ân tứ Thánh Linh cũng đổ xuống trên người ngoại quốc nữa: Vì giới thiệu lý do những tín hữu Do Thái này ngạc nhiên: họ khám phá ra rằng Đức Chúa Trời cũng ban Thánh Linh cho những người nước ngoài khi họ tin Chúa Giê-su. Điều đó bày tỏ rằng Đức

10:43a	<p>Tất cả các tiên tri của Chúa đều làm chứng về Ngài Tất cả [các sách được viết] bởi các nhà tiên tri đều loan báo cho [con người] về Ngài. -HAY- Tất cả các nhà tiên tri [viết về Đấng Mê-si-a từ trước] đều báo trước cho [nhân loại] về Ngài.</p>
10:43b	<p>rằng ai tin cậy Ngài đều được tha tội nhờ danh Ngài.” [Họ viết rằng] nếu một người tin Đấng Mê-si-a, Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho người đó, bởi [những việc] Đấng Mê-si-a [sẽ làm].” -HAY- [Họ viết] rằng Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho bất cứ ai tin cậy Đấng Mê-si-a, vì những gì Đấng Mê-si-a [sẽ làm].”</p>
10:44a	<p>Phê-rơ còn đang nói, Trong khi Phê-rơ nói những lời này,</p>
10:44b	<p>Thánh Linh đã giáng xuống trên tất cả những người nghe sứ điệp ấy. thình linh Đức Thánh Linh giáng xuống cùng tất cả mọi người [không phải gốc Do Thái] là những người đang nghe sứ điệp từ Phê-rơ. -HAY- bất chợt Đức Thánh Linh kiểm soát trên mọi người, [không phải là người Do Thái] những người đang nghe sứ điệp.</p>
10:45a	<p>Các tín hữu Do Thái thập tùng Phê-rơ đều kinh ngạc Những tín hữu Do Thái cùng đến đây với Phê-rơ [từ Gióp-bê] đều vô cùng ngạc nhiên</p>
10:45b	<p>vì ân tứ Thánh Linh cũng đổ xuống trên người ngoại quốc nữa, vì rõ ràng, Đức Chúa Trời cũng ban Đức Thánh Linh cho những người không phải gốc Do Thái.</p>

Chúa Trời chấp nhận những tín hữu không phải gốc Do Thái cũng như Ngài chấp nhận tín hữu gốc Do Thái.

ân tứ Thánh Linh: Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ nhóm từ *ân tứ Thánh Linh*.

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng đây nói về chính Đức Thánh Linh, Đấng Đức Chúa Trời ban cho để ở cùng họ.
- (2) Một vài người khác cho rằng đây nói đến việc Đức Thánh Linh giúp cho các tín hữu có thể “nói được những ngôn ngữ khác” (10:46a).

Cách chuyển ngữ thứ nhất đúng hơn, vì việc nói được những ngôn ngữ khác bày tỏ rằng Đức Thánh Linh đến và ở với họ. Xem 1:2b cho Lời Giải Nghĩa từ *Thánh Linh*.

cũng đổ xuống trên người ngoại quốc nữa:
Đây là một lối nói theo nghĩa bóng hàm ý rằng Đức Chúa Trời cũng ban Đức Thánh Linh cho những tín hữu ngoại quốc này và họ cũng được đầy dẫy những ân tứ. Xem 2:33c cho Lời Giải Nghĩa của từ “đổ Thánh Linh ra.” Từ *cũng* theo tiếng Hy-lạp, hàm ý rằng đó là một việc ngoài sự hiểu biết của họ.

10:46a

vì họ cũng nghe những người ấy nói các tiếng lạ và ca tụng Đức Chúa Trời: Vì giới thiệu lý do họ biết Đức Chúa Trời cũng ban Đức Thánh Linh cho những tín hữu ngoại quốc. Họ chỉ về Phê-rô và những tín hữu cùng đến Gióp-bê với ông. Thì của các động từ *nghe*, *nói* và *ca tụng* trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ tiếp tục tôn vinh Đức Chúa Trời.

nói các tiếng lạ: Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ nhóm từ *nói các tiếng lạ*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng họ nói những ngôn ngữ mà chỉ nhờ Đức Thánh Linh giúp cho họ mới có thể nói được.
- (2) Một số khác cho rằng đây nói về những ngôn ngữ của nước khác, giống như những tín hữu trong ngày lễ Ngũ Tuần đã nói.

Cách chuyển ngữ thứ nhất hợp với mạch văn trong 10:46a hơn, vì chẳng có lý do cần thiết nào để cho những tín hữu ngoại quốc này nói những ngôn ngữ khác. Và lại, Phê-rô và các tín hữu Do Thái và Cọt-nây cũng như người nhà của ông, đã trao đổi ý kiến và thông hiểu nhau ngay từ khi mới gặp. Trong ngày lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh ban ân tứ cho các tín hữu nói nhiều ngôn ngữ của những người thuộc các dân tộc khác nhau hiện đang có mặt tại đó. Đây *nói tiếng lạ* có lẽ có ý rằng họ nói những ngôn ngữ mà họ chưa từng học. Do đó, bạn có thể chuyển ngữ như thế này “nói bằng những ngôn ngữ họ chưa từng học.”

Nơi bạn đang ở, có thể có những nhóm tín hữu, trong đó đôi khi có tín hữu nói những ngôn ngữ mà những người khác có mặt tại đó không thể hiểu được. Nếu đó là sự thật, bạn có thể diễn tả kinh nghiệm trong 10:46a như những tín hữu địa phương diễn tả kinh nghiệm của họ trong việc “nói tiếng lạ.”

ca tụng Đức Chúa Trời: Những tín hữu ngoại quốc cũng *ca tụng Đức Chúa Trời*, đó là, họ nói về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời như thế nào. Xem 2:11c cho ý của nhóm từ “nói lên những công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời.”

10:46b-47

Lúc ấy, Phê-rô tuyên bố: “những người này đã tiếp nhận Thánh Linh cũng như chúng ta, thế thì còn ai dám ngăn họ chịu phép báp-tem bằng nước nữa?: Rồi Phê-rô hỏi một câu hỏi, nhằm gây ấn tượng (không cần câu trả lời) hay câu trả lời sẽ là “không.” (Có thể đoán chắc rằng Phê-rô nói với các tín hữu đến từ Gióp-bê về việc các tín hữu mới này cần được làm báp-tem.) Bạn có thể chuyển ngữ câu hỏi này như một câu nói xác định, như được đề nghị ở câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

chịu phép báp-tem bằng nước nữa: Xem 1:5a. Nếu trong ngôn ngữ bạn, không có thể thụ động cho động từ “báp-tem,” bạn có thể dùng thể chủ động với chủ từ “chúng ta.”

Những người này đã tiếp nhận Thánh Linh: Đây là lý do của Phê-rô hay căn nguyên để ông (hay ông và các tín hữu Do Thái khác) làm báp-tem cho những tín hữu ngoại quốc mới tin Chúa Giê-su này. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể đặt thứ tự của các câu này như: “Những người này đã tiếp nhận Thánh Linh cũng như chúng ta! Thế thì còn ai dám ngăn họ chịu phép báp-tem bằng nước nữa?”

đã tiếp nhận: Bạn có thể đổi *đã tiếp nhận* thành “Đức Chúa Trời ban.” Nếu bạn quyết định đổi thứ tự ở đây, bạn có thể chuyển ngữ 10:47 tương tự như thế này:

“[Đức Chúa Trời] đã ban Đức Thánh Linh cho họ [chắc] giống như [Ngài đã ban] cho chúng ta [những tín hữu Do Thái. Do đó tôi] chắc chắn tất cả các anh sẽ đồng ý rằng chúng ta nên làm báp-tem cho họ.”

cũng như chúng ta: Đây không có nghĩa là, Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho những tín hữu ngoại quốc này giống như Ngài đã làm cho Phê-rô và các tín hữu Do Thái trong ngày lễ Ngũ Tuần. Nhưng chỉ có nghĩa là Đức Chúa Trời chắc chắn ban Đức Thánh Linh cho những ai tin nhận Chúa Giê-su.

- 10:46a** **vì họ cũng nghe những người ấy nói các tiếng lạ và ca tụng Đức Chúa Trời.**
 [Những tín hữu Do Thái biết Đức Chúa Trời vừa mới làm điều đó] vì họ nghe những người này tôn vinh Đức Chúa Trời bằng các thứ tiếng [lạ] [mà họ chưa từng học bao giờ].
 -HAY-
 Các tín hữu Do Thái nghe những tân tín hữu này nói bằng những ngôn ngữ lạ. Họ [cũng] nói rằng: “Đức Chúa Trời thật vĩ đại và nhân lành!” [Vì thế, các tín hữu Do Thái biết rằng Đức Thánh Linh cho họ nói được các thứ tiếng lạ này.]
- 10:46b-47** **Lúc ấy, Phê-rô tuyên bố: “Những người này đã tiếp nhận Thánh Linh cũng như chúng ta. Thế thì còn ai dám ngăn họ chịu phép báp-tem bằng nước nữa?”**
 Rồi, Phê-rô nói [với những tín hữu Do Thái đang có mặt tại đó]: “Chắc không có một ai có thể ngăn [chúng ta] dùng nước để làm báp-tem cho những người này, [vì Đức Chúa Trời] ban Đức Thánh Linh cho họ như [Ngài ban Đức Thánh Linh] cho chúng ta [là những tín hữu Do Thái].”
 -HAY-
 Rồi, Phê-rô nói [với những tín hữu cùng đi với ông từ Gióp-bê đến]: “Chắc tất cả các anh đều đồng ý rằng [chúng ta] nên làm báp-tem cho những người này, [vì Đức Chúa Trời] ban Đức Thánh Linh cho họ như [Ngài ban Đức Thánh Linh] cho chúng ta [là những tín hữu Do Thái].”
- 10:48a** **Vậy, ông bảo làm phép báp-tem cho họ nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su.**
 Rồi Phê-rô bảo những người [không phải là người Do Thái] này rằng họ nên để [ông] báp-tem cho họ [để bày tỏ rằng họ đã tin] vào [Chúa] Cứu Thế Giê-su. [Do đó ông báp-tem họ.]

10:48a***Vậy, ông bảo làm phép báp-tem cho họ:***

Đây hàm ý rằng những tín hữu Do Thái ở tại đó đồng ý nên có một vài người nào đó làm báp-tem cho những tín hữu ngoại quốc. Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ mệnh đề này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây có nghĩa Phê-rô bảo những tín hữu mới này để ông làm báp-tem cho họ.
- (2) Một vài người khác cho rằng Phê-rô bảo một vài tín hữu Do Thái nào đó làm báp-tem cho họ.

Cách chuyển ngữ thứ nhất có lẽ đúng. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ bạn, có thể thụ động cho động từ “báp-tem,” bạn nên dùng ở đây. Nếu bạn muốn diễn tả hành động này ở thể chủ động, bạn nên dùng một đại danh từ chỉ về Phê-rô như một chủ từ. Mệnh đề

này còn hàm ý rằng có một đôi người đã thực sự làm báp-tem cho những tín hữu ngoại quốc này. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể cần nói rõ như trong CDN của PKTCCN.

nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su: Có sự khác biệt giữa các nhà thần học về sự liên hệ của một động từ với mệnh đề này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh liên kết nhóm từ này với *làm phép báp-tem*. Tức là, “được làm báp-tem nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su.”
- (2) Một vài người khác liên kết nhóm từ này với *ông bảo*. Có thể có nghĩa là Đức Chúa Cứu Thế Giê-su cho phép Phê-rô làm báp-tem cho họ.

Cách chuyển ngữ thứ nhất có thể đúng, vì nó giống như những chỗ khác, ở đó phép báp-tem có liên quan đến danh Chúa Giê-su, ví dụ Công Vụ 19:5.

Dưới đây là hai cách có thể chuyển ngữ nhóm từ *nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su*:

- (1) Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người được làm báp-tem bày tỏ đức tin của mình trong Chúa Giê-su.
- (2) Một số khác cho rằng “nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su” có nghĩa, Chúa Giê-su đã ra lệnh cho môn đệ làm phép báp-tem cho những người tin Ngài. Cách chuyển ngữ này có lẽ bắt nguồn từ Ma-thi-ơ 28:20, ở đó Chúa Giê-su bảo môn đệ Ngài làm báp-tem cho tín hữu trong danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Thánh Linh và Đức Chúa Con, chứ không phải chỉ riêng tên của Ngài. Theo cách này, bạn có thể chuyển ngữ 10:48a như sau:

Rồi Phê-rô bảo những người [không phải gốc Do Thái/người ngoại quốc] này rằng họ nên để cho [ông ta] làm báp-

tem cho họ, như [Chúa] Cứu Thế Giê-su [đã phán].

Cách chuyển ngữ thứ nhất đúng hơn, vì nó bày tỏ được ý nghĩa quan trọng của lễ báp-tem cho những người được làm báp-tem.

10:48b

Họ mời ông lưu lại vài ngày nữa: Có lẽ Cọt-nây và người nhà của ông muốn Phê-rô dạy họ thêm nữa về Chúa Giê-su. Trong 11:12 bày tỏ sáu tín hữu từ Gióp-bê vẫn còn ở với Phê-rô khi ông đi Giê-ru-sa-lem. Do đó có lẽ họ đã cùng Phê-rô ngụ tại nhà Cọt-nây độ chừng năm bảy ngày. Việc Phê-rô và những tín hữu Do Thái ở tại nhà của những tín hữu ngoại quốc này, cho thấy họ hiểu rằng Đức Chúa Trời không đối xử với tín hữu Do Thái tốt hơn những tín hữu không phải gốc Do Thái.

Tiểu đoạn 11:1-18 Phê-rô giải thích thế nào những người không phải gốc Do Thái trở thành tín hữu

Người ta có thể chia Tiểu Đoạn này thành ba phần: Trong 11:1-3, một số người chỉ trích Phê-rô về việc ông tiếp xúc với những người không phải gốc Do Thái. Trong 11:4-17, Phê-rô giải thích tại sao ông làm như thế. Trong 11:18, những người tin Chúa ca ngợi Đức Chúa Trời.

Tiểu đoạn phụ 11:1-3 Một số tín hữu Do Thái chỉ trích Phê-rô

Theo Tiểu Đoạn Phụ này, một số tín hữu ở Giê-ru-sa-lem vô cùng sùng sốt khi nghe Phê-rô giao thiệp với những người không phải gốc Do Thái. Vì thế họ lên án những hành động sai lầm của ông, vì không theo phong tục của người Do Thái.

11:1

Các sứ đồ và anh em tín hữu khắp xứ Giu-đê: Nhóm từ *các sứ đồ* nói về mười một người đàn ông mà Chúa Giê-su đã chọn, và Ma-thi-a. Các sứ đồ ở lại Giê-ru-sa-lem, nhưng hầu hết các tín hữu chạy trốn trong những nơi khác (8:1c). Nhiều trường hợp Bác Sĩ Lu-ca kể lại trong Công Vụ có một số vấn đề quan trọng mà một số tín hữu đã truyền lại cho tất cả cộng đồng Cơ-Đốc giáo. Xem 1:2b cho những ý kiến khác về *các sứ đồ*.

xứ Giu-đê: Xứ Giu-đê là một tỉnh trong nước Y-sơ-ra-ên, thuộc Đế Quốc La-mã, ở đó thành Giê-ru-sa-lem được xây cất.

nghe tin người ngoại quốc cũng đã tiếp nhận Đạo Đức Chúa Trời: Những tín hữu nghe việc người nhà Cọt-nây được Phê-rô thăm viếng, chắc đã đồn tin này ra khắp xứ Giu-đê.

người ngoại quốc: Theo tiếng Hy-lạp từ này có nghĩa đen là “các nước,” có nghĩa là những người không phải gốc Do Thái. Xem 4:25b cho Lời Giải Nghĩa của từ “các nước.” Ở đây nhóm từ *người ngoại quốc* nói về nhóm người không phải gốc Do Thái ở tại Sê-sa-rê mà Phê-rô đã giảng đạo cho.

cũng: Từ *cũng* hàm ý rằng tất cả sứ đồ và hầu hết các tín hữu, cho đến giây phút này đều là người Do Thái.

10:48b Họ mời ông lưu lại vài ngày nữa.

[Sau khi Phê-rơ làm báp-tem cho họ,] họ yêu cầu Phê-rơ ở lại [với họ] một đôi ngày. [Nên Phê-rơ và các tín hữu Do Thái ở lại với họ.]

-HAY-

[Sau khi báp-tem cho họ,] Cọt-nây và những người ở đó yêu cầu Phê-rơ ở lại [với họ] năm ba ngày. [Nên Phê-rơ và các tín hữu từ Gióp-bê làm như vậy.]

Tiểu 11:1-18 Phê-rơ giải thích thế nào những người không phải gốc Do Thái trở thành tín hữu

Tiểu đoạn phụ 11:1-3 Một số tín hữu Do Thái chỉ trích Phê-rơ

11:1 Các sứ đồ và anh em tín hữu khắp xứ Giu-đê nghe tin người ngoại quốc cũng đã tiếp nhận Đạo Đức Chúa Trời.

Các sứ đồ và các tín hữu [khác] là những người sống trong khắp [tỉnh] Giu-đê nghe dân chúng [nói với họ] rằng [một số] người không phải gốc Do Thái đã tin nhận sứ điệp [từ] Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].

11:2a Khi Phê-rơ lên Giê-ru-sa-lem,

Khi Phê-rơ [và sáu tín hữu Do Thái khác] đi [từ Sê-sa-rê] đến Giê-ru-sa-lem,

11:2b các tín hữu đã chịu cắt bì chỉ trích ông rằng:

[một số] tín hữu Do Thái bảo Phê-rơ rằng ông đã làm những việc sai lầm [, vì họ nghĩ rằng người Do Thái không nên giao thiệp với những người không phải gốc Do Thái].

-HAY-

[một số] tín hữu Do Thái bảo Phê-rơ rằng ông đã không tuân theo [một số điều luật mà Đức Chúa Trời ban cho dân sự Do Thái].

11:2a

Khi Phê-rơ lên Giê-ru-sa-lem: Mệnh đề này chỉ nói đến Phê-rơ, nhân vật chính trong câu chuyện ở đây. Nhưng trong 11:12 cho thấy rõ có sáu tín hữu từ Gióp-bê đã cùng đi với Phê-rơ đến nhà Cọt-nây, và đồng đi với Phê-rơ lên Giê-ru-sa-lem. Có lẽ bạn nên nói đến trong bản chuyển ngữ của bạn.

lên Giê-ru-sa-lem: Bác Sĩ Lu-ca dùng từ *lên* ở đây, vì Giê-ru-sa-lem là vùng đất cao hơn Sê-sa-rê so với mặt biển. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, cần bày tỏ rõ trạng thái của hai động từ “đến” và “đi,” thì ở đây bạn nên chuyển ngữ là “đi lên.” Nếu không, bạn chỉ cần chuyển ngữ là “đi,” vì “đi lên” có thể hàm ý rằng Giê-ru-sa-lem nằm trên ngọn núi

cao, và đến nơi đó phải trải qua một con đường ngược dốc.

11:2b

các tín hữu đã chịu cắt bì: Đây nói về người Do Thái tin Chúa Giê-su. Họ lầm tưởng rằng đó là một sự cần thiết, cho những người tin Chúa Giê-su phải gìn giữ luật pháp của người Do Thái.

chỉ trích ông rằng: Họ bảo Phê-rơ rằng ông đã phạm tội, vì không vâng giữ luật pháp Do Thái bằng cách đã giao thiệp với người ngoại quốc.

11:3

“Ông vào thăm nhà những kẻ không chịu cắt bì và ăn với họ!”: Nhóm từ *kẻ không chịu cắt bì* nói về những người không phải là dân Do Thái. Do đó bạn cho thể chuyển ngữ như “những người không phải gốc Do Thái,”

vì nghi thức cắt bì không cần phải chú ý đến ở đây. Những tín hữu Do Thái cho rằng Phê-rô ăn uống với người ngoại quốc là một việc rất xấu, vì có thể ông đã ăn những thức ăn mà người Do Thái bị cấm không được ăn.

Tiểu Đoạn Phụ 11:4-17 Phê-rô kể lại thế nào Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến với những người không phải gốc Do Thái

Người ta có thể chia Tiểu Đoạn Phụ này ra những đoạn ngắn như sau: 11:4-10 (Phê-rô thấy Khải tượng), 11:11-16 (Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến với những người không phải gốc Do Thái), và 11:17 (lời kết luận của Phê-rô).

11:4-10 Phê-rô kể lại Khải tượng ông thấy

11:4

Phê-rô tường thuật thứ tự mọi việc diễn biến cho họ nghe: Thì của động từ *tường thuật* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Phê-rô phải tốn một thời gian để giải thích mọi chi tiết về Khải tượng ông thấy. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ đồng nghĩa với *tường thuật* bạn có thể dùng một từ như kể lại một chuyện thật với tất cả những chi tiết.

thứ tự: Từ *thứ tự* nói về việc Phê-rô kể lại có đầu đuôi theo từng diễn biến của sự việc xảy ra.

11:5a

Hôm ấy, tôi ở thành phố Gióp-bê, đang cầu nguyện: Để cho người đọc dễ theo dõi, bạn có thể thêm vào cuối câu 11:4, nhóm từ để giới thiệu được nằm trong ngoặc kép như, “ông ấy nói.” So sánh 11:5 với 10:9-11.

11:5b

thì trong một cơn xuất thần, tôi được thấy Khải tượng. Có vật gì giống như tấm khăn lớn, buộc bốn góc, từ trời:

một cơn xuất thần: Xem 10:10b cho từ *xuất thần*.

Khải tượng: Xem 9:10b cho từ *khải tượng* và 2:17c cho Lời Giải Nghĩa của “khải tượng.”

Có vật gì giống như tấm khăn lớn: Xem 10:11b.

11:5c

từ trời hạ xuống tận nơi tôi: Đây cho thấy rằng tấm khăn lớn được hạ xuống trên mái nhà ngay trước mặt Phê-rô, để ông có thể nhìn thấy một cách dễ dàng những loài vật trong đó. Bạn cũng có thể chuyển ngữ như: “khăn ấy hạ xuống ngay trước mặt tôi.”

11:6

Nhìn vào, tôi nhận thấy đủ các loài vật bốn chân, loài dã thú, loài bò sát và loài chim trời: So sánh với 10:12.

các loài vật bốn chân: Đây có lẽ nói về những gia súc như heo, gà, chó, mèo v.v.

loài dã thú: Đây là những loài vật sống ở trong rừng như chồn, thỏ v.v.

loài bò sát: Đây có thể gồm cả những loài như: rắn, thằn lằn, rùa, kỳ nhông v.v. (Những loài vật nào hiện có trên xứ sở của bạn?) Xem 10:12 cho Lời Giải Nghĩa về *loài chim trời*, đó là những loài chim sống trong rừng. Hầu hết những loài vật Phê-rô thấy trong khăn là những vật theo luật Do Thái cấm dân chúng không được ăn.

11:7

Tôi nghe một tiếng nói bảo tôi: ‘Phê-rô, con hãy đứng dậy, làm thịt mà ăn!’: Sự khác biệt chính giữa câu này và 10:13 là đại danh từ (*Tôi ở đây* đổi lại là “ông” trong câu 10:13).

một tiếng: Xem 10:13 cho Lời Giải

- 11:3** **“Ông vào thăm nhà những kẻ không chịu cắt bì và ăn với họ!”**
 Họ bảo [với ông]: “[Ông đã làm điều sai lầm khi] ông vào nhà của những người không phải gốc Do Thái và ông [cũng] đã dùng bữa với họ.”
 -HAY-
 Họ bảo [ông]: “Đáng lý ra ông không nên đến nhà của những người không phải gốc Do Thái và [ông cũng không nên] ăn chung với họ.”

Tiểu Đoạn Phụ 11:4-17 Phê-rô kể lại thế nào Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến với những người không phải gốc Do Thái

- 11:4** **Phê-rô tường thuật thứ tự mọi việc diễn biến cho họ nghe:**
 Vì thế Phê-rô bắt đầu kể và giải thích cho họ mọi chi tiết [về những gì xảy ra có liên quan đến Cột-này].
 -HAY-
 Do đó Phê-rô kể cho [họ] từng chi tiết một [về việc xảy ra] từ đầu [cho đến cuối].
- 11:5a** **“Hôm ấy, tôi ở thành phố Gióp-bê, đang cầu nguyện**
 [Ông nói:] “Tôi đang cầu nguyện [một mình] tại [thành] Gióp-bê,
- 11:5b** **thì trong một cơn xuất thần, tôi được thấy khải tượng. Có vật gì giống như tấm khăn lớn, buộc bốn góc,**
 và Đức Chúa Trời cho tôi thấy một khải tượng: Tôi thấy [có người] từ trời thả xuống một tấm khăn lớn, [bằng những sợi dây cột vào] bốn góc khăn
 -HAY-
 Đức Chúa Trời khiến cho tôi thấy [cái gì giống] như một miếng vải vuông lớn, hạ xuống [từ không trung] bởi những sợi dây cột ở bốn góc
- 11:5c** **từ trời hạ xuống tận nơi tôi.**
 và nó được hạ xuống tại [nơi] tôi [đang ở].
 -HAY-
 và nó được hạ xuống ngay trước mặt tôi.
- 11:6** **Nhìn vào, tôi nhận thấy đủ các loài vật bốn chân, loài dã thú, loài bò sát và loài chim trời.**
 Chú ý nhìn vào đó tôi thấy các loài súc vật [mà người ta] đã huấn luyện và [cũng có] những súc vật mà luật pháp của chúng ta cấm không được ăn, gồm có] thú rừng, các loài rắn, và các loài chim trời.
 -HAY-
 Nhìn xem thử có gì bên trong, tôi thấy có nhiều loại thú vật khác nhau. [Có những] thú vật [được chúng ta] nuôi, [và cũng có] những thú vật sống ở những nơi xa lạ. [Cũng có] những thú vật bò sát trên mặt đất, và [cũng có] nhiều loại chim trời.
- 11:7** **Tôi nghe một tiếng nói bảo tôi: ‘Phê-rô, con hãy đứng dậy, làm thịt mà ăn!’**
 Rồi tôi nghe Chúa bảo tôi: ‘Phê-rô, hãy đứng dậy, làm thịt và ăn [thịt của chúng]!’
 -HAY-
 Rồi tôi nghe Đức Chúa Trời bảo tôi: ‘Phê-rô, hãy đến và làm thịt [những loài vật này] và ăn [thịt của chúng]!’

Nghĩa của từ *một tiếng nói*.

‘Phê-rơ, con hãy đứng dậy, làm thịt mà ăn!’: Đây giống trong câu 10:13.

11:8

Tôi thưa: ‘Lạy Chúa, không được đâu! Vì con chẳng bao giờ ăn món gì ô uế hoặc không tinh sạch!’: So sánh với 10:14. Chỉ khác nhau ở chủ từ (*tôi thưa ở đây* đối là “Phê-rơ thưa” trong 10:14a).

Lạy Chúa: Xem Lời Giải Thích 9:5a.

không được đâu: Cùng một nhóm từ giống hệt trong 10:14a. Ý trong phần cuối của câu này giống như trong 10:14b, mặc dù cách dùng từ ngữ có chút đỉnh khác nhau.

11:9a

Tiếng từ trời lại bảo tôi lần thứ nhì: So sánh nhóm từ này với 10:15a. Xem 10:11a cho Lời Giải Nghĩa của từ “bầu trời.”

11:9b

‘Đừng coi những vật Đức Chúa Trời đã thanh tẩy là ô uế!’: Nhóm từ này giống hệt 10:15b.

11:10a

Việc đó lặp lại ba lần: Xem Lời Giải Nghĩa ở 10:16a, vì cả hai giống hệt nhau.

11:10b

rồi tất cả được thu lên trời: So sánh nhóm từ này với 10:16b, dù cách dùng từ có đôi chút

khác biệt, nhưng ý giống nhau. *Tất cả* có nghĩa tám khăn và những loài vật trong đó.

11:11-16 Phê-rơ nói rằng Đức Thánh Linh đến và ở cùng những người không phải gốc Do Thái

11:11

Ngay lúc ấy có ba người mà người ta phái từ Sé-sa-rê đến mời tôi, đến đứng trước của nhà: So sánh câu này với 10:17.

Ngay lúc ấy: Đây cho thấy rằng ba người được Cọt-nây sai đi vừa tới ngay khi khái tượng ông thấy chấm dứt.

cửa nhà (BDC: của nhà ta ở): Trong bản Hy-lạp lời Phê-rơ nói “nhà nơi tôi đang ở trọ.” BDM không chuyển ngữ nhóm từ này, nhưng BDY và BDC chuyển ngữ nhóm từ này.

11:12a

Đức Thánh Linh bảo tôi đi với họ, đừng nghi ngại gì: So sánh nhóm từ này với 10:19b, “Thánh Linh bảo,” và với 10:20b, “đừng do dự.” Trong bản Hy-lạp có sự khác biệt vì Bác Sĩ Lu-ca viết về Phê-rơ trong 10:19-20 và ở đây Phê-rơ kể lại những gì đã xảy ra.

- 11:8** **Tôi thưa: ‘Lạy Chúa, không được đâu! Vì con chẳng bao giờ ăn món gì ô ế hoặc không tinh sạch!’**
 Nhưng tôi trả lời: ‘Thưa Chúa, [tôi] không có thể làm [điều đó]! Tôi chưa từng bao giờ nếm bất cứ loại [thịt] nào mà [luật pháp Do Thái của chúng tôi bảo] là không thánh sạch hay cấm không được ăn.’
 -HAY-
 Nhưng tôi trả lời: ‘Lạy Chúa, [Ngài] chẳng muốn [tôi làm điều đó], vì tôi chưa bao giờ ăn thịt [của các loài vật] mà [luật pháp của chúng tôi dạy] chúng tôi không được ăn.’
- 11:9a** **Tiếng từ trời lại bảo tôi lần thứ nhì:**
 Người đó nói, từ trên trời, [với tôi] lần thứ hai:
 -HAY-
 Đức Chúa Trời phán, từ trên trời, [với tôi] lần thứ hai:
- 11:9b** **‘Đừng coi những vật Đức Chúa Trời đã thanh tẩy là ô ế!’**
 ‘Nếu [Ta] Đức Chúa Trời làm cho sạch những vật nào đó, để có thể [ăn được], thì đừng nói những vật đó không thể [ăn được].’
 -HAY-
 ‘Nếu Đức Chúa Trời coi những vật nào đó có thể [ăn được], đừng nên nói: “Đó là những vật không được chấp nhận để ăn.”’
- 11:10a** **Việc đó lặp lại ba lần,**
 [Người đó] đã nói [những lời] đó ba lần [để cho tôi biết những gì Đức Chúa Trời kể là được chấp nhận].
 -HAY-
 [Đức Chúa Trời] đã phán [những lời] đó ba lần [xác nhận rằng tôi phải tin những gì Ngài phán với tôi].
- 11:10b** **rồi tất cả được thu lên trời.**
 Rồi [sau khi Đức Chúa Trời đã nói điều đó ba lần, có người nào đó] kéo [tám khăn với] tất cả [loài vật và chim trời đó] lên lại trên trời.
 -HAY-
 [Sau khi Đức Chúa Trời đã nói đến lần thứ ba, [tám khăn và] tất cả [những loài vật và chim trời đó] biến mất lên trời.
- 11:11** **Ngay lúc ấy có ba người mà người ta phái từ Sê-sa-rê đến mời tôi, đến đứng trước cửa nhà.**
 Chính trong giây phút đó, có ba người, mà [Cọt-nây đã sai] đi từ Sê-sa-rê, cũng vừa đến nơi tôi đang ở.
 -HAY-
 Cũng ngay vào lúc đó có ba người vừa đến tìm tôi, tại căn nhà nơi tôi đang ở [Cọt-nây đã sai họ] từ Sê-sa-rê đến đây [để tìm tôi].
- 11:12a** **Đức Thánh Linh bảo tôi đi với họ, đừng nghi ngại gì.**
 Đức Thánh Linh bảo tôi rằng tôi nên đi với họ không được chần chừ.
 -HAY-
 Đức Thánh Linh bảo tôi rằng tôi nên sẵn lòng đi với họ [mặc dù họ không phải là người Do Thái].

11:12b

Có sáu anh em này cùng đi với tôi: Phê-rô cho biết số tín hữu cùng đi với ông từ Gióp-bê đến Sê-sa-rê. Trong 10:23b chỉ “có vài anh em tín hữu ở Gióp-bê tháp tùng.”

và chúng tôi vào nhà người ấy: So sánh *chúng tôi vào nhà người ấy* với “Phê-rô vừa bước vào” trong 10:25. Ba người Cọt-nây sai đi về, có lẽ cũng vào nhà Cọt-nây, nhưng chỉ được hàm ý ở đây.

11:13a

Ông ta thuật cho chúng tôi rằng ông đã thấy một thiên sứ xuất hiện tại nhà mình: Đây là lần thứ tư khái tượng được nói đến. So sánh 11:13 với 10:3-6, 22 và 30-32. Xem 10:3b cho Lời Giải Nghĩa về “một thiên sứ.” Ông ta và mình nói về Cọt-nây.

11:13b

mà bảo: ‘Hãy sai người đến Gióp-bê tìm Si-môn gọi là Phê-rô: So sánh phần này với 10:5 và 10:22c. Xem Lời Giải Nghĩa ở 10:32a, có sự giống nhau ở đây.

11:14

Người ấy sẽ bảo cho ông biết lời Chúa: Đây có nghĩa là Phê-rô sẽ bảo cho Cọt-nây những việc rất quan trọng.

nhờ đó ông và cả nhà ông sẽ được cứu: 10:22d không nhắc đến điều này. Nó liên hệ đến những gì Phê-rô sẽ nói như là một phương tiện được Đức Chúa Trời dùng để cứu Cọt-nây và người nhà của ông. Ông và cả nhà ông bao gồm Cọt-nây, vợ và các con của ông, và những người khác hiện sống chung trong gia đình của ông.

sẽ được cứu: Có thể bạn cần nên đổi sẽ được cứu thành “Đức Chúa Trời sẽ cứu.” Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn cần xác nhận động từ “cứu.” Ví dụ, bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời sẽ cứu ông, và Ngài không trừng phạt ông, vì tội lỗi ông gây nên.” Xem 2:21 cho Lời Giải Nghĩa sẽ được cứu.

11:15a

Tôi vừa bắt đầu nói thì Đức Thánh Linh đã giáng xuống trên họ: Rõ ràng là Phê-rô có

ý muốn nói nhiều hơn nữa. Cho nên ở đây đối với ông, có vẻ dường như ông chỉ mới bắt đầu nói với họ. Xem 10:44b cho Lời Giải Nghĩa Đức Thánh Linh đã giáng xuống trên họ.

11:15b

cũng như trên chúng ta: So sánh với 10:47b. Cho nhóm từ *như trên chúng ta*, xem 11:15a cho Lời Giải Nghĩa “Đức Thánh Linh giáng xuống trên họ.”

lúc ban đầu: Đây nói về ngày lễ Ngũ Tuần, lần đầu tiên khi Đức Thánh Linh giáng trên các môn đệ của Chúa Giê-su và hoàn toàn kiểm soát trên họ. Xem 2:1a về “ngày lễ Ngũ Tuần.”

11:16a

Tôi nhớ lại lời Chúa dạy: ‘Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước: Tôi nhớ lại, khi những người không phải gốc Do Thái nhận lãnh Đức Thánh Linh, điều đó làm cho Phê-rô nghĩ về những gì Chúa Giê-su dạy trước khi Ngài về trời (1:5). Xem 1:5a cho Lời Giải Nghĩa *Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước*.

11:16b

nhưng các con sẽ được báp-tem bằng Đức Thánh Linh: Xem 1:5b về Lời Giải Nghĩa phần này của câu. Bạn nên chuyển ngữ 11:16 giống như trong 1:5, ngoại trừ nhóm từ “ít ngày nữa” không có trong 11:16.

11:17 Phê-rô nói ông không thể từ chối chấp nhận những tín hữu không phải gốc Do Thái đó như là những người anh em trong đức tin

11:17a

Nếu Đức Chúa Trời đã ban cho họ ân tứ giống hết như ân tứ Ngài đã ban cho chúng ta ngày trước, khi chúng ta tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-su: Nếu bạn chia câu 17 ra thành hai câu (giống như trong câu CĐN của PKTCCN), bạn có thể giới thiệu câu thứ hai bằng từ “vì thế” hay “do đó.” Nếu không cho thấy sự nghi ngờ ở đây, do đó bạn không cần phải chuyển ngữ. *Ân tứ giống hết như ân*

- 11:12b** **Có sáu anh em này cùng đi với tôi và chúng tôi vào nhà người ấy.**
Sáu tín hữu [Do Thái] này [từ Gióp-bê] đã đi với tôi [đến Sê-sa-rê], và [sau đó] chúng tôi vào nhà của một người [không phải gốc Do Thái].
- 11:13a** **Ông ta thuật cho chúng tôi rằng ông đã thấy một thiên sứ xuất hiện tại nhà mình**
Ông ta nói lại cho chúng tôi, việc ông thấy một thiên sứ tại nhà của ông.
- 11:13b** **mà bảo: ‘Hãy sai người đến Gióp-bê tìm Si-môn gọi là Phê-rơ.**
[Thiên sứ] bảo [ông ta]: ‘Hãy cho [người] đi đến [thành] Gióp-bê và [bảo họ] mời Si-môn, còn có tên là Phê-rơ, về đây.
-HAY-
[Thiên sứ] đã bảo [ông ta]: ‘Hãy sai [một vài người đem tin] đến [thành] Gióp-bê [và bảo họ] mời một người có tên là Si-môn Phê-rơ về [đây].
- 11:14** **Người ấy sẽ bảo cho ông biết lời Chúa; nhờ đó ông và cả nhà ông sẽ được cứu.’**
Người đó/Phê-rơ sẽ nói cho ông thế nào [Đức Chúa Trời] sẽ cứu ông và mọi người trong gia đình ông [khỏi tội lỗi].
- 11:15a** **Tôi vừa bắt đầu nói thì Đức Thánh Linh đã giáng xuống trên họ**
Khi tôi vừa bắt đầu nói, thì Đức Thánh Linh [thình lình] giáng trên họ,
-HAY-
Sau khi tôi vừa nói một đôi lời, thì Đức Thánh Linh [đột nhiên] bắt đầu điều khiển họ,
- 11:15b** **cũng như trên chúng ta lúc ban đầu.**
như Ngài đến với chúng ta lúc ban đầu.
-HAY-
giống như lúc trước Đức Thánh Linh điều khiển chúng ta [trong ngày lễ Ngũ Tuần].
- 11:16a** **Tôi nhớ lại lời Chúa dạy: ‘Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước**
Rồi tôi nhớ đến lời Chúa [Giê-su] phán: ‘Giăng [Báp-tít] làm báp-tem cho [dân chúng] bằng nước,
- 11:16b** **nhưng các con sẽ được báp-tem bằng Đức Thánh Linh.’**
nhưng [Đức Chúa Trời] sẽ làm báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh.’
-HAY-
nhưng Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh đến để ở cùng và giúp đỡ các người.’
- 11:17a** **Nếu Đức Chúa Trời đã ban cho họ ân tứ giống hệt như ân tứ Ngài đã ban cho chúng ta ngày trước, khi chúng ta tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-su,**
Đức Chúa Trời ban cho họ cùng một Đức Thánh Linh mà Ngài ban cho chúng ta, sau khi chúng ta tin vào Chúa Cứu Thế Giê-su.

từ theo mạch văn, “ân tứ” ở đây có nghĩa là Đức Thánh Linh. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho người ngoại quốc cũng như Ngài ban cho người Do Thái. *Chúng ta tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-su chỉ về Phê-rô và thính giả Do Thái của ông, họ là những tín hữu trong Chúa Giê-su.*

11:17b

thì tôi là ai mà dám ngăn trở Đức Chúa Trời?: Đây là loại câu hỏi không cần câu trả lời. Phê-rô nói rằng ông chẳng dám chống lại Đức Chúa Trời. Bạn có thể nói một cách

tích cực hơn như “Tôi phải đồng ý với Đức Chúa Trời.” Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho những tín hữu không phải gốc Do Thái. Điều đó chứng tỏ rằng Ngài chấp nhận họ ngang hàng với các tín hữu Do Thái. Do đó, Phê-rô cũng như tất cả tín hữu Do Thái không nên có sự phân biệt giữa tín hữu Do Thái và tín hữu không phải gốc Do Thái. Việc Phê-rô làm báp-tem cho họ cho thấy rằng Đức Chúa Trời thực sự chấp nhận họ vào đại gia đình tín hữu trong Chúa Giê-su (Công Vụ 10:47).

Tiểu Đoạn Phụ 11:18 Họ ca ngợi Đức Chúa Trời rằng Ngài cũng cứu những người không phải gốc Do Thái

Trong Tiểu Đoạn Phụ chỉ có một câu này, Bác Sĩ Lu-ca ghi lại phản ứng của những tín hữu Do Thái đối với Lời Giải Nghĩa của Phê-rô.

11:18a

Nghe vậy, họ thôi chỉ trích Phê-rô và ca ngợi Đức Chúa Trời rằng: *Nghe vậy* (theo nghĩa đen “nghe những điều này”) chỉ về Lời Giải Nghĩa của Phê-rô trong 11:4-17. *Họ* chỉ về những tín hữu Do Thái những người chỉ trích Phê-rô trong 11:2-3. Bạn nên chuyển ngữ phần chính của 11:18a bằng câu nói trực tiếp hay gián tiếp như trong CDN của PKTCCN.

họ thôi chỉ trích Phê-rô: Trong tiếng Hy-lạp, nhóm từ này có nghĩa đen là “họ im lặng.” Nói một cách khác, họ chấm dứt không chỉ trích việc Phê-rô làm.

ca ngợi Đức Chúa Trời: Có nghĩa là họ nói rằng Đức Chúa Trời thật là vĩ đại. Thì của động từ *ca ngợi* cho thấy rằng họ lặp lại nhiều lần, hay có những người khác nối tiếp nói lên những lời đó.

11:18b

Thế là: Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này giới thiệu lời nói cho thấy những gì họ vừa khám phá được. Nó còn cho thấy những việc theo sau đó là những việc quan trọng.

Đức Chúa Trời cũng đã ban cho các dân tộc ngoại quốc lòng ăn năn để được sống!: Đức Chúa Trời đã giúp cho những người không phải gốc Do Thái cũng như người Do Thái thay đổi ý tưởng cũng như hành động của họ hướng về Ngài. Điều này cũng khiến cho người Do Thái rất đỗi ngạc nhiên. Điều này còn hàm ý rằng họ biết họ đã phạm tội với Ngài.

được sống: Chỉ về “sự sống đời đời.” Trong bản chuyển ngữ của bạn, có thể bạn cần nên đổi *lòng ăn năn* thành động từ như trong CDN của PKTCCN.

Phân Đoạn Phụ 11:19-30 Ba-na-ba và Sau-lơ dạy dỗ những tín hữu người ngoại quốc, là những người sau đó giúp đỡ lại những người Do Thái

Phân Đoạn Phụ này gồm có hai Tiểu Đoạn: 11:19-26 và 11:27-30.

Tiểu Đoạn 11:19-26 Ba-na-ba khuyến khích các tín hữu tại An-ti-ốt

Tiểu Đoạn này gồm có ba phần: 11:19-21, 11:22-24, và 11:25-26.

11:17b thì tôi là ai mà dám ngăn trở Đức Chúa Trời?”

Vì thế tôi chẳng [dám thử] ngăn cản Đức Chúa Trời [trong việc Ngài cho thấy rằng Ngài vui lòng nhận những người không phải gốc Do Thái này].”

-HAY-

Do đó, tôi chắc chắn đồng ý với Đức Chúa Trời [rằng những việc Ngài làm là tốt lành].” [Đó là những gì Phê-rơ kể lại cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem.]

Tiểu Đoạn Phụ 11:18 Họ ca ngợi Đức Chúa Trời rằng Ngài cũng cứu những người không phải gốc Do Thái

11:18a Nghe vậy, họ thôi chỉ trích Phê-rơ và ca ngợi Đức Chúa Trời

Sau khi [những tín hữu Do Thái đó] nghe những lời này, họ thôi không chỉ trích [Phê-rơ] và [thay vào đó] họ ngợi khen Đức Chúa Trời.

-HAY-

Sau khi [những tín hữu Do Thái này] nghe những lời đó, họ không còn nói: “[Phê-rơ,] ông đã làm những việc không đúng.” [Thay vì] họ nói: “Đức Chúa Trời [thật] vĩ đại!”

11:18b rằng: “Thế là Đức Chúa Trời cũng đã ban cho các dân tộc ngoại quốc lòng ăn năn để được sống!”

Họ nói: Đức Chúa Trời cũng khiến cho những người không phải gốc Do Thái biết ăn năn tội lỗi [và tin Chúa Giê-su] để [họ] có sự sống [đời đời].”

-HAY-

[Nhiều người khác nhau trong nhóm] họ nói: “Đức Chúa Trời cho những người Ngoại Quốc có cơ hội từ bỏ con đường để [họ] có thể có sự sống [vĩnh viễn với Ngài].”

Phân Đoạn Phụ 11:19-30 Ba-na-ba và Sau-lơ dạy dỗ những tín hữu người Ngoại quốc, là những người sau đó giúp đỡ lại người Do Thái

Tiểu Đoạn 11:19-26 Ba-na-ba khuyến khích các tín hữu tại An-ti-ốt

11:19a Các tín hữu phải đi tản trong cuộc bắt bớ do vụ Sê-tiên

Sau khi người ta giết chết Sê-tiên, rất nhiều tín hữu chạy tan lạc [từ Giê-ru-sa-lem] đi đến nhiều nơi khác, vì có nhiều dân chúng tố cáo họ [tại Giê-ru-sa-lem].

11:19-21 Nhiều người không phải gốc Do Thái tại An-ti-ốt tin Chúa Giê-su

11:19a

Các tín hữu phải đi tản trong cuộc bắt bớ do vụ Sê-tiên: Câu chuyện được trở lại với những tín hữu vì bị bắt bớ nên đã bỏ chạy

khỏi Giê-ru-sa-lem ngay sau vụ Sê-tiên bị giết. Xem 8:1c và 8:4 cho Lời Giải Nghĩa *các tín hữu phải đi tản* và xem 8:1b về cụm từ *bắt bớ*. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể chia câu 19 thành hai câu riêng, như trong CDN của PKTCCN.

11:19b

đi qua xứ Phê-ni-xi, đảo Síp và An-ti-ốt: Ở đây Bác Sĩ Lu-ca ghi lại nơi một số tín hữu chạy trốn đến đó. *Phê-ni-xi* là một vùng dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Nó gồm cả những thành phố ven biển của Ty-rơ và Si-đôn. *Đảo Síp* là một hòn đảo lớn trong biển Địa Trung Hải về phía đông của tỉnh Sy-ri. *An-ti-ốt* là một thành phố quan trọng trong tỉnh Sy-ri. Tỉnh Sy-ri (ngày hôm nay đã trở thành một quốc gia độc lập) nằm về hướng bắc của Y-sơ-ra-ên. Có nhiều người Do Thái sống trên ba địa điểm này.

11:19c

nhưng chỉ truyền giáo cho người Do Thái mà thôi: Thì của động từ *truyền giáo* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng những tín hữu này tiếp tục nói về Chúa Giê-su cho những người Do Thái khác. Trong bản Hy-lạp câu này nói “họ rao sứ điệp chỉ cho người Do Thái.” “Sứ điệp” nói đến “tin mừng về Chúa Giê-su.” Các bản chuyển ngữ tiếng Việt gọi *truyền giáo* hàm ý rằng “rao giảng Tin Lành về Chúa Giê-su.” CDN của PKTCCN được chuyển ngữ sát nghĩa theo tiếng Hy-lạp, và có thể giúp cho bạn dễ dàng chuyển ngữ câu này sang ngôn ngữ của bạn.

11:20a

Tuy nhiên, vài người trong số ấy, gốc ở Síp và Sy-ren: *Tuy nhiên* cho thấy sự tương phản giữa những người Do Thái được sinh ra tại Y-sơ-ra-ên và những người được sinh ra tại nước ngoài. Có nghĩa là, có một số người Do Thái không sinh trưởng tại Y-sơ-ra-ên bắt đầu nói về Chúa Giê-su cho những người không phải gốc Do Thái. Trong 11:20a mình chứng những tín hữu này là những người từ đảo Síp và thành phố Sy-ren. *Sy-ren* là thủ đô của tỉnh *Sy-ren*, một vùng thuộc phía bắc Châu Phi. Có rất nhiều người không phải gốc Do Thái ở những nơi mà các tín hữu Do Thái này chạy đến.

11:20b

đến An-ti-ốt và bắt đầu truyền giảng Phúc Âm về Chúa Giê-su cho người ngoại quốc:

Những tín hữu này đến thành *An-ti-ốt* thuộc tỉnh Sy-ri, ở đó họ rao giảng về Chúa Giê-su cho dân chúng. Câu 11:20c xác định rõ về điều này.

bắt đầu truyền giảng Phúc Âm về Chúa Giê-su: Thì của động từ *truyền giảng* trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ tiếp tục *truyền giảng* sứ điệp về Chúa Giê-su.

người ngoại quốc: Theo bản Hy-lạp nói “cho người Hy-lạp.” Có thể “người Hy-lạp” chỉ về những người không phải gốc Do Thái và nơi sinh trưởng của họ là Hy-lạp. Tuy nhiên, vấn đề ở đây chú ý đến việc giảng đạo cho người Do Thái và cho người không phải gốc Do Thái. Vì thế, “người Hy-lạp” ở đây có lẽ nói về những người không phải gốc Do Thái. Đây là cách BDM chuyển ngữ.

11:21a

Quyền năng Chúa ở cùng họ: Đây là một cách nói theo Cựu Ước rằng Đức Chúa Trời ban quyền năng để giúp đỡ họ. Có thể bạn cần đổi *quyền năng* thành trạng từ “một cách đầy quyền năng,” giống như câu thứ nhất trong CDN của PKTCCN. Thì của động từ ở cho thấy rằng Đức Chúa Trời tiếp tục giúp đỡ những tín hữu đó trong công tác truyền giáo của họ.

11:21b

nên một số đông người tin nhận và quay về với Chúa: Đây là kết quả việc Đức Chúa Trời giúp đỡ các tín hữu một cách đầy quyền năng. Vì thế, bạn có thể dùng từ “do đó” hay “kết quả” ở đây. Từ *tin nhận* hàm ý rằng những người không phải gốc Do Thái này nghe sứ điệp và được thuyết phục rằng sứ điệp này là thật. *Chúa* có lẽ nói về Chúa Giê-su. Mệnh đề *quay về với Chúa* có nghĩa là hầu hết những người không phải gốc Do Thái từ bỏ việc tin vào các tà thần để tin vào Đức Chúa Trời chân thật. Đây cũng có thể còn có nghĩa là họ tin nhận Chúa Giê-su là Chúa của họ.

- 11:19b** **đi qua xứ Phê-ni-xi, đảo Síp và An-ti-ốt,**
[Có nhiều người trong] số tín hữu đó chạy đến vùng Phê-ni-xi, đảo Síp và An-ti-ốt [là thành thuộc tỉnh Sy-ren].
- 11:19c** **nhưng chỉ truyền giáo cho người Do Thái mà thôi.**
[Trong những nơi đó] họ chỉ tiếp tục giảng cho người Do Thái sứ điệp [về Chúa Giê-su].
-HAY-
[Trong những nơi đó] họ tiếp tục giảng [về Chúa Giê-su] nhưng chỉ cho người Do Thái mà thôi.
- 11:20a** **Tuy nhiên, vài người trong số ấy, gốc ở Síp và Sy-ren**
Có một số tín hữu là những người ở đảo Síp và Sy-ren [một thành phố ở phía bắc của Châu Phi].
- 11:20b** **đến An-ti-ốt và bắt đầu truyền giảng Phúc Âm về Chúa Giê-su cho người ngoại quốc.**
Họ đến An-ti-ốt [và] họ bắt đầu giảng [sứ điệp về] Chúa Giê-su và họ cũng giảng cho người không phải gốc Do Thái [ở tại đó] nữa.
-HAY-
Họ đến An-ti-ốt. [Mặc dù họ giảng cho những người Do Thái,] Nhưng họ cũng giảng cho những người không phải gốc Do Thái sứ điệp về Chúa Giê-su.
- 11:21a** **Quyền năng Chúa ở cùng họ**
Chúa [Đức Chúa Trời] tiếp tục ban quyền phép cho những tín hữu đó [giảng đạo Chúa một cách đầy quyền năng].
-HAY-
Chúa [Đức Chúa Trời] tiếp tục giúp đỡ các tín hữu [để họ rao giảng sứ điệp về Chúa Giê-su một cách có hiệu quả].
- 11:21b** **nên một số đông người tin nhận và quay về với Chúa.**
[Vì thế,] có rất nhiều người [ngoại] nghe [sứ điệp của họ] và tin vào Chúa [Giê-su].
-HAY-
[Kết quả,] rất nhiều người [không phải gốc Do Thái] tin [sứ điệp của họ] và trở thành môn đệ của Chúa [Giê-su].
- 11:22a** **Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nghe tin,**
Những tín hữu ở Giê-ru-sa-lem nghe [người ta nói rằng nhiều dân chúng ở thành An-ti-ốt tin Chúa Giê-su].

11:22-24 Ba-na-ba khuyến khích các tín hữu tại An-ti-ốt

nói lại rằng có rất nhiều người ở thành phố An-ti-ốt trong tỉnh Sy-ri trở thành tín hữu của Chúa Giê-su.

11:22a

Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nghe tin: Các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem nghe dân chúng

11:22b

liền phái Ba-na-ba đến An-ti-ốt: Có lẽ có những người lãnh đạo trong Hội Thánh cử Ba-na-ba đi An-ti-ốt. Động từ *liền phái* gồm cả hai ý “ra lệnh để đi” và “đang đi,” nhưng có một số bản chuyển ngữ ghi “đang đi” rõ ràng. Nếu được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng cả hai động từ này: “Họ yêu cầu Ba-na-ba đi, và ông ra đi.”

11:23a

Đến nơi được chứng kiến ân sủng của Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa khi Ba-na-ba nhìn thấy những cử chỉ và hành động của các tín hữu ông biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã giúp đỡ để họ có thể sống đẹp lòng Ngài.

11:23b

ông vui mừng, khích lệ tất cả anh em quyết tâm kiên trì theo Chúa: Thì của các động từ, *khích lệ* và *quyết tâm kiên trì*, cho thấy rằng họ làm những việc này trong một thời gian. Nhóm từ *tất cả anh em* nói về tất cả tín hữu tại An-ti-ốt, cả người Do Thái lẫn người ngoại quốc. *Chúa* ở đây nói về Chúa Giê-su, giống như trong 11:21b. Nhóm từ *quyết tâm kiên trì* có nghĩa là “không bỏ cuộc.”

11:24a

vì Ba-na-ba là người tốt, đầy dẫy Thánh Linh và đức tin: Có thể từ *vì* ở đây hàm ý rằng *vì Ba-na-ba là người tốt, đầy dẫy Thánh Linh và đức tin*, ông sẵn lòng tiếp xúc với các tín hữu không phải gốc Do Thái, mặc dù ông là người Do Thái. Bởi lý do từ *vì* không được rõ ý ở đây, có rất nhiều bản chuyển ngữ mới không chuyển ngữ từ này (hãy xem BDY). *Người tốt* ở đây có thể đặt biệt nói về việc *Ba-na-ba* đã giúp đỡ người khác. Xem 6:5b cho Lời Giải Nghĩa của *đầy dẫy Thánh Linh và đức tin* ở đây.

11:24b

Số người tin Chúa lại gia tăng rất nhiều: Chẳng có thể nghi ngờ, đây là kết quả của

việc Đức Thánh Linh thêm sức cho Ba-na-ba để ông có thể giúp đỡ nhiều người.

11:25-26 Ba-na-ba và Phao-lô dạy dỗ rất nhiều tín hữu tại An-ti-ốt

11:25

Ba-na-ba đi Tạc-sơ tìm Sau-lơ: Ba-na-ba cần người giúp đỡ để dạy dỗ cho rất nhiều tín hữu mới tại An-ti-ốt. Nên ông đã tìm đến Tạc-sơ, quê của Phao-lô. Phao-lô đã trở lại quê hương của ông mấy năm trước đó (9:30). Xem 9:11 cho Lời Giải Nghĩa về *Tạc-sơ*. Động từ *tìm* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Ba-na-ba có thể phải hỏi qua nhiều người để tìm địa chỉ Phao-lô, dù phải tốn kém một số thì giờ, nhưng cuối cùng ông đã gặp được Phao-lô.

11:26a

Tìm được rồi, ông đưa Sau-lơ về An-ti-ốt: Đây hàm ý rằng sau khi *tìm được rồi*, Ba-na-ba bảo Sau-lơ về nhu cầu của nhiều tín hữu mới tại An-ti-ốt cần người dạy dỗ họ. Đây cũng hàm ý rằng Sau-lơ đồng ý đi An-ti-ốt để dạy dỗ các tín hữu mới này.

11:26b

Suốt một năm, Ba-na-ba và Sau-lơ họp với hội thánh và giảng dạy cho nhiều người: Thì của động từ *họp* trong tiếng Hy-lạp có lẽ có ý rằng Ba-na-ba và Sau-lơ tiếp xúc một cách thân mật và đều đặn với các tín hữu để dạy dỗ họ. Bác Sĩ Lu-ca ghi rõ việc Ba-na-ba và Sau-lơ ở lại An-ti-ốt trọn một năm, có lẽ để nói lên tầm quan trọng trong việc dạy dỗ các tín hữu tại đây. Nếu bạn muốn nói hai người *giảng dạy* về gì, bạn có thể nói họ giảng dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su. Từ *hội thánh* hàm ý rằng tại thành An-ti-ốt lúc đó các tín hữu đã tự thành lập được cộng đồng của những người tin Chúa Giê-su.

- 11:22b** **liền phái Ba-na-ba đến An-ti-ốt.**
[Do đó] các [lãnh đạo Hội Thánh Chúa tại Giê-ru-sa-lem] gọi Ba-na-ba đi đến An-ti-ốt.
- 11:23a** **Đến nơi được chứng kiến ân sủng của Đức Chúa Trời,**
Khi Ba-na-ba đến [đó], ông biết rằng Đức Chúa Trời giúp đỡ [những tín hữu tự làm những việc đẹp lòng Ngài].
-HAY-
Khi Ba-na-ba đến [nơi đó], ông biết rằng Đức Chúa Trời đang giúp đỡ [nhiều tín hữu làm những việc đẹp lòng Ngài].
- 11:23b** **ông vui mừng, khích lệ tất cả anh em quyết tâm kiên trì theo Chúa,**
[Do đó] ông rất vui mừng, tiếp tục khuyến khích tất cả tín hữu tiếp tục trồng cây trọt vụn trong Chúa [Giê-su].
-HAY-
[Vì thế] ông rất vui mừng và ông tiếp tục khuyến khích tất cả tín hữu này hãy luôn là những môn đệ trung thành của Chúa [Giê-su].
- 11:24a** **vì Ba-na-ba là người tốt, đầy đầy Thánh Linh và đức tin.**
Ba-na-ba là một người rất tốt được Thánh Linh [của Đức Chúa Trời] điều khiển một cách trọt vụn.
- 11:24b** **Số người tin Chúa lại gia tăng rất nhiều.**
[Bởi sự giúp đỡ của Ba-na-ba] cho nên có nhiều người ở đó tin Chúa [Giê-su].
-HAY-
[Vì tấm lòng cũng như việc làm của Ba-na-ba,] có rất nhiều người [ở đó] tin Chúa [Giê-su].
- 11:25** **Ba-na-ba đi Tạc-sơ tìm Sau-lơ.**
Sau đó Ba-na-ba đi Tạc-sơ [một thành phố thuộc tỉnh Si-li-si và cố gắng] tìm Sau-lơ.
-HAY-
Rồi Ba-na-ba đi Tạc-sơ [một thành phố trong tỉnh Si-li-si] để tìm Sau-lơ.
- 11:26a** **Tìm được rồi, ông đưa Sau-lơ về An-ti-ốt.**
Sau khi tìm được Sau-lơ, Ba-na-ba đưa Sau-lơ về An-ti-ốt [để giúp đỡ dạy dỗ những người tin Chúa].
- 11:26b** **Suốt một năm, Ba-na-ba và Sau-lơ họp với hội thánh và giảng dạy cho nhiều người.**
[Vì thế suốt] một năm [Ba-na-ba và Sau-lơ] [thường xuyên] họp với các [hội viên] của hội thánh và dạy họ [về Chúa Giê-su].
-HAY-
Suốt một năm [Ba-na-ba và Sau-lơ] giao thiệp [chặt chẽ] với các tín hữu và họp mặt [thường xuyên với họ]. Hai người giảng dạy cho rất nhiều người [sứ điệp từ Đức Chúa Trời, trong thời gian đó].

11:26c

Tại An-ti-ốt, lần đầu tiên, các tín hữu được gọi là Cơ Đốc nhân: Từ được gọi hàm ý rằng dân chúng tại đó, có lẽ là những người ngoại quốc gọi những người tin Chúa Giê-su là *Cơ Đốc nhân*. Từ *Cơ Đốc nhân* chỉ về những tín hữu và môn đệ của Chúa Giê-su.

Lần đầu tiên dân chúng đặt tên cho những người theo Chúa Giê-su trong thời gian Ba-na-ba và Sau-lơ giảng dạy tín hữu tại An-ti-ốt. Kinh Thánh không cho biết dân chúng có dụng ý gì khi gọi những người tín hữu là Cơ Đốc nhân, hoặc để đùa cợt, hay để cho được giản tiện. Sau đó, các tín hữu dùng tên này để gọi lẫn nhau.

Tiểu Đoạn 11:27-30 Các tín hữu tại An-ti-ốt giúp đỡ các tín hữu ở Giu-đê

Theo Tiểu Đoạn này, các tín hữu ở An-ti-ốt nhờ Ba-na-ba và Sau-lơ mang tiền lên giúp đỡ tín hữu Do Thái tại Giu-đê là những người đang thiếu thốn về thực phẩm trong cơn đói kém.

11:27

Trong thời gian ấy, có vài nhà tiên tri từ Giê-ru-sa-lem đến An-ti-ốt: Trong thời gian ấy chỉ về thời gian Ba-na-ba và Sau-lơ giảng dạy các tín hữu mới tin Chúa Giê-su tại An-ti-ốt. *Vài nhà tiên tri* là những tín hữu được Đức Chúa Trời cho thấy sứ điệp của Ngài cho và mang sứ điệp đó đến với những tín hữu khác. Đôi khi các nhà tiên tri nói cho dân sự của Đức Chúa Trời về những việc chưa được xảy ra. Xem trong 2:16 cho Lời Giải Nghĩa về từ “tiên tri.”

Trong ngôn ngữ Hy-lạp có những động từ để diễn tả những hành động “đến, tới” và “đi” những động từ này còn được nối với những “tiếp đầu ngữ” để chỉ rõ hành động đó hoặc “đi lên” hay “đi xuống,” để cho thấy việc đi lên một nơi cao hơn hay xuống một chỗ thấp hơn, và An-ti-ốt là một nơi thấp hơn Giê-ru-sa-lem. Đó là lý do tại sao BDC và BDY dùng từ ngữ “xuống An-ti-ốt.” Bạn có thể dùng từ “đến,” giống như BDM và không cần diễn tả sự khác biệt về mức độ cao thấp.

11:28a

Một người tên A-ga-bút đứng dậy: Đây hàm ý rằng các tín hữu có thể đang ngồi họp tại một nơi nào đó. Nó cũng hàm ý rằng A-ga-bút, một trong những nhà tiên tri đến từ Giê-ru-sa-lem, *đứng*, cho thấy rằng ông muốn nói với mọi tín hữu khác.

11:28b

và cây quyền năng Thánh Linh báo trước rằng: Đây có nghĩa là Đức Thánh Linh cảm động A-ga-bút nói cho những tín hữu khác về những việc sẽ xảy ra trong một tương lai rất gần.

sẽ có nạn đói lớn xảy ra khắp nơi có cư dân: Bạn có thể chuyển ngữ câu này ở thể văn trực tiếp hay gián tiếp như trong CDN của PKTCCN.

Theo tiếng Hy-lạp, nhóm từ *khắp nơi có cư dân* có ba cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng đây nói về đế quốc La-mã.
- (2) Một số khác cho rằng đây nói về cả thế giới.
- (3) Một số còn lại nghĩ ở đây có lẽ chỉ nói riêng về xứ Ý-sơ-ra-ên, vì những gì các tín hữu ở An-ti-ốt đã làm có thể hàm ý rằng nạn đói không ảnh hưởng đến những nơi khác.

Theo danh từ trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này có nghĩa là “nơi có dân cư ở.” Theo quan điểm của A-ga-bút và những thánh giả của ông, nạn đói có thể xảy ra khắp mọi nơi trên mặt đất, nơi họ đã biết đến. Vì thế bạn có thể chuyển ngữ một cách tổng quát giống như CDN của PKTCCN.

11:28c

(Nạn đói này xảy ra dưới triều Co-lốt): Đây là nhận xét của Bác Sĩ Lu-ca khi ông viết sách Công Vụ. Lời tiên tri của A-ga-bút đã thành sự thật trong thời *Co-lốt* trị vì đế quốc

11:26c **Tại An-ti-ốt, lần đầu tiên, các tín hữu được gọi là Cơ Đốc nhân.**
 Lần đầu tiên [dân chúng] ở An-ti-ốt gọi các tín là Cơ Đốc nhân.
 -HAY-
 [Đó là] tại An-ti-ốt, lần đầu tiên [người ta] gọi tín hữu là Cơ Đốc nhân.

Tiểu Đoạn 11:27-30 Các tín hữu tại An-ti-ốt giúp đỡ các tín hữu ở Giu-đê

- 11:27** **Trong thời gian ấy, có vài nhà tiên tri từ Giê-ru-sa-lem đến An-ti-ốt.**
 Trong thời gian [Ba-na-ba và Sau-lơ] ở An-ti-ốt, có một số [tín hữu là những] nhà tiên tri từ Giê-ru-sa-lem đến.
- 11:28a** **Một người tên A-ga-bút đứng dậy**
 Một trong những người tiên tri, có tên là A-ga-bút, đứng dậy trong đám tín hữu [để phát biểu].
- 11:28b** **và cậy quyền năng Thánh Linh báo trước rằng sẽ có nạn đói lớn xảy ra khắp nơi có cư dân**
 Đức [Thánh] Linh khiến ông ta nói với họ rằng dân chúng trong nhiều quốc gia, chẳng bao lâu nữa [sẽ gặp khổ nạn vì họ] sẽ không có đủ [lương thực] để ăn.
 -HAY-
 Đức [Thánh] Linh cho thấy [sứ điệp cho ông và khiến ông] nói sứ điệp [đó cho tất cả các tín hữu]: “[Dân chúng] tại nhiều quốc gia, chẳng bao lâu nữa [sẽ bị đói vì họ] sẽ không có đủ [lương thực] để sống.”
- 11:28c** **(Nạn đói này xảy ra dưới triều Cơ-lốt).**
 Nạn đói đó xảy ra khi [Hoàng-đế] Cơ-lốt trị vì [Đế-quốc La-mã].
- 11:29** **Các môn đệ Chúa quyết định mỗi người sẽ tùy khả năng gửi quà cứu trợ các anh em tín hữu tại Giu-đê.**
 Vì thế các tín hữu [ở An-ti-ốt] quyết định họ nên [gởi tiền bạc để] giúp những tín hữu tại [tỉnh] Giu-đê. Mỗi người, theo khả năng của mình, có thể giúp đỡ.

La-mã. *Cơ-lốt* trị vì từ 41-54 Công Nguyên. Có nạn đói khủng khiếp xảy ra tại Giu-đê vào năm 46 Công Nguyên. BDM dùng ngoặc đơn để cho thấy rằng có lời nhận xét được thêm vào khi Bác Sĩ Lu-ca viết sách này nhưng các dấu ngoặc đơn không cần thiết.

11:29

Các môn đệ Chúa quyết định mỗi người sẽ tùy khả năng gửi quà cứu trợ các anh em tín hữu tại Giu-đê: Bạn có thể bắt đầu câu này bằng chữ “vì thế” để cho thấy đó là sự hưởng ứng của họ đối với lời tiên của A-ga-bút. Bạn có thể diễn tả câu này bằng hai câu riêng biệt như trong CĐN của PKTCCN.

Các môn đệ Chúa quyết định: Nhóm từ *các môn đệ* chỉ về tất cả tín hữu tại An-ti-ốt. *Quyết định* cho thấy tất cả đều đồng ý làm điều đó.

mỗi người sẽ tùy khả năng gửi quà cứu trợ các anh em tín hữu tại Giu-đê: Đây hàm ý rằng A-ga-bút báo cho tín hữu tại An-ti-ốt về nạn đói sẽ xảy ra và làm cho nhiều tín hữu ở Giu-đê không có lương thực. Từ *gửi quà* có nghĩa là “gởi tiền bạc.” *Giu-đê* chỉ rõ về Giu-đê, nhưng cũng có thể nói về cả nước Y-sơ-ra-ên.

tùy khả năng: Đây hàm ý rằng mỗi tín hữu, quỳên góp tiền bạc tùy theo khả năng

của mỗi người. Bạn có thể để các tin tức này vào trong một câu giống CDN của PKTCCN.

11:30

Họ thực thi công cuộc cứu tế, nhờ Ba-na-ba và Sau-lơ chuyển giao tặng phẩm cho các trưởng lão: Đây cho thấy rằng tín hữu ở An-ti-ốt đã thi hành y như điều mà tất cả

mọi người đã quyết định. Những người lãnh đạo trong hội thánh chọn Ba-na-ba và Sau-lơ mang tiền cứu trợ đến Giu-đê. Họ ở đây chỉ về những người lãnh đạo tại hội thánh Giê-ru-sa-lem, và cũng là những người chịu trách nhiệm phân phát tiền bạc cho những tín hữu có nhu cầu. 12:25 cho thấy Ba-na-ba và Sau-lơ đã đem quà lên Giê-ru-sa-lem.

Phân Đoạn Phụ 12:1-23 Một thiên sứ giải cứu Phê-rơ, Vua Hê-rốt chết

Phân Đoạn Phụ này gồm có hai Tiểu Đoạn sau đây: 12:1-19 (một thiên sứ giải cứu Phê-rơ từ trong ngục) và 12:20-23 (một thiên sứ làm cho Hê-rốt chết).

Tiểu Đoạn Phụ 12:1-19 Một thiên sứ giải cứu Phê-rơ từ trong ngục

Tiểu Đoạn Phụ này gồm có hai Tiểu Đoạn Phụ: 12:1-4 (Hê-rốt ra lệnh giết Gia-cơ và giam Phê-rơ vào ngục) và 12:5-19 (một thiên sứ giải cứu Phê-rơ, và Hê-rốt ra lệnh giết những lính canh).

Tiểu Đoạn Phụ 12:1-4 Hê-rốt ra lệnh giết Gia-cơ và sai lính bắt Phê-rơ giam vào ngục

Theo Tiểu Đoạn Phụ này, Hê-rốt bắt đầu gây khó khăn và thống khổ cho những nhà lãnh đạo Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem. Trước hết ông ra lệnh giết Gia-cơ, sau đó cho lính bắt Phê-rơ giam vào ngục.

12:1

Vào lúc ấy, vua Hê-rốt khùng bố một số người trong hội thánh: Từ ngữ *vào lúc ấy* có thể nói đến thời gian Ba-na-ba và Sau-lơ đang giảng dạy tại thành An-ti-ốt (11:25-30). Vua Hê-rốt chỉ về Hê-rốt Ạc-ríp-ba I, cháu nội của Hê-rốt người được Bác Sĩ Lu-ca nói đến trong sách Lu-ca 1:5. Hoàng đế Cơ-lốt đã ban cho ông tước hiệu của “vua” và cho phép ông cai trị một phần lớn trong xứ Y-sơ-ra-ên từ năm 41 đến 44 Công Nguyên. Nhóm từ *trong hội thánh* cho thấy Hê-rốt ra lệnh bắt giữ một số hội viên trong hội thánh Giê-ru-sa-lem. Theo ngữ cảnh ở đây cho thấy họ là những nhà lãnh đạo hội thánh.

Hê-rốt là chủ từ của các động từ chính trong các câu 12:1-4. Tuy nhiên, không phải chính Hê-rốt đích thân đi bắt các tín hữu. Ông ra lệnh cho những quân lính và những

cận vệ của ông thi hành những điều ông muốn. Trong bản chuyển ngữ của bạn, cho mỗi câu này bạn có thể nên để là Hê-rốt ra lệnh cho quân lính thi hành những hành động của động từ chính trong câu.

khùng bố một số người: Bác Sĩ Lu-ca ghi nhận rằng Hê-rốt làm cho *một số* tín hữu bị ngược đãi (12:1a), nhưng chỉ có hai người được kể ra bằng tên ở đây (12:2-4).

12:2

Vua sai xử trảm Gia-cơ, anh của Giăng: Có nghĩa là Hê-rốt ra lệnh cho một người dùng gươm để giết Gia-cơ. Nếu cần nói rõ hơn, bạn có thể nói một người lính dùng gươm chặt đầu Gia-cơ.

Gia-cơ, anh của Giăng: Gia-cơ là một trong những sứ đồ và Giăng, em của Gia-cơ, cũng là một sứ đồ.

11:30 Họ thực thi công cuộc cứu tế, nhờ Ba-na-ba và Sau-lơ chuyển giao tặng phẩm cho các trưởng lão.
Họ gởi tiền với Ba-na-ba và Sau-lơ đem tiền trao cho các trưởng lão [của hội thánh tại Giê-ru-sa-lem].

Phân Đoạn Phụ 12:1-23 Một thiên sứ giải cứu Phê-rơ, Vua Hê-rốt chết

Tiểu Đoạn 12:1-19 Một thiên sứ giải cứu Phê-rơ từ trong ngục

Tiểu Đoạn Phụ 12:1-4 Vua Hê-rốt ra lệnh giết Gia-cơ và sai lính bắt Phê-rơ giam vào ngục

12:1 Vào lúc ấy, vua Hê-rốt khùng bố một số người trong hội thánh.
Vào lúc đó [khi Ba-na-ba và Sau-lơ đang dạy dỗ dân chúng tại An-ti-ốt], Vua Hê-rốt [sai quân lính] tìm bắt [và giam vào ngục] những người lãnh đạo hội thánh [đang ở tại Giê-ru-sa-lem], vì vua muốn gây khốn khó cho các tín hữu.

12:2 Vua sai xử trảm Gia-cơ, anh của Giảng.
Hê-rốt truyền lệnh [cho một người lính dùng gươm để] giết Gia-cơ [là anh] của Giảng.
-HAY-
Hê-rốt ra lệnh [cho một người lính] chặt đầu [sứ đồ] Gia-cơ, là anh của [sứ đồ] Giảng.

12:3a Thấy việc đó được dân Do Thái hoan nghênh,
[Hê-rốt nhận ra rằng] ông đã làm vui lòng [những nhà lãnh đạo của] người Do Thái [qua việc giết Gia-cơ].

12:3b vua lại cho tìm bắt Phê-rơ
[Do đó] ông ra lệnh [quân lính] bắt giam Phê-rơ [và cũng để giết Phê-rơ].

12:3a

Thấy việc đó được dân Do Thái hoan nghênh: Nhóm từ dân Do Thái ở đây có lẽ nói đến phần đông là các nhà lãnh đạo dân Do Thái và chỉ có một số ít là những thường dân. Chắc chắn Hê-rốt đã báo cho họ biết rằng ông đã ra lệnh giết Gia-cơ và họ cũng

cho Hê-rốt biết là họ rất hài lòng về việc Hê-rốt đã làm.

12:3b

vua lại cho tìm bắt Phê-rơ: Kế đến, Hê-rốt ra lệnh tìm bắt Phê-rơ. Chữ *lại* hàm ý rằng Hê-rốt cũng có ý định giết Phê-rơ như ông đã giết Gia-cơ.

12:3c

vào mùa lễ Bánh Không Men: Các tác giả của ba sách Phúc Âm nối kết *mùa lễ Bánh Không Men* gần với “*lễ Vượt Qua*,” trong Ma-thi-ơ 26:17; trong Mác 14:1; 12; và Lu-ca 22:1. Lễ Vượt Qua bắt đầu vào ngày thứ 14 của tháng Ni-san và *mùa lễ Bánh Không Men* bắt đầu từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 21 trong tháng đó. Tuy nhiên, Bác Sĩ Lu-ca nói đến thời gian (từ ngày thứ 14 đến ngày thứ 21 của tháng Ni-san) như một lễ liên tục cho nên ông có thể dùng một trong hai tên.

Bánh Không Men có nghĩa là khi làm bánh này người ta không bỏ men (bột nổi) vào bột. *Mùa lễ Bánh Không Men* được nhắc đến trong các sách Phúc Âm, do đó bạn có thể dùng từ ngữ được dùng trong Phúc Âm. Hoặc, bạn có thể dùng nhóm từ giống như, “những ngày mà người Do Thái ăn bánh không men.” Cả hai lễ này chỉ kéo dài trong 8 ngày. Điều đó cho thấy Hê-rốt hoạch định xét xử Phê-rơ và sẽ ra lệnh cho quân lính giết ông sau khi bỏ ông vào ngục trong một thời gian ngắn.

12:4a

Bắt được Phê-rơ, vua đem tống giam vào ngục: Thực ra quân lính của Hê-rốt bỏ Phê-rơ vào ngục.

12:4b

giao cho bốn tiểu đội canh gác: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng mỗi toán lính thay phiên canh giữ Phê-rơ mỗi 3 tiếng đồng

hồ, cả ngày lẫn đêm, nhờ đó việc canh giữ Phê-rơ được liên tục. (Một vài người khác nghĩ rằng các toán lính thay phiên canh giữ Phê-rơ mỗi 6 tiếng đồng hồ, thay vì 3 tiếng. Tuy nhiên bạn không cần để những chi tiết về số giờ vào trong bản chuyển ngữ của bạn.) Theo 12:6, có lẽ tay của hai người lính được xiềng vào tay của Phê-rơ, và hai người lính khác đứng canh phía ngoài phòng giam. Hãy xem hình vẽ ở trong Lời Giải Nghĩa 12:6.

12:4c

định sau lễ Vượt Qua sẽ đưa ra xét xử trước dân chúng: Mỗi năm có hàng ngàn người dân Do Thái đến Giê-ru-sa-lem để dự *lễ Vượt Qua*. Trong thời gian *lễ Vượt Qua*, người dân Do Thái hồi tưởng lại khi Đức Chúa Trời cứu tổ tiên của họ ra khỏi xứ Ai-cập. Xem 12:3c cho việc liên quan giữa hai lễ “*Vượt Qua*” và “*Bánh Không Men*.” Vì tất cả bốn Phúc Âm đều nói đến “*lễ Vượt Qua*,” do đó, ở đây bạn có thể chuyển ngữ giống như trong các sách Phúc Âm.

Hê-rốt có thể sợ dân chúng náo loạn nếu xét xử Phê-rơ một cách công khai trong những ngày lễ Bánh Không Men. (Hãy xem Mác 14:2 để biết cùng một lý do các nhà lãnh đạo Do Thái muốn trì hoãn việc xét xử Chúa Giê-su.) *Sau lễ Vượt Qua*, cho thấy đây có thể là ngay sau ngày thứ 21 của tháng Ni-san, khi những ngày lễ Bánh Không Men chấm dứt. Lúc đó chắc đã có nhiều người rời Giê-ru-sa-lem để trở về quê quán của họ.

Tiểu Đoạn Phụ 12:5-19 Phê-rơ kể lại việc ông được giải cứu, Hê-rốt ra lệnh giết những lính canh

Tiểu Đoạn Phụ này gồm có ba đơn vị sau đây: 12:5-11 (một thiên sứ giải cứu Phê-rơ ra khỏi ngục), 12:12-17 (Phê-rơ đến gặp các tín hữu khác), và 12:18-19b (Hê-rốt ra lệnh giết những lính canh).

12:5-11 Một thiên sứ giải cứu Phê-rơ ra khỏi ngục

12:5a

Vì thế, Phê-rơ bị giam trong ngục: Hê-rốt đang đợi cho dân chúng dự xong lễ Vượt

Qua. Vì lý do đó, Phê-rơ được giữ trong ngục năm bảy ngày, có lẽ gần một tuần lễ. Nếu bạn cần đổi từ ngữ *bị giam*, ở thể thụ động thành chủ động, bạn có thể nói: “những quân lính tiếp tục canh giữ Phê-rơ trong ngục.”

- 12:3c** vào mùa lễ Bánh Không Men.
[Hê-rốt khiến bắt Phê-rơ giam vào ngục] vào mùa lễ Bánh Không Men.
-HAY-
[Hê-rốt làm điều đó] vào những ngày lễ [khi dân Do Thái ăn] bánh không có men.
- 12:4a** **Bắt được Phê-rơ, vua đem tống giam vào ngục,**
Sau khi [quân lính] đã bắt Phê-rơ, Hê-rốt [ra lệnh cho quân lính] giam Phê-rơ vào ngục.
-HAY-
[Quân lính đi] bắt Phê-rơ [và] giam ông vào ngục, [như] Hê-rốt đã ra lệnh [họ làm].
- 12:4b** **giao cho bốn tiểu đội canh gác,**
Hê-rốt ra lệnh cho bốn toán lính canh giữ Phê-rơ. Mỗi [toán] có bốn người lính [cứ mỗi vài ba giờ họ thay phiên nhau canh giữ Phê-rơ].
-HAY-
Hê-rốt [sau đó] ra lệnh [rằng] bốn toán lính phải canh giữ Phê-rơ [ngày và đêm]. Có] bốn người lính trong mỗi [toán, và họ thay phiên nhau để canh giữ Phê-rơ].
- 12:4c** **định sau lễ Vượt Qua sẽ đưa ra xét xử trước dân chúng.**
Hê-rốt dự định sẽ đem Phê-rơ ra [khỏi ngục để xét xử] trước dân chúng [Do Thái] sau ngày lễ Vượt Qua. [Hê-rốt dự định sẽ ra lệnh giết Phê-rơ].
-HAY-
Hê-rốt hoạch định khi xong lễ Vượt qua sẽ đem Phê-rơ ra [khỏi tù] đến trước mặt dân chúng [Do Thái rồi ra lệnh giết Phê-rơ].

Tiểu Đoạn Phụ 12:5-19 Phê-rơ kể lại việc ông được giải cứu, Hê-rốt ra lệnh giết những lính canh

- 12:5a** **Vì thế, Phê-rơ bị giam trong ngục,**
Do đó, quân lính tiếp tục canh giữ Phê-rơ trong ngục [độ năm, bảy ngày].
- 12:5b** **nhưng hội thánh cứ khẩn thiết cầu nguyện Đức Chúa Trời cho ông.**
Nhưng [những người khác ở] hội thánh [tại Giê-ru-sa-lem] tha thiết cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giải cứu Phê-rơ.
-HAY-
Nhưng những tín hữu [khác tại Giê-ru-sa-lem] hết lòng cầu xin Đức Chúa Trời không để quân lính giết Phê-rơ.

12:5b
nhưng hội thánh cứ khẩn thiết cầu nguyện Đức Chúa Trời cho ông: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là

khẩn thiết cầu nguyện, cho thấy rằng những tín hữu khác ở đó liên tục cầu nguyện với Đức Chúa Trời về tình trạng của Phê-rơ, và họ làm điều đó một cách tha thiết.

12:6a

Hôm trước ngày vua Hê-rốt đưa Phê-rơ ra tòa: Đây hàm ý rằng Hê-rốt đã xét xử Phê-rơ, và đã định ra lệnh cho quân lính giết Phê-rơ.

12:6b

giữa đêm, Phê-rơ đang mang hai xiềng, ngủ giữa hai binh sĩ: Cả một sự ngạc nhiên, Phê-rơ đang ngủ, ngay cả khi Phê-rơ ngủ, cũng có hai người lính, mỗi người nằm sát một bên ông. Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy Phê-rơ đang tiếp tục ngủ, điều đó hàm ý rằng ông đang ngủ say. Đây nói đến tình trạng của Phê-rơ trong phòng giam. Tay của Phê-rơ bị xiềng vào tay của hai người lính canh giữ ông.

**12:6c**

còn trước cổng có các lính canh gác: Bác Sĩ Lu-ca không chỉ rõ vị trí của cửa phòng giam. Có sự khác biệt giữa chữ “cổng” ở đây với “cổng sắt” trong câu 12:10. Tuy nhiên, cả hai chữ Hy-lạp đều có nghĩa hoặc “cửa” hoặc “cổng.” Ngoài ra còn có những lính khác canh giữ ngục. Họ có thể đứng trước cửa phía ngoài phòng giam Phê-rơ hoặc có thể ở tại cổng chính. Tuy nhiên, bạn không cần chi tiết về vị trí của các cổng này ngoại trừ một cổng trong dẫn vào trại giam.

12:7a

Bỗng, một thiên sứ của Chúa hiện ra, ánh sáng chiếu vào ngục tối: Bỗng, cho thấy

việc xảy ra bất ngờ. Từ ngữ trong tiếng Hy-lạp mà Bác Sĩ Lu-ca dùng ở đây theo nghĩa đen là, “kia!” Việc xảy ra một cách thình lình không báo trước. Xem 5:19 Lời Giải Nghĩa về *một thiên sứ của Chúa*. Chúa ở đây chỉ về Đức Chúa Trời, do đó bạn có thể chuyển ngữ là “Đức Chúa Trời.” *Hiện ra* có nghĩa là thiên sứ bỗng nhiên đứng bên cạnh Phê-rơ. Khi thiên sứ hiện ra, một luồng *ánh sáng* cũng soi khắp phòng giam, nơi Phê-rơ đang ngủ.

12:7b

Thiên sứ đập vào sườn Phê-rơ, đánh thức ông: Thiên sứ đập vào sườn Phê-rơ hàm ý rằng Phê-rơ đang ngủ mê và thiên sứ phải đập mạnh vào một bên người để đánh thức ông dậy. Dĩ nhiên điều này không có nghĩa làm cho Phê-rơ đau đớn. Thiên sứ chỉ có mục đích đánh thức Phê-rơ dậy.

12:7c

và bảo: “Đứng dậy nhanh lên!” Lập tức hai xiềng rút ra khỏi tay Phê-rơ: Ngay khi vừa thức giấc, thiên sứ bảo Phê-rơ đứng dậy. Khi Phê-rơ đứng dậy các xiềng tự nhiên rút khỏi các tay của ông và rơi xuống đất. Điều này hàm ý rằng Đức Chúa Trời làm cho những người lính canh giữ Phê-rơ ngủ mê trong khi những sự việc này xảy ra. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể nói những lính canh đang ngủ say, giống như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

12:8a

Thiên sứ lại bảo: “Cài nịt, mang dép vào!” Phê-rơ làm theo: Có lẽ Phê-rơ đã mặc sẵn áo ngoài, nhưng không cài nịt lưng. Thông thường người đàn ông Do Thái nịt dây lưng quanh bụng mỗi khi đi hay chạy bộ. Vì thế thiên sứ bảo Phê-rơ nịt dây lưng vào để dễ dàng trong việc đi lại.

- 12:6a Hôm trước ngày vua Hê-rốt đưa Phê-rơ ra tòa,**
 Trong đêm [trước ngày] Hê-rốt dự định đem Phê-rơ ra khỏi ngục để xét xử [trước mặt dân chúng],
 -HAY-
 Đêm [chót (cuối cùng)] trước ngày Hê-rốt dự định đem Phê-rơ ra [trước đám đông dân chúng Do Thái],
- 12:6b giữa đêm, Phê-rơ đang mang hai xiềng, ngủ giữa hai binh sĩ,**
 Phê-rơ đang nằm ngủ [trong ngục] giữa hai người lính. Hai tay bị xiềng [vào tay của các người lính].
 -HAY-
 Phê-rơ ở [trong ngục và ông] đang ngủ. Có một người lính nằm cạnh mỗi bên, và hai tay của ông bị xiềng [vào tay của hai người lính].
- 12:6c còn trước cổng có các lính canh gác.**
 Có những người lính [khác] đứng canh trước cổng ngục.
 -HAY-
 Những người lính [khác luôn đứng] trước cổng ngục để canh giữ.
- 12:7a Bỗng, một thiên sứ của Chúa hiện ra, ánh sáng chiếu vào ngục tối.**
 Bỗng nhiên một thiên sứ [mà Đức] Chúa [Trời đã sai đến] hiện ra đứng [bên cạnh Phê-rơ], và có ánh sáng [rực] soi sáng [phòng giam] trong ngục.
- 12:7b Thiên sứ đập vào sườn Phê-rơ, đánh thức ông**
 Thiên sứ thúc vào hông Phê-rơ [và] đánh thức ông dậy.
 -HAY-
 Thiên sứ đánh thức Phê-rơ bằng cách thúc vào hông của ông.
- 12:7c và bảo: “Đứng dậy nhanh lên!” Lập tức hai xiềng rớt ra khỏi tay Phê-rơ.**
 [Rồi] thiên sứ nói, “Đứng dậy nhanh lên!” [Trong khi Phê-rơ đứng dậy,] hai xiềng rớt khỏi tay ông. [Nhưng, những người lính canh không biết chuyện xảy ra.]
 -HAY-
 Thiên sứ bảo, “Đứng dậy nhanh lên!” [Khi Phê-rơ đứng dậy,] các xiềng rơi khỏi hai tay ông. [Đức Chúa Trời làm cho các người lính ngủ mê, nên họ không biết chuyện xảy ra.]
- 12:8a Thiên sứ lại bảo: “Cài nịt, mang dép vào!” Phê-rơ làm theo.**
 Rồi thiên sứ nói với Phê-rơ: “Mặc áo và mang giày vào!” Phê-rơ làm theo.

Có lẽ Phê-rơ đã có sẵn dép da, dép thường có sợi dây bằng da để cột vào gót chân. Tuy nhiên, bạn có thể dùng một từ thông dụng chỉ về đôi dép mà người đàn ông

dùng theo phong tục của xứ sở bạn. Có một cách khác để chuyển ngữ nhóm từ này là: “Hãy mặc quần áo và mang dép vào.”

12:8b

áo ngoài: Đây nói về áo mặc bên ngoài. Trong một vài ngôn ngữ gọi là áo choàng bên ngoài. Xem 9:39d cho những Lời Giải Nghĩa về “các bộ quần áo.”

Bản văn hàm ý rằng Phê-rơ làm theo những điều thiên sứ bảo. Bạn có thể cần giải thích rõ điều này trong bản chuyển ngữ của bạn một cách ngắn gọn.

12:9a

Phê-rơ theo thiên sứ ra khỏi ngục: Bạn có thể dùng một từ như “do đó” để nói lên việc Phê-rơ đáp ứng theo lời của thiên sứ. Mệnh đề này có nghĩa là Phê-rơ theo thiên sứ ra khỏi phòng giam.

12:9b

nhưng ông không biết việc do thiên sứ làm là chuyện thật: Phê-rơ làm theo mọi điều thiên sứ phán, nhưng ông không thực sự biết thiên sứ và ngay cả việc ông đang làm là một sự thật. Bạn có thể nói là: “Phê-rơ tự hỏi rằng đây là sự thật hay tôi đang nằm mơ?” Theo bản văn ở đây, bạn có thể nói rằng Phê-rơ tưởng ông đang nằm mơ.

12:9c

lại tưởng mình đang thấy Khải tượng: Phê-rơ tưởng rằng ông đang thấy Khải tượng. Xem 2:17c và 9:10b cho từ *khải tượng*.

12:10a

Qua khỏi trạm canh thứ nhất và thứ nhì: Mặc dù các học giả Kinh Thánh có sự khác biệt về ý nghĩa của nhóm từ này nhưng tất cả đều đồng ý rằng ít nhất có hai người lính gác tại hai chỗ khác nhau trong trại tù. Do đó bạn có thể nói rằng thiên sứ và Phê-rơ đi

ngang qua hai trạm kiểm soát của lính canh trong trại giam. Đây có thể là những người lính mà Bác Sĩ Lu-ca nói đến trong 12:6c.

Bản văn hàm ý rằng lính canh không thấy thiên sứ và Phê-rơ. Tuy nhiên, bản văn không hàm ý rằng lính canh đang ngủ, hay Đức Chúa Trời đã làm cho các lính canh không thấy thiên sứ và Phê-rơ. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn có thể nói rằng các lính canh không thấy thiên sứ và Phê-rơ giống như trong CĐN của PKTCCN.

12:10b

thiên sứ và Phê-rơ vừa đến trước cổng sắt dẫn vào thành: Thiên sứ và Phê-rơ đi bộ phía bên trong hay trong sân trại giam dẫn tới *cổng sắt*. Đây có thể là cổng bằng sắt. Người ở phía bên trong trại giam có thể dùng cổng này để đi vào những nơi khác trong thành khi cổng được mở. Điều này cho thấy rằng trại giam tọa lạc tại một nơi nào đó trong thành Giê-ru-sa-lem.

12:10c

thì cổng tự mở ra cho họ đi qua: Không có con người đóng vai trung gian cho việc mở cổng ở đây. Cổng sắt tự động mở ra giống như xiềng tự nhiên rớt khỏi tay của Phê-rơ.

12:10d

Đi vào một đường phố, thiên sứ lập tức rời Phê-rơ: Đây có nghĩa là thiên sứ và Phê-rơ cùng đi bộ trên một quãng đường cho đến một ngã rẽ ra hai bên phải và trái. Hay hai người cùng đi một đoạn đường. Bản văn hàm ý rằng khi thiên sứ rời Phê-rơ ông biết rằng mình đang ở tại đâu.

- 12:8b Thiên sứ tiếp: “Hãy choàng áo ngoài vào rồi theo tôi!”**
Rồi thiên sứ bảo Phê-rơ: “Hãy mặc áo ngoài vào và theo tôi!”
- 12:9a Phê-rơ theo thiên sứ ra khỏi ngục,**
Vì thế, [sau khi Phê-rơ mặc áo ngoài xong,] ông đi ra [khỏi phòng giam và] đi theo [thiên sứ].
-HAY-
Rồi Phê-rơ theo thiên sứ ra khỏi [phòng giam].
- 12:9b nhưng ông không biết việc do thiên sứ làm là chuyện thật,**
Phê-rơ không biết rằng thiên sứ [và ông] đang thực sự đi ra khỏi nhà giam.
-HAY-
Phê-rơ ngạc nhiên chẳng biết việc gì đang xảy ra. [Ông tự hỏi mình,] “Phải chăng tôi đang đi với một thiên sứ?”
- 12:9c lại tưởng mình đang thấy khả tượng.**
Thay vì, ông tưởng [rằng mình] đang thấy [thiên sứ] trong một khả tượng.
-HAY-
Ông tưởng [rằng có lẽ ông chỉ] đang [ở trong] giấc mộng.
- 12:10a Qua khỏi trạm canh thứ nhất và thứ nhì,**
Phê-rơ và thiên sứ đi ngang qua hai trạm gác có lính canh [trong trại tù]. [Những người lính đó không thấy hai người.]
- 12:10b thiên sứ và Phê-rơ vừa đến trước cổng sắt dẫn vào thành,**
[Rồi] hai người đến một cổng sắt [ở sân nhà tù. Mỗi khi cổng này mở, người ta] có thể đi [ra ngoài] để đi vào [mọi nơi] trong thành phố.
-HAY-
[Rồi] hai người đi đến một cổng sắt [của nhà tù. Người ta] có thể từ [cổng đó] đi ra ngoài [đường phố] để đi vào trong thành.
- 12:10c thì cổng tự mở ra cho họ đi qua.**
Thì cổng tự mở ra, và Phê-rơ cùng thiên sứ đi ra phía ngoài cổng [từ trong tù đi ra ngoài đường phố].
-HAY-
Cổng tự nhiên mở ra, [mặc dù] không có [một người nào] mở nó ra. Hai người đi ra phía ngoài [từ trong tù đi ra ngoài đường phố].
- 12:10d Đi vào một đường phố, thiên sứ lập tức rời Phê-rơ.**
Hai người đang đi dọc theo trên con đường [độ chừng một khoản đường, và rồi] bỗng nhiên thiên sứ rời khỏi Phê-rơ.
-HAY-
Sau khi hai người đi được [một khoản] đường, thiên sứ tự nhiên biến mất.

12:11a

Bây giờ tôi mới biết chắc chắn: Ngay lúc đó, Phê-rô mới nhận ra đây là sự thật chứ không phải trong giấc mơ. Ông biết ông vừa được giải cứu khỏi ngục. Ông đang đi một mình, do đó ông nói những lời trong 12:11b-c với chính ông, hay ông nghĩ như vậy.

12:11b

Chúa đã sai thiên sứ Ngài đến: Phê-rô tự nghĩ hoặc tự nói với chính mình những lời này. *Chúa* ở đây có thể chỉ về Đức Chúa Trời hơn là về Chúa Giê-su, do đó bạn có thể chuyển ngữ là “Đức Chúa Trời.” *Thiên sứ Ngài* chỉ về thiên sứ của Đức Chúa Trời được sai đến để giải thoát Phê-rô. Bạn có thể nói “một thiên sứ” hay “một trong những thiên sứ,” vì Đức Chúa Trời có nhiều thiên sứ thi hành những công việc Ngài phán.

12:11c

Giải cứu tôi thoát khỏi Hê-rốt và mọi điều dân Do Thái mong muốn: Bạn có thể bắt đầu bằng một câu mới ở đây, như trong CĐN của PKTCCN. *Giải cứu tôi thoát khỏi Hê-rốt* có nghĩa là Đức Chúa Trời giải cứu Phê-rô khỏi ngục giam, nơi Hê-rốt ra lệnh cho quân lính giam giữ ông để sau đó đem ông ra xử tử.

mọi điều dân Do Thái mong muốn: Đây là một lối nói thông thường rằng người dân Do Thái mong Hê-rốt ra lệnh cho quân lính giết Phê-rô. *Dân Do Thái* ở đây, cũng như ở trong 12:3a, có lẽ nói đến những nhà lãnh đạo Do Thái và chỉ có một số ít dân chúng. Trong lúc đó, hầu hết những môn đệ của Chúa Giê-su là người Do Thái.

12:12-17 Phê-rô kể lại cho các tín hữu khác

12:12a

Ý thức rõ ràng như thế, ông đến nhà bà Ma-ri, mẹ của Giăng cũng gọi là Mác: Đây có nghĩa là, ngay lúc đó, Phê-rô biết rõ Đức Chúa Trời giải cứu ông khỏi ngục giam. Do đó Phê-rô đi bộ đến nhà của một nữ tín hữu có tên là *Ma-ri*. *Ma-ri* là mẹ của một người đàn ông có tên là Giăng cũng gọi là Mác.

Giăng là tên Do Thái và *Mác* là tên La-mã. Người ta thường gọi ông bằng “Giăng Mác,” hay chỉ gọi bằng “Mác,” để phân biệt với những người cùng có tên là “Giăng.”

12:12b

nơi đây nhiều tín hữu đang nhóm họp cầu nguyện: Những môn đệ của Chúa Giê-su, lúc này không có nơi riêng biệt để cho họ tụ tập lại với nhau. Họ gặp nhau tại nhà của các tín hữu. Họ đến nhà của Ma-ri để cầu nguyện. Theo bản văn hàm ý rằng họ vô cùng lo lắng cho trường hợp của Phê-rô và cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ ông. (Tuy nhiên, theo những gì họ nói với Rô-đa trong 12:15 cho thấy rằng có lẽ họ không thực sự tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Phê-rô khỏi tay Hê-rốt.)

12:13a

Nghe tiếng ông gõ cửa: Có những tập quán, ở đó người ta không gõ cửa để xin vào trong nhà. Nếu đây là trường hợp của bạn, bạn có thể giải thích lý do Phê-rô gõ cửa là theo phong tục của người Do Thái. Câu thứ nhất trong CĐN của PKTCCN giải thích điều này. Nếu gõ cửa cho thấy một hành động vô lễ hay cho thấy Phê-rô không phải là một người tốt, bạn có thể dùng một từ tổng quát để cho thấy việc yêu cầu mở cửa. Câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN đề nghị cách chuyển ngữ ở đây. (Bạn cũng có thể ghi chú ở cuối trang, giải thích việc gõ cửa theo phong tục của bạn.) *Cửa* chỉ về cửa phía ngoài, sát với đường đi.

12:13b

Rô-đa: *Rô-đa* có nghĩa là “*Hồng*.”

tiến lại gần cửa nghe ngóng: Hàm ý Rô-đa hỏi ai đang gõ cửa, vì cô ta không mở cửa ngay, và cũng hàm ý rằng Phê-rô trả lời câu hỏi. Khi chuyển ngữ câu này, có thể sẽ dễ dàng cho bạn hơn, nếu bạn nghĩ đến phong tục của bạn khi một người muốn được phép vào phía bên trong cửa thì phải dùng dấu hiệu gì, và phản ứng của người trong nhà sẽ như thế nào.

- 12:11a Phê-rơ hồi tỉnh lại, tự bảo: “Bây giờ tôi mới biết chắc chắn.**
[Khi thiên sứ đã rời khỏi,] Phê-rơ nhận biết [việc gì đã thực sự xảy ra cho ông].
Cho nên ông nói:
-HAY-
[Cuối cùng] Phê-rơ nhận thức được [ông đã thực sự ra khỏi tù]. Do đó ông tự nói
[với mình]:
- 12:11b Chúa đã sai thiên sứ Ngài đến**
“Bây giờ tôi thật sự biết [Đức] Chúa [Trời] sai thiên sứ [để cứu tôi].
- 12:11c giải cứu tôi thoát khỏi Hê-rốt và mọi điều dân Do Thái mong muốn.”**
Ngài cứu tôi khỏi những điều Hê-rốt định làm [để hại tôi] và [cũng] cứu tôi khỏi
những điều [mà các nhà lãnh đạo] Do Thái mong muốn [Hê-rốt sẽ] làm [hại
tôi].”
-HAY-
Đức Chúa Trời cứu tôi ra khỏi [ngục và khỏi] những gì Hê-rốt định làm [để hại
tôi]. [Bây giờ tôi biết rằng quân lính sẽ không thể giết tôi] để làm vừa lòng người
Do Thái.”
- 12:12a Ý thức rõ ràng như thế, ông đến nhà bà Ma-ri, mẹ của Giăng cũng gọi là Mác,**
Khi Phê-rơ biết [rằng Đức Chúa Trời đã giải cứu ông], ông đi đến nhà của Ma-ri.
[Bà là] mẹ của Giăng còn có tên [là] Mác.
- 12:12b nơi đây nhiều tín hữu đang nhóm họp cầu nguyện.**
Có nhiều tín hữu đang nhóm họp để cầu xin Đức Chúa Trời [giải cứu Phê-rơ].
- 12:13a Nghe tiếng ông gõ cửa,**
Phê-rơ gõ cửa, lối đi vào sân trước [mong rằng có người sẽ mở cửa cho ông vào].
-HAY-
Phê-rơ [đứng] phía ngoài cổng [lối vào sân và] gọi [người mở cổng cho ông vào].
- 12:13b một chị giúp việc tên Rô-đa tiến lại gần cửa nghe ngóng.**
[Vì thế] có một người giúp việc tên là Rô-đa đến phía bên trong cửa và hỏi [ai ở
phía ngoài cửa].
-HAY-
Có một người đàn bà trẻ tuổi tên là Rô-đa đến gần cổng [và] hỏi: [“Ai đó?”]
- 12:14a Nhận ra tiếng nói của Phê-rơ,**
[Khi Phê-rơ trả lời,] chị nhận ra rằng người đang nói là Phê-rơ.
-HAY-
Phê-rơ trả lời [, và rồi] chị biết [ngay đó là Phê-rơ].

12:14a

Nhận ra tiếng nói của Phê-rơ: Khi Phê-rơ trả lời, Rô-đa nhận ra tiếng của ông ngay.

12:14b

Chị mừng quá quên cả mở cửa, chạy vào: Khi nhận ra tiếng của Phê-rơ, vì quá vui mừng nên chị quên cả việc mở cửa. Chị vội chạy vào nhà để báo tin vui này cho những người khác.

12:14c

báo tin Phê-rơ đang đứng trước cửa: Theo bản văn cho thấy Rô-đa rất ngạc nhiên. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này theo thể văn gián tiếp hay trực tiếp để được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Hãy xem CĐN. Nhóm từ *đứng trước cửa* có lẽ có ý rằng “ở ngoài đường,” có nghĩa là, phía ngoài cổng trước khi vào trong sân.

12:15a

Các tín hữu quở: “Mày điên à?”: Bạn có thể dùng “một trong các tín hữu” là chủ từ, nếu nghe tự nhiên hơn là dùng *các tín hữu*. Khi người trong nhà nói “Mày điên à?” đó là cách cho thấy rằng những người này không tin Phê-rơ thực sự đang ở ngoài cửa.

12:15b

Nhưng chị quả quyết là đúng: Thì của động từ, *chị quả quyết* cho thấy rằng chị nhắc lại nhiều lần rằng Phê-rơ thực sự đang ở ngoài cửa. Từ *là đúng* có nghĩa là những gì chị ta nói hoàn toàn đúng sự thật. Dĩ nhiên họ không tin Rô-đa thực sự biết rằng Phê-rơ đang đứng ngoài cửa.

12:15c

Họ lại bảo: “Đấy là thiên sứ của Phê-rơ.”: Họ kết luận rằng có lẽ đó là một thiên sứ Đức Chúa Trời phái đến để bảo vệ Phê-rơ.

Bạn nên nghĩ đến việc cần có ghi chép ở cuối trang giống như thế này: Trong thời đó, người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời sai thiên sứ đến để bảo vệ dân sự của Ngài, và thiên sứ xuất hiện có thể thấy được, bằng hình dạng của người mà thiên sứ có trách nhiệm bảo vệ. Những tín hữu ở đó có thể tin rằng thiên sứ bảo vệ Phê-rơ đến để báo cho họ việc Phê-rơ đã chết.

12:16a

Nhưng Phê-rơ cứ tiếp tục gõ cửa: Trong khi Rô-đa cố gắng thuyết phục những người này rằng Phê-rơ thực sự đang ở ngoài cửa, thì Phê-rơ tiếp tục gõ cửa. Đây hàm ý rằng những người ở trong nhà có thể nghe tiếng gõ cửa của Phê-rơ. Xem Lời Giải Nghĩa trong 12:13a về “ông gõ cửa.”

12:16b

Mở cửa ra thấy ông, họ kinh ngạc vô cùng: Cuối cùng Phê-rơ làm cho họ chú ý đến tiếng gõ cửa của ông. Nhiều người trong số tín hữu trong nhà đã ra đến cửa và có một người mở cửa. Khi thấy Phê-rơ họ rất đổi ngạc nhiên, những tín hữu này không mong đợi rằng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Phê-rơ.

12:17a

Ông lấy tay làm hiệu bảo họ im lặng: Phê-rơ muốn giữ im lặng để không bị những người khác biết. Có lẽ ông đã dùng tay phải để ra dấu. Tuy nhiên, bạn có thể ra dấu hiệu bằng tay như thế nào để cho phù hợp với ngôn ngữ của bạn, Thì của động từ *im lặng*, trong tiếng Hy-lạp, cho thấy rằng Phê-rơ muốn họ tiếp tục im lặng.

- 12:14b** **chị mừng quá quên cả mở cửa, chạy vào**
 Vì chị quá vui mừng nên quên không mở cổng, nhưng chạy vào [trong nhà].
 -HAY-
 Nhưng chị không mở cửa. Chị rất là vui [và] mừng quýnh [khi nghe tiếng Phê-rơ] chị chạy vào [trong nhà để báo cho mọi người].
- 12:14c** **báo tin Phê-rơ đang đứng trước cửa.**
 [Rồi] chị [vui mừng] nói lớn [với những tín hữu khác] rằng Phê-rơ đang đứng phía ngoài [cổng ra vào].
 -HAY-
 [Rồi] chị [vui mừng] báo [những tín hữu khác]: “Phê-rơ đang ở phía ngoài [cổng trước]!”
- 12:15a** **Các tín hữu quở: “Mày điên à?”**
 Nhưng họ nói với chị: “Mày điên rồi!”
 -HAY-
 Nhưng [một người trong] nhóm nói với chị: “Mày nói đùa! [Có thể nào là Phê-rơ được!]”
- 12:15b** **Nhưng chị quả quyết là đúng.**
 Nhưng chị tiếp tục xác nhận rằng đó là sự thật.
 -HAY-
 Những chị cứ lặp lại: “Phê-rơ thực sự ở ngoài đó!”
- 12:15c** **Họ lại bảo: “Đấy là thiên sứ của Phê-rơ.”**
 [Rồi] họ lại nói: “[Chẳng có thể nào là Phê-rơ được.] Đó [có thể] là thiên sứ [gìn giữ] Phê-rơ [đến].”
 -HAY-
 [Nhưng họ không tin chị ta.] Một vài người nói: “Đó là thiên sứ [bảo vệ] Phê-rơ [đến để báo cho chúng ta biết Phê-rơ đã chết].”
- 12:16a** **Nhưng Phê-rơ cứ tiếp tục gõ cửa.**
 Tuy nhiên, Phê-rơ vẫn tiếp tục gõ cửa.
 -HAY-
 [Trong khi họ bàn luận với nhau, thì] Phê-rơ tiếp tục [ở bên ngoài,] gọi [người mở cửa cho ông vào].
- 12:16b** **Mở cửa ra thấy ông, họ kinh ngạc vô cùng.**
 [Do đó, cuối cùng có một người] mở cửa, họ thấy [đó là] Phê-rơ thì họ hoàn toàn kinh ngạc.
- 12:17a** **Ông lấy tay làm hiệu bảo họ im lặng,**
 Phê-rơ dùng tay ra dấu để họ im lặng.
 -HAY-
 Phê-rơ ra dấu bằng tay để bảo họ im lặng [và nghe ông].

12:17b

thuật lại cho họ nghe Chúa cứu mình ra khỏi ngục cách nào: Theo tiếng Hy-lạp động từ *thuật lại* có nghĩa là kể lại, thuật lại, nói lại, một cách đầy đủ về một việc gì. Chúa có lẽ chỉ về Đức Chúa Trời, như trong 12:11a. Mặc dù một thiên sứ đã giải cứu Phê-rơ, ông biết rằng đó chính là Đức Chúa Trời, Đấng làm cho ông được thoát khỏi ngục. Xem 12:4a cho Lời Giải Nghĩa về chữ *ngục*. Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng thể văn trực tiếp thích hợp hơn, bạn có thể chuyển ngữ giống như câu số hai trong CĐN của PKTCCN.

12:17c

rồi bảo: “*Xin báo tin cho Gia-cơ và các anh em biết việc này!*”: Có lẽ bạn cần phân biệt *Gia-cơ* ở đây và sứ đồ *Gia-cơ*, người bị xử trảm bởi lính của Hê-rốt (12:2). Đây là *Gia-cơ* lãnh đạo hội thánh Giê-ru-sa-lem. Bạn có thể nói “những tín hữu khác” cũng cần cho biết rõ *Gia-cơ* cũng là một tín hữu. Bạn cũng cần chuyển ngữ nhóm từ *việc này*, một cách đặc biệt, thí dụ, “thế nào Đức Chúa Trời đã giải cứu tôi khỏi ngục giam.” Bạn nên để *rồi bảo*, có nghĩa là “Phê-rơ nói,” vào vị trí của câu thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

12:17d

Nói xong ông lánh qua một nơi khác: Nếu cần được chính xác hơn, bạn có thể nói rằng Phê-rơ đi sang một thành phố khác. Có thể là một nơi nào đó ngoài địa hạt Hê-rốt cai trị. Hay, có lẽ Hê-rốt không biết nơi Phê-rơ đến.

12:18-19 Hê-rốt ra lệnh giết các lính canh

12:18a

Đến sáng, có vụ rối loạn không nhỏ trong hàng ngũ binh sĩ: Trong một vài ngôn ngữ, người ta thích dùng nghĩa bóng như *có vụ rối loạn không nhỏ trong hàng ngũ binh sĩ*. Đây có nghĩa là có một vụ lộn xộn rất lớn. Bạn có thể nói điều này theo cách tích cực, như trong CĐN của PKTCCN. Thì của động

từ *có* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng sự lộn xộn tiếp tục quấy nhiễu các quân lính.

hàng ngũ binh sĩ: Đây nói về những người lính canh giữ Phê-rơ trong ngục. Cho cả hai phần của câu 12:18, bạn nên theo I hay II trong CĐN của PKTCCN.

12:18b

vì điều đã xảy ra cho Phê-rơ: Bạn có thể dùng thể văn trực tiếp ở đây, như trong câu thứ hai của CĐN của PKTCCN. Các lính canh không tìm thấy Phê-rơ, do đó họ rất lo sợ. Họ lo lắng rằng nếu không tìm ra được Phê-rơ chắc họ sẽ bị xử tử.

12:19a

Vua Hê-rốt ra lệnh tìm nã gấu nhưng tìm không được Phê-rơ: Đây hàm ý rằng Hê-rốt ra lệnh cho quân lính tìm bắt Phê-rơ. Bản văn không cho biết họ tìm kiếm Phê-rơ ở trong ngục hay khắp cả thành Giê-ru-sa-lem. Sự việc Phê-rơ trốn đi nơi khác cho thấy rằng ông nghĩ quân lính cũng sẽ tìm ông tại khắp các nơi trong thành phố Giê-ru-sa-lem.

12:19b

Vua cho thẩm vấn lại các lính gác: Đây có nghĩa là Hê-rốt, hành động như một thẩm phán, tra hỏi quân lính, là những người canh giữ Phê-rơ, họ biết gì về việc Phê-rơ trốn thoát. Nếu trong ngôn ngữ của bạn thường dùng thể văn trực tiếp, bạn có thể thêm vào một câu hỏi mà Hê-rốt có thể hỏi các lính canh một cách chi tiết. Ví dụ, xem câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

12:19c

và ra lệnh xử tử hết: Đây hàm ý rằng các lính canh không thể trả lời các câu hỏi của Hê-rốt một cách thoả đáng, do đó ông ra lệnh xử tử những người lính canh giữ Phê-rơ.

Theo bản Hy-lạp, chuyển ngữ theo từng chữ “ông ra lệnh đầy [chúng] đi biệt xứ.” Đây hàm ý rằng Hê-rốt ra lệnh đem những người lính canh giữ Phê-rơ đến một nơi nào đó để xử tử. Theo luật của người La-mã, khi một lính canh để cho tù phạm trốn thoát thì người lính đó sẽ nhận lãnh án phạt dành cho tù phạm đã trốn thoát.

- 12:17b** **và thuật lại cho họ nghe Chúa cứu mình ra khỏi ngục cách nào,**
 Rồi Phê-rơ kể lại [cho họ nghe rằng Đức Chúa Trời] đã cứu ông ra khỏi ngục như thế nào.
 -HAY-
 Rồi ông bảo họ: “[Đức] Chúa [Trời] sai thiên sứ đem tôi ra khỏi ngục [một cách an toàn].”
- 12:17c** **rồi bảo: “Xin báo tin cho Gia-cơ và các anh em biết việc này!”**
 Ông [còn] nói: “Hãy tin cho Gia-cơ [lãnh đạo hội thánh của chúng ta] và những tín hữu [khác] về việc này.”
 -HAY-
 Ông [còn] nói: “Hãy nói cho Gia-cơ [người lãnh đạo hội thánh của chúng ta] và những tín hữu [khác] thế nào Đức Chúa Trời đã giải cứu tôi khỏi ngục.”
- 12:17d** **Nói xong ông lánh qua một nơi khác.**
 Ngay sau đó Phê-rơ [rời khỏi nhà Ma-ri và] đi đến một nơi khác.
- 12:18a** **Đến sáng, có vụ rối loạn không nhỏ trong hàng ngũ binh sĩ**
 (I) Sáng hôm sau các lính canh [là những người canh giữ Phê-rơ] bị rơi vào một tình trạng thật rối loạn,
 -HAY-
 (II) Khi trời sáng, các lính canh [những người canh giữ Phê-rơ] vô cùng lo sợ.
- 12:18b** **vì điều đã xảy ra cho Phê-rơ.**
 (I) [vì họ không biết] việc gì đã xảy ra cho Phê-rơ.
 -HAY-
 (II) [Họ gạn hỏi lẫn nhau:] “Phê-rơ đã trốn bằng cách nào?”
- 12:19a** **Vua Hê-rốt ra lệnh tầm nã gắt gao nhưng tìm không được Phê-rơ.**
 [Khi Hê-rốt nghe việc này,] Hê-rốt [ra lệnh cho quân lính] đi tìm Phê-rơ, nhưng [họ] không tìm được [ông].
 -HAY-
 [Hê-rốt nghe việc Phê-rơ đã trốn thoát ngay. Nên] Hê-rốt [liền ra lệnh cho quân lính] đi lùng khắp mọi nơi tìm cho được Phê-rơ, nhưng [họ] đã không tìm được [sứ đồ Phê-rơ].
- 12:19b** **Vua cho thẩm vấn lại các lính gác**
 Hê-rốt [cũng] tra hỏi các lính gác [là những người canh giữ Phê-rơ, ông hỏi họ rằng tại sao và bằng cách nào Phê-rơ trốn thoát được].
 -HAY-
 Hê-rốt gọi các lính gác đến tra hỏi[: “Thế nào Phê-rơ trốn thoát được khi các người luôn túc trực canh giữ hắn?”]
- 12:19c** **và ra lệnh xử tử hết.**
 [Nhưng họ không trả lời được. Do đó] Hê-rốt ra lệnh [cho những người lính khác] dẫn [những người lính đã canh giữ Phê-rơ] đi ra ngoài [và giết đi].

12:19d

Sau đó, vua rời Giu-đê xuống ở tại Sê-sa-rê một thời gian: Có lẽ chỉ trong một thời gian rất ngắn sau khi Phê-rơ trốn thoát, Hê-rốt xuống ở tại Sê-sa-rê, tuy nhiên Bác Sĩ Lu-ca không nói rõ thời gian ở đây. *Giu-đê* ở đây nói về phần đất thuộc về chi phái Giu-đa, thay vì Giu-đê của tỉnh La-mã. Người Do

Thái vẫn còn coi Giê-ru-sa-lem là thủ đô của xứ Giu-đê. Nhưng người La-mã đã biến Sê-sa-rê thành thủ đô của Giu-đê và đây là nơi có nhiều người ngoại cư ngụ. Thì của động từ *xuống ở* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Hê-rốt ở Sê-sa-rê trong một thời gian vô hạn định. Do đó Sê-sa-rê là chỗ ở cuối cùng của cuộc đời Hê-rốt.

Tiểu Đoạn 12:20-23 Một thiên sứ làm cho Hê-rốt chết

Theo Tiểu Đoạn ngắn này, một thiên sứ của Đức Chúa Trời đến làm cho Hê-rốt bị bệnh nặng, thân thể của ông bị trùng ăn và ông chết.

12:20a

Trước kia, vua căm giận dân Ty-rơ và dân Si-đôn: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp được BDM chuyển ngữ là *căm giận*, cho thấy rằng trước đây vua đã tức giận dân chúng ở hai thành phố này. Bác Sĩ Lu-ca không ghi lại lý do của việc giận dữ. Hai thành phố *Ty-rơ* và *Si-đôn* nằm về hướng bắc của Sê-sa-rê thuộc vùng Phê-ni-xi, thuộc tỉnh La-mã của xứ Sy-ri.

được bình thường hoá việc mạo chuyển ngữ với dân chúng ở xứ Giu-đê.

12:20d

vì dân nước họ phải nhờ nước vua cung cấp lương thực: Đây cho thấy rõ lý do đại diện của hai nước này muốn cầu hoà với Vua Hê-rốt, vì họ muốn mua thực phẩm từ các xứ do Hê-rốt cai trị. Từ lâu Hê-rốt đã cấm bán thực phẩm cho dân chúng ở vùng đó vì ông căm giận họ.

12:20b

nhưng họ đồng lòng đến châu vua: Đại danh từ *họ* chỉ về những người đại diện cho dân chúng tại hai thành Ty-rơ và Si-đôn. Họ họp nhau lại và sai đại diện đến gặp Hê-rốt.

12:21a

Đến ngày đã ấn định, Hê-rốt mặc triều phục: Bản văn hàm ý rằng *đến ngày đã ấn định* ngày Hê-rốt định gặp đại diện của hai thành phố Ty-rơ và Si-đôn. Theo Josephus, một sử gia Do Thái, ngày mà Hê-rốt chọn là một ngày lễ cho thấy vinh quang của đế quốc La-mã. Josephus còn cho biết thêm rằng áo Hê-rốt mặc được dệt bằng bạc. Tuy nhiên, cho nhóm từ *Hê-rốt mặc triều phục* bạn chỉ cần nói “Hê-rốt mặc một loại áo thật đắt tiền để cho thấy địa vị của vua.”

12:20c

Sau khi thuyết phục được Ba-la-tư, một cận thần của vua: Sau khi thuyết phục được *Ba-la-tư* hàm ý rằng những đại diện dân chúng hai thành phố này lo tiền cho Ba-la-tư. Tuy nhiên, trong bản chuyển ngữ của bạn không cần phải nói rõ họ thuyết phục Ba-la-tư như thế nào để nhờ giúp đỡ. Bạn có thể chuyển ngữ *một cận thần của vua*, như “một trong những viên chức quan trọng của Hê-rốt.”

12:21b

ngồi trên tòa ban huấn thị cho dân: Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ, *ngồi trên tòa*, như “Hê-rốt ngồi trên ghế để trị vì dân chúng.” Từ ngữ trong tiếng Hy-lạp được BDM chuyển ngữ là *ban huấn thị*, cho thấy rằng Hê-rốt đọc một diễn văn dài rất hùng hồn cho những người đến nghe. Bài diễn văn này đặc biệt dành cho dân chúng hai nước Ty-rơ và Si-đôn, nhưng chắc chắn có nhiều người

họ xin cầu hòa: Mối bất hoà giữa Hê-rốt và dân chúng ở hai nước Ty-rơ và Si-đôn đã khiến Hê-rốt cấm không cho dân chúng ở Sê-sa-rê bán thực phẩm cho dân chúng ở hai thành phố này. Vì thế, họ *xin cầu hòa* để

12:19d Sau đó, vua rời Giu-đê xuống ở tại Sê-sa-rê một thời gian.
Sau việc đó Hê-rốt di chuyển từ [tỉnh] Giu-đê xuống [thành] Sê-sa-rê và ở đó một thời gian.

Tiểu Đoạn 12:20-23 Một thiên sứ làm cho Hê-rốt chết

12:20a Trước kia, vua căm giận dân Ty-ơ và dân Si-đôn,
Vào lúc đó Hê-rốt rất tức tối với dân chúng [sống ở thành] Ty-ơ và [thành] Si-đôn.

12:20b nhưng họ đồng lòng đến châu vua.
Do đó những người [đại diện dân chúng] đồng tâm đi đến [thành Sê-sa-rê để gặp] Hê-rốt.

12:20c Sau khi thuyết phục được Ba-la-tư, một cận thần của vua, họ xin cầu hòa
Họ mua chuộc được Ba-la-tư, là một trong những cận thần quan trọng của Hê-rốt, để thưa cùng [Vua Hê-rốt] rằng dân chúng [trong các thành] muốn làm hoà [với vua].

-HAY-

Họ thương lượng với một cận thần của Vua [Hê-rốt], có tên là Ba-la-tư, để thưa với [Hê-rốt] rằng dân chúng [trong các thành] muốn trao đổi mậu chuyển ngữ [trở lại với dân chúng trong nước của vua].

12:20d vì dân nước họ phải nhờ nước vua cung cấp lương thực.
[Họ muốn được mua bán với dân chúng trong nước vua Hê-rốt cai trị] vì họ cần nhận thực phẩm từ trong các vùng do vua cai quản. [Trước đó Hê-rốt đã ra lệnh cấm không cho bán thực phẩm cho dân chúng các thành này].

12:21a Đến ngày đã ấn định, Hê-rốt mặc triều phục,
Đến ngày vua đã hẹn [vua sẽ gặp họ], Hê-rốt mặc cẩm bào, một loại áo rất đắt tiền để chúng tỏ địa vị của mình.

12:21b ngồi trên tòa ban huấn thị cho dân.
[Khi] Hê-rốt ngồi trên ghế của vua và [một cách chính thức] diễn thuyết [cho tất cả] dân chúng [là những người đang có mặt tại đó].

-HAY-

[Khi] Hê-rốt ngồi trên một cái ghế [đặc biệt chỉ dành cho vua] để phán xử [dân sự] và đọc một bài diễn văn cho dân chúng [từ hai thành phố Ty-ơ và Si-đôn].

khác tham dự. Bác Sĩ Lu-ca không ghi lại Hê-rốt nói gì trong bài diễn văn của ông. Nhưng dân chúng rất hài lòng, do đó Hê-rốt cho phép xuất cảng thực phẩm đến hai thành Ty-ơ và Si-đôn.

12:22

Dân chúng tung hô vua: “Đây là tiếng nói thần linh chứ không phải tiếng người!”: Một bản chuyển ngữ hiện đại bằng Anh ngữ chuyển ngữ nhóm từ này: “Vua nói giống như một thần hơn là một con người!” Đại danh từ *dân chúng*, theo nghĩa đen là “đám đông,” chỉ về những người đại diện dân chúng của hai thành phố Ty-ơ và Si-đôn và những người khác có mặt tại đó. Họ la lên rằng người đang nói không phải là một con người, nhưng là một thần. Điều đó cho thấy rằng họ rất hài lòng về bài diễn văn của Hê-rốt và nó gây một ấn tượng hết sức mạnh mẽ. Từ *thần linh* nói về bất cứ một thần nào mà người ngoại tin rằng đang hiện diện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ chỉ về một “thần,” bạn có chuyển ngữ là “một người mà con người cần tôn thờ,” giống như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN.

Thì của động từ *tung hô* cho thấy họ tiếp tục tung hô. Trong bản chuyển ngữ của bạn, bạn cần nên cho thấy những gì dân chúng nói là họ chính thức nói về Hê-rốt, giống như câu số hai trong CDN của PKTCCN.

12:23a

Lập tức một thiên sứ của Chúa đánh Hê-rốt vì vua không quy vinh quang về Đức Chúa Trời:

Lập tức một thiên sứ của Chúa đánh Hê-rốt: *Lập tức* cho thấy phản ứng nhanh chóng của Đức Chúa Trời. Có lẽ trong khi dân chúng còn tiếp tục tung hô thì Hê-rốt ngã bệnh. Xem 12:7a cho nhóm từ *một thiên sứ của Chúa* và 1:10b cho những Lời Giải Nghĩa khác liên hệ đến các thiên sứ.

đánh Hê-rốt: Theo văn mạch, đây có nghĩa là thiên sứ mà Đức Chúa Trời sai đến làm cho Hê-rốt ngã bệnh trầm trọng. Sê-tiên dùng động từ này theo nghĩa đen, khi ông nói về việc Môi-se giết người Ai-cập (7:24c). Ở đây Bác Sĩ Lu-ca dùng cùng một động từ đó với nghĩa bóng, và đây có nghĩa là Hê-rốt bị bệnh nặng và chết sau đó.

vì vua không quy vinh quang về Đức Chúa Trời: Vì cho thấy lý do về hành động tức khắc của Đức Chúa Trời. Bạn có thể đặt nó ở trong một vị trí nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Mệnh đề này hàm ý thiên sứ đánh Hê-rốt vì ông để cho dân chúng tôn vinh ông thay vì bảo họ hãy tôn vinh Đức Chúa Trời.

Nếu người đọc hiểu dễ dàng, bạn có thể thay đổi thứ tự trong mệnh đề: “Vì Hê-rốt không nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời, một thiên sứ của Đức Chúa Trời làm cho ông bệnh nặng, thân thể ông bị trùng cắn và ông chết.”

12:23b

và vua bị trùng cắn mà chết: Đây là kết quả của việc thiên sứ đánh Hê-rốt. Theo Josephus, một sử gia Do Thái, trong khi dân chúng tung hô rằng Hê-rốt là một thần, thỉnh thoảng ông cảm thấy có một con đau dữ dội nơi bao tử của ông. Năm ngày sau Hê-rốt chết. Từ *bị trùng* ở đây có nghĩa là sán lải trong bụng. Nhưng đây không phải là một căn bệnh thông thường. Thiên sứ của Đức Chúa Trời làm cho Hê-rốt bị sán lải cắn phá trong bụng và giết chết ông. Theo cách này Đức Chúa Trời đã làm cho vị vua độc ác này chết một cách đau đớn và nhục nhã.

Phân Đoạn Phụ 12:24 Nhiều người nghe Phúc Âm của Đức Chúa Trời và tin nhận Chúa Giê-su

Bác Sĩ Lu-ca chấm dứt Phân Đoạn (6:8-12:24) bằng câu này và đây cũng là lời kết thúc của Phân Đoạn này.

12:24

Nhưng Đạo Chúa tiếp tục tăng trưởng và phát triển: Trong bản văn bằng tiếng Hy-lạp, câu này bắt đầu bằng chữ *de* cho thấy

việc thay đổi đề tài. Điều này tái diễn nhiều lần trong câu chuyện. Ở đây BDM chuyển ngữ là *nhưng*, cho thấy sự trái ngược giữa

12:22 Dân chúng tung hô vua: “Đây là tiếng nói thần linh chứ không phải tiếng người!”

Dân chúng [những người đang nghe vua nói] tiếp tục hoan hô [về Hê-rốt]: “Ấy là tiếng nói của một thần, chẳng phải tiếng người!”

-HAY-

Dân chúng [những người đang tụ tập tại đó rất hài lòng về những gì Hê-rốt nói. Họ] tiếp tục la lên: “Đó là tiếng của người mà dân chúng nên thờ lạy! [Vua] không phải [chỉ là] một người!”

12:23a Lập tức một thiên sứ của Chúa đánh Hê-rốt vì vua không quy vinh quang về Đức Chúa Trời

Ngay lúc đó một thiên sứ [mà] [Đức] Chúa [Trời sai đến] đã làm cho Hê-rốt ngã bịnh nặng, vì Hê-rốt [để cho dân chúng ca tụng mình và] đã không [bảo dân chúng] tôn vinh Đức Chúa Trời.

-HAY-

Tức thì một thiên sứ [mà] [Đức] Chúa [Trời đã sai đến] làm cho Hê-rốt nổi cơn đau rất nặng, vì ông [không đánh chính mình không phải là một thần và] đã không [bảo dân chúng] tôn vinh Đức Chúa Trời.

12:23b và vua bị trùng cắn mà chết.

[Rất nhiều] trùng rúc rĩa bên trong bụng của vua, và [chẳng bao lâu] Hê-rốt chết [một cách đau đớn].

-HAY-

[Chỉ một vài ngày sau] Hê-rốt chết [cực kỳ đau đớn,] vì có trùng cắn phá [trong ruột] của ông.

Phân Đoạn Phụ 12:24 Nhiều người nghe Phúc Âm của Đức Chúa Trời và tin nhận Chúa Giê-su

12:24 Nhưng Đạo Chúa tiếp tục tăng trưởng và phát triển.

Nhưng càng ngày càng có nhiều dân chúng nghe và tin sứ điệp của Đức Chúa Trời [mà các tín hữu rao giảng bất cứ ở nơi nào họ đi đến].

-HAY-

[Những tín hữu] tiếp tục nói với [dân chúng] ở nhiều nơi về sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su], và số người tin [Chúa Giê-su] tiếp tục gia tăng.

một việc làm gian ác của vua Hê-rốt và những điều tốt lành từ Đức Chúa Trời.

Đạo Chúa: Các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ này có nghĩa “sứ điệp hay sự dạy dỗ về Chúa Giê-su.”

tiếp tục tăng trưởng và phát triển:

Giống như trong 6:7, kết luận ngắn gọn này cho thấy lời của Đức Chúa Trời giống như một sinh vật phát triển, như cây cỏ chẳng hạn. Đây hàm ý rằng những người tin Chúa

tiếp tục rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su và nhiều người tiếp tục tin Chúa Giê-su khi nghe đến sứ điệp. Bạn có thể chuyển ngữ những hàm ý này rõ ràng giống như trong CĐN của PKTCCN.

Phân Đoạn 12:25-16:5 Phao-lô và những cộng tác viên của ông rao giảng lời Chúa cho người ngoại, và các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem đình chính những sự dạy dỗ sai lầm

Phân Đoạn này gồm có ba Phân Đoạn Phụ và phần kết luận: 12:25-14:28, sứ mạng truyền giáo của Phao-lô và Ba-na-ba, 15:1-35, cuộc họp tại Giê-ru-sa-lem, 15:36-16:4, sự phân rẽ giữa Phao-lô và Ba-na-ba, và 16:5, tổng kết về những tiến triển của các hội thánh Chúa.

Phân Đoạn Phụ 12:25-14:28 Phao-lô và Ba-na-ba giảng đạo Chúa cho dân chúng ở Tiểu Á

Người ta có thể chia Phân Đoạn Phụ này thành 6 Tiểu Đoạn như sau: 12:25-13:3, Đức Thánh Linh sai Sau-lơ và Ba-na-ba đi truyền giáo, 13:4-12, thời gian hai người ở đảo Síp, 13:13-52, sứ điệp của Phao-lô tại Phi-ri-gi An-ti-ốt, 14:1-20c, Phao-lô và Ba-na-ba tại Y-cô-ni, Lít-tra và Đet-bơ, 14:20d-23, chuyến đi trở lại của hai người qua Đet-bơ, Y-cô-ni, Lít-tra và An-ti-ốt, và 14:24-28, chuyến đi của họ qua Bi-si-đi và Bam-phi-ly, và trở lại để báo cáo cùng hội thánh nhà tại Sy-ri An-ti-ốt. Hãy xem bản đồ ở dưới đây.

Tiểu Đoạn 12:25-13:3 Đức Thánh Linh sai Ba-na-ba và Phao-lô đi truyền giáo

Trong Tiểu Đoạn này gồm có hai phần: 12:25, Ba-na-ba và Sau-lơ từ Giê-ru-sa-lem trở lại Sy-ri An-ti-ốt, và 13:1-3, Đức Thánh Linh sai Sau-lơ và Ba-na-ba đi truyền giáo.

12:25 Ba-na-ba và Sau-lơ từ Giê-ru-sa-lem trở lại An-ti-ốt

13:1-3 Đức Thánh Linh sai ông Ba-na-ba và ông Sau-lơ đi truyền giáo

12:25a

Sau khi chu toàn nhiệm vụ, Ba-na-ba và Sau-lơ rời Giê-ru-sa-lem quay về An-ti-ốt:

Trong 11:30, các nhà lãnh đạo hội thánh tại An-ti-ốt phái Ba-na-ba và Phao-lô mang quà trao cho các trưởng lão tại hội thánh Giê-ru-sa-lem để giúp đỡ các tín hữu ở Giu-đa đang gặp nạn đói. 12:25a giải thích rằng Phao-lô và Ba-na-ba đã thi hành xong công tác.

12:25b

đem theo Giăng, cũng gọi là Mác: Bác Sĩ Lu-ca lại nhắc đến Giăng trong 13:5 như “phụ tá,” đó là lý do Giăng được đem theo. Bạn có thể chia 12:25b thành ra một câu riêng biệt, giống như trong CDN của PKTCCN.

13:1a

hội thánh: Đây chỉ về nhóm tín hữu tại thị trấn An-ti-ốt.

các tiên tri và giáo sư: Trong những tín hữu tại hội thánh An-ti-ốt có *các tiên tri và giáo sư*. Hãy xem 11:27 cho Lời Giải Nghĩa về nhóm từ “vài nhà tiên tri”. Đây là lần đầu tiên trong Công Vụ Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến *giáo sư* như những nhà lãnh đạo của hội thánh. Tuy nhiên, trong 4:2b Bác Sĩ Lu-ca nói Phê-rơ và Giăng là những người dạy dân chúng về Chúa Giê-su. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng tất cả năm người Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến đều là những tiên tri và cũng là giáo sư. Có nghĩa là, họ có thể công bố sứ điệp từ Đức Chúa Trời và đồng thời họ

Phân Đoạn 12:25-16:5 Phao-lô và những cộng tác viên của ông rao giảng lời Chúa cho người ngoại, và các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem đĩnh chính những sự dạy dỗ sai lầm

Phân Đoạn Phụ 12:25-14:28 Phao-lô và Ba-na-ba giảng đạo Chúa cho dân chúng ở Tiểu Á

Tiểu Đoạn 12:25-13:3 Đức Thánh Linh sai Ba-na-ba và Phao-lô đi truyền giáo

- 12:25a** Sau khi chu toàn nhiệm vụ, Ba-na-ba và Sau-lơ rời Giê-ru-sa-lem quay về An-ti-ốt
 Tại Giê-ru-sa-lem, Ba-na-ba và Sau-lơ mang tiền [đến để giúp đỡ các tín hữu ở Giu-đê,] xong họ trở lại [thành An-ti-ốt, thuộc tỉnh Sy-ri].
- 12:25b** đem theo Giảng, cũng gọi là Mác.
 Họ đem theo Giảng, còn có tên khác [là] Mác, [trở lại An-ti-ốt] với [họ].
 -HAY-
 Họ đem theo Giảng Mác trở lại [An-ti-ốt] với [họ].
- 13:1a** Tại hội thánh An-ti-ốt có các tiên tri và giáo sư:
 Trong số những người của hội thánh An-ti-ốt có các tiên tri và giáo sư.
 -HAY-
 Trong số các tín hữu là những người cùng thờ phượng Chúa tại [thị trấn] An-ti-ốt [thuộc tỉnh Sy-ri] có những người công bố sứ điệp từ Đức Chúa Trời và [cũng] dạy [dân chúng về Chúa Giê-su].
- 13:1b** Ba-na-ba, Si-môn biệt danh là Ni-giê, Lu-xi-út, người Ly-bi, Ma-na-ên, em nuôi của vua Hê-rốt và Sau-lơ.
 [Những người này là:] Ba-na-ba, Si-môn còn được gọi là Đen, Lu-xi-út, [đến từ thành] Cy-ren, Ma-na-ên là một người từng là kẻ đồng hành của [vua chư hầu] Hê-rốt, và [cuối cùng] là bạn đồng hành của Sau-lơ.

cũng có thể dạy dỗ những người tin Chúa sống như môn đệ của Chúa Giê-su.

13:1b

Ba-na-ba, Si-môn biệt danh là Ni-giê, Lu-xi-út, người Ly-bi, Ma-na-ên, em nuôi của vua Hê-rốt và Sau-lơ: Bạn có thể dịch nhóm từ này thành một câu riêng, vì những tin tức khác được kèm theo tên của ba người. Chỉ có Ba-na-ba và Sau-lơ có liên hệ đến câu chuyện sau đây, nhưng có lẽ vì sự quan

trọng của vấn đề nên Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến cả năm nhà lãnh đạo của hội thánh. *Ni-giê* có nghĩa là “đen,” điều đó cho thấy rằng ông có màu da đen, và như vậy có thể ông từ Châu Phi. *Lu-xi-út* là người thuộc thành phố *Sy-ren*. *Sy-ren* là thủ đô của tỉnh *Sy-ren* thuộc miền bắc của Châu Phi. BDM dùng một tên mới cho *Sy-ren*: *Ly-bi*.

Trong trường hợp có một vài độc giả có thể nghĩ Sau-lơ có liên hệ với Hê-rốt, bạn có

thể để tên Sau-lơ trước Ma-na-ên. Theo thứ tự của các tên đã liệt kê cho thấy Ba-na-ba là người cao tuổi nhất và Sau-lơ là người trẻ nhất trong 5 nhà lãnh đạo hội thánh.

em nuôi của vua Hê-rốt: Trong tiếng Hy-lạp, từ ngữ được dùng có thể có nghĩa là “em nuôi,” “bạn thân” hay “hội viên của toà án.” Nếu cha mẹ của Hê-rốt đã đồng nuôi dưỡng Ma-na-ên với Hê-rốt, thì Ma-na-ên có thể là em nuôi của Hê-rốt, là bạn thân và, sau đó, là một hội viên trong toà án của Hê-rốt. Bạn có thể dịch điều này một cách tổng quát, giống như trong CĐN của PKTCCN.

vua Hê-rốt: Đây là Hê-rốt An-ti-pa, người đã ra lệnh xử tử Giăng Báp-tít (Lu-ca 9:7-9).

13:2a

Họ đang thờ phượng Chúa và kiêng ăn: Dưới đây là hai cách có thể giải thích đại danh từ *họ*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ đại danh từ *họ* chỉ về 5 nhà lãnh đạo hội thánh kể trong 13:1b.
- (2) Một số khác nghĩ rằng chỉ về cả hội thánh.

Số 1 thích hợp với bản văn hơn.

Nhóm từ, *đang thờ phượng Chúa*, có thể nói đến giờ thờ phượng Chúa chung cho mọi người, ở đó những người lãnh đạo và các tín hữu tôn vinh Đức Chúa Trời trong nhiều cách khác nhau. Đây chắc chắn có cả việc “cầu nguyện,” mà Kinh Thánh thường liên hệ chung đến việc “kiêng ăn”. *Kiêng ăn* có nghĩa là nhịn ăn trong một thời gian để có thể tương giao với Chúa một cách tốt đẹp hơn. Thì của động từ *thờ phượng* và *kiêng ăn* trong tiếng Hy-lạp cho thấy sự liên tục. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ từ *Chúa* chỉ về Chúa Giê-su, một số khác nghĩ đây chỉ về Đức Chúa Trời. Bạn không cần phải nói rõ đây chỉ về ai. Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn “Chúa” luôn được dùng chung với một sở hữu tính từ, thì ở đây bạn nên dịch là “Đức Chúa Trời.”

13:2b

Đức Thánh Linh bảo: “Các con hãy dành riêng Ba-na-ba và Sau-lơ cho Ta: Hãy xem 1:2b cho Lời Giải Nghĩa về *Đức Thánh Linh*. Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể ban sứ điệp này cho một trong 5 người tiên tri. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn không cần cho thấy Ngài đã nói như thế nào. Ngài truyền thông sứ điệp cho cả 5 nhà tiên tri và thầy giáo, và cho cả hội thánh một cách gián tiếp. *Hãy dành riêng Ba-na-ba và Sau-lơ* có nghĩa là “cử họ để hầu việc Ta.” Trong tiếng Hy-lạp có một chữ đứng sau động từ *hãy dành riêng* theo văn mạch ở đây, có thể có nghĩa là “ngay bây giờ” hay “ngay lập tức.”

để họ làm công tác Ta đã kêu gọi họ: Đây chỉ về những gì mà Đức Thánh Linh đã kêu gọi Ba-na-ba và Sau-lơ phải làm. Thì của động từ *đã kêu gọi*, trong tiếng Hy-lạp hàm ý rằng trước đó Đức Thánh Linh đã bảo Ba-na-ba và Sau-lơ về những gì Ngài muốn hai người phải làm. Ngay lúc này, Thánh Linh của Đức Chúa Trời phán mệnh lệnh này cho các nhà lãnh đạo khác và cho tất cả tín hữu ở đó một cách gián tiếp.

13:3a

Sau khi kiêng ăn và cầu nguyện: Chắc chắn, ba người vừa là tiên tri và cũng là giáo sư kia là thành phần quan trọng trong sứ mạng truyền giáo của Ba-na-ba và Sau-lơ. Họ đã kiêng ăn, do đó bạn có thể dịch “tiếp tục kiêng ăn.” *Cầu nguyện* hàm ý rằng họ cầu xin Đức Chúa Trời giúp để Ba-na-ba và Phao-lô hoàn thành những gì Đức Thánh Linh phán dặn hai người phải làm.

13:3b

họ đặt tay trên hai người và phái đi: Đại danh từ *họ* có thể nói về các tiên tri và giáo sư, hay cũng có thể kể cả những tín hữu khác. Si-môn, Lu-xi-út, và Ma-na-ên có thể là những người đặt tay trên Ba-na-ba và Phao-lô. Tuy nhiên, các tín hữu ở An-ti-ốt có lẽ uỷ thác hai người trong một buổi nhóm tại hội thánh. 14:27 hàm ý rằng khi Phao-lô và Ba-na-ba “triệu tập hội thánh báo cáo mọi việc Đức Chúa Trời đã cùng làm với

- 13:2a** **Họ đang thờ phượng Chúa và kiêng ăn,**
 Trong lúc những người này đang thờ phượng [Đức] Chúa [Trời] và kiêng ăn.
 -HAY-
 Trong lúc [các tiên tri và thầy giáo này] đang thờ phượng [Đức] Chúa [Trời] và, trong khi làm những việc này thì họ không ăn [để hướng lòng về Đức Chúa Trời].
- 13:2b** **Đức Thánh Linh bảo: “Các con hãy dành riêng Ba-na-na và Sau-lơ cho Ta để họ làm công tác Ta đã kêu gọi họ.”**
 Đức Thánh Linh bày tỏ cho [họ]: “Bây giờ, hãy biệt riêng Ba-na-ba và Sau-lơ để làm cho Ta công việc mà Ta bảo [họ làm]!”
 -HAY-
 Đức Thánh Linh nói [với các tiên tri và thầy giáo]: “Ngay bây giờ hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lơ [đặng hầu việc Ta. Hãy bảo họ đi và] làm những việc Ta phán dặn [họ làm]!”
- 13:3a** **Sau khi kiêng ăn và cầu nguyện,**
 Do đó họ tiếp tục kiêng ăn và cầu nguyện.
 -HAY-
 Vì thế [tất cả] những người này [tiếp tục] kiêng ăn và cầu nguyện [Đức Chúa Trời giúp đỡ Ba-na-ba và Sau-lơ có thể làm những gì Đức Thánh Linh truyền họ làm].
- 13:3b** **họ đặt tay trên hai người và phái đi.**
 Sau đó họ đặt tay trên Ba-na-ba và Sau-lơ [câu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hai người] và sai họ đi [làm những gì Đức Thánh Linh phán dặn].

mình....” Hãy xem 6:6b cho ý nghĩa của nhóm từ “đặt tay trên các người ấy.”

phái đi: Đây có nghĩa là tất cả tín hữu tại hội thánh An-ti-ốt bảo Ba-na-ba và Phao-lô hãy đi và làm những gì Đức Thánh Linh đã phán dặn. Cũng có thể hàm ý rằng một số

tín hữu hiện diện và chào tạm biệt, khi Phao-lô và Ba-na-ba thực sự bắt đầu cuộc hành trình. Theo văn hoá của bạn, người ta nói gì khi một người bạn ra đi, sau một thời gian chung sống? Nếu có thông lệ đó, bạn có thể dùng ở đây.

Tiểu Đoạn 13:4-12 Phao-lô lên án một thầy phù thủy, và một viên chức tin nhận Chúa Giê-su

Tiểu Đoạn này gồm có hai đơn vị: 13:4-5, Ba-na-ba và Phao-lô giảng đạo Chúa ở Sa-la-môn, và 13:6-12, Ba-na-ba và Phao-lô lên án một thầy phù thủy và giảng đạo Chúa cho một tổng trấn ở Ba Phô. Trong 13:9, Bác Sĩ Lu-ca giới thiệu một tên khác của Sau-lơ, “Phao-lô,” và Phao-lô trở thành người lãnh đạo của toán truyền giáo kể từ đó.

13:4-5 Ba-na-ba và Sau-lơ giảng đạo Chúa trong nhà hội của người Do Thái tại đảo Síp

13:4a

Được Đức Thánh Linh sai đi: Đây có nghĩa là Đức Thánh Linh hướng dẫn nơi nào họ nên đi đến và họ cần phải làm gì. Nó khác với từ “phái đi” trong câu 13:3b.

13:4b

hai ông xuống Sê-lơ-xi, đáp tàu qua đảo Síp: Hai ông chỉ về Ba-na-ba và Sau-lơ. Ba-na-ba là người quê ở đảo Síp (4:36). Thành phố Sê-lơ-xi là một hải cảng cách thành An-ti-ốt độ 26 cây số về hướng tây nam. Thực sự An-ti-ốt ở trên một cao độ hơn so với Sê-lơ-xi. Tuy nhiên, bạn chỉ nên dùng một từ đồng nghĩa với ‘đi,’ trừ phi trong ngôn ngữ của bạn có những động từ có thể diễn tả rõ ràng hành động đi đến một nơi cao hơn hoặc thấp hơn. Họ đi đến đảo Síp, bằng tàu thủy, cách hải cảng Sê-lơ-xi độ 161 cây số về hướng tây nam.

13:5a

Đến Sa-la-môn, họ công bố Đạo Đức Chúa Trời tại các hội đường Do Thái: Sa-la-môn nằm trên bờ biển phía đông của đảo Síp và là thị xã chính của đảo này. Trong bản dịch của bạn, bạn cần cho thấy rằng Ba-na-ba và Sau-lơ ra khỏi tàu thủy và lên bờ ngay sau khi đến nơi. Có nhiều người Do Thái sinh sống tại đó, và cũng có một số hội đường Do Thái. Nhóm từ này đề cập đến cả hai, nhà hội, nơi các người Do Thái họp để thờ phượng Đức Chúa Trời, và dân chúng, những người đến thờ phượng Chúa tại đó.

họ công bố: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ bắt đầu và tiếp tục giảng đạo của Đức Chúa Trời cho những người tập trung tại những nhà hội của người Do Thái.

Đạo Đức Chúa Trời: Nhóm từ này nói đến “sứ điệp từ Đức Chúa Trời,” đặc biệt là những gì Chúa Giê-su dạy.

13:5b

có Giảng phụ tá: Lần đầu tiên Bác Sĩ Lu-ca nhắc đến Giảng trong 12:12a và sau đó trong 12:25b. Có lẽ bạn cần nói rõ Giảng còn được gọi là “Mác” để phân biệt ông với những người khác cũng có tên là “Giăng.” Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp, phụ tá, cho thấy rằng Giảng Mác tiếp tục phụ tá Ba-na-ba và Sau-lơ trong những công việc họ đang làm.

13:6-12 Sau-lơ tố cáo một người phù thủy, và một viên chức tin nhận Chúa Giê-su

13:6a

Đi qua suốt cả hải đảo đến Ba Phô: Ba-na-ba, Sau-lơ và Giảng Mác có lẽ đã từ Sa-la-môn dọc theo ven biển phía nam đi đến phía tây của đảo Síp. Ba Phô là nơi đặt trụ sở trung ương của chính quyền cho cả đảo Síp, và nó cách Sa-la-môn độ 145 cây số về hướng tây nam.

13:6b

họ gặp một thầy phù thủy là tiên tri giả người Do Thái tên Ba-Giê-su: Trong khi ba người giảng Đạo Chúa cho dân chúng tại Ba-phô, họ gặp một người đàn ông Do Thái tên là Ba-Giê-su. Theo ngôn ngữ của người Do Thái Ba-Giê-su có nghĩa là “con của Giô-suê,” và trong tiếng Hy-lạp đồng nghĩa với “con của Giê-su.” (“Giê-su” là một tên rất

Tiểu Đoạn 13:4-12 Phao-lô lên án một thầy phù thủy, và một viên chức tin Chúa Giê-su

- 13:4a** **Được Đức Thánh Linh sai đi,**
Đức Thánh Linh trực tiếp bảo Ba-na-ba và Sau-lơ đi [đến nhiều nơi khác nhau và phán bảo họ những việc phải làm].
-HAY-
Đức Thánh Linh chỉ cho Ba-na-ba và Sau-lơ những nơi họ cần phải đến [để rao giảng về Chúa Giê-su cho dân chúng].
- 13:4b** **hai ông xuống Sê-lơ-xi, đáp tàu qua đảo Síp.**
Do đó họ đi [từ An-ti-ốt] xuống [hải cảng] Sê-lơ-xi và từ đó họ xuống thuyền đi đến [hải cảng Sa-la-môn] thuộc đảo Síp.
- 13:5a** **Đến Sa-la-môn, họ công bố Đạo Đức Chúa Trời tại các hội đường Do Thái,**
Trong khi họ ở [thành] Sa-la-môn, [họ đi] vào các nhà hội của người Do Thái [và tại đây] họ rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].
- 13:5b** **có Giảng phụ tá.**
Giăng [Mác cùng đi] phụ giúp hai người.
- 13:6a** **Đi qua suốt cả hải đảo đến Ba Phô,**
Họ đi khắp hải đảo [Síp] đến [thành] Ba-phô.
-HAY-
Họ đi từ phía bên này qua phía bên kia của hải đảo và đến [thành] Ba-phô.
- 13:6b** **họ gặp một thầy phù thủy là tiên tri giả người Do Thái tên Ba-Giê-su,**
[Ở đó] họ gặp một thầy phù thủy tên là Ba-Giê-su. Ông ta là một người Do Thái mạo nhận là một tiên tri.
-HAY-
[Ở đó] họ gặp một thầy phù thủy [là một] người Do Thái. Tên ông ấy là Ba-Giê-su, và ông tuyên bố rằng ông nhận sứ điệp từ Đức Chúa Trời, nhưng đó không phải là sự thật.
- 13:7a** **đang ở với tổng trấn Sê-giu Phao-lô,**
Ông [đang] ở với tổng trấn [La-mã], Sê-giu Phao-lô.
-HAY-
Đôi khi ông thường đi cùng tổng trấn [của hải đảo, có tên là] Sê-giu Phao-lô.

thông dụng trong vòng người Do Thái thời bấy giờ.)

thầy phù thủy: Đây chỉ về một người làm nghề ma thuật phù phép, giống Si-môn trong 8:9a cũng là người “làm nghề phù thủy.” *Tiên tri giả* có nghĩa là người tự xưng rằng mình có thể loan báo sứ điệp từ Đức

Chúa Trời, nhưng những gì người ấy nói thực sự không phải đến từ Đức Chúa Trời.

13:7a

đang ở với tổng trấn Sê-giu Phao-lô: Thì của động từ *đang ở* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Ba-Giê-su đã từng có sự liên hệ với tổng trấn Sê-giu Phao-lô từ trước. *Tổng*

trấn là tước vị của một viên chức cai trị một tỉnh thuộc đế quốc La-mã. Trong trường hợp này, tỉnh đó là đảo Síp. *Sê-giu Phao-lô* là một tên bằng tiếng La-tinh nó cho thấy rằng ông có thể là một người Rô-ma.

13:7b

một người khôn ngoan: Đây nói về tổng trấn Sê-giu Phao-lô một người có khả năng thông biết nhiều vấn đề và có đầu óc sáng suốt để phân biệt những điều gì là quan trọng.

Tổng trấn cho mời Ba-na-ba và Sau-lơ: Theo tiếng Hy-lạp động từ mời có nghĩa là “gọi đến để gặp [tổng trấn].” Đây hàm ý rằng tổng trấn ra lệnh cho một người nào đó đi dẫn Ba-na-ba và Sau-lơ đến gặp ông.

13:7c

để tìm hiểu Đạo Chúa: Chắc chắn là tổng trấn đã nghe nói về việc Ba-na-ba và Sau-lơ giảng đạo Đức Chúa Trời khắp trên đảo Síp. Do đó ông muốn hai người nói về Chúa Giê-su cho ông nghe nữa.

Đạo Chúa: Nhóm từ này nói đến “sứ điệp từ Đức Chúa Trời,” đặc biệt những gì Chúa Giê-su dạy. Có thể bạn nên nói một cách rõ ràng rằng Ba-na-ba và Sau-lơ đi đến tận nơi tổng trấn ở để giảng cho ông về đạo của Đức Chúa Trời.

13:8a

Nhưng tên phù thủy Ba-Giê-su (cũng gọi là Ê-ly-ma) chống đối họ: “Ba-Giê-su” là tên Do Thái và Ê-ly-ma là tên Hy-lạp của người phù thủy. Thì của động từ *chống đối* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Ê-ly-ma tiếp tục phản đối Ba-na-ba và Sau-lơ bằng cả hành động lẫn lời nói của ông.

13:8b

và cố gắng đánh lạc hướng để tổng trấn đừng tin Chúa: Thì của động từ *cố gắng* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Ê-ly-ma tiếp tục thuyết phục tổng trấn đừng nên tin Chúa Giê-su. Bạn có thể dịch phần này bằng lời nói trực tiếp hay gián tiếp trong ngôn ngữ của bạn.

13:9a

Nhưng Sau-lơ, cũng gọi là Phao-lô, được đầy Thánh Linh: Tên Do Thái của ông là Sau-lơ và Phao-lô là tên La-mã của ông. Có thể cha mẹ ông đã đặt cho ông bằng cả hai tên này khi ông mới được sanh ra, vì ông là một công dân La-mã ngay từ khi được sinh ra. Vì lẽ đó, nên có thể có người giới thiệu ông với tổng trấn bằng tên “Phao-lô,” và Bác Sĩ Lu-ca coi đó như là một cơ hội thuận lợi để dùng tên Phao-lô của ông.

Phao-lô được đầy Thánh Linh: Đức Thánh Linh giúp Phao-lô có thể biết chắc rõ ràng sự quý quyet của tên phù thủy Ê-ly-ma như thế nào.

13:9b

nhìn thẳng người phù thủy mà bảo: Phao-lô *nhìn thẳng* hay nhìn ngay vào mặt Ê-ly-ma, cùng lúc ông quở trách một cách mạnh mẽ bằng những lời lẽ được ghi trong 13:10-11.

13:10a

Anh là người đầy gian dối, lừa gạt: Trong một số ngôn ngữ, những từ này có thể phải đổi thành động từ, như trong CĐN của PKTCCN. Chữ *đầy* cho thấy người phù thủy có dư thừa những mảnh khoe, thủ đoạn để lừa bịp. *Gian dối* đặt điều thêm bớt để làm hại người khác. *Lừa gạt* phỉnh phờ, dụ dỗ, để làm hại người khác và mưu lợi cho riêng mình.

13:10b

là con của quỷ vương, kẻ thù địch của mọi sự công chính! Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một từ đồng nghĩa với chữ “Này anh!” Với mục đích nhấn mạnh những điều sẽ nói theo sau. Trong BDM người địch dùng dấu chấm than (!) để cho thấy sự nhấn mạnh.

con của quỷ vương: Đây là một lối nói tượng hình để chỉ ông ta là kẻ gian ác. Ông là kẻ gian ác vì chính con người của ông là như vậy và vì ông chống đối công việc của Đức Chúa Trời. Có lẽ Phao-lô đã nói hấn ta là “con của ma quỷ” để cho thấy rằng ông thực không giống như tên Do Thái của ông

- 13:7b** **một người khôn ngoan. Tổng trấn cho mời Ba-na-ba và Sau-lơ**
 Tổng trấn [là] một người khôn ngoan. Ông sai [một người] đi mời Ba-na-ba và Sau-lơ đến gặp ông ta,
- 13:7c** **để tìm hiểu Đạo Chúa.**
 [vì] ông ta muốn nghe sứ điệp từ Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su. Do đó Ba-na-ba và Sau-lơ đến gặp ông và nói cho ông về sứ điệp đó].
- 13:8a** **Nhưng tên phù thủy (cũng gọi là Ê-ly-ma) chống đối họ**
 Tuy nhiên, người phù thủy có tên [trong tiếng Hy-lạp] là Ê-ly-ma, chống đối Ba-na-ba và Sau-lơ.
 -HAY-
 Tuy nhiên, người phù thủy tiếp tục nói để chống đối hai người. [Theo tiếng Hy-lạp người ta] gọi [ông] là Ê-ly-ma.
- 13:8b** **và cố gắng đánh lạc hướng để tổng trấn đừng tin Chúa.**
 Ông tiếp tục cố gắng thuyết phục tổng trấn đừng tin [vào Chúa Giê-su].
 -HAY-
 Ông tiếp tục khuyên tổng trấn: “Đừng tin [vào Chúa Giê-su]!”
- 13:9a** **Nhưng Sau-lơ, cũng gọi là Phao-lô, được đầy Thánh Linh,**
 Trong khi Đức Thánh Linh hoàn toàn điều khiển Sau-lơ, còn có [tên khác là] Phao-lô,
 -HAY-
 Sau-lơ cũng [còn gọi là] Phao-lô. Trong lúc Đức Thánh Linh tỏ cho ông một cách chính xác những gì ông cần nói [với Ê-ly-ma],
- 13:9b** **nhìn thẳng người phù thủy**
 và trong khi Phao-lô nhìn thẳng vào mặt người phù thủy và nói:
 -HAY-
 và trong khi ông nhìn [thẳng vào mắt] của người phù thủy và nói:
- 13:10a** **mà bảo: “Anh là người đầy gian dối, lừa gạt,**
 “[Anh] luôn luôn dối gạt [dân chúng] và làm những việc gian dối [khác đối với dân chúng].
 -HAY-
 “[Anh] tiếp tục lừa gạt [dân chúng] và làm hại [họ bằng những đường lối khác nhau].
- 13:10b** **là con của quỷ vương, kẻ thù địch của mọi sự công chính!**
 Anh hầu việc ma quỷ [và] anh chống đối mọi sự công chính!
 -HAY-
 Anh chẳng khác gì ma quỷ [chính nó và] anh chống đối mọi sự công bình!

là Ba-Giê-su, có nghĩa là “con của Đấng Cứu Chuộc.”

kẻ thù địch của mọi sự công chính:
 Đây có nghĩa là tích cực chống đối tất cả

những gì tốt đẹp, những gì thật và những gì đúng.

13:10c

Anh không chấm dứt việc xuyên tạc đường lối ngay thẳng của Chúa sao?: Đây là một câu hỏi nhằm gây ấn tượng, không mong có câu trả lời. Bạn có thể đổi câu này thành một câu nói thường, giống như câu số một trong CĐN của PKTCCN, hoặc một mệnh lệnh giống như câu số hai của CĐN của PKTCCN. Theo văn mạch, nhóm từ *xuyên tạc đường lối ngay thẳng của Chúa* có nghĩa là Ê-ly-ma cố gắng bẻ cong những lẽ thật của Đức Chúa Trời trở thành những sự giả mạo. *Chúa* chỉ về Đức Chúa Trời, nên bạn có thể dịch là “Đức Chúa Trời.”

13:11a

Này, bây giờ tay Chúa đánh anh: Trong bản Hy-lạp có một từ bạn có dịch là “kia/hãy nghe đây!” BDM dịch từ đó sang tiếng Việt là *này*, cốt để nhấn mạnh chữ *bây giờ* và những chữ tiếp theo sau. Chữ nói bóng, *tay Chúa*, có nghĩa là Đức Chúa Trời làm việc một cách đầy quyền năng. Theo văn mạch, cả mệnh đề này có ý rằng Đức Chúa Trời có thể lập tức khiển trách Ê-ly-ma một cách nặng nề. *Chúa* chỉ về Đức Chúa Trời.”

13:11b

nên anh sẽ bị mù: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm cho Ê-ly-ma trở nên mù.

không thấy ánh sáng mặt trời: Có nghĩa là ông hoàn toàn không thấy gì, ngay cả đến ánh sáng mặt trời chói sáng. Thì của động từ cho thấy một tiến trình, “tiếp tục không thấy gì.”

một thời gian: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ các chữ *một thời gian* nói đến một thời gian không hạn định. Có thể có nghĩa là Ê-ly-ma sẽ bị mù cho đến khi Đức Chúa Trời khiến mắt ông sáng trở lại.

13:11c

Lập tức mù lòa và bóng tối bao trùm Ê-ly-ma: Ngay sau khi Phao-lô vừa nói xong

những lời đó, thì Ê-la-ma không còn thấy gì được nữa. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ các chữ *mù lòa* và *bóng tối bao trùm Ê-ly-ma* là một lối nói rằng ông ta bỗng nhiên bị mù ngay tức khắc. Một số khác cho rằng nhóm từ này diễn tả tiến trình của sự việc Ê-ly-ma bị mù. Sự khác biệt về ý kiến ở đây không liên quan đến bản dịch của bạn, vì dù thế nào đi nữa thì ông ta cũng hoàn toàn bị mù.

13:11d

anh ta phải đưa tay sờ soạng, nhờ người nắm tay dắt mình đi: Bạn có thể dùng một từ như “do đó” để giới thiệu mệnh đề này.

13:12a

Thấy thế, tổng trấn liền tin Chúa: Khi tổng trấn thấy Ê-ly-ma bị mù bèn tin sứ điệp mà Phao-lô vừa giảng cho ông. Một số nhà thần học nghi ngờ chẳng biết nhà cầm quyền La-mã này đã thật sự trở thành Cơ-đốc nhân. Tuy nhiên, 13:12b cho thấy rằng Ba-na-ba và Phao-lô đã giảng cho ông về Chúa Giê-su. Thêm vào đó, Đức Chúa Trời cho thấy quyền năng của Ngài bằng cách khiến người phù thủy bị mù. Do đó động từ *tin* có thể hàm ý rằng tổng trấn đã tin nhận Chúa Giê-su.

Một trong những đề tài của sách Công Vụ là nói đến việc có nhiều đại diện của chính quyền La-mã có tinh thần cởi mở nghe sứ điệp và có một số tin Chúa Giê-su. Người tổng trấn này là một bằng chứng.

13:12b

và vô cùng kinh ngạc về giáo huấn của Chúa: Chắc chắn ông được cảm kích khi Đức Chúa Trời đột nhiên trừng phạt người thầy phù thủy vì ông ấy cố gắng can gián để tổng trấn không tin sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su. *Chúa* chỉ về Chúa Giê-su.

- 13:10c** **Anh không chấm dứt việc xuyên tạc đường lối ngay thẳng của Chúa sao?**
Anh luôn luôn cố gắng thay đổi những gì là sự thật về [Đức] Chúa [Trời!] trở thành những sự gian dối!
-HAY-
Hãy chấm dứt cố gắng thay đổi những sự thật về [Đức] Chúa [Trời] trở thành những sự gian dối!
- 13:11a** **Này, bây giờ tay Chúa đánh anh,**
Ngay bây giờ [Đức] Chúa [Trời] sẽ trừng phạt anh.
- 13:11b** **nên anh sẽ bị mù, không thấy ánh sáng mặt trời một thời gian.”**
Bây giờ anh sẽ trở thành kẻ mù [và] sẽ không thấy được mặt trời trong một thời gian.”
-HAY-
Cho nên anh sẽ hoàn toàn không thấy gì được trong một thời gian.” [Đó là những gì Phao-lô nói với ông ấy.]
- 13:11c** **Lập tức mù lòa và bóng tối bao trùm Ê-ly-ma,**
Tức khắc ông bị mù [giống như ông đang ở] trong bóng đêm.
-HAY-
Ông bị mù ngay lập tức.
- 13:11d** **anh ta phải đưa tay sờ soạng, nhờ người nắm tay dắt mình đi.**
Do đó ông phải lần mò [bằng cảm giác của ông] tìm kiếm một người [cầm] tay ông [và] dẫn ông đi.
- 13:12a** **Thấy thế, tổng trấn liền tin Chúa**
Khi tổng trấn thấy những điều đang xảy đến [cho Ê-ly-ma], ông tin [Chúa Giê-su].
-HAY-
Khi tổng trấn thấy những gì [Phao-lô nói về người phù thủy] đã xảy ra khiến ông tin [rằng sứ điệp về Chúa Giê-su là sự thật].
- 13:12b** **và vô cùng kinh ngạc về giáo huấn của Chúa.**
Ông vô cùng kinh ngạc bởi [những việc Phao-lô và Ba-na-ba] rao giảng về Chúa [Giê-su].

Tiểu Đoạn 13:13-52 Phao-lô và Ba-na-ba giảng đạo Chúa cho người ngoại ở An-ti-ốt, Bi-si-đi

Tiểu Đoạn này gồm có ba Tiểu Đoạn phụ: Trong 13:13-43, Phao-lô giảng trong nhà hội tại An-ti-ốt Bi-si-đi. Trong 13:44-49, có nhiều ngoại quốc tin Chúa Giê-su và nói lại cho người khác về Ngài. Trong 13:50-52, dân chúng trục xuất các sứ đồ, nhưng những người tin Chúa vẫn trung tín. Trước khi dân chúng ép buộc Ba-na-ba và Phao-lô rời khỏi An-ti-ốt, các sứ đồ đã giảng đạo Đức Chúa Trời cho nhiều người ngoại quốc ở đó. Những người ngoại quốc này trở thành những tín hữu có đầy sự vui mừng và họ được đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Tiểu Đoạn Phụ 13:13-43 Phao-lô giảng trong nhà hội tại An-ti-ốt

Người ta có thể chia Tiểu Đoạn phụ này ra thành ba đơn vị: 13:13-15 (cai nhà hội yêu cầu Ba-na-ba và Phao-lô giảng dạy), 13:16-41 (Sứ điệp của Phao-lô), và 13:42-43 (dân chúng yêu cầu Ba-na-ba và Phao-lô trở lại giảng dạy trong ngày Sa-bát sau đó). Dàn bài về sứ điệp của Phao-lô được trình bày dưới đây trong 13:16-41.

13:13-15 Cai nhà hội yêu cầu Phao-lô và Ba-na-ba giảng dạy họ

13:13a

Từ Ba Phô, Phao-lô và các bạn đồng hành đáp thuyên đi Bết-ga, thuộc Bam-phi-li: Ở thị xã *Ba Phô* trên đảo Síp họ lên tàu thủy và đi về hướng tây bắc trên biển Địa Trung Hải độ 300 cây số. Tàu cập bờ biển Tiểu Á. *Bết-ga* là thủ đô của tỉnh *Bam-phi-li*.

Phao-lô và các bạn đồng hành: Nhóm từ này thực đầy ý nghĩa, vì toán truyền giáo chỉ bắt đầu với “Ba-na-ba và Sau-lơ.” Sự thay đổi bắt đầu tại Ba-phô khi họ cáo trách người phù thủy, và Bác Sĩ Lu-ca gởi thiệu một tên khác của Sau-lơ là “Phao-lô.” Từ lúc đó trở đi Phao-lô trở thành trưởng toán.

Những người bạn đồng hành của Phao-lô gồm có Ba-na-ba và Mác.

13:13b

Đến đây, Giảng bỏ họ quay về Giê-ru-sa-lem: Động từ *quay về*, trong tiếng Hy-lạp, cho thấy Giảng Mác đã thực sự về đến Giê-ru-sa-lem. Bác Sĩ Lu-ca đã giới thiệu Giảng trong 12:12 và nhắc lại trong 12:25 và 13:5. Câu chuyện không cho biết tại sao Giảng quyết định trở lại Giê-ru-sa-lem. 15:38 cho thấy Phao-lô rất buồn vì Giảng đã rời bỏ họ tại Bết-ga.

13:14a

Từ Bết-ga, họ đi đến tận An-ti-ốt, xứ Bi-si-đi: Từ *Bết-ga* Phao-lô và Ba-na-ba đi về hướng bắc bằng đường bộ khoảng 200 cây số đến thành An-ti-ốt gần biên giới xứ *Bi-si-đi* tỉnh Ga-la-ti thuộc đế quốc La-mã. Có lẽ Bác Sĩ Lu-ca gọi nơi này là *An-ti-ốt*. *Bi-si-đi* để phân biệt với *An-ti-ốt* thuộc tỉnh Sy-ri, nơi mà Phao-lô và Ba-na-ba bắt đầu cuộc hành trình.

13:14b

Nhằm ngày Sa-bát, họ vào ngôi trong hội đường của người Do Thái: Ngày *Sa-bát* là ngày thứ bảy trong tuần lễ của người Do Thái, bắt đầu khi mặt trời lặn từ chiều thứ sáu mãi đến khi mặt trời lặn vào chiều thứ bảy. Đó là ngày nghỉ khi người Do Thái tụ tập tại các nhà hội để thờ phượng Đức Chúa Trời. Xem 13:5a cho Lời Giải Nghĩa về từ *hội đường*. 13:43 cho thấy, ngoài những người dân Do Thái, còn có những người ngoại quốc đã “theo Do Thái giáo.” Đại danh từ *họ* chỉ về Ba-na-ba và Phao-lô, vì Giảng Mác đã rời hai người.

13:15a

Sau khi đọc Kinh Luật và Kinh Tiên Tri: Công khai *đọc* lời Chúa từ trong Kinh Thánh CU là vấn đề quan trọng trong ngày lễ tại nhà hội. *Kinh Luật và Kinh Tiên Tri* là một cách nói để chỉ về toàn bộ Kinh Thánh của

Tiểu Đoạn 13:13-52 Phao-lô và Ba-na-ba giảng đạo Chúa cho người ngoại ở An-ti-ốt, Bi-si-đi

Tiểu Đoạn phụ 13:13-43 Phao-lô giảng trong nhà hội tại An-ti-ốt

- 13:13a** Từ Ba Phô, Phao-lô và các bạn đồng hành đáp thuyền đi Bệ-t-ga, thuộc Bam-phi-li.
[Sau đó,] Phao-lô [và] những người cùng đi [với ông] xuống tàu từ Ba-phô đi đến [hải cảng] Bệ-t-ga thuộc [tỉnh] Bam-phi-li.
- 13:13b** Đến đây, Giảng bỏ họ quay về Giê-ru-sa-lem.
[Tại Bệ-t-ga] Giảng [Mác] rời họ [và] trở về [nhà của ông ở] Giê-ru-sa-lem.
- 13:14a** Từ Bệ-t-ga, họ đi đến tận An-ti-ốt, xứ Bi-si-đi.
Sau đó Phao-lô [và] Ba-na-ba di chuyển [bằng đường bộ] từ Bệ-t-ga đến [thành] An-ti-ốt gần Bi-si-đi [một quận thuộc tỉnh Ga-la-ti].
- 13:14b** Nhằm ngày Sa-bát, họ vào ngồi trong hội đường của người Do Thái.
Đến ngày Sa-bát, họ đến nơi người Do Thái hội họp và ngồi nghe.
-HAY-
Vào Ngày Nghỉ của người Do Thái, Phao-lô và Ba-na-ba đi vào nơi hội họp của người Do Thái ngồi nghe.
- 13:15a** Sau khi đọc Kinh Luật và Kinh Tiên Tri,
[Một người] đọc [lớn cho những người khác ở đó nghe] trong luật pháp [những quyển sách Môi-se viết] và [sau đó một người đọc lớn cho những người khác nghe những gì từ] các tiên tri [khác viết].
- 13:15b** các nhân viên quản trị hội đường cho mời họ và nói:
Sau đó những người lãnh đạo nhà hội cho [người đem] những lời mời đến [Phao-lô và Ba-na-ba]:
-HAY-
Rồi người trưởng nhà hội sai [người đến] mời Phao-lô và Ba-na-ba giảng. Sứ điệp của trưởng nhà hội nói]:

người Do Thái. Đặc biệt, *Kinh Luật* nói về 5 sách đầu của Kinh Thánh được Môi-se chép, và *Kinh Tiên Tri* chỉ về những sách khác trong CU mà các nhà tiên tri chép cộng thêm với các sách lịch sử.

13:15b
các nhân viên quản trị hội đường cho mời họ và nói: Các nhân viên quản trị hội đường

là những nhà lãnh đạo Do Thái chịu trách nhiệm về những nơi thờ phượng và trong những buổi thờ phượng. Họ cử người đọc lớn tiếng lời Chúa trong CU, và họ cũng mời người giảng dạy.

cho mời họ: Đây có nghĩa là những nhà lãnh đạo cho người đem thư mời hoặc lời mời đến cho Ba-na-ba và Sau-lô.

13:15c

“Thưa các anh em, nếu ai có lời khích lệ hội chúng thì xin cứ phát biểu!”: Các anh em là cách xưng hô nhã nhặn dành cho Ba-na-ba và Phao-lô họ xem hai người là anh em Do Thái. Bạn có thể dùng một từ tương

đương với “những người bạn.” Lời nói trực tiếp trong câu này cho thấy lời yêu cầu của cai nhà hội với Ba-na-ba và Phao-lô. Nhóm từ *lời khích lệ hội chúng* có lẽ có nghĩa là một bài giảng luận liên quan đến lời Kinh Thánh vừa được đọc.

13:16-41 Phao-lô bảo họ rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội lỗi của họ nếu họ tin nhận Chúa Giê-su

Sứ điệp của Phao-lô gồm có hai phần lớn: 13:16-25, phần giới thiệu lịch sử, và 13:26-41, phần giảng luận chính. Người ta có thể chia 13:26-41 thành ít nhất 3 đơn vị sau: 13:26-31, 13:32-37, và 13:38-41. Hai đơn vị đầu (13:26-37) cung cấp nền tảng để Phao-lô cho họ biết việc cần phải làm trong 13:38-41.

13:16-25 Phao-lô nói rằng từ trong hậu tự của Đa-vít Đức Chúa Trời đã dấy lên Chúa Giê-su để cứu chuộc Y-sơ-ra-ên

Phao-lô tóm tắt những sự kiện về lịch sử để dẫn đến việc Chúa Giê-su được sinh ra trong vòng hậu tự của Đa-vít để cứu dân Y-sơ-ra-ên. Người ta có thể chia phần này thành hai đơn vị như sau: 13:16-20a và 13:20b-25.

13:16-20a Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên và ban cho họ xứ Ca-na-an

13:16a

Phao-lô đứng dậy, đưa tay ra hiệu: Trong 13:14b cho thấy Phao-lô và Ba-na-ba ngồi tại nơi nhóm họp của người Do Thái. Ở đây Phao-lô theo phong tục của người Hy-lạp, ông *đứng dậy* để nói với dân chúng tại đó. (Theo phong tục của người Do Thái, khi một người muốn phát biểu ý kiến của mình, người ấy không cần phải đứng dậy.) Ông dùng một tay để ra hiệu rằng ông sẽ có ý kiến và muốn mọi người im lặng để nghe ông nói.

13:16b

và nói: “Thưa người Y-sơ-ra-ên và các người kính sợ Đức Chúa Trời, xin nghe tôi trình bày: Bạn có thể dịch *Y-sơ-ra-ên* như “các người anh em Do Thái,” vì Phao-lô cũng là một người Do Thái. Phao-lô dùng nhóm từ, *các người kính sợ Đức Chúa Trời*, để chỉ về tất cả những người ngoại quốc đang có mặt tại đó. Thì của động từ *kính sợ*

trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ kính sợ hay thờ phượng Đức Chúa Trời như một thói quen. Xem 10:2a cho lời chú giải của từ “sùng kính Đức Chúa Trời.” Trong lời Phao-lô yêu cầu họ im lặng, bạn có thể thêm vào chữ “xin vui lòng,” hay bất cứ một chữ nào có thể bày tỏ sự lễ phép theo phong tục của bạn.

13:17a

Đức Chúa Trời của người Y-sơ-ra-ên: Bạn có thể dịch là “Đức Chúa Trời người Do Thái thờ phượng.” Hay, bạn có thể nói, “Đức Chúa Trời chúng ta là Đấng mà người Do Thái thờ phượng,” vì Phao-lô cũng là một người Do Thái và có lẽ ông muốn nhấn mạnh đến người Do Thái. Lời nói của Phao-lô ở đây có thể nhắc nhở dân chúng rằng trước kia Đức Chúa Trời đã lập giao ước với người Y-sơ-ra-ên.

đã chọn tổ phụ chúng ta: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chọn tổ phụ của người Do Thái làm dân sự của Ngài. Đây nói về Áp-ra-ham và hậu tự của ông.

13:15c	<p>“Thưa các anh em, nếu ai có lời khích lệ hội chúng thì xin cứ phát biểu!” “Thưa các anh Do Thái, nếu [có ai trong] các anh muốn giảng dạy dân chúng [ở đây] để khuyến khích và giúp đỡ họ, xin hãy nói [cho chúng tôi biết].” <i>-HAY-</i> “Thưa quý vị, nếu [có ai trong] quý vị muốn có ý kiến để giúp đỡ [chúng tôi], xin hãy nói [cho chúng tôi ngay bây giờ].”</p>
13:16a	<p>Phao-lô đứng dậy, đưa tay ra hiệu Do đó Phao-lô đứng dậy dùng tay [phải] ra dấu [để mọi người im lặng lắng nghe].</p>
13:16b	<p>và nói: “Thưa người Y-sơ-ra-ên và các người kính sợ Đức Chúa Trời, xin nghe tôi trình bày. Rồi ông nói: “Hỡi những người Do Thái và những người [không phải gốc Do Thái] là những người thờ phượng Đức Chúa Trời xin lắng nghe tôi!</p>
13:17a	<p>Đức Chúa Trời của người Y-sơ-ra-ên đã chọn tổ phụ chúng ta Đức Chúa Trời, mà người Do Thái chúng ta thờ phượng, đã chọn tổ phụ chúng ta,</p>
13:17b	<p>và cho họ thịnh đạt trong thời gian ngụ tại đất Ai-cập. và khiến họ trở nên đông đảo, trong khi họ kêu ngụ tại [đất nước] Ai-cập.</p>
13:17c	<p>Ngài dùng tay quyền năng cao cả đìu dắt họ ra khỏi nước này. [Sau nhiều năm,] Đức Chúa Trời giúp [họ] một cách quyền năng [và] dẫn họ ra khỏi đất nước đó. <i>-HAY-</i> [Sau khi họ ở đó nhiều năm,] Đức Chúa Trời [giúp họ. Ngài] cho thấy [cho họ] quyền năng của Ngài [khi] Ngài dẫn họ ra khỏi Ai-cập [đến nơi chẳng có người ở].</p>

13:17b

và cho họ thịnh đạt trong thời gian ngụ tại đất Ai-cập: Nhóm từ *cho họ thịnh đạt* có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho dân sự Y-sơ-ra-ên đông đảo và lớn mạnh. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 1:9-10, mặc dù dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ trong xứ Ai-cập, nhưng dân số trở nên đông đảo đến nỗi Pha-ra-ôn sợ rằng họ sẽ nổi loạn trong triều đình của ông.

13:17c

Ngài dùng tay quyền năng cao cả đìu dắt họ ra khỏi nước này: Bạn có thể đổi nhóm danh từ *dùng tay quyền năng cao cả* thành nhóm động từ, chẳng hạn như “giúp đỡ một cách đầy quyền năng,” và Đức Chúa Trời là chủ từ. Xem câu định nghĩa thứ nhất trong PKTCCN.

13:18

Ngài chịu đựng họ trong đồng hoang suốt bốn mươi năm: Trong các bản tiếng Hy-lạp có hai từ khác nhau được dùng ở đây. Bạn có thể dịch một chữ là “Ngài chăm sóc họ” và chữ kia là “Ngài chịu đựng tánh nết của họ.” Cả hai ý đều có thể chấp nhận. Đó là, dân sự Y-sơ-ra-ên thường khi phản nghịch, nhưng Đức Chúa Trời vẫn luôn chăm sóc họ.

Dưới đây là hai cách có thể giải thích từ Hy-lạp ở đây:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “Ngài chăm sóc họ” được kể là đúng ở đây.
- (2) Một số khác cho rằng nhóm từ mang ý nghĩa “Ngài chịu đựng họ” thì đúng. Các bản dịch tiếng Việt dựa theo cách thứ hai.

Có lẽ “Ngài chăm sóc họ” thích hợp với phần giới thiệu sứ điệp của Phao-lô hơn là “Ngài chịu đựng họ.” Tuy nhiên, bạn có thể dựa theo các bản dịch tiếng Việt. Bạn cũng có thể phối hợp cả hai ý, ví dụ như: “Ngài tiếp tục chăm sóc họ một cách nhẫn nại [ngay cả những lúc họ không vâng lời Ngài].”

Thời gian họ sống trong đồng vắng gần ba mươi tám năm, do đó trong bản Hy-lạp Phao-lô nói khoảng chừng bốn mươi năm.

đồng hoang: *Đồng hoang* đây nói về đồng hoang hay hoang dã ở A-rập, nơi chỉ có một số ít người ở và cũng chỉ có rất ít cây cối. Tuy nhiên, người ta cũng có thể chăn nuôi súc vật ở đó.

13:19a

Ngài tiêu diệt bảy dân tộc trong đất Ca-na-an: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp dân Y-sơ-ra-ên chiếm giữ xứ Ca-na-an là vùng đất của bảy dân tộc khác nhau. Họ không tiêu diệt tất cả mọi người của bảy dân tộc này, nhưng Đức Chúa Trời giúp họ chiến thắng tất cả các nhóm người này. Nếu trong ngôn ngữ của bạn từ *dân tộc* chỉ về một nhóm rất đông người, ở đây bạn nên dùng một từ để chỉ về những nhóm người thiểu số.

Ca-na-an: Tên của vùng đất bảy dân tộc này đang sinh sống.

13:19b

và cho họ thừa hưởng đất nước ấy: Theo động từ trong tiếng Hy-lạp, dịch theo từng chữ một “Ngài cho như một sự thừa kế,” có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên có thể chiếm giữ xứ mà trước đây thuộc về bảy dân tộc khác.

13:20a

Thời kỳ này độ 450 năm: Mặc dù trong bản Hy-lạp chỉ nói “độ 450 năm” ở đây, hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây nói về tất cả thời gian mà dân Y-sơ-ra-ên ở Ai-cập bốn trăm năm, bốn mươi năm trong đồng hoang, và mười năm chiếm xứ Ca-na-an. Bạn có thể dịch một cách đơn giản giống trong CDN của PKTCCN.

13:20b-22 Phao-lô nói về việc Đức Chúa Trời từ bỏ Sau-lơ và chọn Đa-vít làm vua Y-sơ-ra-ên

13:20b

Sau đó, Ngài ban cho họ các thẩm phán: *Sau đó* chỉ về thời gian sau khi Y-sơ-ra-ên chiếm giữ xứ Ca-na-an. *Các thẩm phán* là những nhà lãnh đạo dân sự Y-sơ-ra-ên trước khi họ có vua. Việc làm của họ không giống các thẩm phán tại các tòa án ngày hôm nay. Nếu trong nhóm thiểu số của bạn gọi người lãnh đạo đứng hàng đầu là “tộc trưởng,” bạn có thể dùng từ này ở đây.

13:20c

cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên: *Sa-mu-ên* là “thẩm phán” hay người lãnh đạo sau cùng của dân Y-sơ-ra-ên trước khi có vua. Ông cũng là một *tiên tri*. *Tiên tri* là người nhận sứ điệp từ Đức Chúa Trời để loan báo lại cho dân chúng.

13:21a

Lúc ấy họ đòi xin một vị vua: *Lúc ấy* nói về thời gian khi Sa-mu-ên còn lãnh đạo dân sự Y-sơ-ra-ên. Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ *họ đòi xin một vị vua* hàm ý rằng dân sự Do Thái đã yêu cầu hay đúng hơn là họ đòi Sa-mu-ên chọn một người trong dân chúng làm

- 13:18** **Ngài chịu đựng họ trong đồng hoang suốt bốn mươi năm.**
 Ngài chăm sóc họ độ bốn chục năm [trong khi họ ở] trong đồng vắng.
-HAY-
 Họ ở đó khoảng bốn chục năm, và Đức Chúa Trời chăm sóc họ [suốt trong thời gian đó, mặc dù họ luôn không vâng lời Ngài.]
- 13:19a** **Ngài tiêu diệt bảy dân tộc trong đất Ca-na-an**
 Đức Chúa Trời [khiến cho dân Y-sơ-ra-ên] đánh bại [dân chúng của] bảy nhóm người thiểu số [là những người lúc bấy giờ đang sống] trong [xứ] Ca-na-an,
- 13:19b** **và cho họ thừa hưởng đất nước ấy.**
 và Ngài ban xứ của họ cho dân Y-sơ-ra-ên chúng ta để làm sản nghiệp.
-HAY-
 và Đức Chúa Trời ban đất [của xứ Ca-na-an] cho dân sự của Ngài[, người Y-sơ-ra-ên,] để làm [đất nước] của chúng ta.
- 13:20a** **Thời kỳ này độ bốn trăm năm mươi năm.**
 Thời kỳ này có độ chừng 450 năm [từ khi tổ phụ chúng ta đến Ai-cập cho đến khi họ điều khiển được và làm chủ vùng đất Ca-na-an].
- 13:20b** **Sau đó, Ngài ban cho họ các thẩm phán**
 Sau những việc đó, Đức Chúa Trời chọn những người lãnh đạo [để hướng dẫn dân sự Y-sơ-ra-ên].
-HAY-
 Sau khi tổ phụ của chúng ta bắt đầu sinh sống tại [xứ] Ca-na-an, Đức Chúa Trời chọn những lãnh đạo [để chỉ huy dân sự Y-sơ-ra-ên].
- 13:20c** **cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên.**
 [Những người lãnh đạo này tiếp tục chỉ huy đồng bào chúng ta] cho đến thời Sa-mu-ên, [ông là] một tiên tri, [lãnh đạo họ].
-HAY-
 Sau đó, một tiên tri [có tên là] Sa-mu-ên [lãnh đạo dân sự Y-sơ-ra-ên].
- 13:21a** **Lúc ấy họ đòi xin một vị vua.**
 Lúc ấy[, trong khi Sa-mu-ên còn là người lãnh đạo của họ] dân sự yêu cầu [ông lập lên] một vua [để cai trị họ].

vua để cai trị họ. Họ không còn muốn Sa-mu-ên lãnh đạo họ nữa.

13:21b

Đức Chúa Trời cho Sau-lơ, con trai của Kích, thuộc chi tộc Bê-ni-gia-min, lên ngôi vua và trị vì bốn mươi năm: Dân chúng đòi Sa-mu-ên chọn một người để làm vua của họ, nhưng thực ra Đức Chúa Trời chọn Sau-lơ làm vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên. Đây cho biết Sau-lơ là con trai của một người có tên là Kích. Họ thuộc chi tộc Bê-ni-gia-min. Có nghĩa họ là con cháu của “Bê-ni-gia-min,” con trai nhỏ nhất của Gia-cốp.

lên ngôi vua: Đây là thành ngữ có nghĩa Sau-lơ là vua của Y-sơ-ra-ên.

13:22a

Rồi Ngài loại Sau-lơ: Bạn có thể dịch nhóm từ này giống như “Đức Chúa Trời khiến cho Sau-lơ không còn là vua.” Hay, bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời không cho phép Sau-lơ tiếp tục làm vua.” Đây có thể chỉ về cái chết của Sau-lơ. Nhưng có một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Đức Chúa Trời từ khước Sau-lơ vì tội không vâng lời của ông.

và đặt Đa-vít lên ngôi: Trong khi Sau-lơ còn làm vua, Đức Chúa Trời bảo Sa-mu-ên xúc dầu cho Đa-vít làm vua. Bạn có thể dịch là “Đức Chúa Trời chọn Đa-vít làm vua của họ.”

13:22b

là người được Ngài chứng nhận: ‘Ta đã tìm thấy Đa-vít, con Gie-sê, người mà Ta hài lòng: Ngài chứng nhận có nghĩa là Đức Chúa Trời nói tốt về Đa-vít. Lời trích dẫn này được kết hợp từ trong I Sa-mu-ên 13:14 và trong Thi Thiên 89:20. Phao-lô dẫn chứng những lời này từ trong Kinh Thánh như những lời chính Đức Chúa Trời đã nói. *Ta đã tìm thấy* có nghĩa là Đức Chúa Trời quan sát, theo dõi, ở đây không mang ý nghĩa tìm được một người đã bị thất lạc. Bản văn nhận diện Đa-vít là một trong những người con của người Do Thái có tên là Gie-sê. (Ru-tơ 4:18-22 liệt kê gia phả của Gie-sê từ đời Phê-rét. Phê-rét là con trai của Giu-đa, Giu-đa là một trong mười hai người con trai của Gia-cốp.)

người mà Ta hài lòng: Nhóm từ này có nghĩa Đa-vít thuộc vào loại người có đời sống rất đẹp lòng Đức Chúa Trời.

13:22c

Người sẽ thực hiện tất cả ý định của Ta: Đây có nghĩa là Đa-vít vâng theo bất cứ điều gì Đức Chúa Trời bảo Đa-vít làm. Điều này ngược lại với Sau-lơ, người không vâng theo sự phán dạy của Đức Chúa Trời. Điều đó không hàm ý rằng Đa-vít chẳng bao giờ làm phật lòng Chúa, nhưng nó có nghĩa là Đa-vít thường luôn sống đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đa-vít luôn tìm kiếm sự vâng lời Đức Chúa Trời.

13:23-25 Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời sai hậu tự của Đa-vít, Chúa Giê-su, đến để cứu dân sự Y-sơ-ra-ên

13:23a

Do dòng dõi của Đa-vít, Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên Đấng Cứu Thế là Đức Giê-su: Do dòng dõi của Đa-vít được đặt ở đầu câu dùng để nhấn mạnh. Mệnh đề này có nghĩa, từ trong hậu tự của vua Đa-vít, Đức Chúa Trời dấy lên một người là Chúa Giê-su, để cứu dân Y-sơ-ra-ên. Theo văn mạch cho thấy Chúa Giê-su cứu họ để Đức Chúa Trời không trừng phạt vì tội lỗi của họ. Trong 13:38, 39 có những lời này của Phao-lô: “nhờ Đức Giê-su mà ơn tha tội được công bố cho các anh em.”

13:23b

theo lời hứa của Ngài: Những gì Đức Chúa Trời hứa liệu Ngài sẽ làm thành? Đây có thể đặc biệt nói về những gì Đức Chúa Trời bảo Na-than truyền lại cho Đa-vít trong 2 Sa-mu-ên 7:11b-16. Đây cũng có thể nói một cách tổng quát về những gì Đức Chúa Trời cho thấy cho các đấng tiên tri liên hệ đến việc Đấng Mê-si-a sẽ đến. Phao-lô hàm ý rằng Đức Chúa Trời hứa với “tổ phụ của chúng ta.” Nếu bạn muốn được rõ ràng trong bản dịch, thì bạn nên dùng “chúng ta,” vì Phao-lô muốn chính thức nói với những người Do Thái ở đó, mặc dù trong thánh giá có nhiều người không phải gốc Do Thái. Chúa Giê-su

- 13:21b** **Đức Chúa Trời cho Sau-lơ, con trai của Kích, thuộc chi tộc Bên-gia-min, lên ngôi vua và trị vì bốn mươi năm.**
 [Do đó] Đức Chúa Trời chọn Sau-lơ, con trai của Kích, [làm vua của họ. Ông là] người thuộc chi phái Bên-gia-min [và cai trị họ] trong bốn mươi năm.
 -HAY-
 [Vì thế] Đức Chúa Trời chọn Sau-lơ [để làm vua của họ. Ông là] một người con trai của Kích, [là người] thuộc chi phái Bên-gia-min. [Sau-lơ trị vì dân Y-sơ-ra-ên] trong bốn mươi năm.
- 13:22a** **Rồi Ngài loại Sau-lơ và đặt Đa-vít lên ngôi,**
 Sau đó Đức Chúa Trời truất phế Sau-lơ, Ngài chọn Đa-vít lên làm vua.
 -HAY-
 [Nhưng] Đức Chúa Trời loại bỏ Sau-lơ [không cho làm vua, và lúc đó] Đức Chúa Trời chọn Đa-vít làm vua của họ.
- 13:22b** **là người được Ngài chứng nhận: ‘Ta đã tìm thấy Đa-vít, con Gie-sê, người mà Ta hài lòng,**
 Đức Chúa Trời làm chứng về Đa-vít: ‘Ta đã tìm thấy Đa-vít, con trai Gie-sê, là một người y như Ta mong đợi [một người như thế].
 -HAY-
 Đức Chúa Trời nói về Đa-vít một cách hài lòng[. Ngài nói]: ‘Ta đã tìm thấy Đa-vít, con trai của Gie-sê, là một người sống đẹp lòng Ta.
- 13:22c** **Người sẽ thực hiện tất cả ý định của Ta.’**
 Đa-vít sẽ làm tất cả [những việc mà] Ta muốn [người ấy làm].
- 13:23a** **Do dòng dõi của Đa-vít, Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên Đấng Cứu Thế là Đức Giê-su**
 Từ [trong] con cháu của người này Đức Chúa Trời khiến một người, Giê-xu, đến [với chúng ta, dân sự] Y-sơ-ra-ên để cứu [chúng ta].
 -HAY-
 Đức Chúa Trời khiến con cháu Đa-vít, Giê-xu, đến [với dân sự] Y-sơ-ra-ên để cứu [họ].
- 13:23b** **theo lời hứa của Ngài.**
 [Đức Chúa Trời sai Chúa Giê-xu đến để cứu dân Y-sơ-ra-ên,] y như Ngài đã nói [với Đa-vít tổ phụ của chúng ta] rằng Ngài sẽ làm.
 -HAY-
 [Khi Đức Chúa Trời sai Chúa Giê-su đến với chúng ta,] Đức Chúa Trời làm những gì Ngài đã bảo [tổ phụ của chúng ta] Ngài sẽ làm.
- 13:24a** **Trước khi Đức Giê-su xuất hiện, Giăng đã tuyên bố cho toàn dân Y-sơ-ra-ên**
 Trước khi Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ của Ngài, Giăng [Báp-tít] đã tuyên bố cho tất cả dân chúng Y-sơ-ra-ên [là những người đến để nghe ông].

làm thành điều Đức Chúa Trời hứa với Đa-vít.

13:24a

Trước khi Đức Giê-su xuất hiện: Đây chỉ về thời gian Chúa Giê-su chưa thực sự công

khai bắt đầu chức vụ của Ngài giữa cộng đồng.

Giăng đã tuyên bố cho toàn dân Y-sơ-ra-ên: *Giăng ở đây chỉ về “Giăng Báp-tít,” không phải “sứ đồ Giăng.”*

cho toàn dân Y-sơ-ra-ên: Cho thấy Giăng Báp-tít muốn tất cả mọi người dân Y-sơ-ra-ên nghe sứ điệp của ông, mặc dù không phải tất cả mọi người nghe sứ điệp của ông. Bạn có thể dịch là Giăng Báp-tít giảng “cho rất nhiều người” hay “cho tất cả những người đến với ông.” Hay, nếu trong ngôn ngữ của bạn đôi khi từ “tất cả” có nghĩa là “rất nhiều,” thì bạn có thể dịch “tất cả dân sự Y-sơ-ra-ên.”

13:24b

phép báp-tem ăn năn tội: Giăng Báp-tít khuyên dân chúng phải ăn năn rồi ông sẽ làm báp-tem cho họ. Xem 2:38a cho lời chú giải về “ăn năn” và 1:5a cho từ “báp-tem.”

13:25a

Khi gần hoàn thành nhiệm vụ, Giăng tuyên bố: *Khi có nghĩa “trong thời gian đó.” Gần hoàn thành nhiệm vụ, cho thấy rằng Giăng Báp-tít chưa thi hành xong công việc của ông, nhưng ông sẽ hoàn tất trong một thời gian ngắn. Nhiệm vụ giúp đỡ dân chúng sẵn sàng để nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ. Thì của động từ tuyên bố trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Giăng Báp-tít thường kêu gọi dân chúng bằng những lời lẽ trong 13:25b-c.*

13:26-41 Phao-lô nói Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ nếu họ tin Chúa Giê-su

Người ta có thể chia phần chính sứ điệp này của Phao-lô thành ba đơn vị như sau: 13:26-31, 13:32-37, và 13:38-41. Hai đơn vị đầu, 13:26-37, làm nền tảng cho kết luận và cảnh cáo trong 13:38-41.

13:27-31 Phao-lô nói Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại và để cho nhiều người trông thấy Ngài

13:26a

Thưa các anh em là dòng dõi Áp-ra-ham: Đây có nghĩa là những người anh em Do

13:25b

Các người nghĩ tôi là ai? Tôi không phải là Đấng đó: *Các người nghĩ tôi là ai? Đây là một câu hỏi không cần câu trả lời. Ngay cả Tôi không phải là Đấng đó thực sự là câu trả lời. Bạn có thể nhập chung hai câu này thành một, giống như: “Tôi không phải là Đấng các người tưởng đâu.” Hẳn nhiên là có nhiều người tưởng Giăng Báp-tít là Đấng Mê-si-a. Do đó ông phải đính chính sự hiểu lầm của họ về ông.*

13:25c

nhưng kìa, Ngài đến sau tôi: *Nhưng cho thấy rằng Giăng Báp-tít nói bằng cách nhấn mạnh rằng ông không phải là Đấng Mê-si-a nhưng chẳng bao lâu Đấng Mê-si-a sẽ đến. Kìa từ một chữ trong tiếng Hy-lạp mà bạn có thể dịch “hãy nhìn hoặc hãy nghe!” Bạn có thể dịch Ngài đến sau tôi như “Ngài (Đấng Mê-si-a) sẽ chóng đến” hay “Ngài sẽ đến khi ta làm xong công việc của ta.”*

tôi không xứng đáng cởi dép cho Ngài: *Nói lên lời này Giăng Báp-tít cho thấy rằng ông chẳng có gì đáng để so sánh Đấng Mê-si-a. Theo phong tục thời bấy giờ, cởi dép cho một người là công việc của một người nô lệ. Nói một cách khác, Giăng Báp-tít nói Đấng Mê-si-a thật là vĩ đại, còn ông thì không xứng để làm người nô lệ cho Ngài. Nếu việc cởi dép cho một người không có liên hệ đến tập quán của bạn, bạn có thể dịch điều này một cách tổng quát như: “tôi không xứng đáng để có thể hầu việc Ngài.”*

Thái, đó là những con cháu của Áp-ra-ham giống như Phao-lô. Xem 13:15c cho Lời Giải Nghĩa của từ *các anh em* được dùng cùng một cách.

và những người kính sợ Đức Chúa Trời: Xem 10:2a cho Lời Giải Nghĩa *kính sợ Đức Chúa Trời*. Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ

13:24b	phép báp-tem ăn năn tội. [Ông nói với họ rằng] họ phải từ bỏ tội lỗi và [xin Đức Chúa Trời tha tội cho họ. Sau đó ông] sẽ làm báp-tem [cho họ].
13:25a	Khi gần hoàn thành nhiệm vụ, Giảng tuyên bố: Khi Giảng [Báp-tít] thực hiện gần xong những gì [Đức Chúa Trời phán ông làm], ông thường nói [với dân chúng]: -HAY- Khi Giảng [Báp-tít] lo gần xong công việc [giảng dạy và làm báp-tem cho dân chúng], ông thường nói [với dân chúng]:
13:25b	‘Các người nghĩ tôi là ai? Tôi không phải là Đấng đó, ‘Các anh nghĩ rằng ta là người [mà Đức Chúa Trời hứa sẽ sai đến], nhưng ta không phải là người đó. -HAY- ‘Ta không phải là Đấng Mê-si-a, mặc dù các anh nghĩ ta là Đấng đó.
13:25c	nhưng kia, Ngài đến sau tôi, tôi không xứng đáng cởi dép cho Ngài.’ Nhưng hãy nghe! Không bao lâu Đấng đó sẽ đến, [và] ta chẳng đáng [giúp Ngài] mở dây giày cho Ngài.’ -HAY- Nhưng hãy nghe! [Ta thi hành gần xong công việc ta, và] Đấng Mê-si-a sẽ [chống] đến. [Ngài vĩ đại hơn ta đến nỗi] ta không xứng đáng làm nô lệ của Ngài.’
13:26a	Thưa các anh em là dòng dõi Áp-ra-ham và những người kính sợ Đức Chúa Trời, “Hỡi đồng bào Y-sơ-ra-ên, [các anh cũng là] con cháu của Áp-ra-ham, và [các anh những người không phải gốc Do Thái là] những người cũng thờ phượng Đức Chúa Trời, [xin hãy lắng nghe]!
13:26b	Đạo cứu rỗi này đã được ban bố cho chúng ta. [Đức Chúa Trời] khiến chúng ta nghe sứ điệp này [về Chúa Giê-su là Đấng] có thể cứu [chúng ta]. -HAY- [Đức Chúa Trời] đã gọi cho tất cả chúng ta sứ điệp về việc Ngài sẽ cứu [dân sự của Ngài như thế nào].

những người kính sợ Đức Chúa Trời giống như trong 13:16b. Thì của động từ *kính sợ* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng những người ngoại quốc tiếp tục kính sợ và thờ phượng Đức Chúa Trời.

13:26b

Đạo cứu rỗi này đã được ban bố cho chúng ta: Thay vì *cho chúng ta*, một số bản Hy-lạp dùng nhóm từ “cho các anh em.” Đây là một

lỗi có mục đích nhắm vào cả hai loại thánh giả, người Do Thái và người ngoại quốc kính sợ Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, vì *đạo cứu rỗi này* cũng áp dụng cho Phao-lô và Ba-na-ba, do đó dùng từ “cho chúng ta” có lẽ thích hợp hơn.

Đạo cứu rỗi này: *Cứu rỗi* có liên hệ một cách chặt chẽ với “Đấng Cứu Thế” trong 13:23a, mà bạn có thể dịch như “Đấng có thể cứu chuộc được con người.” Trong

nhiều ngôn ngữ ở đây có thể cần đổi cách hành văn tiêu cực, *đạo cứu rồi này đã được ban bố*, thành tích cực: “Đức Chúa Trời ban sứ điệp này.”

13:27a

Vì dân cư Giê-ru-sa-lem và các nhà lãnh đạo của họ không nhận biết Đức Giê-su: Dân cư Giê-ru-sa-lem và các nhà lãnh đạo của họ chỉ về những người Do Thái sống tại thành Giê-ru-sa-lem và những nhà lãnh đạo tôn giáo của họ.

không nhận biết Đức Giê-su: Dưới đây là hai cách có thể giải thích quan hệ các túc từ của danh động từ *không nhận biết Đức Giê-su*. Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ này chỉ có “không nhận biết” nhưng họ không nhận biết “cái gì” không được rõ ở đây. Người ta dịch nhóm từ này bằng hai cách:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng danh động từ này có hai túc từ: họ họ không nhận biết Chúa Giê-su (dịch sát nghĩa, “người đàn ông này”) và họ không nhận biết “các lời tiên tri” trong 13:27b.
- (2) Một số ít học giả, gồm có các dịch giả của BDM, cho rằng động từ này chỉ có một túc từ, họ không nhận biết Chúa Giê-su.

Cách dịch thứ nhất có lẽ đúng hơn, vì nó xác nhận vai trò của các lời tiên tri. Trong câu 13:27 có 3 phần: 13:27a, 13:27b và 13:27c. CDN của PKTCCN dịch động từ “không nhận biết” bằng hai cách khác nhau để bao gồm cả hai túc từ này: (1) Dân chúng và những người lãnh đạo của họ “không nhận biết” rằng Chúa Giê-su là Đấng Đức Chúa Trời sai đến để cứu họ (13:27a), và (2) họ “không hiểu” những lời của các nhà tiên tri liên quan đến Đấng Mê-si-a (13:27b). Hai sự kiện này liên hệ với nhau một cách hợp lý. Đó là, nếu dân chúng hiểu được những gì các nhà tiên tri đã viết về Đấng Mê-si-a, họ cũng có thể nhận biết Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a.

13:27b-c

nhưng khi lên án Ngài họ lại làm ứng nghiệm lời các tiên tri của Chúa vẫn được

đọc mỗi ngày Sa-bát: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ *lời các tiên tri của Chúa* là túc từ thứ hai của động từ “không nhận biết” (hay “không hiểu”). Vì sự không hiểu biết (dốt nát) của họ, họ đòi hỏi dân chúng phải giết Chúa Giê-su. Tuy nhiên, bởi cách họ lên án để giết Ngài như thế, họ làm y hết những gì mà các đấng tiên tri đã nói về việc người ta sẽ đối xử với Đấng Mê-si-a như thế nào. So sánh những gì Phao-lô nói với những gì Phê-rô nói trong 3:18. Trong CDN của PKTCCN cho phần này của câu Kinh Thánh dựa theo bản dịch TEV và có hai phần: 13:27b và 13:27c.

lời các tiên tri của Chúa vẫn được đọc mỗi ngày Sa-bát: Xem 13:15a cho Lời Giải Nghĩa của từ “Kinh Tiên Tri” và 13:14b cho Lời Giải Nghĩa của từ *Sa-bát*. Trong mọi buổi thờ phượng tại nhà hội, có một người nào đó đọc lớn một đoạn Kinh Thánh trong CU gọi là “Kinh Tiên Tri.” Do đó những người đến nhà hội thường nghe lời các đấng tiên tri viết về việc người ta sẽ đối xử tàn tệ với Đấng Mê-si-a như thế nào.

13:28a

Dù không tìm thấy lý do nào để kết án tử hình: 13:27 là câu nói tổng quát, và câu 28 và 29 diễn tả một cách chi tiết và chính xác về những gì người ta đối xử tàn tệ với Chúa Giê-su. *Dù* được dùng ở đây vì một con người sẽ không ngờ rằng người ta sẽ đối xử với mình như họ đã làm trong câu 13:28b. Họ không có một lý do chính đáng nào theo luật pháp, để đòi hỏi Phi-lát ra lệnh xử tử Chúa Giê-su.

13:28b

họ vẫn yêu cầu Phi-lát xử tử Ngài: Mệnh đề này hàm ý rằng Phi-lát làm theo những gì dân chúng yêu cầu ông làm. Xem 3:13d và 4:27a cho Lời Giải Nghĩa về *Phi-lát*, tổng trấn La-mã. *Họ* nói về “dân chúng thành Giê-ru-sa-lem và những nhà lãnh đạo của họ” trong 13:27a.

13:29a

Khi họ đã làm trọn tất cả những lời đã chép về Ngài: Bạn có thể dịch chữ *Khi*

- 13:27a** **Vì dân cư Giê-ru-sa-lem và các nhà lãnh đạo của họ không nhận biết Đức Giê-su**
 Những người ở thành Giê-ru-sa-lem và những người lãnh đạo của họ không nhận biết rằng người này [Giê-su chính là Đấng Đức Chúa Trời sai đến để cứu họ].
- 13:27b** **nhưng khi lên án Ngài,**
 [Do đó] họ đã kết án [tử hình] Chúa Giê-su,
- 13:27c** **họ lại làm ứng nghiệm lời các tiên tri của Chúa vẫn được đọc mỗi ngày Sa-bát.**
 như các nhà tiên tri đã nói [rằng dân chúng sẽ làm]. Mặc dù có người đọc [lớn tiếng cho họ] sứ điệp của các nhà tiên tri trong mỗi ngày Sa-bát, dân chúng không hiểu [các tiên tri đã nói gì về Đấng Mê-si-a].
- 13:28a** **Dù không tìm thấy lý do nào để kết án tử hình,**
 [Nhiều người lên án Chúa Giê-su đã làm những việc dữ,] nhưng họ không minh chứng được một việc gì Ngài đã làm để đáng phải bị chết.
 -HAY-
 [Dân chúng nói Chúa Giê-su đã làm nhiều việc do đó người ta giết Ngài. [Nhưng] những gì họ nói [về Chúa Giê-su] đã không đúng sự thật.]
- 13:28b** **họ vẫn yêu cầu Phi-lát xử tử Ngài.**
 Nhưng họ vẫn tiếp tục xin Phi-lát [ra lệnh cho quân lính] giết Chúa Giê-su.
 -HAY-
 Nhưng họ vẫn tiếp tục đòi hỏi [tổng trấn] Phi-lát [ra lệnh quân lính] xử tử Ngài. [Do đó Phi-lát đã làm theo những gì dân chúng yêu cầu.]
- 13:29a** **Khi họ đã làm trọn tất cả những lời đã chép về Ngài,**
 Họ đã làm tất cả những việc mà các nhà tiên tri đã nói từ xưa về Chúa Giê-su, rằng người ta sẽ đối xử với Ngài. [Do đó Chúa Giê-su đã chết.]
- 13:29b** **họ hạ xác Ngài xuống khỏi thập tự giá và an táng trong một ngôi mộ.**
 [Rồi có] một vài người khác đem xác Ngài xuống khỏi thập tự [nơi Ngài bị đóng đinh], và [những người đó] đặt xác Ngài vào trong một cái mộ.
 -HAY-
 [Sau đó] một vài người [bạn của Chúa Giê-su] đem xác Ngài xuống khỏi thập giá [nơi quân lính đóng đinh Ngài], và [những người bạn của Ngài] đặt Ngài vào trong một ngôi mộ.

giống như chữ “sau khi.” Đại danh từ *họ* nói về những nhà lãnh đạo Do Thái và nhiều người trong dân chúng. Nếu bạn cần đổi nhóm từ *đã chép* từ thụ động ra chủ động, bạn có thể nói: “tất cả những điều các đấng tiên tri chép về Ngài.”

13:29b

họ hạ xác Ngài xuống khỏi thập tự giá và an táng trong một ngôi mộ: Họ ở đây không phải là “những người” được nói đến trong câu 13:29a. Nhưng nói về Giô-sép và Ni-cô-đem. Theo Tin Lành Giảng 19:38-42, họ là những người bạn của Chúa Giê-su, họ đem Ngài xuống khỏi thập giá và để xác Ngài trong một ngôi mộ.

thập tự giá: Đây nói đến cố họ gây ra để đóng đinh Chúa Giê-su trên thập tự. Có thể bạn cần nói rõ chi tiết về từ ngữ đóng đinh, thí dụ, “họ dùng đinh để đóng hai bàn tay và hai bàn chân Ngài vào thân cây gỗ.” Người La-mã xử tử tội nhân bằng cách đóng đinh họ trên thập tự.

một ngôi mộ: Có lẽ đây là một hang đá nhân tạo dùng để chôn xác người chết.

13:30

Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ kẻ chết: Nhưng cho thấy sự đối ngược giữa việc con người làm cho Chúa Giê-su và việc Đức Chúa Trời làm. Sau khi con người làm cho Chúa Giê-su chết, thì Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại.

13:31a

và những người đã theo Ngài từ miền Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem được thấy Ngài trong nhiều ngày: Trong nhiều ngày nói về bốn mươi ngày bắt đầu từ khi Ngài sống lại cho đến khi Ngài về trời. Xem 1:3c cho Lời Giải Nghĩa về “bốn mươi ngày.” Trong những ngày đó, đôi khi Chúa Giê-su thường để cho những môn đệ thật gặp Ngài. Họ là những môn đệ mà trước đây đã theo Ngài khi Ngài thi hành chức vụ tại tỉnh Ga-li-lê và họ cũng đi với Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem.

13:31b

Hiện nay, họ đều làm chứng về Ngài trước dân chúng: Đại danh từ *họ* chỉ về những môn đệ của Chúa Giê-su, mà Phao-lô đã nhắc đến trong 13:31a. Họ ở với Ngài trong suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ. Ngài đã hiện ra với họ sau khi đã sống lại. Do đó họ có thể *làm chứng* có hiệu quả nhất, vì họ là những người biết Chúa Giê-su một cách trực tiếp. Họ có thể nói với người khác về việc họ thật sự gặp Chúa Giê-su và ở với Ngài sau khi Ngài sống lại.

trước dân chúng: Đây nói về dân Do Thái. Bạn cũng có thể dịch là “dân chúng của chúng ta” vì Phao-lô có thể đang nói với người Do Thái mặc dù trong những người đang nghe ông nói cũng có nhiều người là những người ngoại quốc.

13:32-37 Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời đã làm thành những gì Ngài hứa bằng cách khiến Chúa Giê-su sống lại

Phao-lô nói rằng ông và Ba-na-ba công bố sứ điệp cho họ: Những gì Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ tiên của người Do Thái Ngài đã làm tròn bằng cách khiến Chúa Giê-su sống lại.

13:32a-33a

Trong tiếng Hy-lạp hai câu này là một. Tuy nhiên, bạn nên đặt các mệnh đề theo thứ tự thế nào để người đọc hiểu một cách dễ dàng. Bạn cũng có thể cần đặt nhiều hơn là một câu.

Những điều gì Đức Chúa Trời hứa với người Y-sơ-ra-ên mà Phao-lô nói đến? Ngài hứa sai Đấng Mê-si-a, Đấng sẽ ban phước cho họ bằng rất nhiều cách và cai trị họ mãi mãi. Ở đây Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời cũng sẽ ban phước cho người ngoại, nếu họ tin Đấng mà Đức Chúa Trời sai đến để cứu tuyển dân của Ngài.

13:32a

Chúng tôi báo tin mừng cho quý vị: Chúng tôi chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba, (Họ không phải là những người trước đây đã theo Chúa Giê-su trong khi Ngài thi hành chức vụ.) *Quý vị* chỉ về những thánh giả của Phao-lô cả người Do Thái lẫn người ngoại quốc.

báo tin mừng: Động từ trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây đôi khi được dịch là “rao giảng” hay “rao giảng sứ điệp.”

13:32b

Điều Đức Chúa Trời đã hứa với tổ phụ chúng ta: BDC dịch nhóm từ này theo từng chữ một từ tiếng Hy-lạp như “...lời hứa ban cho tổ-phụ chúng ta.” Theo văn mạch hàm ý một cách rõ ràng rằng *Đức Chúa Trời* là Đấng đã hứa do đó BDM thêm chữ *Đức Chúa Trời*.

13:33a

Ngài đã thực hiện cho chúng ta là dòng dõi họ: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã làm y điều Ngài nói Ngài sẽ làm. *Dòng dõi họ*

- 13:30** **Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ kẻ chết,**
Tuy nhiên, sau khi Ngài chết, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại,
- 13:31a** **và những người đã theo Ngài từ miền Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem được thấy Ngài trong nhiều ngày.**
và trong nhiều ngày Ngài hiện ra nhiều lần với [các môn đệ của Ngài là] những người cùng đi với Ngài từ [tỉnh] Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem.
-HAY-
và một số trong những môn đệ [của Ngài] gặp Ngài nhiều lần trong thời gian độ 40 ngày. Đó là những người đã cùng đi với Ngài từ [tỉnh] Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem.
- 13:31b** **Hiện nay, họ đều làm chứng về Ngài trước dân chúng.**
Những người [đã thấy Ngài] hiện đang làm chứng về Ngài cho những người [Do Thái].
-HAY-
Họ làm chứng lại cho những người [Do Thái] của chúng ta rằng họ gặp Chúa Giê-su [và rằng Ngài đã thực sự sống lại].
- 13:32a** **Chúng tôi báo tin mừng cho quý vị:**
[Bây giờ] chúng tôi loan tin mừng này đến các anh:
- 13:32b** **Điều Đức Chúa Trời đã hứa với tổ phụ chúng ta,**
Những gì Đức Chúa Trời đã hứa với tổ phụ của người Y-sơ-ra-ên [rằng Ngài sẽ thực hiện],
-HAY-
Những gì [Đức Chúa Trời đã hứa với tổ phụ của [người Do Thái] chúng ta [Ngài sẽ thực hiện],
- 13:33a** **Ngài đã thực hiện cho chúng ta là dòng dõi họ,**
[bây giờ] Ngài đã thực hiện cho chúng ta, [là những] con cháu của họ[, và cũng cho những người không phải là Do Thái nhưng tin vào Đức Chúa Trời].
- 13:33b** **bằng cách khiến Đức Giê-su sống lại như Thánh Thi thứ nhì đã chép:**
[Đức Chúa Trời đã làm điều đó] bằng cách khiến Chúa Giê-su sống lại. [Đó là] y như [những gì] đã viết trong Thi Thiên thứ hai [trong lời Đức Chúa Trời nói với Con của Ngài]:
-HAY-
[Đức Chúa Trời đã làm điều đó] bằng cách khiến [Con Ngài] Chúa Giê-su sống lại [sau khi đã chết]. [Đa-vít đã viết] trong Thi Thiên số 2 [về người đó sẽ sống lại]:

những hậu tự của các tổ phụ Do Thái. Tuy nhiên, chắc chắn Phao-lô có ý bao gồm những người ngoại quốc nữa, cho nên CDN của PKTCCN dùng những tin tức này.

13:33b

như Thánh Thi thứ nhì đã chép: Phao-lô dùng Kinh Thánh để thuyết phục thánh giá của ông rằng Chúa Giê-su quả thật là Đấng Mê-si-a. Sự trích dẫn đầu tiên này trong Thi Thiên 2:7, được viết bởi Vua Đa-vít.

13:33c

‘Người là con Ta, ngày nay Ta đã sinh người.’: Đa-vít chép lời này trong cương vị của Đức Chúa Trời nói chuyện với Con Ngài. *Con Ta* chỉ về Đấng Mê-si-a và *Ta* chỉ về Đức Chúa Trời.

ngày nay Ta đã sinh người: Đức Chúa Trời dùng lối nói tượng hình để giải thích rằng trong một ý nghĩa đặc biệt: Ngài thật là Cha của Đấng Mê-si-a. Theo ngữ cảnh cho thấy rằng *ngày nay* ở đây nói về thời điểm khi Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại. Qua việc làm đó Đức Chúa Trời xác chứng với dân chúng rằng Chúa Giê-su thực sự là Con của Ngài.

13:34a

Sự kiện Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại từ kẻ chết không bị rửa nát bao giờ, đã được phán: Có thể bạn cần chia câu này thành hai câu riêng giống như trong CDN của PKTCCN. *Khiến Ngài sống lại từ kẻ chết* có nghĩa là Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng Mê-si-a sống trở lại sau khi đã chết. Các từ *không bị rửa nát bao giờ* ở đây có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ để cho Chúa Giê-su lại chết nữa. 13:34b nhắc lại những điều đó và chính Đức Chúa Trời đã nói những lời đó với dân sự của Ngài.

13:34b

‘Ta sẽ cho các con phước hạnh thánh và chắc chắn mà Ta đã hứa với Đa-vít.’: Câu này được trích dẫn từ Ê-sai 55:3. Đại danh từ *Ta* chỉ về Đức Chúa Trời và danh từ *các con* nói đến dân sự của Đức Chúa Trời. Dịch lại câu này từng chữ theo tiếng Hy-lạp là “Ta sẽ cho các con sự thành tín, những lời hứa thánh của Đa-vít.” Các chữ “lời hứa thánh” nói về những gì Đức Chúa Trời đã hứa và “sự thành tín” có nghĩa là dân sự có thể tin

cậy về những gì Đức Chúa Trời đã hứa. Tóm lại câu này cho thấy rằng Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ giúp đỡ dân sự của Ngài y như Ngài đã hứa với Đa-vít. Xem Lời Giải Nghĩa trong 13:23b liên hệ đến những việc Đức Chúa Trời đã hứa với Đa-vít. Rõ ràng là Phao-lô đã trích dẫn trong Ê-sai 55:3 để chứng minh rằng Thi Thiên 16:10 không nói về Đa-vít, nhưng nói về Đấng Mê-si-a.

13:35a

Do đó, trong một chương khác, Kinh Thánh lại nói: Đây là lời trích dẫn từ trong Thi Thiên 16:10, do Đa-vít đã nói hoặc viết ra. *Thánh Kinh lại nói* có thể dịch là “Đa-vít cũng đã viết trong một chỗ khác...” Tuy nhiên, những điều này chỉ được hàm ý, chắc chắn độc giả của Phao-lô quen thuộc với đoạn Kinh Thánh mà ông nói đến. Họ cũng đã biết Thi Thiên 16 bao gồm những tin tức nói về Đấng Mê-si-a.

13:35b

‘Chúa sẽ không cho Đấng Thánh của Ngài bị rửa nát.’: Phao-lô theo cách dạy dỗ của người Do Thái ở đây. Trước tiên ông trích dẫn Ê-sai 55:3, nó chứa đựng nhóm từ “những việc thánh.” Sau đó ông nối kết lại với Thi Thiên 16:10, có các chữ *Đấng Thánh*. Ý của lời trích dẫn trong Ê-sai tự nó không đủ rõ cho độc giả của ông. Tuy nhiên, *Chúa* trong 13:35b chỉ về Đức Chúa Trời và *Đấng Thánh* nói về Đấng Mê-si-a.

13:36a

Nhưng sau khi phục vụ Đức Chúa Trời theo ý Ngài trong thời đại mình: *Nhưng* nếu dịch là “bởi vì” sẽ được rõ nghĩa hơn, vì mệnh đề này giải thích tại sao Đa-vít không nói về chính ông nhưng nói về Đấng Mê-si-a. *Thời đại mình* chỉ về thời đại của Đa-vít.

- 13:33c** **‘Người là con Ta, ngày nay Ta đã sinh người.’**
 ‘Người là Con Ta; ngày nay Ta xác nhận [với dân sự rằng] Ta [thực sự] là Cha người.
 -HAY-
 ‘Hôm nay Ta chứng [cho mọi người rằng] người [thật sự] là Con Ta và Ta là Cha của người.’
- 13:34a** **Sự kiện Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại từ kẻ chết không bị rửa nát bao giờ, đã được phán:**
 Sau khi Ngài chết, Đức Chúa Trời khiến Ngài [là Đấng Mê-si-a] sống lại, [và] sẽ không bao giờ để [Ngài] chết nữa. [Đức Chúa Trời] nói điều này [với tổ phụ Do Thái của chúng ta]:
 -HAY-
 Đức Chúa Trời làm cho Con Ngài [Đấng đã bị giết] sống lại, và con Ngài sẽ không bao giờ chết nữa. Đây là điều [Đức Chúa Trời] nói [về Con Ngài]:
- 13:34b** **‘Ta sẽ cho các con phước hạnh thánh và chắc chắn mà Ta đã hứa với Đa-vít.’**
 ‘Chắc chắn Ta sẽ giúp các người [dân sự của ta] giống như Ta đã hứa với Đa-vít [rằng Ta sẽ làm].’
 -HAY-
 ‘Ta hứa chắc chắn cùng Đa-vít tổ phụ các người rằng ta sẽ giúp đỡ hân [và tất cả dân sự Y-sơ-ra-ên bởi hậu tự của Đa-vít Ta sẽ sai đến một người].’ [Đức Chúa Trời gọi người đó đến.]
- 13:35a** **Do đó, trong một chương khác, Kinh Thánh lại nói:**
 Vì thế [Đa-vít] nói điều này [với Đức Chúa Trời về Đấng Mê-si-a, mà ông đã viết] trong một Thi Thiên khác:
- 13:35b** **‘Chúa sẽ không cho Đấng Thánh của Ngài bị rửa nát.’**
 ‘[Khi tôi chết] Ngài không để thân thể tôi bị rửa nát, [vì] tôi dâng hết cho Ngài và tôi luôn luôn vâng lời [Ngài].’
 -HAY-
 ‘Ngài không để xác tôi rửa nát, [vì] tôi dâng hiến cho Ngài và luôn vâng lời [Ngài].’
- 13:36a** **Nhưng sau khi phục vụ Đức Chúa Trời theo ý Ngài trong thời đại mình,**
 [Đa-vít không nói về chính mình] vì trong khi còn sống, Đa-vít đã làm những gì Đức Chúa Trời muốn ông làm.
 -HAY-
 Đa-vít hoàn thành những gì Đức Chúa Trời hoạch định cho ông trong thời gian ông còn sống.

13:36b

được chôn cất bên cạnh tổ tiên, và phải bị rửa nát: Thay vì nói *được chôn cất* có nhiều ngôn ngữ sẽ nói rằng “người ta chôn xác ông.” Có thể người ta đã chôn xác của Đa-vít trong nghĩa trang gia đình bên cạnh nơi tổ tiên của ông được chôn cất. Phao-lô đã nói về sự chết của Đa-vít và xác ông bị rửa nát để chứng minh rằng khi Đa-vít viết Thi Thiên 16:10 ông đã không nói về chính ông.

13:37

Còn Đáng được Đức Chúa Trời làm cho sống lại thì không bao giờ bị rửa nát: Còn cho thấy sự khác nhau giữa Đa-vít và Chúa Giê-su. *Đáng*, có nghĩa là “người đó,” chỉ về Chúa Giê-su. Xem 13:30 cho Lời Giải Nghĩa về “Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ kẻ chết.” *Không bao giờ bị rửa nát* có nghĩa là xác chết không bị mục nát. Mệnh đề này có nghĩa là sau khi Chúa Giê-su chết, Đức Chúa Trời đã không để cho xác của Chúa Giê-su mục nát, nhưng Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại. Điều đó hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ chẳng bao giờ lại chết nữa.

13:38-41 Phao-lô cho họ biết rằng Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ nếu họ tin Chúa Giê-su

Phân Đoạn này chứa đựng điểm chính trong sứ điệp của Phao-lô. Ông khuyên độc giả của ông nên nhận thức rằng Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ nếu họ tin Chúa Giê-su. Ông cũng khuyến cáo họ không nên từ khước sứ điệp mà ông đã truyền cho họ.

13:38a

Vậy, thưa anh em: *Vậy* giới thiệu lời kết luận của Phao-lô và những gì ông khuyên họ cần phải làm. Bạn có thể dùng một từ ngữ tổng quát như “các bạn,” “các bạn của tôi,” hay “tất cả các ông” thay vì chữ *anh em*. Chữ *thưa* không có trong bản Hy-lạp, nó được người dịch BDM thêm vào để cho được lễ phép trong tiếng Việt.

13:38b

xin nhận thức: Dịch từng chữ theo tiếng Hy-lạp “Các anh hãy nên biết,” động từ “hãy nên” ở thể mệnh lệnh cách. Họ cần biết và hiểu những gì ông sẽ nói với họ. Họ cũng cần tin sứ điệp về Chúa Giê-su nếu họ muốn Đức Chúa Trời tha tội cho họ.

rằng chính nhờ Đức Giê-su mà on tha tội được công bố cho các anh em: Đây là điều mà độc giả của Phao-lô cần biết. Nhóm từ *nhờ Đức Giê-su* có nghĩa là “bởi những gì Chúa Giê-su đã làm.” Trong bản dịch của bạn, bạn có thể đổi nhóm từ *on tha tội* thành động từ, như, “Đức Chúa Trời có thể tha thứ tội lỗi của các anh em.” Bạn cũng có thể đổi *được công bố*, thành động từ, như “chúng tôi công bố cho anh em.”

13:39a

Tất cả những ai tin Ngài đều được tuyên xưng công chính về mọi điều: *Tất cả những ai tin Ngài* nói đến từng mỗi cá nhân tin Chúa Giê-su. Bạn cần đổi nhóm từ *được tuyên xưng công chính*, thành động từ, như “Đức Chúa Trời tuyên xưng công chính.” Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời kể bất cứ ai đã tin nhận Chúa Giê-su thì người đó được tha dù đã làm những việc không đẹp lòng Ngài. Thay vì Đức Chúa Trời kể người đó là công chính. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời đã tha tất cả tội lỗi cho người đó và người đó sẽ không bị trừng phạt vì tội lỗi của mình nữa.

13:39b

mà Kinh Luật Môi-se không thể nào tuyên xưng công chính được: Bạn có thể dịch mệnh đề này thành một câu riêng, như trong CDN của PKTCCN. *Kinh Luật Môi-se* hàm ý rằng sự vâng theo luật pháp mà Môi-se đã chép. Bạn có thể nói rõ trong bản dịch của bạn rằng độc giả của Phao-lô nghĩ rằng Đức Chúa Trời kể họ là công chính vì họ gìn giữ luật pháp Môi-se. Dĩ nhiên, chẳng có một người nào ngoài Chúa Giê-su gìn giữ luật pháp một cách trọn vẹn để có thể nhận được gì từ Đức Chúa Trời cả.

Bạn có thể đổi nhóm từ, *không thể nào tuyên xưng công chính được*, ở thể thụ động

- 13:36b** **vua Đa-vít đã chết, được chôn cất bên cạnh tổ tiên, và phải bị rửa nát.**
Đa-vít chết, người ta chôn xác ông [như người ta vẫn thường làm], và thân thể của Đa-vít bị rửa nát.
-HAY-
[Nhưng cuối cùng] ông chết và người ta chôn xác ông [như người ta vẫn thường làm đối với những người chết] như tổ phụ của ông. Xác Đa-vít bị rửa nát[, do đó ông không thể nói về chính mình].
- 13:37** **Còn Đáng được Đức Chúa Trời làm cho sống lại thì không bao giờ bị rửa nát.**
[Đa-vít nói về Chúa Giê-su. Chúa Giê-su cũng đã chết,] nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại. [Do đó] thân thể của Ngài không bị rửa nát [và Ngài chẳng bao giờ chết nữa].
-HAY-
[Thay vì, Đa-vít nói về Chúa Giê-su. Chúa Giê-su đã chết,] nhưng Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại, và [do đó] thân thể Ngài chẳng bị rửa nát.
- 13:38a** **Vậy, thưa anh em,**
Vì thế, thưa những người Y-sơ-ra-ên là anh em [của tôi và những người bạn khác nữa],
-HAY-
Do đó, các bạn [của tôi],
- 13:38b** **xin nhận thức rằng chính nhờ Đức Giê-su mà ơn tha tội được công bố cho các anh em.**
các anh em phải biết rằng chúng tôi loan báo cho các anh em [Đức Chúa Trời] sẽ tha thứ tội lỗi của các anh em bằng những phương tiện mà Chúa Giê-su [đã làm].
-HAY-
chúng tôi loan báo cho các anh rằng [bây giờ] các anh có thể biết rằng Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi [chúng ta khi chúng ta tin cậy] Chúa Giê-su.
- 13:39a** **Tất cả những ai tin Ngài đều được tuyên xưng công chính về mọi điều**
Tất cả mọi người đã tin [Chúa Giê-su] [,Đức Chúa Trời] không còn kể sự vi phạm của họ [mà họ đã không làm đẹp lòng Ngài].
- 13:39b** **mà Kinh Luật Môi-se không thể nào tuyên xưng công chính được.**
Nhưng Đức Chúa Trời không thể coi việc [gìn giữ] luật pháp Môi-se của các anh là công chính [vì không một người nào giữ trọn].
-HAY-
Nhưng các anh không đáng được Đức Chúa Trời coi là công chính vì việc gìn giữ luật pháp Môi-se của các anh. [Tin nhận Chúa Giê-su! Thì Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội lỗi của các anh]

trở thành chủ động giống như “Đức Chúa Trời không thể tuyên xưng công chính.” Cho ý của các từ *tuyên xưng công chính* xem 13:39a cho Lời Giải Nghĩa của chữ “được tuyên xưng công chính.”

Phao-lô giải thích việc Đức Chúa Trời tha tội cho những ai tin Chúa Giê-su. Bản văn hàm ý rằng ông mạnh mẽ khuyên độc giả của ông tin tưởng Phúc Âm. Bạn có thể nói điều này một cách ngắn gọn trong bản

dịch của bạn như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN. 13:40

13:40

Vậy hãy coi chừng: Vậy cho thấy những gì Phao-lô đã nói trước, đặc biệt trong các câu 13:38-39, là nền tảng cho lời nói của ông trong 13:40-41. *Hãy coi chừng* giới thiệu khuyến cáo của Phao-lô cho độc giả của ông trong 13:41. Đây hàm ý rằng họ nên cẩn thận đáp ứng sứ điệp một cách đúng đắn để sẽ không bị Đức Chúa Trời trừng phạt.

để khỏi bị mắc phải điều các tiên tri Chúa đã cảnh cáo: Đây giới thiệu lời trích dẫn trong Ha-ba-cúc 1:5. Cho thấy *điều các tiên tri Chúa* cảnh cáo dân sự của Đức Chúa Trời sẽ xảy đến cho họ, nếu họ tiếp tục từ khước Ngài và làm điều ác. Lời tiên tri này nói về việc người Ba-bi-lôn xâm chiếm Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, Phao-lô áp dụng điều này cho việc phán xét sau cùng của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Phao-lô khuyên họ nên làm những gì họ cần phải làm để khỏi bị Đức Chúa Trời đoán phạt. Phao-lô có ý nói rằng họ nên tin nhận Chúa Giê-su Đấng mà ông rao giảng. CDN của PKTCCN để ý này sau lời trích dẫn trong CU ở câu 13:41c.

13:41a

Hỡi những kẻ khinh miệt, xem đây!: Bạn có thể cần cho thấy rằng Đức Chúa Trời là Đấng nói những lời này. Hãy xem CDN. Các chữ *kẻ khinh miệt* chỉ về những người nhạo báng Đức Chúa Trời và nói rằng Ngài sẽ chẳng thực hành những điều Ngài đã phán. Bạn nên đặt những chữ *kẻ khinh miệt* này vào một vị trí thích hợp nhất trong câu văn của ngôn ngữ bạn. Mệnh lệnh *xem đây* được dịch sang từ tiếng Hy-lạp dùng để gây sự chú ý cho người nghe. Bạn có thể dịch là “hãy nghe đây!”

Hãy kinh ngạc và chết đi!: Những động từ này ở thể mệnh lệnh cách. *Kinh ngạc (đi)* có nghĩa bị ngạc nhiên về những việc lạ lùng, trong trường hợp này, những việc Đức Chúa Trời sẽ làm.

chết đi: Theo tiếng Hy-lạp, chữ này có nghĩa đen là “bị huỷ diệt!” Có nghĩa là bị

người nào đó làm cho chết. Theo trong CU, đây là lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài sẽ trừng phạt họ và để cho quân lính ngoại quốc xâm chiếm đất nước của họ. Phao-lô áp dụng điều này cho người Do Thái rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ nếu họ từ khước Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế, Đấng giải cứu họ. Trong bản dịch của bạn, nếu dùng thể mệnh lệnh cách *kinh ngạc* và *chết*, không được tự nhiên trong ngôn ngữ bạn, bạn có thể dùng thì tương lai giống như thế này: “[khi Đức Chúa Trời đoán phạt các anh,] các anh sẽ vô cùng kinh ngạc và [rồi] chắc chắn các anh sẽ chết.”

13:41b

Vì trong thời các người, Ta sẽ làm một việc: Vì cho thấy rằng đây là những gì sẽ làm cho họ trở nên kinh ngạc.

13:41 trong tiếng Hy-lạp là một câu. Nhưng bạn có thể dịch thành một câu mới ở đây. Tuy nhiên, nếu bạn muốn làm điều đó, bạn phải thêm các từ như “các anh sẽ bị kinh ngạc” trước chữ “vì,” giống như trong CDN của PKTCCN. Hay, bạn có thể bỏ chữ “vì.”

Nhóm từ *trong thời các người* có nghĩa là “trong khi các người còn sống.” Theo ngữ cảnh này *sẽ làm một việc* hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ làm cho dân sự của Ngài vô cùng đau khổ. Ha-ba-cúc phán lời tiên tri này liên hệ đến việc người Ba-bi-lôn xâm chiếm Y-sơ-ra-ên. Phao-lô áp dụng điều này cho việc Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt dân Y-sơ-ra-ên khi họ từ khước Chúa Giê-su Đấng Ngài sai đến để cứu họ.

13:41c

dù nghe ai nói các người cũng không tin!: Những gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho dân sự của Ngài thật là khủng khiếp đến độ Ngài nói rằng người ta sẽ không tin rằng Ngài sẽ làm như thế. Ngay cả nếu có ai giải thích rõ ràng và chính xác việc Ngài sẽ làm thì họ cũng sẽ không tin Ngài sẽ làm.

Phao-lô chấm dứt sứ điệp của ông tại đây, và những gì sau đây là tường thuật. Do đó, nếu cần bạn có thể nói như thế này: “Đó

- 13:40** **Vậy hãy coi chừng để khỏi bị mắc phải điều các tiên tri Chúa đã cảnh cáo:**
 Bởi vậy hãy coi chừng [Đức Chúa Trời] sẽ phán xét các anh em như những điều mà [một trong] các tiên tri đã nói [Ngài sẽ làm]!
 -HAY-
 Bởi vậy, [đừng từ khước sứ điệp này!] bởi vì nếu làm như thế Đức Chúa Trời sẽ đối xử với các anh giống như những điều mà [một trong những] nhà tiên tri đã nói [Ngài sẽ làm]!
- 13:41a** **‘Hỡi những kẻ khinh miệt, xem đây! Hãy kinh ngạc và chết đi!**
 [Đức Chúa Trời nói:] ‘Các người nhạo báng [Ta và những gì Ta nói Ta sẽ thực hiện], hãy xem [và hãy nghe], hãy ngạc nhiên [về những việc Ta làm], và chết [đi]!
 -HAY-
 [Tiên tri đó đã viết điều này cho những người từ chối tin Đức Chúa Trời:] ‘Hãy nhìn [và nghe], các người khinh miệt [những gì Đức Chúa Trời nói]. Các người [chắc chắn] sẽ ngạc nhiên [khi các người thấy những việc Đức Chúa Trời làm], và các người [chắc chắn] sẽ chết.
- 13:41b** **Vì trong thời các người, Ta sẽ làm một việc,**
 [Các người sẽ kinh ngạc,] vì Ta sẽ làm một việc [thật kinh khủng cho các người] trong thời các người còn đang sống.
- 13:41c** **đù nghe ai nói các người cũng không tin!’**
 Các người không tin [rằng Ta sẽ làm điều đó] ngay cả có người giải thích [nó] cho các người.’ [Để những điều đó không xảy ra cho các người, hãy tin Chúa Giê-su hôm nay!]
- 13:42a** **Khi ra về,**
 Trong khi Phao-lô và Ba-na-ba rời nhà hội,
 -HAY-
 [Phao-lô nói xong. Rồi] khi Phao-lô và Ba-na-ba rời khỏi nơi nhóm của người Do Thái,
- 13:42b** **dân chúng yêu cầu hai ông ngày Sa-bát sau, cũng giảng luận thêm cho họ nghe các điều ấy nữa.**
 [có nhiều] người [ở đó] yêu cầu hai người trở lại trong ngày Sa-bát tới để giảng về những điều [mà Phao-lô vừa mới nói cho họ].

là những gì Phao-lô đã nói” hay “Đó là sứ điệp mà Phao-lô đã rao giảng.”

13:42-43 Dân chúng yêu cầu Phao-lô và Ba-na-ba giảng dạy họ trong ngày sa-bát tới

13:42a

Khi ra về: Khi Phao-lô kết thúc sứ điệp của ông, ông cảnh cáo họ rằng Đức Chúa Trời sẽ

trừng phạt họ, nếu họ từ khước sứ điệp về Chúa Giê-su (13:40-41). Sau đó Phao-lô và Ba-na-ba rời nơi nhóm họ của người Do Thái.

13:42b

dân chúng yêu cầu hai ông ngày Sa-bát sau, cũng giảng luận thêm cho họ nghe các điều ấy nữa: Trong bản Hy-lạp, thì của động từ *yêu cầu* cho thấy rằng họ tiếp tục

yêu cầu Phao-lô và Ba-na-ba trở lại. Theo ngữ cảnh, thì của động từ ở đây có lẽ có nghĩa rằng sau khi nghe sứ điệp của Phao-lô, có một số người nài xin các sứ đồ trở lại và giảng dạy thêm cho họ về những gì ông vừa rao giảng trong 13:16-41. Xem 13:14b cho Lời Giải Nghĩa của từ *Sa-bát*.

13:43a

Cuộc họp đã tan: Theo một vài nhà giải kinh, Phao-lô và Ba-na-ba đã rời nhà hội trước khi cai nhà hội giải tán buổi họp. Sau đó mọi người ra về.

13:43b

những người Do Thái và người ngoại quốc theo Do Thái giáo đi theo Phao-lô và Ba-na-ba: Bạn có thể dịch đơn giản câu này như “có nhiều người đã đi theo Phao-lô và Ba-na-ba.”

người ngoại quốc theo Do Thái giáo: Những người này không phải gốc Do Thái nhưng đã theo Do Thái giáo. Có nhiều người đang thờ phượng trong nhà hội không phải

gốc Do Thái đã theo Phao-lô và Ba-na-ba. Trong khi ra về họ đã bảo hai sứ đồ rằng họ muốn được dạy dỗ thêm nữa.

13:43c

Hai ông chuyện trò với họ và khích lệ họ cứ tiếp tục sống theo ân sủng của Đức Chúa Trời: Thì của các động từ *chuyện trò*, *khích lệ*, trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng họ đã làm điều đó trong vài ngày. Theo như BDM, bạn có thể dịch nhóm từ này thành một câu riêng và Phao-lô và Ba-na-ba sẽ là các chủ từ. Hãy xem CDN của PKTCCN.

khích lệ họ: Bạn có thể dịch nhóm từ *khích lệ họ* giống như “tiếp tục cố gắng thuyết phục họ” hay “tiếp tục bảo họ.”

cứ tiếp tục sống theo ân sủng của Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là tiếp tục tin cậy vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời mặc dù họ không xứng đáng để được sự giúp đỡ này. Có lẽ Phao-lô đặc biệt nói đến việc họ tiếp tục tin Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ nếu họ tin Chúa Giê-su. Xem CDN của PKTCCN.

Tiểu Đoạn Phụ 13:44-49 Nhiều người ngoại quốc tin Chúa Giê-su và cũng nói về Ngài cho những người khác

Có nhiều người tại thành An-ti-ốt phản đối Phao-lô và Ba-na-ba. Do đó hai người đã đến cùng những người ngoại quốc. Bởi đó cho nên, nhiều người ngoại quốc có sự vui mừng, họ tin Chúa Giê-su, và nói về Ngài cho những người khác ở khắp mọi nơi trong vùng.

13:44

Ngày Sa-bát sau, hầu hết dân trong thành đều họp lại: Ngày *Sa-bát sau* cho thấy độ một tuần, sau lần Phao-lô nói chuyện với họ trong nhà hội. Xem 13:14b cho Lời Giải Nghĩa của từ *ngày Sa-bát*. Các chữ *hầu hết dân trong thành* hàm ý rằng hầu hết dân chúng tại thành An-ti-ốt Bi-si-đi đều đến nhà hội.

để nghe Đạo Chúa: Có một vài bản Hy-lạp dịch là “Đạo Đức Chúa Trời” thay vì *Đạo Chúa*. Tuy nhiên, gần như không có sự khác biệt về ý nghĩa. Bạn có thể dịch *Đạo Chúa* giống như “sứ điệp về Chúa Giê-su,” hay “sứ điệp từ Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su.”

nghe: Phao-lô và Ba-na-ba sẽ là những người giảng dạy, vì dân chúng yêu cầu cả hai người dạy dỗ họ (13:42b).

13:45a

Thấy đoàn dân đông đảo, những người Do Thái đầy lòng ganh tị: Những người Do Thái ở đây có thể nói đến các nhà lãnh đạo Do Thái. Các mệnh đề này có liên hệ với nhau giống như “nguyên nhân đưa đến kết quả.” Có nghĩa là, các nhà lãnh đạo Do Thái trở nên vô cùng ghen tức với Phao-lô và Ba-na-ba, vì hai người đã thu hút được rất nhiều người qua sứ điệp của họ. Thêm vào đó, các nhà lãnh đạo này chống đối mạnh mẽ sứ điệp về Chúa Giê-su mà Phao-lô và Ba-na-ba giảng dạy một cách sống động.

- 13:43a** **Cuộc họp đã tan,**
Sau khi [những người lãnh đạo trong nhà hội] đã giải tán dân chúng,
 -HAY-
 Sau khi [những người lãnh đạo đã giải tán phiên họp] dân chúng bắt đầu rời [nhà hội],
- 13:43b** **nhiều người Do Thái và người ngoại quốc theo Do Thái giáo đi theo Phao-lô và Ba-na-ba.**
 có nhiều người [trong bọn] đi theo Phao-lô và Ba-na-ba. [Có cả hai nhóm] người Do Thái và người không phải gốc Do Thái đã theo đạo Do Thái và thờ phượng [Đức Chúa Trời].
 -HAY-
 có nhiều người [trong bọn] theo Ba-na-ba và Phao-lô [và nói chuyện với họ]. [Một số là] người Do Thái [một số khác] là người ngoại quốc. Họ thờ phượng [Đức Chúa Trời].
- 13:43c** **Hai ông chuyện trò với họ và khích lệ họ cứ tiếp tục sống theo ân sủng của Đức Chúa Trời.**
 [Phao-lô và Ba-na-ba] tiếp tục nói chuyện với họ [và] khuyến khích họ tiếp tục [tin sứ điệp rằng] Đức Chúa Trời tha thứ một cách rộng rãi [về tội lỗi của con người bởi những gì Chúa Giê-su đã làm].
 -HAY-
 [Phao-lô và Ba-na-ba] tiếp tục nói chuyện với họ [và] khuyến khích họ tiếp tục [tin] rằng Đức Chúa Trời [tha thứ tội lỗi cho những người tin cậy Chúa Giê-su] một cách dư dật.

Tiểu Đoạn Phụ 13:44-49 Nhiều người ngoại quốc tin Chúa Giê-su và cũng nói về Ngài cho những người khác

- 13:44** **Ngày Sa-bát sau, hầu hết dân trong thành đều họp lại để nghe Đạo Chúa.**
 Trong ngày Sa-bát hầu hết [dân chúng trong] thành [An-ti-ốt] đến [nhà hội] để nghe [Phao-lô và Ba-na-ba] giảng về Chúa [Giê-su].
- 13:45a** **Thấy đoàn dân đông đảo, những người Do Thái đầy lòng ganh tị,**
 Nhưng [những người lãnh đạo] Do Thái trở nên vô cùng ganh tị, vì họ thấy có khá nhiều người [không phải gốc Do Thái đến nghe Phao-lô và Ba-na-ba].
- 13:45b** **chống đối những điều Phao-lô giảng dạy và nhục mạ ông.**
 [Do đó] họ bắt đầu phản đối những gì Phao-lô nói [và cũng] nhục mạ ông.

13:45b
chống đối những điều Phao-lô giảng dạy và nhục mạ ông: Kể từ 13:9 trở đi, Phao-lô trở thành người phát ngôn chính thức, như dân chúng ở thành Lít-tra gọi ông trong 14:12. Do đó những người Do Thái đổ sự giận dữ của họ trên Phao-lô. Các nhà lãnh

đạo Do Thái bắt đầu lên tiếng rằng sứ điệp về Chúa Giê-su không phải là sự thật và Phao-lô là người nói dối. Họ cũng dùng những lời nói nặng nề để sỉ nhục ông.

13:46a

Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba mạnh dạn tuyên bố: Đây có nghĩa rằng hai sứ đồ không sợ sự chống đối của người Do Thái nhưng tiếp tục nói lên lẽ thật. Một số bản dịch bắt đầu câu này bằng chữ “nhưng” để cho thấy rằng Phao-lô và Ba-na-ba không sợ hãi vì sự chống đối của các nhà lãnh đạo Do Thái. Ở đây bạn có thể nói: “một trong hai người nói,” để người đọc sẽ không nghĩ rằng Phao-lô và Ba-na-ba đồng nói cùng một lúc.

13:46b

Cần phải truyền Đạo Đức Chúa Trời cho các người trước nhất: Theo ngữ cảnh hàm ý rằng Đức Chúa Trời truyền lệnh cho Phao-lô và Ba-na-ba truyền Đạo Đức Chúa Trời. Đạo Đức Chúa Trời ở đây có nghĩa là sứ điệp từ Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su. Cho các người chỉ về những người Do Thái có mặt tại đó. Chữ *trước nhất* hàm ý rằng Đức Chúa Trời muốn hai người giảng về Chúa Giê-su cho người Do Thái trước, rồi sau đó mới giảng cho những người ngoại quốc.

13:46c

vì các người chối bỏ Đạo Chúa và tự xét mình không xứng đáng được sự sống vĩnh phúc: Bạn có thể dịch mệnh đề này thành một câu riêng, giống như trong CDN của PKTCCN. Các đại danh từ *các người* và *mình* ở đây nói về những người Do Thái đang có mặt tại đó. Thì của các động từ *chối bỏ* và *tự xét* cho thấy họ đang làm các điều đó ngay trong lúc Phao-lô và Ba-na-ba nói chuyện với họ.

tự xét mình không xứng đáng được sự sống vĩnh phúc: Bạn có thể dịch mệnh đề này như, “điều này cho thấy các người không xứng đáng để được vĩnh viễn sống bên cạnh Đức Chúa Trời.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn, bạn gặp trở ngại trong việc diễn tả các chữ “xứng đáng” hay “đáng được,” bạn có thể dịch giống như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN.

13:46d

nên bày giờ chúng tôi quay sang các dân tộc ngoại quốc: Nếu bạn dịch câu này thành

một câu riêng, như trong CDN của PKTCCN, thì bạn có thể cần bắt đầu câu này bằng chữ “vì thế.”

quay sang: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy ngay trong lúc đó Phao-lô và Ba-na-ba bắt đầu hướng bài giảng của họ về người ngoại quốc. Nhóm từ *quay sang các dân tộc ngoại quốc* hàm ý rời những người Do Thái và đến với các người ngoại quốc để giảng đạo Chúa cho họ. Điều đó không có nghĩa là hai sứ đồ chẳng bao giờ giảng đạo Chúa cho người Do Thái nữa, nhưng chỉ áp dụng đặc biệt trong trường hợp này, khi hai người đang ở An-ti-ốt Bi-si-đi. Sau đó Phao-lô và Ba-na-ba lại giảng đạo Chúa trong nhà hội của người Do Thái tại Y-cô-ni, (14:1).

13:47a

Vì Chúa đã truyền bảo tôi: Vì cho thấy mệnh đề này giới thiệu lý do của việc đã nói trong mệnh đề trước. Đây là lý do thứ hai cho việc Phao-lô và Ba-na-ba đi đến các người ngoại quốc: Chính Chúa đã phán dạy hai người phải làm như thế. *Chúa* ở đây nói về Đức Chúa Trời. Lý do thứ nhất là người Do Thái từ khước sứ điệp của Đức Chúa Trời (13:46c).

13:47b

Ta đã lập con lên làm ánh sáng cho các dân tộc: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ người nói, có lẽ là Phao-lô, đã áp dụng những lời này từ trong sách Ê-sai 49:6 cho chính ông. Đại danh từ *con* ở thể số ít, nhưng đại danh từ “chúng tôi” trong 13:47a hàm ý rằng người nói có ý muốn áp dụng câu Kinh Thánh trích dẫn cho chính ông và các sứ đồ khác. Đại danh từ *Ta* chỉ về Đức Chúa Trời.

lập con lên làm ánh sáng: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời chọn đặc biệt một người để cho thấy về chính Ngài, giống như nhờ ánh sáng con người thấy được sự vật. Điều này giống như trong 9:15, lời Chúa cho thấy cho A-na-nia về Sau-lơ: “người này là một lợi khí Ta đã chọn để truyền bá danh Ta trước mặt các dân tộc ngoại quốc.”

Trong việc quyết định có nên dùng ẩn dụ của ánh sáng trong bản dịch của bạn hay

- 13:46b** **“Cần phải truyền Đạo Đức Chúa Trời cho các người trước nhất,**
 “[Chúng tôi] phải giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su] cho các anh em là những người [Do Thái], [trước khi giảng cho những người ngoại quốc, vì Đức Chúa Trời muốn chúng tôi làm như thế].
 -HAY-
 “[Đức Chúa Trời] truyền dạy chúng tôi nói với các anh em [những người Do Thái] sứ điệp của Ngài [về Chúa Giê-su] trước tiên [rồi chúng tôi mới rao giảng sứ điệp đó cho những người nước ngoài].
- 13:46c** **vì các người chối bỏ Đạo Chúa và tự xét mình không xứng đáng được sự sống vĩnh phúc**
 [Tuy nhiên,] các anh em từ chối nhận lãnh sứ điệp của Đức Chúa Trời và [do đó] các anh em không xứng đáng để sống vĩnh viễn [với Ngài].
 -HAY-
 Nhưng vì các anh em không muốn tin nhận sứ điệp của Đức Chúa Trời, các anh em đã cho thấy [rằng Đức Chúa Trời] không chọn các anh để được vĩnh viễn sống [với Ngài].
- 13:46d** **nên bây giờ chúng tôi quay sang các dân tộc ngoại quốc.**
 [Bởi vậy] chúng tôi rời [bỏ các anh và bây giờ chúng tôi] sẽ đi đến người ngoại quốc [để rao giảng cho họ sứ điệp của Đức Chúa Trời]
- 13:47a** **Vì Chúa đã truyền bảo chúng tôi:**
 [Chúng tôi cũng làm điều đó] vì Đức Chúa Trời bảo chúng tôi [làm như vậy].
- 13:47b** **“Ta đã lập con lên làm ánh sáng cho các dân tộc,**
 [Đức Chúa Trời nói:] ‘Ta chỉ định người [để cho thấy những việc thuộc về Ta cho những người ngoại quốc, [như] ánh sáng [soi sáng những sự vật cho con người].
 -HAY-
 [Ngài nói với chúng tôi:] ‘Ta sai người đi [nói] cho những người ngoại quốc [về Ta. Người sẽ] giống như ánh sáng [soi sáng trong nơi tối tăm].
- 13:47c** **Để con đem sự cứu rỗi đến tận cùng quả đất.’**
 [Ta chọn] người để nói cho mọi người ở khắp mọi nơi trên thế gian [về một Đấng đã đến] để cứu [họ].’ ”
 -HAY-
 [Ta sai người đi] để người có thể nói với người ta ở khắp mọi nơi trên quả đất [thế nào Ta] có thể cứu [họ].’ ” [Đó là những gì Phao-lô nói với họ.]

không, thảo luận với những người nói cùng chung ngôn ngữ với bạn tìm xem thử họ có quen thuộc với ẩn dụ ánh sáng và sự tối tăm với tốt lành và độc ác hay không. Ý nghĩa của ẩn dụ ở đây được giải thích rõ trong 13:47c. Bạn đã dịch chữ “ánh sáng” trong Ma-thi-ơ 5:14-16 như thế nào?

13:47c

Để con đem sự cứu rỗi đến tận cùng quả đất: Mệnh đề này nói lên mục đích Đức Chúa Trời chọn người đây tớ của Ngài. Theo văn mạch của câu này trong sách Ê-sai, chữ “đầy tớ” chỉ về Đấng Mê-si-a. Ở đây người nói áp dụng cho chính mình như người của Đức Chúa Trời sai đi giảng sứ điệp về Chúa

Giê-su. Đại danh từ *con* ở đây là số ít. Các chữ *đem sự cứu rỗi* có nghĩa là rao báo cho dân chúng cách Đức Chúa Trời sẽ cứu họ. *Đến tận cùng quả đất* là một lối nói ẩn dụ hàm ý rằng “tất cả mọi nơi trên thế gian.”

13:48a

Nghe lời này, người ngoại quốc hân hoan và tôn vinh Đạo Chúa: Thì của động từ *nghe* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng những người không phải gốc Do Thái vui mừng hân hoan hay “bắt đầu hân hoan,” khi họ nghe những lời trong 13:46-47. Thì của động từ cho thấy rằng họ tiếp tục *hân hoan và tôn vinh Đạo Chúa*. Bạn có thể dịch nhóm từ *người ngoại quốc hân hoan và tôn vinh Đạo Chúa* thành ra câu văn trực tiếp, giống như câu thứ hai trong CDN của PKTCCN. Hầu hết các bản dịch trong tiếng Hy-lạp dùng *Đạo Chúa*. Tuy nhiên, có một số ít dùng chữ “*Đạo Đức Chúa Trời*.” Ý nghĩa vẫn giống nhau: “sứ điệp về Chúa [Giê-su]” hay “sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].”

13:48b

những người đã được định để hưởng sự sống vĩnh phúc đều tin nhận Chúa: Trong bản Hy-lạp *tin nhận* là động từ chính, và chủ từ của nó là *những người đã được định để hưởng sự sống vĩnh phúc*. Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời chọn những người ngoại

quốc cũng như những người Do Thái để hưởng sự sống đời đời với Ngài.

Dưới đây là hai cách giải thích *những người đã được định để hưởng sự sống vĩnh phúc*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng phần này của câu có ý rằng Đức Chúa Trời chọn những người tin nhận Ngài để sau này họ có thể sống với Ngài mãi mãi.
- (2) Một số khác nghĩ, đây nói về những người đã chấp nhận sứ điệp về sự sống đời đời.

Cách dịch thứ nhất có lẽ là đúng ý nghĩa ở đây. Nhưng các học giả Kinh Thánh đều đồng ý rằng Đức Chúa Trời là Đấng có toàn quyền làm cho con người nhận biết Ngài.

13:49

Đạo Chúa được truyền bá khắp cả miền ấy: *Đạo Chúa* nói đến sứ điệp về Chúa Giê-su. Thì của động từ cho thấy họ tiếp tục *truyền bá Đạo Chúa*. Động từ này cũng hàm ý rằng chẳng những chỉ riêng Phao-lô và Ba-na-ba nhưng có nhiều tín hữu đã đi đến những nơi khác nói với dân chúng về Chúa Giê-su. Đây cũng hàm ý rằng nhiều người nghe sứ điệp đã tin nhận Chúa Giê-su và trở thành môn đệ của Ngài.

Tiểu Đoạn Phụ 13:50-52 Dân chúng trục xuất các sứ đồ, nhưng các tín hữu vẫn trung tín

Tiểu Đoạn phụ này chỉ có một đơn vị. Các nhà lãnh đạo Do Thái xúi giục các nhà cầm quyền thành phố trục xuất Phao-lô và Ba-na-ba ra khỏi An-ti-ốt Bi-si-đi. Tuy nhiên, các tín hữu ở đây tiếp tục hân hoan và được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh.

13:50a

Nhưng người Do Thái sách động một số phụ nữ quý phái theo Do Thái giáo và các cấp lãnh đạo của thành phố: Nhưng cho thấy sự tương phản giữa việc các tín hữu đang nói về Chúa Giê-su và sự chống đối của người Do Thái về những việc đó. *Người Do Thái* ở đây có lẽ nói đến các nhà lãnh đạo Do Thái có mặt tại đó. Bạn có thể dịch động từ *sách động* như “xúi giục.” BDM

dịch theo thứ tự của tiếng Hy-lạp về các phụ nữ và đàn ông là những người bị người Do Thái xúi giục để chống đối Phao-lô và Ba-na-ba. Có một số văn hoá, theo thứ tự, người ta để các từ quý ông trước quý bà cho được tự nhiên theo ngôn ngữ của họ.

một số phụ nữ quý phái theo Do Thái giáo: Nhóm từ *phụ nữ quý phái theo Do Thái giáo* gần như nói về những người phụ nữ ngoại quốc theo Do Thái giáo. Các chữ

- 13:48a** **Nghe lời này, người ngoại quốc hân hoan và tôn vinh Đạo Chúa;**
 Trong khi những người ngoại quốc nghe [những lời đó], họ bắt đầu vui mừng và tiếp tục nói rằng sứ điệp về Chúa [Giê-xu] thật là kỳ diệu.
 -HAY-
 Trong khi những người ngoại quốc nghe [những lời đó], họ bắt đầu nói: “Cảm tạ Đức Chúa Trời!” Họ cũng nhắc đi nhắc lại [với nhau]: “Sứ điệp về Chúa [Giê-su] thật là kỳ diệu!”
- 13:48b** **những người đã được định để hưởng sự sống vĩnh phúc đều tin nhận Chúa.**
 Tất cả những người ngoại quốc, là những người [Đức Chúa Trời] đã chọn để sống vĩnh viễn [với Ngài] tin [sứ điệp về Chúa Giê-su].
- 13:49** **Đạo Chúa được truyền bá khắp cả miền ấy.**
 [Ngay lúc đó, có rất nhiều tín hữu] di chuyển khắp các vùng đó, đồng thời họ cũng rao giảng sứ điệp về Chúa [Giê-su]. [Cũng có thêm rất nhiều người tin Chúa Giê-su].
 -HAY-
 [Ngay lúc đó, những tín hữu] di chuyển khắp các vùng lân cận và rao giảng sứ điệp về Chúa [Giê-su]. [Và có nhiều người tin Chúa Giê-su].

Tiểu Đoạn Phụ 13:50-52 Dân chúng trục xuất hai sứ đồ, nhưng các tín hữu vẫn trung tín

- 13:50a** **Nhưng người Do Thái sách động một số phụ nữ quý phái theo Do Thái giáo và các cấp lãnh đạo của thành phố,**
 Tuy nhiên, [những người lãnh đạo của] dân Do Thái xúi giục những phụ nữ và những nhân vật quan trọng trong thành phố chống đối [Phao-lô và Ba-na-ba]. [Những phụ nữ này không phải gốc Do Thái nhưng theo đạo Do Thái].
 -HAY-
 Tuy nhiên, [một số nhà lãnh đạo của] dân Do Thái xúi giục những nhân vật quan trọng trong thành phố và [một số] phụ nữ giàu có chống đối [Phao-lô và Ba-na-ba]. [Những phụ nữ này không phải gốc Do Thái nhưng theo đạo Do Thái].
- 13:50b** **xúi giục họ bắt bớ Phao-lô và Ba-na-ba,**
 [Những người không phải gốc Do Thái] xúi giục [những người khác] chống đối Phao-lô và Ba-na-ba,
 -HAY-
 [Vì thế những người không phải gốc Do Thái đó] thuyết phục [những người khác, và] họ [cùng nha] gây khó khăn cho Phao-lô và Ba-na-ba,

phụ nữ quý phái nói về những người có địa vị quan trọng trong xã hội, cũng có thể vì họ là những người giàu có.

các cấp lãnh đạo của thành phố: Đây nói đến những người quan trọng nhất hay những người đứng đầu trong giới lãnh đạo ở

đó. Họ có thể là những nhân viên chính quyền của thành phố An-ti-ốt xứ Bi-si-đi.

13:50b

xúi giục họ bắt bớ Phao-lô và Ba-na-ba: Họ có lẽ là những người ngoại quốc bị các người Do Thái xúi giục. Đây có nghĩa là một

số người ngoại quốc, cũng *xúi giục*, những người khác tiếp tay với họ để chống đối Phao-lô và Ba-na-ba. Kinh Thánh không cho biết các sứ đồ có bị thương tích hay chỉ bị quấy phá mà thôi.

13:50c

và trực xuất hai ông ra khỏi lãnh thổ: Dưới đây là hai cách giải thích chủ từ của động từ *trực xuất*:

- (1) Những người ngoại quốc trong 13:50a và những người khác trong 13:50b hàm ý rằng đã có những người làm cho Phao-lô và Ba-na-ba phải lìa khỏi chỗ đó.
- (2) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhân viên của chính quyền là những người đã trực xuất Phao-lô Ba-na-ba.

Cách dịch thứ nhất có vẻ hợp lý hơn. Có nghĩa là một số dân chúng thành An-ti-ốt đã bắt buộc Phao-lô và Ba-na-ba rời khỏi địa phận trách nhiệm của họ. Nhưng trong 14:21 cho thấy Phao-lô và Ba-na-ba đã có thể trở lại, do đó việc ra đi ở đây chỉ có tính cách tạm thời.

13:51a

Để phản ứng lại, hai ông phủi bụi dính chân mình: Để phản ứng lại cho thấy cách phản ứng của hai người. Trước khi rời An-ti-ốt, họ *phủi bụi dính chân* đối với người Do Thái. (Đây có thể là cởi dép và phủi bụi ở dép.) Hành động này cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã từ khước những người Do Thái ở đó, và Ngài sẽ trừng phạt họ, vì họ đã từ khước sứ điệp về Chúa Giê-su. Chúa Giê-su đã dạy các môn đệ của Ngài hành động như thế khi họ và sứ điệp họ rao giảng bị từ chối (Ma-thi-ơ 10:14-15 và Mác 6:11). Bạn có thể dịch *phủi bụi dính chân* thế nào đó để được rõ ý, hoặc trong bản dịch hay trong phần ghi chú ở cuối trang. Matthew Carlton đề nghị ghi chú ở cuối trang trong sách giải nghĩa Kinh Thánh của ông:

Trong thời Phao-lô, người Do Thái có thói quen khi đi qua khỏi phần đất của những người không phải gốc Do Thái họ

cẩn thận phủi sạch bụi dính chân mình vì họ cho rằng những giống dân khác và ngay cả lãnh thổ của họ đều không tinh sạch. Phao-lô và Ba-na-ba đã làm y như thế đối với những người Do Thái từ chối sứ điệp của Đức Chúa Trời vì cho rằng họ không tinh sạch. Chúa Giê-su đã dạy các môn đệ của Ngài làm điều đó (Lu-ca 9:5).

13:51b

và qua thành Y-cô-ni: Thành *Y-cô-ni* thuộc trong tỉnh Ga-la-ti, độ 130 cây số về hướng đông nam An-ti-ốt Bi-si-đi. Do đó, có thể Phao-lô và Ba-na-ba phải mất 6, 7 ngày mới đến Y-cô-ni.

13:52

Còn các môn đệ Chúa được đầy dẫy Thánh Linh và vui mừng: Trong tiếng Hy-lạp, phần đầu của câu này được dịch bằng nhiều cách khác nhau. BDM dùng chữ *còn*. Tuy nhiên, có một số bản dịch khác dùng chữ “nhưng,” vì những tín hữu ở An-ti-ốt có đầy sự hân hoan mặc dù người ta đã bắt buộc Phao-lô và Ba-na-ba phải đi khỏi đó. “Trong khi đó” là một cách dịch đúng trong bản Hy-lạp.

các môn đệ: Cùng một chữ được lặp lại nhiều lần trong bốn sách Phúc Âm, những người viết sách Phúc Âm gọi những người từng được học hỏi trực tiếp từ Chúa Giê-su là môn đệ. Trong một vài ngôn ngữ, có lẽ cần nên phân biệt rõ giữa những người được học hỏi từ Chúa Giê-su một cách trực tiếp khi Ngài còn ở thế gian và những người biết Chúa Giê-su sau khi Ngài đã về trời. Vì lý do đó, trong CDN của PKTCN dịch “tín hữu [trong Chúa Giê-su]” từ trong tiếng Hy-lạp.

được đầy dẫy Thánh Linh: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy họ *được đầy dẫy*. Đó là, *các môn đệ*, hay tín hữu, tại An-ti-ốt tiếp tục hân hoan và *Thánh Linh* tiếp tục điều khiển đời sống của họ một cách trọn vẹn.

- 13:50c** **và trực xuất hai ông ra khỏi lãnh thổ.**
 và [như thế] họ trực xuất [Phao-lô và Ba-na-ba] ra khỏi vùng của họ.
-HAY-
 và họ dùng bạo lực để bắt [Phao-lô và Ba-na-ba] ra khỏi khu vực của họ [gần vùng Bi-si-đi].
- 13:51a** **Để phản ứng lại, hai ông phải bụi dính chân mình**
 Do đó, [trong khi ra đi,] Phao-lô và Ba-na-ba phải bụi nơi chân mình [để cho thấy cho những người Do Thái rằng Đức Chúa Trời sẽ từ chối họ và sẽ trừng phạt họ].
-HAY-
 Vì thế, [trước khi ra đi] Phao-lô và Ba-na-ba [công khai] dùng phong tục của người Do Thái là phải bụi dính nơi chân của hai người [để cảnh cáo những người Do Thái ở đó rằng Đức Chúa Trời đã từ chối họ và Ngài sẽ trừng phạt họ].
- 13:51b** **và qua thành Y-cô-ni.**
 [Họ rời thành An-ti-ốt] và đi đến [thành] Y-cô-ni.
- 13:52** **Còn các môn đệ Chúa được đầy dẫy Thánh Linh và vui mừng.**
 Nhưng các tín hữu [ở thành An-ti-ốt] tiếp tục vui mừng và Đức Thánh Linh tiếp tục điều khiển [họ] một cách trọn vẹn.

Tiểu Đoạn 14:1-20b Phao-lô chữa lành cho một người liệt chân, nhưng dân chúng ném đá Phao-lô

Tiểu Đoạn này gồm có ba Tiểu Đoạn Phụ như sau: Trong 14:1-7, sau khi Phao-lô và Ba-na-ba giảng Phúc Âm cho dân chúng tại Y-cô-ni, hai sứ đồ phải lánh qua các thành Lít-tra và Đẹt-bơ, vì họ biết rằng dân chúng tại Y-cô-ni mưu định làm hại hai người. Trong 14:8-18, sau khi Phao-lô chữa lành cho một người liệt chân, dân chúng tại đó muốn tôn thờ hai sứ đồ. Tuy nhiên, cuối cùng Phao-lô và Ba-na-ba đã thuyết phục được dân thành Lít-tra không làm điều đó. Trong 14:19-20b, một số ít người Do Thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni xúi giục dân chúng thành Lít-tra ném đá Phao-lô, nhưng Phao-lô đã thoát chết một cách lạ lùng.

Tiểu Đoạn Phụ 14:1-7 Phao-lô và Ba-na-ba từ Y-cô-ni lánh qua các thành Lít-tra và Đẹt-bơ

Tiểu Đoạn phụ này gồm có hai đơn vị sau: Trong 14:1-3, tại Y-cô-ni Phao-lô và Ba-na-ba giảng dạy một cách hữu hiệu đến nỗi có nhiều người Do Thái và nhiều người ngoại quốc tin Chúa Giê-su. Trong 14:4-7, những người Do Thái và những người ngoại quốc âm mưu hại các sứ đồ, do đó Phao-lô và Ba-na-ba lánh qua các thành Lít-tra và Đẹt-bơ thuộc Ly-caô-ni.

14:1-3 Phao-lô và Ba-na-ba giảng Phúc Âm và thực hiện nhiều phép lạ tại Y-cô-ni

14:1a

Tại Y-cô-ni cũng thế, Phao-lô và Ba-na-ba vào hội đường Do Thái: Nhóm từ trong tiếng Hy-lạp BDM dịch là *cũng thế*, có lẽ có nghĩa là “cùng một cách đó,” ý nói về những gì họ đã làm tại An-ti-ốt.

Hội đường Do Thái là nơi những người Do Thái và người ngoại quốc tụ tập để thờ phượng Đức Chúa Trời. Ở mỗi nơi Phao-lô đến giảng dạy, việc đầu tiên là ông tìm đến hội đường nơi có nhiều người tụ tập để bảo cho họ rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a. Xem Công Vụ 13:14b và La-mã 1:16.

14:1b

giảng luận đến nỗi một số rất đông người Do Thái và người Hy Lạp tin nhận Chúa: Đây cho thấy rằng các sứ đồ đã giảng dạy một cách thuyết phục. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn nên cho biết họ đã nói gì và dân chúng đã tin nhận Đấng nào, như trong CĐN của PKTCCN. Trong một vài ngôn ngữ, người ta có thể dùng những từ ngữ khác nhau để chỉ về những con số khác nhau. Do đó, nếu bạn cần nói rõ *một số rất đông người*, bạn có thể nói “năm bảy trăm.” Sứ điệp của Phao-lô có lẽ giống sứ điệp ông giảng tại An-ti-ốt (13:16-41). Chắc chắn, Phao-lô đã bảo họ rằng Đức Chúa Trời sẽ không cứu con người vì họ tuân theo luật pháp của Môi-se. Điều đó đã làm cho một số người Do Thái tức giận. Trong khi nói chuyện với thính giả của ông, bao gồm những người Do Thái và những người ngoại quốc, Phao-lô giới thiệu Chúa Giê-su là Đấng Đức Chúa Trời đã hứa sẽ sai đến để cứu họ.

14:2a-b

Nhưng những người Do Thái không tin theo lại sách động người ngoại quốc, đầu độc tâm trí họ để chống lại các anh em tín hữu: *Đầu độc tâm trí họ* là lối nói ẩn dụ có

nghĩa là những người Do Thái thuyết phục những người ngoại quốc để họ giận dữ *các anh em tín hữu*. Các anh em tín hữu ở đây nói về Phao-lô, Ba-na-ba, và tất cả những tín hữu có mặt tại đó. Xem CĐN của PKTCCN cho 14:2a và 14:2b.

14:3a

Dù vậy, hai sứ đồ lưu lại đây một thời gian dài: 14:3 tiếp theo những gì đã nói đến trong 14:1. *Dù vậy* được dịch sang từ hai liên từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy câu chuyện còn tiếp tục.

Phao-lô và Ba-na-ba tiếp tục giảng dạy dân chúng tại thành Y-cô-ni, có rất nhiều người tin Chúa Giê-su, trong khi đó cũng có nhiều người chống đối họ. Nhóm từ *một thời gian dài* cho thấy một thời gian vô hạn định. Nếu trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi cần nói chi tiết hơn, bạn có thể nói “năm bảy tuần lễ.” Nếu không, bạn có thể dùng một nhóm từ không xác định như “nhiều ngày” hay vài tuần lễ.” Phao-lô và Ba-na-ba ở lại đủ lâu để tiếp tục dạy dỗ cho đến khi thành lập được một nhóm tín hữu. Trong 14:21-23 nói rõ điều này.

14:3b

tiếp tục giảng về Chúa cách dũng cảm: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy hai người tiếp tục giảng. *Dũng cảm* cho thấy rằng Phao-lô và Ba-na-ba nói không sợ hãi bất cứ một ai. *Chúa* ở đây chỉ về Chúa Giê-su.

Dưới đây là hai cách giải thích nhóm từ về *Chúa*:

- (1) Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ nhóm từ này, dịch theo từng chữ một có nghĩa là “trên Chúa,” ý nói “nuơng cậy vào Chúa.”
- (2) Một số ít nghĩ rằng nhóm từ này có nghĩa là “về Chúa.” Sứ điệp nói với dân chúng về Chúa Giê-su. (BDM)

Cách dịch thứ nhất sát ý hơn, vì nó cho thấy được nhiệm vụ của giới từ này. Xem CĐN của PKTCCN.

Tiểu Đoạn 14:1-20b Phao-lô chữa lành cho một người liệt chân, nhưng dân chúng ném đá Phao-lô

Tiểu Đoạn Phụ 14:1-7 Phao-lô và Ba-na-ba từ Y-cô-ni lánh qua các thành Lít-tra và Đệ-tơ

- 14:1a** **Tại Y-cô-ni cũng thế, Phao-lô và Ba-na-ba vào hội đường Do Thái**
[Việc đã xảy ra] tại thành Y-cô-ni giống như [những việc đã xảy ra tại An-ti-ốt]: Phao-lô và Ba-na-ba đi vào nhà hội của người Do Thái,
- 14:1b** **giảng luận đến nỗi một số rất đông người Do Thái và người Hy Lạp tin nhận Chúa.**
đạy mọi người [về Chúa Giê-su]. [Do đó,] có nhiều người Do Thái và những người ngoại quốc tin nhận [Chúa Giê-su].
- 14:2a** **Nhưng những người Do Thái không tin theo lại sách động người ngoại quốc,**
Nhưng [một vài người] Do Thái chưa chịu tin theo [sứ điệp và] khuyên những người ngoại quốc đừng tin [sứ điệp hai sứ đồ rao giảng].
- 14:2b** **đầu độc tâm trí họ để chống lại các anh em tín hữu.**
Họ nói với những người ngoại quốc rằng sứ điệp [về Chúa Giê-su] không phải là sự thật, cho nên [có một số ít] người ngoại quốc trở nên giận dữ những tín hữu [ở đó].
- 14:3a** **Dù vậy, hai sứ đồ lưu lại đây một thời gian dài,**
Phao-lô và Ba-na-ba ở lại [đó] rất nhiều ngày.
-HAY-
[Nhưng có nhiều người tin Chúa Giê-su, cho nên] Phao-lô và Ba-na-ba ở lại [tại đó] rất nhiều ngày.
- 14:3b** **tiếp tục giảng về Chúa cách dững cảm.**
Hai người tiếp tục giảng dạy [sứ điệp] một cách mạnh dạn cho mọi người [là những người chăm chú nghe và] hai người nương cậy trong sự [giúp đỡ] của Chúa [Giê-su].
-HAY-
Hai người nương cậy trong sự [giúp đỡ] của Chúa [Giê-su] giảng dạy Phúc Âm không hề sợ hãi.
Phao-lô [thực ra đã tỉnh lại! và sau đó ông] đứng dậy và đi vào thành [cùng với những tín hữu khác].

14:3c

Chúa cho các sứ đồ thực hiện các dấu lạ và phép mầu để xác chứng cho Đạo ân sủng của Ngài: Thì của động từ trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng Chúa tiếp tục *cho* và *xác chứng*. Chúa Giê-su giúp hai người thực hiện những phép lạ, để xác chứng rằng sứ điệp của họ đến từ Ngài. Nếu bạn cần nói rõ về những phép lạ, bạn có thể nói rằng họ chữa lành cho người bệnh, vì những điều đó cho thấy Chúa có đầy quyền năng.

Đạo ân sủng của Ngài: Đây có nghĩa là sứ điệp loan báo rằng Đức Chúa Trời cứu những ai tin vào Chúa Giê-su chứ không phải giữ gìn luật pháp của người Do Thái.

14:4-7 Trước khi bị dân chúng khùng bố, hai sứ đồ đã lánh sang Lít-tra và Đẹt-bơ

14:4a

Nhưng dân trong thành chia làm hai phe: Dân trong thành đây chỉ về những người Hy-lạp, chứ không phải là những người Do Thái hay những tín hữu. Phản ứng của họ đối với những gì Phao-lô giảng dạy và họ có hai quan niệm khác nhau. Đây cũng hàm ý rằng cả hai nhóm đều suy nghĩ một cách cương quyết về những gì họ tin.

14:4b-c

một phe theo người Do Thái, phe kia theo các sứ đồ: Có một số người đồng ý với những người Do Thái và từ chối sứ điệp về Chúa Giê-su nên đã hiệp với những người Do Thái trở nên tức giận các sứ đồ. Một số khác tin vào sứ điệp Phao-lô và Ba-na-ba giảng.

các sứ đồ: Chỉ nói về Phao-lô và Ba-na-ba mà thôi, là hai sứ đồ đang ở tại đó. Có thể bạn cần nên nói: “Phao-lô và Ba-na-ba” hay “hai sứ đồ” ở đây. Chủ từ trong câu số 5 là những người chống đối các sứ đồ và sứ điệp của họ. Do đó bạn có thể sẽ muốn thay đổi thứ tự của các mệnh đề trong 14:4b-c. Nếu làm điều này, bạn có thể nói một điều gì đó giống như: “Có một số người tin những gì Phao-lô và Ba-na-ba giảng, nhưng có một số người khác từ chối không tin. Những người

này tin những gì người Do Thái bảo họ và chống đối lại các sứ đồ.” Trong CĐN của PKTCCN câu (14:4b và 14:4c) dựa theo thứ tự của các mệnh đề trong BDM.

14:5a

Cả người ngoại quốc lẫn người Do Thái âm mưu với cấp lãnh đạo của họ: Những người ngoại quốc và những người Do Thái, với sự ủng hộ của giới lãnh đạo của họ, nên họ âm mưu giết Phao-lô và Ba-na-ba.

cấp lãnh đạo của họ: Có thể ở đây nói đến cấp lãnh đạo của người Do Thái vì ném đá là một phương pháp hành hình kẻ có tội, nhưng trong bản Hy-lạp không nói rõ. Do đó, bạn có thể dùng một từ ngữ tổng quát chỉ về *cấp lãnh đạo*, hay một nhóm từ chẳng hạn như, “những nhân vật quan trọng trong thành phố.”

14:5b

để ngược đãi và ném đá các sứ đồ: Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ đồng nghĩa với *ngược đãi* “làm cho đau đớn,” bạn có thể nói rằng những nhà lãnh đạo đó âm mưu bắt các sứ đồ và giết bằng cách ném đá cho đến chết.

14:6a-b

Được tin này hai ông liền lánh qua các thành Lít-tra và Đẹt-bơ thuộc Ly-cao-ni và miền phụ cận: Hai ông chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba. Bạn cần nên nói rõ trong bản dịch của bạn. Có lẽ một trong những tín hữu nghe được tin này nên đã báo cho họ. Dĩ nhiên, Phao-lô và Ba-na-ba đã rời nơi đó càng nhanh càng tốt để khỏi bị giết. Họ đã từ Y-cô-ni lánh sang vùng Ly-cao-ni gần các thành Đẹt-bơ và Lít-tra. Họ tiếp tục giảng Phúc Âm tại vùng đó (14:7).

14:7

Ở đó họ tiếp tục truyền giảng Phúc Âm: Đây cho thấy rằng họ có thể đi lại một cách tự do từ một nơi này đến nơi khác. Ở đây Bác Sĩ Lu-ca tóm tắt những gì hai sứ đồ tiếp tục làm trong vùng đó, và trong 14:8-18, Bác Sĩ Lu-ca cho ghi lại những biến cố xảy ra trong thành Lít-tra một cách chi tiết.

- 14:3c** **Chúa cho các sứ đồ thực hiện các dấu lạ và phép mầu để xác chứng cho Đạo ân sủng của Ngài.**
 Chúa Giê-su giúp các sứ đồ thực hiện nhiều phép lạ. Đó là cách để Ngài cho thấy cho [dân chúng] rằng sứ điệp [mà các sứ đồ giảng dạy] là sự thật.
 -HAY-
 Chúa Giê-su giúp các sứ đồ chữa lành rất nhiều người bệnh. Đó là cách để Ngài cho thấy cho [dân chúng] rằng sứ điệp [mà các sứ đồ giảng dạy] là sự thật.
- 14:4a** **Nhưng dân trong thành chia làm hai phe,**
 Dân chúng [là những người ở] trong thành không đồng ý với nhau [liên quan đến sứ điệp về Chúa Giê-su].
- 14:4b** **một phe theo người Do Thái,**
 Một số đồng ý với những người Do Thái [là những người không tin vào sứ điệp].
 -HAY-
 Một số tin [những gì] người Do Thái [nói về Phao-lô và Ba-na-ba nên tức giận các sứ đồ].
- 14:4c** **phế kia theo các sứ đồ.**
 Những người khác [đồng ý] với [hai] sứ đồ.
 -HAY-
 Những người khác tin [những gì] các sứ đồ [Phao-lô và Ba-na-ba giảng dạy].
- 14:5a** **Cả người ngoại quốc lẫn người Do Thái âm mưu với cấp lãnh đạo của họ**
 Rồi cả những người ngoại quốc và những người Do Thái [là những người chống đối Phao-lô và Ba-na-ba] với sự ủng hộ của những nhà lãnh đạo của họ đã mưu toan,
- 14:5b** **để ngược đãi và ném đá các sứ đồ.**
 tấn công và giết Phao-lô cùng Ba-na-ba [theo phong tục của họ] bằng cách ném đá.
- 14:6a** **Được tin này**
 Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba nghe tin đó,
- 14:6b** **hai ông liền lánh qua các thành Lít-tra và Đẹt-bơ thuộc Ly-cao-ni và miền phụ cận.**
 hai người liền lánh sang [thành] Lít-tra và Đẹt-bơ và những vùng phụ cận.
- 14:7** **Ở đó họ tiếp tục truyền giảng Phúc Âm.**
 [Trong khi hai người ở] vùng đó, họ tiếp tục giảng dạy dân chúng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].

Tiểu Đoạn Phụ 14:8-18 Sau khi Phao-lô chữa lành một người liệt chân, hai sứ đồ ngăn cản dân chúng không được thờ lạy hai người

Tiểu Đoạn Phụ này gồm có hai đơn vị như sau: Trong 14:8-10, Phao-lô chữa lành cho một người liệt chân. Trong 14:11-18, vì phép lạ đó, dân chúng tưởng Phao-lô và Ba-na-ba là những thần nên muốn giết những bò đực để thờ lạy các sứ đồ. Thực khó mà thuyết phục để dân chúng không làm như thế, nhưng cuối cùng hai sứ đồ đã cản được họ không làm điều đó.

14:8-10 Đức Chúa Trời giúp Phao-lô chữa lành một người liệt chân

14:8a-b

Tại Lít-tra, có một người liệt chân, từ lúc sơ sinh không bao giờ đi được: Đây giới thiệu địa điểm và một nhân vật mới trong câu chuyện. Bạn có thể bắt đầu đơn vị mới này với một nhóm từ thời gian như “một ngày kia” hay “có một người đàn ông.” Ngôn ngữ của bạn bắt đầu một đơn vị trong đó giới thiệu một nhân vật mới như thế nào?

Bác Sĩ Lu-ca ghi lại một cách chính xác “anh ta đang ngồi,” hàm ý rằng mỗi ngày anh vẫn ngồi theo một cách như thế. BDM chỉ dịch là *có một người*. Chữ trong tiếng Hy-lạp mà BDM dịch là *liệt chân*, dịch một cách chính xác là “không có sức lực.” Anh chưa bao giờ có thể đi được, vì từ khi được sinh ra hai chân của anh đã bị liệt. Bản văn cho thấy anh ta đang ngồi gần nơi dân chúng tập trung để nghe Phao-lô giảng dạy.

14:9a-b

Anh ngồi nghe Phao-lô giảng dạy. Phao-lô nhìn chăm mắt anh, thấy anh có đức tin có thể chữa lành được: Có lẽ người đàn ông cũng đang nhìn thẳng đến Phao-lô. Phao-lô nhận biết rằng người đàn ông tin sứ điệp về Chúa Giê-su và cũng tin rằng Chúa Giê-su sẽ chữa lành cho anh ta. Trong ngôn ngữ của bạn, nếu có một thành ngữ để diễn tả việc hai người đang nhìn nhau, bạn có thể dùng nó trong trường hợp này.

14:10a

liên lớn tiếng bảo: “Anh hãy đứng thẳng lên trên chân mình!”: Trong ngôn ngữ của bạn, *đứng* có thể hàm ý đứng bằng hai chân, nếu thế, bạn không cần nói đến “hai chân.”

Tuy nhiên, nếu trong ngôn ngữ của bạn nói “hãy đứng thẳng lên,” nghe được tự nhiên hơn thì hãy dịch như thế ở đây. CDN của PKTCCN có những từ ngữ thích hợp để dùng trước khi Phao-lô ra lệnh cho người liệt chân *đứng thẳng lên*. Trong ngôn ngữ của bạn, thông thường một người gọi một người chưa hề quen biết như thế nào, trong khi có rất nhiều người khác đang có mặt tại đó?

14:10b

Anh nhảy lên và bước đi: Động từ *nhảy lên* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “nhảy vọt lên không.” Hành động mạnh mẽ này cho thấy rằng những người đó hoàn toàn khoẻ mạnh. *Bước đi* hàm ý rằng kể từ lúc đó trở đi, người đàn ông có thể bước đi một cách bình thường.

14:11-18 Các sứ đồ ngăn cản dân chúng không được thờ lạy họ

14:11a

Đám đông dân chúng thấy việc Phao-lô làm: Có nhiều người đang nghe và đang thấy nhận thức ngay rằng Phao-lô đã chữa lành cho người liệt chân một cách siêu nhiên. Nếu cần phải làm cho bản dịch được rõ ràng, bạn có thể thêm những tin tức hàm ý rằng dân chúng đã tưởng lầm rằng Phao-lô và Ba-na-ba là những thần. Xem CDN của PKTCCN.

14:11b

liên reo lên bằng tiếng Ly-cao-ni: Động từ *liên reo* trong tiếng Hy-lạp hàm ý rằng dân chúng vô cùng phấn khởi bởi sự chữa lành này và có nhiều người la lên. Dân chúng ở Lít-tra có lẽ biết tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên, tiếng mẹ đẻ của họ là *Ly-cao-ni*, là tiếng họ

Tiểu Đoạn Phụ 14:8-18 Sau khi Phao-lô chữa lành một người liệt chân, hai sứ đồ ngăn cản dân chúng không được thờ lạy hai người

- 14:8a** **Tại Lít-tra, có một người liệt chân,**
[Một ngày kia] tại Lít-tra có một người liệt chân đang ngồi bên vệ đường, [gần nơi Phao-lô đang giảng dạy. Cũng có nhiều người khác tại đó đang nghe ông giảng].
-HAY-
[Có lần trong khi Phao-lô đang giảng dạy dân chúng] tại thành Lít-tra, cũng có một người đàn ông hai chân bị liệt ngồi tại đó.
- 14:8b** **từ lúc sơ sinh không bao giờ đi được.**
Khi [mẹ của anh] sinh anh ra, anh đã bị liệt hai chân, do đó anh chưa hề đi được.
-HAY-
Anh bị tật ngay từ lúc mới sanh, nên chưa hề đi được.
- 14:9a** **Anh ngồi nghe Phao-lô giảng dạy.**
Người đàn ông này nghe [sứ điệp] Phao-lô giảng [về Chúa Giê-su].
-HAY-
Người đàn ông này lắng nghe khi Phao-lô giảng [về Chúa Giê-su].
- 14:9b** **Phao-lô nhìn chăm mặt anh, thấy anh có đức tin có thể chữa lành được,**
Phao-lô nhìn thẳng vào mặt người đàn ông và thấy [vẽ mặt của người này cho thấy] rằng anh đã tin, [Chúa Giê-su] có thể chữa lành cho anh.
- 14:10a** **liền lớn tiếng bảo: “Anh hãy đứng thẳng lên trên chân mình!”**
[Do đó] Phao-lô gọi [người đàn ông]: “[Anh người đang ngồi ở đó,] hãy đứng dậy!”
-HAY-
[Do đó] ông gọi [người đàn ông]: “[Anh bạn ơi,] hãy đứng dậy!”
- 14:10b** **Anh nhảy lên và bước đi.**
[Khi người đàn ông nghe gọi,] anh đứng vùng dậy [ngay lập tức] và bắt đầu bước đi [một cách bình thường].
- 14:11a** **Đám đông dân chúng thấy việc Phao-lô làm**
Khi nhiều người thấy phép lạ này[, họ tưởng rằng Phao-lô và Ba-na-ba là hai vị thần của họ].
-HAY-
Khi đám đông dân chúng thấy người đàn ông được chữa lành[, họ nhầm tưởng rằng Phao-lô và Ba-na-ba là những vị thần họ đang thờ phượng].
- 14:11b** **liền reo lên bằng tiếng Ly-cao-ni:**
Do đó họ la lên [một cách thích thú] bằng ngôn ngữ [riêng] của Ly-cao-ni:
-HAY-
[Do đó, có nhiều người trong] đám dân chúng la lên bằng tiếng Ly-cao-ni, ngôn ngữ [riêng] của họ. Họ nói:

thường dùng, đặc biệt là trong trường hợp họ phần khởi thích thú.

14:11c

“Các thần linh đã hiện thân làm người, xuống thăm chúng ta!”: Ở đây bạn có thể cần thêm những gì mà theo ngôn ngữ của bạn cần, để cho thấy phần cuối của câu nói trực tiếp.

14:12

Họ gọi Ba-na-ba là Mộc Tinh và Phao-lô là Thủy Tinh vì ông hướng dẫn cuộc giảng luận: Trong các thần người Hy-lạp thờ, *Mộc Tinh* là vua và *Thủy Tinh* là thần đem tin tức đến cho Mộc Tinh và những thần khác. Trong CĐN của PKTCCN có ghi những tin tức được hàm ý. CĐN thứ hai của 14:12a và 14:12b, ghi lại những gì dân chúng nói với nhau bằng thể văn trực tiếp.

14:13a

Vị tế lễ của thần Mộc Tinh, có đền thờ ở ngay bên ngoài thành: Ý của câu này đã được rõ ràng, nhưng bạn cần cho thấy thêm chi tiết được hàm ý trong bản văn. Bạn có thể khai triển ý của *vị tế lễ Mộc Tinh* là “vị tế lễ là người trông coi miếu nơi dân chúng đến để thờ thần Mộc Tinh.” Bạn cũng nên nói thêm rằng vị trí của miếu này ở ngoài thành.

14:13b

dem nhiều bò đực và tràng hoa đến cổng thành: Ở đây bạn có thể nói rằng “vị tế lễ đến trước cổng thành, mang theo nhiều bò đực...” Trong bản Hy-lạp không cho biết ông đem đến bao nhiêu con bò đực, nhưng có lẽ là hai con, mỗi con cho một “thần” mà dân chúng muốn thờ lạy. Những tràng hoa có lẽ được đeo vào cổ của các con bò. Kinh Thánh không cho biết tràng hoa gồm có những gì. Nếu có một từ ngữ cho tràng hoa trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng từ ngữ đó và không cần phải nói gì thêm. Bản văn cũng hàm ý rằng những người thấy việc Phao-lô chữa lành người liệt chân cũng kéo nhau đến trước cổng thành. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể cần ghi hàm ý này.

14:13c

định cùng với dân chúng dâng tế lễ cho các sứ đồ: Trong bản Hy-lạp nhóm từ này nói rõ rằng vị tế lễ là người có ý định giết những bò đực để cúng Phao-lô và Ba-na-ba. Dĩ nhiên, dân chúng cũng muốn ông làm như thế và họ cũng chuẩn bị tham gia dự lễ để thờ lạy hai sứ đồ.

14:14a

Nghe tin, hai sứ đồ Ba-na-ba và Phao-lô: Thứ tự của tên hai sứ đồ, *Ba-na-ba* và *Phao-lô*, cần được sắp xếp như ở đây, vì có lẽ nó trình bày thứ tự của các thần Mộc Tinh và Thủy Tinh. Thực ra, hai sứ đồ không thể hiểu được ngôn ngữ của dân chúng đang dùng, nhưng có người đã giải thích cho hai sứ đồ việc dân chúng đang làm.

14:14b

liền xé áo mình, xông vào giữa đám đông, lớn tiếng kêu gọi: Theo phong tục của người Do Thái, người ta xé quần áo của họ để cho thấy thái độ khi họ vô cùng phiền muộn hay không hài lòng. Ở đây hai sứ đồ cho thấy họ vô cùng không đồng ý về những việc dân chúng sắp làm. Nhóm từ *xông vào giữa đám đông* có thể cho thấy rằng hai sứ đồ lúc này đang ở ngoài không ở trong giữa đám đông. Khi Ba-na-ba và Phao-lô biết được việc dân chúng định làm, lập tức hai người chạy vào giữa đám đông.

14:15a

Thưa quý vị, tại sao lại làm như vậy?: Thực ra Phao-lô và Ba-na-ba không đưa ra một câu hỏi. Trong ngôn ngữ của họ, đây là một cách để khiển trách dân chúng. Các sứ đồ không muốn dân chúng dâng tế lễ cho hai người. Ý nghĩa của câu hỏi ở đây là “quý vị không nên làm điều đó!” hay “hãy dừng lại, đừng làm điều đó!” Bạn có thể dịch câu này như một câu hỏi hay như một lời khiển trách. Xem CĐN của PKTCCN.

14:15b

Chúng tôi cũng là người như quý vị mà thôi: Có thể bạn nên cần thêm: “Chúng tôi không phải là các thần.”

- 14:11c** “Các thần linh đã hiện thân làm người, xuống thăm chúng ta!”
 “[Kìa! Những người này chắc hẳn là] các thần [mà chúng ta thờ phượng. Họ] tự làm cho mình giống như con người [và] đã đến [từ trời để giúp đỡ chúng ta]!”
- 14:12** **Họ gọi Ba-na-ba là Mộc Tinh và Phao-lô là Thủy Tinh vì ông hướng dẫn cuộc giảng luận.**
 Những người này bắt đầu nói rằng Ba-na-ba [có lẽ là thầy cả của thần có tên] là Mộc Tinh và Phao-lô là thần Thủy Tinh [, là xướng ngôn viên cho các thần. Họ nghĩ như vậy], vì Phao-lô là người đang giảng luận.
 -HAY-
 Những người này nói: “Ba-na-ba chắc phải là [thầy cả của các thần,] Mộc Tinh và Phao-lô chắc phải là thần Thủy Tinh [là đại diện cho các thần], vì ông là người đã giảng thuyết.” [Đó là những gì dân chúng bàn luận với nhau.]
- 14:13a** **Vị tế lễ của thần Mộc Tinh, có đền thờ ở ngay bên ngoài thành,**
 Ngay phía bên ngoài [cổng của] thành [có] một miếu [nơi dân chúng địa phương thờ cúng thần có tên là] Mộc Tinh. Thầy tế lễ tại miếu này [nghe những việc Phao-lô và Ba-na-ba đã làm],
- 14:13b** **đem nhiều bò đực và tràng hoa đến cổng thành,**
 [do đó ông] đến trước cổng [của thành nơi có nhiều người đang tụ tập.] Ông đem theo các con bò đực với những tràng [hoa được đeo chung quanh cổ của chúng].
- 14:13c** **định cùng với dân chúng dâng tế lễ cho các sứ đồ.**
 Thầy tế lễ và [cả] dân chúng muốn giết những con bò đực để [dâng một tế lễ] thờ phượng Phao-lô và Ba-na-ba.
- 14:14a** **Nghe tin, hai sứ đồ Ba-na-ba và Phao-lô**
 Cuối cùng Ba-na-ba và Phao-lô biết dân chúng [tưởng lầm hai người là những thần và họ muốn giết những bò đực để dâng tế lễ để thờ lạy hai người].
- 14:14b** **liền xé áo mình, xông vào giữa đám đông, lớn tiếng kêu gọi:**
 [Vì thế hai người chống đối mạnh mẽ bằng cách] xé rách quần áo của họ, [và] chen vào đứng giữa đám đông, nói thật lớn tiếng:
 -HAY-
 [Phao-lô và Ba-na-ba cho thấy sự bực bội của họ bằng cách] xé rách quần áo và chạy vào giữa đám đông và la lớn tiếng:
- 14:15a** **“Thưa quý vị, tại sao lại làm như vậy?**
 “Các anh em ơi, các anh em không được giết những bò đực này [để thờ lạy chúng tôi].
 -HAY-
 “Quý vị ơi, đừng giết những bò đực này [để tôn vinh chúng tôi].
- 14:15b** **Chúng tôi cũng là người như quý vị mà thôi,**
 [Chúng tôi không phải là những thần.] Chúng tôi chỉ là những con người như các anh.
 -HAY-
 [Đừng làm những điều đó, vì] chúng tôi chỉ là những con người như quý vị.

14:15c

chỉ truyền giảng Phúc Âm: Theo tiếng Hy-lạp, nhóm từ này có nghĩa đen là “chúng tôi công bố Phúc Âm [cho] quý vị.” Trong bản dịch tiếng Hy-lạp không có từ *Phúc Âm* nhưng được hàm ý qua động từ truyền giảng. BDM thêm từ *Phúc Âm* vào để cho rõ ý. Bạn cũng nên nói rõ điều này theo một cách tổng quát: “tin lành từ Đức Chúa Trời.” Xem CĐN của PKTCCN. 14:15c và phần còn lại của câu 15 chứa đựng những tin tức quan trọng nên bạn có thể cần dịch thành vài ba câu.

14:15d

để quý vị lia bỏ những việc hư không này mà quay về với Đức Chúa Trời Hằng Sống: Động từ *lia bỏ* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là thôi không làm việc này và bắt đầu làm một việc khác.

những việc hư không: Theo tiếng Hy-lạp *những việc* có thể chỉ về những sự việc và cũng chỉ về hành động nữa. *Hư không* được dịch sang từ một từ ngữ Hy-lạp “không có giá trị” hay “điều đó chẳng giúp được gì cho ai.” Những *việc* mà Ba-na-ba và Phao-lô khuyên dân chúng tại Lit-tra lia bỏ là việc họ thờ phượng các thần giả dối không có thật. Tự hỏi bạn những câu này có thể giúp bạn tìm cách để dịch được tự nhiên: Nếu có những Cơ-đốc nhân nói ngôn ngữ của bạn, họ diễn tả về Chân Thần như thế nào? Làm thế nào họ có thể phân biệt được giữa chân Thần và thần mà những người không phải là Cơ-đốc nhân thờ phượng?

Trong một vài ngôn ngữ chữ “sống” còn có nghĩa là “hiện hữu.” Như thế bạn có thể dịch *Đức Chúa Trời Hằng Sống* như “Đức Chúa Trời thực sự đang hiện hữu.”

14:15đ

là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển và vạn vật trong đó: Trong mệnh đề này Phao-lô kể ra những điều mà nó có thể giúp cho việc nhận diện được chân Thần. Khi Phao-lô diễn tả Đức Chúa Trời theo cách này, cho thấy rằng ông nhận biết thánh giả của ông tin có thần thánh. Nhưng ông nói rằng chỉ có một chân Thần hay “Thần đang hiện hữu.” Đức

Chúa Trời đã tạo dựng nên vũ trụ. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể kể ra một vài sự việc mà con người có thể nhìn thấy chung quanh, thay vì dịch *vạn vật trong đó* một cách chi tiết. Xem CĐN của PKTCCN.

14:16

Trong các đời trước, Ngài đã để cho tất cả các dân tộc đi theo đường lối của mình: Các chữ *các dân tộc* mang ý nghĩa đặc biệt chỉ về “những nhóm người không phải là dân Do Thái,” vì Đức Chúa Trời đã cho thấy chính Ngài cho dân Do Thái. Phao-lô là một người Do Thái đang nói chuyện với những người không phải gốc Do Thái. Do đó, bạn có thể cần nói: “Ngài đã để cho tất cả các anh em những người không phải là dân Do Thái...” Điều đó cho thấy rõ ràng rằng những gì ông nói về Đức Chúa Trời áp dụng cho thánh giả của ông.

đi theo đường lối của mình: Mệnh đề này có nghĩa là những người không phải là dân Do Thái đã tin và thờ lạy rất nhiều thần và những thần đó không phải là chân Thần.

14:17a

Tuy nhiên, không phải Chúa không để lại các bằng chứng cho Ngài đâu: Hai từ phủ định đi đôi, *không phải . . . không*, là một lối nói ẩn dụ trong tiếng Hy-lạp. Ở đây có nghĩa là “Ngài thật sự để lại những bằng chứng.” Những người dịch đã dịch ý này một cách tích cực như “luôn luôn”: “Nhưng Ngài luôn luôn để lại những bằng chứng của Ngài bằng những việc tốt lành Ngài thực hiện.” Trong ngôn ngữ của bạn có một chữ hay một nhóm chữ để diễn tả chữ “bằng chứng” không? Bạn có thể thay thế bằng một câu nói giống như trong CĐN của PKTCCN. Phao-lô có lẽ nói gần như đầy đủ hơn trong La-mã 1:19-20a đó là những gì con người nhìn thấy chung quanh họ, chứng tỏ rằng có một Đức Chúa Trời quyền năng và khôn ngoan đã tạo dựng ra những vật đó.

14:17b

Ngài tỏ lòng nhân ái cho mưa đổ xuống từ trời, cho mùa màng hoa quả: Trong ngôn ngữ của bạn có chữ để dịch chữ *nhân ái*

14:15c	<p>chỉ truyền giảng Phúc Âm Chúng tôi đến để nói cho quý vị về tin tức tốt lành của Đức Chúa Trời,</p>
14:15d	<p>để quý vị lia bỏ những việc hư không này mà quay về với Đức Chúa Trời Hằng Sống, để quý vị sẽ không thờ phượng các thần [không hề có] chẳng có thể giúp quý vị. Quý vị nên bắt đầu thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng sống [Đấng có thể giúp đỡ quý vị]. -HAY- quý vị đừng thờ lạy các thần tượng nữa, [vì những thần đó không hề có] nên chẳng có thể giúp gì cho quý vị. Hãy trở lại thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng có thực và đang hiện hữu.</p>
14:15đ	<p>là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển và vạn vật trong đó. Đức Chúa Trời [là Đấng hiện hữu, và Ngài] tạo dựng nên cả vũ trụ, loài người, vạn vật và cây cỏ ở trong đó. -HAY- Ngài [là Đức Chúa Trời, Đấng] đã tạo dựng nên vũ trụ và mọi vật trong đó. [Ngài đã tạo nên đất, biển, bầu trời và tất cả chúng ta.]</p>
14:16	<p>Trong các đời trước, Ngài đã để cho tất cả các dân tộc đi theo đường lối của mình. Trong [những năm] đã qua, tất cả các anh em, những người không phải gốc Do Thái đã thờ phượng bất cứ một thần nào các anh em muốn thờ phượng. Đức Chúa Trời để các anh em thờ phượng các thần hư không đó[, vì các anh em không biết Ngài].</p>
14:17a	<p>Tuy nhiên, không phải Chúa không để lại các bằng chứng cho Ngài đâu: [Mặc dù các anh em không biết Ngài,] Ngài cũng đã cho thấy cho con người [rằng Ngài là Đấng ban cho tất cả chúng ta mọi sự tốt lành]. -HAY- [Mặc dù các anh em biết ai là Chân Thân,] Ngài đã cho thấy cho tất cả [chúng ta rằng Ngài là Đấng đã tạo ra vũ trụ, và Ngài có đầy quyền năng].</p>
14:17b	<p>Ngài tỏ lòng nhân ái cho mưa đổ xuống từ trời, cho mùa màng hoa quả, Ngài là Đấng làm cho mưa xuống để các hạt giống mọc lên và làm cho hoa quả chín. -HAY- Ngài đã làm cho các anh em những việc tốt lành, Ngài làm cho mưa xuống, cây cối ra bông trái đúng kỳ hạn.</p>

không? Bạn có thể thay thế bằng một mệnh đề, chẳng hạn như “Ngài ban phước cho các

anh em.” Khi dịch chữ *meta*, có thể bạn không cần nói các chữ “từ trời.”

14:17c

thực phẩm dồi dào và cho lòng chúng ta đầy đầy vui mừng: Có thể bạn cần dịch, *cho lòng chúng ta đầy đầy vui mừng*, như “Ngài ... làm cho các anh em có đầy đủ thực phẩm và vui mừng.” Có lẽ Phao-lô là xướng ngôn viên, và có thể bạn cần cho thấy đây là phần chót của bài giảng trong lúc đó.

14:18

Nói đến thế mà các sứ đồ cũng phải chặt vật lăm mới can ngăn được dân chúng dâng tế lễ cho mình: Trong bản dịch của bạn, bạn nên dịch cho rõ rằng mặc dù rất khó khăn, các sứ đồ đã ngăn được dân chúng giết những bò đực để dâng cúng các sứ đồ.

Tiểu Đoạn Phụ 14:19-20b Có một số người Do Thái xúi giục dân chúng ném đá Phao-lô tại thành Lít-tra

Trong Tiểu Đoạn Phụ ngắn này, những người Do Thái đã đến từ An-ti-ốt Bi-si-đi và cũng từ Y-cô-ni chỉ để ném đá Phao-lô. Tuy nhiên, Phao-lô đã thoát chết một cách lạ lùng. Mặc dù Bác Sĩ Lu-ca không ghi lại thời gian của câu chuyện, nhưng diễn biến của sự việc trong Tiểu Đoạn Phụ này hẳn nhiên đã xảy ra vào một lúc nào đó sau khi Phao-lô đã chữa lành người liệt chân. Khi những người Do Thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni đến, thì đã có một số người ở Lít-tra đã trở thành tín hữu Chúa Giê-su. Đây hàm ý rằng Phao-lô và Ba-na-ba đã ở lại Lít-tra thêm vài ba ngày nữa và tiếp tục dạy dỗ dân chúng về Đức Chúa Trời và về Chúa Giê-su.

14:19a

Bấy giờ có mấy người Do Thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni đến, sách động dân chúng: Theo bản văn, ở đây không nói rõ rằng những người Do Thái gây nên sự chống đối này đã từ An-ti-ốt và Y-cô-ni đến Lít-tra sau khi những sự việc ghi trong 14:8-18 xảy ra. Nhưng thực ra sau những việc đó Phao-lô và Ba-na-ba đã lưu lại Lít-tra và giảng dạy sứ điệp về Chúa Giê-su, vì trong 14:20 chữ “môn đệ” được nhắc đến. Có lẽ những người Do Thái ở An-ti-ốt và Y-cô-ni nghe tin dân chúng ở Lít-tra tin sứ điệp các sứ đồ giảng. Cho nên những người Do Thái này trở nên ghen tức và ghét các sứ đồ. Như thế bạn có thể đổi *bấy giờ* thành “một thời gian ngắn sau đó.”

Từ ngữ *sách động* có nghĩa là những người Do Thái này thuyết phục dân chúng ở Lít-tra chống đối và đàn áp Phao-lô. *Dân chúng*, chỉ về một số đông dân chúng tại Lít-tra.

14:19b

ném đá Phao-lô: Ném đá là cách người Do Thái hành xử một tội nhân. Tuy nhiên, những người ở Lít-tra ít ra cũng đã cho phép những người Do Thái này ném những hòn đá

lớn vào Phao-lô để giết ông, và có lẽ họ cũng làm như thế.

14:19c

tưởng ông đã chết, nên kéo xác bỏ ra bên ngoài thành: Có lẽ “những người Do Thái” là chủ từ của câu *tưởng ông đã chết, nên kéo xác bỏ ra bên ngoài thành*. Bản văn không nói rõ là Phao-lô đã bị thương tích như thế nào. Tuy nhiên, nó hàm ý rằng ông đã ngất xỉu, vì thế những người ném đá ông cho rằng ông đã chết nên họ kéo ông ra ngoài thành. Nếu cần nói rõ họ đã kéo ông như thế nào, bạn có thể nói họ nắm chân hoặc tay lồi ông trên mặt đất.

xác: Trong tiếng Hy-lạp nói giống như thế này “nên kéo ông bỏ ra...” Để dùng chữ *xác* (của Phao-lô), giống như BDM dùng, hàm ý rằng Phao-lô đã chết, nhưng trong bản Hy-lạp không nói như thế, chỉ nói rằng những người Do Thái tưởng Phao-lô đã chết.

14:20a

Nhưng trong khi các môn đệ Chúa xúm quanh: Thực ra, có một vài Cơ-đốc nhân có mặt tại chỗ khi Phao-lô bị ném đá. Những tín hữu này có lẽ cũng đã đi theo các người lồi Phao-lô ra khỏi thành. Phao-lô bị lồi ra

14:17c thực phẩm dồi dào và cho lòng chúng ta đầy dẫy vui mừng.”
[Ngài thật rộng lượng khoan dung.] Ngài ban cho các anh em dư thừa thực phẩm [để ăn], và Ngài ban cho các anh em sức lực và sự vui mừng.” [Đó là những gì Phao-lô nói với những người đang có mặt tại đó.]

14:18 Nói đến thế mà các sứ đồ cũng phải chật vật lắm mới can ngăn được dân chúng dâng tế lễ cho mình.
Dân chúng nghe những gì [Phao-lô] đã nói, nhưng họ nghĩ rằng họ nên giết [các] con bò đực này để cúng Phao-lô và Ba-na-ba. [Nhưng cuối cùng, dân chúng quyết định không giết các con bò đực đó.]

Tiểu đoạn phụ 14:19-20b Có một số người Do Thái xúi giục dân chúng ném đá Phao-lô tại thành Lít-tra

14:19a Bảy giờ có mấy người Do Thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni đến, sách động dân chúng
[Tuy nhiên,] sau những việc này, có một số người Do Thái đến từ An-ti-ốt và Y-cô-ni và thuyết phục nhiều người ở Lít-tra rằng sứ điệp [Phao-lô rao giảng cho họ] không phải là sự thật.

14:19b ném đá Phao-lô,
Dân chúng [những người tin lời của người Do Thái nói nên căm giận Phao-lô. Họ để cho những người Do Thái] tiếp tục ném những hòn đá lớn vào người Phao-lô cho đến khi ông té xuống và ngất xỉu].

14:19c tưởng ông đã chết, nên kéo xác bỏ ra bên ngoài thành.
Họ [tất cả] tưởng ông đã chết, [do đó] họ kéo ông ra ngoài thành [và bỏ ông tại đó. Nhưng có một số tín hữu Lít-tra đi theo ông ra ngoài thành].

14:20a Nhưng trong khi các môn đệ Chúa xúm quanh,
Nhưng các tín hữu đến và đứng vòng quanh[, nơi ông đang nằm].

14:20b Phao-lô vùng dậy, đi vào thành.
Phao-lô [thực ra đã tỉnh lại! và sau đó ông] đứng dậy và đi vào thành [cùng với những tín hữu khác].

khỏi thành khi ông bất tỉnh. Có lẽ các tín hữu đó đang đứng bên cạnh Phao-lô, và chắc cũng là việc tự nhiên để họ cầu nguyện Đức Chúa Trời cứu Phao-lô. (Xem Công Vụ 9:40-42.) Tuy nhiên, bạn không nên ghi những chi tiết này vào bản dịch của bạn.

những tín hữu đứng chung quanh ông. Đức Chúa Trời đã chữa lành những thương tích nặng nề cho ông một cách lạ lùng, hay có lẽ, Đức Chúa Trời đã khiến ông sống lại. Trong 2 Ti-mô-thê 3:11, Phao-lô nhắc lại rằng ông chịu đau đớn nặng nề tại Lít-tra.

14:20b

Phao-lô vùng dậy, đi vào thành: Bản văn hàm ý rằng Phao-lô đứng dậy và cùng đi với

Tiểu Đoạn 14:20c-23 Các sứ đồ trở lại thăm các tín hữu và đề cử những người lãnh đạo hội thánh

Trong Tiểu Đoạn này, Phao-lô và Ba-na-ba di chuyển đến Đẹt-bơ, ở đó hai sứ đồ đã giúp cho nhiều người trở thành Cơ-đốc nhân. Sau đó hai sứ đồ trở lại thăm các tín hữu tại Lít-tra, Y-cô-ni và An-ti-ốt Bi-si-đi. Ở tại mỗi nơi các sứ đồ đề cử những người lãnh đạo, giao phó họ và những tín hữu khác cho Chúa Giê-su, cầu xin Chúa chăm sóc họ. Sau đó, các sứ đồ đi đến giảng đạo Chúa tại Bẹt-ga, và đi đến hải cảng A-ta-li.

14:20c

Hôm sau, ông cùng đi với Ba-na-ba qua Đẹt-bơ: Đây thêm những bằng chứng Đức Chúa Trời hoàn toàn chữa lành cho Phao-lô. Ngay hôm sau Phao-lô và Ba-na-ba rời Lít-tra và bắt đầu trên đường đi đến Đẹt-bơ. Đẹt-bơ cách Lít-tra độ 97 cây số.

14:21a-b

Họ truyền bá Phúc Âm trong thành ấy khiến nhiều người tin Chúa: Phao-lô và Ba-na-ba ở lại Đẹt-bơ đôi ngày và hai người có đủ thì giờ để giúp nhiều người tin Chúa Giê-su. Khi dịch câu này, bạn nên nói “một thời gian ngắn” hay “vài ba ngày” cho thời gian hai người ở tại Đẹt-bơ.

14:21c

Rồi quay lại Lít-tra, Y-cô-ni và An-ti-ốt: Đây là cuộc hành trình khá xa, có lẽ hai người dừng lại vài ngày ở mỗi thành phố. Bác Sĩ Lu-ca ghi lại một cách ngắn gọn, nhưng bạn có thể khai triển ra, giống như trong CĐN của PKTCCN. Lít-tra và Y-cô-ni thuộc vùng Ly-cao-ni, và An-ti-ốt ở gần vùng Bi-si-đi. Tất cả đều nằm trong tỉnh La-mã thuộc xứ Ga-la-ti.

14:22a

các sứ đồ củng cố tinh thần các môn đệ, khích lệ họ bền lòng tin Chúa mà rằng: Có lẽ Phao-lô và Ba-na-ba làm điều này bằng cách giảng dạy lời Chúa cho các tín hữu và khuyến khích họ tiếp tục tin sứ điệp về Chúa Giê-su và tiếp tục tin cậy nơi Ngài.

14:22b-c

Chúng ta phải trải qua nhiều hoạn nạn: Câu nói này có nghĩa là chắc chắn rằng tín

hữu khi còn sống ở thế gian sẽ thường bị bắt bớ và bị chống đối bởi những người không tin Chúa Giê-su. Trong bản dịch của bạn không nên để tín hữu hiểu lầm rằng Đức Chúa Trời cứu họ vì sự hoạn nạn họ gánh chịu. Mặc dù BDM không dùng dấu ngoặc kép (“...”) ở đây, bạn có thể thêm vào để xác nhận đây là những gì các sứ đồ đã nói.

mới vào được Nước Đức Chúa Trời: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ đây nói về tương lai, khi Đức Chúa Trời trị vì trên tất cả tín hữu trong cõi đời đời. Điều này có thể bắt đầu khi một tín hữu qua đời về với Chúa hay khi Chúa Giê-su trở lại thế gian. Tuy nhiên, bạn không cần phải kể chi tiết trong bản dịch của bạn. Xem CĐN của PKTCCN cho câu 14:22b và 14:22c.

Trong bản Hy-lạp, đây là câu nói gián tiếp. Trong bản dịch của bạn, nếu cả hai gián tiếp và trực tiếp đều được dùng, bạn có thể dùng một trong hai cách miễn là được thích hợp và tự nhiên.

14:23a

Sau khi cử các trưởng lão trong mỗi hội thánh: Từ trong những nhóm tín hữu Phao-lô và Ba-na-ba chọn ra những người lãnh đạo. Người ta gọi những người lãnh đạo hội thánh là *trưởng lão*, và những người này có lẽ dạy dỗ, khuyên bảo và giúp đỡ những tín hữu khác bằng nhiều cách khác nhau. Các chữ *trưởng lão* và *hội thánh* cho thấy các tín hữu ở những nơi đó đã thành lập thành những cộng đồng Cơ-đốc hay giáo đoàn.

Tiểu Đoạn 14:20c-23 Các sứ đồ trở lại thăm các tín hữu và đề cử những người lãnh đạo

- 14:20c** **Hôm sau, ông cùng đi với Ba-na-ba qua Đẹt-bơ.**
Ngày hôm sau, Phao-lô và Ba-na-ba [rời thành Lít-tra] để đi đến [thành] Đẹt-bơ.
- 14:21a** **Họ truyền bá Phúc Âm trong thành ấy,**
Họ [ở lại một vài ngày] tại Đẹt-bơ [và cứ tiếp tục] giảng cho dân chúng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su].
- 14:21b** **khiến nhiều người tin Chúa.**
Có rất nhiều người trở thành tín hữu của Chúa Giê-su.
- 14:21c** **Rồi quay lại Lít-tra, Y-cô-ni và An-ti-ốt,**
Sau đó, Phao-lô và Ba-na-ba [bắt đầu quay trở lại. Hai người] trở lại thăm Lít-tra, [rời từ đó họ đi đến] Y-cô-ni, và [sau đó trở về] An-ti-ốt.
- 14:22a** **các sứ đồ củng cố tinh thần các môn đệ, khích lệ họ bền lòng tin Chúa mà rành:**
[Trong mỗi thành,] họ họp lại với các tín hữu [và cũng] dạy các tín hữu [lời của Đức Chúa Trời,] và hai người bảo các tín hữu giữ sự trông cậy trong [Chúa Giê-su].
- 14:22b** **“Chúng ta phải trải qua nhiều hoạn nạn**
(I) Hai người bảo [các tín hữu]: “Chúng ta [những người đã tin cậy vào Chúa Giê-su] chắc chắn [sẽ gặp] hoạn nạn [trong đời này, bởi vì dân chúng sẽ bắt bớ chúng ta]
-HAY-
(II) Hai người bảo [các tín hữu rằng dân chúng] chắc chắn sẽ giết hại những người đã tin [vào Chúa Giê-su]
- 14:22c** **mới vào được Nước Đức Chúa Trời.”**
(I) trước khi Đức Chúa Trời sẽ trị vì [trên chúng ta mãi mãi].”
-HAY-
(II) trước khi Đức Chúa Trời sẽ cai trị [trên họ mãi mãi].
- 14:23a** **Sau khi cử các trưởng lão trong mỗi hội thánh,**
Phao-lô và Ba-na-ba đề cử những nhà lãnh đạo cho mỗi [nhóm tín hữu của] hội thánh,
-HAY-
Phao-lô và Ba-na-ba chọn những tín hữu trong mỗi nhà thờ và bảo họ rằng, họ nên chăm sóc và khuyến khích những tín hữu khác,

14:23b-c

câu nguyện và kiêng ăn, hai sứ đồ giao thác các tín hữu cho Chúa, là Đáng họ đã tin: BDM dựa sát theo văn phạm trong tiếng Hy-lạp đến độ có thể gây sự khó hiểu. Sau khi Phao-lô và Ba-na-ba chọn người lãnh đạo cho mỗi hội thánh, rồi phó thác hội thánh cho Đức Chúa Trời. Bác Sĩ Lu-ca dùng nhóm từ *câu nguyện và kiêng ăn* để diễn tả thể nào Phao-lô và Ba-na-ba đã phó thác những trưởng lão này cho Chúa. Có lẽ các tín hữu khác cũng đồng câu nguyện và kiêng ăn như Phao-lô và Ba-na-ba. *Chúa ở đây* nói về Chúa Giê-su.

giao thác: Những gì Phao-lô và Ba-na-ba đã làm có thể là sự bắt đầu cho lễ “phong chức.” BDM dùng từ *giao thác* để cho thấy trường hợp ở đây nhưng trong bản Hy-lạp không dùng chữ này. “Phó thác” có lẽ sát

với ý mà Bác Sĩ Lu-ca dùng ở đây hơn. BDY dùng từ “ủy thác” mang ý nghĩa rằng xin Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho những người lãnh đạo. Mặc dù đây hàm ý trong bản Hy-lạp cho thấy ý của Phao-lô và Ba-na-ba câu nguyện và kiêng ăn để xin Đức Chúa Trời chăm sóc những người lãnh đạo mới này.

Cách cấu tạo của câu 23 trong tiếng Hy-lạp chỉ nói đến những trưởng lão mà Phao-lô và Ba-na-ba đã chọn. (Đó là, Phao-lô và Ba-na-ba chỉ phó thác cho Chúa những trưởng lão mà họ đã chọn.) Tuy nhiên, có lẽ tất cả các tín hữu đều họp lại cùng Phao-lô và Ba-na-ba trong khi các trưởng lão được chọn. Mặc dù hai sứ đồ câu nguyện đặc biệt cho những trưởng lão được chọn, nhưng chắc chắn hai người cũng xin Chúa chăm sóc các tín hữu khác nữa.

Tiểu Đoạn 14: 24-28 Phao-lô và Ba-na-ba báo cáo cho các tín hữu ở An-ti-ốt Sy-ri

Trong Tiểu Đoạn này, Phao-lô và Ba-na-ba trở lại các xứ Bi-si-đi và Bam-phi-li, và dùng lại giảng đạo Chúa cho dân chúng tại Bẹt-ga. Sau đó hai sứ đồ đến hải cảng A-ta-li và xuống tàu thủy đi An-ti-ốt thuộc tỉnh Sy-ri. Tại đây hai sứ đồ báo cáo những việc do Đức Chúa Trời giúp đỡ họ thực hiện trong công tác mà hội thánh đã giao phó cho họ. Đặc biệt hơn nữa là Đức Chúa Trời đã cảm động lòng nhiều người ngoại quốc tin nhận Chúa Giê-su.

14:24

Vượt qua Bi-si-đi, đến xứ Bam-phi-li: *Bi-si-đi* là một xứ ở vùng cao nguyên nằm về hướng tây bắc của xứ *Bam-phi-li*, và ranh giới phía nam của *Bam-phi-li* chạy dọc theo bờ biển.

14:25a-b

họ giảng Đạo Chúa ở Bẹt-ga, rồi xuống hải cảng A-ta-li đáp tàu đi An-ti-ốt: *Đạo Chúa ở đây* nói về sứ điệp từ Đức Chúa Trời nói về Chúa Giê-su. *Bẹt-ga* là thành phố chính của xứ *Bam-phi-li* và bên cạnh đó là hải cảng *A-ta-li*. Đại danh từ *họ* chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba. Trong bản Hy-lạp hàm ý rằng đây là phần cuối của câu này, do đó hầu hết các bản dịch chấm dứt câu tại điểm này.

14:26

Đây chính là nơi họ từng được ủy nhiệm cho ăn sủng của Đức Chúa Trời để thực hiện các công tác vừa mới làm xong: Câu này gồm có ba bằng chứng do đó bạn có thể dịch thành 3 câu hay nhiều hơn:

1. Các sứ đồ di chuyển bằng tàu thủy từ *A-ta-li* đến *An-ti-ốt* thuộc xứ Sy-ri.
2. Chính hội thánh tại *An-ti-ốt* đã đề cử Phao-lô và Ba-na-ba đi truyền giáo. Các tín hữu ở đó cũng cầu nguyện xin Đức Chúa Trời chăm sóc và thêm sức cho hai người.
3. Hai sứ đồ hoàn tất sứ mạng một cách thành công và trở lại *An-ti-ốt* nơi họ đã bắt đầu.

CĐN của PKTCCN trình bày những tin tức này thành ba phần 14:26a, 14:26b và 14:26c.

14:23b **cầu nguyện và kiêng ăn, hai sứ đồ giao thác các tín hữu cho Chúa,**
 [Trước khi rời khỏi mỗi thành, họ nhóm họp các tín hữu lại với nhau và dùng thì giờ để cầu nguyện. [Trong thời gian đó các nhóm tín hữu] kiêng ăn uỷ thác [những người lãnh đạo và các tín hữu khác] cho Chúa [Giê-su].

14:23c **là Đấng họ đã tin.**
 [Chúa Giê-su] là Đấng họ đã tin cậy [để Ngài sẽ chăm sóc họ].
 -HAY-
 Phao-lô và Ba-na-ba cầu xin Chúa [Giê-su] giúp các tín hữu giữ sự trung tín và xin Ngài bảo vệ họ, [bởi vì] các tín hữu đã tin cậy nơi Ngài.

Tiểu Đoạn 14:24-28 Phao-lô và Ba-na-ba báo cáo cho các tín hữu ở An-ti-ốt Sy-ri

14:24 **Vượt qua Bi-si-đi, đến xứ Bam-phi-li,**
 Sau khi Phao-lô và Ba-na-ba đã đi qua [vùng thuộc] Bi-si-đi, họ đi về hướng [nam] đến [vùng thuộc] Bam-phi-li.

14:25a **họ giảng Đạo Chúa ở Bết-ga,**
 [Tại vùng đó,] họ [đến thành] Bết-ga [và] giảng đạo Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su cho dân chúng tại đó].

14:25b **rời xuống hải cảng A-ta-li**
 [Sau đó,] họ đi xuống [vùng biển] đến [một thành có tên] A-ta-li.

14:25c **đáp tàu đi An-ti-ốt.**
 Tại A-ta-li họ đáp tàu thuỷ và đi [vượt biển để] trở lại An-ti-ốt [một thành thuộc tỉnh Sy-ri. Do đó họ trở lại nơi họ đã bắt đầu].

14:26a **Đây chính là nơi họ từng được ủy nhiệm cho ân sủng của Đức Chúa Trời**
 [Các tín hữu] tại An-ti-ốt [là những người] đã đề cử Phao-lô và Ba-na-ba đi [đến những nơi khác] và giảng Phúc Âm. Họ đã cầu xin Đức Chúa Trời gìn giữ và ban phước cho Phao-lô và Ba-na-ba.

14:26a
được ủy nhiệm cho ân sủng của Đức Chúa Trời: Có thể bạn cần dịch câu này như một câu nói có một động từ làm chủ. Ví dụ, bạn

có thể dịch: “các tín hữu [ở An-ti-ốt] đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời gìn giữ và giúp đỡ hai sứ đồ.”

14:26b

để thực hiện các công tác vừa mới làm xong: Các tín hữu tại An-ti-ốt đã gửi hai sứ đồ đi ra rao giảng sứ điệp về Chúa Giê-su, Phao-lô và Ba-na-ba đã trở lại khi vừa thi hành xong công tác đó. Có lẽ họ đã đi độ năm bảy tháng. Đây là lúc họ trở về “hội thánh mẹ.” Thông thường trong ngôn ngữ bạn sẽ kể lại câu chuyện này như thế nào?

14:27a

Về đến nơi, họ triệu tập hội thánh: Sau khi Phao-lô và Ba-na-ba về đến An-ti-ốt, có lẽ họ yêu cầu những người lãnh đạo hội thánh thông báo cho tất cả các tín hữu ở đó rằng hai sứ đồ muốn các tín hữu tụ họp lại để nghe báo cáo của họ. Bạn có thể dịch phần này thành lời nói trực tiếp như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

14:27b

báo cáo mọi việc Đức Chúa Trời đã cùng làm với mình: Nếu theo phong tục của bạn người ta muốn nghe lại câu chuyện một cách chi tiết, có thể bạn sẽ thích dùng một số trong những sự việc quan trọng đã được ghi lại trong chương này như sau:

Khi các tín hữu đã tụ tập lại, Phao-lô và Ba-na-ba nói: “Đức Chúa Trời đã giúp chúng tôi chữa lành người bệnh, giảng cho rất nhiều người, và cũng giúp rất nhiều người tin Chúa Giê-su.”

Ngược lại, nếu người nói ngôn ngữ của bạn không muốn lặp lại hoặc không thường dùng cách đó, bạn có thể dịch câu này thế nào đó có thể giống như trong CĐN của PKTCCN. Bạn cũng có thể đổi thành câu nói

trực tiếp, như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

14:27c

và xác nhận rằng Ngài đã mở cửa đức tin cho các dân tộc ngoại quốc: Đây là cách nói ẩn dụ, có nghĩa là Đức Chúa Trời đã khiến cho nhiều người không phải gốc Do Thái trở thành tín hữu. Trước khi hai sứ đồ đến các nơi đó, những người ngoại quốc này chưa được nghe sứ điệp Tin Lành. Khi họ nghe Phao-lô và Ba-na-ba giảng cho họ về Chúa Giê-su, trong số những người nghe có rất nhiều người tin nhận Ngài. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể bỏ cách nói ẩn dụ *đã mở cửa đức tin* và chỉ cần dịch theo ý. Bạn cũng có thể đổi phần này thành lời nói trực tiếp như câu thứ hai trong CĐN của PKTCCN.

Trong bản dịch của bạn, có thể bạn cần bắt đầu một câu mới, lặp lại động từ “Họ nói [các tín hữu khác] thế nào Đức Chúa Trời...”

14:28

Họ cứ ở lại đây với các môn đệ Chúa một thời gian khá lâu: Bạn có thể dịch nhóm từ *một thời gian khá lâu* là “năm bảy tháng” hay “nhiều tháng.” Có lẽ Bác Sĩ Lu-ca so sánh “một thời gian khá lâu” ở đây với những thời gian ngắn mà hai sứ đồ đã ở tại những nơi hai người đã đến trong chuyến đi công tác của họ. Không có thể là hai người đã ở tại An-ti-ốt lâu đến gần một năm.

- 14:26b** **để thực hiện các công tác vừa mới làm xong.**
Phao-lô và Ba-na-ba đã làm công việc đó [trong nhiều tháng và sau khi hoàn tất công việc, họ trở lại với những tín hữu trước đây đã phái họ đi].
-HAY-
Phao-lô và Ba-na-ba [đã đi đến nhiều thành phố rất xa xôi. Họ] đã giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời [về Chúa Giê-su cho những người ngoại quốc, và sau khi xong công việc, họ trở lại chỗ bắt đầu].
- 14:27a** **Về đến nơi, họ triệu tập hội thánh,**
Khi về đến An-ti-ốt, họ yêu cầu các tín hữu nhóm lại [để hai người có thể báo cáo].
-HAY-
Khi Phao-lô và Ba-na-ba về đến An-ti-ốt, họ bảo [một vài tín hữu]: “[Xin tất cả các anh em] [vui lòng] nhóm lại với nhau [để chúng tôi có thể trình bày những gì chúng tôi đã làm].”
- 14:27b** **báo cáo mọi việc Đức Chúa Trời đã cùng làm với mình**
Phao-lô và Ba-na-ba kể lại [cho họ] tất cả những gì Đức Chúa Trời đã giúp đỡ họ thực hiện [trong khi họ giảng sứ điệp về Chúa Giê-su cho những người ngoại quốc].
-HAY-
Phao-lô và Ba-na-ba bảo [họ]: “Đức Chúa Trời đã giúp chúng tôi rất nhiều [trong khi chúng tôi giảng sứ điệp về Chúa Giê-su cho nhiều người ngoại quốc].”
- 14:27c** **và xác nhận rằng Ngài đã mở cửa đức tin cho các dân tộc ngoại quốc.**
[Đặc biệt là hai sứ đồ bảo họ rằng Đức Chúa Trời] đã cảm động [nhiều người] ngoại quốc tin [Chúa Giê-su].
-HAY-
[Phao-lô và Ba-na-ba cũng nói:] “Những người ngoại quốc đó chưa bao giờ nghe [sứ điệp của Đức Chúa Trời], nhưng [khi chúng tôi nói cho họ về Chúa Giê-su,] Đức Chúa Trời đã giúp nhiều người trong họ tin [Ngài].”
- 14:28** **Họ cứ ở lại đây với các môn đệ Chúa một thời gian khá lâu.**
Sau đó Phao-lô và Ba-na-ba ở lại An-ti-ốt cùng với những tín hữu [khác] trong nhiều tháng.